



**ĐẠI  
BÁT  
NIẾT  
BÀN  
KINH**

**(DIỄN NGHĨA)**

**PHẦN I  
(QUYỂN 2)**

**Nguyên tác : Cố Đại Lão Hòa Thượng  
THÍCH TRÍ TỊNH  
Chuyển thể Thi văn Kệ tụng:  
CƯ SĨ THANH LAM**







**ĐỨC BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT**



# GIỚI THIỆU BỘ KINH



Bộ Kinh **ĐẠI BÁT NIẾT BÀN** này do Cư sĩ Thanh Lam chuyển thể bằng lối văn kệ tụng dựa trên nguyên tác của **Cố Đại Lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh** biên soạn, gồm 29 phẩm :

1. Phẩm Tự .
2. Phẩm Thuần Đà .
3. Phẩm Ai Thán .
4. Phẩm Trường Thọ .
5. Phẩm Kim Cang Thân .
6. Phẩm Danh Tự Công Đức .
7. Phẩm Tứ Tướng .
8. Phẩm Tứ Y .
9. Phẩm Tà Chánh .
10. Phẩm Tứ Đế .
11. Phẩm Tứ Đảo .
12. Phẩm Như Lai Tính .
13. Phẩm Văn Tự .
14. Phẩm Điểu Dụ .
15. Phẩm Nguyệt Dụ .
16. Phẩm Bồ Tát .
17. Phẩm Đại Chúng Sở Vấn .
18. Phẩm Hiện Bệnh .
19. Phẩm Thánh Hạnh .
20. Phẩm Phạm Hạnh .
21. Phẩm Anh Nhi Hạnh .
22. Phẩm Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ Tát .
23. Phẩm Sư Tử Hống Bồ Tát .
24. Phẩm Ca-Diếp Bồ Tát .

25. Phẩm Kiều Trần Như .
26. Phẩm Di Giáo .
27. Phẩm Ứng Tận Hườn Nguyên.
28. Phẩm Trà Tỳ .
29. Phẩm Cúng Đường Xá Lợi .

Được chia làm 2 Phần :

### **PHẦN I** : gồm 3 quyển.

- **Quyển 1**, gồm 12 Phẩm : Từ Phẩm “**TỰ**” thứ nhất đến Phẩm “**NHƯ LAI TÁNH**” thứ 12.
- **Quyển 2**, gồm 07 Phẩm : Từ Phẩm “**VĂN TỰ**” thứ 13 đến Phẩm “**THÁNH HẠNH**” thứ 19.
- **Quyển 3**, gồm 02 Phẩm : Phẩm “**PHẠM HẠNH**” thứ 20 và Phẩm “**ANH NHI HẠNH**” thứ 21.

### **PHẦN II** : gồm có,

- . Phẩm **Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ Tát** , thứ 22.
- . Phẩm **Sư Tử Hống Bồ Tát** , thứ 23 .
- . Phẩm **Ca-Diếp Bồ Tát** , thứ 24 .
- . Phẩm **Kiều Trần Như**, thứ 25 .
- . Phẩm **Di Giáo**, thứ 26 .
- . Phẩm **Ứng Tận Hườn Nguyên** , thứ 27.
- . Phẩm **Trà Tỳ** , thứ 28 .
- . Phẩm **Cúng Đường Xá Lợi** , thứ 29 .



## MỤC LỤC (Q.2)

|   |            |
|---|------------|
| Lời tựa                                     | 01         |
| Sơ lược về Tiểu sử Đức Phật Thích Ca Mâu Ni | 05         |
| Lịch sử Xá Lợi của Đức Phật Thích Ca        | 15         |
| Nghi thức sám hối                           | 33         |
| Nghi thức trì tụng                          | 45         |
| <br>  |            |
| <b>Phẩm Văn Tự</b> , thứ 13                 | <b>51</b>  |
| <b>Phẩm Điều Dụ</b> , thứ 14                | <b>75</b>  |
| <b>Phẩm Nguyệt Dụ</b> , thứ 15              | <b>99</b>  |
| <b>Phẩm Bồ Tát</b> , thứ 16                 | <b>119</b> |
| <b>Phẩm Đại Chúng Sở Vấn</b> , thứ 17       | <b>193</b> |
| <b>Phẩm Hiện Bệnh</b> , thứ 18              | <b>251</b> |
| <b>Phẩm Thánh Hạnh</b> , thứ 19             | <b>297</b> |
| <br>  |            |
| Tán Thán Xá-Lợi Phật                        | 525        |
| Bát Nhã Tâm Kinh                            | 529        |
| Nguyện Vãng Sanh (Chú Vãng Sanh)            | 532        |
| Phục Nguyện                                 | 534        |
| Hồi Hương                                   | 537        |
| Tam Quy Y                                   | 539        |
| Thích Nghĩa                                 | 541        |





## LỜI TỰA



### Kỷ Niệm Đại Lễ

## Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Thường Trụ Đại Niết Bàn

*(Ngày 15 tháng 02 âm lịch, theo Phật Giáo Bắc truyền)*

- **Nam Mô Thập Phương Tam Thế Phật Bảo.**
- **Nam Mô Thập Phương Tam Thế Pháp Bảo.**
- **Nam Mô Thập Phương Tam Thế Tăng Bảo.**
- **Nam Mô Ta Bà Giáo Chủ Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật .**

**N**hân ngày Đại Lễ trọng thể **Phật Đản** 2558 năm Phật-Lịch và kỷ niệm ngày **Đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật Thường Trụ Đại Niết Bàn**. Khắp toàn thế giới nhân loại đang hướng về chân thân **Đức Phật**. Bằng tất cả tâm lòng ưng cúng, nguyện tin đặt trọn vào **Phật Pháp** siêu việt mà **Đức Từ Phụ**

**Bổn Sư** đã hoằng hóa độ sanh trải qua hơn 25 thế kỷ.

Tại đây, chúng con xin mạn phép thiết lập lễ đàn trong phạm vi gia đình Phật tử còn nhiều thiếu sót. Nhưng với tấm lòng chân thành tưởng nhớ công ân sâu dày khôn tả của **Đức Từ Phụ Bổn Sư** đã vì chúng sinh nhân loại giáng sinh cõi Ta bà ác trược, tùy duyên hóa độ chúng sanh từ lúc **Thành đạo** đến khi **viên mãn thế duyên, xả thụ tịch diệt** trong suốt 45 năm tại thế để cứu độ hàm linh thoát cảnh vô minh tăm tối.

Ngọn đuốc từ bi mãi thấp sáng trong lòng người đến nay chưa hề vụt tắt.

Chúng con kính dâng **Đức Từ Phụ** bao đóa hoa xinh, thơm tỏa bằng cả tâm lòng **Thường, Lạc, Ngã, Tịnh**. Những nén hương nguyên lan tỏa thấu tận mười phương **Pháp giới Chư Phật** chứng minh cho những Phật Tử đã giác ngộ hoặc còn lự thụt trong cảnh đời ô trược nhưng tâm lòng vẫn hằng tâm niệm sẽ có một ngày vượt qua mọi chướng nghiệp còn ràng buộc trong tâm thức bấy lâu nay.

Ngưỡng cầu **Đức Từ Phụ Bốn Sư** nhủ lòng lân mẫn Đại Từ, Đại Bi, Đại Hỷ, Đại Xả hộ trì cho hàng Phật tử chúng con tiêu tai ách nạn, phiền não đoạn diệt, tinh tấn tu hành trong thời Mạt pháp vượt qua mọi chướng ngại sớm được **Đức Phật** khai ngộ chân tánh dắt dìu đến bờ an lạc giải thoát.

Nhân ngày **Đại lễ kỷ niệm Đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật Thường Trụ Đại Niết Bàn**, chúng con kính dâng lên **Đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni Phật, Quyển Kinh Đại Bát Niết Bàn** do **Đức Phật Thích Ca** tuyên thuyết, hôm nay được chuyển thể bằng lối văn kệ tụng dựa trên nguyên tác của **Cố Đại Lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh** biên soạn, nhằm đa dạng hóa nền văn hóa **Phật Giáo**, đồng thời góp một phần nhỏ vào công việc trùng hưng **Phật giáo Việt Nam** rộng ra thế giới. Cầu **Phật Từ** gia hộ chứng minh những ai thọ trì nghe thấy tin tưởng đều được lợi ích viên mãn, cứu cánh giải thoát.

Chúng con đồng cầu nguyện Phật Pháp được trường tồn vĩnh cửu. **Chư Phật** mười phương ban bố

pháp mầu thắm nhuần cả cõi Ta bà. Nhân loại trên quả địa cầu người người đều được nẩy nở hạt giống Từ Bi của **Chư Phật**.

Đồng cầu nguyện đất nước **Việt Nam** thanh bình cọng lạc, thế giới năm châu giảm bớt thiên tai, chiến tranh, bệnh tật. Nhân loại sống trong niềm vui hạnh phúc an lạc.

Đồng cầu nguyện âm siêu dương thới, Chư Hương Linh Cửu Huyền Thất Tổ, ông bà, cha mẹ, lục thân quyến thuộc trong nhiều đời kiếp, hoặc hiện kiếp của chúng con đã quá vãng cùng tất cả chư hương linh trong mười phương, sớm vãng sanh vầy miền **Phật Quốc**.

Kính mong **Đức Từ Phụ Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật** chứng minh gia hộ, tất cả **Phật Tử** chúng con đồng cúi lạy.



# SƠ LƯỢC VỀ TIỂU SỬ ĐỨC PHẬT THÍCH CA MÂU NI



**Đ**ức Phật Thích Ca Mâu Ni là Thủy Tổ khai sáng **Đạo Phật**: Ngài là vị Giáo Chủ trong cõi Ta bà ngũ trược ác thế này, lại làm Thầy ba cõi, làm Cha bốn loài trong hoàn cầu năm châu thế giới.

Sinh thời **Ngài** là một vị Thái tử con của Vua **Tịnh Phạn** thuộc dòng **Thích Già**. Họ của **Ngài** là **Kiều Đáp Ma** xưa dịch **Cô Đàm**, nay gọi **Gô Ta Ma**, tại nước **Ca Tỳ La Vệ** thuộc về miền **Trung Ấn Độ**, trước kêu là **Trung Thiên Trúc**, nay là nước **Nê Pal**, một nước nằm ở ven sườn núi **Hy Mã Lạp Sơn**, một ngọn núi cao nhất thế giới hiện nay.

Mẹ **Ngài** tên là **Ma Da Hoàng Hậu** cũng là một người thuộc dòng **Sát Đế Lợi** đã mấy mươi đời nối nghiệp làm vua trị vì đất nước.

Vua **Tịnh Phạn** cùng bà **Ma Da Hoàng Hậu** đều là bậc đã nhiều kiếp tu hành có công đức sâu dày xứng đáng làm cha mẹ muôn dân.

Thái tử giáng sinh nhằm ngày mừng tám tháng tư năm Giáp Dần nhằm năm thứ 24 đời Chiêu Vương nhà Châu bên Tàu. Tức là **Ngài** sanh trước Tây Lịch 546 năm. Đây là biện chứng chắc thiết mà trong quyển *Chứng Thánh Điển Ký* có nói rằng:

“Giáo Pháp của Phật thuyết trong 49 năm; chia làm ba Tạng, Ngài **A Nan** kết tập thủ trì Tạng **Kinh**; Ngài **Ưu Ba Ly** kết tập thủ trì Tạng **Luật**; Ngài **Ma Ha Ca Diếp** thủ trì Tạng **Luận**. Sau khi **Phật** diệt độ cách 3 tháng sau thì Ngài **Ma Ha Ca Diếp** mới triệu nhóm chúng hội thiết lập Đạo Tràng chiêu tập Đại Hội lần thứ nhất để kết tập **Tam Tạng Kinh Điển** làm căn bản hầu lưu truyền đời sau để khỏi thất lạc, sai lầm Thánh Giáo của **Đức Thế Tôn** đã ân cần dặn dò phó chúc. Đại Hội nhằm ngày rằm tháng 7 là ngày Tự Tứ của Chư Tăng câu hội.

Cách nay độ khoảng 60 năm có nhà khoa học người Anh ở Ấn Độ có đào được một trụ đá ghi khắc năm **Đức Phật** giáng sanh của Vua **A Dục**,

một vị vua sùng đạo và có công lớn ghi lại lịch sử cuộc đời **Đức Phật** như vậy:

Một hôm, *Hoàng Hậu Ma Da* nửa đêm nằm mộng thấy con voi trắng sáu ngà từ trên hư không xuống; lấy ngà khai hông bên hữu của Bà mà chun vào bụng từ đó bà thọ thai. Khi gần sanh, bà về quê nhà, đi tới vườn **Lâm Tỳ Ni** cách thành **Ca Tỳ La Vệ** 15 cây số, *Ma Da Hoàng Hậu* nhón díp ghé vào vườn hoa để ngoạn cảnh, thấy cây Ưu Đàm bông mới nở đẹp lại thơm, bà vừa đưa tay định hái bông thì *Thái Tử* xuất hiện tại đây. Khi rước về Hoàng Cung có thầy Tu Sĩ, tên là **A Si Ta** xem tướng rồi tán thán và ngợi khen hết mực: “*Thái Tử* là một đấng siêu nhân xuất thế đầy đủ 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp. Nếu ở thế trị vì thiên hạ là bậc **Chuyển Luân Thánh Vương** phước cho nhân loại, còn nếu xuất gia sẽ là một vị **Phật Toàn Giác** cứu độ bốn loài”.

Vua cha đặt tên là **Sĩ Đạt Ta**, Tàu dịch “**Tất Đạt Đa**”, theo tiếng Phạn có nghĩa là: “Mọi nguyện vọng đều được thành tựu như ý”.

Sau khi sanh *Thái Tử* đặng bảy ngày thì *Hoàng Hậu Ma Da* qui thiên năm 48 tuổi.

Vua cha giao *Thái Tử* cho bà Thứ Phi cũng là em ruột của *Hoàng Hậu Ma Da*, tên là **Ma Ha Ba Xà Ba Đề** dưỡng nuôi. Năm *Thái Tử* lên 6 tuổi có ông thầy tên **Bạc Đà Ma Ni** đến dạy học văn, được 7 tuổi thì học võ với thầy tên là **Săng Đề Đề Bà**.

Chẳng bao lâu *Thái Tử* văn võ toàn tài, trong triều trên dưới đều lấy làm kinh ngạc. Từ đây vua cha mới biết *Thái Tử* là một đấng siêu phàm, khi lên 16 tuổi vua cha cưới vợ cho **Ngài** là công chúa của nước láng giềng tên là **Gia Du Đà La**, ba năm sau sanh được một trai đặt tên là **La Hầu La**. Sau khi dạo bốn cửa thành trở về lòng *Thái Tử* ngày đêm luôn ủ dột thương xót sanh linh chịu nhiều thống khổ của sự Sanh, Già, Bệnh, Tử chi phối nên **Ngài** quyết chí tầm đạo để cứu lấy nhân loại. Nửa đêm mùng 8 tháng 2, *Thái Tử* lìa bỏ cung son, cha già, vợ đẹp, con cưng, dấn thân vào con đường gian khổ mong tâm được đạo quả giải thoát bản thân mình và bốn loại Chúng sanh. Khi đó, *Thái Tử* cũng vừa được 19 tuổi. Ròng rã gần 5 năm học đạo đủ các thầy ngoại đạo tại non Tuyết lãnh **Kỳ Xà Quật** rồi lại tu khổ hạnh 6 năm. Thời gian *Thái Tử* xuất



gia tâm đạo đúng 11 năm, vào ngày mùng 8 tháng 12 năm Quý Mùi **Ngài** đắc Đạo Quả, đúng 30 tuổi.

Tại non Tuyết lãnh **Ngài** tu khổ hạnh sáu năm về Pháp môn **Tịnh Tọa** vẫn chưa tìm được lý đạo và sanh tử do nguyên nhân từ đâu. Thân thể **Đức Ngài** càng ngày càng hao gầy.

Một hôm, **Ngài** kiệt sức ngất xỉu giữa chốn rừng sâu, khi tỉnh lại **Ngài** suy gẫm quán xét biết rằng dầu khổ hạnh đến đâu đi nữa cũng là hành thân hoại thể mà thôi; Chớ không thể tỏ ngộ giải thoát được. Một bữa kia *Thái Tử* xuống sông **Ni Liên** trút bỏ mọi bụi bấn từ bấy lâu bám vào thân thể của **Ngài**, liền đó thân tâm được vui khỏe, có người con gái chăn dê đem sữa dâng cho **Ngài**, bắt đầu từ đó **Ngài** ăn uống trở lại bình thường.

Bấy giờ, **Ngài** đến gốc cây **Tất Bác La** gọi là cây Bồ Đề, **Ngài** phát tâm đại thệ rằng: “*Ta quyết định ngồi đây dầu tan xương nát thịt Đạo chưa thành Ta chẳng đứng lên*”. **Ngài** ngồi Thiền định siêng suốt 49 ngày không lay động thân tâm, chứng thành **Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác** hiệu là **Thích Ca Mâu Ni Như Lai, Ứng Cúng, Chánh**

***Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.***

**Thích Ca** nghĩa là **Năng Nhơn**, **Năng** là năng lực; **Nhơn** là Từ Bi; **Mâu Ni** nghĩa là **Tịch Mặc**; **Tịch**: là yên lặng không bị hoàn cảnh khổ làm động tâm vẫn như như bất động; **Mặc**: là lặng lẽ tỏ chiếu không bị phiền não khuấy rối. **Thích Ca Mâu Ni** có nghĩa là người có năng lực siêng làm hạnh nín nhịn, yên lặng, thanh tịnh và trong sạch, không nhiễm ô trần thế, không vọng tưởng điên đảo và phiền não mê lầm, các Pháp được giác ngộ hoàn toàn **Chân Thiện Mỹ**.

Chỗ **Ngài** ngồi tu đặc đạo gọi là **Bồ Đề Đạo** Tràng hay gọi là **Kim Cang Tọa** và cây **Bồ Đề** còn gọi là **Bồ Đề Bảo Thọ** nghĩa là chỗ **Bồ Tát** ngồi tu đặc đạo thành **Phật** .

Sau đó **Ngài** ngồi tịnh định thêm 21 ngày để thuyết **Kinh Hoa Nghiêm** cho các vị **Bồ Tát** đồng nghe.

Ba lần **Chuyển Pháp Luân** nói Pháp **Tứ Diệu Đế** tại vườn **Lộc Giả**, thuyết Pháp trong 49 năm

hơn 300 hội phân ra làm Ba Thừa Năm Giáo độ Chúng sanh đủ các phương tiện nào: Quyền, Thật, Đốn, Tiệm ... rất ráo viên mãn.

**Đức Phật** tịch diệt tại rừng **Ta La Song Thọ** gần sông **Ni Liên** nhằm ngày rằm tháng 2, **Đức Phật** lên tảng đá nằm nghiêng, đầu day về hướng Bắc, mặt trông về Tây Thiên nhằm năm Nhâm Thân thứ 52 đời Mục Vương nhà Châu, trụ thế 80 năm.

Sau khi **Đức Phật** nhập diệt, lễ **Trà Tỳ** cũng khác hẳn người đời và **Xá-Lợi** được phụng thờ lưu truyền mãi mãi cho đến ngày nay.

Vì vậy, tinh thần và giáo lý của **Đức Phật** chẳng phải bi quan và yếm thế, mà thật là một phương pháp để cứu đời.

Vì sao? Vì đó là đại sự nhân duyên nên **Phật** mới xuất thế, mục đích cứu khổ ban vui cho muôn loài vạn vật; vì Chúng sanh đau khổ, **Phật** mới thị hiện ra đời chớ không phải **Phật** vì **Phật** mà giáng thế.

**Đức Phật** ra đời là để Khai Thị cho Chúng sanh ngộ nhập **Tri Kiến Phật** hầu đặng giải thoát cho Chúng sanh khỏi khổ não và an vui.

Bất luận Tôn Giáo nào vị Giáo Chủ đó bao giờ cũng là một tấm gương sáng cho tín đồ Phật tử soi chung để tiến bước trên con đường đạo đức và tự thất đuốc mà đi. Nhưng các vị Giáo Chủ của các Tôn Giáo hiện có trên thế giới này, không có một vị nào có đầy đủ ý nghĩa cao đẹp, chơn lý rỏ ráo, một đời sống sâu xa hơn **Đức Phật Thích Ca** của chúng ta. Mỗi hành động, mỗi cử chỉ, mỗi lời nói cho đến mỗi việc, mỗi sự đều yên lặng thanh tịnh và trong sạch, công hạnh đức độ của **Đức Phật** đều là những bài học quý báu cho các hàng Phật tử chúng ta noi theo.

Nếu chúng ta học qua giáo lý của **Đức Phật** tôn thờ ngưỡng mộ **Đạo** của **Ngài** mà không thấu hiểu rõ đời sống của **Ngài** thì sự tu học của chúng ta thật còn nhiều thiếu sót.

Vì đời sống lại là những biểu hiện tượng trưng giáo lý của **Đức Phật**; Vậy chúng ta phải tìm hiểu ý nghĩa thâm thúy của đời sống ấy có đầy đủ đức

tánh **Đại Hùng, Đại Lực, Đại Từ Bi, Đại Hỷ, Đại Xả** chăng ?

Tóm lại, nếu chúng ta là người tu học biết kính tin **Phật** để theo làm Phật tử của **Đức Phật** thì chúng ta phải hết lòng noi gương **Đức Thích Ca Từ Phụ**. Dẫu rằng chúng ta không được bằng **Phật** đi nữa chúng ta cũng phải giúp đời hộ đạo. Làm những điều lợi ích cho đồng bào nhân loại những việc từ thiện hay ban vui cứu khổ nhân sanh vạn vật. Nếu được như vậy mới khởi phụ lòng bốn nguyện của một vị cứu tinh khai sáng đạo **Phật** vậy.

Khi **Đức Phật** giáng sanh xuất thế cũng hiện thân ở cõi Ta Bà này, chịu đựng biết bao nỗi khổ gian lao trong một kiếp sống như mọi người chúng ta. Khi **Đức Phật** còn tại gia cũng ở trong một địa vị diễm phúc cao sang quý nhứt hơn tất cả người đời, ấy thế mà **Đức Phật** không màng tưởng đến, **Đức Phật** vẫn không chịu ở yên trong địa vị cao sang phú quý ấy lại vất vả ruổi rong trên mọi nẻo đường bụi bặm, chông gai hiểm hố, gian nan nguy hiểm, bùn lầy để đi tìm ra chân lý dẫn dắt quần sanh, nâng đỡ chúng ta hầu cứu độ muôn loài thoát

khỏi sông mê trầm nịch tự bao đời, mục tiêu là đến bến bờ an lạc chân hạnh phúc, đạt quả vị **Niết Bàn**, Tây Phương tự tại vui hưởng đời đời, kiếp kiếp bất sinh bất diệt.

Lòng Từ Bi của **Chư Phật** thật vô lượng, vô biên, vô cùng tận, ân đức của **Chư Phật** bao la vị tha không ngần mé, tính kể khôn cùng, nói ra không xiết. Là Phật tử của Phật giáo đồ, chúng ta cùng toàn thể mọi người nên lấy đó làm khuôn vàng thước ngọc, thành tâm kính cẩn tôn thờ sùng bái, thực hành trọn vẹn theo giáo điều của **Phật giáo** dạy trong đời sống thường nhật, đó là quý trọng công ơn của **Đức Phật** trong muôn một vậy.

● **Nam mô Bốn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật.**



## LỊCH SỬ XÁ-LỢI CỦA ĐỨC PHẬT THÍCH CA



**N**gọc Xá Lợi là một Thánh tích vô giá của **Phật Tổ Thích Ca**, do phái đoàn **Phật Giáo Tích Lan** đưa qua **Nhứt Bồn** để hiến cho hàng Phật tử xứ ấy, trong dịp Đại **Hội Nghị Phật Giáo** hoàn cầu kỳ nhì tại **Đông Kinh 1952**, được cung nghinh lên kinh đô xứ **Việt Nam**, một cách vô cùng trọng thể và được tôn trí trọn cả một ngày đêm, cho công chúng chiêm bái cúng dường.

Chúng ta nên ghi nhớ rằng, trong ngàn năm muôn kiếp, ngày cung nghinh **Xá Lợi** vừa rồi, là ngày duy nhứt trong đời tu **Phật** của chúng ta: ngày ấy là ngày 25 tháng 7 năm Nhâm Thìn, nhằm ngày 13/09/1952. Kể lại, từ khi **Đức Thế Tôn** nhập diệt đến ngày chúng ta gặp duyên may đánh lễ **Xá Lợi**, thời gian đã trôi chảy được 2496 năm, 4 tháng mười ngày.

Thấy rằng, mặc dù sanh vào thời kỳ vô cùng xa cách với niên đại nói trên, chúng ta vẫn còn

duyên lành với **Phật Tổ Như Lai**; vì chúng ta không mong mà tình cờ lại được đánh lễ **Ngọc Xá Lợi**, đem tất cả lòng nhiệt thành sùng tín, hoài niệm tưởng nhớ đến ân đức của đấng trọn lành, đã tận tụy hy sinh từ vô lượng kiếp, quyết chí tìm phương cứu vớt sanh linh ra khỏi vòng đau khổ.

Trong kiếp chót, khi đạt được mục đích cao cả rồi, vị *Chánh Đẳng Chánh Giác*, ngày đi đêm nghỉ, châu du từ thành này sang xứ nọ, trọn 49 năm trường, hướng dẫn tín đồ trên đường giác ngộ. Vì quá thương xót Chúng sanh đương bị chơi vơi trong biển khổ, mà Ngài hy sinh, mệt nghỉ, khỏe đi, đi hoài, cho đến mòn hơi, kiệt lực; giữa đường thọ bệnh nan y.

**Đấng Cứu Thế**, đã vì nhân loại, với cái tuổi 80, với bao nhiêu sự cam go hiểm trở trên những con đường gồ ghề băng xuyên giữa rừng núi, dưới những đám mưa phùn tuyết đổ; mà Ngài vẫn nhẫn nại làm tròn phận sự cho đến giờ phút kiệt quệ, phải vĩnh biệt thế gian.

Trên đời này còn ai hy sinh trong sự mưu cầu hạnh phúc cho nhơn loại hơn **Phật Tổ Thích Ca** ?

Cao cả thay! Cuộc đời sáng lạng của Đấng Hiền Triết duy nhất của thế gian. Cao quý thay!



Ân đức từ bi rộng lớn của bậc siêu nhân hi hữu của cõi Á Châu!

Chúng tôi, là kẻ đã thọ ân sâu dày của **Ngài**, nhờ giáo pháp của **Ngài** để lại, biết cải ác tùng thiện, theo dõi con đường vạch sẵn của **Ngài**, xin đem tất cả tấm lòng trong sạch, cúi đầu tôn kính **Ngài**.

Chẳng biết lời nào để tán dương ân đức của **Ngài**, chúng tôi, nhân dịp này, xin mượn lời của **Đức Trời Đế Thích** để chiêm bái **Ngài**:

**“Namo Tassa Bhagavato Arahato Samma Sambuddhassa”**.

...Nhân đây, tôi xin lược thuật một đoạn trong kinh **“Đại Niết Bàn”** để cống hiến cho quý ông, quý bà đôi chút tài liệu về sử tích **Xá Lợi** ...

Ngày kia **Đức Thế Tôn** cùng chư Thánh Văn đến xứ **Pāva**, vì trời tối nên tạm ngụ trong vườn xoài của con một người thợ bạc tên là **Cunda**.

Khi hay tin có **Phật** ngụ trong vườn mình, chàng **Cunda** đến yết kiến **Phật**. Nhân dịp ấy, **Đức Thế Tôn** giảng giải cho chàng hiểu thấu nghiệp quả và khuyến dạy lánh dữ làm lành.

Sáng ngày, **Cunda** thỉnh **Phật** và Chư Tăng đến nhà thọ thực.

Bữa cơm này là bữa cơm cuối cùng. Thân già, đi bộ rờng rã xứ này qua xứ nọ, tránh sao cho khỏi lao thân, mệt xác, nên khi thọ thực xong **Ngài** thấy trong mình phát sanh bệnh kiết lị. **Ngài** gắng gượng lên đường qua xứ **Kusināra**. Giữa đường, bệnh càng nặng **Ngài** tạm nghỉ dưới cội cây, bảo ông **Ananda** đi kiếm nước cho **Ngài** dùng đỡ khát. Ông **Ananda** đi rồi trở lại bạch rằng: “*Bạch Đức Thế Tôn, dưới suối nước rất ít, lại thêm vừa có năm trăm cỗ xe thương mãi đi qua làm cho nước nổi cạn bùn không thể uống được*”.

*Như Lai khát nhiều (không thể chờ đợi) Ananda cứ đi múc đi cho Như Lai dùng.*

Ông **Ananda** trở lại làn suối, thì thấy nước trong, bèn lấy nước dâng lên. Đỡ khát rồi, **Đức Thế Tôn** gắng gượng lên đường, đến chiều tối tới xứ **Kusināra**. Thấy trò vào tạm nghỉ trong rừng **Sala**.

**Đức Thế Tôn** kêu ông **Ananda** nói rằng: *Này Ananda ! Như Lai đã mệt lắm rồi, vậy người mau trái y giữa hai cây đại thọ này cho Như Lai an nghỉ và nội đêm nay Như Lai sẽ nhập diệt tại đây.*

Vậy người kíp vào hoàng thành báo cho Vua và hoàng tộc cùng bá quan đương hội yến đông vây. Ông **Ananda** xin vào châu vua **Malla** và tâu rằng: “Bần tăng vâng lệnh **Đức Thế Tôn** đến báo tin cho Bệ hạ rõ rằng **Ngài** vừa ngự đến rừng **Sala**, và sẽ nhập **Niết Bàn** tại đó, nội đêm nay vào canh chót”.

Khi nghe được tin ấy Vua và triều thần đồng cảm xúc: **Phật Thích Ca** là dòng vua, sang cả, mà vì tình thương xót chúng ta, băng rừng lướt bụi chẳng nài lao khổ, cam chịu bỏ xác giữa rừng thật đáng cho chúng ta lễ bái cúng dường. Vua **Malla** và triều thần đồng nhau đến rừng **Sala** xin đến yết kiến **Đức Thế Tôn**. **Đức Phật** dùng kim ngôn mỹ từ khuyên nhủ vua **Malla** và bá quan trên đường tu tập, lấy đạo đức cùng lòng từ bi mà dìu dắt dân chúng đến nơi an vui hạnh phúc.

Cả vua chúa và triều thần vắng lặng nghe Pháp đến cuối canh đầu mới lui gót ra về với một tấm lòng cảm mến và thương tiếc.

Tối phiên một vị đạo sĩ tên **Subbadda** vào đảnh lễ và vấn an **Đức Phật**, rồi xin hỏi Đạo. **Đức Phật** vui lòng nhận lời, mặc dầu là **Ngài** đã mệt gần đuối sức.

-“**Bạch Đức Thế Tôn:** Ngoài giáo pháp của **Đức Thế Tôn** còn có **Lục Sư** ngoại đạo rất đông tin đồ, và họ tự cho họ là bậc cao thượng; chẳng hay các **Lục Sư** ấy cao thượng đến bậc nào?”.

-“**Subhadda** này ! Điều ấy chẳng nên tìm hiểu làm chi. Nếu người muốn biết đạo của **Như Lai** như thế nào? **Như Lai** sẵn lòng giải thích cho người nghe” ...

**Subhadda** vâng lời cung kính nghe **Phật** thuyết: “**Subhadda** này! Đạo là con đường có tám chi, rất quý báu, đưa người đến nơi tận diệt phiền não. Trong Tôn giáo nào không có con đường tám chi ấy, thì **Sa môn** thứ nhất, thứ nhì, thứ ba, thứ tư (đây chỉ về hàng tứ thánh) chẳng có trong tôn giáo ấy. **Subhadda** này! Nếu có người thực hành đúng theo giáo pháp của **Như Lai**, thì trong cõi đời này, vẫn còn có bậc **A la hán**” ...

Ông **Subhadda** nghe được Pháp, xin xuất gia đầu **Phật** liền khi ấy, và nhờ **Đức Phật** khai sáng cho, lại thêm duyên lành sẵn có, nên hành thiền trong giây lát đắc đạo quả **A La Hán**. Đây là đệ tử chót của **Phật**, có tên là **Pachimasāva**, nghĩa là người gặp **Đức Phật** sau chót hết.

**Đức Thế Tôn** kêu các thầy *Tỳ khưu* lại gần hỏi rằng: “*Các đệ tử có điều nào còn nghi ngờ trong **Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo**, trong đạo quả, hoặc trong sự hành đạo, các thầy cứ hỏi đi!*”. **Đức Thế Tôn** hỏi đến ba lượt, mà các thầy vẫn làm thinh, tỏ ý không nghi ngờ điều chi, bởi trong năm trăm vị **Thinh Văn** theo hầu **Phật**, những vị có đặc ân nhỏ hơn hết là bậc đã đắc đạo quả *Tu Đà Hườn*, các Ngài toàn là Thánh Tăng cả thầy.

Hỏi rồi, **Đức Thế Tôn** dạy lời di giáo tối hậu:

*“Này chư vị **Tỳ khưu**! **Như Lai** xin nhắc lại các thầy nên ghi nhớ rằng: Các **Pháp hành**, có sanh phải có diệt. Các thầy nên tinh tấn tự tìm sự lợi ích cho mình, nhất là cố gắng thực hành, các **Pháp cao thượng** chẳng nên dễ duôi”*.

**Đức Thế Tôn** gom cả lời giáo huấn trong bốn mươi lăm năm vào một câu “*Là không nên dễ duôi*” để nhắc nhở các môn đệ đừng giải đãi trên đường tự tu, tự độ.

Từ đó trở đi **Đức Thế Tôn** không còn nói câu gì nữa. Lấy **Niết Bàn** làm đề mục, **Ngài** nhập định

trong các sắc thiên, hữu sắc, vô sắc và diệt, thọ, tưởng, định.

Lúc ấy có ông **Anuruddha** là bậc lâu thông thiên định, làm người báo nhập định theo dõi **Đức Thế Tôn**, rồi xả thiên cho các đạo hữu biết Tôn Sư mình được nhập định trong thiên nào, và sang qua thiên nào. Ông **Ananda** chực sẵn kể bên hỏi hoài: “*Bạch Sư Huynh, vậy chớ Đức Thế Tôn nhập diệt chưa?*” Đại Đức **Anuruddha** vào thiên, ra thiên từng chập để trả lời cho ông **Ananda**.

Trời vừa rạng đông, quả địa cầu rung động, báo điềm **Phật Tổ Thích Ca** đã nhập **Vô Lượng Thọ Niết Bàn** (*đêm 15-16 tháng tư năm Ty*).

Trời **Phạm Thiên Sharnpati** cất tiếng ngâm câu kệ động tâm như vậy: “**Đức Thế Tôn** là Đấng Trọn Lành, có đặc ân cao dày, tự ngộ đạo quả Vô Thượng Bồ Đề, mà thân **Ngài** cũng không tránh khỏi chi phối của luật vô thường sanh diệt”.

“*Hỡi ôi! Định luật thiên nhiên nó như thế ấy, thì tất cả Chúng sanh không sót giống nào, lần lượt nối tiếp nhau bỏ xác lại thế gian*”.

“Ta còn yêu mến chi cái kiếp phù sanh giả tạm này?”.

Trời **ĐẾ Thích** tiếp ngâm câu kệ động tâm như vậy: “*Ô hô! Các Pháp hành thật không bền vững, sanh rồi diệt, diệt rồi sanh. Chỉ có sự dập tắt pháp hành, thì danh sắc, ngũ uẩn mới không sanh ra được*”.

Đại Đức **Anurudda** và **Ananda** thay phiên nhau thuyết về Pháp động tâm, làm cho ai ai cũng chán nản các pháp hữu vi, là pháp sanh diệt, chia lìa, đau khổ triền miên. Ai ai cũng nguyện tinh tấn thật hành theo giáo pháp của **Đức Thế Tôn** truyền lại để mong có ngày ra khỏi vòng cương tỏa của luật vô thường, hầu siêu sanh về cõi an vui tuyệt đối là **Niết Bàn**.

Sáng ngày, Đại đức **Anuruddha** sai ông **Ananda** vào đền báo cho vua **Malla** hay tin **Đức Phật** đã nhập **Niết Bàn** rồi. Đến nơi thấy Vua và triều thần hội nhau bàn tán về ngày cuối cùng của vị *Chánh Đẳng Chánh Giác*, quên lo đến việc triều chánh. Khi hay tin **Phật** diệt độ cả Vua chúa quần thần đều chan hòa giọt lệ, mến tiếc và ca tụng ân đức của **Đấng Trọn Lành**.

Đức Vua liền hạ chiếu chỉ cho triều thần và các lớp dân chúng trong sứ **Kusināra**, đem bông hoa, nước thơm, và nhạc lễ đến rừng **Sālavana**, và dạy nội ngày ấy cất rạp cho rồi để thiết đại lễ cúng dường **Phật Tổ**.

Công việc tẩn liệm thi hài của **Đức Thế Tôn**, Vua làm y theo lời chỉ bảo của Đại Đức **Ananda**: lấy 1.000 cây lụa trắng bao bọc Thánh Thể, ướp đủ các thứ nước thơm, để vào Kim quan.

Toàn xứ **Kusināra** thiết lễ long trọng cúng dường **Đức Phật**; Cuộc lễ kéo dài đến 6 ngày đêm. Qua ngày thứ 7 là ngày Đức Vua định làm lễ hỏa táng. Đúng giờ phát hành, 8 vị lực sĩ của Vua, sắc phục chỉnh tề vào động quan, khiên Kim quan vào cửa hướng Bắc thành **Kusināra**, và sau khi đi cùng khắp thành phố, trở ra cửa hướng Đông, thẳng đến tháp **Makutabandhana Cetiya** là nơi làm lễ **Trà Tỳ** (*thiêu*).

Trong lúc ấy, từ không trung rơi xuống những bông **Mạn Thù** cùng khắp thành **Kusināra**, mùi thơm bát ngát. Dưới đất âm nhạc rền trời.



Khi thỉnh Kim quan để trên hỏa đài rồi, có 4 vị Quốc sư của Vua từ 4 hướng cung kính đem lửa mỗi châm vào 4 góc. Lửa không cháy. Vua **Malla** kinh sợ đến bạch hỏi Đại Đức **Anuruddha**. Ngài trả lời: “*Nên hưỡn lại một chút, chờ Đại Đức **Ma Ha Ca Diếp***”. Ngài **Ma Ha Ca Diếp** dẫn 500 đồ đệ đi ngay lại hỏa đài, khoác áo vai trái, chấp tay lễ bái, đi quanh Kim quan ba lượt, rồi cúi đầu lạy dưới chơn **Đức Thế Tôn**, 500 vị **Tỳ khưu** cũng tiếp làm theo y như thế.

Khi Đại Đức **Ma Ha Ca Diếp** và **Chư Tăng** làm lễ vừa xong thì lửa từ Kim quan bốc cháy rần rộ, chẳng bao lâu xong cuộc lễ **Trà Tỳ**.

Vua **Malla** đem nước thơm lại tưới trên hỏa đài, và thỉnh **Xá Lợi** về hoàng thành, thiết đại lễ cúng dường.

**Xá lợi** gồm có 7 miếng lớn thuộc về xương trán, xương vai và răng nhọn và những xương nhỏ bằng hạt đậu xanh, hạt gạo và hạt cải. Cả thảy được 16 cân.

Mặt khác, Vua **Malla** hạ lệnh cho tu bổ hào lũy chung quanh đền, tập dượt binh mã và canh phòng

nghiêm ngặt, để ngừa các nước lân bang đến chiếm đoạt **Xá Lợi**.

Hẳn thật như lời tiên đoán của Vua **Malla**, các nước kế cận lần lượt gửi binh mã và sứ thần đến xin chia **Xá Lợi**:

Cả thấy bảy đại diện của:

*1/ Vua Ajātasatru (A Xà Thế) xứ Magadha*

*2/ Vua Sakya (dòng Thích Ca)*

*3/ Vua Licchavi, xứ Vesali*

*4/ Vua Thūlīya, xứ Alakappa*

*5/ Vua Koliya, xứ Rāmagāma*

*6/ Vua Malla, xứ Pāvā*

*7/ Và vị Bà La Môn Mahābrahma, thủ lĩnh xứ Vedhadipaka.*

Bảy sứ thần đến yết kiến Vua **Malla** xứ **Kusinārā** bày tỏ rằng:

*“Chúng tôi hay tin Đức Thế Tôn đã nhập Niết Bàn trong xứ của Đại Vương; vì Đức Giáo Chủ Thích Ca là vị Pháp Vương cao thượng, chúng tôi đây cũng thuộc dòng cao thượng nên đến xin Đại Vương chia cho một phần Xá Lợi để đem về lập đền*

*thờ cúng, chiêm ngưỡng hằng ngày; mong Đại Vương nhận lời”.*

Bảy vị sứ thần bề ngoài tỏ ý khiêm tốn, nhưng đã cương quyết bố trí binh mã ngoài thành, chờ coi Vua **Malla** định đoạt thế nào.

Vua **Malla** nuốt định bác lời yêu cầu của các sứ thần nhưng các vị này cũng không nản chí, cứ nài nỉ xin chia mãi.

Về phần Vua **Malla**, trước sự nhẫn nại và cương quyết của các sứ thần, Ngài suy nghĩ: sức mình yếu kém, không đủ ngăn chống hùng binh. Vả lại, **Đức Thế Tôn** là bậc thông hiểu quá khứ, hiện tại, vị lai, mỗi hành vi của **Ngài** đều đem lại sự lợi ích lâu dài cho Chúng sanh. **Ngài** nhập **Niết Bàn** tại xứ ta, ban bố **Xá Lợi** cho ta, để lại hạnh phúc cho ta, nhưng **Xá Lợi** này cũng không bền vững lâu dài, và không bằng phụng hành giáo lý của **Phật** để lại, hầu tránh khỏi sự giết hại lẫn nhau.

... Khi ấy có vị Bà la môn tên **Dona**, là Quốc sư của Vua **Malla**, là bậc trí tuệ và nhiều kinh nghiệm xin đứng ra làm tài phán phân giải, đôi bên. Ông **Dona** nói rằng: *Thưa các Ngài! Chúng ta*

nên hiểu rằng **Đức Bốn Sư** chẳng phải là quyến thuộc của ta, chúng ta muốn có **Xá Lợi**, chẳng qua là chúng ta đã công nhận **Đức Thế Tôn** là một vị **Giáo Chủ**. Chúng ta có lòng ái mộ, muốn phụng thờ và thực hành theo Chánh giáo của **Ngài**. Nếu vì sự sùng bái **Ngài** mà khai chiến với nhau, là việc không phải lẽ, và làm mất sự thân thiện lẫn nhau. Vả lại, **Đức Thế Tôn** xưa kia chẳng hề dạy chúng ta gây chiến cùng nhau; Trái lại, **Ngài** hằng khuyên chúng ta nhẫn nại, từ bi, hòa hợp, dứt bỏ điều oan kết và sự giết hại lẫn nhau.

Lại nữa, khi **Đức Thế Tôn** còn tại thế, các tín đồ hằng được gặp, được thấy, được cúng dường **Ngài** cùng khắp mọi nơi. Giờ đây **Đức Thế Tôn** nhập diệt rồi, **Xá Lợi** được phân chia trong các xứ, tiện bề cho tín đồ bốn phương chiêm ngưỡng, lễ bái hằng ngày; thì Đại chúng lấy làm hân hạnh biết bao! Hiện giờ các xứ lân bang lớn nhỏ đều có đại diện nơi đây, nếu chúng ta đem **Xá Lợi** ra chia nhau mỗi xứ mỗi phần bằng nhau, thì tình thân thiện giữa các **Quốc Vương** càng kết chặt, thì ai ai cũng vui mừng tránh khỏi tai hại tàn khốc của chiến tranh. Các **Xá Lợi** được đem về thờ cúng cùng nơi khắp chốn, người người phát tâm trong sạch nơi **Phật Bảo**

và hành theo Kinh Luật di truyền, xa lánh các điều ác, tạo thêm nghiệp lành, thì kết quả của sự nhẫn nại và hòa thuận hôm nay là được đoàn kết giữa các lân bang, để cùng nhau tiến bước trên đường giác ngộ, diệt tận những mối thù oán, giết hại lẫn nhau. Như thế ấy, chúng ta mới tỏ là người có đủ tư cách làm đệ tử của **Đức Giáo Chủ Thích Ca**”.

Vua **Malla** và các sứ thần công nhận lời phân giải của ông **Dona**, đồng lòng giao cho ông lãnh trách nhiệm phân chia **Xá Lợi** cho các xứ. Ông **Dona** dùng một cây cân bằng vàng cân tám phần **Xá Lợi** bằng nhau, giao cho đại diện các xứ, luôn cả phần của Vua **Malla**. Rồi ông xin giữ cây cân vàng về phần ông để làm kỷ niệm. Ông được như ý nguyện.

Sau khi chia **Xá Lợi** rồi, có dòng **Moriya** tại xứ **Pippahali** phái người đến xin lãnh một phần. Vua **Malla** lấy làm tiếc cho hay rằng **Xá Lợi** đã chia ra đều đủ cho các lân bang rồi và cho Sứ thần một mớ tro đem về thờ thay thế cho **Xá Lợi**.

Các **Xá Lợi** được chia ra đồng đều cho tám nước, mỗi kinh thành mỗi lập đền thờ long trọng để cho vua chúa quan dân đến chiêm bái cúng dường ...

Thời gian nhiều thế kỷ trôi qua. Hết thịnh tới suy. Có nhiều nguyên nhân làm cho **Phật Giáo** dần dần suy đồi, như sự chia rẽ Tăng tín đồ, nạn chiến tranh xâm chiếm của **Hồi Giáo** và sự phục hưng của Đạo Bà la môn; nên các tháp **Xá Lợi** bị bỏ hoang hư lụn.

Thuở **Phật Pháp** được 218 năm, có Vua **A Dục** ra đời đánh Nam dẹp Bắc, mở rộng giang sơn, lại có đức tin trong **Phật Giáo**, nên tạo ra cùng nơi khắp chốn 84.000 tháp thờ, lấy các **Xá Lợi** trong tám tháp đầu tiên chia ra để thờ trong tháp mới và dựng bia đá làm dấu tích 4 chỗ Động Tâm là: *Rừng Lumbini, nơi Phật giáng sanh; Buddha Gayā chỗ Phật thành đạo; Rừng Isipattana (Lộc giả) là nơi Phật Chuyển Pháp Luân và vườn Kusinārā, chỗ Phật nhập Niết Bàn.*

Ngoài ra Vua **A Dục** còn dựng thêm bia đá nơi các ngã ba đường và khắc những **Phật ngôn** cùng lời ca tụng ân đức của **Phật** để khuyến khích dân chúng tôn sùng **Đức Phật**.

Vua **A Dục** còn phái Chư Tăng đi truyền bá **Đạo Phật** ra các nước lân cận và đem giống **Bồ Đề** cùng **Xá Lợi** qua tận đảo **Tích Lan** nhờ vậy mà

hiện giờ đảo **Tích Lan** trở thành trung tâm **Phật Giáo**.

Sử tích **Xá Lợi** trong thời kỳ thượng cổ như thế ấy.

Sau thời kỳ **A Dục**, dân **Ấn Độ** trở lại theo đạo Bà la môn, phế bỏ các tháp thờ **Xá Lợi**. Có chỗ đạo Bà la môn chiếm cứ, như đền thờ tại **Buddha Gayã** (*chỗ Phật thành Đạo*) và sửa tượng **Phật** lại làm tượng Bà la môn (*Brahma*) lợi dụng chỗ Thập phương đến chiêm bái, hưởng lấy tài lợi rất nhiều (*ngày nay Bồ Đề Đạo Tràng đã được trả lại cho phía Phật giáo*).

Thời kỳ nước Anh đô hộ, nhiều tháp bị các nhà khảo cổ đào bới tìm kiếm những **Xá Lợi** đem về xứ Anh để trưng bày trong Cổ Tàng Viện, như **Xá Lợi** của **Đức Xá Lợi Phất** và **Đức Mục Kiền Liên** mà xứ **Ấn Độ** mới vừa đòi lại, sau khi được độc lập 1947.

Hiện giờ Hội **MaHa Boddhi** (*Đại Bồ Đề*) đương lo trùng tu các tháp và các chùa **Phật** (*ở Ấn Độ*).

Với sự thay đổi trong xã hội Ấn Độ và với những sự biến chuyển trong lịch sử **Phật giáo**, hiện giờ chúng ta không thể biết được rõ rệt các **Xá Lợi** của **Đức Phật** còn mất thế nào và chia sót nơi đâu.

Vả lại, theo lời của Vua **Malla**, các **Xá Lợi** cũng không tránh khỏi luật vô thường chi phối; chỉ có sự thật hành theo giáo pháp của **Đức Thế Tôn** truyền lại điều cần thiết. Vậy chúng ta nên cố gắng tu học mãi mãi cho đến ngày giải thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi đến nơi vô sanh bất diệt là **Đại Niết Bàn ...**

• **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.**

*Trích đoạn bài phát biểu  
của cố cư sĩ Nguyễn Văn Hiếu  
Đọc tại Kỳ-Viên-Tự, Sài Gòn  
Ngày 30 tháng 7 Nhâm-Thìn 1952.*





# NGHI THỨC SÁM HỐI



**T**rải qua bao đời kiếp, chúng con lăn lộn trong bể trần tục u mê gây ra nhiều tội lỗi sâu dày không kể xiết, đọa lạc trong ba cõi, sáu đường lên xuống trầm luân, mang đầy trọng nghiệp. Hôm nay, chúng con xin được Sám hối, nguyện cầu tha lực mười phương **Chư Phật** hộ trì.

- **Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (3 lần)**

Trước khi vào lễ **Sám hối**, chúng ta hãy dẹp bỏ những ý nghĩ sai lầm và để tỏ rõ sự chân thành của mình đối với **Chư Phật, Bồ Tát, Thánh Chúng** rằng mình đã thấu rõ cội gốc của tội lỗi. Do vì vô minh mà sinh ra tất cả.

- **Thân** : thì có **3 điều ác** nghiêm trọng :

**Sát sanh, trộm cắp, tà dâm.**

- **Khẩu** : thì vướng vào **bốn nghiệp** không kém phần suy diễn mà chúng ta trong hiện thế ít nhiều chịu phải hành lỗi.

**Vọng ngữ** : tức là nói sai sự thật

**Lưỡng thiệt** : tức là nói hai chiều

Thương thì thấp cao bào chữa, ghét kiếm chuyện dẹt thù, gây mối bất hòa trong gia đình, đoàn thể, xã hội.

**Ác khẩu** : chửi mắng Cha Mẹ, chẳng kiên Trời Đất, Thần Thánh, người trưởng thượng, chủ la mắng tội tở, ỷ giàu bắt nạt dân ngu.

**Ỗ ngôn** : cho mình học giỏi, lý luận thông suốt lờn khinh **Phật Pháp**, Quan ỷ quyền hà hiếp dân đen ngạo khinh chân lý xem nhẹ nhân quả.

- **Sau cùng là ba nghiệp của ý** :

**Ý** là cơ quan chủ quản của **5 giác quan** như **mắt, tai, mũi, lưỡi, thân**. Cho nên ý tưởng rất quan trọng nó có thể sai khiến chúng ta làm ra tất cả **thiện** hay **ác** : **ba nghiệp của Ý** là : **Tham lam, sân hận** và **si mê**. Nhà **Phật** gọi là **Tam Độc** muốn giải trừ chữa trị không phải là dễ đối với người tu học sơ cơ như chúng ta, bởi **tham, sân, si** đã thấm sâu vào căn

tánh của chúng ta tự lâu đời kiếp đến nay. Chúng ta ai ai cũng đều biết rõ như soi gương thấy mặt. Vì vậy việc **Sám hối** rất là tinh tế phải nắm rõ bệnh tình mới cầu phương pháp chữa trị có hiệu quả sớm hơn. Kính mong **chư huynh đệ** thấu hiểu nội tình phát lòng **Sám hối**. Nhân ngày **Đại Lễ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Thường Trụ Đại Niết Bàn**, (đêm 15-16 tháng 02 âm lịch), mong cầu sớm đăng kết quả viên mãn.

### • Nam Mô Cầu Sám Hối Bồ Tát

**Sám** là biết lỗi mình làm

**Hối** là chừa bỏ tham lam hận lòng

Thể như nước đục lắng trong

Bao nhiêu tật đố sớm hòng trừ ngăn

**Sám** là biết lỗi ăn năn

**Hối** là cải thiện nghiệp thân ý chừa

Miệng không nói láo thêu thùa

Ý ngôn, ác khẩu sái bữa điêu ngoa

**Sám** là tự thấu tánh ta

**Hối** tâm giác ngộ thường xa lỗi lầm

Thân không trộm cắp, tà dâm

Dứt trừ tửu sắc khỏi lâm nguy nản  
**Sám** nguyên ngay trước **Phật** đàng  
**Hối** cầu **Bồ Tát** hỷ hoan hộ trì  
 Một đời giữ giới qui y  
 Thệ không tái phạm lỗi nghè xưa gây  
**Sám** kinh học thuộc từ đây  
**Hối** noi gương sáng **Tổ Thầy** vững tin  
 Hằng ngày quán xét chính mình  
 Rõ như soi mặt thấy nhìn trong gương  
**Sám** đời trắng nước vô thường  
**Hối** lìa mộng tưởng lánh đường si mê  
 Nhà xưa mau chóng quay về  
**Phật tâm** hiện lộ **Bồ Đề** viên dung  
**Con nay** sám hối Đại Hùng  
 Bấy nhiêu lầm lỗi tận cùng tiêu tan.

• **Nam Mô Cầu Tiêu Tai Cát Tường Bồ Tát** (1 lạy)

Thất Phật Diệt Tội Chơn Ngôn :

Ly bà ly bà đế, Cầu ha cầu ha đế, Đà ra ni đế, Ni  
 ha ra đế, Tỳ lê nê đế, Ma ha dà đế, Chơn lăng càng  
 đế, ta bà ha (3 biến)

- **Nam Mô Thập Phương Tận Hư Không Giới Nhứt  
Thiết Chư Phật.** (1 lạy)
- **Nam Mô Thập Phương Tận Hư Không Giới Nhứt  
Thiết Tôn Pháp .** (1 lạy)
- **Nam Mô Thập Phương Tận Hư Không Giới Nhứt  
Thiết Hiền Thánh Tăng .** (1 lạy)

**Quì, tay cầm hương cúng dường phát nguyện :**

*Hương màu ưng nguyện cúng dường  
Tất cả Chư Phật mười phương ba đời  
Lành thay! bay tỏa trời người  
Tôn Pháp, Bồ Tát rạng ngời đức công  
Thanh văn, Duyên Giác, Chúng đồng  
Thánh Hiền, Thầy Tổ chứng lòng hôm nay  
Duyên khởi sáng chói mây dài  
Trùm bao các cõi rộng dài vô biên  
Khấp xông bốn loại trần miền  
Bồ Đề tâm phát thề nguyện vững tin  
Xa lìa những nghiệp vọng sinh  
Vô Thượng Đạo Quả đắc thành chân tu . (lạy)*

- **Nam Mô Hương Cúng Dường Chư Phật, Bồ Tát  
Ma Ha Tát** (3 lần)
- ( Cắm hương lạy 1 lạy)

**ĐÚNG, CHẤP TAY XƯỚNG:**

*Như Lai* tướng tốt đẹp vô vàn  
 Không sánh, không bì, không nghĩ bàn  
 Nhứt nguyện con nay xin đánh lễ  
 Sắc thân **Tôn Phật** hiện mười phương  
 Quang minh trí huệ soi vô tận  
 Muôn Pháp thường còn trú lạc an  
 Con thệ theo về nương **Phật Pháp**  
 Đắc thành nguyện lớn độ trần gian. (lay)

*Khiến* bỏ thân này các khổ ly  
 Sinh về nước **Phật** thoát đồ nguy  
 Con nay gọi sạch tan **ba nghiệp**  
 Lễ tán **Quy Y** nguyện thọ trì  
 Đồng nguyện muôn loài sanh **Lạc Quốc**  
**Tây Phương** an dưỡng thấy **A Di**. (lay)

- **Án, Phạ Nhựt Ra Vật** (7 lần)



**Chí Tâm Đảnh Lễ:**

*Thường Tịch Quang Tịnh Độ*

*A Di Đà Như Lai*

*Pháp Thân màu thanh tịnh*

*Khắp pháp giới Chư Phật. (1 lạy)*

*Thật Báo Trang Nghiêm độ*

*A Di Đà Như Lai*

*Thân tướng hải vi trần*

*Khắp pháp giới Chư Phật . (1 lạy)*

*Phương Tiện Thánh Cư Độ*

*A Di Đà Như Lai*

*Thân trang nghiêm giải thoát*

*Khắp pháp giới Chư Phật . (1 lạy)*

*Cõi An Lạc Phương Tây*

*A Di Đà Như Lai*

*Thân căn giới Đại Thừa*

*Khắp pháp giới Chư Phật . (1 lạy)*

*Cõi An Lạc Phương Tây*  
*A Di Đà Như Lai*  
*Thân hóa đến mười phương*  
*Khắp pháp giới Chư Phật . (1 lạy)*

*Cõi An Lạc Phương Tây*  
*Giáo hạnh lý ba Kinh*  
*Tột nói bày y chánh*  
*Khắp Pháp giới Tôn Pháp . (1 lạy)*

*Cõi An Lạc Phương Tây*  
*Quán Thế Âm Bồ Tát*  
*Thân Tử Kim muôn ức*  
*Khắp Pháp giới Bồ Tát . (1 lạy)*

*Cõi An Lạc Phương Tây*  
*Đại Thế Chí Bồ Tát*  
*Thân trí sáng vô biên*  
*Khắp pháp giới Bồ Tát . (1 lạy)*

*Cõi An Lạc Phương Tây*  
*Thanh Tịnh Đại Hải Chúng*  
*Thân hai nghiêm Phước, Trí*



***Khấp pháp giới Thánh Chúng . (1 lạy)***

**Đứng, Chắp Tay Nguyên :**

*Con nay vì bốn ơn ba cõi*

*Cùng chúng sanh trong pháp giới này*

*Nguyên dứt trừ ba chương tạo gây*

*Nên quy mạng lòng đây sám hối . (1 lạy)*

**Quỳ, Chắp tay Sám Hối :**

***Chí Tâm Sám Hối:***

*Đệ Tử ... ..*

*Và chúng sanh trong pháp giới đây*

*Từ đời vô thủy đến ngày nay*

***Vô minh*** che đậy nên tâm tối

*Điên đảo mê lầm chỗ vọng sai*

***Ba nghiệp, sáu căn*** ngăn trở ngại

*Mười điều rộng phạm, ý cuồng quay*

*Sa vào năm tội nghịch vô gián*

*Cùng các lỗi xưa thật khó bày .*

*Mười phương **Chư Phật** trong đời*

*Giảng Pháp không dứt, hương lời mâu thay!*

*Ngập tràn vị **Pháp Liên Đài***

Hào quang chiếu rọi các loài độ tha  
 Lý chân thường trụ bao la  
 Hư không đầy đầy **Pháp Hoa** bủa truyền  
 Con từ vô thỉ thiếu duyên  
**Sáu căn** mê đắm, oan khiên chất chồng  
 Não phiền buộc chấp nơi lòng  
 Quả nhân trói cột trong vòng khổ tai  
 Chẳng nghe, chẳng biết, chẳng hay  
 Lăn trôi biển thức, đọa đày tử sanh  
 Cho nên che lấp căn lành  
 Trăm ngàn muôn kiếp cấu thành khó ra .  
**“Đức Phật Tỳ Lô Giá Na”**  
 Hiện thân khắp chỗ **Ta bà** thế gian  
 Chỗ Phật trụ **Thường Tịch Quang**  
 Cho nên phải biết rõ ràng gốc căn  
 Cả thấy các **Pháp** vi trần  
 Đều là **Phật Pháp** vô ngần, vô biên  
 Con không thấu xét căn nguyên  
**Vô minh** vì thế bụi phiền lấp che  
 Làm mờ chơn trí **Bồ đề**  
 Ở trong thanh tịnh, chẳng hề tịnh thanh  
 Trong cảnh giải thoát đành rành  
 Vì sao ràng buộc, diệt sanh luân hồi ?

Nay con tỏ ngộ nhứt thời  
 Nguyên chữa bỏ dứt thói đời lãng nhãng  
 Phát lồ **sám hối** ăn năn  
 Phụng đối **Tam Bảo** thề rằng không ngoa  
**Thích Ca** và **Phật Di Đà**  
 Chứng lòng **Đệ Tử** cùng là chúng sanh  
 Tất cả tội nặng cấu thành  
**Sáu căn, ba nghiệp** bất lành tạo gây  
 Quá khứ, hiện tại, vị lai  
 Chính mình phạm lỗi, hoặc bày người theo  
 Thấy người gây tạo vui theo  
 Hoặc nhớ, chẳng nhớ, nghiệp đeo không rời  
 Hoặc biết, hoặc chẳng biết thời  
 Hoặc nghi, hoặc chẳng nghi người giấu che  
 Hoặc chẳng che giấu lỗi kia !  
 Thủy đều rớt ráo đoạn lìa lòng mê.  
**Đệ Tử** sám hối xong rồi  
 Bấy nhiêu tội lỗi kiếp đời sạch trong  
 Căn lành tu tập vun trồng  
 Tâm không còn lỗi, cõi lòng tịnh thanh  
 Hối hướng Pháp giới chúng sanh  
 Trang nghiêm **Tịnh Độ Bửu thành** đồng nương.  
**A Di Đà Phật** nguyện thường

*Hộ trì **Đệ Tử** thoát đường lầm sai  
Hiện tiền tinh tấn hằng ngày  
Cầu về **Cực Lạc** ngôi đài **Liên Hoa**  
Lâm chung thấy **Phật Di Đà**  
Cùng hàng **Thánh Chúng** đài hoa tay cầm  
Thân an niệm chánh chẳng lầm  
Thấy nghe đều biết nơi tâm rõ ràng  
**Sát na** sanh trước **Tây Phương**  
Đầy đủ đạo hạnh **Niết Bàn** liễu viên  
Rộng độ sanh chúng vô biên  
Đồng thành **Phật Đạo**, thệ nguyện như như.*

Đệ Tử Sám Hối Phát Nguyện Quy mạng đánh lễ:

• **Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, Đại Từ, Đại Bi, A Di Đà Như Lai, biến Pháp Giới Tam Bảo.** (3 lần)



# NGHI THỨC TRÌ TỤNG



## Bài Tán Lư Hương

*Lò trầm vừa bén lư hương*

*Pháp giới xông thấu mười phương Liên Đài*

*Chư Phật hải hội xa hay*

*Theo chỗ kết tụ tỏa bay mây lành*

*Cung kính với cả lòng thành*

*Các Phật, Bồ Tát toàn thân hiện về .*

- **Nam Mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần)**

## TỊNH PHÁP GIỚI CHƠN NGÔN



**Án, Lam Tóa Ha (7 lần)**

*(Trì chú này thì thân tâm, cảnh vật đều thanh tịnh)*

## TỊNH KHẨU NGHIỆP CHƠN NGÔN



**Tu rị tu rị , Ma ha tu rị, tu tu rị Ta bà ha (7 lần)**

*(Trì chú này hơi miệng trong sạch)*

## TỊNH TAM NGHIỆP CHƠN NGÔN



**Án ta phạ, Bà phạ thuật đà ta phạ, Đạt mạ ta  
phạ Bà phạ thuật độ hám. (3 lần)**

*( Trì chú này thân, miệng, ý đều trong sạch )*



## AN THỔ ĐỊA CHƠN NGÔN



**Nam mô tam mãn đá một đà nẫm, án, độ rô độ  
rô, địa vĩ tát bà ha (3 lần)**



## PHỔ CÚNG DƯỜNG CHƠN NGÔN



**Án nga nga nẳng, tam bà phạ phiệt nhựt ra hồng  
(3 lần)**

*( Trì chú này thì hoa, hương cùng tiếng tụng niệm sẽ  
vang khắp cúng dường cả mười phương. )*

## BÀI VĂN PHÁT NGUYỆN



- **Nam Mô Thập Phương Thường Trụ Tam Bảo**  
(3 lần)

Kính lạy **Phật Từ Bi** cao cả

**Tam Giới Tôn Đạo Quả** siêu nhiên

Mười phương **Chư Phật** ứng nguyện

Quy mạng đánh lễ **Đài Liên Bảo** Tòa.

Nay con nguyện sâu xa vô hạn

Thọ trì **Kinh Đại Bát Niết Bàn**

Trên đền đáp **Tứ Trọng Ân**

Dưới cứu sanh chúng trôi lăn **Tam đồ**

Nếu có kẻ thấy nghe tin tưởng

Đều phát tâm **Vô Thượng Bồ Đề**

Một đời dứt sạch lòng mê

Thác sanh **Cực Lạc** dựa kê **Tây Phương**.

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)



## KHAI KINH



**Pháp Phật** vi diệu khôn lường  
Trăm ngàn ức kiếp khó tường khó tri  
Con nay nghe thấy thọ trì  
“**Vô Lượng Nghĩa Đế**” Từ Bi thực hành. (1 lạy)

- **Nam Mô Đại Bi Hội Thượng Phật Bồ Tát** (3 lần)





**KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN**

**PHẨM “VĂN TỰ”**

**Thứ Mười Ba**



# KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN



PHẨM “VĂN TỰ”

(Thứ Mười Ba)

**Đức Phật** bảo **Ca Diếp Bồ Tát** !

“Những dị luận, *chú thuật* hoặc là

Ngôn ngữ văn tự bày ra

Đều do của **Đức Phật Đà** mở mang,

Chẳng phải là của hàng *ngoại đạo*

Ông phải nên chu đáo nằm lòng”

**Ca Diếp Bồ Tát** nghe xong!

Trình thưa **Đức Phật** sớm mong giải bày.

**Đức Thế Tôn!** Như **Lai** thuyết giảng

Dạy văn tự căn bản thế nào ?

Con muốn nghe chỗ rộng sâu

Ngưỡng cầu ơn **Phật**, pháp mầu rải ban.

**Phật** nói: “Hỡi này **Thiện nam tử** !

Ban đầu dạy *Bán Tự Chơn Kinh*

Làm căn bản cho *Chúng sinh*,

Ghi nhận thật *Pháp* chứng minh tận tường,  
 Như ký luận, văn chương, *Chú thuật*  
 Hoặc các *Ấm, Ngũ căn, Ngũ trần.*

Hạng *phàm phu* sẽ thấm dần  
*Bán tự* thấu hiểu đạt phần liễu tri  
 Mới biết được những gì *Pháp* tục  
 Là chẳng phải có thật *Pháp* này ”.

**Ca Diếp Bồ Tát** chấp tay

Bạch **Phật**: “Chỉ dạy muôn loài *Chúng sanh*  
*Bán tự kinh* học rành trước nhất  
 Nghĩa thế nào mong **Phật** giảng bày?”

Này Thiện nam tử nghe đây !

Nghĩa của *bán tự* có mười bốn âm.

Tự ở đây *thậm thâm vi diệu*

Đó gọi là đạt liễu **Niết Bàn**.

Vì là thường *xuất thế gian*

Nên chẳng *lưu chuyển* hợp tan đổi dời.

Chẳng *lưu chuyển* tức thời vô tận,

Vô tận chính *Pháp thân* kim cương

Của **Như Lai** thiết *Chơn thường*

**Chư Phật** thế giới mười phương khác gì.

Mười bốn âm khó tri nghĩa ngữ.

Là căn bản của tự dưới đây:

“A” giọng ngắt lại như vậy,  
Là chẳng phá hoại nghĩa này sâu xa,  
Chẳng phá hoại gọi là *Tam Bảo*,  
Dụ như chất châu báu *kim cương*.

Lại “A”, cần phải am tường,  
Là chẳng lưu dật nhiễm vương *Ta bà*,  
Chẳng lưu dật tức là **Chư Phật**.

Vì *cửu khiếu* của **Đức Như Lai**  
Không có chảy ra bên ngoài  
Nên chẳng lưu dật trần ai nào phiền.  
Chẳng lưu dật hiển nhiên không có  
*Cửu khiếu* như người ở thế gian.

Chẳng lưu dật tức là *thường*,  
*Thường* chính **Chư Phật** mười phương ba đời.

Vì thế **Phật** không hề tạo tác  
Chẳng có còn lưu dật *Ta bà*.

Lại “A”, nghĩa còn gọi là  
*Công đức thù thắng Phật Đà Hằng sa*,  
*Công đức* cũng tức là *Tam Bảo*,  
Vì thế nên **Phật đạo** gọi “A”.

“A” giọng dài có nghĩa là

Danh từ thường gọi như **A Xà Lê**,  
 A Xà Lê vẹn bề *đạo hạnh*  
 Được người đời tôn *Thánh* siêu phàm,  
 Không *chấp trước* mọi việc làm,  
**Thiểu dục tri túc** tâm càng tịnh thanh,  
 Thường cứu độ *Chúng sanh* muôn loại  
 Thoát khỏi nơi biển ái não phiền,  
 Sanh tử *đọa lạc* triền miên  
 Không còn *ba cõi* luân phiên đổi đời.  
 Được như vậy Trời, người kiêng nề  
 Trong Sáu đường tục thế xa rời.  
 Lại “A”, là chế độ thời  
 Tu *trì giới* đức rạng ngời sạch trong.  
 Lại “A” là nương dòng bậc *Thánh*  
 Để học rèn phẩm hạnh sáng gương,  
**Oai nghi** ứng nguyện *cúng dường*,  
 Lễ bái *Tam Bảo* hoặc thường báo ân,  
 Hiếu thuận với song thân cha mẹ  
 Công dưỡng nuôi sanh để ra mình.  
*Thiện nam, tín nữ* kính tin  
 Học tập *Phương Đẳng* chơn *Kinh Đại Thừa*,  
 Hằng *thọ trì* ngăn ngừa cấm giới

Làm *phước điền* ích lợi **quần sanh**.

Các **Đại Bồ Tát** viên thành

Gọi là bực *Thánh* hiện thân trong đời.

Lại “A” là chỉ người giáo hối.

Thiện nên làm, tội lỗi không làm.

Có thể đoạn dứt ái tham,

Những điều sai phạm tâm phạm trừ ngăn,

Thời gọi là *Thánh nhân* xuất chúng

Gọi là “A” *diệu dụng* nghĩa này.

“Y” giọng ngắn, nghĩa như vậy,

Gọi là **Phật pháp Như Lai** giáo truyền.

Hạnh *thanh tịnh* vô biên rộng lớn,

Trong sạch không nhớ bợn chút nào,

Như mặt trăng tròn sáng lâu.

Những lời **Phật** dạy không sao đong lường,

Tùy *Chúng sanh* tiện phương vận dụng

Chỉ chỗ sai, chỗ đúng cho đời,

Nghĩa này phải nhớ y lời,

Nghĩa này chẳng phải nhớ thời lìa xa,

Đây lời của **Phật Đà** giáo dạy,

Đây là lời *ma* hại khổ nguy.

Vì thế nên gọi là “**Y**”  
 “**Y**” hành *giáo pháp* giác quy tâm mình,  
 “**Y**” giọng dài, y *Kinh* đạt liễu.  
 Là **Phật pháp** *vi diệu* tối truyền.  
 Ví như *Đại Tự Tại Thiên*,  
 Hay hoặc *Đại Phạm Thiên Vương* cao vời.  
 Là *tự tại* cõi Trời bậc nhất.  
 Nếu có thể **pháp Phật** *thọ trì*,  
 Gọi là *Hộ pháp* phò nguy  
 Bảo vệ **Phật pháp** phát huy đời đời.  
 Lại *tự tại* chỉ thời bốn bậc  
 Luôn hộ thế hết mực lành an,  
 Bốn bậc *tự tại* hoàn toàn  
 Có thể hộ nhiếp **Niết Bàn** Tôn Kinh,  
 Cũng *giác ngộ* tự mình giảng thuyết  
 Các *Khế Kinh* chơn thiết diệu bày.  
 Lại “**Y**” là vì nhưn loài  
*Thuyết pháp* tự tại tỉnh say phàm trần.  
 Lại “**Y**” là tối năng *tự tại*  
 Nên *thuyết pháp* vô ngại biện tài,  
 Tức là *tu tập* giới mài  
*Đại Thừa Phương Đẳng* **Như Lai** phổ truyền.



Lại “**Y**” trừ não phiền tặc đồ,  
 Như nghề nông nhổ sạch cỏ đồng,  
 Làm cho tốt lành tâm lòng,  
 Vì thế nên gọi là “**Y**” đó mà.

“**Ưu**” giọng ngắn, nghĩa là tối thượng,  
*Tối thắng*, tăng thượng thượng các Kinh,  
 Tức là **Đại Niết Bàn Kinh**  
 Như mặt trời mọc *Quang minh Ta bà*.

Lại “**Ưu**” tức là **Như Lai tánh**,  
*Hàng Thanh văn, Duyên giác Nhị thừa*  
 Chưa từng nghe biết bao giờ,  
 Có nghe thì cũng nghi ngờ lo âu.

Như *Bắc Câu Lô Châu* trên hết  
 Hơn các châu khó thể sánh bì.

**Bồ Tát** nếu nghe *thọ trì*  
 Kinh này chắc chắn chứng tri huệ lòng,  
 Sự tối thượng ở trong *Đại chúng*,  
 Vì thế nên gọi đó là “**Ưu**”.

“**Ưu ưu**” giọng dài, ví như :  
 Sữa bò hơn cả trong phần thức ăn.  
**Như Lai tánh** *công năng* cũng vậy,

Là Tối Tôn trên cả các Kinh.

Nếu có kẻ nào chẳng tin

**Như Lai tạng** *tánh* miệt khinh Kinh này,

Phải biết là người đây tương tác

Đồng với Bồ chẳng khác vậy thời.

Lại “**Ưu ưu**” là nói người

Trên đây là kẻ mất thời *Thiện căn*,

Không sáng suốt độn đần bản chất

Nên chê bai tạng mật **Như Lai**.

Người như vậy, đáng thương thay!

*Trầm luân* Sáu nẻo lạc loài bơ vơ,

Ngoài **Phật tánh** không nhờ đâu cả,

Mà nói không có *Ngã, Pháp* ư !

Vì thế gọi là “**Ưu ưu**”.

“**Yên**”, là **Phật tánh** *Chơn như* **Niết Bàn**.

“**Dã**” là nghĩa hoàn toàn Chơn thật.

Lại “**Dã**” là **Chư Phật Như Lai**,

Xưa nay *lợi ích* muôn loài

Nên gọi là “**Dã**” nghĩa này không sai.

“**Ô**”, tức là chứa đầy *phiền não*.

Gọi là những *hữu lậu* buộc ràng.

**Đức Như Lai** chứng Đạo vàng  
 Tất cả *ngiệp chướng* phá tan không còn  
 Như đêm rằm trăng tròn tỏ sáng  
 Không còn bị những áng mây che  
 Vì thế nên gọi là “**Ô**”.

“**Pháo**”, là *Phương Đẳng Đại Thừa* cao thâm,  
 Rốt ráo mười bốn âm thiệt nghĩa  
*Kinh Đại Thừa* thật vậy khác nào  
 Trên các Kinh luận tối cao  
 Nên gọi là “**Pháo**” nghĩa sâu tốt cùng.

“**Am**”, có thể diệt lòng *tham* muốn  
 Vật *bất tịnh* ham chuộng chứa sâu,  
 Nướng nơi **Phật pháp** nhiệm mầu  
 Lìa bỏ vật chất báu châu cõi phàm.  
 Vì thế gọi là “**Am**” thuật ngữ.

“**Ă**”, là nghĩa *thù thắng* hoàn toàn  
 Như **Kinh Đại Bát Niết Bàn**  
 Hơn hết Kinh khác thuộc hàng tối ưu.  
 Vì thế gọi là “**Ă**” âm ngữ.

“**CA**”, đối với *Chúng sanh* Ta bà  
 Khởi lòng *từ bi* vị tha

Thương yêu con một như là **Hâu La**,  
 Làm việc nghĩa thật thà ích lợi.  
 Vì thế nên mới gọi là “**CA**”.

“**Khư**”, gọi là bạn xấu xa,  
 Chẳng lành, như nhiễm, gian tà, vạy ngậy,  
 Không tin **tạng Như Lai** bí mật.  
 Gọi là “**Khư**” nghĩa thật không sai.

“**DÀ**”, là *tạng* chứa sâu dày.  
 Nói chung tất cả muôn loài *Chúng sanh*  
 Đều có sẵn giống lành **Phật tánh**.  
 Gọi là “**DÀ**” nghĩa hạnh bày phân.

“**RẰNG**”, là âm vận *thường hằng*  
 Của các **Chư Phật** đức năng khôn lường,  
 Tức là **Phật** vẫn *thường trụ* mãi  
 Đời đời đây bất hoại *Pháp thân*,  
 Chẳng như cõi thế tục trần.  
 Vì thế nên gọi là “**RẰNG**” nghĩa trên.

“**NGA**”, là tướng không bền tồn tại  
 Luôn phá hoại cả thảy *Pháp* hành.

“**GIÁ**”, là chỉ bực *tu hành*

*Điều phục* bốn loại *Chúng sanh* qui về,  
 Không còn sự *si mê* chấp *Ngã*.  
 Vì thế gọi là “**GIÁ**” nghĩa này.

“**XA**”, là Đức Từ **Như Lai**  
 Luôn luôn che chở nài tai muôn loài,  
 Cũng ví như tàng cây lọng lớn.  
 Gọi là “**XA**” âm hưởng tận tường.

“**XÀ**”, *Chánh giải thoát* thiết chơn  
 Đoạn diệt sanh tử *Vô thường* trần lao,  
 Không có *tướng* suy hao, bệnh, tử.  
 Vì thế gọi âm ngữ là “**XÀ**”.

*Phiền não* rậm rạp bao la,  
*Kiết sử* như thể rừng già khó ra.  
 Vì thế gọi là “**THÀ**” đặt để.

“**NHÃ**”, là nghĩa *trí huệ quang minh*  
 Biết rõ *Pháp tánh* *Chúng sinh*  
 Chơn thật chẳng khác bóng hình in nhau.

“**TRA**”, là cõi *Diêm Phù* thị hiện  
**Phật** từ bi *Đại nguyện* độ trần  
 Tức nhiên mang lấy bán thân.

*Tùy duyên* thuyết pháp giác dân *Ta bà*,  
 Cũng ví tợ như là bán nguyệt.  
 Vì thế nên gọi thiệt là “**TRA**”.

“**TRẠCH**” nghĩa *Pháp thân Phật Đà*  
 Đầy đủ trí đức như là *hư không*,  
 Ví mãn nguyệt sáng trong vô tận  
 Gọi là “**TRẠCH**” âm vận rõ vắn.

“**TRÀ**”, nghĩa là *Ngu si Tăng*,  
 Chẳng biết *thường trụ* biệt phân vô *thường*,  
 Như trẻ nhỏ lạc đường giữa chợ,  
 Tợ chim non xa mẹ lạc bầy.

“**TỔ**”, chẳng biết ơn thầy  
 Như con dê đực tối ngày hoang dâm  
 Vì thế nên ngữ âm gọi “**TỔ**”.

“**NOA**”, chẳng phải đức độ *Thánh nhơn*  
 Dụ cho *ngoại đạo* phạm thường.  
 Là “**NOA**” âm tự tổ tướng bày khai.

“**ĐA**”, là **Đức Như Lai** dạy bảo  
 Các *Tỳ kheo* vào Đạo của **Ta**,  
 Chớ nên kinh sợ lo xa,

**Phật** vì *Đại chúng* thuyết ra *Pháp* mâu,  
 Chỗ *vi diệu* cao sâu tường tất.  
 Gọi là “**ĐA**” nghĩa thật liễu tri.

“**THA**”, là nghĩa chỉ *Ngu si*  
*Chúng sanh* mê muội ôm ghì sắc danh,  
 Dòng *Sanh tử*, tử sanh *luân chuyển* .  
 Như tầm kia làm kén nhã tở,  
 Bọ ngựa làm ổ nương nhờ.  
 Vì thế nên gọi là “**THA**” nghĩa âm.

“**ĐÀ**” phát *Bồ đề tâm* bố thí  
 Thuyết *Đại thừa* nghĩa lý rộng ra  
 Vì thế nên gọi là “**ĐÀ**”.

“**ĐẠN**”, là *công đức* ngợi ca hết lời,  
 Tức *Tam Bảo* cao vời rộng lớn,  
 Mặc phong ba sừng sững *Tu Di*  
 Không có nghiêng ngã hoại suy.  
 Nên gọi là “**ĐẠN**” chẳng gì nghi nan.

“**NA**”, là **Phật-Pháp-Tăng Tam Bảo**  
 An trụ trong *Lục đạo* ba đường,  
 Nhưng chẳng vọng động nhiễm vương.

Vì thế văn tự gọi thường là “**NA**”.

“**BA**”, nghĩa là vạy tà *điên đảo*,  
 Có người nói *Tam Bảo* đó là  
*Vô thường* như cỡi *Ta bà*.

Vì thế nên gọi là “**BA**” rõ ràng.

“**PHẢ**”, gọi là thế gian tai họa,  
 Chừng khởi lên tất cả hoại tan,  
*Tam Bảo* biến mất hoàn toàn,  
 Kẻ này vô trí thuộc hàng ngu si,  
 Trái ý nghĩa *từ bi* giáo dạy.  
 Gọi là “**PHẢ**” như vậy chẳng sai.

“**BÀ**”, *mười trí lực Phật* đây.  
 Trời, người chẳng có một ai so bì.

“**PHẠM**”, nghĩa là cực kỳ gánh nặng,  
 Mang *Chánh Pháp Vô Thượng Phật Đà*,  
 Nên biết người này chính là  
 Bực **Đại Bồ Tát Ma Ha viên thành**.

“**MA**”, chế độ thực hành nghiêm huấn  
 Của **Đại Bồ Tát** thượng thặng *Đại Thừa*,  
**Đại Niết Bàn** tâm thích ưa



Dụng thuyên *Bát Nhã* rước đưa muôn loài.

“**GIA**”, nghĩa là các Ngài **Bồ Tát**

Luôn *thị hiện* ở khắp mọi nơi,

Vì Chúng sanh *thuyết pháp* thời,

*Đại Thừa Phương Đẳng* độ đời tỉnh tâm.

“**RA**”, nghĩa là đoạn mầm *tham dục*,

Hay *sân, si*, câu thúc buộc ràng,

Nói *Pháp* Chơn thật **Niết Bàn**.

Vì thế “**RA**” gọi rõ ràng không sai.

“**LÀ**”, hàng *Thanh Văn* đây còn động

Tâm *Sanh diệt* vọng móng chẳng dừng,

*Đại Thừa giác ngộ* thọ ứng

Siêng năng *tu tập* trọn phần ngày mai.

“**HÒA**”, là **Đức Như Lai Chư Phật**

Vì *Chúng sanh* nhưn vật lấm than,

Rưới mưa *Pháp* lớn thấm chan,

*Kinh luận, Chú thuật* mở mang gọi nhuần

Cho tất cả lý chân đồng *ngộ*

Gọi là “**HÒA**” tột chỗ nghĩa âm.

“**SA**”, lia *tham ái, si, sân*

Ba mũi tên độc phải cần nhổ ra.

“**SÁ**”, âm tự nghĩa là đầy đủ,

Nếu nghe được **Kinh Đại Niết Bàn**

Liễu tri *Đại Thừa* hoàn toàn

*Thọ trì* chứng đắc đạo vàng không hai.

“**TA**”, nghĩa vì muôn loài phù hợp

Mà *diễn thuyết* Chánh Pháp thiết chơn,

Làm cho lòng họ vui mừng

Tin sâu **Phật pháp**, âm vần là “**TA**”.

“**HA**”, nghĩa là chan hòa *hoan hỷ*,

Lạ lòng thay bi, trí **Như Lai**

Rời mọi hành vi trần ai.

**Niết Bàn** *thị tịch* cõi này hiển nhiên.

“**LA**”, nghĩa là vô biên ma quái

Không thể làm hủy hoại mờ phai

*Tạng* bí mật của **Như Lai**,

Cho nên mới gọi âm này là “**LA**”.

Lại “**LA**” **Đức Phật Đà** *thị hiện*

*Độ* thế gian *Đại nguyện từ bi*,

Cũng có cha mẹ, thê nhi.

Vì thế nên gọi âm thì là “**LA**”.

Lại, “**LÔ, LƯU, LỬ, LÂU**”, bốn chữ  
Có bốn nghĩa văn tự âm vần,

Tức gọi là: **Phật, Pháp, Tăng**

Và cùng *đối pháp, sở năng* tương đồng.

Thuận thế gian khởi trong gạn đục,  
Dùng *đối pháp* mọi lúc bày ra,

Cũng như **Đề Bà Đạt Đa**

*Thị hiện* phá hoại *Tăng* già đạo **Ta**,

Hóa đủ thứ tạo ra hình dáng,

Nhiều *Sắc tướng* phỉ báng **Như Lai**,

Để làm *duyên* chỗ đúng sai

Cho **Phật** chế *giới* từ nay răn đời.

Là người trí tức thời hiểu rõ,

Đối việc này chẳng có sợ chi.

Đây gọi là những hành vi

*Tùy thuận* thế tục không gì lo âu.

**Phật pháp** vốn nhiệm mầu *mật ngữ*

Nên gọi là : “**LÔ, LƯU, LỬ, LÂU**”.

Hít khí trời thật cho sâu,

Cuống lưỡi, lỗ mũi ngỗ hầu phát ra

Dài hay ngắn hoặc là cao thấp,  
 Theo giọng nói khuôn rập mỗi vần,  
 Để giải bày nghĩa thật chân  
 Mà có sai khác do răng, lưỡi mình.  
 Những chữ nghĩa giống in như vậy,  
 Có thể làm hết thấy chúng sanh  
**Khẩu nghiệp** đều đặn tịnh thanh  
 Không còn *vọng ngữ* bất lành vạy sai.  
**Phật tánh** của muôn loài không phải  
 Nhờ văn tự mà lại tịnh thanh,  
 Vì **Phật tánh bản thể** lành  
 Vẫn mãi *thanh tịnh* không sanh, diệt thời,  
 Nên mặc dầu ở nơi *Ngũ ấm*,  
 Hay *Lục nhập*, *Thập bát giới* đây,  
 Nhưng chẳng đồng với chỗ này.  
 Vì thế Sanh chúng hằng ngày *Quy Y*.  
 Nhận cho đến các vị **Bồ Tát**  
 Bởi do nơi **Phật tánh** mà ra.  
 Xem *Chúng sanh* như một nhà  
*Bình đẳng* tuyệt đối chẳng là biệt sai.  
 Cho nên **Đức Như Lai** xét gạn  
 Dạy *Bán Tự* căn bản làm phương,

Kinh sách, ký luận, văn chương,  
 Hay là *Chú thuật* mở đường độ sanh.  
 Nghĩa *Bán Tự* thực hành sự thiệt  
 Của *phiền não* ngôn thuyết mà thôi.  
 Nghĩa của *Mãn Tự* tức thời  
 Vốn làm căn bản cho người *phước* dư  
 Là ***Thiện Pháp Đại Thừa*** ngôn thuyết  
 Bực thượng trí hiểu biết sâu xa.  
 Ví như trong cõi *Ta bà*,  
 Có kẻ làm ác gọi là bán nhờn,  
 Người *tu hành* tâm thường Chơn chánh  
 Gọi mãi nhờn *đức hạnh quang minh*.  
 Cũng vậy, tất cả sách kinh,  
 Ký luận, *Chú thuật*, thật tình .v.v...  
 Đều là do của phần *bán tự*  
 Làm căn bản ngôn ngữ học qua.  
 Nếu nói **Như Lai Phật Đà**  
 Là *Chánh giải thoát* lìa xa tục trần  
 Trong phạm vi của phần *bán tự*  
 Lời nói này thật sự là sai.  
 Vì **Thế Tôn ! Đức Như Lai**  
 Và *Chánh giải thoát* vượt ngoài thế gian,

Rời *đanh tự* hoàn toàn chẳng *chấp*.  
 Do đó nên **Đức Phật ! Thế Tôn !**  
 Đối với tất cả *Pháp môn*  
 Không có đả trước, chẳng còn ngại ngại,  
 Mà lại đặng thiết *Chân giải thoát*,  
*Liễu nghĩa đế*, đạo đạt dường bao.  
 Hiểu rõ chữ nghĩa thế nào?  
 Có người tu học đạo mâu sâu xa  
 Biết **Đức Phật** hiện ra cõi thế  
 Nghĩa *bán tự* có thể dứt lìa.  
 Vì thế nên được gọi là  
 Hiểu rõ chữ nghĩa sâu xa tột cùng.  
 Nếu có kẻ chỉ dùng *bán tự*,  
 Chạy theo nơi ngôn ngữ văn hay.  
 Thời người này uống lấm thay!  
 Chẳng biết được *tánh Như Lai Phật Đà*.  
 Thế nào nghĩa gọi là Vô tự ?  
 Người không thông ngôn ngữ văn chương,  
 Hành động bất thiện xem thường,  
 Gân gủi kẻ ác vào đường *si mê*.  
 Người Vô tự dầu cho có thể  
 Tu pháp lành, không dễ nào đây

### Biết đặng Chơn tánh **Như Lai**

Là *thường trụ* mãi hoặc hay vô *thường*,  
*Hằng* cùng chẳng phải *hằng phân biệt*,  
*Pháp* và *Tăng* chẳng biết, tận cùng,  
*Luật* cùng phi luật nói chung,  
*Kinh* cùng chẳng phải là Kinh đó là,  
 Chẳng biết lời của *ma*, lời **Phật**,  
 Chánh hay tà, giả, thật ra sao.  
 Người như vậy rất khổ đau  
 Không thể *phân biệt* vàng thau thế nào.  
 Thời gọi là chạy theo Vô tự  
 Người như vậy tự hủy hoại mình  
 Nay **Ta** giảng thuyết tận tình.  
 Nghĩa Vô tự ấy chứng minh rõ ràng,  
 Nghĩa *bán tự* và cùng *mãn tự*,  
 Nên các ông ghi nhớ đừng quên.  
 Rồi *bán tự* bước đầu tiên  
 Khéo hiểu *mãn tự* liễu viên đạo mầu.  
 Ngài **Ca Diếp** cúi đầu lễ **Phật** :  
 “**Bạch Thế Tôn!** Thuyết thật rất hay.  
 Nay con gặp ngay **Đức Thầy**  
 Là bậc *Vô thượng* đức tài vô song.

Nguyện khéo học nằm lòng tự số,  
Không phụ công dạy dỗ ân cần

Của **Như Lai** ! *Đại Thánh Nhân* !

*Từ bi giáo hóa* Chúng dân trời người.”

**Đức Thế Tôn!** Hết lời khen ngợi

Ngài **Ca Diếp Bồ Tát:** “Lành thay !

Người ưa *Chánh Pháp* **Như Lai**

Phải học như vậy, chắc đây đạo thành”.

- **Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)





**KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN**

**PHẨM “ĐIỀU DỤ”**

**Thứ Mười Bốn**



# KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN



## PHẨM “ĐIỀU DỤ”

### (Thứ Mười Bốn)

**Phật** bảo ngài **Ca Diếp Bồ Tát** :

“Thiện nam tử ! Chẳng khác là bao.

Như hai loài chim giống nhau

Chung sống chẳng có lúc nào rời xa.

*Một là chim tên **Ca Lân Đề** ;*

*Hai là, chim đời gọi Oan Ương.*

*Cũng vậy, **Pháp khổ**, **Vô thường**,*

Hay là *Vô ngã* chung đường như nhau”.

Ngài **Ca Diếp** cúi đầu bạch **Phật**:

“Thưa **Thế Tôn**! Con thật chưa tường.

*Thế nào **Pháp khổ**, **Vô thường**,*

Hoặc *Pháp Vô ngã* như đường loài chim

*Ca Lân Đề*, Oan Ương kia vậy.

Mong **Thế Tôn** giáo dạy chỉ bày”.

Bấy giờ, *Thiện Thệ* ! **Như Lai** !

Bảo này **Ca Diếp** : “Nghe đây lời vàng.  
 Pháp *Khổ* khác hoàn toàn Pháp *Lạc*,  
 Pháp *Vô thường* lại khác Pháp *Thường*,  
 Pháp *Ngã* suy xét tận tường,  
 Khác Pháp *Vô ngã* hai đường chẳng chung.  
 Như lúa gạo khác cùng mè, bắp  
 Mè, bắp đây khác với đậu, đường.  
 Các thứ ấy, từ mầm ươm,  
 Nhẫn đến trở lá rồi đơm bông cành,  
 Đều *Vô thường* chưa thành chỗ đạt.  
 Đến lúc khi quả hạt chín mùi,  
 Mọi người thọ dụng được rồi  
 Mới gọi tánh chất đây thời *Thường* chơn”.  
 Ngài **Ca Diếp** gạn lường hỏi **Phật**:  
 “Bạch **Thế Tôn!** Những vật kể qua.  
 Nếu nói là *Thường* đó mà  
 Có đồng với **Đức Phật Đà** hay chẳng?  
**Đức Thế Tôn !** Dạy rằng **Ca Diếp** :  
 “Ông không nên nhỏ hẹp thế này.  
 Vì nếu nói **Đức Như Lai**  
 Đồng với sự vật là sai hoàn toàn,  
 Núi *Tu Di* thời gian còn hoại,

**Đức Như Lai** đây lại giống ư !”

Thiện nam tử ! Hãy bỏ chừa,  
Đoạn lìa kiến chấp, nghĩa như trên thời.

Tất cả *Pháp*, ngoại trừ **Phật tánh**

Và **Niết Bàn tịch tịnh** là *thường*,

Còn lại các *Pháp* thế gian

Đều là giả tạm, hợp tan *Vô thường*.

Ngài **Ca Diếp** lâm tường sự thật

Tâm ưng thuận bạch **Phật** : “Lành thay !

Lành thay! Lời dạy **Như Lai** !

Quả là thật đúng không sai sót gì.”

**Đức Thế Tôn** từ bi dạy tiếp

Cho **Bồ Tát Ca Diếp** nghe qua.

Đúng như vậy, chẳng *vọng* ngoa.

Này *Thiện nam tử* ! Nay **Ta** khuyên rằng:

“Dầu có học kỹ năng tất cả

Các *Khế Kinh Phật* đã giáo truyền

Hoặc tu các môn định thiền,

Mà không nghe được *Pháp* tuyên **Niết Bàn**.

Cũng vẫn là *Vô thường* tạm gọi,

Vì chưa đặt vào cõi **Như Lai**.

Nếu nghe **Đại Niết Bàn** này

Dầu có *phiền não* chứa dày bao nhiêu,  
 Khi thấu *ngộ* sẽ tiêu tan hết  
 Và có thể làm lợi *Chúng sinh*,  
 Vì hiểu rõ bản thân mình,  
 Có sẵn **Phật tánh** tối linh nhiệm mầu,  
 Đây xứng đáng cao sâu *trí huệ*.  
 Gọi là *Thường*, vì hệ quả này.”  
 Thiện nam tử ! Ví như cây  
*Am La* khi đúng tháng ngày trở bông,  
 Gọi *Vô thường* vì không khẳng định,  
 Đến lúc thành quả chín được ăn,  
*Lợi ích* cho cả người cần  
 Như vậy mới gọi là *Chân thường* tồn.  
 Cũng thế, dầu khéo khôn tụng đọc  
 Các *Khế Kinh* tu học sửa mình,  
 Tuy tâm *thiền định* huệ minh,  
 Lúc chưa nghe đặng Tôn **Kinh Niết Bàn**,  
 Đều cho rằng thế gian các *Pháp*  
 Là *Vô thường* giả tạm hợp tan.  
 Khi nghe **Kinh Đại Niết Bàn**,  
 Dầu có *phiền não* buộc ràng như không,  
 Làm *lợi ích* cho trong Sanh chúng

Cả trời, người ai cũng khởi tin.  
Vì hiểu rõ bản thân mình  
Có sẵn **Phật tánh** tối linh nhiệm mầu.  
Đây xứng đáng cao sâu *trí huệ*  
Gọi là *Thường* như thế chẳng sai.  
Thiện nam tử ! Ví dụ này  
Nghe qua nắm bắt thấu ngay rõ ràng.  
Lúc nấu lọc quặng vàng chưa hết  
Cũng vẫn gọi là tướng *Vô thường*,  
Lọc xong thành vàng tinh tướng,  
Có nhiều *lợi ích* chi dường *Chúng sinh*.  
Gọi rằng *Thường* chứng minh chân thật,  
Vì không còn quặng chất trong vàng.  
Cũng vậy, hồi này *Thiện nam* !  
Dầu cho tu học rộng hàm sâu xa  
Các *khế kinh Phật Đà* giảng thuyết  
Hoặc *thiền định* trí thiết mở mang,  
Lúc chưa nghe **Đại Niết Bàn**  
Đều cho các *Pháp* thế gian *Vô thường*.  
Khi nghe **Kinh Niết Bàn** rất ráo,  
Dầu có chứa *phiền não* vô biên,  
Xem như không có *phiền*,

Lại còn lợi ích *Chư thiên* hơn loài,  
Vì hiểu rõ thân này muôn loại  
Có **Phật tánh** đồng thấy không hai.  
      Đây gọi là *Thường* chẳng sai.  
Như vàng nguyên chất không phai bao giờ.  
Thiện nam tử ! Như hột mè nọ  
Lúc chưa ép gọi đó *Vô thường*,  
      Khi ép thành dầu hẵn tường  
Có nhiều *lợi ích* gọi *Thường* hiển nhiên.  
      Này **Ca Diếp** ! Chú chuyên hiểu biết  
Các *khế kinh Phật* thuyết bày ra,  
      Tu tập *thiền định* sâu xa,  
Mà chưa *giác ngộ* nghe qua kinh này.  
      Đều cho rằng trần ai *huyễn* mộng,  
      Tất cả là cái bóng *Vô thường*.  
      Lúc nghe kinh này tận tường  
Dầu có *phiền não* xem dường như không,  
      Đều *lợi ích* cho trong bốn loại  
Cõi trời, người hết thấy *Chúng sinh*,  
      Vì hiểu rõ bản thân mình  
Tự có **Phật tánh** tối linh nhiệm mầu,  
      Mới xứng đáng cao sâu *trí huệ*.



Gọi là *thường* vì bởi nghĩa này.  
Thiện nam tử ! Ví dụ đây,  
Nghe qua sẽ hiểu dứt rày lòng *mê*.  
Muôn dòng nước chảy về biển cả  
Không gì sánh *Chơn ngã* tối linh.  
Cũng vậy, tất cả *khế kinh*,  
Các môn *thiền định* hay *Đà La Ni*  
Cuối cùng cũng qui về một chỗ  
**Đại Niết Bàn** cao tột không hai.  
Vì duy nhất chỉ kinh này  
Chỉ rõ **Phật tánh** muôn loài liễu viên.  
Thiện nam tử ! Thế nên **Ta** nói:  
“Pháp *Vô thường* khác với pháp *Thường*,  
Nhấn đến *Vô ngã*, diệu phương  
Cũng lại như vậy, hai đường khác sai.”  
Ngài **Ca Diếp!** Chắp tay lễ **Phật**.  
Nghe qua lời sự thật dạy trên  
Nhưng lòng nghi ngại chưa yên  
Bạch **Phật!** Tha thứ *Pháp* tuyên giảng bày:  
“Theo con biết **Như Lai** chắc chắn  
Độc *ưu bi* lìa hẳn lâu đời.  
Luận có *ưu bi* là trời.

Cõi trời cũng có tâm thời *ưu bi*.

**Đức Như Lai** chẳng thì như vậy,

Là *ưu bi* không phải là trời.

Có *ưu bi* gọi là người.

**Như Lai, Ứng Cúng !** Xa rời thế gian,

Không *ưu bi*, buồn than khổ sở

Chẳng phải người sanh tử thân mang.

Có *ưu bi* mới buộc ràng

*Hai lăm cõi Dục* hoàn toàn chưa ly,

**Đức Như Lai** *ưu bi* không có,

*Hai mươi lăm cõi* đó là xa.

Cớ sao nói rằng **Phật Đà**

Vì đâu tâm **Phật** còn mà *ưu bi* ?”

Thiện nam tử ! Những gì vừa nói

Phải gắng công học hỏi rộng thêm.

Ví dụ như *Vô Tướng Thiên*

Gọi là không tướng định thiên mệnh mông.

Nếu không tướng thời không *thọ mạng*,

Không *thọ mạng* nhưng vẫn lại còn

*Ấm, nhập*, các giới ở trong

Do vì nghĩa đó, nên không gọi rằng

*Vô tướng thiên* chẳng thân *thọ mạng*,

Nói là có chỗ ở được chăng ?

Thiện nam tử ! Như **Thọ thân**

Nương theo cây cối làm thân mạng mình,  
 Chẳng thể nói nương cành hay nhánh,  
 Hoặc thân, lá, khía cạnh chỗ nào.

Cũng vậy, như thế mặc dầu  
 Không chỗ *quyết định* lẽ đâu nói rằng  
 Là chẳng có sanh thân *thọ mạng*,  
 Vô tướng thiên giới hạn là bao.

**Phật pháp** trọng yếu nhiệm mầu  
 Rất sâu khó hiểu dễ nào lão thông.

**Đức Như Lai** thiệt không khổ não,  
 Mà ở nơi *thọ báo* Chúng sanh,  
 Khởi lòng *từ bi* đấng bình,  
 Thị hiện *hóa độ* pháp lành rãi ban.

Thấy Chúng *mê* nên than cảm vậy,  
 Có *ưu bi* chẳng phải *ưu bi*,

Xem hàng nhơn loại trần ni  
 Như đứa con một không gì biệt phân.

Thiện nam tử ! Thọ thân sự thiệt  
 Vô Tướng Thiên không biết bao nhiêu,  
 Chỉ **Phật** thấy rõ mọi điều,

Chẳng phải người thế, ít nhiều hiểu qua.  
 Nhẫn cho đến trời là *Phi tướng*,  
*Phi phi tướng* thọ mạng khó lường.  
 Nay **Ca Diếp** ! Phải am tường  
 Về **Như Lai tánh** *Chơn thường* tịnh thanh.  
 Không ô nhiễm vô minh *Ngũ trước*,  
 Dường *hóa thân* từ trước đến nay,  
 Chỗ nào mà có nạn tai  
*Ưu bi* khổ não, **Như Lai tánh** bày.  
 Nếu nói **Đức Như Lai** ! *Ứng Cúng* !  
 Không *ưu bi* đó cũng là sai,  
 Thế nào làm lợi muôn loài ?  
**Phật pháp** không thể hoằng khai duy trì.  
 Và nếu nói *ưu bi* dứt hẳn,  
 Sao lại còn *bình đẳng* Chúng sinh,  
 Xem như **Hầu La** con mình  
 Lời nói trên đó vô tình *vọng* sai.  
 Thiện nam tử ! Ông nay đã rõ  
 Bởi do vì nghĩa đó hoàn toàn,  
**Phật, pháp** không thể nghĩ bàn  
 Luận về **Phật tánh** lại càng khó tri,  
*Thọ mạng* của cõi trời *Vô tướng*

Không nghĩ bàn *ức* lượng đoán suy.

**Đức Như Lai** có *ưu bi*

Hay không cũng chẳng ai thì hiểu thông,

Là *cảnh giới* của trong **Chư Phật**,

Hàng *Nhị thừa* khó thật biết qua.

Thiện nam tử ! Như cửa nhà,

Bụi đất, rừng rậm, hoặc là núi sông,

Tất cả vật hiện trong cõi thế,

Không thể nào trụ giữa *hư không*.

Nhưng nếu nhà cửa nói chung

Chẳng cần nhờ đến *hư không* đó mà

Khó *trụ* yên cửa nhà đứng vững.

Lời nói đó không đúng vậy đâu.

Do nghĩa trên rất cao sâu,

Chẳng nói nhà cửa *trụ* vào *hư không*

Hay chẳng *trụ*, cũng hòng không được,

Vì cả hai *chấp trước* đều lầm.

Kẻ *phàm phu* dẫu nói rằng,

Nhà *trụ* đứng vững nhờ phần *hư không*,

Nhưng *hư không* vốn là *Vô trụ*,

Tánh *hư không* trống rỗng xưa nay.

Thiện nam tử ! Lại như vậy,

Không thể nào nói tâm này *trụ* nơi  
*Ấm, giới, nhập*, hay thời chẳng *trụ*.  
 Thọ mạng *Trời Vô Tướng* khác chi.  
**Đức Như Lai** có *ưu bi*,  
 Hay không cũng vậy, lấy gì để tri.  
 Nếu **Phật** không *ưu bi* dứt hẳn,  
 Thế sao nói *bình đẳng* Chúng sinh,  
 Xem như **Hâu La** con mình,  
 Trời, người, *Tam giới* hữu tình như nhau.  
**Phật** nếu có ưu sầu khổ não,  
 Không khác gì *Lục đạo* Ta bà,  
 Cớ sao lại nói **Phật Đà**  
**Như Lai tánh** ấy đồng là *hư không*.  
 Thiện nam tử ! Như nhà ảo thuật  
 Dầu hóa làm muôn vật hiện ra  
 Cung điện, bắt trời, mở tha,  
 Vàng bạc, cây cối, rừng già, .v.v...  
 Đều không có *tánh* chân thật ấy,  
 Đó chỉ là ảo thuật bày qua.  
 Cũng vậy, **Như Lai Phật Đà**  
*Tùy thuận* thế tục hiện ra trong trần,  
 Có *ưu bi*, thiệt chân không có,

Vì **Như Lai** *chứng nhập Niết Bàn*,  
 Nào lại có sự khổ than  
 Ưu bi *hư vọng* buộc ràng *Chơn tâm*.  
 Nếu có kẻ cho rằng **Đức Phật**  
 Nhập **Niết Bàn** quả thật *Vô thường*,  
 Nên biết người này đáng thương !  
 Tâm còn sâu khổ vấn vương tục đời.  
 Thiệt nam tử ! Như người bực hạ  
 Biết Pháp hạ mình đã học qua,  
 Chẳng biết Pháp trung rộng xa,  
 Hoặc đối Pháp thượng khó mà hiểu thông.  
 Người bực trung tâm lòng sự thiệt  
 Biết bực trung chẳng biết cao hơn.  
 Bực thượng quán triệt Pháp chơn  
 Trung, hạ đều rõ tận tường biệt phân.  
 Cũng thế, hàng *Thanh Văn, Duyên Giác*  
 Chỉ biết *Quả* chứng đạt của mình.  
**Như Lai** cứu độ *Chúng sinh*  
 Là bực đệ nhất trí minh vẹn toàn,  
 Tự biết mình và hàng bực khác,  
 Không bao giờ thất lạc lầm sai.  
 Vì thế, nên **Đức Như Lai**

Là đáng *vô ngại biện tài* minh quang,  
*Tùy thuận* theo thế gian hóa hiện  
 Nhiều *phương tiện* quyền biến tướng hình.

*Kẻ phàm phu* mắt thịt nhìn  
 Cho là như thật giống in người đời.  
 Muốn thấu hết rõ nơi *vô lượng*  
 Trí *vô ngại* tối thượng cao sâu,  
 Quan niệm này không đúng đâu,  
 Mò kim đáy biển khó âu vô cùng.

**Đức Như Lai** *ưu bi* có thật  
 Hay không thì chỉ **Phật** biết đây.  
 Do đó, vì *nhơn duyên* này,  
*Vô ngã, Pháp ngã* cả hai chẳng đồng.  
 Đây gọi là ở trong Điều Dụ  
 Chim Oan Ưng, chim *Ca Lô Lô*.

Cùng bay rồi lại cùng về,  
 Đồng chung chỗ ở, không hề rời xa.  
 Thiện nam tử ! Cũng là như thế  
**Phật pháp** dường ví thể loài chim.

Mùa thanh hạ chúng đi tìm  
 Gò cao làm ổ ấm êm mọi bề,  
 Rồi sau mới quay về chốn cũ



Nơi sanh sống thường trú lâu dài.

Cũng vậy, *Thiện Thệ Như Lai* !

*Xuất thế* giáo hóa muôn loài Chúng sanh,

Mong muốn đều thiện lành *giác ngộ*,

Như chim kia làm ổ gò cao

Cho đàn con ở yên nào

Không lâu chúng cũng rừng sâu bay về.

**Đức Như Lai** Đại thể rộng hoát

*Độ* Chúng sanh *giải thoát* khổ than

Chỗ làm khi đã hoàn toàn

Bèn *nhập* vào **Đại Niết Bàn** liễu viên.

Thiện nam tử ! Phải nên hiểu thấu

Pháp *Khổ* khác không giống Pháp vui,

Những *hành pháp* là khổ thời,

**Niết Bàn** đệ nhất đời đời vui thay!

Vì đã lia dứt ngay *hành pháp*

Nên không còn kết tập khổ sầu.

**Ca Diếp** nghe qua cú đầu :

“Bạch **Phật** thưa hỏi : Thế nào *Chúng sanh* !

Chúng **Niết Bàn** đắc thành *giải thoát*,

Gọi đệ nhất an lạc tối cao ?”.

Này *Thiện nam tử* nghe nào!

Như lời **Ta** nói trước sau rõ ràng,  
 Các *hành pháp* thế gian hòa hiệp  
 Gọi đó là lão, tử, ưu, bi.

Cẩn thận chẳng nên *phóng dật* đây,  
 Gọi là *Cam lộ* được mầu thay.  
 Tâm còn *phóng dật* không trừ dứt  
**Tử cú**, ưu, bi chịu khổ hoài.  
 Người chẳng bao giờ sanh *phóng dật*  
 Tức thời bất tử thoát nạn tai,  
 Kẻ kia *phóng dật* không từ bỏ  
 Thường đến, vào nơi tử lộ này.

Nếu còn *phóng dật* gọi là  
*Pháp hữu vi* buộc tâm ta đời đời.  
*Phóng dật* vốn khổ thời đệ nhất ;  
 Nếu không còn, *chứng nhập Niết Bàn*.

**Niết Bàn** *giải thoát* tịnh an,  
*Cam lộ* đệ nhất thanh nhàn tuyệt vui.  
 Nếu xu hướng *chấp* nơi *hành pháp*,  
 Là tử, thọ đệ nhất khổ đời.

Nếu đến **Niết Bàn** an nơi  
 Gọi là bất tử, thọ vui đời đời.

Nếu tâm đã xa rời *phóng dật*,  
 Dầu nhóm họp các *hành pháp* này  
 Cũng là thường lạc an bày  
 Thân chẳng phá hoại, lầm sai vạy tà.  
 Thế nào đáng gọi là *phóng dật*,  
 Chẳng *phóng dật* sự thật ra sao?  
 Hàng *phàm phu* ở trần lao  
 Chẳng phải bực *Thánh* đức cao hơn người,  
 Thời gọi là còn nơi *phóng dật*,  
 Pháp thường tử, trói chặt buộc ràng.  
 Bực *Thánh* xuất thế vẹn toàn  
 Là chẳng *phóng dật*, không còn tử sanh.  
 Vì *chứng nhập* tự thành *giải thoát*  
 Quả **Niết Bàn** thường lạc thiệt chân.  
 Do nghĩa này nên hiểu rằng  
 Pháp *Khổ* có khác, sao bằng Pháp vui,  
 Pháp *Ngã* khác pháp thời *Vô ngã*  
 Lời **Thế Tôn** *giáo hóa* không sai.  
 Như người đứng dưới đất này  
 Chẳng thể thấy dấu chim bay bầu trời.  
 Thiện nam tử ! Người đời mờ ám  
 Vì không có *Thiên nhãn* đủ đầy,

Ở trong *phiền não* phủ đầy  
 Nên chẳng thấy được **Như Lai tánh** này.  
 Cho nên **Ta** truyền khai chơn thật  
*Pháp Vô ngã* bí mật bày ra.  
 Bởi người côi thế *Ta* bà  
 Ít có *trí huệ* nhìn xa rộng tầm,  
 Chẳng biết đặng thiệt chơn *Chơn ngã*.  
 Mà *vọng chấp* nơi *Ngã* hữu vi.  
*Vọng tâm* danh lợi mê si  
 Tham, sân che lấp tánh thì thiện lương  
 Đây chính là *Vô thường*, **Ta** nói:  
 “*Pháp Thường* khác với *Pháp Vô thường*”.

Người luôn  *tinh tấn*  chí không phai  
 Hoặc ở non cao đánh núi đây  
 Đồng trống, đất bằng, thường quán thấy  
*Phàm phu* cho đến cả muôn loài,  
 Bước lên Đại Điện *Quang minh* trí  
*Vô thượng* đài cao *vi diệu* thay!  
 Đã tự dứt trừ ưu khổ não  
 Và cùng thấy Chúng khổ bi ai.

**Như Lai** diệt tận não phiền

Ở núi *trí huệ* tuyệt nhiên an nhàn,  
 Thấy *Chúng sanh* đa đoan gây tạo  
 Vô số lượng *phiền não* sâu dày.

**Ca Diếp !** Liền hỏi **Như Lai :**

“**Thế Tôn !** Ý nghĩa của bài kệ trên  
 Thật không đúng có bèn sai khác.  
 Vì người *nhập* vào **Đại Niết Bàn**  
 Không còn hỷ lạc, sầu than,  
 Đã rời *Tam giới* ba ngàn *Đại Thiên*,  
 Thế nào đặng lên đài *Trí huệ*  
 Ở đỉnh núi nhìn thấy muôn loài ?”.

Thiện nam tử ! Nghe giải bày

“Điện *Trí huệ* đó nói đây **Niết Bàn**,  
 Người diệt khổ chỉ hàng **Chư Phật**,  
**Đức Thế Tôn** hay bậc **Như Lai**.

Người có sầu khổ bi ai

Dụ cho sanh chúng như loài *phàm phu*.

Bởi *phàm phu* còn *ưu bi* khổ,

**Đức Như Lai** thoát chỗ *ưu bi*.

Ở trên đỉnh núi *Tu Di*

Gọi là *giải thoát* chánh tri đã thành.

Người  *tinh tấn* tu hành dũng mãnh

Tâm không động so sánh *Tu Di*,  
 Đất như công hạnh *hữu vi*  
 Phàm phu **hành nghiệp** phát huy mông dầy.  
 Người *trí huệ* gọi đây *Chánh giác*,  
 Là *hữu lậu*, *giải thoát* Sáu đường,  
 Thường trụ trong khắp mười phương,  
 Đáng gọi là **Phật**, thế gian tôn sùng.  
**Đức Như Lai** vô cùng thương xót  
 Xem *Chúng sanh* con một **Hầu La**  
 Bị trúng tên độc *Ta bà*,  
 Nên nói rằng **Phật** có là *ưu bi*".  
 Ngài **Ca Diếp** gối quỳ bạch **Phật**:  
 “Thưa **Thế Tôn** ! Giả sử nếu như  
**Đức Như Lai** có *ưu bi*  
 Chẳng gọi là *Chánh Biến Tri Phật Đà*”.  
 Thiện nam tử ! Lời **Ta** huấn dụ.  
 Mọi việc đều có đủ *nhơn duyên*.  
 Tùy chỗ nào khổ đảo điên  
*Chúng sanh* đáng được pháp tuyên giảng bày,  
**Đức Như Lai** không nài gian khổ  
 Luôn thị hiện *hóa độ* bằng nay.  
 Dầu thọ sanh trong cõi này

Nhưng thiệt không có sanh loài phàm nhân,  
Nên **Thế Tôn** pháp hăng *thường trụ*.  
Như ví dụ giống chim Oan Ưng,  
Chim *Ca Lô Đề* tựa nương  
Cùng bay, cùng ở chung đường với nhau.

- **Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật** (3 lần)







**KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN**

**PHẨM “NGUYỆT DỤ”**

**Thứ Mười Lăm**



# KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN



## PHẨM “NGUYỆT DỤ”

### (Thứ Mười Lăm)

**Phật** bảo ngài **Ca Diếp Bồ Tát** :

“Như có người không thấy mặt trăng.

Cho rằng trăng lặn khuất dần

Nhưng thiệt không mất mặt trăng bao giờ,

Đang hiện ra ở nơi phương khác

Người xứ kia nhìn thấy mặt trăng,

Cho rằng trăng mọc sáng ngân,

Không đồng vì bởi che ngăn địa cầu.

Nên bốn phương khó hầu thấy hết

Cho là trăng mọc, lặn đổi thay.

Nhưng thật ra mặt trăng đây

Không có mọc, lặn thường hay sáng bày.”

Cũng vậy, **Đức Như Lai Ứng Cúng** !

*Chánh Biến Tri* đây cũng tự nhiên,

Hiện ra thế giới *Đại Thiên*,

Hoặc sanh tại chốn cõi *Diêm Phù Đề*,  
Có cha mẹ không hề sai khác,  
Người cõi này cho **Phật Như Lai**  
Giáng sanh *Diêm Phù Đề* này  
Thọ mạng thân mạng như loài thế gian,  
Hoặc *thị hiện Niết Bàn diệt độ*  
*Chúng sanh* cho **Phật** bỏ thân phàm.  
Nhưng nếu quan sát rõ ràng  
**Như Lai tánh** chẳng hợp tan đổi dời,  
Không hư hoại, không thời sanh diệt,  
Từ xưa nay chơn thiệt thường hằng.  
Vì cứu độ Chúng phàm nhân  
Thị hiện *Sanh diệt* mang thân giống người.  
Thiện nam tử ! Cũng thời như vậy,  
Xứ phương này nhìn thấy trăng vàng  
Tròn vìn sáng tỏ hoàn toàn,  
Xứ khác lại thấy trăng tàn khuyết đi,  
Cả bốn phương nghĩ suy *phân biệt*,  
Trăng mọc tròn hay khuyết đều sai.  
*Diêm Phù Đề* người cõi này!  
Bắt đầu nhìn thấy trăng bày hiện ra

Nói mừng một sang qua đầu tháng,  
Lúc trăng tròn lại đoán ngày rằm.

Nhưng thiệt ánh sáng mặt trăng  
Chiếu soi mãi mãi chẳng phân khuyết, tròn  
Tại vì còn che ngăn *chương ngại*,  
Có thêm, bớt nên thấy khác đây.

Muốn *độ* Chúng sanh muôn loài  
*Ứng Cúng, Thiện Thệ, Như Lai, Phật Đà*  
Hoặc giáng sanh hay là *diệt độ*  
Cũng *tùy duyên* có chỗ biệt phân.

**Đức Như Lai** mới giáng trần  
Ví như đầu tháng mặt trăng lưỡi liềm.  
Đi bảy bước, ứng điềm xuất chúng  
Như mặt trăng mới đúng mừng hai.

Vào học đường, như trẻ đây,  
Mặt trăng vừa mọc đúng ngày mừng ba.  
Lúc thị hiện *xuất gia* tầm đạo  
Như mặt trăng mừng tám nửa vầng.

Phóng *quang minh* chiếu vô ngần.  
Phá tan *vô lượng* lưới trần *Ma Vương*  
Như trăng tròn ngày rằm rực sáng

Không còn bị những áng mây giăng.  
*Ba mươi hai tướng* tuyệt trần  
*Tám mươi vẻ đẹp tự trang nghiêm* mình.  
Rồi **Niết Bàn** viên minh *thù thắng*  
Như cuối tháng mặt trăng ẩn tàng.  
Chỗ thấy *Chúng sanh* thế gian  
Có tròn, có khuyết, xứ phương chẳng đồng,  
Nhưng mặt trăng thiệt không thêm bớt  
Luôn chiếu soi *vô tận* đủ đầy.  
Cũng vậy, *Pháp thân* **Như Lai**  
*Thường trụ* chẳng chút mãi mai hao mòn.  
Thiện nam tử ! Trăng tròn sáng tỏ  
Chiếu khắp nơi thấy rõ xóm làng,  
Đầm hồ, biển cả thênh thang,  
Ngàn sông có nước, trăng vàng hiện ra.  
Dầu cho là đi xa muôn dặm  
Vẫn thấy trăng soi bước ta đi.  
Phàm phu *tâm tưởng* mê si  
Ít ai nhận thức giác tri tận lòng,  
Trăng trước kia sáng trong thành ấp,  
Nào khác trăng bắt gặp đáy hồ

Càng suy nghĩ dạ lơ mờ  
Cảnh trăng *duyên* hợp mới phô hiện bày.  
Mỗi người tưởng đều sai lệch hết  
Hình dáng của ánh sáng mặt trăng;  
Lớn như tợ bánh xe lăn,  
Nhỏ như miệng chậu hoặc bằng miệng thau ...  
Mặt trăng này trước sau có một  
Mà nhận thấy hình dáng khác sai.  
Cũng vậy, **Thế Tôn Như Lai !**  
Xuất hiện nơi chốn trần ai *Ta bà*,  
Trời hay người nghĩ là **Đức Phật**  
Hiện đang ở trước mặt chúng tôi.  
Cũng có *Chúng sanh* khác thời  
Cho rằng **Đức Phật** hiện nơi mặt mình,  
Hoặc có kẻ điếc câm nghĩ tưởng  
**Đức Như Lai** có tướng điếc câm.  
Muôn loài khác giọng, khác âm,  
Khác nhau tiếng nói, khác thân dạng hình,  
Đều cho là âm thanh **Đức Phật**  
Đồng tiếng nói giống thật mọi loài.  
Họ đều nghĩ rằng **Như Lai**

Đang thọ *cúng thí* tại ngay nhà mình.  
Có người lại thấy nhìn thân **Phật**  
Lớn *vô lượng* sự thật khó phân.  
Có loài lại thấy **Phật** thân  
Cho là nhỏ bé giống dân *Ta bà*.  
Có kẻ thấy **Phật** là hình dáng  
Bực *Thanh Văn, Duyên Giác* tại trần.  
Có hàng *ngoại đạo* cho rằng  
**Như Lai Ứng Cúng** ly thân lánh đời.  
Lìa ngôi vương cắt rời thọ ái  
Như người trong giáo phái chúng ta.  
Hoặc có *Chúng sanh* nghĩ là  
**Phật** vì nhơn loại *Ta bà* giáng sanh  
Hiện nơi đời tu thành *đạo quả*  
*Độ* chúng ta và cả mọi loài.  
Nhưng thiệt tánh của **Như Lai**  
*Pháp thân* bất hoại vượt ngoài thế gian,  
Thân *Vô sanh* hoàn toàn ứng dụng,  
Thân *phương tiện* độ *Chúng* trời, người  
Nên **Phật** hóa ra khắp nơi.  
Chỗ nào có nước trắng thời hiện ra.



Do nghĩa này **Phật Đà** *thường trụ*  
Không hao tổn, biến đổi, giảm tăng.  
Thiện nam tử ! Người cỡi trần  
Thấy mây che lấp mặt trăng nghĩ là,  
Trăng chẳng còn, tối lòa, mất dạng  
Nào có ngờ trăng sáng trong mây.  
Dầu **A Tu La Vương** đây  
*Thần thông* quảng đại lấy tay phủ dài  
Che cản hết bên ngoài mặt Nguyệt  
Người không biết sự thiệt nói rằng,  
Linh cầu nuốt mất mặt trăng  
Cảnh trần tăm tối lại càng tối tăm.  
Nhưng mặt trăng *thường hằng* đầy đủ  
Luôn vững bền an trụ lâu dài,  
Lúc **A Tu La** thấu tay,  
Hoặc là gió thổi tan mây không còn,  
Người đời cho trăng tròn trở lại  
Và chịu nhiều mắc phải khổ đau.  
Nhưng mặt trăng không hề nào  
Có những sự cố ấy đâu tai nạn,  
Giả sử như trăm ngàn thần quỉ

Chẳng thể làm tiêu hủy mặt trăng.  
**Như Lai** *thị hiện* giáng trần  
Cũng gặp lắm kẻ ác, sân, hung tàn,  
Hại **Phật Đà** thân mang chảy máu  
Trở thành tội nghịch đạo vô nghì,  
Hủy báng *Chánh Pháp Từ Bi*  
Thành hạng là *Nhứt Xiển Đề* tội danh.  
Vì *nghiệp chướng* Chúng sanh nhờn loại  
Mà ác tâm phá hoại Tăng đoàn,  
Muốn diệt *Chánh Pháp Phật* ban,  
Thật ra chẳng có hoàn toàn hết đâu.  
Dầu *Ma Vương* gieo sâu chuốc hận  
Không thể nào hại đặng *Pháp thân*  
**Như Lai** chảy máu được chẳng?  
Vì thân của **Phật** ví bằng *hư không*,  
*Pháp* và *Tăng* cũng đồng như vậy,  
Đời đời luôn bất hoại bất hư.  
Thiện nam tử ! Cũng ví như,  
Trên đài thượng võ hai người đấu nhau  
Để phân hạng thấp cao thứ bậc  
Nhiều rủi ro đến mất mạng thân

Cả hai nêu cao tinh thần  
 Không có tư tưởng sát nhân hại người,  
 Nên *ngiệp tướng* ấy thời nhẹ nhất  
 Chẳng ghép vào *Pháp luật* ở đây.  
 Đối với **Thế Tôn Như Lai** !  
 Lòng từ thương Chúng muôn loài cao thâm.  
 Vốn không có chủ tâm giết hại  
 Dầu làm **Phật** thân chảy máu ra,  
*Nghiệp* này cũng nhẹ đó mà  
 Bởi không cố ý hại **Ta** bỏ mình.  
 Vì *giáo hóa* Chúng sinh *Lục đạo*,  
**Phật** thị hiện *ngiệp báo* khổ nguy. (**lay**)  
 Thiện nam tử ! Như lương y  
 Dem những phương thuốc diệu kỳ lâu năm  
 Truyền người con có tâm y đức  
 Để sau này tận lực cứu đời.  
 Đưa con cung kính vâng lời  
 Chuyên cần học tập chẳng thời bỏ qua.  
 Ít lâu sau cha già y mất,  
 Người con thảo than khóc thế này :  
 “Lúc sống cha dạy đủ đây

Mật truyền phương thuốc rất hay như vậy ...”

Cũng vậy, **Thế Tôn Như Lai !**

*Giáo hóa* sanh chúng nên bày chế ra

Bao *giới luật Tăng* già giữ lấy,

Phải *thọ trì* như vậy lành thay!

Chớ phạm *ngũ nghịch* khổ chầy,

Chê bai *Chánh Pháp* đọa đày tẩm thân.

*Nhứt Xiển Đề* phải cần xa lánh,

Nhớ quyết tâm lập hạnh cao thanh.

Vì đời vị lai *Chúng sanh*

Khởi các tội ác bất lành gây ra.

Nên *thị hiện* cũng là như vậy,

Các *Tỳ Kheo* nghe thấy sửa sang,

Sau khi **Phật** nhập **Niết Bàn**

Rõ biết như vậy lại càng tự tin.

Đây là nghĩa *Khế Kinh* sâu lắng,

Đây là *tướng nhẹ*, nặng *giới răn*,

Đây là luận độ biệt phân,

Trong những *Pháp cú* phải cần thông qua.

Như người con thương cha than khóc

Những căn bản nên học như vậy ...

*Diêm Phù Đề* người cõi này  
Sáu tháng mới thấy hiện bày xảy ra  
Mặt trăng đây ắt là bị nuốt,  
Còn cõi trời trong khoảng một giây  
Đã nhiều lần thấy việc này  
Mặt trăng bị nuốt trước ngay mắt mình.  
Vì thời gian *Chúng sinh* nhơn loại  
Lại ngắn hơn nơi cõi trời dài.  
Thiện nam tử ! Lại như vậy,  
Trời, người đều nghĩ lâu nay cho rằng  
Tuổi thọ **Phật** ở trần quá ngắn  
Sống không trọn đủ chẵn trăm năm.  
Như *Chư thiên* thấy mặt trăng  
Bị nuốt cũng vậy nhiều lần trải qua.  
Trong giây phút **Phật Đà thị hiện**  
Trăm ngàn *ức* chứng nhập **Niết Bàn**,  
Các *Ma phiến não* buộc ràng,  
Hay *Ma ngũ ấm* phá tan hoàn toàn.  
Vì vậy, nên trăm ngàn muôn ức  
*Thiên ma* đều biết **Đức Như Lai**  
Nhập **Niết Bàn** trong phút giây

Cũng lại như vậy ... không tà luận phân.

**Phật** thị hiện cõi trần vô lượng

Những nhơn duyên nghiệp chướng tiền thân.

Thuận theo **Chủng tánh** phàm nhân

**Như Lai ứng hóa** tướng thân vô vàn.

Chẳng thể nào nghĩ bàn hiểu thấy

**Tánh Như Lai** mãi mãi thường chân.

Thiện nam tử ! Như mặt trăng

Khi mọc tròn sáng trong ngần chiếu soi.

Tất cả thấy muôn người ứng nguyện

Nên gọi là **lạc kiến** thiệt chân,

Những ai có *tham, si, sân*

Chẳng đặng **lạc kiến** đắc phần trên đây.

**Tánh Như Lai** xưa nay thuận thiện

Luôn *thanh tịnh* không *nhiễm* trần tình,

Đáng gọi **lạc kiến** chơn minh.

Người nào ưa thích nghĩa **Kinh Niết Bàn**

Thường nhìn ngắm dung nhan **Đức Phật**

Không muốn rời khỏi mắt phút giây,

Còn người tâm ác ở đây

Chẳng ưa, dầu ngắm **Như Lai** một lần.

**Đức Phật** dụ mặt trăng tròn sáng  
 Để ngắm nhìn thỏa mãn lòng người.  
 Thiên nam tử ! Như mặt trời  
 Có ba mùa định mọc thời khác nhau.  
 Ngày mùa Đông, qua mau thì ngắn,  
 Ngày mùa Xuân, vừa vặn đủ đầy,  
 Ngày mùa Hạ, mọc rất dài.  
 Ba mùa lập định khác sai chẳng đồng.  
 Cũng vậy, cõi *Đại Thiên thế giới*  
 Người tuổi thọ ngắn ngủi mạng thân,  
 Như hàng *Tiểu Thừa Thanh Văn*.  
**Đức Phật** thị hiện tuổi trần ngắn thay!  
 Những hạng người trên đây thấy vậy,  
 Đều cho rằng **Như Lai Thế Tôn**  
*Thọ mạng* không đặng trường tồn  
 Dụ cho ngày của mùa Đông ngắn thì.  
 Đối với hàng *Từ Bi Bồ Tát*  
**Đức Như Lai** thị hiện khác hơn,  
 Tuổi thọ bực trung bình thường,  
 Nửa kiếp, một kiếp thọ trường mạng thân,  
 Dụ như ngày mùa Xuân vừa vặn

Không ngắn, dài cũng chẳng giảm, tăng.  
 Chỉ **Phật** thấy **Phật** mạng thân  
 Không lường thọ lượng *vi trần Hằng sa*,  
 Dụ cũng như ngày qua mùa Hạ  
 Mặt trời mọc bóng xế kéo dài.  
 Thiện nam tử ! Lại như vậy,  
*Giáo Pháp Phương Đẳng Như Lai* nói là  
**Đức Thế Tôn Phật Đà** thị hiện  
 Rưới mưa lớn xây chuyển thế gian  
 Đại *Chánh Pháp* được bố ban  
 Mở đường như loại sớm sang **Niết Bàn**.  
 Đòi vị lai nếu hàng *Phật tử*  
 Có người nào gìn giữ Kinh này,  
*Thọ trì, khai thị, giảng bày*  
 Làm cho *lợi ích* muôn loài *Chúng sanh*.  
 Những người này đắc thành **Bồ Tát**,  
 Như mùa Hạ hết khát nhờ mưa.  
 Nếu là có hàng *Nhị Thừa*  
*Thanh văn, Duyên Giác* thích ưa Kinh này  
 Thì ví dụ như ngày rất ngắn  
 Vào mùa Đông thân chẳng ấm lòng.



Hàng **Bồ Tát** bực trí thông  
Nghe **Như Lai tánh** tâm không nghi ngờ,  
**Phật** *thường trụ* đời đời bất diệt,  
Như mùa Xuân thuận tiết nở hoa.  
**Như Lai tánh** vốn thật ra  
Không có dài ngắn hay là giảm tăng,  
Vì *tùy thuận* cõi trần nhơn loại  
Mà *thị hiện* cứu lấy muôn loài.  
Đó chính là **tánh Như Lai**  
Chơn thật vĩnh viễn không thay đổi đời,  
Của **Chư Phật** ba đời thành tựu  
**Như Lai tánh** đầy đủ xưa nay.  
Thiện nam tử ! Ví ban ngày  
Các Vì Sao chẳng tỏ bày hiện ra.  
Người thiếu trí cho là Sao lặn  
Kỳ thiệt ra Sao chẳng lặn thời.  
Vì ánh sáng của mặt Trời  
Che ánh sáng các Vì Sao kia.  
Nên chẳng hiện đó là như vậy,  
Hàng *Thanh Văn* khó thấy **Như Lai**.  
Cũng vậy, loài người cõi này

Ban ngày không thấy được rày Sao, Trăng.  
 Cũng có lúc cỗi trần tăm tối,  
 Gặp muôn điều bão tố phong ba,  
 Nhật, Nguyệt chẳng thể hiện ra  
 Kẻ ngu thấy vậy cho là mặt Trăng  
 Cùng mặt Trời lặn dần mất hẳn,  
 Nhưng Nhật, Nguyệt chẳng lặn mất đâu.  
 Lúc *Chánh Pháp* chịu tai sâu  
*Kinh điển vi diệu* nhiệm mầu **Như Lai**  
 Cũng sẽ diệt một ngày nào đó,  
*Tam Bảo* đây cũng khó trụ an.  
 Nhưng không dứt hẳn hoàn toàn,  
 Ví như Nhật Nguyệt ẩn tàng lớp mây.  
 Phải tin rằng **Như Lai** thường trụ  
 Không hư hoại biến đổi diệt sanh.  
 Chọn tánh *Tam Bảo* tịnh thanh  
 Chẳng bị ô nhiễm hôi tanh bụi trần.  
 Ví như đêm không trăng u tịch  
 Sao Chổi thường xuất hiện mọc ra  
 Trong giây phút chiếu sáng lò  
 Không lâu lặn mất như là hoa rơi.

*Chúng sanh* nhìn thấy thời cho đó  
 Điềm chẳng lành đời khổ nạn nguy.  
 Cũng vậy, có bực **Bích Chi**  
 Ra đời giữa lúc thời kỳ khó khăn  
 Không có **Phật** giáng trần giáo Chúng  
 Nên người đây ai cũng cho rằng  
**Đức Phật diệt độ** thật chân  
 Rồi sanh buồn khổ tủi thân tâm lòng.  
*Pháp thân Phật* vốn không diệt hẳn,  
 Như Nhật, Nguyệt sáng đặng lâu dài.  
 Thiện nam tử ! Lại như vậy,  
 Lúc mặt trời mọc chiếu tan sương mù.  
**Đại Niết Bàn** cũng như vậy đó,  
 Ở trong đời sáng tỏ hiện bày,  
 Nếu có *Chúng sanh* nào đây  
 Một lần nghe được Kinh này ngộ tu,  
 Đều có thể dứt trừ tất cả  
 Nghiệp *vô gián* trước đã tạo gây.  
 Chơn **Kinh Đại Niết Bàn** này  
*Cảnh giới Chư Phật* lành thay nghĩ bàn,  
 Khéo nói được rõ ràng **tánh Phật**

Vốn *thậm thâm vi mật* diệu phương.  
 Do nghĩa sâu rất khó lường  
 Nên *Thiện nam tử, nữ* hơn đời này  
 Đối với **Đức Như Lai** tin nhận  
**Phật** thường trụ thù thắng vô biên.  
*Chánh pháp* chẳng dứt đoạn *duyên*,  
**Tăng Bảo** chẳng diệt trụ yên *Ta bà*.  
 Cố gắng tạo nhiều ra *phương tiện*  
 Siêng năng học *Kinh Điển* này sâu.  
 Người như vậy, chẳng bao lâu  
 Sẽ chứng *vô thượng* đạo mầu **Như Lai**.  
 Vì thế nên Kinh này tốt bậc,  
 Vô số lượng *công đức* kết thành,  
 Cũng là *Chánh Giác* xứng danh  
 Chẳng cùng, chẳng tận, *Pháp* lành vô chung  
 Do vì chẳng tận cùng bất hoại  
 Nên đặt gọi là **Đại Niết Bàn**. (lay)

- **Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật** (3 lần)



**KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN**

**PHẨM “BỒ TÁT”**

**Thứ Mười Sáu**



# KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN



## PHẨM “BỒ TÁT”

### (Thứ Mười Sáu)

**T**hiện nam tử ! Luận về ánh sáng.  
Thời Nhật, Nguyệt hơn các Vì Sao.  
Ánh sáng **Niết Bàn** trùm bao  
Rất là siêu tuyệt nhiệm mầu oai linh.  
Ánh sáng các *Khế Kinh* gom lại  
Cũng không thể so sánh ngang hàng  
Với ánh sáng **Đại Niết Bàn**  
Chiếu soi thấu tận mười phương tột cùng,  
Vào các lỗ chơn lông sanh chúng,  
Dầu tuy nay chưa đặng *phát tâm*  
*Bồ Đề* rộng lớn cao thâm  
Nhưng cũng đã được gieo mầm *nhân duyên*.  
Về sau này *phước điền* tăng trưởng,  
Vì thế nên, gọi **Đại Niết Bàn**.  
**Ca Diếp Bồ Tát** bạch rằng:

Như lời **Phật** thuyết mở mang vừa rồi.  
 “Ánh sáng **Đại Niết Bàn** chiếu rộng  
 Vào các lỗ chơn lông *Chúng sanh*,  
 Tuy chưa *phát nguyện* chí thành,  
 Nhưng cũng đã được như lành tương lai”.  
 Xét ra nghĩa trên đây chẳng đúng  
 Mong *Thiện Thệ! Ứng Cúng!* giảng bày.  
 Bạch **Thế Tôn** ! Như người đây  
 Phạm *bốn giới trọng* tội này nặng sâu,  
 Hoặc gây tội phạm vào *Ngũ nghịch*,  
*Nhứt Xiển Đề Phật Pháp* bất tin,  
 Nếu ánh sáng *Đại quang minh*  
**Niết Bàn** chiếu rọi thân hình người đây  
 Mà được như *Bồ đề* hiện tại,  
 Chẳng khác người *trì giới* tịnh thanh  
*Tu tập các Pháp* hạnh lành  
 Còn chưa chắc chứng đạo thành tương lai.  
 Nếu không khác, sao nay **Phật** nói  
 Nghĩa *Tứ Y*, học hỏi làm gì?  
 Bạch **Thế Tôn**, *Chánh Biến Tri* !  
 Như lời **Phật** thuyết : Có thì *Chúng sinh*  
 Một lần nghe đặng Kinh *Phương Đẳng*



**Đại Niết Bàn** trừ hẳn não phiền.

Trước kia **Như Lai Pháp** tuyên

Trước mặt *Đại chúng* vô biên trời, người.

Nói có người ở nơi **Chư Phật**

Vô số kiếp sự thật trải qua

*Phát tâm* cầu đạo *Ma Ha*,

Nhưng khi vị đó nghe qua **Niết Bàn**

Còn chẳng hiểu hoàn toàn nghĩa lý,

Huống hồ đây nghe chỉ một lần

Mà được *thanh tịnh* Sáu căn

Diệt dứt *phiền não* thiệt chân lẽ nào ?

Thiện nam tử ! Đạo mâu siêu việt.

*Nhứt Xiển Đề* tâm thiệt chẳng tin,

Còn những người khác nghe Kinh

Này đều *giác ngộ* sửa mình Chánh chơn

Họ đều đặng có *nhơn duyên* lớn

Phát *Bồ Đề* vô thượng sâu dày.

Ánh sáng của tiếng *Pháp* này

Chiếu vào các lỗ chơn lông mọi loài

*Quyết định* sẽ tương lai chắc chắn

Đặng đắc thành *Chánh Đẳng* không hai.

Vì người có *công đức* dày

*Cúng dường vô lượng Như Lai Phật Đà*

Thời mới đặng nghe qua *Phương Đẳng*

**Kinh Niết Bàn** thù thắng tối cao.

Người *phước* mỏng chẳng thể nào

Nghe Kinh này hiểu, nghĩa sâu **Phật** bày.

Việc lớn như trên đây đã nói,

Người đại *phước* nghe hiểu phát huy

Kẻ tiểu hơn khó thực thi

Có nghe thời chẳng duy trì được lâu.

Những gì gọi cao sâu việc lớn ?

Chính là chỉ *tạng* mật **Như Lai**

Của **Chư Phật** từ xưa nay,

Tức là **Phật tánh** muôn loài *Chúng sanh*.

Ngài **Ca Diếp** ! Chí thành bạch **Phật**:

“Thưa **Thế Tôn** ! Mong **Phật** phá mê.

Những gì làm như *Bồ Đề*

Cho người chưa *phát nguyện* thể rộng xa.

Thiện nam tử ! Nghe **Ta** chỉ dạy.

Nếu có người hiện tại nghe **kinh**

**Đại Niết Bàn** lòng không tin

Nói : Chẳng cần phải *phát tâm Bồ đề*.

Người đó liền đem về mộng thấy

Quý *La Sát* đến quấy phá mình  
 Trong chiêm bao sợ khiếp kinh  
 Nào biết cố sự lỗi mình tạo gây.  
*La Sát* bảo người đây không chịu  
 Phát *Bồ đề*, ta giết nhà người.  
 Vì lo sợ mất mạng đời  
 Sau khi tỉnh giấc mộng thời hết *mê*,  
 Liên *phát tâm Bồ đề* nguyện thiết.  
 Lúc *mạng chung* hưởng hết kiếp trần,  
*Thức thân* đâu có chuyển luân  
*Ba đường ác đạo*, sanh thân trời, người  
 Mãi ghi nhớ lại đời thuở trước  
*Tâm Bồ đề* đã được phát nguyện.  
 Nên biết người này đủ *duyên*  
 Là bậc **Bồ Tát** *Thánh hiền* tương lai.  
 Do nghĩa trên **Ta** đây nhắc lại  
 Oai *thần lực* **Kinh Đại Niết Bàn**  
 Có thể làm nhưn thế gian  
 Cho người chưa được *phát tâm Bồ Đề*.  
 Đây gọi là *Chánh nhân Bồ Tát*  
 Có nhưn *duyên* mà *phát tâm* nguyện,  
 Chẳng phải không có nhưn *duyên*

Do vì thật nghĩa này nên nói rằng,  
*Kinh Đại thừa* tối năng hiệu quả  
 Của **Chư Phật** từng đã thuyết khai.  
 Thiện nam tử ! Ví dụ này.  
 Trên *hư không* bỗng kéo mây phủ đầy  
 Làm mưa xuống tràn đầy đồng ruộng,  
 Còn gò nổng, núi đá, đồi cao  
 Nước không đọng lại chút nào.  
 Làm lợi sanh chúng, hoa màu, cỏ cây.  
 Cũng vậy, **Kinh Niết Bàn** *vi mật*  
 Gọi nhuần đượm cho khắp *Chúng sanh*  
 Nảy nở các hạt giống lành  
*Bồ Đề* tăng trưởng *viên thành* rộng sâu.  
 Còn những hạng đạo mầu không tưởng,  
*Nhứt Xiển Đề* chẳng hưởng lợi gì.  
 Thiện nam tử ! Hãy xét tri.  
 Ví như hạt giống bị thì cháy hư  
 Dầu có gặp cơn mưa thật lớn  
 Cũng không làm mầm sống mọc ra,  
 Hạng *Nhứt Xiển Đề* đó mà  
 Dầu cho có được nghe qua *Kinh* này  
 Tâm *Bồ đề* trọn không *phát nguyện*

Khó làm gì xây chuyển được ư !  
 Cũng như hạt giống bị hư  
 Sạ gieo, chằm bón bao chừ mọc lên.  
 Vì đoạn diệt *nhơn duyên* tất cả  
 Tạo bất lành chịu quả khổ sâu.  
 Ví như viên ngọc minh châu  
 Để trong nước đục không lâu thanh trừng  
 Bao cặn cáu tự ngưng lắng đọng  
 Nước hiện trong thấy bóng cảnh bày.  
 Nhưng nếu để chỗ bùn lầy  
 Không có tác dụng ngọc này ố lây.  
**Đại Niết Bàn Kinh** khai rộng hoát  
 Cũng như vậy, được ngọc minh châu,  
 Có thể tan biến khổ sâu,  
 Hay phạm *vô gián* cũng hầu giảm tha,  
*Bốn tội trọng* cũng là *siêu thoát*,  
 Được *thanh tịnh* nguyện *phát tâm* từ  
*Bồ Đề Chánh giác* Chơn như  
 Thật hành *lợi ích* trời, người, *Chúng sanh*.  
 Nhưng với hạng bất lành tạo ác  
*Nhứt Xiển Đề* khó phát *Bồ đề*,  
 Vì *Nhứt Xiển Đề* u mê,

Căn lành dứt hết đoạn tề *nhơn duyên*,  
Và không phải Thánh hiền *pháp khí*,  
Như minh châu vị trí đặt sai.  
Thiện nam tử ! Lại như vậy.  
Nghe qua ví dụ lòng đây am tường.  
Có cây thuốc được vương quý nhứt,  
Là vua trong các loại thuốc hay.  
Nếu đem được vương vị này  
Hòa chung sữa, lạc hoặc hay mật đường,  
Chế thành bột, làm hoàn, nấu đặc,  
Dùng thoa ghẻ, nhỏ mắt nói chung ...  
Hoặc uống hay là hoặc xông,  
Hoặc gửi chắc chắn vừa lòng *Chúng sanh*.  
Vị thuốc này chữa lành mọi bệnh  
Thường *lợi ích* mang đến nhân dân.  
Được vương ấy chẳng nghĩ rằng :  
Nếu có lấy rễ ít phần của ta,  
Chớ đào hết ắt là cây chết,  
Hoặc lấy lá, gốc rễ không cần,  
Nếu lấy vỏ chớ lấy thân,  
Lấy thân chừa vỏ định phân rõ ràng.  
Được vương ấy không màng tưởng nghĩ,

Mà mọi bệnh chữa trị lành an.  
 Thiện nam tử ! **Đại Niết Bàn**  
**Kinh** này *vi diệu* hàm tàng cao sâu.  
 Có thể diệt tai sâu *ác nghiệp*,  
*Bốn tội trọng* dứt hết không còn,  
*Năm tội vô gián* tiêu mòn,  
 Tu tâm *kiến tánh* sẽ tròn phước duyên,  
 Người chưa *phát tâm* nguyên rộng lớn,  
 Thời đặng phát *Vô Thượng Bồ Đề*.  
 Như người lạc bước quay về  
 Không lâu chắc chắn dựa kê nhà xưa.  
 Vì *Kinh* này là vua các *Pháp*,  
 Như cây thuốc quý hiếm Dược vương  
 Là vua các loại thuốc thường,  
 Trị lành hết bệnh tai ương thế trần.  
 Nếu có người siêng năng *tu tập*,  
 Cùng chẳng tu **Kinh Đại Niết Bàn**.  
 Chỉ nghe danh tự xướng vang  
**Niết Bàn Phương Đẳng** hân hoan vui mừng,  
 Rồi từ đó thọ ứng tin tưởng  
 Thời dứt hẳn *nghiệp chướng* nặng nề.  
 Đối với hạng *Nhứt Xiển Đề*

Chẳng thể an trụ vào nơi *Chơn thường*.  
 Như vị thuốc Dược vương kia vậy,  
 Dầu chữa lành hết thủy bệnh thời,  
 Nhưng không thể cứu chữa người  
*Quyết định* mạng sắp lìa đời tuyệt căn.  
 Thiện nam tử ! Nên cần xét lại.  
 Ví như người ghẻ lở bàn tay  
 Bốc nắm thuốc độc không hay  
 Chất độc sẽ thấm vào ngay thịt liền.  
 Tay không lở tức nhiên chẳng bị,  
 Dầu có nắm chất độc không sao  
 Độc kia chẳng thể thấm vào  
 Làm gì chịu sự đờn đau mạng phẫn.  
*Nhứt Xiển Đề* mất nhân duyên lớn  
*Khó phát tâm Vô Thượng Bồ Đề*,  
 Như người tay lành chẳng hề  
 Độc không thấm được vào cơ thể này.  
 Chất độc dụ cho đây nghĩa *Đế*,  
**Kinh Niết Bàn** dụ vị Dược vương.  
 Thiện nam tử ! *Quán sát* thường.  
 Ví như tánh chất *kim cương* cứng dày.  
 Không vật nào có tà phá hoại,



Mà *kim cương* ngược lại phá tan  
 Những vật cứng trong thế gian  
 Chỉ trừ các loại sừng dương, mu rùa ...  
**Kinh Niết Bàn Đại Thừa** ban rải.  
 Là chỗ dựa muôn loại quay về  
 An trụ nơi đạo *Bồ Đề*,  
 Nhưng không làm *Nhứt Xiển Đề* tỉnh mê  
 Khó thành nhưn *Bồ Đề* rộng lớn  
 Vào *Chánh Giác* tin tưởng đạo **Ta**.  
 Thiện nam tử ! Hãy nghe qua.  
 Như cỏ *Mã xỉ*, hoặc là *Ta la*,  
*Ni Ca La* cả ba loại đó.  
 Dầu chặt nhánh hay có đốn cây,  
 Nhưng rồi chẳng đợi lâu dài,  
 Lá non ra nhánh, đúng ngày đơm hoa.  
 Chẳng phải giống *Đa la* cây nọ  
 Khi đốn rồi cội nó không ra.  
 Cũng vậy Chúng sanh *Ta bà*  
 Đặng nghe hiểu biết sâu xa Kinh này.  
 Dầu có phạm tội đây nặng, nhẹ  
 Nhưn *Bồ Đề* cũng sẽ lợi sanh.  
 Hạng *Nhứt Xiển Đề* bất lành

Dầu cho nghe đặng phương danh **Niết Bàn**,

Nhưng chắc chắn hoàn toàn diệt hẳn

Nhơn *Bồ Đề* không đặng sinh ra.

Ví như cây *Khư Đà La*,

Hoặc là cây *Trần Đầu Ca* vậy nào,

Khi đốn rồi không sao mọc lại,

Hay hạt giống bị cháy hoại hư

Cho dầu chăm sóc cả đời

Cũng không mọc được lên thời mầm sanh.

*Nhứt Xiển Đề* giống lành bị cháy

Có nghe kinh này lại chẳng tin

**Phật tánh** ở nơi chính mình

Nói chung tất cả *Chúng sinh* muôn loài.

Nên vì đó mất đây duyên lớn

Khó phát tâm *Vô Thượng Bồ Đề*.

Thiện nam tử ! Như mưa to

Hay là bão tố làm cho cách nào

*Hư không* chẳng thấm vào giọt nước

Vẫn an nhiên sau trước vững vàng.

Cũng vậy, **Kinh Đại Niết Bàn**

Không làm thấm ướt những hàng u mê,

Đó là *Nhứt Xiển Đề* thường gọi,

Khấp mình đầy tội lỗi dường bao  
 Tợ như chất *kim cương* nào  
 Vật ngoài không thể xuyên vào bên trong.

Ngài **Ca Diếp** nghe xong bạch **Phật**:

Thưa **Thế Tôn** ! Ôn **Đức Như Lai**

Đã từng *giác* chúng giảng khai  
 Bằng những bài kệ dưới đây như là:

*Chẳng thấy, lành, chẳng làm,*

*Chỉ thấy, ác, nên làm.*

*Điều đó đáng kinh sợ*

*Dường như đường nguy hiểm.*

Bạch **Thế Tôn** ! Con nay chưa hiểu

Bài kệ trên tiêu biểu nghĩa gì ?

**Như Lai** là đáng *từ bi*

Thương đời còn dệt lưới *ngi* che dầy.

Thiện nam tử ! Nghe đây **Ta** giải.

“Chẳng thấy” là nghĩa lại như vậy:

Chẳng thấy **Phật tánh** mình đây

Ở trong tất cả muôn loài *Chúng sanh*.

Còn nghĩa của chữ “lành” là đạt

*Quả Chánh Đẳng, Chánh Giác Như Lai.*

“Chẳng làm” nghĩa giải thế này;  
Không gần *Thiện Tri Thức* đây giác lòng.

“Chỉ thấy” là thấy không *nhơn quả*,

“Ác” là người đã phá *pháp* mầu

*Kinh Điển Đại Thừa* cao sâu.

Làm thuyền đưa rước, bắt cầu qua sông.

*Nhứt Xiển Đề* tâm không xu hướng

Các *pháp* lành tu dưỡng tịnh an.

“Pháp lành” là **Đại Niết Bàn**,

“Xu hướng” là nói thế gian muôn loài

Có thể dụng tâm đây tôi luyện

Những *hạnh* lành hiền thiện **Như Lai**.

Hạng *Nhứt Xiển Đề* ở đây

Không *hạnh* hiền thiện, vậy ngay gian tà,

Nên chẳng thể hài hòa xu hướng

**Đại Niết Bàn** *hồi hướng quần sinh*.

“Điều đó đáng sợ hãi kinh”

Là nói hủy báng ngạo khinh *Pháp* lành;

Là người trí thật hành *Chánh Pháp*

Luôn kinh sợ việc ác tạo gây.

Chê bai *Phương Đẳng Kinh* này

Người như vậy đó ... tâm đây bất lành,

Không *phương tiện* khó thành *Phật đạo*,  
 Đường như đường ác tạo họa tai.

Là nói các *hành Pháp* này  
*Chúng sanh* thường *chấp* lầm sai nơi lòng.

Ngài **Ca Diếp** nghe xong lại bạch:

“Như **Đức Phật** từng nói kệ rằng:

*Thấy chỗ làm thế nào?*  
*Đặng Pháp lành thế nào?*  
*Chỗ nào chẳng kinh sợ?*  
*Như đường bằng vua đi.*

**Thế Tôn** ! Bài kệ trên đây

Thế nào đạt nghĩa **Như Lai** giáo truyền ?

Thiện nam tử ! Ông nên hiểu rõ

Lời **Như Lai** bày tỏ phân qua.

“Thấy chỗ làm” có nghĩa là:

*Phát lồ* tội ác gây ra do mình,

Từ nhiều kiếp *vô minh vọng tưởng*

Tạo biết bao *nghiệp chương* mông, dầy.

Thảy đều *sám hối* đêm ngày

Tỏ bày rớt ráo *nguyện* nay tỉnh lòng.

Đó là chỗ tâm không kinh sợ,

Như đường bằng dành để Vua đi.  
 Trộm cướp chạy trốn khiếp uy  
 Chẳng dám léo hánh, an nguy dân lành.  
 Nếu *phát lồ* thật hành như vậy,  
 Thời tội ác tất thấy tiêu tan.  
 Lại “chẳng thấy chỗ mình làm”  
 Những việc xấu ác tham lam ngập tràn.  
 Lòng *tà kiến*, nghinh ngang, *kiêu mạn*,  
 Biết *quả báo* khổ nạn sợ chi,  
 Vì thế những hạng *ngu si*  
 Không đặng vào chốn *vô vi Niết Bàn*.  
 Dù như vượn mò trăng dưới nước  
 Cuối cùng thì nắm được gì đây ?  
 Thiện nam tử ! Lại như vậy.  
 Giả sử *vô lượng* như loài *Chúng sanh*  
 Đồng *chứng đắc viên thành* đạo đạt  
 Ngôi *Vô Thượng Chánh Giác* không hai.  
 Nhẫn đến các **Đức Phật** này,  
 Cũng chẳng thấy hạng người đây độn đần,  
*Nhứt Xiển Đề* hạt nhân hư nát  
 Mà đắc thành *Chánh giác* Đạo **Ta**.  
 Vì nghĩa này nên gọi là

Chỗ làm chẳng thấy vậy tà gian tham.  
 Và lại nói chỗ làm không thấy  
 Của ai đây ? Lược giải giảng bày.  
 Chẳng thấy chỗ làm ai đây :  
 Là của **Chư Phật Như Lai** ba đời.  
 Vì *Chúng sanh*, trời, người tuyên bố.  
**Phật tánh** có trong mỗi *Chúng sanh*.  
 Hạng *Nhứt Xiển Đề* chẳng lành  
 Trôi lăn biển ái tử sanh mãi hoài,  
 Không thể gì thấy đây **Phật tánh**.  
 Do nghĩa này nên gọi đó là ...  
 Chẳng thấy chỗ làm **Phật Đà**  
 Pháp từ ban rải *Ta bà* lành thay!  
*Nhứt Xiển Đề* hạng này dầu thấy  
**Đức Như Lai** *chứng nhập Niết Bàn*.  
 Họ cho rằng *Pháp* thế gian  
 Có sanh, có diệt, hợp tan lẽ thường,  
 Như đèn tắt, lượng dầu đều hết  
 Đây cũng là mẫn kiếp con người.  
 Ôi ! hạng này nghiệp ác thời  
 Chứa đầy chẳng thể nào với bớt dần.  
 Có **Bồ Tát** tu nhân đức chưởng

Đem tâm mình *hồi hướng* Chúng sinh.  
 Hàng *Nhứt Xiển Đề* chẳng tin,  
 Lại còn phá hoại, cố tình chê bai.  
 Nhưng **Bồ Tát** các Ngài một mực  
 Vẫn luôn đem *công đức* thí chia,  
 Muốn cùng họ chẳng xa lìa  
*Vô Thượng Chánh Đẳng* mai kia đều thành.  
 Vì xưa nay Pháp lành **Chư Phật**  
 Và **Bồ Tát** chơn thật tự nhiên.

*Làm ác chẳng liên thọ,  
 Như sữa biến thành lạc,  
 Như tro che trên lửa  
 Người ngu khinh đạp đó.*

Nói về hạng *Nhứt Xiển Đề*  
 Gọi là những kẻ u mê trên đời,  
 Có cặp mắt, con người không có,  
 Nên chẳng thấy nhìn rõ thế nào  
*Quả A La Hán* tối cao,  
 Do bởi tâm tối làm sao thấy nhìn,  
 Vội chê bai miệt khinh **Phật pháp**  
*Kinh Đại Thừa* phù hạp trí, ngu,



Chẳng muốn thực hành *công phu*  
Như *A La Hán* siêng tu tâm từ.  
Lại thế gian lắm người ngụy biện :  
Tôi chẳng tin *Kinh Điển Thanh Văn*,  
Chỉ tin *Đại Thừa* chánh chân  
Đọc tụng, giảng thuyết ích nhân vô cùng.  
Vì thế nên tôi đồng hạnh quả  
Là **Bồ Tát** nay đã Đạo thành.  
Vả lại **Phật** nói *Chúng sanh*  
Đều có **Phật tánh** giống lành thiệt chân.  
Có **Phật tánh** nên thân cũng có  
*Mười trí lực* hiện rõ trong tâm,  
*Ba mươi hai tướng* tuyệt trần,  
*Tám mươi thứ tốt tự trang nghiêm* mình.  
Lời tôi nói giống in không khác  
Của **Như Lai, Chư Phật, Thánh nhân**.  
Nay anh cùng tôi siêng năng  
Hằng ngày quét sạch bụi trần thế gian,  
Như phá vỡ đập tan bình nước,  
Hết *kiết sử* liền được minh quang  
Đặng chứng *Vô Thượng Niết Bàn*  
*Chánh Đẳng, Chánh Giác* hoàn toàn không sai.

Người đó dầu diễn bày như vậy,  
 Nhưng trong tâm chẳng thấy, chẳng tin  
 Có **Phật tánh** nơi chính mình,  
 Chỉ vì háo lợi vọng sinh tội tình.  
 Nên nói theo Văn Kinh của **Phật**  
 Đây gọi là người ác gồm thay.  
 “Chẳng thọ quả báo đời này  
 Như Sữa thành Lạc lâu ngày biến sanh”.  
 Ví dụ có Đại thần Vương Sứ  
 Mơ ước khéo, lại giỏi Sử Kinh,  
 Phụng mạng *Quốc Vương* triều đình  
 Sang qua nước khác thuyết trình Đạo gia,  
 Thà chịu chết không mà ẩn giấu,  
 Những lời truyền tối hậu *Quốc Vương*.  
 Cũng vậy, người trí can cường  
 Tâm luôn dũng mãnh xem thường tử sanh.  
*Quyết định* sẽ giải rành chơn thật  
**Như Lai Tạng Pháp Phật** rộng khai  
*Đại Thừa Phương Đẳng* chỉ bày  
**Phật tánh** đều có muôn loài *Chúng sanh*.  
 Thiệt nam tử ! Hiểu rành mọi lẽ.  
 Về đời sau lắm kẻ giả danh

A *La Hán* đạo quả thành  
 Tự chê *Kinh Điển* pháp lành từ bi,  
 Người phàm phu *ngu si* không biết  
**Phật** hay *ma* giả thiết vàng thau  
 Tưởng là A *La Hán* nào  
 Bực **Đại Bồ Tát** đức cao hơn người.  
 Ác *Tỳ kheo* dối đời, gạt đạo,  
 A *Lan Nhã* giả mạo khéo hay,  
 Phá hoại *Chánh Pháp* **Như Lai**,  
 Thấy người khác đặng đức tài *lợi sanh*  
 Liền đem lòng ghét ganh kiếm chuyện,  
 Nói rằng những *Kinh Điển Đại Thừa*  
 Là lời *Thiên ma* chớ ư  
 Ai tin sẽ bị mắc lừa khổ tai.  
 Họ cũng nói **Như Lai** *chứng nhập*  
 Vào **Niết Bàn** là Pháp *vô thường*.  
 Muốn diệt chân lý tuyệt đường,  
 Ly gián *Tăng chúng*, bôi gương *Thánh hiền*.  
 Bọn *Ma Vương* tuyên truyền khích bác  
 Nói những lời độc ác gươm đao,  
*Quả báo* sẽ thọ về sau,  
 Như *Sữa* biến chất pha vào nước thêm.

Ví lớp tro phủ trên đồng lửa  
 Người ngu khinh giẫm đạp bước lên.  
 Ai ơi ! Cần thận chớ quên  
 Quan sát sau trước biết liền giả, chơn.  
*Kinh Đại Thừa* là Phương Đệ nhất  
*Quyết định* rằng tịnh vật *vô biên*.  
 Như *Châu Ma Ni* diệu huyền  
 Ném vào nước đục tức liền sạch trong.  
 Thiệt nam tử ! Nếu không ánh nắng  
 Của mặt trời sen chẳng trở hoa.  
 Tất cả *Chúng sanh Ta bà*  
 Nếu đặng *duyên* phước nghe qua Kinh này,  
 Thời đều *phát tâm* đây rộng lớn  
 Đạo *Bồ Đề Vô Thượng* Chánh chân.  
 Vì thế, nên **Ta** nói rằng:  
 Ánh sáng của **Đại Niết Bàn** *viên thông*.  
 Chiếu vào lỗ chơn lông sanh chúng  
 Chắc chắn làm nhơn chủng lành thay.  
*Nhứt Xiển Đề* hạng người này,  
 Dầu có **Phật tánh** nhưng đầy tâm *ma*,  
 Nên chẳng thể hiện ra trọn vẹn,  
 Như con tầm trong kén nhĩ tơ,

*Nghiệp chướng* nặng, chẳng bao giờ  
*Bồ Đề* sanh trưởng ở cơ hội nào,  
 Mãi *lưu chuyển* trần lao sanh tử  
 Đọa ngục tù giam giữ tối đen.

Thiện nam tử ! Như hoa sen  
 Gần bùn mà chẳng ố quen mùi bùn.  
 Nếu có người đại hùng *phát nguyện*  
*Tu tập* theo *Kinh Điển* này đây,  
 Dầu cho *phiền não* chứa đầy  
 Mà trọn chẳng bị nhiễm lây *phiền*,  
 Nhờ năng lực trí *thiền* rõ biết  
**Như Lai Tánh** chơn thiệt *thường hằng*.

Này Thiện nam tử ! Biết chẳng.  
 Ví như nước biển xanh ngàn bao la.  
 Gió mát mẻ rất là dễ chịu,  
 Trừ sự nóng, bực bội nơi thân.

*Kinh Đại Thừa Đại Niết Bàn*  
 Cũng vậy, chẳng khác như làn gió trong  
 Thổi vào khắp chơn lông thân thể  
 Mà làm như *nguyện* thệ *Bồ Đề*.  
 Trừ hạg tâm tối u mê  
 Giống *căn* hư hoại chẳng hề sinh ra.

Thiện nam tử ! Như Lương y nọ  
 Rành dượt lý hiểu rõ bệnh tình.  
 Trị lành mọi chứng phát sinh  
 Còn bệnh ác tính khó lành *mạng căn*.  
 Cũng như vậy, *Khế Kinh*, *thiền định*  
 Hoặc *Tam Muội* trị bịnh não phiền,  
*Tham, Sân, Si* chữa lành yên  
 Mà không thể cứu phục nguyên mạng người  
 Phạm *bốn tội trên đời* rất nặng,  
 Và *năm tội vô gián* cấu thành.  
 Thiện nam tử ! Phải hiểu rành.  
 Lương y tài giỏi chữa lành bệnh đây,  
 Không thể cứu người này *mạng* hết.  
**Đại Niết Bàn** chơn thiệt như trên,  
 Có thể trừ tuyệt não phiền,  
 Làm cho họ đặng *nhơn duyên* sâu dày,  
 An trụ nơi **Như Lai** *thanh tịnh*,  
 Người chưa thể quyết định *phát tâm*  
 Nhưng **Phật Pháp** đã gieo mầm.  
 Chỉ trừ hạng *Nhứt Xiển Đề* mà thôi.  
 Thiện nam tử ! Như người bệnh mắt  
 Bị lớp mây che khuất con người.

Lương y nhãn khoa giỏi thời  
 Có thể chữa trị cho người mù kia  
 Được lành hẳn nhìn ra cảnh vật.  
 Chỉ trừ người đôi mắt  *sanh manh*.

Cũng vậy, **Kinh Đại Niết Bàn**  
*Giác ngộ* thức tỉnh cho hàng *Thanh Văn*,  
 Hay *Duyên Giác* khai căn *huệ nhãn*  
 Khiến nghe qua tường hẳn pháp mầu,  
*Vô lượng Đại Thừa* cao sâu.

Những người chưa *phát tâm* cầu **Như Lai**,  
 Hoặc phạm *bốn tội* đây rất nặng,  
 Hay *năm tội vô gián* cực hình,

Nếu nghe **Đại Niết Bàn kinh**  
*Lợi ích* to lớn, đức tin gieo trồng,  
**Bồ Đề tâm** một lòng *phát nguyện*.  
 Chỉ trừ bọn hạng *Nhứt Xiển Đề*,  
 Như kẻ *sanh manh* chưa hề

Nhìn thấy cảnh vật, trọn đời mù đui.

Ngài **Ca Diếp** tức thời bạch **Phật**:

“Thưa **Thế Tôn** ! Con thật chưa tưởng.

Kẻ phạm *bốn tội* khó lường,  
*Năm tội vô gián* phải vương ngục hình,

Bệnh rất nặng thật tình khó trị,  
Như *Đa La* cây bị đốn rồi  
Chẳng thể nào đặng đâm chồi  
Mọc ra lại được, hướng thời lên cây.  
Những người phạm tội này cũng vậy,  
*Nghiệp* ác gieo đầy dẫy khôn lường.  
Thế nào có thể làm nhơn  
Cho họ sau đặng *phát tâm Bồ Đề* ?”  
Thiện nam tử ! Giác mê giây phút.  
Như nước kia lắng đục tức trong.  
Những người phạm tội tỉnh lòng,  
Chiêm bao thấy bị cùm gông tù đày,  
Thọ chịu cảnh bi ai đau khổ,  
Liên sanh lòng *giác ngộ* ăn năn,  
Sau khi thức giấc định thần  
Tin có *quả báo* cõi trần chẳng xê,  
Bèn *phát tâm Bồ đề* rộng lớn  
Quyết tu hành *nghiệp chương* tiêu trừ.  
Cũng như đứa bé hài nhi  
Lần lần khôn lớn đứng đi bình thường,  
Nghe mẹ kể: Nhờ lương y giỏi  
Cứu mẹ mình lúc mới thai mang,



Thân an vượt khỏi tai nạn,  
Mạng mình nhờ đó vẹn toàn sanh ra.  
Cảm thương mẹ vì ta chu đáo,  
Chịu nhiều sự khổ não bi ai,  
Gian truân chín tháng mười ngày  
Ôn dưỡng biển cả công dày cao thâm.  
Dành chỗ khô con nằm êm ấm,  
Mẹ ướm dơ dầu thấm thân gầy,  
Hốt rửa phân tiểu suốt ngày,  
Bú mớm nuôi dưỡng không nài gian lao.  
Công ơn mẹ ! Biết sao tả hết,  
Phải báo đền trọn kiếp chưa tròn,  
Dốc lòng hiếu đạo phận con  
*Cúng dường* cha mẹ sắt son phụng thờ.  
Người nào trót phạm mang tội nặng  
Lúc lâm chung nghe đặng Kinh này,  
Dầu vào *Địa ngục* đọa đày,  
*Súc sanh*, *Nga quý*, đầu thai cõi trời,  
Hoặc chuyển trong loài người hèn hạ,  
Do *duyên* lành trước đã nghe Kinh,  
Làm nhưn *Bồ Đề* cho mình.  
Trừ hạng là *Nhứt Xiển Đề* bất tin.

Thiện nam tử ! Chứng minh dễ hiểu.  
 Như lương y truyền dạy con mình  
     Học thông sâu rộng *phương minh*  
 Hơn các y sĩ thường tình khác xa.  
 Rành các độc rất là tường tận,  
 Nào độc rít, độc răn, độc rông,  
     Độc bò cạp đủ loài trùng ...  
 Bí phương bào chế cách dùng bôi thoa  
 Nơi giày dép hoặc là thân thể  
 Các độc này chạm đến liền tiêu,  
     Chỉ duy nhất có một điều  
 Không thể trừ tuyệt độc loài Đại Long.  
 Cũng vậy, người mắc vòng tội ác  
 Ngục *vô gián* khó thoát đặng mà.  
     **Kinh Đại Niết Bàn** nghe qua  
 Một lòng thức tỉnh khỏi sa *Tam đồ*.  
 Lại an trụ vào nơi cao nhất,  
 Do *oai thân* thế lực của *Kinh*  
     Hộ trì muôn loại *Chúng sinh*  
 Đặng tâm an lạc khang ninh trọn đời.  
 Trừ hạng *Nhứt Xiển Đề* ngu dại,  
 Như hạt giống bị cháy đó mà.

Thiệm nam tử ! Ví như là :  
 Có người lấy thuốc độc thoa bên ngoài  
 Khấp cả trên bề dày mặt trống,  
 Khi đánh vang lộng lộng thình âm  
 Dầu cho những kẻ *vô tâm*  
 Nghe tiếng đều cũng bỏ thân mạng đời.  
 Chỉ trừ hạng *Xiển đề* duy nhất;  
 Là nghe tiếng không mất mạng thân.  
 Thiệm nam tử ! Ở cõi trần.  
 Vào lúc đêm tối phải ngừng việc thôi.  
 Việc chưa làm xong chờ đến sáng  
 Ngày hôm sau cố gắng thực thi.  
 Cũng vậy, người tu *Đại Thừa*  
 Hay là *thiền định*, hoặc vừa *Khế Kinh*,  
 Cần phải có niềm tin hết mực,  
 Chờ *vi mật* của **Đức Như Lai**,  
 Nơi hội *Đại Thừa Phật* đây  
*Khai thị Đại Bát Niết Bàn thậm thâm.*  
 Rồi sau mới *chuyên tâm* tu tạo  
 Như *Bồ Đề Chánh Đạo* đặc phần.  
 Như trời mưa lớn thấm nhuần  
 Tất cả hạt giống nảy mầm lên cây,

Sẽ đơm bông đợi ngày kết trái,  
 Mọi người vui gặt hái thỏa nguyện,  
 Nhờ đó cuộc sống được yên  
 Khỏi cơn đói khát bao niên trông chờ.  
 Cũng vậy, bao nguồn *cơ* của **Phật**  
*Chánh Pháp Tạng* vi mật **Như Lai**  
 Có thể diễn tả hết đây  
 Diệt trừ *tám thứ khổ tai* trời, người.  
 Kinh này hiện ra đời cùng tốt  
 Ví những quả, hạt tốt giống lành,  
 Tức là lợi ích *Chúng sanh*  
 Thấy đặng **Phật tánh** viên thành như **Ta**.  
 Trong **Đại Hội Pháp Hoa** thuở trước,  
 Tám ngàn người chứng bực *Thanh Văn*  
 Đồng được *thọ ký* lần lần  
 Tương lai thành **Phật** độ dân *Ta bà*.  
*Nhứt Xiển Đề* khó mà *tu tập*  
 Những pháp lành như gặt mùa đông.  
 Nay Thiện nam tử ! Hỡi ông.  
 Nghe **Ta** ví dụ dứt lòng *mê si*.  
 Như có vị lương y tài đức,  
 Đủ pháp thuật tận lực độ đời.

Vừa hay tin con của người  
Bị quỷ thần hại hồn thời đảo điên.  
Ông biết trước nên liền sai bảo  
Vị *đệ tử* chu đáo như sau:  
“Hãy đem thuốc này đi mau,  
Dặn dò người nọ thoa vào toàn thân  
Ất làm cho quỷ thần hung ác  
Sẽ tránh xa thân xác cấp kỳ,  
Nếu người chậm trễ, Ta đi  
Chẳng để con bịnh lâm nguy mạng phần.”  
Nhờ thuốc hay *oai thần* hợp lại  
Con bịnh hết, *tự tại* bình an.  
Cũng vậy, *Đại chúng* bốn ban.  
*Tỳ kheo* nam, nữ và hàng tại gia,  
Cùng *ngoại đạo* hay là bá tánh,  
Có thể đồng *thọ* lãnh Kinh này  
*Thọ trì*, đọc tụng đêm ngày,  
Thuyết giảng *phân biệt* đúng, sai cho đời,  
Tự biên chép hay thời khuyến khích  
Người khác tin ưa thích chép biên,  
Tất cả đều được *nhơn duyên*  
*Bồ Đề Vô Thượng* phát nguyện thành công.

Nếu người phạm vào vòng trọng tội,  
Bị quỷ tà ác độc hại thân,  
    Nghe kinh này được hộ thân  
Trừ sạch ác độc dần dần tiêu tan,  
Người này đây là hàng **Bồ Tát**.  
Vì tạm nghe **kinh Đại Niết Bàn**,  
    Lại vì sanh lòng hân hoan  
Tâm thường tưởng niệm vô vàn **Như Lai**.  
Tạm lắng nghe kinh này một lúc  
Mà còn nhiều *công đức* như trên  
    Huống là *thọ trì* chép biên,  
Đọc tụng, giải nghĩa *phước điền* sâu xa.  
Tất cả đây đều là **Bồ Tát**.  
Chỉ ngoại trừ bọn *Nhứt Xiển đề*.  
    *Nhân quả báo ứng* chẳng xê  
Cũng như kẻ điếc không hề nghe qua  
Được tiếng nói hoặc là tiếng động  
*Nhứt Xiển đề* tâm vọng ác thay!  
    Dẫu muốn nghe *kinh điển* này  
Cũng chẳng nghe được bởi tai điếc ù.  
Thiện nam tử ! Lại vậy ví dụ:  
Như lương y học đủ *y phương*,

Tinh thông *chú thuật* cao cường,  
Rộng biết *vô lượng* được lương nhiệm mầu.  
Một hôm nọ vào châu điện ngọc  
Thấy nhà vua hình vóc hao thần,  
Lương y quỳ xuống tâu rằng:  
“Đại vương có bệnh phải cần trị ngay”.  
Nhà vua bảo: “Khanh đây nói túng,  
Nào thấy việc trong bụng của ta,  
Đúng là thầy thuốc ba ngoa  
Làm gì có bệnh xảy ra mình rông”.  
Lương y tâu: “Nếu không tin tưởng  
Lời của thần, xin uống thuốc này  
Xỏ ra Đại Vương biết ngay  
Tự nghiệm chứng thấy lời này không sai”.  
Nhà vua đây quyết rày cự tuyệt  
Không bằng lòng uống thuốc xỏ này.  
Bấy giờ, lương y trở tài  
Sử dụng pháp thuật mầu thay vô cùng.  
Làm hậu môn sưng phồng thòng xuống,  
Trùng máu kia bò tuôn ra ngoài.  
Vua nhìn thấy, kinh sợ ngay,  
Hết lời khen ngợi thật tài *thần thông*.

Trăm hồi hận trước không tin tưởng  
Lời hiền khanh nghĩ tưởng vọng ngoa.

Bây giờ, lỗi thuộc về ta,  
Nhờ khanh thân trăm khỏe ra mạnh lành.

Nhà vua bèn chân thành hết dạ  
Xem lương y như cha mẹ mình.

Nếu thầy thuốc đó *quang minh*  
Đoán biết *quyết định* bệnh tình người kia  
Chẳng bao lâu mạng lìa cõi thế  
Nên chắc chắn không thể trị an.

Cũng vậy, **Kinh Đại Niết Bàn**

Khó mà *hóa độ* cho hàng bất tin  
*Nhứt Xiển đề vô minh* dày đặc  
Đã chữa nhiều các *hoặc* xưa nay.

Này *Thiện nam tử* nghe đây:  
“Như có thầy thuốc đức tài vô song  
Rành tám khoa, tinh thông bệnh lý  
Và diệu phương huyền bí siêu nhiên.

Dem hết được dụng giáo truyền  
Cho con mình đặng từng quyền về sau.  
Đầu tiên dạy, dồi trau y đức,  
Nào bát khoa, thứ bậc nâng cao.



Cũng vậy, **Như Lai** khác nào,  
 Trước dạy *bốn chúng Tỳ kheo Tăng già*  
 Những *phương tiện* như là **tịnh nghiệp**,  
 Diệt não phiền, thu nhiếp tâm lòng,  
*Quán* thân thọ khổ chất chồng,  
*Quán vô ngã* vốn giai không có gì,  
 Khiến thấy rõ trần ni giả tạm  
 Chốn *Vô thường* như đám *phù vân*,  
 Hợp tan, tan hợp bao lần  
 Chịu nhiều thống thiết lệ trần triền miên,  
 Kể từ đó cần chuyên tu tịnh,  
 Học thông thuộc trọn *chín bộ kinh*,  
 Rồi mới nâng cấp tiến trình  
 Dạy *tạng bí mật* chơn kinh nhiệm mầu,  
 Pháp *thường trụ* cao sâu của **Phật**  
 Mong *đệ tử* mình đắc đạo vàng.

**Phật thuyết kinh Đại Niết Bàn**

Làm *nhơn duyên* lớn cho hàng *Chúng sanh*.  
 Người đã *phát tâm* thành *tin tấn*,  
 Người chưa phát sẽ *đặng phát tâm*.”

**Thiện nam tử ! Đại Niết Bàn**

Kinh này *giáo pháp* hàm tàng rộng sâu

Nghĩa *vô lượng* khó âu bàn nghĩ,  
 Chưa từng có *pháp vị* nào hơn.  
 Là lương y **Vô thượng tôn** !  
 Là vua trong các *pháp môn* **Phật** truyền.  
 Thiện nam tử ! Như thuyền đi biển  
 Từ bờ này di chuyển bờ kia,  
 Bờ kia rồi lại quay về,  
 Luân phiên như vậy chẳng hề đổi thay.  
 Cũng thế, **Đức Như Lai Ứng cúng**!  
 Ngồi thuyền báu vượt chúng phàm gian,  
 Vận dụng **Kinh Đại Niết Bàn**  
 Lại qua biển tục cứu an muôn loài.  
 Nơi chỗ nào, những ai đáng độ  
 Đều làm cho thoát khổ nàn tai,  
 Đặng thấy *pháp thân* **Như Lai**  
 Một lòng tin tưởng ngày ngày tỉnh tu.  
 Vì thế nên **Phật tử** có hiệu  
 Danh gọi là **Vô Thượng Thuyền Sư**.  
 Có thuyền tức phải có người  
*Thuyền Sư* cầm lái, kẻ thời sang qua.  
**Đức Như Lai** vốn là *thường trụ*.  
*Thuyền từ bi* luôn cứu *Chúng sanh*.

Thiện nam tử ! Phải hiểu rành  
*Pháp* tu nắm rõ thực hành thành công.  
 Như có người đi trong biển lớn  
 Ngồi thuyền to định hướng am tường,  
 Nếu được thuận gió xuôi buồm  
 Thời trong khoảnh khắc thuyền đi hải ngàn.  
 Còn nếu gặp gian nan trắc trở  
 Trải nhiều năm vẫn ở một nơi,  
 Rủi cơn dông bão tả tơi  
 Thuyền kia hư lủng chìm rơi bể hà.  
 Cũng vậy, cõi *Ta bà* biển dữ  
*Chúng sanh* chịu sinh tử triền miên,  
*Ngu si huân tập* nào phiền,  
 Tạo nhiều *nghiệp chướng*, đoạn duyên *phước điền*,  
 Dầu có ngồi trên thuyền công hạnh  
 Mà chẳng gặp gió mạnh **Niết Bàn**  
 Khó mong bờ *giác* sớm sang  
*Vô thượng* đạo quả hoàn toàn *viên dung*.  
 Tóm tắt lại nói chung muôn loại  
 Nếu không gặp **kinh Đại Niết Bàn**  
 Sẽ mãi *lưu chuyển* thế gian  
 Sanh tử chìm nổi *Sáu* đàng *trâm luân*,

Hoặc có lúc phá hư công hạnh  
 Vào *Tam đồ* chịu cảnh lâm than.  
 Thiệt nam tử ! Như thuyền nan  
 Đi ra biển lớn, muốn sang đến bờ,  
 Mà không gặp được cơn gió thuận  
 Đã bao ngày thuyền chẳng đến đâu.  
 Lòng buồn rũ rượi lo âu,  
 Nghĩ rằng : Chắc chết lẹ sầu dầm tuôn.  
 Vừa lúc đó gặp luồng gió lớn  
 Bọc cánh thuyền trực hướng vào bờ,  
 Thật là chuyện lạ bất ngờ,  
 Vui mừng nghĩ tưởng trong mơ khéo bày,  
 Chưa từng gặp cơ may như thế,  
 Thân an toàn vượt bể đại dương.  
 Cũng vậy, *Chúng sanh* Sáu đường,  
 Lộn lẩn biển ái không lường khổ đau.  
 Từ nhiều kiếp biết bao khốn đốn,  
 Như kẻ nghèo không chốn nương thân.  
 Nếu không gặp đặng lý chân  
**Phật tử** *giáo hóa* đức ân bửu truyền,  
 Chúng ta chắc sa miền *Địa ngục*  
 Hay *Ngạ quỷ* hoặc *Súc sanh* mang.

May thay! Gặp **kinh Niết Bàn**  
*Tùy thuận* tu học theo đường **Như Lai**.  
*Quả Chánh Giác* ta đây *chứng đắc*,  
 Tánh đồng viên **Chư Phật** không hai.  
 Nghĩ đến đây dạ vui thay!  
 Đặng nghe *tạng* mật **Như Lai** diệu huyền,  
 Khởi *chánh tín* phát nguyện tu luyện  
**Đại Niết Bàn** xây chuyển cho ta.  
**Ca Diếp** ! Như rắn lột da,  
 Rắn kia còn sống hay là chết chẳng?  
 Ngài **Ca Diếp** ! Thừa rằng không chết.  
 Khi rắn già rắn lột bỏ da.  
 Thiệt nam tử ! Cũng như **Ta**,  
**Như Lai ứng hiện** Ta bà độ dân  
 Dụng phương tiện *huyễn* thân *giác* chúng  
 Xong *nguyện* rồi thân cũng lìa xa.  
 Chẳng thể nói rằng **Phật Đà**  
*Vô thường* sanh diệt gọi là mất ư !  
 Bạch **Thế Tôn** ! Không nên nói vậy,  
**Đức Như Lai** đã vượt thế gian  
 Không còn *sanh tử* buộc ràng  
 Ra ngoài *Tam giới Ba ngàn đại thiên*.

Vì cứu thế dụng thuyền *phương tiện*  
*Hạnh* nguyên tròn *thị hiện* bỏ thân.

**Phật** đâu luyến ái hồng trần  
 Như rấn lột bỏ bao lần lớp da.

Cho nên **Phật** gọi là *thường trụ*  
 Không bao giờ biến đổi hợp tan.

Ví như người thợ kim hoàn  
 Làm đồ trang sức bằng vàng khéo tay.  
 Cũng vậy, **Đức Như Lai Ứng Cúng!**  
 Hai lăm cõi *quyền* dụng làm nhà.

Vì muốn *hóa độ Hằng sa*  
*Chúng sanh* mau chóng thoát ra *tử thân*.  
 Nên ứng biến tướng thân nhiều loại  
 Tùy theo ý *tự tại Phật* đây.

Vì thế, *Thiện Thệ Như Lai!*  
**Vô Biên Thân** hiệu danh bày chẳng sai.  
 Dầu có bỏ nhiều đây *phương tiện*  
**Phật** *thường trụ* không chuyển đổi thay.

Này *Thiện nam tử* nghe đây!  
 Ví dụ rừng nọ có *cây Diêm Phù*,  
 Và *Am la* giống như nhau vậy,  
 Trong một năm cây thay ba lần;

Có mùa trở bông sắc ngân,  
 Khi thời ra lá bội phần tươi xanh,  
 Cũng có lúc cội cành khô héo,  
 Lá không còn rụng hết cỗi cần.  
**Ca Diếp** ! Cây đó chết chẳng ?  
 Hay là còn sống giải phân thế nào ?  
 Bạch **Thế Tôn** ! Cây đâu có chết.  
 Chỉ tạm thời rụng hết lá già,  
 Chồi non kế lại sanh ra  
*Diêm Phù* cây nọ *Am La* tương đồng.  
 Thiện nam tử ! Trí ông thông thạo.  
**Ta** ở trong *Tam giới* phàm trần,  
*Thị hiện* ba thứ *Sắc thân*  
 Cũng như cây nọ ba lần đổi thay:  
 Có lúc mới sanh thai giáng hạ,  
 Có thời kỳ thân đã trưởng thành,  
*Xuất gia* cắt ái tu hành  
*Đắc đạo hóa độ* *Chúng sanh* muôn ngàn,  
 Rồi *chứng nhập* **Niết Bàn** thị tịch.  
 Nhưng *pháp thân* của **Đức Như Lai**  
 Chẳng phải vô thường đổi thay  
 Khác thân *sanh diệt* muôn loài thọ mạng.

Ngài **Ca Diếp** ! Hân hoan *tán thán*

Rằng : “Lành thay! Vô hạn lành thay!”

Thiệt đúng như lời không sai,

**Thế Tôn** *thường trụ* xưa nay đời đời.

Thiện nam tử ! Đây lời Chơn thật.

*Mật ngữ* của **Chư Phật Như Lai**

Rất sâu kín, khó diễn bày

Chỉ người trong cuộc hiểu ngay lời vàng,

Như nhà Vua bảo quan nội giám

Đem **Tiên Đà Bà** đến cho Ngài.

Danh từ *Tiên Đà Bà* đây

Ám chỉ cho bốn thứ này như sau:

*Một* là, muối ; *hai* là, cái chén ;

*Ba* là, nước; *bốn* là, ngựa kia.

Cả bốn thứ trên đều là

Đồng một danh gọi *Tiên Đà Bà* chung.

Quan hầu cận ở trong triều nội

Thường gần Vua sớm tối thay phiên,

Biết rành *mật ngữ* Vua truyền.

Lúc Vua ban lệnh đòi *Tiên Đà Bà*

Muốn rửa mặt thời là đứng nước.

Lúc Vua ăn đòi *Tiên Đà Bà*



Tức thì lấy muối đựng ra.  
 Ăn xong muốn uống đòi *Tiên Đà Bà*  
 Liên đựng bát ngọc trà tinh khiết  
 Quan hầu cận đều biết hiểu qua.  
 Lúc nhà Vua muốn đi xa  
 Lệnh truyền đem đến *Tiên Đà Bà* ngay  
 Liên mang ngựa tốt thay như ý.  
 Y theo đúng mật chỉ Vua ban.  
*Kinh Phương Đẳng Đại Niết Bàn*  
 Gồm có bốn nghĩa mật hàm như trên.  
 Hàng *Phật tử* phải nên thấu biết  
**Đức Như Lai** sự thiệt ra đời,  
 Vì *Chúng sanh* giảng thuyết thời  
**Như Lai** *chứng nhập* vào nơi **Niết Bàn**,  
 Người trí có nhãn quang quán triệt  
 Chỗ **Như Lai** rõ biết tận tường.  
 Bởi có kẻ ôm *chấp* thường  
 Nên dạy pháp Quán *Vô thường* hành theo,  
 Muốn cho các *Tỳ kheo* bốn bộ  
 Tu pháp Quán hiểu chỗ *Vô thường*,  
 Hoặc khi **Như Lai** xiển dương  
 Thuyết *Chánh Pháp* diệt dứt đường tương lai,

Người trí nên biết đây **Đức Phật**  
 Vì có kẻ chấp *Lạc* ôm ghì,  
 Dạy về pháp Quán *Khổ* tri  
 Để đoạn *tâm tưởng* mê si không còn.  
 Hoặc có lúc **Thế Tôn** thuyết độ  
 Nay **Ta** mang bệnh khổ muôn điều,  
***Chúng Tăng*** phá hoại qui điều.  
 Người trí ý *thức* hiểu nhiều rộng xa.  
 Vì có kẻ còn là chấp *Ngã*  
 Dạy pháp Quán *Vô ngã* y theo  
 Muốn cho *bốn bộ Tỳ kheo*  
 Tu Quán *Vô ngã* giác treo huệ lòng.  
 Hoặc dạy bảo *pháp Không* quán triệt,  
*Chánh giải thoát* chơn thiệt nghĩa bày.  
 Người trí nên biết rõ ngay  
*Hai mươi lăm cõi* ra ngoài thế gian,  
 Đó mới thật là đàng *giải thoát*  
 Các *Tỳ kheo* cần đạt thông qua,  
*Pháp Quán không*, rất sâu xa,  
 Nên *chánh giải thoát* gọi là *Chơn không*.  
 Cũng gọi là tương đồng *bất động*,  
*Bất động* vốn trống rỗng trong ngoài,

Thật ra *Chánh giải thoát* đây  
 Không có các *khổ* bi ai buộc ràng,  
 Tâm *bất động* hoàn toàn *giải thoát*,  
 Đã xa rời tướng ác diệt sanh.  
 Nói rằng *không tướng* hiểu rành  
 Nội căn chẳng dính Sắc, thanh ... *ngoại trần*.  
 Nên gọi là thiệt chân *không tướng*,  
 Chẳng đổi thay hiện tượng hợp tan.  
 Thường trụ bất biến thế gian  
 Tùy duyên vạn biến, trí thiên độ dân.  
 Hoặc **Đức Phật** nói rằng sanh chúng  
 Có **Phật tánh** đều cũng như **Ta**.  
 Người trí nhận thức hiểu ra  
 Là **Thế Tôn** dạy chỉ qua “*Pháp thường*”,  
 Muốn tất cả vào đường *tu tập*  
 Chứng **Phật tánh** hội nhập **Như Lai**.  
 Các *Tỳ kheo* bốn bộ đây  
 Có thể tùy thuận pháp này của **Ta**  
 Mà *thọ trì*, xứng là *đệ tử*  
 Của **Như Lai** gìn giữ *Phật môn*,  
 Thấu hiểu *tạng* mật **Thế Tôn**  
 Như quan hầu cận trí khôn biết rành

Khi nhà Vua ban hành mật chỉ  
*Tiên Đà Bà* thuận ý thi hành.

Thiện nam tử ! Là *Chúng sanh*,  
 Như nhà Vua nọ ban hành **mật cơ**

Như vậy, huống **Phật Đà** không có  
*Mật ngữ* đây còn khó hiểu hơn.

*Giáo pháp vi diệu* khôn lường  
 Của **Phật** chúng biết khó tường, khó tri.

Chỉ người trí đủ thì đức độ

Mới có thể thấu chỗ **Phật** bày,

Chẳng phải hạng *phàm phu* đây  
 Khó lòng tin nhận **Như Lai Tạng** này.

Thiện nam tử ! *Cây Ba La Xa*,

*Ca ni ca, cây A thúc ca*

Gặp lúc nắng hạn trời già  
 Ít khi thấy đặng ra hoa đậu cành,

Nhẫn đến các loài sanh dưới nước

Hay trên đất khó được lớn tăng.

Ruộng vườn đất nứt khô cằn  
 Các cây thuốc quý *công năng* giảm dần.

**Kinh Đại Thừa Niết Bàn** cũng vậy,

Sau khi **Phật thị tịch** cõi trần,

Hàng *Chúng sanh* cùng ác Tăng  
 Chẳng còn cung kính, *oai thần* giảm thuyên,  
 Vì tham đắm lợi quyền vật chất  
 Nên không tin *Tạng* mật **Như Lai**.  
 Nay Thiện nam tử nghe đây!  
 Về sau *Chánh Pháp* **Như Lai Phật Đà**  
 Gần sắp diệt xảy ra đủ chuyện,  
 Ác Tỳ Kheo *bất thiện* đông vầy.  
 Chẳng biết *Tạng* mật **Như Lai**,  
 Chảnh mảng, biếng nhác tối ngày háo danh,  
 Nào có chịu *tu hành* trai giới,  
 Mong mỗi sao đắc lợi nuôi thân,  
 Không thể diễn giải lý chân  
 Từ đó *Chánh Pháp* dần dần đoạn ly.  
 Như kẻ trộm *ngu si* khờ khạo  
 Vứt bỏ đi châu báu ngọc ngà,  
 Chỉ mang gánh cỏ trấu mà  
 Chừng khi biết được mới là hổ người.  
*Tu* mê muội suốt đời chẳng **đắc**,  
 Vì không hiểu *Tạng* mật **Như Lai**,  
 Nên bất kính với Kinh này.  
 Thương thay sanh chúng *vị lai* khổ chầy

Vào đường ác không ai chỉ lối,  
 Rất đáng sợ đêm tối hiểm nguy.  
 Bởi *Chúng sanh* chẳng *thọ trì*  
**Niết Bàn** *Phương Đẳng* khó đi đến nhà.  
 Chỉ các vị *Ma Ha Bồ Tát*  
 Nơi Kinh này trí đạt toàn năng,  
 Chẳng *chấp* ngôn ngữ Kinh văn  
*Tùy thuận* thiệt nghĩa ân cần giảng khai  
 Cho sanh chúng những ai tu học  
 Muốn *thọ trì*, tụng đọc **Niết Bàn**.  
 Thiện nam tử ! Thật rõ ràng.  
 Như có cô gái chăn đàn bò kia,  
 Vì háo lợi sữa pha thêm nước  
 Rồi đem bán để được nhiều lời,  
 Liên tục nhẫn đến năm người  
 Đua nhau thêm nước sữa thời lạt phai.  
 Có người mua sữa này biết được  
 Kẻ bán sữa thêm nước nhiều lần,  
 Nhưng vì đãi khách ông cần,  
 Lại mua giá mắc bội phần gấp ba,  
 Đem về nhà sữa pha nấu cháo  
 Trộn không có mùi sữa chút nào.

Dầu không mùi sữa chẳng sao  
 Hơn ngàn vị đấng để vào mất ngon.  
 Vì vị sữa hơn trong các vị,  
 Vô thượng Pháp đại trí đứng đầu.  
 Nay Thiện nam tử ! Về sau  
 Khi ta *diệt độ* không lâu kéo dài  
 Tám mươi năm Kinh này lưu bố  
 Được hoằng truyền khắp chỗ *Ta bà*.  
 Lúc bấy giờ, bọn *ác ma*  
 Sao lược *Kinh điển* này ra nhiều phần.  
 Làm mất đi *Chánh nhân* mùi vị,  
**Phật Pháp** vốn huyền bí cao sâu.  
 Những kẻ nói trên mặc dầu  
 Đọc tụng *Kinh điển* này lâu *thọ trì*,  
 Nhưng lại diệt trừ đi yếu nghĩa  
 Thâm mật của **Đức Phật** truyền ban.  
 Đem lời vô nghĩa thế gian  
 Văn tự lẫn lộn *Kinh* càng tổn hao,  
 Lấy phần trước đặt sau cuối quyển,  
 Dùng phần sau tùy tiện đặt đầu,  
 Trước, sau chính giữa nhét vào,  
 Có khi chính giữa, để sau khó lường.

Ác Tỳ Kheo là phường dân độn,  
 Bạn bè của chúng bọn *ma quân*.  
 Mặc tình thâm nhận nuôi thân  
 Những vật *bất tịnh* không cần cử kiêng.  
 Nói rằng **Phật** trước tiên cho chúng  
 Được thọ nhận của cúng bạc, vàng.  
 Như cô gái chăn bò tham  
 Vì lợi nên mới dối gian tâm lòng  
 Pha nhiều nước vào trong sữa đặc  
 Rồi đem bán cho khách tiêu dùng.  
 Các ác Tỳ Kheo nói chung.  
 Cũng như cô gái ung dung đánh liều.  
 Lấy **Kinh Phật** pha điều *thế tục*,  
 Bảo rằng là bổ túc chương kinh.  
 Làm cho đa số *nhơn sinh*  
 Chẳng đặng giáo thuyết *quang minh Phật Đà*,  
 Vì *Chánh Pháp* đã pha lợ lạt,  
 Người biên chép khó đạt *lý chơn*,  
 Hoặc nhận lấy chỗ *Chân thường*,  
 Để mà *tán thán cúng dường Kinh* đây,  
 Ác Tỳ Kheo sau này vô số,  
 Vì *lợi dưỡng* đánh đổ *tâm linh*,



Không thể lưu truyền Chánh Kinh  
**Niết Bàn Phương Đẳng** Chúng sanh hưởng nhờ.  
 Dầu có truyền chút *cơ* tạp nhạp  
 Chẳng đáng kể *Tạng Pháp Như Lai*.  
 Ví các cô gái bán này  
 Sữa pha thêm nước chuyên tay nhiều lần.  
 Cũng vậy, **Đại Niết Bàn Kinh** *điển*  
 Lần lượt rồi thất chuyển về sau  
 Không còn khí vị ngọt ngào,  
 Lạt lẽo phẩm chất tiêu hao diệu thường.  
 Dầu như vậy, còn hơn chẳng đạt,  
 Cả ngàn lần Kinh khác đó là.  
 Như cháo không mùi sữa kia  
 Hơn các vị đắng khó mà nuốt trơn.  
**Đại Niết Bàn** *Chơn thường thượng thủ*  
 Đối với các *Kinh* của *Thanh Văn*.  
 Như sữa bò bổ ích nhân,  
 Tốt hơn vị đắng, khó bằng sánh qua.  
 Vì nghĩa này gọi là *Phương Đẳng*  
**Đại Niết Bàn**, *tối thắng*, tối ưu.  
 Thiện nam tử ! Cũng ví như.  
 Không ai mong mỗi làm người nữ đây.

Vì thân nữ chứa đầy như *uế*,  
Như nước tiểu con muỗi nhỏ kia  
Không làm mặt đất chan hòa  
Thấm ướt cây cối, cỏ hoa được gì.  
Người nữ luôn *mê si, tham dục*,  
Tâm ham muốn chẳng lúc dừng đâu.  
Ví như đem quả Địa Cầu  
Vò bằng Đình Lịch mau, lâu dễ làm,  
Số hạt đó hóa nam đồng hết  
Cùng dâm với một người nữ nào  
Vẫn không thỏa mãn khát khao  
Với *tâm dục* khởi chứa sâu trong lòng.  
Như trời mưa trăm sông tuôn chảy  
Vào biển cả, biển lại không với.  
Cũng vậy, giả sử trên đời  
Đều là nam ở một người nữ đây  
Cũng không đủ giải khuây lòng dục,  
Như biển kia không lúc nào đầy.  
Ví như cây *Ca ni ca*  
Mùa xuân thanh vượng muôn hoa nở đầy.  
Có con ong thường hay hút mật  
Lấy hương vị nguyên chất của hoa

Chẳng chán, chẳng đủ dầu mà  
 Cả ngày, cả tháng cùng là cả năm.  
 Người nữ muốn người nam cũng vậy,  
 Chẳng nhàm chán, chẳng thấy đủ đầy.  
 Thiện nam tử ! Do nghĩa này.  
 Mọi người bất luận gái, trai, trẻ, già,  
 Nói chung khắp *Ta bà quốc độ*  
 Nghe **Kinh** này *giác ngộ tu hành*,  
 Nhàm chán thân nữ chẳng sanh,  
 Cầu thân nam tử phước lành về sau.  
 Vì **Kinh** này đức cao hơn hẳn  
 Đủ có tướng làm đáng *trượng phu*,  
 Tức là **Phật Tánh Chơn như**  
 Giống **Như Lai** vậy, hay **Chư Phật Đà**.  
 Người chẳng biết tin qua **Phật Tánh**  
 Thời chắc chắn không có tướng nam,  
 Ta nói người đó nữ hơn  
 Mang thân nam tử còn hơn đàn bà.  
 Nếu có thể tự ta biết chắc  
**Phật tánh** vốn chơn thật trong thân  
 Người này đủ tướng *xuất trần*  
*Trượng Phu Điều Ngự* độ dân muôn loài.

Nếu có người nữ đây tin chắc  
 Trong thân mình có **Phật tánh** đây,  
 Nên biết những người nữ này  
 Chính là nam tử tướng lai hoàn toàn.  
**Kinh Đại Thừa Niết Bàn** chứa đựng  
 Những *công đức vô lượng* khó bàn,  
 Giảng nói thật chứng rõ ràng  
**Như Lai tạng** mật mở mang giúp đời.  
 Vì thế nên mọi người muốn chắc  
 Mau biết *tạng vi mật Như Lai*  
 Phải *dụng phương tiện* Kinh này  
 Siêng năng *tu tập* miệt mài thành công.  
 Ngài **Ca Diếp** ứng lòng bạch **Phật**:  
 Thưa **Thế Tôn** ! Phải lắm không sai,  
 Đúng như lời **Phật** nói đây.  
 Nay tôi như có tướng này *trượng phu*.  
 Nên đặt vào **tạng Như Lai** mật,  
 Đều nhờ ơn **Đức Phật** mở khai,  
*Giác ngộ* cho tôi hôm nay  
 Quyết định chứng đạt **Như Lai tạng** này.  
**Đức Phật** bảo : “Lành thay! **Ca Diếp** !  
 Nay Ông thuận thế gian nói chẳng ?”

**Ca Diếp Bồ Tát** bạch rằng:

“Tôi chẳng tùy tiện thế gian Pháp bầy”.

**Đức Phật** khen ngợi ngài **Ca Diếp** :

“Thật lành thay! Chỗ biết ông đây.

Là Pháp *vô thượng* **Như Lai**

Rất sâu, rất kín xưa nay ít người

Khó thể biết ông thời thấu biết,

Như con ong hút lấy mật hoa.

**Ca Diếp Bồ Tát ! Nghe Ta**

Nhắc lại ví dụ để mà hiểu thông.

Như nước tiểu của con muối thật

Không thể làm mặt đất ướt trơn.

Đời hậu lai Kinh này truyền

Cũng lại như vậy, giảm thuyên dần dần,

Lúc *Chánh Pháp* sắp gần tan hoại

Kinh này không tồn tại kéo dài,

Ẩn mất nơi cõi đất này,

Nên biết **Phật Pháp** càng ngày mờ phai.

Thiện nam tử ! Như nay cuối Hạ

Qua đầu Thu tâm tả mưa chan.

Cũng vậy, **kinh Đại Niết Bàn**.

Vì các **Bồ Tát** phương Nam rộng truyền,

Rưới **Pháp Vũ** gieo *duyên* khắp chỗ.  
 Khi *Chánh Pháp* diệt độ suy tàn.  
 Kinh này cũng được truyền sang  
 Đủ nơi khắp **nước Kế Tân** vương thành.  
 Hoặc có người căn lành tin tưởng,  
 Có người chẳng *tín ngưỡng thọ trì*,  
 Không lâu kinh này mất đi,  
 Cho đến Kinh khác *vô vi Đại Thừa*.  
 Khó lưu trữ ngăn ngừa diệt hẳn,  
 Nếu có ai gặp đặng Kinh này,  
 Đây đủ *tạng pháp Như Lai*,  
 Người đó đệ nhất muôn loài thế gian.  
 Nay **Ta** bảo các hàng **Bồ Tát**  
 Phải nên biết *Chánh Pháp Phật* đây  
 Sắp diệt chẳng còn lâu dài,  
 Vì vậy, cố gắng miệt mài đường *tu*.  
 Bấy giờ, Ngài **Văn Thù Sư Lợi** !  
 “Bạch **Thế Tôn** ! Đức Đại từ bi !  
 Ông **Thuần Đà** tâm còn *nghi*  
 Ngưỡng mong cầu *Chánh Biến Tri* giải bày?”.  
 Thiện nam tử ! Ông đây hãy nói,  
*Nghi* thế nào hãy tỏ bày phân.

**Văn Thù Sư Lợi** bạch rằng:

“Ông **Thuần Đà** đó đạo hằng hoài nghi

Rằng : **Như Lai** đây thì *thường trụ*,

Do vì đặng đầy đủ đức công

*Tri kiến Phật tánh viên thông*

Không còn *Lục đạo* ở trong *Ta bà*.

Nếu thấy **Phật tánh** là *thường trụ*,

Thời lúc trước chưa thấy lẽ ra

Cũng là *Vô thường* đó mà

Sao nói *thường trụ* **Phật Đà** phân minh.

Nếu lúc trước tự mình không thấy,

Lúc sau cũng như vậy đồng thời.

Như những vật ở trên đời

Trước không nay có, có rồi hoàn không.

Những vật ấy đều không tồn tại,

Là *Vô thường* hư hoại đổi thay.

Do nghĩa này nên **Như Lai**,

**Chư Phật, Bồ Tát**, các Ngài *Thanh Văn*

Đồng là một chẳng phân sai khác,

Đều giống nhau như các *Chúng sanh*.”

Liền đó, **Thế Tôn** *quang minh* !

Nói *kệ liễu nghĩa* pháp lành nhủ khuyên:

*Trước có nay không  
Trước không nay có,  
Trọn không có nghĩa  
Ba đời là có.*

Thiện nam tử ! Do nghĩa này.

**Chư Phật, Bồ Tát**, các Ngài **Thanh Văn**

Cũng có lúc biệt phân sai khác,

Mà cũng không sai khác biệt phân.

Ngài **Văn Thù** tán thán rằng:

Lành thay! Lời **Phật** phân trần chẳng sai,

Tôi mới biết **Như Lai, Chư Phật**

Cùng **Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn**

Cũng có sai khác biệt phân,

Cũng không sai khác giả, chân luận bàn.

Ngài **Ca Diếp** ! Ân cần lại hỏi :

“Lời **Thế Tôn** ! Giảng nói vừa qua.

**Chư Phật, Bồ Tát Ma Ha,**

*Bích Chi Duyên Giác* hay là *Thanh Văn,*

*Tánh* không có biệt phân sai khác,

Cúi mong cầu ơn **Đức Như Lai**

Giảng rộng nghĩa ấy phô bày



Để làm *lợi ích* muôn loài *Chúng sanh*”.

**Phật** nói : Hỡi này *Thiện nam tử* !

Hãy lắng nghe xét kỹ rõ thông,

**Đức Như Lai** sẽ vì ông

Giảng nói nghĩa ấy đực, trong cạn lời.

“Ví như có một người *Trưởng giả*

Nuôi nhiều bò vắt vả gian nan,

Đủ các màu lông trắng, vàng ...

Giao cho đứa tớ chăn đàn bò kia.

Bỗng một hôm trong nhà cúng kiến,

Người chăn bò tự ý làm ngang,

Vắt hết sữa bò từng đàn

Chứa đựng chung với một thùng thật to.

Người chăn thấy sữa bò đã vắt

Đồng một màu trắng rất tuyết băng

Lấy làm lạ, dạ nghĩ rằng:

Mỗi con chẳng giống da, lông khác màu.

Sao sữa chúng y nhau như hệt

Đồng một màu sự thật lạ kỳ.

Người này suy gẫm thấu tri

Xét rằng tất cả do vì *nhơn duyên*,

**Nghiệp báo** của căn tiền sanh Chúng,

Nên làm cho sữa đồng một màu.

Thiện nam tử ! Chẳng khác nào  
*Thanh văn ... **Bồ Tát*** trước sau vẫn đồng  
 Một **Phật tánh** cũng không sai khác,  
 Kể cả luôn hết các *Chúng sanh*.

Nhưng cũng có hạng *Thanh Văn*  
*Phàm phu* thiếu trí nghi nan trong lòng.

*Ba Thừa* sao lại không sai khác ?

Như **Bồ Tát**, *Duyên Giác*, *Thanh Văn*.

Những người *nghi* vậy lâu dần  
*Tu chứng* tự hiểu chẳng *phân biệt* gì,  
 Cả *Ba Thừa* đồng y **Phật tánh**.

Như người tở chần bò hiểu rằng

Màu sữa đồng một chẳng phân  
 Là do *nghiệp báo* tác nhân cấu thành.

Thiện nam tử ! Phải rành *Chơn ngã*.

Như quặng vàng cặn bã lọc trừng,

Sau khi thành vàng đặc trưng  
 Thời giá trị nó không ngừng nâng cao.

Hàng *Thanh Văn* tu lâu chứng đạt

Bực *Duyên Giác*, **Bồ Tát** trí sâu

Đều đặn thành tựu đạo mẫu

Đồng một **Phật tánh** không nào khác sai,  
 Vì trừ sạch trần ai *phiền não*,  
 Như quặng vàng rớt ráo lọc phân  
 Không còn một chút *vi trần*  
 Vàng ròng nguyên chất thứ dân tiêu xài.  
 Do nghĩa này, **Như Lai** Chư *Thánh*,  
*Chúng sanh* đồng **Phật tánh** không sai.  
 Vì họ có *duyên* trước đây  
 Nghe *tạng vi mật* **Như Lai** phổ truyền,  
 Thời gian sau tu *thiền* thành **Phật**  
**Tự chứng** biết chơn thật hiển nhiên,  
 Vì dứt *vô lượng* *não phiền*.  
 Như *Trưởng Giả* biết sữa nguyên một màu .”  
 Ngài **Ca Diếp** ! Ngỏ hầu bạch **Phật**.  
 Rằng : **Thế Tôn** ! Thành thật hỏi qua.  
 Nếu *Chúng sanh* tất cả mà  
 Đều có **Phật tánh** đồng là chẳng sai,  
 Thời **Phật** cùng muôn loài sanh chúng  
 Có gì khác hay cũng giống nhau.  
 Người nói như vậy phạm vào  
 Lỗi lầm với **Phật** lớn lao vô cùng.  
 Nếu *Chúng sanh* nói chung bốn loại

Có **Phật tánh** hết thấy như nhau.

Do *nhơn duyên* gì tại sao ?

Ngài **Xá Lợi Phất** nhập vào *hữu dư*

**Tiểu Niết Bàn** không như **Đức Phật**.

Hàng *Duyên Giác* hay bực *Bích Chi*

Nhập **trung Niết Bàn** vậy thì,

Còn các **Bồ Tát** liễu tri đạo mầu

**Đại Niết Bàn** cao sâu *chứng nhập*,

Sức *tự tại* không gặp ngại ngăn.

Ba hạng nói trên vừa phân

Nếu đồng **Phật tánh** sao rằng khác nhau,

Nhập **Niết Bàn** thấp cao như vậy,

Mong **Thế Tôn** ! Giảng dạy rõ ràng !

Này **Thiện nam** ! **Đại Niết Bàn**

Của các **Đức Phật** hoàn toàn tối ưu

Hàng *Thanh Văn* hay như *Duyên Giác*

Chính là chỗ khó đạt toàn năng,

Do nghĩa này **Ta** nói rằng:

“Nếu nhập vào **Đại Niết Bàn Như Lai**

Gọi là người tâm đầy thuần thiện

Như hết khoáng, vàng hiện sáng ngời.

Thế gian không **Phật** ra đời

*Duyên Giác* chẳng có hoặc thời *Thanh Văn*,  
 Hàng *nhị thừa* khó phần chứng dự  
 Tịch nhập vào hai thứ *Niết Bàn* .”

**Ca Diếp Bồ Tát** bạch rằng :

“**Thế Tôn** ! Nghĩa ấy thật chơn thế nào ?”

**Phật** nói : *Hằng hà sa số* kiếp

Mới có một vị **Phật** ra đời

Khai thị *Pháp Môn Tam Thừa*

Tùy theo *căn tánh* thích ưa mỗi người.

Thiện nam tử ! Như lời ông nói

**Bồ Tát** hay *Duyên Giác, Thanh Văn*

Không sai khác đó hay chẳng,

Trước kia **Ta** cũng tỏ phân chỉ bày

Ở trong **tạng Như Lai** có nói,

Vậy hãy nên tìm hiểu nghĩa này.

“Các vị *A La Hán* đây

Khi nào thuần thiện đức dày sâu *duyên*,

Gột sạch hết não phiền *chướng ngại*,

Đều sẽ đặng nhập **Đại Niết Bàn**.

Vui lạc rốt ráo hoàn toàn

Mới là nhập **Đại Niết Bàn Như Lai**”.

Ngài **Ca Diếp** ! Vui thay bạch **Phật**.

“Như lời dạy của **Đức Như Lai**

Tôi mới biết nghĩa khác sai,  
Nghĩa không sai khác thấu ngay rõ ràng,  
Vì tất cả những hàng **Bồ Tát**,  
Hay *Thanh Văn, Duyên Giác, Bích Chi*  
Đời vị lai sẽ đồng qui

**Đại Niết Bàn** nhập vô vi trọn bề,  
Như muôn sông chảy về biển cả  
Đồng một vị *Chơn ngã* không hai.  
Thế nên hàng *Thanh Văn* đây  
Hoặc là *Duyên Giác* mới hay gọi *thường*.  
Luôn làm lợi khôn lường sanh chúng,  
Chẳng *vô thường* hữu dụng cho ai.  
Do nghĩa này có khác sai  
Cũng không sai khác, cả hai nghĩa bày”.

Bạch **Thế Tôn** ! Tôi nay chưa rõ.

Thế nào là *tánh* có khác sai ?

Thiện nam tử ! Hãy nghe đây.

*Thanh Văn* giống thể *Sữa* này còn nguyên,  
Bực *Duyên giác* *Sữa* duyên thành *Lạc*,  
Còn **Bồ Tát** *Lạc* nhưn sanh *Tô*,  
**Chư Phật** cũng như *Đề hồ*,

Ví tợ thân được *Cam lồ* quý thay!  
 Do nghĩa này trong đây *Kinh điển*  
**Đại Niết Bàn Phật** *diễn thuyết* khai  
 Nói bốn *chủng tánh* khác sai  
 Chung qui **ngiệp đạo** mỏng dày mà ra.  
 Ngài **Ca Diếp** ! Hỏi qua **Đức Phật**.  
*Tánh tướng* của nhơn vật *Chúng sanh*  
 Như thế nào ? **Phật** dạy rành  
*Từ bi giáo hóa*, chân thành cầu mong.  
 Thiện nam tử ! Nay ông nghe rõ.  
 Lời **Như Lai** bày tỏ ngọn ngành.  
 Như bò kia mới vừa sanh  
 Sữa máu chưa đủ định hình khác sai.  
*Tánh phàm phu* nhơn loài sanh chúng,  
*Các phiền não* đây cũng xen vào,  
 Thật ra chẳng có khác nào,  
*Tánh tướng* chưa hiện làm sao định bày.  
 Ngài **Ca Diếp** chấp tay hỏi **Phật**.  
 Rằng : Trong thành *Câu Thi Na* đây.  
 Có gã *Chiên Đà La* này  
 Tên là **Hoan Hỷ** lành thay vô cùng.  
 Chỉ một lần đem lòng thể hiện

**Bồ Đề** tâm phát nguyện sâu dày

**Phật** liền **thọ ký** người này

*Thành đạo vô thượng* một ngày không xa,

Trong số ngàn **Phật Đà hiền kiếp**

Sẽ ra đời liên tiếp cõi này.

Cớ sao **Thế Tôn Như Lai** !

Chẳng hề **thọ ký** an bày các ông:

**Mục Kiền Liên** thân thông đệ nhất,

**Xá lợi Phất** siêu xuất trí tài

Còn nhiều lắm vị đức dày

Sớm mau thành đấng **Như Lai** mới là ?

Thiện nam tử ! Nghe **Ta** phân cạn.

Hàng *Duyên Giác* hay hạng *Thanh Văn*,

Hoặc **Bồ Tát** phát nguyện rằng :

“Tôi sẽ mãi mãi độ dân *Ta bà*

Và hộ trì lâu xa *Chánh Pháp*,

Vậy mới sau thành **Phật đạo** đây.

Vì *nguyện* này nên các Ngài

*Trụ* trong cõi thế kiếp dài *Hằng sa*.

*Nguyện* chưa thành, **Phật Đà** chẳng *đắc*,

Chớ **Phật** không thiên vị ai nào.

Do người tâm *phát nguyện* mau



Nên **Ta thọ ký** không lâu **Phật** thành”.

Thiện nam tử ! Hiểu rành xét gạn.

Ví như người buôn bán báu châu,

*Phàm phu* chẳng biết cao sâu

Vội vàng chế giễu, ngửa đầu cười chê.

Dầu nhà buôn không hề nói dối,

Bọn ngu kia nghe nói chẳng tin,

Xúm nhau họ lại miệt khinh

Thứ đồ đồ giả, mặc tình dèm pha,

Đá sạn mà cho là châu báu,

Mắt cá lại ngụy tạo ngọc trân.

Cũng vậy, những hạng tục trần

Hoặc là *Duyên Giác*, *Thanh Văn* khác nào,

Nếu nghe **thọ ký** mau thành **Phật**,

Thời sanh lòng *giải đãi* rẽ khinh.

Giống người mắt mù bất minh

Làm sao nhận định thấy nhìn chơn châu.

Đời *Mạt pháp* đâu đâu giả tạo

Có hạng người khoát áo *cà sa*.

Do vì nghèo túng *xuất gia*,

Bần cùng đói khát bỏ nhà đi *tu*.

Suốt ngày cứ lu bu vật chất

Cốt mong sao ấm cật phì da,  
*Kinh điển* tụng đọc hơ hà,  
 Trong tâm *siểm khúc*, gian tà phủ che.  
 Những hạng này nếu nghe **Đức Phật**  
**Thọ ký** hàng chơn thật *Thanh Văn*  
 Mau thành **Phật**, họ cười rân,  
 Chê bai, khinh mạn, tâm càng ghét ganh.  
 Bọn này chẳng *tu hành* gì cả  
 Đội lớp tăng đả phá giới thời,  
 Tự xưng rằng : Phước hơn người,  
 Ta đã *tu chứng* đến nơi nhiệm mầu.  
 Tùy theo người muốn mau thành **Phật**  
**Ta thọ ký** *chứng đắc* tức thì  
 Người *nguyện Chánh Pháp* hộ trì,  
**Ta** cũng *thọ ký* đúng y *nguyện cầu*.  
 Ngài **Ca Diếp** ! Cúi đầu bạch **Phật**.  
 “Thưa **Thế Tôn** ! Thành thật hỏi qua.  
 Bực Đại **Bồ Tát** *Ma Ha* !  
 Như thế nào được quyền gia thân bằng.  
 Chẳng hư hoại. Do *nhân* gì vậy ?  
 Mong **Thế Tôn** giảng dạy chỉ bày.  
**Phật** nói : Các **Bồ Tát** này.

Siêng năng *ting tấn* không thay đổi lòng,  
 Muốn hộ trì khai dòng *Chánh Pháp*  
*Giác ngộ* đời kết nạp như loài.  
 Do gieo trồng *nhơn duyên* này  
 Được hàng **quyến thuộc** chẳng rày hoại hư”.  
 Bạch **Thế Tôn** ! Đại từ giáo dạy.  
*Nhơn duyên* gì có loại *Chúng sanh*  
 Môi miệng khô cháy hôi tanh  
 Mong **Phật** nói rõ *Chúng sanh* sửa mình.  
 Nếu có người chẳng tin *Tam Bảo*  
 Là *thường* còn phước báu thế gian.  
 Do *duyên* này chịu khổ than,  
 Môi miệng khô cháy phải mang suốt đời.  
 Như miệng của người thời đau nặng  
 Chẳng biết vị ngọt, đắng, chua, cay ...  
 Tất cả *Chúng sanh* muôn loài  
**Ngu si** vô trí ít ai ngộ lòng  
*Tam Bảo* là *thường* còn mãi mãi,  
 Thế nên gọi khô cháy miệng môi.  
 Nay Thiệ nam tử ! Trong đời  
*Chúng sanh* nào chẳng biết thời **Như Lai**  
 Là *thường trụ* không thay đổi được,

Đó là người thiếu *phước sanh manh*,  
Nếu biết **Như Lai** rõ ràng  
Vốn là *thường trụ phước* lành hơn gian,  
Người này dầu có mang *nhục nhĩn*  
Nhưng **Phật** nói là hạng mắt trời.  
Này Thiện nam tử ! Nếu người  
Có thể biết được **Phật** thời **Như Lai**  
Là *thường trụ* không thay đổi được,  
Người này đã từ trước có *tâm*  
*Tu tập* Kinh này cao thâm  
Nên nay mới đặng rộng tầm nhìn xa.  
Những người đó xứng là *Thiên nhĩn*  
Mới tin sâu *Pháp tạng* **Như Lai**.  
Thiện nam tử ! **Đức Phật** đây.  
Thường vì tất cả muôn loài *Chúng sanh*.  
Làm cha mẹ dỗ dành con cái,  
Nên *thị hiện* đủ loại tướng thân:  
Hai chân, bốn chân, nhiều chân,  
Hoặc khi *thị hiện* không cần có chân.  
**Đức Phật** dùng âm thanh duy nhất  
Mà *thuyết pháp* hiệu lực dường bao,  
Những loài *Chúng sanh* khác nhau

Nghe tự nhận hiểu rất mau dễ dàng,  
 Đồng tán thán muôn ngàn công đức  
**Phật** từ bi nguyện lực cao sâu,  
 Vì chúng tôi thuyết đạo mầu  
 Độ kẻ mê muội tai sầu thoát qua.  
 Do nghĩa này, **Phật** là cha mẹ  
 Có công dày dạy dỗ chúng ta.  
 Nay Thiện nam tử ! Như là ...  
 Cha mẹ khi đã sanh ra con mình  
 Mười sáu tháng tuổi sinh non trẻ,  
 Dầu biết nói lời lẽ chưa rành.  
 Bậc cha mẹ ! Đáng sinh thành  
 Muốn dạy con nói tập tành y theo,  
 Đồng tiếng nói trẻ thơ ngọng nghịu  
 Lần lần con sẽ hiểu ra ngay.  
 Vậy tiếng nói cha mẹ đây  
 Có đúng giọng nói trẻ này hay chẳng ?  
 Ngài **Ca Diếp** ! Đáp rằng không phải.  
 Vì *tùy duyên* để dạy con mình.  
**Ca Diếp** ! Muốn độ *Chúng sanh*.  
 Tùy theo các tiếng âm thanh mỗi loài.  
**Chư Phật** hay **Như Lai** thuyết pháp

Luôn *tùy duyên* phù hợp như tình,  
Có khi hiện đủ tướng hình,  
Sở thích muôn loại thấy nhìn kính tin.  
**Đức Như Lai** hòa mình mọi giới,  
Nên nói rằng: Đồng lợi *chúng sanh*,  
Có thể cho rằng âm thanh  
**Như Lai** là chẳng Chánh lành thật ư ?  
Bạch **Thế Tôn** ! Không như phải vậy.  
Vì **Như Lai** thường thấy *Chúng sanh*  
Nên *tùy thuận* các âm thanh  
**Thế Tôn** ! *Diễn thuyết* pháp lành rải ban.

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (3 lần)**



**KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN**

**PHẨM**

**“ĐẠI CHÚNG SỞ VẤN”**

**Thứ Mười Bảy**





# KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN



## PHẨM

### “ĐẠI CHỨNG SỞ VẤN”

(Thứ Mười Bảy)

**B**ấy giờ, **Thế Tôn Như Lai !**

Toàn trên dung mạo nghiêm oai sắc thân.

Phóng các thứ hào quang đủ loại:

Màu xanh, vàng, đỏ, trắng phát ra

Chiếu khắp mình thân **Thuần Đà**

Không thể tưởng tượng thật là lạ thay !

Ông **Thuần Đà** gặp đây ánh sáng

Liền kíp mau sửa soạn lên đường

Cùng thân quyền đến *cúng dường*

**Như Lai** lần cuối tại rừng *Ta La*

Lúc đó có trời **Đại Oai Đức**

Đứng áng trước ngay mặt **Thuần Đà**

Bảo rằng: Ông hãy lui ra

Chớ dâng cúng **Đức Phật Đà** thức ăn.  
**Đức Thế Tôn** định thần biết được  
 Nên phóng ra *vô lượng vô biên*  
 Ánh sáng chiếu khắp *Chư Thiên*  
 Cõi trời thấy đặng tức liền hiểu ra  
 Cho **Thuần Đà** cả nhà thân quyến  
 Dem thức ăn dâng lên **Phật Đà**.  
 Lúc đó, *Chư Thiên Hằng sa*  
 Cùng các *Đại chúng Ta bà* đầy đông  
*Nguyện cúng dường* một lòng chân thật  
 Đồng quỳ xuống trước **Phật** bạch rằng:  
 Ngưỡng mong Đấng *Đại Thánh Nhân* !  
**Như Lai** ! *Thiện Thệ* ! ban ân cõi trần,  
*Chư Tỳ kheo Thánh tắng* thọ dụng  
 Vật thực này ứng cúng các ngài.  
 Bấy giờ, *Chư Tỳ kheo* đây  
 Biết đã đến lúc thọ trai thường ngày  
 Bèn chấp trì an bày y bát  
 Rồi ngồi yên hoan lạc tâm lành.  
**Thuần Đà** vì **Phật**, *Chúng sanh*  
*Bố thí* chuỗi ngọc kết thành lọng phan  
 Những tòa báu đài vàng Sư tử

Cùng rất nhiều trăm thứ hoa hương.

Lúc bấy giờ cả mười phương

*Đại Thiên thế giới* trang nghiêm lạ thường

Tốt đẹp như thể đường *Cực Lạc*,

Rừng *Ta La* giây lát hiện bày.

**Thuần Đà** quỳ trước **Như Lai**

Sâu lo buồn bã ông đây bạch rằng:

“Ngưỡng mong *Đại Thánh Nhân Tam giới*

Xin xót thương nghĩ đến muôn loài

*Trụ* thọ một kiếp kéo dài

Hoặc dưới một kiếp con nay mong cầu”.

**Đức Phật** bảo **Thuần Đà** *thí chủ*:

“Ông muốn **Phật** an *trụ* thọ trường

Phải mau dâng thực *cúng dường*

Cũng là lần cuối lo lường nhanh lên”.

Lúc đó, hàng *Chư Thiên Bát bộ*

Cùng tất cả **Đại Bồ Tát** đây,

Mọi người trong đại hội này

Khác miệng đồng xưng tỏ bày lời ra

“Lạ lòng thay **Thuần Đà** mầu mực

Đã trọn nên *phước đức* lớn thay!

Có thể làm **Đức Như Lai**

Nhận lấy thực phẩm ông nay *cúng dường*  
 Lần cuối cùng tại rừng *Song thụ*  
 Chúng tôi không đầy đủ *phước, duyên*  
 Chỉ là cảm phạm tội phiền  
 Ủng công trần thiết tâm nguyện cầu mong!”.  
**Đức Thế Tôn** muốn trong *Đại chúng*  
 Đặng mãn nguyện đều cũng thỏa lòng,  
 Nên *thị hiện* mỗi chân lông  
 Trên thân **Đức Phật** thiết không thể lường  
 Hóa thành **Phật vô phương** tính đặng,  
 Mỗi **Đức Phật** đều dẫn dắt theo  
*Vô lượng Thánh Tăng Tỳ kheo*  
 Đều nhận thọ sự *cúng dường* nơi đây.  
 Riêng **Thích Ca Như Lai Giáo Chủ**  
 Tự thọ phần cúng của **Thuần Đà**.  
 Do *thần lực Phật* hóa ra  
 Tám học cơm của **Thuần Đà** cúng dâng  
 Đều cung cấp thức ăn đầy đủ  
 Không thiếu ai trong đại hội này.  
**Thuần Đà** thấy vậy vui thay !  
*Đại chúng hoan hỷ* chẳng ai tủi sầu.  
 Nhưng một nỗi lo âu trong dạ

**Như Lai** sắp từ già chúng ta,  
 Không bao lâu đấng *Cha già*  
**Niết bàn diệt độ Ta bà** đi xa.  
 Lòng *Đại chúng* thiết tha than thở  
 Cuộc chia ly ai nỡ bày ra.  
 Bấy giờ, rừng cây *Ta La*  
 Do *thần lực* của **Phật Đà** biến ra  
 Khoảng không gian cách xa rất nhỏ  
 Như mũi kim đều có *vô biên*  
**Chư Phật Thế Tôn** *Thánh hiền,*  
*Quyến thuộc Bồ Tát* an nhiên đồng ngồi  
 Thọ thực phẩm trời, người dâng cúng  
 Những thức ăn cũng không khác sai.  
 Lúc đó, *Chư Thiên* các ngài  
 Nói chung *Đại chúng* muôn loài .v.v...  
 Lòng buồn khổ than rằng: Khóc kể !  
 Nay **Như Lai** *Thiện Thệ!* **Phật Đà** !  
 Thọ *cúng dường* của chúng ta  
 Lần cuối ngay tại *Ta La* rừng già  
 Rồi đây **Phật Ta bà** xa vắng  
 Nhập **Niết Bàn** dứt hẳn trần ai,  
 Chúng ta côi cút cõi này

Không người giáo dạy, biết ai *cúng dường*.

Bực *Điều Ngự* chỉ đường dẫn lối

Sẽ không còn nơi cõi thế gian,

Khác nào lạc chốn rừng hoang

Đường trần tằm tối khổ than vô cùng.

**Đức Thế Tôn Đại hùng** trí dũng

Vì an ủi *Đại chúng* kệ rằng:

*Đại chúng* hôm nay chớ khóc than

*Vô thường* giả tạm hợp rồi tan

Đến đi có lúc đều như vậy

**Chư Phật** xưa nay chứng *Niết Bàn*.

Đã trải *Hằng sa vô lượng* kiếp

Thường vui *vô thượng* chỗ tâm an.

Mọi người hãy lắng nghe lời dạy !

**Phật** sẽ thuyết khai **Đại Niết Bàn**.

**Đức Phật** đã lìa sự uống ăn

Trọn không đói khát dưỡng nuôi thân,

**Như Lai** tùy thuận vì sanh chúng

*Nguyện thuyết Pháp* mầu cạn tỏ phân.

Mong muốn muôn loài đều *giác ngộ*  
An vui *giải thoát* kiếp phàm nhân,  
Nghe xong cố gắng lo tu tỉnh  
**Pháp Phật** vốn *thường trụ* thiết chân.

Giả sử loài chim Quạ, Cắt đây  
Chung nhau làm ổ một thân cây  
Xem như ruột thịt anh em vậy  
**Phật** mới rời xa hẳn cõi này.

**Thế Tôn** xem *chúng sanh* muôn loài  
Như tợ **La Hầu La** chẳng sai  
Thường đã làm thầy trong *Bát Bộ*  
*Niết Bàn* sao lại bỏ trần ai.

Giả như Rắn, Chuột, Sói chung hang  
Mà biết thương yêu như họ hàng  
Chẳng có hại nhau vì cuộc sống  
**Như Lai** chừng đó lánh trần gian.

**Đức Phật** thương yêu hết *Chúng sinh*

Xem như **La Hâu La** con mình  
Thường làm *Cha* của trong *Tam giới*  
Chẳng thể *Niết Bàn* bỏ *Chúng sinh*.

Giả sử mùi hôi *Thất diệp* hoa  
Thơm như bông nọ *Bà Sư Ca*,  
Trái cây *Ca La Ca* nhiều độc  
Chuyển đổi thành quả *Trấn Đầu Ca*.

**Đức Phật** xem *Chúng sanh* muôn loại  
Thương như con một **La Hâu La**  
**Ta** sao nỡ bỏ *từ bi nguyện*  
*Nhập diệt Niết Bàn* vĩnh viễn xa.

Giả sử cũng như *nhứt xiển đề*  
Hiện thân *câu đao* đoạn lòng mê  
Thọ vui đệ nhứt nơi *vô thượng*  
**Phật** nhập *Niết Bàn* vẹn *nguyện* thề.

**Như Lai** xem tất cả  
Đều như **La Hâu La**  
Sao lại bỏ *từ bi*



Vĩnh viễn nhập *Niết Bàn*.

Giả sử *Chúng sanh* cả bốn loài  
Đồng thành *Phật đạo* chứng **Như Lai**  
Xa lìa *chướng lậu* bao lầm lỗi  
**Phật** nhập *Niết Bàn* chắc chẳng sai.

**Như Lai** xem tất cả  
Đều như **La Hâu La**  
Sao lại bỏ từ bi  
Vĩnh viễn nhập *Niết Bàn*.

Giả sử nước tiểu con muỗi này  
Làm cho ngập lụt *đại địa* đây  
Nếu mà có việc trên như vậy  
**Phật** nhập *Niết Bàn* vốn thật đây.

*Từ bi* xem tất cả  
Đều như **La Hâu La**  
Thường làm thầy *Tam giới*  
Sao lại *Niết Bàn* xa.

Vì thế **Ta** khuyên hết mọi loài  
Phải ư *Chánh Pháp* của **Như Lai**  
Chẳng nên than khóc *tâm* sâu muộn  
Chán nản đường *tu* dạ đổi thay.

Muốn có *hạnh* chơn chánh miệt mài  
Phải *tu* **Phật** *thường trụ* hằng ngày  
Ta nên *quán* Pháp là như vậy  
Còn mãi muôn đời không đổi thay.

Lại nên suy xét *quán* *thường* rằng:  
*Tam Bảo* gọi là **Phật, Pháp, Tăng**  
*Thường trụ như như* không biến đổi  
Thời là *lợi ích* lớn tha nhân.

Như cây khô héo sanh ra trái,  
Trong lửa hoa sen nở trắng ngần.  
*Tứ chúng* khéo nghe đều *giác ngộ*  
*Bồ Đề* *tâm* phát chứng nguồn chân.

Nếu ai biết được *Tam Bảo* đây !  
*Thường trụ* đồng như *Chơn đế* này

Đây đúng thệ nguyện **Chư Phật** vậy  
Tối cao, tối thượng đáng **Như Lai**.

Nếu có *Tỳ kheo, Tỳ kheo ni*  
Hay *Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di*  
Có thể y cứ *quy y*

Theo *nguyện* tối thượng của thì **Như Lai**

Rồi tự mình hôm nay *phát nguyện*  
Nên biết là người chuyển *trí chơn*  
Không còn *ngu si* xem thường

Kham lãnh thọ sự *cúng dường* của ai.

Bởi *nguyện lực* người này rất lớn  
Có *công đức vô lượng* nghĩ bàn,

**Quả báo thù thắng** thế gian,

Như *A La Hán* hoàn toàn sạch trong.

Nếu ai chẳng có lòng *quán sát*

*Tam Bảo* là *thường trụ* vĩnh hằng,

Kẻ này kém *phước* độn đần

Nên không thấu hiểu *lý chân Phật Đà*.

Nếu có người nhận ra *Tam Bảo*

Vẫn *thường trụ* rốt ráo hoàn toàn

Là *nhơn duyên* Pháp thiệt chân

Thời lìa khổ não đặng phần lạc an  
 Thoát khỏi sự lằm than nhiều hại  
 Hay lưu nạn mắc phải trong đời.  
 Lúc đó, *Đại chúng* trời, người,  
*Tỳ kheo bốn bộ* khắp nơi tợ tề  
 Nghe lời **Phật** dễ dề dạy bảo  
 Lòng sầu lo áo não không còn,  
 Vui mừng hớn hở trong lòng  
*Tâm tưởng* điều thuận như không có gì.  
 Diện mạo đẹp *oai nghi* tự tại  
 Khéo dứt lìa **ngũ cái** buộc *triền*,  
 Người người an tọa lặng yên  
 Không phân cao thấp rừng *thiền* nghiêm trang,  
 Biết **Phật** là **Niết Bàn** *thường trụ*  
 Chẳng luận phân quy cựu xưa nay.  
 Do đó *Đại chúng* an bày  
 Sắp đặt phẩm vật **tịnh trai** *cúng dường*  
 Rải các thứ hoa hương quý tốt  
 Nào hương bột, hương đốt, hương thoa,  
 Đánh trống trời *Khẩn Na La*  
 Trỗi hòa kỹ nhạc rất là êm tai.  
**Đức Phật** bảo với ngài **Ca Diếp**

Rằng: “Ông thấy những việc vừa qua  
 Của *Đại chúng cúng dường Ta*  
*Hy hữu* như thế có mà biết chằng?”

Ngài **Ca Diếp** thưa rằng: Đã thấy !  
 Các **Đức Phật** đông vậy khôn lường  
 Khắp cả cõi nước mười phương  
 Không sao tính được tận tường tỏ phân,  
 Lãnh thọ những thức ăn, nước uống  
 Của *Đại chúng* ứng cúng các ngài.

Lại thấy **Chư Phật Như Lai**  
 Thân tướng cao lớn đủ oai sức thần,  
 Mà chỗ ngồi chỉ bằng khoảng nhỏ  
 Như mũi kim thật khó lòng tin.

Chúng đông *vi nhiều* quanh mình  
 Nhưng không *chướng ngại* thiệt tình khó *tri*.

Lại cũng thấy *oai nghi Đại chúng*  
 Đều *phát nguyện* đọc tụng tán dương  
 Mười ba bài kệ *cúng dường*

Tri ân **Đức Phật** không lường sâu xa.  
 Tôi quán xét thấu qua *Đại chúng*  
 Tâm mọi người đều cũng nghĩ rằng:  
 “Nay **Như Lai Đại Thánh Nhân**

Riêng thọ phẩm vật tôi dâng *cúng dường*”.  
 Giả sử như cao lương vật thực  
 Của **Thuần Đà** dâng **Phật** thọ dùng  
 Nghiền nhỏ ra như *vi trần*  
 Mỗi vị **Đức Phật** nhận phần nhỏ kia,  
 Vẫn không sao phân chia cho đủ  
 Vì **Chư Phật** hội tụ đông vậy,  
 Nhưng nhờ *thần lực* **Như Lai**  
 Đều được cung cấp chẳng ai thiếu phần.  
 Chỉ các vị *Thánh nhân* **Bồ Tát**  
 Như **Văn Thù Sư Lợi** Đức Ngài ...  
 Mới biết sự *hy hữu* này  
 Hạng người thiếu học không tày biết qua.  
 Đây đều do **Phật Đà** *phương tiện*  
*Quyển dụng* vì *đại nguyện* độ trần,  
 Chúng *Duyên Giác* hàng *Thanh Văn*,  
 Bực *Thiện tri thức* *Thánh nhân* trí tài ...  
 “Đều biết **Đức Như Lai** *Giáo Chủ*  
 Thật là Pháp *thường trụ* không thay”.  
 Bây giờ, **Thế Tôn** bảo ngài  
**Thuần Đà** có thấy việc này hay chẳng ?

Bạch **Thế Tôn** ! Con trần đã thấy  
Vô lượng các **Đức Phật** rõ ràng  
*Ba mươi hai tướng* hoàn toàn,  
*Tám mươi thứ tốt tự trang nghiêm* mình,  
**Chư Bồ Tát** *quang minh viên liễu*  
Đồng cung kính *vi nhiều Phật* thân.  
**Phật** bảo **Thuần Đà** biết chẳng !  
*Vô lượng Chư Phật phân thân* khôn lường.  
Ông đã thấy tận tường hiện diện,  
Đó là **Ta** ứng biến hóa ra  
Để làm *lợi ích Ta bà*  
Dem niềm vui đến *Hằng hà Chúng sanh*.  
Hàng **Bồ Tát** *đắc* thành như vậy  
Công hạnh *tu* dầu dãi từ lâu  
Chẳng thể nghĩ bàn được đâu  
Làm mọi *Phật sự* cao sâu biển trời.  
Này **Thuần Đà**, nay thời thành tựu  
**Đại Bồ Tát** thuần phục *lục căn*,  
Đặng trụ *Thập địa* quả phần  
Công hạnh đầy đủ toàn năng đức tài.  
Ngài **Ca Diếp** chấp tay bạch **Phật**:  
“Thưa **Thế Tôn** ! Đúng thật không sai

Như lời dạy của **Phật** đây !  
**Thuần Đà** *tu tập* đức tài trọn nên  
*Hạnh Bồ Tát* liễu viên *quả vị*  
 Tôi đây cũng *hoan hỷ* vui thay”.

Hôm nay, **Thế Tôn Như Lai** !  
 Vì muốn *lợi ích* muôn loài *Chúng sanh*  
 Đồi *vị lai* pháp lành tận hưởng  
 Mà thuyết kinh tối thượng *Niết Bàn*.

Bạch **Thế Tôn** ! Cha thế gian.  
 Đức từ cao vọi thái san khó bì.  
 Trong lòng tôi hoài nghi chưa rõ  
 Những *khế kinh* còn có nghĩa thừa  
 Hay không có nghĩa thừa dư ?  
 Mong **Phật** chỉ dạy cho vừa *Chúng sinh*.  
 Thiện nam tử ! Những kinh ta nói:  
 Nghĩa dư thừa cũng có chẳng sai,  
 Cũng không dư thừa nghĩa này.  
 Chẳng nên ôm *chấp* mắc ngay lỗi lầm.  
 Ông **Thuần Đà** *chí tâm* bạch **Phật**  
 “Thưa **Thế Tôn** ! **Phật** dạy như vậy:

Tất cả vật của mình có đây



Đem ra *bố thí* cho muôn loài  
 Chỉ nên *tán thán* đều như vậy  
 Không được làm cho khuynh tổn ai.

Bạch **Phật**: Xin hỏi nghĩa này.  
*Trì giới, hủy giới* có sai khác gì ?”.

**Đức Thế Tôn** từ bi chỉ dạy:

“Trừ một người còn lại ngoài ra  
 Tất cả *bố thí* đều là

Nên phải *tán thán* ngợi ca hết lời”.

Ông **Thuần Đà** tức thời bạch **Phật**.

“Trừ một người sự thật thế nào ?”.

Mong **Phật** nói rõ âm hao

Cho con thấu biết vàng thau hiểu rành.

**Phật** dạy: Như có người *phá giới*

Nên gọi đó là *Nhứt xiển đề*

Ngoài ra tất cả vẹn bề

*Bố thí tán thán* chẳng hề gì sai,

Được *quả báo* sâu dày rất lớn

Đời đời luôn *phước* hưởng lâu dài.

**Thuần Đà** bạch hỏi **Như Lai**:

“*Nhứt xiển đề* hiểu nghĩa đây thế nào ?”.

Nay **Thuần Đà** ông nay nên biết  
 Lời **Như Lai** giảng thuyết khắc ghi.  
 “Nếu *Tỳ kheo, Tỳ kheo ni,*  
*Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di* trong đời  
 Miệng hay nói những lời thô ác,  
 Thường chê bai *Chánh Pháp Đại thừa,*  
 Tạo gây tội nặng không chừa,  
 Ít khi hối hận ngăn ngừa ăn năn,  
*Tâm* không hề thấy rằng hổ thẹn,  
 Người như vậy tầm kén còn chê,  
 Xu hướng con đường u mê  
 Nên gọi là *nhứt xiển đề* giống hư.  
*Bốn tội trọng* của người gây tạo,  
*Năm tội nghịch* bất đạo vô nghì,  
 Tự mình phạm lại chai ò,  
 Lòng không sợ sệt hướng chi *phát lồ,*  
 Dùng nhiều lời hồ đồ lầm lỗi,  
 Thường lên mặt ăn nói huênh hoang,  
 Nịnh bợ những kẻ giàu sang,  
 Khinh khi đưa khổ đoái màng thi ân.  
 Nướng **Phật Pháp** lòng trần che lấp,  
 Chẳng hộ trì *kiến lập Bồ Đề,*

Người như vậy *nhứt xiển đề*  
 Hộ giống bị cháy không hề mọc lên.  
 Nếu có người chẳng kiêng nói ác  
 Rằng: không **Phật**, không **Pháp**, không **Tăng**,  
 Người như vậy, gây tác nhân  
 Làm *duyên* hư hoại *thiện căn* không còn.  
*Nhứt xiển đề* sớm toan trừ hẳn,  
 Ngoài ra thời đều đặn *cúng dường*,  
*Bố thí* phước lớn khôn lường  
 Phải nên *tán thán* kính nhường ngợi ca”.  
 Vừa nghe xong, **Thuần Đà** lại hỏi:  
 “**Thế Tôn** ! Như **Phật** nói từ đầu.  
*Phá giới* nghĩa đó thế nào?  
 Cúi mong ơn **Phật** rộng sâu giảng bày”.

Nay **Thuần Đà** ! Nếu ai phạm phải  
*Bốn tội trọng*, *năm tội nặng* này,  
 Cùng hủy báng *Chánh Pháp* đây  
 Gọi là *phá giới* **Như Lai Tăng Già**.  
 Ông **Thuần Đà** thưa qua **Đức Phật**:  
 Người *phá giới* là bậc chúng *Tăng*  
 Có thể cứu vớt được chăng ?

Mong **Phật** vì chúng phàm trần phân qua.

Này **Thuần Đà!** Nghe **Ta** dạy rõ.  
Nếu như người tội, có *nhơn duyên*  
Thời cứu vớt đặng tức nhiên  
Vì còn **Pháp phục** giữ nguyên chưa rời,  
Trong tâm khảm thức thời tỉnh giác,  
Tự trách mình ray rứt không yên,  
Ăn năn *sám hối* cầu nguyên,  
Hộ trì **Chánh Pháp** làm thuyền sang sông,  
Muốn *kiến lập* đức công trở lại,  
*Nguyện cúng dường* khi thấy người nào  
Xứng là **Hộ Pháp** đức cao  
Noi gương một mực sửa trau lấy mình.  
Nếu có người tụng kinh *Phương Đẳng*,  
Tôi *nguyện* đến tìm đặng hỏi han,  
Để được *thọ trì* mở mang,  
Khi đã thông thuộc bố ban **Pháp tài**  
Vì người khác rộng bày *đạo lý*  
Sớm làm họ **tâm trí** sáng khai.  
Này **Thuần Đà**, người trên đây  
Chẳng phải *phá giới* lòng nay chặt bền

Như mặt trời mọc lên tỏa sáng  
Phá tan hết những áng sương mù.  
Cũng vậy, *Kinh điển Đại Thừa*  
*Niết Bàn vi diệu* từ xưa đến giờ,  
Khi hiện ra nơi đời hy vọng  
Trừ những *nghiệp* tội trọng bất lành  
*Vô lượng* kiếp của *Chúng sanh*  
Nếu chịu *tu tập* thực hành từ nay.  
Thế nên *Kinh điển* này phù hợp  
Cho những ai *Chánh Pháp* bảo ban  
Đặng *quả báo* lớn vô vàn,  
Cứu người *phá giới* tà gian quay đầu.  
Nếu có người đạo mầu hủy báng  
Mà tỉnh thức ngày tháng sửa răn,  
Trở về nẻo chánh đường chân  
Một lòng hướng thiện cõi trần lánh xa  
Ngoài *Chánh Pháp* này ta *giác ngộ*,  
Không có gì cứu độ được ta.  
*Dụng* thuyền *Bát Nhã* sang qua  
Bờ kia mau đến vào nhà *Từ bi*.  
Người này nếu *quy y* thật dạ  
Đã quyết tâm phóng hạ đồ đao,

*Bố thí* người này *phước* cao  
Như đất sạch cỏ hoa màu tốt tươi.  
Người này cũng đáng thời lãnh thọ  
Sự *cúng dường* trăm họ thế gian.  
Nếu người phạm tội trọng mang  
Như trên lược nói rõ ràng chẳng sai,  
Trải một tháng hoặc hay nửa tháng  
Chẳng có lòng hối hận ăn năn,  
*Quy y Chánh Pháp* sửa răn,  
*Bố thí* kẻ đó *phước* phần ít oi.  
Người phạm tội trọng thời *ngũ nghịch*,  
Nếu có thể tự đích thân mình  
Kiểm điểm hổ thẹn tội tình  
Đã gây trước đó nhận nhìn xấu xa,  
Rồi *phát lồ* bày ra trước Chúng  
Để mọi người ai cũng tường tri.  
Nguyên thể *Chánh Pháp* hộ trì  
Không còn tái phạm lỗi nghì trước đây,  
Người như vậy, khen thay quý quá,  
Vì ứng theo đạo cả **Như Lai**,  
Nếu *bố thí* cho người này  
Đặng vô lượng *phước* không tày nan tri.

Người phạm tội chại ò *vô nguyện*  
 Chẳng sanh tâm cải thiện sửa sai  
 Những ai *bố thí* người này  
*Phước* không đáng kể được rày là bao.  
 Thiện nam tử ! Người nào mắc phải  
 Phạm trọng tội *tâm* lại ăn năn  
*Phát lồ* đại thệ lớn rằng:  
 Chỉ có *Chánh Pháp* diệt mầm *si mê*.  
 Tôi xin *nguyện Bồ Đề* kiến lập  
 Y hành theo *tạng* mật **Như Lai**.  
 Nếu ai *bố thí* người này  
 Đặng quả báo tốt tương lai hưởng nhờ.  
 Thiện nam tử ! Nghe qua ví dụ.  
 Sẽ hiểu thông đầy đủ nghĩa này.  
 Có thiếu phụ kia mang thai  
 Gần ngày chuyển dạ không may bất ngờ  
 Nhằm trong lúc dân cơ loạn lạc,  
 Nên phải tìm xứ khác lánh thân,  
 Giữa đường sanh nở bất thần.  
 Khi nghe đất nước an dân thái hòa,  
 Lòng vui mừng quê nhà trở lại,  
 Trên đường về gặp phải con sông

Bông con lội qua giữa dòng  
Còn thêm vật dụng quấy gông trên lưng.  
Gặp con nước lớn đừng chảy xiết  
Người phụ nữ sức kiệt nghĩ rằng:  
Thà là cùng chết bỏ thân  
Núm ruột sao nỡ bất nhân cắt lìa.  
Nên mẹ con người kia uống mạng  
Tình mẫu tử soi sáng Đất, Trời.  
Sau khi mạng chung kiếp đời  
Cõi trời sanh hóa hưởng thời phước thiên.  
Lúc sống sanh thảo hiền chẳng giữ  
Tánh xấu ác người nữ đa đoan,  
Nhưng nhờ lòng từ thương con  
Đặng sanh về chốn cung son *thiên đường*.  
Cũng vậy, người phạm *bốn tội nặng*,  
*Năm tội nghịch* khó đặng thứ tha,  
Nếu được *quy y Phật Đà*  
Hộ trì *Chánh Pháp Tăng* già phát huy,  
Là *phước điền* không gì so sánh,  
*Vô thượng* của các *hạnh* thế gian.  
Người *Hộ Pháp* này lạc an  
Hưởng quả *vi diệu* khó bàn nghĩ ra.



Bấy giờ, ông **Thuần Đà** bạch **Phật**:  
“**Thế Tôn** ! Nếu hạng *nhứt xiển đề*  
Ăn năn chừa bỏ lòng *mê*  
*Cúng dường Tam bảo* không hề lãng phai.  
Nếu *bố thí* hạng người này vậy  
Có đặng phước báu lớn hay chẳng?”.  
Thiện nam tử ! Ví dụ rằng:  
Có người ăn trái *Am La* nghĩ là  
Trong hột trái *Am La* chắc ngọt,  
Liên đập nát vỏ hột nếm vào  
Thấy vị chát đắng nhả mau,  
Sanh lòng hối hận, làm sao bây giờ !  
Sợ mất giống quả thời quý tốt  
Mới gom lại mảnh hột vụn này  
Dem ươm nơi chỗ đất dày  
Quyết tâm chăm sóc hằng ngày siêng năng,  
Dùng sữa tươi làm phân tưới bón  
Sớm với chiều nhổ dọn cỏ lau.  
Ý ông **Thuần Đà** nghĩ sao,  
Hột đó có mọc lên nào hay chẳng ?.

Bạch **Thế Tôn** ! muôn lần không thể.

Dầu trời mưa *Cam lồ* thấm nừ,  
 Hột ấy bể nát đã hư  
 Không sao mọc được bao chừ lên cây.  
 Thiệt nam tử ! Hạng này hư hoại  
*Nhứt xiển đề* đốt cháy căn lành  
 Chẳng thể nào mầm mọc sanh  
 Khó trừ hết tội phải đành khổ mang.  
 Nếu sanh tâm ăn năn một mực  
 Thời chẳng gọi là *nhứt xiển đề*.  
 Do nghĩa này thật không xê.  
*Bố thí* mọi sự *giác, mê* bất đồng,  
*Quả báo* chẳng phải không sai khác,  
 Tùy *công năng* chứng đạt *tu hành*.  
 Vì thí cho hàng *Thanh Văn*  
*Quả báo* lại khác so hàng *Bích Chi* ...  
 Duy *cúng thí từ bi* **Đức Phật**  
 Đặng *quả báo* tốt nhất vô ngần.  
 Thế nên **Ta** mới nói rằng:  
 Tất cả *chỗ thí* có phần khác nhau.

Ông **Thuần Đà** cúi đầu lễ **Phật**:  
 “Bạch **Thế Tôn** ! Sự thật cố chi.

**Như Lai Ứng Cúng** từ bi

Nói bài *kệ* ấy nghĩa gì ra sao?”.

Này **Thuần Đà** ông mau lãnh hội

Vì *nhơn duyên* **Ta** nói *kệ* này.

Trong thành **Vương Xá** trước đây:

Có nhà *Cư Sĩ* ông này không tin

Ngôi *Tam Bảo* chẳng gìn phụng sự,

Lại theo phái *Ni Kiên Tử* đây.

Đến hỏi **Thế Tôn Như Lai**

Về nghĩa *bố thí* khác sai giải bày.

Nên **Ta** mới thuyết khai bài *kệ*

Do *duyên* cố ấy thế mà ra.

Cũng vì **Bồ Tát Ma Ha,**

*Ứng Cúng Thiện Thệ* **Phật Đà** giảng khai

Nói nghĩa **tạng Như Lai** bí mật

Bài *kệ* ấy sự thật như vậy:

Đó là phần ít ở đây

Tất cả số đó khó bày hết thay.

**Đại Bồ Tát** mọi loài tôn quý,

*Nhiếp thủ* hàng *trì giới* cấm răn,

Cung cấp đồ dùng thiết cần,

Trừ hạng *phá giới* làm xằng *Phật môn,*

Như bỏ cỏ rác rơm như bản  
Những thứ trên cũng chẳng có xài.  
Thiện nam tử ! Lại như vậy.  
Xưa kia **Ta** cũng thuyết khai kệ rằng:

*Tất cả sông ngòi  
Quyết có xoáy cong  
Tất cả rừng rậm  
Ắt có cây cối  
Tất cả người nữ  
Quyết lòng dua vạy,  
Tất cả tự tại  
Quyết hưởng an vui.*

Lúc đó, Ngài **Văn Thù Sư Lợi**  
Lạy chân **Phật** mà nói kệ rằng:

*Chẳng phải tất cả sông  
Đều quyết có xoáy cong,  
Chẳng phải tất cả rừng  
Quyết gọi là cây cối,  
Chẳng phải mọi người nữ*

*Quyết có lòng dua vạy,  
Tất cả hàng tự tại  
Chẳng quyết đều hưởng vui.*

**Văn Thù Sư Lợi** Đức Ngài.

Bạch **Phật** ! *Kệ* của **Như Lai** còn thừa.

Cúi mong ơn móc mưa **Đức Phật**

Nói *nhơn duyên* chơn thật nghĩa kia.

**Thế Tôn** ! Ở cõi *Ta bà*,

Có bờ **Câu Da Ni** dài rộng xa,

Con sông **Ta Bà Da** ngay thẳng,

Chẳng có cong như một sợi dây,

Chạy thẳng vào cửa biển Tây.

Những *khế Kinh* khác **Như Lai** chưa bày,

Ngưỡng cầu **Phật** đủ oai lực hẵn,

Nhơn đại hội *Phương Đẳng* hôm nay,

Nói nghĩa còn dư thừa này

Trong **Kinh Phật** thuyết trước đây **A Hàm**,

Khiến các vị siêu phàm **Bồ Tát**

Hiểu rõ nghĩa uyên bác đó thời.

**Thế Tôn** ! Lại như có người.

Lúc trước thì biết vàng nơi quặng vàng,

Lúc sau hỏi rõ ràng chẳng biết  
 Vàng từ đâu vốn thiệt sanh ra.

Cũng vậy, **Thế Tôn Phật Đà**

Biết rõ các *Pháp* sâu xa tột cùng  
 Mà lời thuyết nói chung tóm tắt  
 Xét lại nghĩa sự thật còn thừa.

Dầu **Đức Phật** thuyết nghĩa dư  
 Cũng nên lý giải cho đời hiểu qua.  
 “ Tất cả rừng quyết là cây cối”  
 Nghĩa chưa trọn, chẳng hiểu rõ ràng,

Có các thứ, như cây vàng,  
*Litu ly, mã não, kim cang*, ngọc ngà  
 Đều được gọi đây là rừng vậy  
 Quyết chẳng phải cây cối hay sao.

Tất cả người nữ lẽ nào  
 Có lòng dùa vạy phạm vào hết chẳng.  
 Nghĩa này xét có phần chưa đúng,  
 Vì cũng có những Chúng nữ nhân  
 Khéo giữ gìn *giới* cấm răn

*Công đức* không ít, còn tăng lòng từ.  
 Và tất cả nếu như *tự tại*  
 Quyết đặng hưởng mãi mãi an vui.

Đây cũng chưa trọn nghĩa thời,  
 Ví như **Đức Phật**, trời người kính tin.  
 Đấng *Pháp Vương* quang minh tự tại,  
 Chẳng ở trong trở ngại chướng ngăn,  
 Không thể diệt dứt *Pháp thân*  
 Mới là rốt ráo trọn phần an vui.  
 Hàng *Phạm Vương* cõi trời chủng loại  
 Dầu có đặng *tự tại* thanh thoi  
 Đều là *vô thường* đổi dời  
 Chưa phải trọn vẹn đời đời an vui.  
 Nếu chứng đặng vào nơi *thường trụ*  
 Không biến đổi thực thụ lạc an.  
 Mới gọi *tự tại* hoàn toàn  
 Chính là **Đại Bát Niết Bàn Như Lai**”.  
**Phật** lại bảo Đức Ngài **Sư Lợi**:  
 “Nay ông khéo *trí huệ biện tài*”.  
 Thiện nam tử ! Lóng nghe đây.  
 Như có *Trưởng giả* thân nay bệnh nhiều.  
 Nhờ lương y kê liều thuốc trị,  
 Lương y hiệp các vị dược hay,  
 Nấu thành cao trong nhiều ngày,  
 Làm hoàn, hướng dẫn cách đây tiêu dùng.

Lương y dặn nói chung người bệnh  
Đừng nôn nóng mà uống quá liều,  
Nếu thấy uống vào khó tiêu  
Không nên dùng tiếp là điều tôi khuyên.  
Thân *Trưởng giả* cao niên già yếu  
Ông phải nên thấu hiểu nhận nhìn.  
Thuốc cao *Cam lồ* mâu linh  
Nếu dùng đúng cách bệnh tình hết nhanh.  
Còn dụng sai trở thành độc dược  
Mong *Trưởng giả* hiểu được điều này.  
Thiện nam tử ! Mọi người đây.  
Chớ cho lời nói của thầy thuốc kia.  
Là trái nghĩa thâm sâu lý diệu,  
Làm hư tổn công hiệu thuốc cao.  
Thiện nam tử ! Cũng vậy nào,  
**Phật** vì *hóa độ* đương trào *Quốc Vương*  
**Ba Tư Nặc** cùng nàng Thứ hậu  
Lòng kiêu mạn tật xấu hiện nay,  
Nên *phương tiện* nói lời này  
Để họ sợ sệt sớm quày đường ngay,  
Như lương y trên đây chẳng khác.  
Do đó mà **Ta** thuyết *kệ* rằng:



*Tất cả sông ngòi  
 Quyết có xoáy cong,  
 Tất cả rừng rậm  
 Quyết có cây cối,  
 Tất cả người nữ  
 Quyết lòng dua vạy,  
 Tất cả tự tại  
 Quyết hưởng an vui.*

**Đức Phật** bảo **Văn Thù Sư Lợi** !

Ông nên biết lời nói **Như Lai**

Không có sai sót ở đây.

Ví như nơi cõi đất này dày sâu

Cũng có thể không lâu động nứt,

Nhưng lời nói của **Đức Như Lai**

Trọn không bao giờ lỗi sai.

Do nghĩa rộng hẹp, ngắn dài, cạn sâu.

Nên lời nói tùy theo góc độ

Vì vậy cũng có chỗ nghĩa thừa.

Kế tiếp, **Thế Tôn Như Lai** !

Khen ngài **Sư Lợi** : Lành thay ! *Biện tài.*

Thiện nam tử ! Ông nay đã biết

Từ lâu rồi nghĩa thiệt như vậy:

Vì thương xót hết muôn loài

Muốn làm tất cả mở khai trí mầu,

Nên cố ý ngỗ hầu hỏi **Phật** :

“Thật nghĩa của bài *kệ* trên đây”.

**Văn Thù Bồ Tát** Đức Ngài

Ở nơi trước **Phật** nói bài *kệ* khai:

*Với lời nói của người*

*Tùy thuận chẳng chống trái,*

*Cũng chẳng xem người khác*

*Làm hay là chẳng làm,*

*Chỉ tự xem thân mình*

*Làm lành hay chẳng lành.*

**Thế Tôn** ! *Pháp* được trên đây.

Chẳng phải Chánh thuyết **Như Lai** giảng thời,

Chỉ là đối với người khác vậy

Mà *tùy thuận* chẳng chống trái nhau.

Cúi mong *Thiện Thệ* đức cao

*Khai thị* Chánh thuyết đời sau tin dùng.

Vì **Thế Tôn** đã từng giảng thuyết

Cho *đệ tử* mình biết rõ ràng  
 Tất cả *ngoại đạo* hiện đang  
*Chín mươi lăm phái* theo *đàng tà ma*.  
 Hàng *Thanh Văn* đồng là *giác ngộ*  
 Đều hướng đến *chánh lộ tu trì*.  
 Khéo gìn *giới cấm* thực thi  
*Sáu căn* *thâu nhiếp oai nghi* không rời,  
 Nay đã có hạng người như vậy,  
 Rất ưa thích học lấy *Đại thừa*  
 Thẳng đến **thiện đạo** *giác* bờ  
 Không còn gì để *nghe* *ngờ* nữa chi.  
 Cớ sao Đức **Từ bi** trước nói  
*Chín loại Kinh* trong đó dạy rằng:  
 Thấy ai *hủy báng* Chúng nhân  
 Thời *bèn* *quở trách* phạt *răn* bỏ *chừa*.  
 Bài *kệ* trên kính *thưa* **Phật**  
 Ý nghĩa đó *sự thật* thế nào ?  
**Phật từ trí huệ** *làu làu*  
 Đoái *thương* *sinh* chúng về *sau* *giảng* *bày*.  
*Thiện* *nam* *tử* ! Trước đây **Ta** nói  
 Bài *kệ* ấy đều có *nguyên nhân*.  
 Là muốn *giáo hóa* *khuyên răn*

Vua A Xà Thế lỗi lầm ăn năn.

**Chư Phật** nếu không *nhân duyên* thiệt  
Trợn chẳng hề nghịch thuyết như vậy ...  
Thiện nam tử ! Hãy nghe đây.

Vua A Xà Thế khi ngài hại cha,  
Đày mẹ mình vào nhà giam giữ,  
Đến giáo hội muốn **chiết phục Ta**,

Hỏi rằng: Này **Go Ta Ma**  
Có *nhứt thiết trí* hoặc là hay không ?  
Ông **Điều Đạt** ở trong *vô lượng*  
Kiếp đã qua ác tướng sâu dày,  
Theo dõi làm hại Đức Ngài,  
Phá hoại *Tăng chúng* tội này dường bao.  
Nếu là bậc Trí cao đệ nhất,  
Sao lại cho **Điều Đạt** *xuất gia*.  
Do *nhơn duyên* Vua hỏi **Ta**  
Nói bài kệ ấy khuyên qua Vua rằng:

*Với lời nói của người*  
*Tùy thuận chẳng trái nghịch,*  
*Cũng chẳng xem người khác*

*Làm hay là chẳng làm.  
Chỉ tự xem thân mình  
Làm lành hay chẳng lành.*

Rồi **Phật** bảo vua *A Xà Thế*,  
Tội giết cha không thể xem thường,  
Là một vị đấng quân vương  
*Phát lồ sám hối* làm gương cho đời  
Và để được tiêu trừ *nghiệp* tội.  
Cớ sao lại xem lỗi của người.  
Do nghĩa đó nên **Ta** thời  
Vì *A Xà Thế* nói lời kệ đây.  
Và cũng muốn mọi loài ích lợi  
Đặng hộ trì cấm *giới* răn lòng  
Thành tựu *oai nghi* sạch trong  
Không còn phạm phải mắc vòng khổ tai.  
Nên xem lỗi lầm sai người khác  
Mà nói ra kệ thuyết ấy thời.  
Bằng như nếu lại có người,  
Nhận lãnh lời dạy của người khác kia,  
*Tâm* thức tỉnh xa lìa tội ác,  
Rồi dạy lại người khác nghe qua

Không còn *vọng tưởng* vay tà  
Người như vậy đó, thật là hiếm hoi.

Đáng *đệ tử Như Lai Ứng Cúng*,  
Được thế gian ca tụng khen thay !

*Chánh Biến Tri* vì Đức Ngài  
**Văn Thù Sư Lợi** nói bài kệ khai:

*Tất cả mọi loài sợ gậy đao,  
Không ai chẳng mến thân mạng này,  
Tự tha thứ đáng lấy làm lệ  
Chớ giết không nên đánh đập ai.*

Ngài **Văn Thù** ở ngay trước **Phật**  
Cũng xướng lên bài kệ như sau:

*Chẳng phải mọi người sợ gậy đao,  
Hoặc là đều mến thân mạng này,  
Tự tha thứ đáng lấy làm lệ  
Siêng thực hành phương tiện lành đây.*

*Pháp cú của Đức Như Lai*  
Nói chưa trọn nghĩa ... thế này thật ra:

Có những bực như *A La Hán*,  
*Chuyển Luân Vương*, nhiều hạng *Chư Thiên*,  
*Ngọc nữ*, *Tượng bảo* nói riêng,  
*Mã bảo*, *Chủ tạng Đại thần* nói chung ...  
Dầu cho ai có dùng gươm bén  
Không thể nào làm hại đặng thân.  
Dũng sĩ, Liệt nữ trung thân,  
*Tỳ kheo trì giới* trọn phần sạch trong,  
Oan đối đến cũng không sợ sệt,  
Vì họ xem sống chết chẳng bèn.  
Do nghĩa này bài kệ trên  
Của **Phật** nói đó chưa viên nghĩa mà.  
Nếu nói rằng là tự tha thứ  
Đáng lấy làm khích lệ cho ta,  
Cũng chưa trọn nghĩa sâu xa.  
Cúi mong *Thiện Thệ Phật Đà* xét qua.  
Giả sử như bực *A La Hán*  
Luôn lấy mình làm lệ cho người  
Tức là có *ngã tưởng* rồi  
Và thọ mạng tưởng đồng thời cả hai.  
Nếu *ngã tưởng* này đây đã có,  
Thọ mạng tưởng do đó giữ gìn.

Như thế những kẻ phạm tình  
Lẽ ra cũng thấy nhận nhìn chẳng sai.  
*A La Hán* vị này chưa liễu  
Là hạng người còn chịu *tu hành*.  
Nếu thấy như vậy phát sanh  
*Tà kiến*, ngu muội căn lành mất đi.  
Đời đời kiếp *A tỳ* phải đọa  
Do gây *nhân* ắt trả *quả* này.  
Lại *A La Hán* các ngài  
Trọn không mong vọng giết loài *sinh linh*.  
Đến vô lượng *Chúng sinh* cũng vậy  
Không có *tâm* làm hại các Ngài.  
Thiện nam tử ! Nghĩa như vậy ...  
*Ngã tưởng* là đối muôn loài *từ bi*,  
Không có *tưởng sân si* giết hại  
Là nói tâm từ ái đẳng bình  
Đức *A La Hán* thương sinh  
Luôn luôn *hóa độ hữu tình* trần ai.  
Chớ cho rằng **Như Lai** sự thiệt  
Không *nhơn duyên* mà thuyết **ngịch hành**.  
Ngày đó, trong *Vương xá thành*,  
Có người săn thú sát sanh nhiều loài



Y cố mời **Như Lai** ăn thịt

**Ta** giả đồ đóng kịch cho qua.

Lòng *từ bi* của **Phật Đà**

Thương yêu sanh chúng như **La Hầu La**.

Vì khuyển người mà **Ta** giảng thuyết

Bằng bài kệ chơn thiết như sau:

Sẽ khiến người đây được thọ trường

Nơi đời sự sống mãi an khương

*Thọ trì Pháp giới* không nên sát

Dường thể mạng thân *Đấng Pháp Vương*.

Do cơ đó **Như Lai Ứng Cúng** !

Nói bài kệ răn chúng như trên:

Tất cả mọi loài sợ gậy đao

Không ai chẳng mến thân mạng này,

Tự tha thứ đáng lấy làm lệ,

Chớ giết không nên đánh đập ai.

**Phật** khen : Lành thay ! Lành thay !

**Văn Thù Bồ Tát** trí tài sâu xa.

Vì các vị *Ma Ha Bồ Tát*  
Mà gạn hỏi *giáo pháp Như Lai*.  
**Văn Thù Bồ Tát** chấp tay  
Cúi đầu lễ **Phật** nói bài kệ đây:

Thế nào là kính mẹ cha mình  
Tôn trọng song thân trọn nguyện tin ?  
*Hành Pháp* thật này sao lại bị  
Đọa nơi *vô gián* khổ điều linh ?.

Đức **Thế Tôn ! Như Lai ! Thiện thế !**  
Đáp họa bài xướng kệ **Văn Thù**:

Nếu dùng tham ái làm cha mình  
Dùng mẹ *vô minh* để kính tin  
*Tùy thuận* hoặc là tôn trọng quá  
Đọa vào *vô gián* khổ tâm linh.

Tiếp theo **Đức Như Lai Thiện thế**  
Vì **Văn Thù Sư Lợi** kệ rằng:

Tất cả thuộc về kẻ khác đây

Thời là gọi đó khổ bi ai,  
 Bằng như tất cả do mình định  
*Tự tại* an vui quên tháng ngày,  
 Tất cả những người *kiêu mạn* thượng  
 Thế quyền bạo ác chẳng nương tay,  
 Những người thuần hóa tâm lành thiện  
 Tất cả mọi loài mến tưởng thay !

**Văn Thù Bồ Tát** bạch rằng:

“**Thế Tôn** ! Lời nói có phần thừa dư,  
 Chẳng trọn nghĩa của **Như Lai** vậy,  
 Ngưỡng mong **Phật** thương lấy *Chúng sanh*,  
 Giảng nói *nhơn duyên* rõ ràng,  
 Về sau cho kẻ *tu hành* hiểu thông.  
 Như con trai của ông *Trưởng giả*,  
 Lúc theo thầy học đã nhiều năm,  
 Là thuộc nơi thầy hay chẳng ?  
 Nếu nói là phải e rằng *vọng* sai,  
 Còn nói không do thầy giáo dạy  
 Thời cũng là chẳng phải cả hai.  
 Nếu đặng *tự tại* ở đây  
 Xét lại cũng chẳng nghĩa này đúng cho.

Như Vương tử không lo học tập,  
Làm việc gì thường gặp bất thành,  
Ngu tối chẳng có khôn lanh,  
Chơn, giả chẳng biết, ác lành chẳng phân.  
Nếu cho là đặng phần *tự tại*  
Thời chẳng đúng nghĩa lại có sai,  
Nếu nói thuộc người khác đây  
Nghĩa cũng chẳng phải nên nay xét thời.  
Do lẽ trên đây lời của **Phật**  
Còn có thừa sự thật không sai.  
Tất cả thuộc người khác đây  
Chẳng ắt thọ lãnh khổ tai bao giờ,  
Và tất cả đó *cơ tự tại*  
Chẳng ắt là được mãi an vui.  
Tất cả kẻ *kiêu mạn* thời  
Thế lực bạo ác như lời kệ trên.  
Cũng còn thừa chưa viên nghĩa đúng.  
Mong **Thế Tôn** ! *Ứng Cúng* giảng bày.  
Ví như các liệt nữ này,  
Vì tâm *kiêu mạn* lòng nay bỏ chừa,  
Cầu *xuất gia* sớm trưa học đạo,  
Luôn giữ gìn cấm *giới* tinh thông,

Thành tựu *oai nghi* sạch trong,  
*Sáu căn* thanh tịnh chẳng hòng buông lung.

Vì thế, dầu ở trong *phiền não*  
 Chẳng ắt là hung bạo hết đây.

Người hiền, người lành thẳng ngay,  
 Tất cả mền tưởng lời này thừa dư.

Như người chẳng ngăn ngừa giới hối  
 Đã phạm vào *bốn tội trọng* sâu

Chưa bỏ *Pháp phục* sông nâu

*Chánh Pháp* nương tựa nguyện sau hộ trì,

Người khác thấy chẳng gì ưa thích,  
 Kẻ này sau khi chết *đọa* vào

*Địa ngục* chịu quả khổ đau

*Luân hồi sanh tử* biết bao nhục hình.

Nếu có người *tu hành phá giới*

Phạm phải vào *trọng tội Tăng tàng*

Người *Hộ Pháp* xét rõ ràng

Đuổi ra giáo hội buộc *hoàn tục* thôi.

Do nghĩa này người *tu hành* đó

Chẳng chắc là tất cả mền thương.

**Đức Thế Tôn, Đấng Pháp Vương !**

Vì ngài **Sư Lợi** tỏ tường giải phân:

Mọi việc có nguyên nhân của nó

**Ta quán sát** thấu rõ không sai.

Như ở trong trường hợp này

*Pháp vị* cũng có phô bày nghĩa dư.

Lúc bấy giờ, trong *thành Vương Xá*

Có người nữ tên gọi *Thiện Hiền*.

Nàng này đầy đủ *nhơn duyên*

Đến trước **Đức Phật** phát nguyện *quy y*

**Phật, Pháp, Tăng**, *thọ trì* cấm giới,

Tâm chân thành phát khởi bạch rằng:

“Tất cả nói chung nữ nhân

Chẳng được an lạc hưởng phần tự do,

Tất cả những người nam hiện tại

Được tự do trái lại thanh nhàn”.

**Ta** biết rõ tâm của nàng

**Như Lai** vì đó dỗ an *Thiện Hiền*

Bằng bài kệ như trên đã nói

Để *tùy duyên* làm lợi mọi loài.

**Văn Thù** : Lành thay ! Lành thay !

“Ông vì tất cả muôn loài *Chúng sanh*.

Mà trải dạ chân thành thật sự

Hỏi **Như Lai** *mật ngữ* sâu dày”

**Văn Thù Bồ Tát** chấp tay  
Đảnh lễ **Đức Phật** nói bài kệ đây:

*Tất cả Chúng sanh trong bốn loài  
Đều nhờ ăn uống sống lành thay!  
Cũng như tất cả người Đại lực  
Tâm họ không còn tật đố bầy,  
Tất cả nơn vì ăn uống đó  
Mắc nhiều bệnh chướng khổ thân đây,  
Nói chung tất cả tu thanh tịnh  
Đặng quả an vui hưởng thọ dài.*

Nay Đức **Thế Tôn** có lòng  
Thọ cúng vật thực của ông **Thuần Đà**,  
Hình như **Phật**, tâm là sợ sệt  
Có hay không ? Tôi thiệt hoài nghi.  
Bấy giờ, Bực *Chánh Biến Tri*  
Vì ngài **Sư Lợi**, từ bi kệ rằng:

*Chẳng phải Chúng sanh hết bốn loài  
Đều nhờ ăn uống sống lành thay!  
Cũng không tất cả người Đại lực*

*Tâm họ chẳng hề tật đố bày,  
 Chẳng phải nhờn vì ăn uống đó  
 Mắc nhiều bệnh hoạn khổ thân đây,  
 Nói chung chẳng phải tu thanh tịnh  
 Dặng quả an vui hưởng thọ dài.*

**Văn Thù Sư Lợi** nghe đây !

Nếu ông mang bệnh, **Như Lai** khác gì.

*A La Hán, Bích Chi, Bồ Tát,*

Hay nói chung **Chư Phật** mười phương

Xem việc ăn uống bình thường.

Vì muốn *giáo hóa* rộng đường độ sanh

Nên *thị hiện* thọ dùng vật thực

Của Chúng sanh *cúng thí* các Ngài.

Làm cho tất cả đủ đầy

*Đàn Ba La Mật* đức dày lành thay !

Cứu vớt cho những loài *ngạ quỷ*,

Hay *súc sanh, địa ngục* khổ chầy.

Nếu cho rằng **Đức Như Lai**

Khổ hạnh chịu đựng kéo dài sáu năm,

Nên hao gầy sức thân mòn lụn,

Lời nói kia không đúng vậy đâu.



**Chư Phật Thế Tôn từ lâu**

*Giải thoát* ba cõi sông sâu thương tang

Đặng *Pháp thân Kim cang* bất hoại,

Chẳng phải thân *tứ đại* mượn vay.

Hàng *đệ tử* của **Ta** đây

Cho rằng ăn uống sinh nhai thói đời.

Nếu nói là những người đại lực

Tâm không có tật đố hiện bày

Lời trên chưa trọn nghĩa đây.

Vì trong thế giới cõi này nhân gian,

Cũng có người nghèo nàn kham khổ

Mà trọn đời tật đố không sanh,

Nhưng *quán sát* họ rõ rành

Không có đại lực *tu hành* thành công.

Nếu cho rằng mắc vòng bệnh khổ

Tất cả là do chỗ uống ăn,

Lời trên có đúng hay chẳng ?

Hãy nên xét lại cân phân rõ ràng.

Cũng có người không mang tật bệnh,

Mà bệnh mang xảy đến từ ngoài.

Ví dụ này dễ hiểu ngay

Như bị đâm chém, nạn tai bất ngờ.

Nếu nói rằng người *cơ tu tịnh*  
Hưởng quả vui quyết định lạc an  
    Đây chưa trọn nghĩa hoàn toàn.  
Xét ra cũng lắm những hàng ngoại môn  
    *Tu tịnh hạnh tinh thông lý đạo*  
    Mà vẫn thọ *quả báo khổ* hoài.  
    Lời *thuyết pháp* của **Như Lai**  
Cũng còn có nghĩa ở đây dư thừa,  
    Đó là **Đức Như Lai** *quyền dụng*  
    Vì nguyên do truyền tụng kệ bài.  
    Như vậy, không có gì sai  
*Tùy duyên giáo hóa* mọi loài *Chúng sanh*.  
Xưa kia nơi quốc thành tên gọi  
**Ưu Kiền Ni**, có *Bà La Môn*  
    Tên **Cổ Đê Đức** danh đồn  
Tiếng lành bay khắp làng thôn trọng vì.  
    Đến nơi **Phật** *quy y thọ giới*  
    *Bát quan trai* cầu lợi muôn loài.  
    Lúc đó, **Thế Tôn Như Lai**  
Vì *duyên* khai ngộ nói bài kệ đây:

*Chẳng phải Chúng sanh hết bốn loài*

*Đều nhờ ăn uống sống lành thay,  
 Cũng không tất cả người Đại lực  
 Tâm họ chẳng hề tật đố bày,  
 Chẳng phải nhờn vì ăn uống đó  
 Mắc nhiều bệnh hoạn khổ thân đây,  
 Nói chung chẳng phải tu thanh tịnh  
 Đặng quả an vui hưởng thọ dài.*

Lúc đó, ngài **Ca Diếp Bồ Tát**

Nghe xong rồi bạch **Phật** trình qua:

“**Thế Tôn** ! Những gì gọi là  
 Mà không có nghĩa dư thừa ở đây ?  
 Thế nào gọi là Nhứt thiết nghĩa ?  
 Mong **Thế Tôn** vì chúng giảng bày”.

Thiện nam tử ! Hỏi rất hay.

**Ta** vì ông vậy, hôm nay dạy rành.

Chỉ ngoại trừ *Pháp* lành trợ đạo,

Chỗ *thường*, *lạc* rốt ráo không hai

Gọi là Nhứt thiết nghĩa đây

Mà cũng trọn vẹn không rày thừa dư,

Ngoài ra các *Pháp* **Như Lai** thuyết

Cũng nhiều khi có thiết nghĩa thừa,

Mà cũng gọi là không thừa.  
 Vì muốn làm lợi mọi người nói chung,  
*Tâm* ưa thích tin dùng *Chánh Pháp*,  
 Lúc nghe qua phù hạp *tâm* mình  
 Biết nghĩa có thừa vẫn tin  
 Hay là trọn nghĩa không thừa cũng ứng.  
 Ngài **Ca Diếp** vui mừng trong dạ  
 Bạch **Phật** rằng : “Rất lạ lòng thay !  
 Lạ lòng thay ! **Đức Như Lai**  
*Bình đẳng* xem Chúng như Ngài **Hầu La**”.  
 Lúc đó, **Đức Phật Đà tán thán**  
 Khen **Ca Diếp** trí sáng lành thay !  
 Chỗ kiến giải của ông đây  
 Rất sâu *vi diệu* **Như Lai** hài hòa.  
 Ông **Ca Diếp** bạch qua **Đức Phật**  
 “**Thế Tôn** ! Là bực *xuất thế gian*.  
 Nói về *công đức* rõ ràng  
 Ở nơi **Kinh Đại Niết Bàn** này đây”.  
 Thiện nam tử ! Nếu ai nghe đặng  
 Danh hiệu **Kinh** tối thắng **Niết Bàn**  
*Công đức* người đó vô vàn  
 Duy nhất **Phật** biết hoàn toàn mà thôi.

Hàng *Thanh Văn* hay thời *Duyên Giác*  
 Khó đặng nào thấu đạt hiểu qua  
 Chẳng thể nghĩ bàn đó là  
*Cảnh giới **Chư Đức Phật Đà*** chứng tri.  
 Huống là người *thọ trì* biên chép  
 Hoặc đọc tụng thông thuộc Kinh này.  
 Nghe xong *Chư Thiên* các ngài,  
 Tất cả *Đại chúng* chấp tay kệ rằng:

*Cảnh giới **Như Lai** khó nghĩ bàn*  
*Pháp, Tăng cũng vậy quý vô vàn,*  
*Chúng con tất cả xin cầu thỉnh*  
**Đức Phật** thương tình trụ thế gian.

**Đại Ca Diếp** trưởng tử **Như Lai**,  
 Cùng với **A Nan Đà Đức Ngài**  
*Quyển thuộc phương xa chưa đến kịp*  
**Phật tử** chớ vội đáo phương Tây.

*Chúa nước Ma Già giục vó câu*  
*Vua A Xà Thế đập mây sâu*  
 Chí tâm hết mực nguyên tin **Phật**  
*Thiện Thệ* đợi chờ chẳng có lâu.

*Cúi xin Từ Phụ **Đức Như Lai***

*Thương xót đàn con nán phút giây*

*Đại chúng lưới nghi còn buộc chấp*

*Mặt trời Phật huệ vệt mê mây.*

**Đức Thế Tôn** bi thương *Đại chúng*

Mà nói bài kệ tụng dưới đây:

*Trưởng tử ở trong giáo pháp **Ta***

*Tức là **Đại Ca Diếp Ma Ha,***

***A Nan thị giả** siêng tinh tấn*

*Dứt được lưới nghi tất cả mà.*

*Đại chúng hãy nên quán sát kỹ*

*Trùng tâm vọng móng chỗ mê tà*

***A Nan** là bực **đa văn** giỏi*

*Có thể **Pháp** mầu giảng rộng xa.*

*Pháp thường và Pháp vô thường đây*

*Hãy học cho thông hai **Pháp** này*

*Đại chúng chẳng nên lười biếng nhác*

*Sanh lòng chán nản khổ bi ai.*

Bấy giờ *Đại chúng* mười phương  
Đồng dâng *tịnh thực cúng dường Như lai*.  
Cúng **Phật** xong các ngài *phát nguyện*  
*Tâm Bồ Đề* vô thượng sâu xa.  
Khôn lường **Bồ Tát Hằng hà**  
*Trụ bực Sơ địa* chứng qua hội này.  
**Đức Thế Tôn ! Như Lai thọ ký**  
Cho **Văn Thù Sư Lợi Ma Ha,**  
**Ca Diếp Bồ Tát, Thuần Đà**  
Thành **Phật độ thế Ta bà** đương lai.  
*Thọ ký* xong **Phật** đây khuyên như  
Này các *Thiện nam tử* nghe đây.  
Phải tự *tu tập* đêm ngày  
Chớ nên *phóng dật* đắm say *dục trần*.  
**Phật Niết Bàn** sắp gần *thị tịch*,  
Khắp cả mình đau nhức không yên,  
**Ta** muốn nằm an *ngọa thiên*  
Như là trẻ nhỏ hồn nhiên trên đời,  
Và cũng giống như người bệnh hoạn  
Sắp già từ khổ nạn thế gian.  
**Văn Thù Bồ Tát** các hàng  
Nên vì *bốn bộ chúng* đang hiện giờ

Mà giảng thuyết nguồn *cơ đại pháp*  
Để mọi người *tu tập* lành thay !  
Nay **Ta** đem *giáo pháp* này,  
Giao phó **Bồ Tát** các ngài nghe qua.  
Khi nào ông *Ma Ha Ca Diếp*,  
**A Nan Đà** trực tiếp đến đây,  
Các ông sẽ *phó chúc* ngay  
*Chánh Pháp* như vậy ... chớ sai sót gì.  
Dặn dò xong *Đại Bi Lương Túc*  
Cũng vì muốn *điều phục Chúng sinh*  
*Thị hiện* có bệnh nơi mình,  
Nằm nghiêng bên mặt lặng thính *ngọa thiên*.

- **Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (3 lần)**





**KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN**

**PHẨM “HIỆN BỆNH”**

**Thứ Mười Tám**



# KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN



## PHẨM “HIỆN BỆNH”

(Thứ Mười Tám)

**B**ấy giờ ! Ngài **Ca Diếp Bồ Tát**.

Bạch **Thế Tôn** ! Sự thật **Như Lai**

Đã khỏi tật bệnh thân này

Không còn đau khổ bi ai như đời,

Chẳng sợ sệt vào nơi biển ái,

Trong *Tam giới vô ngại* an lành.

**Thế Tôn** ! Tất cả *Chúng sanh*

Bị bốn tên độc hoành hành ưu bi :

Lòng *tham dục, ngu si, sân hận,*

Và *kiêu mạn* khó đặng tâm yên.

Bốn thứ tên độc kể trên

Là nhân sanh bệnh triền miên đời đời.

Có người bệnh, có người sanh bệnh,

Những thứ bệnh tính đến rất nhiều:

Như bệnh ăn uống khó tiêu,

Bệnh phong hàn, nhiệt sớm chiều xảy ra,  
 Bệnh thời khí rất là khó chữa,  
 Bệnh đau lưng, ói mửa, buồn nôn,  
 Cũng nhiều người bệnh điên cuồng,  
 Quỷ mị dựa xác, lo buồn, bất an ...  
 Bệnh thân, tâm đa đoan khôn xiết  
 Không thể nào kể hết được đâu.

**Chư Phật Thế Tôn** từ lâu

Không còn có những bệnh đau như vậy ...  
 Hôm nay sao **Như Lai Đức Phật** !  
 Bảo **Văn Thù, Ta** thật đau lưng,  
 Các ông là bậc *Thánh nhân*  
 Nên vì *Đại chúng* thuyết chân *Pháp* mầu.  
 Bạch **Thế Tôn** ! Lẽ nào như vậy,  
 Theo tôi biết có hai nguyên nhân  
 Thời không mắc bệnh vào thân:  
*Một*, là thương xót chúng dân khổ nài,  
*Hai*, cung cấp thuốc thang người bệnh,  
 Được trọn vẹn đem đến *phước* dày.  
 Từ xưa *Ứng Cúng* ! **Như Lai** !  
 Tu đạo **Bồ Tát** chẳng nài gian lao,  
 Vô lượng kiếp không sao lường đặng:

Thường thật hành *kham nhẫn* vượt qua,  
 Lời nói dịu dàng ôn hòa,  
 Làm nhiều *lợi ích giác tha* nhưn loài,  
 Chẳng để họ nản tai trói buộc,  
*Bố thí* các thứ thuốc dược hay,  
 Cứu người bệnh sớm lành ngay.  
 Công ơn của **Đức Như Lai** cao vời.  
 Sao hôm nay **Phật** từ lại nói :  
 “**Ta** có bệnh nhưc mỗi trong người.”  
 Bạch **Thế Tôn** ! Ở trong đời,  
 Như người thọ bệnh nằm, ngồi chẳng yên,  
 Cứ đòi uống, đòi ăn đủ thứ,  
 Có nhiều khi giận dữ buồn phiền,  
 Dặn bảo người nhà trước tiên  
 Coi sóc sản nghiệp điền viên của mình.  
 Còn **Như Lai** lặng thinh nằm nghỉ,  
 Chẳng dạy bảo *đệ tử Thanh Văn*,  
 Những *giới luật*, những điều răn,  
*Thiền định*, *giải thoát sáu căn* hoàn toàn,  
 Hoặc *Tam muội* các hàng **Chư Phật**,  
*Hạnh Chánh cần* của bậc **Như Lai**,  
*Kinh điển Đại Thừa* giảng khai

Nói chỗ *vi diệu* chỉ bày rộng ra.

Cớ sao **Đức Phật Đà, Ứng Cúng** !

Chẳng có dùng *vô lượng* tiện phương

Dạy **Đại Ca Diếp** lăm tường

Cùng hàng *Đại Sĩ Thánh* nhưn hiện giờ,

Chứng họ đặng vào ngôi *bất thối*

Đắc *vô thượng Chánh giác* trong đời.

**Phật** sao không trị hạng người

*Tỳ kheo phá giới* ác thời lăm thay !

Nhận chứa cất tiền tài *bất tịnh*

Phạm *giới răn luật* định ban hành.

**Đức Thế Tôn** ! Đáng trọn lành

Thiệt không có bệnh *khổ* sanh cõi này.

Sao *Thiện Thệ* ! **Như Lai** ! **Đức Phật**

Nằm nghiêng qua bên mặt lạng yên.

Các vị **Bồ Tát Thánh hiền** !

Thường hay *bố thí* gieo *duyên* chẳng hèn.

Phàm cung cấp thuốc men chữa trị,

Cứu những người đang bị bệnh mang,

Dem *căn* lành ấy bố ban

Cho khắp nhưn loại thế gian hưởng nhờ,

Đồng *hồi hương* đắc cơ *Pháp* vị,

Đặng *Nhứt thiết chủng trí* không hai.  
 Vì trừ *phiền não chướng* này,  
*Nghiệp chướng, báo chướng* sâu dày chúng sanh.  
 - *Phiền não chướng* phân rành không dễ:  
 Là *tham dục, sân khuể, ngu si,*  
 Phần *nộ, hung hãn, cố lý,*  
*Triền cái, tật đố* ôm ghì *chấp nê,*  
 Sự *gian trá, u mê, siểm khúc*  
 Lẽ *chánh tà, trong đục chẳng phân,*  
 Xan *lẫn, tập nã, độn đần,*  
*Vô tâm, vô quý* không răn sửa mình,  
 Đối **Phật Pháp** bất tin *ngạo mạn,*  
 Còn *đại mạn* phỉ báng **Phật Đà,**  
*Tăng thượng mạn* tự cho là  
 Ta đã *chứng quả A La Hán* thành,  
 Lại *ngã mạn* xưng danh *võ ngược,*  
 Thêm *tà mạn* hết sức *dại ngu,*  
*Kiêu mạn* cho mình *trượng phu,*  
*Phóng dật lợi dưỡng* đường *tu* chẳng gìn,  
 Còn *cống cao* miệt *khinh kẻ* dưới,  
 Luôn *tránh tưng, miệng lưỡi* mị *tà,*  
 Đối *trá tướng* lạ *bày ra,*

Dùng lợi cầu lợi, cái ta thấp hèn,  
 Cầu việc quấy, ố quen tư tưởng,  
 Bất cung kính bực thượng trí chơn,  
 Chẳng thuận lời dạy xem thường,  
 Gần gũi bạn dữ theo đường lợi danh,  
 Ràng buộc tội chỉ mình khó mở,  
 Tạo ác căn khổ sở thiết tha,  
*Chấp thân huyễn* này của ta,  
 Còn thêm chấp có, cùng là chấp không,  
 Thường vươn vai, buồn lòng ưa ngũ  
 Ngáp ngấn dài ử rữ không vui,  
 Tham ăn, tham uống quá thời,  
*Tâm tưởng* nghĩ quấy việc đời trần gian,  
 Ít khi nào luận bàn **Phật Pháp**,  
 Thân và miệng lỗi ác khôn lường,  
 Hay mừng được vật *cúng dường*,  
 Nói nhiều những chuyện hoang đường đầu đầu,  
 Nếu có nói đạo mâu rỗng tuếch  
 Để cầu danh sai lệch lý chơn.  
 Bị các *giác quán* này thường  
 Che đậy tâm trí lấp đường *thiện chân*:  
 - Nào “*Dục giác*” đa phần cảm thọ,



Kế “Khuể giác” chấp có thể gian,  
     “**Hại giác**” làm khổ hoàn toàn,  
 Nên gọi “*Phiền não chướng*” mang nhiều đời.  
     - *Nghiệp chướng* là phạm thời năm tội,  
     Những bệnh nặng *vô gián* khổ đau.  
     - *Báo chướng* trả quả về sau  
 Phải chịu thọ lãnh *đọa* vào ngục công,  
     Hay làm loài sanh trong *ngạ quỷ*,  
     Hoặc *súc sanh* phá hủy *Pháp* lành,  
     *Nhứt xiển đề* khó đạt thành  
 Hộet giống hư nát chẳng sanh lên mầm.  
     Ba chướng này do tâm quyết định,  
     Nên gọi là căn bệnh lớn lao.  
     Các vị **Bồ Tát** đức cao  
 Trong *vô lượng* kiếp gieo sâu *Bồ Đề*,  
     Thường *giáo hoá* dễ dễ an ủi,  
     Cấp thuốc men cho mọi bệnh nhân,  
     Luôn luôn với *tâm nguyện* rằng:  
 Làm cho *lợi ích* chúng dân *Ta bà*  
     Sớm dứt hẳn lìa xa ba chướng  
     Được an vui mãi hưởng phước lành.  
     Đặng thân *bất diệt, bất sanh*

Chứng ngôi *vô thượng* đạo thành **Như Lai**.

Lại *nguyện* vì muôn loài sanh Chúng

Làm được mầu *diệu dụng* lành thay !

Trị lành tất cả bệnh tai

Không còn *nghiệp* dữ kéo dài lâu năm.

- *Nguyện chúng sanh* sớm tầm phương thuốc

*A Già Đà* thánh dược hiển linh,

Có công hiệu đã chứng minh

Trừ *vô lượng* độc, bệnh tình thế gian.

- *Nguyện Chúng sanh* đạo vàng *tinh tấn*

Sự *tu hành* mau đặng thành công,

Phá tan *phiền não* trong lòng

Không còn thất lạc vào vòng khổ đau.

- *Nguyện Chúng sanh* nâng cao *công đức*

Làm được thọ hết sức dưỡng bao

Chữa lành bệnh nặng trần lao

Không người tranh tụng, buồn rầu tiêu tan.

Lại *nguyện* cho các hàng tu học

Nhổ hết mũi tên độc trong người

Đắc thành *trí huệ* rạng ngời

*Quang minh vô lượng* như thời **Thế Tôn**,

*Tạng vi mật* tinh thông đạt liễu

Vào biển huệ *Thiện thế* **Như Lai** !  
**Thế Tôn ! Bồ Tát** các Ngài  
 Đã *phát nguyện* lớn sâu dày độ sinh  
 Trái *vô lượng* trăm nghìn muôn *ức*  
*Na do tha* kiếp thật khôn lường  
 Luôn làm *lợi ích sáu* đường,  
 Nên không còn bệnh nhiễm vương tục trần.  
 Cớ sao nay bỗng dưng **Phật** nói :  
 “Rằng có bệnh nhưc mỗi trong người.”  
**Thế Tôn** ! Ví như trên đời,  
 Có người bạo bệnh không ngời dậy lâu,  
 Cũng không thể ngược đầu cửa động,  
 Nước đổ vào tới họng trào ra,  
 Chẳng thể dặn bảo người nhà  
 Con cái xem sóc nơi gia nghiệp mình.  
 Vợ, con hay thâm tình quyết định  
 Điều nghĩ rằng : Người bệnh chết đi.  
 Cũng vậy, nay *Đức Từ Bi*  
 Nằm nghiêng bên hữu cố chi lạ lòng,  
 Không nói năng, cũng không bàn luận,  
*Diêm Phù Đề* **Phật** chẳng đối cần,  
 Có những người ngu nghĩ rằng:

**Như Lai** nào khác phàm trần thế gian,  
*Quyết định* nhập *Niết Bàn diệt tận*.  
 Nhưng thật ra *Pháp thân Kim Cang*,  
 Chẳng rớt ráo nhập *Niết Bàn*,  
**Như Lai** *thường trụ* vĩnh an trường tồn.  
 Do cố này, **Thế Tôn** *Ứng Cúng* !  
 Không nên nói trước Chúng *đau lưng*.  
**Thế Tôn** ! Như ở cõi trần,  
 Có người mang bệnh tẩm thân ốm gầy,  
 Hoặc nằm nghiêng hoặc hay nằm ngửa  
 Trên giường bệnh liệt nửa thân hình.  
 Vợ hoặc chồng trong gia đình  
 Sanh lòng ghét bỏ, rẽ khinh, coi thường,  
 Rằng: Người bệnh khó đường thoát chết,  
 Dầu nuôi nấng mỗi một đêm ngày.  
 Cũng vậy, nay **Đức Như Lai** !  
 Chắc bị *ngoại đạo* chúng đây khinh lờn,  
 Cho là **Phật** *vô thường* biến đổi.  
 Các *ngoại đạo* sẽ nói nhau rằng:  
 Chẳng bằng hay chúng ta chẳng  
 Do *ngã tánh* có làm chân thường còn,  
*Dụng* thời tiết thông dong *tự tại*,

Pháp vi trần còn mãi .v.v...  
 Mà làm thường trụ *chơn tâm*  
 Không có biến đổi vĩnh hằng lạc an.  
 Nay *Sa môn* **Cù Đàm** họ **Thích**  
 Bị *vô thường* hành bệnh khổ thay !  
 Do nghĩa này, **Đức Như Lai**  
 Sớm mau ngồi dậy giảng khai *Pháp* mầu.  
**Phật** nào có bệnh sâu *thế tục*,  
*Tứ đại* luôn *điều phục* thích nghi,  
 Sức lực chẳng hề giảm suy  
 Tinh thần sáng suốt đứng đi nhẹ nhàng .  
**Đức Thế Tôn** ! Hoàn toàn như vậy.  
 Ví dụ này cho thấy **Như Lai**  
 Không có thọ bệnh thân này  
 Chẳng qua *thị hiện* giống loài người đây .  
 Như sức mười con trâu ghé nợ  
 Chẳng bằng một con trâu lớn hơn .  
 Sức mười con trâu bình thường  
 So với sức một Thanh ngư không bằng.  
 Mười Thanh ngư sức tăng gấp bội  
 Không bằng sức một con voi thường .  
 Mười con voi thường hợp chung

Chẳng bằng sức một voi rừng kém xa .  
Mười voi rừng hợp hoà sức chọi  
Cũng khó bằng con voi hai ngà .  
Sức mười con voi hai ngà  
Không bằng sức một con voi bốn ngà .  
Sức mười voi bốn ngà không tưởng  
Chẳng bằng một Bạch tượng *Tuyết sơn* .  
Sức mười Bạch tượng khó lường  
Sánh với Hương tượng chịu nhường so phân .  
Mười Hương tượng sức phân cộng lại  
Không bằng một Thanh tượng mạnh hơn .  
Sức mười Thanh tượng hiện đương  
Không bằng Huỳnh tượng sức dường lớn lao .  
Mười Huỳnh tượng không sao sánh được  
Một Xích tượng sức lực dẻo dai.  
Sức của mười Xích tượng đây  
So một Bạch tượng Vương này thua xa .  
Mười Bạch tượng Vương hoà sức lại  
Không bằng sức một Sơn tượng đây.  
Sức của mười Sơn tượng này  
Sánh một *Ưu Bát La* tượng không bằng.  
Sức của mười *Ưu Bát La* tượng

So **Ba Đầu Ma** tượng khó bì .  
*Ba Đầu Ma* tượng kể chi  
 Mười lần sức hợp chẳng thì sánh qua  
**Câu Vật Đầu** tượng là chỉ một  
 Sức mạnh dường khoẻ tốt trên đời .  
*Câu Vật Đầu* tượng sức mười  
 Sánh **Phân Đà Lợi** tượng thời khó qua.  
 Sức của mười *Phân Đà Lợi* tượng  
 Không bằng Đại Lực Sĩ loài người.  
 Sức mười Đại Lực Sĩ thời  
 Không bằng một **Bát Kiên Đề** này đây.  
 Sức của mười **Bát Kiên Đề** đó  
 Không bằng sức một *Na La Diên*  
 Sức của mười *Na La Diên*  
 Hợp lại cộng lực *vô biên* cứng dày  
 Không bằng một lóng tay của vị  
 Bạc *Thập Trụ Bồ Tát* liễu viên.  
 - Các lóng xương thân người thường  
 Đầu xương chẳng có nối liền với nhau.  
 Đại Lực Sĩ đầu xương lại khác  
 Được nối liền khớp các lóng xương.  
 Thân của **Bát Kiên Đề** Vương

Đầu xương tiếp các lóng xương không rời.

*Na La Diên* thân người bền vững

Đầu xương đều móc cứng chắc dày.

Thân *Thập Trụ Bồ Tát* này

Đầu những lóng xương kết rày liền nhau.

Vì thế nên không sao diễn đạt

Sức mạnh của **Bồ Tát** nghĩ bàn.

Lúc thế giới cõi phàm gian

Thành lập từ gọi **Kim Cang** tế này

Lại nổi lên báu đài nguyên hiện

*Tòa Kim Cang* nổi đến *đạo tràng*

Dưới *cây Bồ Đề* nghiêm trang.

**Bồ Tát** *thiên tọa Kim Cang* báu *tòa*

*Tâm* liền *chứng đạo* mầu *vô thượng*

*Mười trí lực* thành đấng **Như Lai**.

**Đức Thế Tôn** ngày hôm nay

Chẳng nên như trẻ thơ ngây dại khờ

Không biết nói u ơ ngày bữa,

Tùy ý mình nằm ngửa, nằm nghiêng,

Chẳng ai quở trách, than phiền,

Vui buồn, thương ghét mặc nhiên không màng.

**Thế Tôn** ! Bực *Thế Gian Giải* ngộ



Đại trí huệ rộng độ *Chúng sanh*,  
 Hiểu biết *Thế pháp* rõ ràng,  
 Là đáng tôn quý Cha lành **Thiên nhân**,  
 Đủ oai lực sức thần *vô lượng*,  
 Phá tan hết *tâm tướng* lưới nghi,  
 Nhỏ sạch tên độc ưu bi.  
 Vì vậy, *Thiện Thệ* đứng đi an lành.  
*Vô sở úy* đạt thành *tự tại*  
 Trong sáu đường *vô ngại* vào ra,  
 Giờ đây, cố chi **Phật Đà**  
 Nằm nghiêng bên phải chẳng mà nói năng,  
 Làm cho hàng *Thiên nhân* *Đại chúng*  
 Tất cả đều ai cũng buồn thay!  
**Ca Diếp Bồ Tát** Đức Ngài  
 Liền ở trước **Phật** nói bài kệ đây:

**Như Lai** *Đại Thánh* đức sâu dày  
 Xin giảng *Pháp mầu* *Phương Đẳng* khai  
**Đức Phật** chẳng nên như trẻ nhỏ  
**Thế Tôn** không giống bệnh nhân này.

*Trượng phu* là đáng thầy *Tam giới*

*Điều ngự năm yên song thọ cây  
Những kẻ phàm phu nhìn sẽ nói  
Cho rằng **Phật** nhập Niết Bàn đây.*

*Chẳng biết Đại Thừa vi diệu mâu  
**Thế Tôn hạnh quả** rất cao sâu  
Không tưởng Pháp tạng **Như Lai** mật  
Giống kẻ mù kia lọt hố sâu.*

*Duy nhất các Ngài **Bồ Tát** đây  
**Văn Thù Sư Lợi** bực đa tài  
Hiểu thông mật tạng **Như Lai** thuyết  
Thiện xạ rành nghề bắn giỏi thay !*

***Chư Phật** ba đời độ Chúng sanh  
Đại Bi kiến lập nguyện tu thành  
Đại từ căn bản đều như vậy,  
Nay tại vì sao mất bốn lành ?*

*Nếu không vẹn đại từ bi này  
Thời chẳng gọi là Thiện Thệ đây*

**Phật** nếu Niết Bàn mau **chứng nhập**  
 Không là thường nghĩa **tạng Như Lai**.

Ngưỡng mong đấng tối cao vô thượng  
 Xin nhận lời mời **Ca Diếp** này  
 Lợi ích muôn đời sau giác ngộ  
 Đẹp tan ngoại đạo nghĩ lầm sai.

Lúc bấy giờ, **Đức thế Tôn!**  
 Đại Bi huân tập viên thông nơi lòng .  
 Biết tâm niệm của trong Đại chúng  
 Và cũng muốn tùy thuận mọi loài  
 Lợi ích rốt ráo sau này  
 Nên **Phật** ngồi dậy thẳng ngay **kiết già**,  
 Đôi mắt Ngài hiền hòa sáng rõ,  
 Gương mặt xinh đẹp tợ trăng tròn,  
 Hình dung thanh tịnh thong dong,  
 Tư thế an tọa như hòn *Tu di*,  
 Phóng ánh sáng cực kỳ chiếu rọi  
 Khắp hư không khó thể nghĩ bàn,  
 Ánh sáng đó gấp trăm ngàn  
 Mặt trời ở cõi nơn gian khôn lường,

Thấu tận đến mười phương thế giới,  
 Ban bố điều ích lợi *hàm linh*,  
 Diệt trừ *hắc ám vô minh*,  
*Na-Do-Tha* ước Chúng sinh nguyện thể  
 Điều *phát tâm Bồ Đề* vững chắc  
 Nguyên chánh tin **Pháp Phật** *tu hành*.  
**Đức Thế Tôn** ! Đáng trọn lành.  
 Làm Cha *Tam giới* Chúng sanh bốn loài,  
**Phật** dùng *ba mươi hai tướng hảo*  
 Với *tám mươi vẻ đẹp* hoàn toàn  
 Trang nghiêm *Pháp thân* rõ ràng  
 Không sao diễn tả ánh quang rạng ngời.  
 Mỗi chân lông ở nơi thân **Phật**  
 Điều hiện ra một đóa *Liên hoa*.  
 Mỗi đóa ngàn cánh xòe ra  
 Màu vàng thuần khiết thật là *oai nghi*,  
 Cọng cấu thành *lưu ly* trong suốt,  
 Tua tạo bằng tinh chất *kim cương*,  
 Ngọc mai khô thời làm gương,  
 Hình lớn tròn trịa tợ đường bánh xe.  
 Những hoa sen phóng ra ánh sáng  
 Rất nhiều màu : xanh, trắng, đỏ, vàng,

Màu tía, pha lê sáng choang  
 Chiếu tận đến chốn ngục đường *Diêm La*,  
 Ngục lớn, nhỏ xuyên qua tất cả,  
 Bao tội nhưn đày đọa rên la,  
 Gặp ánh sáng **Đức Phật Đà**  
 Đều đặn khỏi *khổ* thoát ra chốn này.  
 Trong ánh sáng tuyên bày giảng thuyết  
*Tạng bí mật* chơn thiệt **Như Lai** .  
 Nói rằng : “*Tất cả bốn loài*  
*Đều có Phật tánh xưa nay thường còn*”.  
 Các *Chúng sanh* ở trong *Địa ngục*  
 Nghe *Pháp âm* đều thức tỉnh ngay  
 Lìa bỏ thân chốn ngục đày  
 Sanh lên *Thiên thượng* hoặc hay loài người.  
*Chúng sanh* trong hàn băng *địa ngục*  
 Gặp ánh sáng này *phúc* khôn lường  
 Khỏi cảnh *khổ*, hết tai ương,  
 Nghe *tạng bí mật* xiển dương *Pháp* truyền  
 Đặng sanh lên cõi Thiên khoái lạc  
 Hay loài người bỏ ác về lành.  
 Bao nhiêu *Địa ngục* tội hành,  
*Ta bà thế giới* vắng tanh không còn

Người thọ tội tiêu mòn *nghiệp lực*,  
 Ngoại trừ kẻ là *nhứt xiển đề*.

Loài *ngạ quỷ* khổ gồm ghê,  
 Đói khát bức bách não nề khó khăn,  
 Trăm ngàn năm vóc thân gầy guộc,  
 Chưa từng nghe tên nước, đồ dùng.

Họ gặp ánh sáng *đại hùng*  
 Của **Phật** chiếu đến vô cùng phước duyên  
 Hết đói khát triền miên khổ sở  
 Như người tù được thả ra ngoài.

Trong ánh sáng ấy tuyên bày  
 Nói *tạng* bí mật **Như Lai** dạy rành  
 Rằng : “*Tất cả Chúng sanh bốn loại*  
*Có Phật tánh đều thấy như nhau*”.

Nhờ nghe *Pháp âm* truyền trao  
 Mà loài *ngạ quỷ* khát khao bao đời  
 Được sanh lên cõi trời *thù thắng*  
 Hoặc loài người hưởng đặng hiển vinh,  
 Trừ những kẻ huỷ báng kinh  
*Đại thừa Phương đẳng* viên minh *Pháp* lành.  
 Lại những loài *súc sanh* thượng, hạ  
 Giết lẫn nhau ăn sống nuốt tươi.

Gặp ánh sáng của **Phật** thời  
 Trừ *tâm* hung ác sống đời hiền lương.  
 Trong ánh sáng tuyên dương **Pháp Phật**  
**Tạng** vi mật của **Đức Như Lai** .  
 Nói rằng : “*Chúng sanh* bốn loài  
*Đều có Phật tánh xưa nay thường hằng*”.  
 Loài *súc sanh* một lần nghe đến  
 Khi *mạng chung* sanh lên cõi trời  
 Hoặc là trở lại loài người  
 Không còn tăm tối, cuộc đời hiển vinh,  
 Trừ những kẻ miệt khinh hủy báng  
**Kinh Đại Thừa Phương Đẳng Niết Bàn.**  
 Trên mỗi hoa sen rõ ràng  
*Đều có vị Phật viên quang* một tâm,  
 Màu vàng rặc sáng ngần chiếu rực  
*Ba hai tướng* của *Bực Trượng Phu*  
*Tám mươi thứ đẹp* hiền nhu  
*Trang nghiêm* thân tướng *chơn như* tuyệt vời.  
 Các **Đức Phật** đó thời *tự tại*  
 Đứng hay đi không ngại trở ngại,  
 Nằm ngồi tùy tiện *ứng thân*  
 Không sao kể hết muôn phần hành vi.

Có vị hiện nổi vang tiếng sấm,  
 Vị thì làm mưa thấm khắp nơi.  
 Có vị phóng chớp sáng ngời,  
 Có vị nổi gió đất trời phong ba.  
 Cũng có vị hóa ra khói lửa  
 Bay mịt mù khắp cả bầu trời,  
 Biển cả, ao suối, sông ngòi,  
 Rừng rậm, cây cối, núi đồi bao la.  
 Lại có vị hiện ra cõi nước  
 Bằng bảy báu hết sức đẹp xinh,  
 Cung điện Vương quốc của mình  
 Thành ấp, làng xóm, dân tình *Hằng sa*.  
 Cũng có vị hiện ra đủ thứ :  
 Nào Voi, Ngựa, Sư tử, Phụng hoàng ...  
 Có vị làm cho thế gian  
*Chúng sanh* thấy rõ ngục đàng hiện ra,  
*Nhãn* cho đến nhìn qua sáu Cõi,  
 Như là trời *Dục giới* hoàn toàn.  
 Trong các **Đức Phật** hiện đang:  
 Có vị *thuyết Pháp* dạy hàng *Chúng sanh*  
 Về *ám*, *giới* hoặc rành các *nhập*,  
 Sự tội lỗi *huân tập* đã làm.



Có vị lại thuyết rộng hàm  
 Pháp *Tứ Diệu Đế* giáo hàng *Thanh Văn*.  
 Lại có vị ân cần tuyên giảng  
 Pháp **Thập Nhị Nhơn Duyên** sâu dày.  
 Lại có vị thuyết pháp bày  
 Nói về *phiền não* mọi loài gây nên  
 Những nghiệp do *nhơn duyên* gây tạo  
 Mà thọ lãnh *quả báo* sau này.  
 Có vị thuyết pháp *ngã* đây  
 Hoặc là *vô ngã* Pháp này rất hay.  
 Có vị thuyết chuyên bày Pháp *khổ*,  
 Và Pháp *Lạc giác ngộ* mau hơn.  
 Có vị giảng thuyết Pháp *thường* ,  
*Vô thường* dẫn chứng tận tường hiểu thông.  
 Cũng có vị thuyết rỗng Pháp *tịnh*,  
 Pháp *bất tịnh* nhận định dễ dàng.  
 Lại có **Đức Phật** minh quang  
 Vì các **Bồ Tát đấng đàn** thuyết qua  
 Nói rộng sáu Pháp *Ba La Mật*  
 Mọi người nghe chứng thật quả này.  
 Lại có **Đức Phật** giảng khai  
 Nói về *công đức* sâu dày *vô biên*

Của các vị *Thánh hiền* **Bồ Tát**  
Đã từ lâu thành đạt *bốn nguyên*.  
Lại có **Đức Phật** Pháp tuyên  
Nói về *công đức vô biên* **Phật Đà**.  
Có vị **Phật** thuyết qua *công đức*  
Của các hàng chứng bực *Thanh Văn*.  
Lại có **Đức Phật** *thường hằng*  
*Tùy thuận* nói Pháp tối năng *Nhứt thừa*,  
Hoặc có **Phật**, *Tam thừa* rộng nói  
Vì *chúng sanh* muôn loại *giác tha*.  
Có **Đức Phật** *hoá hiện* ra  
Hông trái phun nước thật là trắng tinh,  
Hông bên phải thành linh hoá lửa,  
*Thần thông* thiết *hy hữu* hiển linh.  
Có **Phật** *thị hiện* giáng sinh,  
*Xuất gia* lìa bỏ triều đình, *thê nhi*,  
*Tâm cầu đạo* kể chi cơ cực,  
*Cội Bồ Đề* một mực *tọa thiên*,  
*Chuyển Pháp Luân* độ *Tam thiên*,  
*Niết Bàn* nhập diệt đại *nguyên* thành công,  
Có **Đức Phật** sẵn lòng *bi nguyện*  
Trong hội này thuyết diễn Pháp lành,

Có người *sơ quả* đắc thành,  
*Nhị quả*, *tứ quả*, *vô sanh* viên tròn.  
 Hoặc có **Phật** hết lòng *thuyết Pháp*  
 Nói *vô lượng* phù hạp *nhơn duyên*  
 Thoát ly *sanh tử* triền miên  
 Chẳng còn trói buộc não phiền ô m mang.  
 Những *Chúng sanh* thế gian *ngũ trược*  
 Gặp ánh sáng này được chiếu soi  
 Người mù nhìn thấy hẵn hời,  
 Kẻ điếc nghe đặng rõ lời bên tai,  
 Đưa cam lâu thời nay nói được,  
 Người què bại sẽ bước đi ngay,  
 Người nghèo đặng của nhiều thay,  
 Kẻ giàu bỗng xẻn lâu nay ôm ghì,  
 Sẽ *phát tâm* thực thi *bố thí*,  
 Mở lòng *nhơn ích* kỷ tiêu trừ,  
 Kẻ *sân hận* sanh lòng từ,  
 Người không *chánh tín* bấy giờ *chánh tin*.  
 Trong cõi **Phật**, *Chúng sinh* an lạc  
 Không có ai tạo tác ác gây,  
 Trừ hạng *nhứt xiển đề* này  
 Hạt giống hư nát khó thay chuyển lòng.

Tất cả trời, thần, rồng, chúng quý  
 Càn *Thát Bà* hay *A Tu La*,  
     *Ca Lâu La, Khẩn Na La*,  
*La Sát, Ma Hầu La Già, Kiên Đà*,  
     *Ưu Ma Đà, A Bà Ma La*,  
 Nhơn, *phi nhơn* cùng là .v.v...  
     Đồng tâm cất tiếng xướng rằng:  
 Lành thay! Đấng *Đại Thánh Nhân Phật Đà*.  
 Vì thế giới *Ta bà* nhơn vật  
 Làm lợi lớn sự thật vô cùng.  
     Tất cả hớn hở vui mừng  
 Hoặc ca, hoặc múa chưa từng xảy ra,  
     Đem các thứ trăm hoa quý nhất  
     Rải đầy trên thân **Phật**, chúng *Tăng*.  
     Đủ loài hoa trời thành phần  
 Xanh, vàng, đỏ, trắng thơm ngát lan xa:  
     Hoa *Mạn Đà La*,  
     Hoa *Ma Ha Vạn đà La*,  
     Hoa *Mạn Thù Sa*,  
     Hoa *Ma Ha Vạn Thù Sa*,  
     Hoa *Tán Đà Na*,  
     Hoa *Ma Ha Tán Đà Na*,

Hoa Lư Chỉ Na,  
 Hoa *Ma Ha* Lư Chỉ Na,  
 Hoa Ý Thích, hoa Đại Ý Thích,  
 Hoa Đoan nghiêm, Đệ nhất Đoan nghiêm.  
 Lại rải các thứ *hương trầm thủy*,  
 Hương *Chiên đàn*, Hải ngân, ***Dà Lôu***,  
 Còn có ***tràng, phan***, lọng mầu  
 Đủ các kỹ nhạc: ***Không hầu***, đàn tranh,  
 Nào đàn sắt, ống tiêu, ống địch..  
 Khảy tấu hòa thỏa thích vui say.  
 Để *cúng dường* **Đức Như Lai**  
 Đồng lòng *tán thán* kệ bày dưới đây:

“Tôi nay *đảnh lễ* **Như Lai**  
 Đức đại *ting tấn* chẳng ai sánh bằng  
*Lưỡng Túc Tôn* tối năng vô *thượng*  
 Bạc *chánh giác* qui hướng trời người.  
*Đại chúng* không biết chỗ nơi  
 Chỉ có **Phật Thích** rõ thời căn nguyên.  
**Đức Thế Tôn** ! Vô *biên* thuở trước  
 Vì Chúng tôi ban *phước* sâu xa.  
 Trong vô *lượng* kiếp đã qua

Siêng tu khổ hạnh thật là công lao.  
 Hôm nay tại vì sao *thối chuyển*  
 Một mai bỏ *bốn nguyện* của mình  
 Xa rời tất cả *Chúng sinh*  
*Niết Bàn thị tịch* đoạn tình bi thương ?  
 Muôn loại trong *Sáu đường* chẳng biết  
*Tạng bí mật* **Chư Phật Như Lai**,  
 Bởi vì, do *nhơn duyên* này  
 Khó đặng thoát khỏi đọa đày khổ đau,  
*Luân chuyển* mãi rơi vào *ác đạo*  
 Lưới *vô minh* khó tháo mình ra.  
 Như **Phật** đã từng nói qua  
 Bạc *A La Hán* mới là vẻ vang  
 Sẽ đến nơi *Niết Bàn* an lạc  
 Tất cả đều *giải thoát* hoàn toàn,  
 Công hạnh của **Phật** vô vàn  
 Rất là sâu rộng khó bàn nghĩ ra.  
 Hạnh *phàm phu* vọng tà mê dại  
 Ít có ai nhìn thấy rộng sâu  
 Ở **Phật** muôn kiếp đời lâu  
 Rưới mưa *Chánh Pháp* nhiệm mầu lành thay!  
 Vì muốn trừ sạch ngay *phiền não*

Mà nhiều người *cầu đạo* quên thân.  
*Cam lồ Pháp dược* thiết cần  
 Ban cho sanh Chúng khắp trần nhơn gian,  
 Uống vào chẳng thọ mang bệnh tử  
 Vững thuyền *tâm sóng* dữ vượt qua.  
**Thế Tôn!** *Ứng Cúng!* **Phật Đà!**  
 Là thầy *Tam giới*, là nhà *Y Vương!*  
 Chữa trị hết khôn lường *vô lượng*  
 Những bệnh *phiền não chướng* Chúng sanh  
 Làm cho bệnh nhân mạnh lành  
 Không còn thừa sót *viên thành* đạo mau.  
**Đức Thế Tôn** biển sâu *giải thoát*  
 Khỏi sanh, lão, bệnh, tử *Ta bà*.  
 Vì vậy nên mới gọi là  
*Đức Phật thứ bảy* hiện ra cõi trần.  
 Ngưỡng mong **Phật** ban ân mưa *Pháp*  
 Thấm nhuần giống *công đức* chúng tôi.  
*Đại chúng* đông đủ trời, người ...  
 Thỉnh cầu như vậy ... rồi thời lặng yên.”

**Đức Phật** liền khen Ngài **Ca Diếp**:  
 Lành thay! *Thiện Nam Tử*, lành thay !

*Trí huệ* của ông tròn đầy  
 Như vầng Nhật Nguyệt sáng khai đêm ngày,  
 Chẳng còn bị các loài *ma* quấy  
 Hay *ngoại đạo* phá hoại *huệ* lòng.  
 Này Thiện Nam Tử, lão thông!  
*Biện tài vô ngại* thật không thể lường.  
 Ông đã từng *cúng dường* chơn thật  
**Hằng hà sa Chư Phật Như Lai**  
 Nên có thể hỏi **Phật** đây  
 Những nghĩa như vậy ít ai sánh bì.  
 Thiện Nam Tử ! Khó tri thấu hết,  
**Ta** đã từ kiếp kiếp trải qua,  
 Trừ hết bệnh căn sanh già,  
 Dựa nằm nghỉ dưỡng hoặc là mỗi mê.  
*A Tăng Kỳ* kiếp về quá khứ  
 Có **Đức Phật** xuất hiện *Ta bà*  
**Đấng Vô Thượng Thắng Phật Đà**  
 Đủ mười danh hiệu chứng qua hoàn toàn.  
**Đức Phật** đó vì hàng *Duyên Giác*  
 Hoặc *Thanh Văn*, thuyết *Chánh Pháp* ban  
**Kinh Đại thừa Đại Niết Bàn**  
 Chỉ thẳng **Phật tánh** mở mang muôn loài.



Thuở đó, **Như Lai** đây sự thật  
 Mới *tu chứng* đặng bậc *Thanh Văn*,  
**Ta** nguyên *thọ trì* chuyên cần  
 Đọc tụng thông thuộc *thường hằng* không quên  
**Đại Niết Bàn** chép biên chí quyết  
 Rồi rộng khai giảng thuyết luận phân  
 Cho những người khác có *căn*  
 Cùng nghe, cùng học siêng năng *tu hành*.  
**Ta** nguyện đem *căn* lành *hồi hướng*  
*Quả Chánh giác Vô thượng Bồ Đề*.  
 Nay *Thiện Nam Tử* ! Chẳng hề,  
**Ta** chưa từng có nã nê *phiền ba*,  
 Chẳng bao giờ *đọa sa ác đạo*,  
 Hoặc huỷ báng *Chánh giáo Phật Đà*,  
 Hay *nhứt xiển đề* vạy tà  
 Hột giống hư nát khó mà mọc lên,  
 Chẳng thọ thân *hoàng môn* sanh trưởng,  
 Năm tội nghịch *nghiệp chương* tạo gây.  
 Từ đó cho đến hôm nay  
**Thân tâm Ta** mãi hằng ngày vui thay!  
*Thiện Nam Tử* ! **Như Lai** không bịnh,  
 Lời **Ta** nói nhứt định chẳng sai.

Vì **Chư Phật** từ xưa nay  
Xa lìa bệnh *khổ* bi ai nơi lòng.  
Các *Chúng sanh* chẳng hòng biết đặng  
*Pháp bí mật Phương đặng* không hai,  
Bèn cho rằng **Đức Như Lai**  
Thiệt là có bệnh giống loài *phàm phu*.  
Thiện Nam Tử ! Cũng như nói **Phật**  
Là Sư tử bậc nhất hơn loài,  
Nhưng thật ra **Đức Như Lai**  
Chẳng phải Sư tử trong loài thú đây.  
Lại nói **Đức Như Lai** rộng lớn  
Trong loài người những tưởng nghe qua,  
Nhưng xét kỹ **Đức Phật Đà**  
Chẳng phải rộng lớn như là lời trên.  
**Đức Phật** từ *kiếp hiện* thuở trước  
Đã không còn *ngũ trược* thọ mang.  
Những lời như vậy rõ ràng  
*Giáo Pháp* bí mật của hàng **Như Lai**.  
Thiện Nam Tử ! **Như Lai** thường nói  
**Đức Phật** đây là trời, là người,  
Nhưng thật ra **Như Lai** thời  
Chẳng phải trời, chẳng phải người mà ra,

Chẳng phải *Càn Thát Bà*, *A Tu La*,  
*Khẩn Na La* hay *Ca Lâu La*,  
 Hoặc là *Ma Hầu La Già*,  
 Chẳng phải *ngã*, chẳng phải *mạn* đó là,  
 Cũng chẳng phải mẹ cha dưỡng dục,  
 Cũng chẳng phải *phàm tục sĩ phu*,  
 Chẳng phải *tu*, chẳng không *tu*,  
 Chẳng làm, chẳng phải không làm *lợi tha*,  
 Chẳng phải *thọ*, chẳng là không *thọ*,  
 Chẳng **Thế Tôn**, chẳng không **Thế Tôn**,  
 Chẳng phải *Thanh Văn Phật môn*,  
 Chẳng phải thuyết, chẳng phải không thuyết nào,  
 Những lời trên thâm sâu chân thật  
 Đều là *Pháp* bí mật **Như Lai**.  
 Thiện Nam Tử ! Lại như vậy:  
 Có *Pháp* thường nói **Như Lai Phật Đà**  
 Đức dưỡng thể như là biển cả,  
 Ví *Tu-Di* xô ngã khó mà,  
 Nhưng thật ra **Đức Phật Đà**  
 Chẳng phải nước biển mặn mà vậy ư !  
 Cũng chẳng phải đồng như núi đá  
 Tánh chất nó *vô giác vô tri*.

Phải biết những lời trên thì  
*Giáo Pháp* bí mật từ *bi* diệu mầu.  
Thiện Nam Tử ! Như nói **Đức Phật**  
Dường thể là đáng bậc mẹ cha,  
Nhưng thật ra **Đức Phật Đà**  
Chẳng phải là bậc mẹ cha thế phàm.  
Như nói **Đức Cồ-Đàm Phật Thích**  
Là hoa *Phân Đà Lợi* tốt thay !  
Nhưng thật ra **Đức Như Lai**  
Chẳng phải là hoa *Phân Đà Lợi* này.  
Lại nói **Đức Như Lai Ứng Cúng!**  
*Đại thuyên sư* độ Chúng muôn loài,  
Nhưng thật ra **Đức Như Lai**  
Chẳng phải là vị *Thuyên Sư* đó mà.  
Như nói **Đức Phật** là Thương Chủ  
Vốn chỉ là ví dụ *quyền* bày.  
Những lời như vậy trên đây  
Là *Pháp* bí mật **Như Lai** dạy đời.  
Thiện nam tử ! Như thời nói **Phật**  
Hay trừ dẹp *oán tặc* loài *ma*,  
Nhưng thật ra **Đức Phật Đà**  
Không có tâm ác diệt là *quần* *ma*.

Như nói **Đức Phật Đà** trị đặng  
 Bệnh ung thư hết hẳn lành thay!  
 Nhưng thật ra **Đức Như Lai**  
 Chẳng phải thầy thuốc chữa rày bệnh nhân,  
 Những lời trên cho rằng như vậy ...  
 Là *giáo pháp* bí mật **Như Lai**.  
 Nay *Thiện nam tử* ! Trước đây.  
**Như Lai** có giảng thuyết bày khuyên qua.  
 Nếu *Thiện nam* hay là *Tín nữ*  
 Nào *tu hành* gìn giữ giới trai  
*Thanh tịnh* thân, khẩu, ý này,  
 Sau khi mãn kiếp người đây lìa trần  
 Trong gia tộc mang thân thiêu cháy,  
 Thả dòng sông, bỏ lại vào rừng,  
 Thú cầm cắn xé nuốt ăn,  
 Nhưng tâm ý *thức* sanh thân cõi lành.  
*Tâm thức* thiết không đi, không lại,  
 Không chỗ đến ở tại nơi nào,  
 Chỉ là trước, sau giống nhau,  
 Nối liền không dứt, chẳng đầu, chẳng đuôi,  
 Tướng mạo chẳng có thời khác biệt.  
 Lời nói này quả quyết không sai

Là *Pháp* bí mật **Như Lai**

Những kẻ *phàm tục* khó tày hiểu qua.

Thiện nam tử ! Nay **Ta** lại nói

Rằng có bệnh nhức mỗi không yên,

Cũng là lời nói như trên

Là *Pháp* bí mật liễu viên nhiệm mầu.

**Đức Như Lai** từ lâu không bệnh,

Chẳng nằm nghiêng bên hữu dưỡng an,

Cũng không rớt ráo hoàn toàn

*Nhập diệt* vào chỗ **Niết Bàn** vô dư.

Này **Ca Diếp** ! Đại từ bi **Phật**

**Đại Niết Bàn** vốn thật đây là

*Thiền định* của Chư **Phật Đà**

Không phải *cảnh giới* chúng ta luận bàn.

Chẳng phải chỗ của hàng *Duyên giác*

Hay *Thanh Văn* thấu đạt nhất thời.

Này Thiện nam tử ! Vừa rồi

Ông hỏi **Đức Phật** cố chi lại nằm,

Chẳng ngồi dậy, chẳng đòi ăn uống,

Chẳng dặn bảo thân quyến gia đình,

Chăm lo sản nghiệp của mình,

Mà sao cứ mãi lặng thinh nằm hoài.

Thiện nam tử ! Ông đây hiểu đặng  
Tánh *hư không* cũng chẳng dậy ngồi,  
Chẳng đòi ăn uống thói đời,  
Cũng không dặn bảo những người quyến thân  
Gìn sản nghiệp ân cần phát triển,  
Cũng không đi, không đến nơi nào,  
Không *sanh diệt*, không khổ đau,  
Không già, không trẻ, mòn hao, não nề,  
Không mọc lặn, không hề hư bể,  
Không *giải thoát*, không thể buộc ràng,  
Cũng không nói mình minh quang,  
Nói người tằm tối luận bàn đúng sai,  
Cũng không hiểu mình đây chơn giả,  
Không hiểu người mặc cả thế nào,  
Chẳng phải ăn uống khát khao,  
Chẳng phải bệnh chịu u sầu ôm mang.  
Thiện nam tử ! Hoàn toàn sự thật,  
**Đức Thế Tôn, Chư Phật** mười phương  
Dường như *hư không* khó lường  
Thế nào có bệnh tai ương khổ à ?  
Thiện nam tử ! Nghe ta giảng dạy.  
Trong *thế gian* hiện tại, tương lai

Có ba hạng người bệnh đây  
 Rất là khó trị kéo dài lâm nguy:  
 Một, là kẻ *ngu si* hủy báng  
*Kinh Đại thừa Pháp tạng Như Lai*,  
 Phạm tội *ngũ nghịch* thứ hai,  
*Nhứt xiển đề* hạng người này thứ ba.  
 Ba hạng bệnh trên là rất nặng  
 Ở trong đời mất hẳn *thiện căn*.  
 Hàng *Duyên Giác* hoặc *Thanh Văn*  
 Hay bực **Bồ Tát** khó khăn chữa lành.  
 Thiện nam tử ! Người sanh bệnh đó,  
 Nhiều thuốc men cũng khó vượt qua,  
 Nhẫn đến chăm sóc cả nhà  
 Người bệnh quyết định chắc là mạng vong.  
 Ba hạng này sống trong bất hạnh  
 Dầu cho gặp bậc *Thánh* quang lâm  
*Thuyết Pháp* chơn lý *thậm thâm*  
 Khó làm cho họ *phát tâm Bồ Đề*.  
 Thiện nam tử ! Như người có bệnh  
 Phải cần sự chăm sóc thuốc thang ...  
 Thời có thể bệnh lành an.  
 Nếu thiếu những việc hoàn toàn kể trên



Người bệnh đó không yên lành hẳn.  
 Cũng như vậy, bực đặng *Thanh Văn*,  
 Hay là *Duyên Giác*, *Chúng Tăng*  
 Theo **Phật**, **Bồ Tát** siêng năng *tu hành*,  
 Thường nghe *Pháp* hiểu rành mọi lẽ  
 Thì bệnh căn ắt sẽ lành ngay.

*Nguyện* rằng đem thân mạng này  
*Phát tâm vô thượng* một ngày thành công.  
 Cũng chẳng phải là không nghe *Pháp*  
 Mà có thể phát *Bồ Đề tâm*.

Thiện nam tử ! Lại như vậy.  
 Nếu như có một người này bệnh mang,  
 Được chăm sóc đàng hoàng kỹ lưỡng,  
 Tùy ý lo liệu lượng thuốc thang,  
 Hoặc không chăm sóc kỹ càng  
 Cũng chẳng tùy ý thuốc thang đoái màng,  
 Người đó đặng lành an tật bệnh.  
 Thật không tin có chuyện trên đời.

Cũng vậy, có một hạng người  
 Gặp vị *Duyên Giác* hay thời *Thanh Văn*,  
 Hoặc chẳng gặp *Thanh Văn*, *Duyên Giác*,  
 Gặp chẳng gặp **Bồ Tát** *Ma Ha*,

Hoặc gặp chẳng gặp **Phật Đà**,  
 Hoặc đặng nghe *Pháp* hoặc là chẳng nghe,  
 Tự nhiên *quả Bồ Đề* chứng đặng  
 Thành *Vô Thượng Chánh Đẳng Như Lai*.

Đó là hạng người nào đây?

**Thế Tôn** nhân dịp hôm nay giải trình.

Chính là người vì mình tất cả,  
 Hay vì người khác lạ xưng danh,  
 Hoặc vì sợ sệt tu hành,

Hoặc vì *lợi dưỡng* bất lành dối gian,  
 Hoặc đua nịnh theo hàng quan lại,  
 Hoặc phỉnh người biên chép *Kinh* này,

*Thọ trì*, đọc tụng đêm ngày,  
*Cúng dường* cung kính, giải bày người nghe.

Thiện nam tử ! Luận về người bịnh  
 Có năm hạng phân định rõ ràng

Đối với **Kinh Đại Niết Bàn**

Có bịnh *tu tập* hoàn toàn lành yên

Ngoại trừ chỉ dành riêng **Đức Phật**

Còn lại là năm bịnh dưới như:

*Một*, bực dứt *Kiến Hoặc* trừ

Ở trong *Tam giới*, *chúng Tu Đà Hoàn*,

Chẳng sa đọa vào hàng địa ngục  
 Hay ngã quỵ hoặc súc sanh thời,  
 Bảy lần luân chuyển loài người,  
 Hoặc là sanh hóa cõi trời *Chư thiên*,  
 Dứt hẳn các não phiền khổ lụy,  
 Nhập **Niết Bàn** quả vị Thanh Văn.  
 Hạng thứ nhất có bệnh cần  
*Tu hành* lập nguyện siêng năng miệt mài.  
 Người này thưở vị lai sẽ vượt  
 Tám muôn kiếp mới được toại nguyện,  
 Thành bậc Chánh giác liễu viên  
 Vô thượng tối thắng độ yên trời, người.  
 Bậc thứ hai, đoạn trừ **Tư Hoặc**  
 Trong Tam giới sự thật hoàn toàn,  
 Không còn phiền não buộc ràng  
*Sân, si, ngã mạn, tham lam* tục phàm,  
 Đặng quả *Tư Đà Hàm* hiện tại  
 Còn một lần sanh lại trời, người,  
 Dứt hẳn các khổ trong đời  
**Niết Bàn** nhập diệt tức thời không sai.  
 Đây là hạng thứ hai có bệnh  
 Chịu *tu hành quyết định* lành ngay.

Người này vào thuở *vị lai*  
 Qua sáu muôn kiếp sâu dày phước duyên,  
 Sẽ đặng thành *Đại nguyên chứng đắc*  
*Quả Vô thượng Chánh giác Như Lai.*  
 Bực thứ ba, lại như vậy,  
 Đã đoạn “*Kiến Hoặc*” ra ngoài cái ta,  
 Trong *Tam giới* hoặc là *cõi Dục*  
 Vì “*Tư Hoặc*” trừ dứt ôm mang,  
 Đặng *chứng* quả *A Na Hàm*,  
 Chẳng còn sanh chốn thế gian loài người,  
 Các *ngiệp*, *lậu* xa rời tai khổ  
 Nhập **Niết Bàn** diệt độ *Ta bà*.  
 Đây gọi là hạng thứ ba  
 Có bệnh cần phải chữa qua mới lành.  
 Đời *vị lai* tu hành *kham nhẫn*  
 Bốn muôn kiếp mới đặng toại nguyên  
 Sẽ *đắc đạo* quả *liễu viên*  
*Vô thượng chánh giác độ yên* trời, người.  
 Bực thứ tư, cắt rời *tham dục*  
 Tâm chẳng còn *sân khuể*, *ngu si*  
 Đặng quả *A La Hán* thì  
 Không sanh, không diệt, đoạn ly não phiền

Nhập *Niết Bàn* an nhiên *chứng đắc*,  
 Chẳng phải hạnh độc nhất Kỳ lân.  
 Bực thứ tư có bệnh cần  
*Tu hành phát nguyện* tạo nhân đức dày.  
 Người này thưở *vị lai* qua khỏi  
 Hai muôn kiếp mới toại nguyện xong,  
 Sẽ đặng *đạo quả* thành công  
*Vô thượng chánh giác độ* trong trời, người.  
 Bực thứ năm, xa rời *tham ái*  
 Chẳng còn sự *sân khuể*, *ngu si*  
*Chứng đặng quả vị Bích Chi*  
*Phiền não* gột sạch nhập qui *Niết Bàn*,  
 Thiệt là hạnh Kỳ lân độc nhất.  
 Đây mới gọi là bực thứ năm  
 Có bệnh cần phải quyết tâm  
*Tu hành y nguyện* đoạn mầm bệnh lây.  
 Người này thưở *vị lai* qua khỏi  
 Mười ngàn kiếp mới toại *Đại nguyện*,  
 Sẽ đặng *đạo quả* liễu viên  
*Vô thượng Chánh giác* hiển nhiên trong đời.  
 Đây là năm hạng người có bịnh  
 Cần *tu hành quyết định* hôm nay,

Chẳng phải là **Đức Như Lai**  
Đã thành **Phật đạo** bệnh đây không còn.

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (3 lần)**



**KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN**

**PHẨM “THÁNH HẠNH”**

**Thứ Mười Chín**





# KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN



## PHẨM “THÁNH HẠNH”

(Thứ Mười Chín)

**Phật** bảo ngài **Ca-Diếp Bồ Tát**

Ở nơi **Kinh Đại Bát Niết Bàn**

Chuyên tâm tư duy tận tường

Có năm thứ hạnh phải thường hành qua:

Một *Thánh Hạnh*, hai là *Phạm Hạnh*,

Ba *Thiên Hạnh*, bốn *Hạnh Anh Nhi*,

Năm là *Bệnh Hạnh* thực thi.

Là **Đại Bồ Tát** ứng tùy *cơ duyên*,

Nên *tu tập* kiên bền vững chí,

Năm thứ hạnh tích lũy sâu dày.

Còn có một hạnh lành thay!

Là *Như Lai hạnh* muôn loài thích ưa,

Chính là *Kinh Đại Thừa Phương Đẳng*

**Đại Niết Bàn** thù thắng *vô biên*.

Là Đại **Bồ Tát** *Thánh hiền* !  
*Tu tập Thánh hạnh* phải nên thế nào ?  
**Đại Bồ Tát** trước sau y *nguyện*  
 Từ *Thanh văn* nhân đến **Như Lai**  
 Nghe **Kinh Đại Niết Bàn** này  
 Một lòng tin tưởng ta đây nghĩ rằng:  
**Chư Phật** có đạo hăng *vô thượng*  
 Và *Chánh Pháp* rộng lớn không lường,  
*Chánh hạnh* Đại chúng noi gương,  
*Kinh điển Phương Đẳng* mở đường độ sanh,  
 Nay ta *phát tâm* thành lập *nguyện*  
 Mong cầu *ngộ Kinh điển Đại thừa*.  
 Vợ con *quyến thuộc* xa lìa  
 Vật trần giả tạm có rồi hoàn không,  
 Cõi thế gian đem lòng lưu luyến,  
 Ngấm *tri* ra thân *huyễn* hợp tan,  
 Khác nào *địa ngục* trần gian  
 Càng ôm *chấp* nó, càng mang não phiền.  
 Nguyên *xuất gia* tháo xiềng *Tam giới*  
 Lòng thư thái như thể *hư không*,  
*Pháp* lành gắng sức vun trồng  
 Mong sao tăng trưởng quả bông đủ đầy.

Ở tại gia càng gây thêm tội  
 Đời đời luôn buộc trói khổ sâu,  
 Nay ta phải bỏ tóc râu  
*Xuất gia* học đạo, vui cầu thoát ly.  
 Lúc **Bồ Tát** nghĩ suy như vậy,  
*Thiên ma* đây nghe thấy sợ là:  
 “**Bồ Tát** này, nếu *xuất gia*  
*Thành đạo* chắc chắn cùng ta tranh giành”.  
*Thiện nam tử* ! Tâm lành **Bồ Tát**  
 Chẳng có lòng cướp đoạt tranh đương.  
**Bồ Tát** đi đến *Tăng phòng*  
*Kiến Phật* đức độ khiêm nhường từ bi,  
 Hàng đệ tử oai nghi đầy đủ,  
 Tâm hiền hòa thanh tú nghiêm trang,  
 Chỉ cầu đạo *xuất thế gian*,  
*Tam y* khoác mặc chẳng màng công danh,  
 Gìn giới cấm tịnh thanh nhưt vật,  
 Không sai phạm xứng bậc *Đầu Đà*,  
 Hộ trì *Chánh Pháp Tăng* già  
 Chẳng hề *thối chuyển* như là *kim cương*.  
 Thiện nam tử ! Tợ dường người nọ  
 Vượt biển sâu cần có trái phao

Giữ gìn cẩn thận trước sau  
Ôm ghì dính chặt không nào rời xa.  
Dầu có gặp quý *La Sát* hỏi  
Van nài xin cho được trái phao.  
Người đó suy nghĩ cạn sâu  
Nếu ta cho nó ắt châu *Diêm La*.  
Nên đáp rằng : Này *La Sát* hỏi !  
Thà giết ta không thể cho người.  
*La Sát* năn nỉ cạn lời:  
Nếu không cho hết, cho thời nửa kia,  
Một phần ba hoặc chia chút xíu  
*Nhẫn* bằng chừng hạt bụi *vi trần*.  
Người này cương quyết đáp rằng:  
Hiện nay tôi rất thiết cần trái phao  
Lội qua biển, lẽ nào choặng  
Dầu nhà người xin chẳng có nhiều  
Chỉ chút ít cũng xì hơi  
Chắc tôi chìm đắm giữa nơi biển này.  
Thiện nam tử ! Ông đây nên biết  
Bậc **Bồ Tát** vốn thiết *tu hành*  
Hộ trì cấm *giới* tịnh thanh  
Cũng như người nọ chẳng đành rời phao.

Lúc **Bồ Tát** giới trau hộ giới  
*Ma phiên nã* vọng khởi bảo là:  
**Bồ Tát** ông hãy nghe ta  
 Trọn chẳng dối trá, thật thà với nhau,  
*Bốn giới trọng* sớm mau phá bỏ  
 Chỉ cần gìn *giới* nhỏ hoàn toàn  
 Có thể chứng nhập *Niết Bàn*  
 Hưởng sự khoái lạc *thiên đàng* vui hơn.  
 Vừa lúc đó, tâm chơn **Bồ Tát**  
 Liên nghĩ rằng: Thà thác vẫn cam  
 Chẳng hủy phạm giới *già lam*  
 Cho dầu phải chịu cầm giam *A Tỳ*.  
*Ma phiên nã* tức thì lại nói:  
 Ông chẳng phá *bốn giới trọng* mang,  
 Thời nên phạm giới *Tăng tàng*  
 Cũng sẽ được nhập *Niết Bàn* về sau.  
**Bồ Tát** quyết nêu cao giới đức  
 Dụng trí thiền diệt dứt *vọng* trần.  
*Ma phiên nã* lại bảo rằng:  
 Ông đây chẳng hủy giới *Tăng tàng* này,  
 Cũng nên phạm giới *Thâu Lan Giá*,  
 Thời đặng *chứng đạo quả Niết Bàn*.

**Bồ Tát** lập *nguyện* vững vàng  
 Thệ rằng không bỏ *giới đàn* từ bi.  
*Ma phiền não* kiên trì xúi bảo:  
 “*Thâu Lan Giá*” không bỏ *giới* này,  
 Hủy phạm “*Xả Đọa*” cũng hay  
*Niết Bàn quả vị* tương lai viên thành.  
**Bồ Tát** không cam đành *phá giới*  
 Chẳng nghe theo bất lợi lời tà.  
*Ma phiền não* chẳng bỏ qua  
 Cố dụ **Bồ Tát** sớm xa *giới* phần:  
*Giới Xả đọa* ông Tăng không bỏ  
*Ba Dật Đề* phạm có sá chi  
 Sẽ đặng vượt khỏi *đồ nguy*  
 Chắc chắn *chứng nhập vô vi Niết Bàn*.  
**Bồ Tát** không đầu hàng tà mị  
*Tâm cương* quyết chẳng hủy *giới* nào.  
*Ma phiền não* dễ *buông đầu*  
 Bảo rằng: **Bồ Tát** chấp *câu* làm gì .  
*Ba dật đề* *giới* trì không bỏ,  
 Thời nên phạm *giới Đột kiết La*,  
 Do đây **Bồ Tát** vượt qua  
 An ổn vui *nhập sâu xa Niết Bàn*.

Tâm **Bồ Tát** lại càng cố định  
 Không nghe lời dua nịnh bất minh,  
 Rồi tự nghĩ bản thân mình:  
 Nay ta phạm tội vô tình nhỏ thôi  
*Đột kết la* nếu thời *vọng niệm*  
 Chẳng *phát lồ* kiểm điểm trị răn  
 Khó thể vượt qua biển trần,  
*Niết Bàn* an lạc đấng chân *tu hành*.  
**Bồ Tát** nếu *vọng* sanh tội nhỏ  
 Trong *giới luật* chớ có xem thường,  
 Giữ tâm tợ chất *kim cương*  
 Không gì phá hoại sáng gương *tu hành*.  
 Giới nặng, nhẹ lòng lành ghi tạc  
 Luôn kính trọng không khác gì nhau.  
 Bền giữ *giới luật* giới trau  
 Như vậy hạnh đức tăng cao sâu dày.  
*Năm chi giới* đủ đầy trọn vẹn  
**Bồ Tát** đây không thẹn với lòng:  
*Một là*, giới *nghiệp* sạch trong  
*Thanh tịnh* căn bản *viên thông* đức lành.  
*Hai là*, những giới *thanh tịnh* khác  
*Quyển thuộc* của giới trước, giới sau.

*Ba, giới giác quán* nâng cao  
 Chẳng có những ác giác nào sanh ra.  
*Bốn, giới niệm* rất là trọng điểm  
 Để hộ trì *chánh niệm* vững vàng.  
*Năm, giới hồi hướng* hoàn toàn  
 Cầu đạo vô thượng *Niết Bàn* liễu viên.  
 Thiện nam tử ! Giới truyền **Bồ Tát**  
 Có hai giới sai khác rõ ràng:  
*Một là, giới thọ thế gian*  
**Bồ Tát** giới ấy còn mang *tánh phàm*.  
*Hai là, giới am tường Chánh Pháp*  
 Trọn chẳng có làm ác lỗi bày.  
 Nếu *thọ giới thế giáo* này  
 Người thọ tha thiết lòng ngay bạch trình  
*Tứ Yết Ma* cho mình *thọ giới*  
 Rồi sau đó ta mới hộ trì.  
 Thiện nam tử ! Phải thấu tri.  
 Lại có hai thứ giới trì khác nhau:  
*Một là, giữ bốn giới quan trọng,*  
*Hai, giới dứt cơ hiểm thế gian :*  
 Như buôn bán có lòng tham  
 Cân lường tráo đấu việc làm bất minh,



Đối gạt người, rẽ khinh mặt sát,  
 Cây thế lực cướp đoạt của tiền,  
 Mưu gian hãm hại nhưn hiền,  
 Phá người thành đạt *phước điền tu tâm*,  
 Thắp đèn sáng mà nằm ngời nghỉ,  
 Lấy của công tự ý tiêu xài.

Không nuôi thú cầm các loài:  
 Voi, ngựa, gà, chó, trâu, nai, lừa, đà,  
 Hoặc khỉ, vượn, hoặc là chim két,  
 Hoặc chim công, chim vẹt hoặc là  
***Chim cộng mạng***, Câu Chỉ La,  
 Cọp, beo, chó sói, chồn, mèo .v.v...  
 Chẳng nuôi chứa đồng nam, đồng nữ,  
 Hoặc nam, nữ người lớn khiến sai,  
 Hoặc cất giấu của phi tài  
 Những vật *bất tịnh* như rày: Chơn châu,  
 Hoặc vàng, bạc, xa cừ, mã não,  
 Hoặc bích ngọc, kha bối, lưu ly,  
 Đồng đỏ, thiết, nhôm, thau, chì,  
 Cho đến chén bát quý thì cũng không.  
 Không mặc áo bằng lông, da thú,  
 Hoặc dự trữ lúa, gạo, bắp, khoai.

Thường ăn một bữa trong ngày  
 Không được quá ngộ phạm sai khinh lờn.  
 Đi *khất thực* tâm thường ít muốn,  
 Hoặc thọ thực biết đủ qua ngày,  
 Chẳng thọ thỉnh thực riêng ai,  
 Rượu thịt cấm hẳn, *tịnh trai* thường hằng,  
 Cho đến vị *ngũ tân* chưa dứt  
 Là phần nhỏ trong *giới luật* đây.  
 Vì thế, thân **Bồ Tát** này  
 Luôn luôn chẳng có tiết bày tanh hôi.  
 Thường được các vị trời kính ngưỡng  
 Hoặc loài người phụng dưỡng *cúng dường*,  
 Tôn trọng *tán thán* chiêu dương  
 Do sự *lợi ích* khôn lường thiên, nhân.  
 Nhận *pháp phục* che thân vừa đủ,  
 Dùng y, bát, *ngọa cụ* thường xài,  
 Trọn chẳng xa lìa đổi thay  
 Cũng như đôi cánh chim bay không rời.  
 Chẳng chứa các giống như : củ, cọng,  
 Mất, hột, trái mầm sống nhưn gian,  
 Không nằm giường rộng cao sang,  
 Chiếu, mền mịn nhuyển, mùng màn gấm hoa.

Không được ngồi lên yên voi, ngựa,  
Trên giường ngủ hai gối để chung,  
Gối cây lộng chạm không dùng,  
Gối màu sắc sỡ cũng không được nằm,  
Chẳng nhìn xem đua voi, đua ngựa,  
Hoặc đua xe, tập trận diễn binh,  
Chẳng nhìn nam nữ tư tình,  
Trâu, bò, chim chóc chổng kình đấu nhau.  
Chẳng được nghe đồn ca xướng hát,  
Bất cứ loại kỹ nhạc nào đây,  
Trừ khi *cúng đường* **Như Lai**  
Ngoài ra nghe thấy phạm sai *giới* này.  
Trợn chẳng xem chơi bài cờ bạc,  
Hoặc coi tướng tốt, xấu vẽ vờ,  
Không bói quẻ, xử quẻ thời,  
Kiết, hung bàn luận cuộc đời ra sao.  
Chẳng ngắm nhìn trời cao tinh tú,  
Trừ khi lúc buồn ngũ giải khuây.  
Không làm sứ mạng cho ai ...  
Nhấn đến vua chúa ép nài thị oai.  
Chẳng đem lời người này thuật lại  
Cho kẻ khác nghe lấy không nên.

Chớ có láo khoét tuyên truyền  
**Thiên cơ huyền** hoặc đảo điên dân tình.  
 Chẳng dua nịnh, mưu sinh bất chính  
 Để nuôi sống thân mạng của ta.  
 Những điều kể trên gọi là:  
*Giới dứt muôn sự lìa xa cơ hiểm.*  
 Hạnh đức của *Đại nguyên Bồ Tát*  
 Luôn *thanh tịnh* đạo đạt giới răn,  
 Như vậy chắc chắn san bằng  
 Những giới tánh trọng lâu dần sạch trong.  
*Thiện nam tử !* Nay ông nghe rõ.  
**Đại Bồ Tát** giới *thọ trì* rồi.  
 - Lại nguyện rằng: Muôn kiếp đời,  
 Thà đem thân mạng vào nơi lửa hầm,  
 Chẳng hủy phạm giới răn lớn, nhỏ  
 Của **Chư Phật truyền thọ** ba đời,  
 Dâm dục với người nữ thời  
 Làm điều *bất tịnh* đời đời ô danh.  
 - Lại nguyện thà cam đành chịu chết  
 Lấy sắt nóng quán hết toàn thân  
 Trọn chẳng dám *phá giới răn*  
 Để *thọ y phục tín tâm* việt đàn.

- Lại nguyện thà nuốt hòn sắt đỏ  
Trợn chẳng dám hủy bỏ giới răn  
Thọ các thực vật uống ăn  
Của *đàn việt* đó tín tâm *cúng dường*.
- Thà chịu ngàn đau thương đâm thủng  
Thân thể này, chẳng *phá giới răn*,  
Thọ thuốn men ở cõi trần  
*Đàn Việt tín thí*, họ dưng hiến nào.
- Thà đem thân nhả vào vạc nóng  
Chẳng bao giờ phá hỏng *giới đàn*  
Thọ phòng nhà của thế gian  
*Tín tâm đàn việt* cúng dưng cho mình.
- Thà dùng chùy sắt đinh đập nát  
Từ đỉnh đầu đến khắp tay chân  
Chẳng đem thân *phá giới răn*  
Thọ sự lễ bái thi ân mọi người.
- Lại nguyện thà trọn đời tăm tối  
Dùng sắt nóng khoét đôi mắt này  
Chẳng nhìn sắc đẹp đắm say  
Làm cho nhớ nhiệm tâm này u mê.
- Lại nguyện thà dùng dùi sắt nhọn  
Đâm thủng vào lỗ tai của mình

Chẳng nghe những thứ âm thanh  
 Lời hay tiếng tốt, gọi tình, điều ngoa.  
 - Lại nguyện thà dùng dao cắt bỏ  
 Lỗ mũi này, chẳng có nhiệm vương  
 Tâm tham ngửi những mùi hương  
 Hủy phạm *giới luật Phật đường quy y*.  
 - Thà dùng dao cắt đi miệng lưỡi  
 Chẳng nhiệm tâm tham nếm vị ngon.  
 Nguyện giữ gìn trọn lòng son  
 Giới điều trong sạch tiêu mòn tội chung.  
 - Lại nguyện rằng thà dùng búa bén  
 Chặt đứt hết thân thể của mình  
 Chẳng để tâm xúc chạm sinh  
 Mọi vật êm dịu phàm tình mê say.  
 Vì những sự trên đây có thể  
 Làm nhà tu ô ố *đọa sa*  
*Địa ngục, súc sanh* hoặc là  
*Nga quỷ* khốn khổ vào ra *tam đồ*.  
 Đây gọi là **Đại Bồ Tát** vậy,  
 Mãi hộ trì cấm giới tinh thông.  
**Đại Bồ Tát** giới trì xong  
 Đều đem *bố thí* cho trong bốn loài,

*Nguyện Chúng sanh* ngày ngày giới định  
 Đặng trọn vẹn *thanh tịnh* tâm này,  
 Giới thiện trải khắp rộng dày,  
 Hoặc giới chẳng thiếu tròn đầy trước sau,  
 Hoặc giới không thể nào phân tích,  
 Giới *Đại thừa* ưa thích giữ gìn,  
 Giới *Bất thối* trọn niềm tin,  
 Giới *tùy thuận* khắp *Chúng sinh* mọi loài,  
 Giới rớt ráo lành thay *chứng đắc*  
 Thành tựu *Ba La Mật* giới đây.  
 Thiện nam tử ! Lại như vậy,  
 Lúc Đại **Bồ Tát** tròn đầy giới *tu*  
 Liền đặng trụ bậc Sơ bất động:  
 Không *tán loạn*, chẳng vọng niệm sai,  
 Chẳng *thối chuyển* tâm đổi thay,  
 Chẳng có đọa khổ như loài *Chúng sinh*.  
 Thiện nam tử ! Chứng minh ví dụ:  
 Núi *Tu Di* kia trụ lâu dài  
 Mặc cho gió bão cuồng quay  
 Không làm sụp đổ hoặc lay chuyển dời.  
 Cũng vậy, Đại **Bồ Tát** *bất động*  
 Tâm chẳng còn sanh vọng *ngũ trần*

Như sắc, thanh, hương .v.v...  
 Tuyệt nhiên *thanh tịnh*, tinh thần lạc an,  
 Chẳng rơi vào ngục đàng, súc vật,  
 Không lui sụt xuống bậc *Thanh Văn*,  
 Chẳng bị **dị kiến** tục trần  
 Mà theo **tà mạng** nuôi thân sống này.  
 Lại **bất động**: Tâm đây chẳng *nhiễm*  
 Sự *tham dục*, *sân hận*, *ngu si*.  
 Lại **bất đọa nghĩa** là gì ?  
 Chẳng bị *bốn tội trọng* nguy vướng vào.  
 Lại **bất thối**: Không nào bỏ đạo  
 Để *hoàn tục* gây tạo *ngiệp mang*.  
 Lại **bất tán**: tâm *tịnh an*  
 Chẳng sợ *ngoại đạo* thế gian vày bừa,  
 Trái nghịch *Kinh Đại thừa Phương Đẳng*  
 Làm tan hoại sức *nhẫn giới* trì.  
**Đại Bồ Tát** không sợ chi  
 Các *ma phiền não* làm suy yếu lòng,  
*Ma ngũ ấm* cũng không làm đọa  
 Nói chung là tâm đã *định an*.  
*Nhẫn* đến *ngôi nơi đạo tràng*  
*Bồ Đề thiên tọa*, *dầu hàng Thiên ma*



Chẳng thể làm *Ma Ha Bồ Tát*  
*Thối chuyển* đạo Chánh giác giữa đàng.  
 Chẳng bị ma chết phá tan  
*Pháp thân* bất hoại kim cang chắc bền.  
 Thiện nam tử ! *Giác viên Bồ Tát*  
 Tu *Thánh hạnh* chứng đạt quả thành.  
 Thế nào *Thánh hạnh* phân rành ?  
 Vì là *tu* chỗ thật hành xưa nay  
 Của **Chư Phật, Như Lai** thọ lãnh  
 Nên gọi là *Thánh hạnh* không sai.  
 Do cố chi **Phật Như Lai,**  
**Bồ Tát** được gọi danh này *Thánh nhưn* ?  
 Vì những bậc này thường siêu xuất  
 Có *Thánh pháp* đệ nhất không hai,  
 Và thường quán các pháp đây  
*Thể tánh* không tịch trong ngoài rỗng rang.  
 Do nghĩa này hoàn toàn liễu đặc  
 Nên gọi là xứng bậc *Thánh nhưn*.  
 Lại có Thánh giới kỷ cương,  
 Thánh định, Thánh huệ chơn thường hiển khai.  
 Lại có *bảy Thánh tài* hiện tại  
 Như : *Tín, giới, tà, quý, đa văn,*

*Trí huệ, xả ly* tục trần,  
 Nên gọi là bậc *Thánh nhơn* siêu phàm.  
 Lại có đủ ***bảy phần Thánh giác***  
 - Nên được gọi là bậc *Thánh nhơn*.  
 Những nghĩa như trên tỏ tường  
 Gọi là *Thánh hạnh* thường thường phát huy.  
 Thiện nam tử ! Là vị **Bồ Tát**  
 Hành *Thánh hạnh* quán sát thân này,  
 Từ đầu cho đến chân tay  
 Biết bao chất *trước* thân này gá nương:  
 Nào tóc, thịt, gân, xương, tỳ, thận,  
 Tim, phổi, gan, túi mật, lông da,  
 Bao tử, ruột non, ruột già,  
 Tiểu tiện, đại tiện tuôn ra hằng ngày,  
 Kế mồ hôi, hoặc đây nước mũi,  
 Hoặc nước mắt, nước miếng dơ bày,  
 Óc, tủy, mủ máu chứa đầy,  
 Mạch lạc chằng chịt trong ngoài gồm ghê.  
 Lúc **Bồ Tát** quay về *quán sát*  
 Những thứ *trước* trên khắp châu thân:  
 Cái gì gọi là *ngã* chằng ?  
 Hoặc là *ngã* thuộc thành phần ra sao ?

Hay *ngã* ở chỗ nào *thường trụ* ?

Cái gì thuộc về *ngã* tỏ bày ?

Lại nghĩ rằng: Xương thân này

Có phải là *ngã* thiệt hay chẳng là ?

Hoặc rời xương ấy ra là *ngã* ?

Thật khó khăn dẹp phá ***ngã*** tình.

Tâm **Bồ Tát** vẫn tự tin

Tập trung *quán sát* tướng hình của xương:

Là xanh, vàng hay dương đỏ, trắng,

Hoặc xanh đen, nhẹ nặng khác sai.

Cũng không phải là *ngã* này,

Vì *ngã* chẳng có phô bày *sắc* xương.

Lúc **Bồ Tát** thường thường *quán sát*

Như vậy diệt *sắc dục* đắm say.

Lại nghĩ rằng: Những xương này

Đều từ *duyên* hợp đủ đầy mà *sanh*.

Xương bàn chân gắn xương mắt cá,

Xương mắt cá gắn xương ống chân,

Nhơn xương ống quyển của thân

Gắn xương đầu gối liền phần với nhau,

Xương đầu gối gắn vào kết dính

Với xương đùi hoàn chỉnh liên thông,

Kế xương đùi gắn xương hông,  
Xương hông tạo dựng bên trong vững vàng  
Cho xương sống, hoàn toàn đứng thẳng  
Nhờ xương sống kết gắn xương sườn,  
Trên xương sống có cổ xương,  
Như xương cổ mới kết xương quai hàm,  
Nơi xương hàm răng nanh mọc đủ,  
Trên phần đầu xương sọ bao quanh,  
Lại như xương cổ cấu thành  
Là chỗ tụ điểm tạo phần xương vai,  
Nhờ xương vai cánh tay kết nối  
Xương cánh tay gắn với bắp tay,  
Do xương bắp tay nối dài  
Liên kết xương của bàn tay đó là ...  
Xương bàn tay gắn qua tất cả  
Xương lóng tay lớn nhỏ chia phân.  
Lúc **Bồ Tát** quán sát thân  
Những xương như vậy từng phần rời ra.  
Liên dứt trừ được ba thứ nhiễm:  
*Một*, hình mạo không *niệm* dục lòng,  
*Hai*, tư thái luôn sạch trong  
Tất cả màu sắc *quán* không có gì,

Ba, tâm thể đoạn ly hình tướng  
 Về chạm xúc ham muốn mịn màng.

Đại **Bồ Tát** quán rõ ràng

Xương màu xanh ấy chói chan tinh tường  
 Thấy cõi đất *mười phương* biến chuyển  
 Đều màu xanh hiển hiện hoàn toàn.

Lúc *quán* xương thấy màu vàng,  
 Màu đỏ, màu trắng ... rõ ràng chẳng sai  
*Quán* như vậy chẳng rày khác biệt  
 Giữa chận mây liền chiếu phát ra  
 Ánh sáng xanh, vàng, đỏ mà  
 Trắng, đen hiện rõ thật là như y.

Mỗi ánh sáng cực kỳ không tướng  
**Bồ Tát** thấy hình tượng **Như Lai**.

Liên hỏi : *Tứ đại* thân này  
 Do duyên *bất tịnh* ở đây tạo thành.  
 Sao lại đặng điều hành đi, đứng  
 Hay nằm, ngồi, cúi, ngược, thấy nhìn,  
 Nháy, thở, buồn, khóc, thất tình,  
 Đắm say *ngũ dục* trà đình ăn chơi,  
 Trong thân này không thời **Chủ tể**  
 Ai sai khiến làm những việc này ?

Vừa hỏi xong, **Chư Phật** đây  
Trong ánh sáng đó phút giây ẩn tàng.  
Kế **Bồ Tát** lại càng suy nghĩ  
Hoặc *thức tâm* đây chỉ *ngã* sao,  
Nên **Chư Phật** biết rõ nào  
Chẳng vì tôi nói *Pháp* trao đạo hằng.  
Lại quán sát *thức tâm* vốn thiệt  
Là thứ đệ *sanh diệt* vô thường,  
Dường như nước chảy không ngừng,  
Cũng chẳng phải *ngã* trụ ứng cảnh trần.  
Lại suy nghĩ *thức tâm* chẳng *ngã*,  
Thời hơi thở là *ngã* hay chẳng ?  
Rồi lại suy nghĩ cho rằng:  
Hơi thở *luân chuyển* trong thân ra vào,  
Là *tánh* gió có nào chẳng khác,  
Do *tứ đại* hợp phát mà ra,  
*Tứ đại* tạo tác thân ta,  
*Đại* nào là *ngã* khó mà hiểu thông,  
*Tánh đại địa* cũng không có *ngã*  
Hay *tánh* thủy, *tánh* hỏa, *tánh* phong,  
Cũng chẳng phải *ngã* đều *không*,  
Do *duyên* hội tụ mới hòng *sanh* ra.

Ví như nhà ảo gia điêu luyện  
 Hay bùa chú biến hiện phép mầu  
 Và cũng như ống Không hầu  
 Tùy theo ý thổi tiếng sầu, buồn, vui,  
 Thân này vốn là nơi bất tịnh  
 Nhờ *nhơn duyên* kết dính tạo thành,  
*Tham dục* chỗ nào lại *sanh*,  
 Bị người mắng chửi ghét ganh giận hờn.  
 Thân *giả hợp* tự dưng bọt nước,  
*Ba mươi sáu chất trước* tanh hôi,  
 Chỗ nào mà lại có thời  
 Lãnh thọ sự nhục trên đời gây ra.  
 Nếu nghe tiếng người kia mắng chửi  
 Bèn suy nghĩ do bởi tiếng gì  
 Mà thành mắng chửi lạ kỳ ?  
 Bởi lòng *vọng chấp* nghĩ suy đong lường,  
 Tiếng mắng chửi, tiếng thương, tiếng ghét,  
 Mỗi mỗi tiếng vốn thiệt âm thanh,  
 Nếu một tiếng chẳng thể thành,  
 Dầu là nhiều tiếng, ác lành có chi.  
 Do nghĩa này tự *tri* tội chỗ  
 Nên chẳng *sanh* tật đố giận hờn

Nếu có người đến tranh đương  
 Cố tình đánh đập trước cơn nguy nàn,  
 Nên *quán* xét rõ ràng cặn kẽ  
 Sự đánh đập này đến từ đâu  
 Mà sao gặp chuyện tai sầu  
 Phải chăng *nghiệp chướng* gieo sâu lâu đời,  
 Thân ta có, nên người mới đánh,  
 Nay cố sao ta lại giận người,  
 Tự thân chuốc lấy lỗi thời,  
 Cũng không trách cứ do người gây nên.  
 Nơn có đích mũi tên bắn trúng  
 Bằng như không tác dụng chẳng còn.  
 Nếu nay không *nhẫn* nơi lòng  
 Thời tâm *tán loạn* khó hòng *trụ yên*,  
 Mất *Chánh niệm*, não phiền dấy khởi,  
 Chỗ *tu hành* không *lợi ích* gì,  
 Nghĩa dữ, lành chẳng thấu tri,  
 Thời phạm việc ác A Tỳ đọa sa.  
 Lúc **Bồ Tát** thật là *quán sát*  
 Như vậy rồi, chứng đạt tinh thông  
*Tứ Niệm Xứ* ngộ nơi lòng  
*Trụ bậc kham nhẫn* thoát vòng trái oan.



Sự *tham dục* thế gian lìa bỏ,  
 Trừ hận sân chẳng có *si mê*.  
 Cũng có thể *kham nhẫn* về  
 Những sự đói khát mọi bề vượt qua,  
 Nào muỗi mòng, tinh tà, gió dữ  
 Hoặc đụng chạm các thứ cứng mềm,  
 Tật bệnh ôn dịch gây nên,  
 Chửi rửa, đánh đập, nhẫn kiên dứt lần.  
 Tất cả *khổ* nơi thân đoạn tận  
 Hay nơi *tâm* cũng đặng rời xa.  
 Vì thế nên mới gọi là  
*Trụ* bậc *kham nhẫn* lợi hòa sâu xa.  
 Ngài **Ca Diếp** nghe qua bạch **Phật**:  
 “Thưa **Thế Tôn** ! Thành thật thứ tha.  
**Bồ Tát** chưa đặng *trụ* mà  
*Chứng* bậc *bất động* thiệt ra thế nào ?  
 Lúc trì *tịnh giới* trau chưa đắc  
 Có *nhơn duyên* gì *phá giới* chẳng ?”.  
 Nghe lời **Ca Diếp** tỏ phân !  
**Thế Tôn** *pháp* độ ân cần mở khai.  
 Thiện nam tử ! Ông nay nghe rõ  
 Khi **Bồ Tát** chưa *trụ* liễu viên

*Chúng* bậc *bất động* nói trên  
 Nếu vì gặp phải *nhơn duyên* hiện bày,  
 Thời có thể *nhơn* đây *phá giới*  
 Cũng là làm ích lợi *Chúng sanh*.  
 Xin **Thế Tôn** giảng nghĩa rành !  
*Nhơn duyên* gì vậy, thật hành ra sao ?  
 Nay *Thiện nam* ! Pháp mầu chơn thiệt.  
 Nếu **Bồ Tát** thấu biết hiểu rằng:  
 Do *nhơn duyên phá giới* răn  
 Có thể *lợi ích* Chúng nhân muôn loài,  
 Cho người tụng kinh này thông thuộc,  
 Biên chép hay sao lược **Chánh Kinh**,  
 Giảng thuyết rộng sâu *quang minh*,  
 Không hề *thối chuyển* đức tin vững bền,  
 Ngôi vô thượng *giác viên* **chứng quả**,  
 Vì thế nên đặng *phá giới* phần.  
 Lúc đó, **Bồ Tát** nghĩ rằng:  
 Ta thà chịu khổ nơi tầng ngục môn  
 Chốn *A tỳ* đọa trong một kiếp,  
 Dưới một kiếp hay hoặc lâu hơn  
 Cần phải làm cho Chúng *nhơn*  
 Một lòng *bất thối* tâm chơn *Bồ đề*.

Do *duyên* này *nguyên* thể *quyết định*  
 Nên **Bồ Tát** phá *tịnh giới* chơn.

Kế đó, **Văn Thù Pháp Vương**  
**Bồ Tát** bạch **Phật** tỏ tường như sau:

“Nếu có **Bồ Tát** nào *nhiếp thọ*  
 Như vậy thì chẳng có trái sai,

Vì làm *lợi ích* muôn loài  
 Mà không *thối chuyển* tâm đây *Bồ đề*  
 Quyết không vì do *duyên* cố ấy  
*Phá giới* mà người bị đọa đày”.

**Phật** khen **Văn Thù** lành thay !  
 Đúng như lời của ông đây trình bày.

**Ta** nhớ thuở lâu dài kiếp trước  
 Nơi *Diêm Phù* **Ta** được phong Vương.

Hiệu là **Tiên Dự** phi thường  
 Nhà vua lại thích phô trương đạo mầu  
*Kinh Đại thừa* cao sâu **Chư Phật**,  
*Tâm* luôn luôn thuần nhất thiện hành,

Không có những sự *sát sanh*,  
**Tham xan**, lãn tiếc lợi danh của đời,  
 Miệng vua thường nói lời *Pháp độ*,  
 Thân vua hay *nhiếp hộ* kẻ nghèo,

Cùng kẻ cô độc nàn eo,  
*Bố thí, tinh tấn* hằng treo gương hiền,  
 Không ngừng nghĩ trí thiền gội rửa,  
 Gột sạch lòng ngày bữa chẳng lời.  
 Thuở đó không **Phật** ra đời,  
 Không bậc *Duyên giác*, không thời *Thanh văn*.  
 Nhà vua cầu đặt gần thiện trí  
 Mong nghe qua **Pháp thí Đại thừa**.  
 Mười hai năm luôn phụng thờ  
*Cúng dường* kính ngưỡng các *Bà La môn*,  
 Những đồ dùng hết lòng cung cấp  
 Chẳng *thối chuyển* dầu gắp khó khăn.  
 Qua khỏi đủ mười hai năm  
 Nhà vua ra lệnh bảo rằng sau đây:  
 “*Bà La môn* các ngài quy hướng  
 Phải *phát tâm Vô thượng Bồ đề*”.  
 Các *Bà La môn* phán phê:  
 “Đại vương nói vậy chẳng hề hiểu thông.  
 Tánh *Bồ đề* là không chỗ có,  
*Kinh Đại thừa* cũng vậy mà thôi.  
 Sao Đại vương muốn cho người  
 Cùng vật chẳng khác đồng thời *hư không*”.

Vua nghe qua trong lòng chẳng hạp  
 Vì tâm thường trọng Pháp *Đại thừa*,  
*Bà La môn* không thích ưa  
 Lại còn hủy báng, vày bừa miệt khinh.  
 Liền truyền lệnh quân binh đem giết  
*Bà La môn* đoạn tuyệt mạng thân.  
 Thiện nam tử ! Có biết chẳng ?  
 Do vì *duyên* đó đức năng ai bì.  
 Kể từ đó trở đi kiếp kiếp  
 Ta chẳng bị đọa chốn *A tỳ*.  
 Nay *Thiện nam tử* thấu tri !  
 Ứng hộ, *nhiep thủ*, *thọ trì*, thích ưa,  
 Trọng *Kinh điển Đại thừa* hết mực  
 Đặng *vô lượng* thế lực khôn lường.  
**Phật** bảo **Ca Diếp** am tường.  
 Là **Bồ Tát** phải rộng đường độ sanh:  
 “Có *Thánh hạnh* là **Tứ Thánh Đế**  
 Nay Ta xin lược kể dưới đây:  
 Khổ, Tập, Diệt, Đạo giảng bày.  
 “Khổ” là tướng của thân này thọ mang  
 Chịu đủ thứ muôn ngàn *ngiệp chướng*.  
 “Tập” là tướng sanh trưởng lâu dài,

“Diệt” là tướng *tịch diệt* này,  
 “Đạo” là tướng của không hai *Đại thừa*.  
 Lại “Khổ” là còn mang hiện tướng,  
 “Tập” có thể chuyển tướng đổi thay,  
 “Diệt” là trừ diệt tướng này,  
 “Đạo” là quyết định năng trừ tướng thân.  
 Lại “Khổ” có ba phần tướng trọng:  
 - Tướng *khổ khổ* sanh vọng khôn ngừng,  
 - Tướng *hành khổ*, thọ đành ứng  
 - Tướng *hoại khổ* diệt mạng căn trời, người,  
 “Tập” là nói *hai mươi lăm Cõi*,  
 “Diệt” là diệt *Tam giới* thoát ra,  
 “Đạo” là *tu tập* sâu xa  
 Đạt giới, định, huệ mới là thành công.  
 Thiện nam tử ! Phải thông mọi lẽ  
*Pháp Hữu lậu* cũng sẽ có hai:  
 Có *nhơn*, có *quả* không sai.  
*Pháp Vô lậu* cũng có hai thứ bày.  
 Có *nhơn*, *quả* xưa nay thường vậy,  
 Không bao giờ mà thấy đổi thay.  
 Quả *hữu lậu* “Khổ” nối dài,  
 Còn *nhơn hữu lậu* tâm đây “Tập” thường,

Quả *vô lậu* là đường “Diệt” tận,  
 Nhơn *vô lậu* “Đạo” đặng viên thành.  
 Thiện nam tử ! Phải rõ rành.  
 Có tám tướng “Khổ” thường sanh trong đời:  
 Sanh là khổ, Lão thời cũng khổ,  
 Bệnh cũng khổ, Tử khổ vô cùng,  
 Ái biệt ly khổ nảo lòng,  
 Oán tắng hội khổ cũng đồng như nhau,  
 Cầu bất đắc khổ đau không được,  
 Ngũ ấm thanh, mạng trước khổ mang.  
 Sanh ra tám thứ khổ nài  
 Gọi đó là “Tập” rõ ràng chẳng sai.  
 Nơi không có nạn tai tám khổ  
 Như vậy là “Diệt” khổ không còn.  
 Mười trí lực đắc hoàn toàn,  
 Bốn vô sở úy vững vàng phát huy,  
 Tứ niệm xứ, Từ, Bi, Hỷ, Xả  
 Đây là đường “Đạo” quả siêu nhiên.  
 “Sanh” là tướng sanh triền miên  
 Phân ra năm loại căn nguyên rõ ràng:  
 Một, mới sanh thân mang yếu ớt,  
 Hai là đến sau rốt hình thành,

*Ba là tăng trưởng chóng nhanh,  
 Bốn là khi mới cấu thành xuất thai.  
 Năm là chủng loại sanh gồm đủ  
 Trong bốn loài hấp thụ khác nhau.*

“Lão” có hai thứ như sau:

*Một là “Niệm niệm lão” mau chóng già,  
 Kế thứ hai là “Chung thân lão”  
 Làm cho người trí não độn ngu.*

Lại cũng có hai thứ như:

*Một, “Tăng trưởng lão” trí mờ lẹ thay,  
 “Diệt hoại lão” thứ hai càng tệ  
 Làm cho người tâm thể mù lòa.*

“Bệnh” do *tứ đại* sanh ra

Nhiều khi nghịch lẫn bất hòa với nhau.

Bệnh cũng có như sau hai loại:

*Một, bệnh thân; hai là bệnh tâm*

Thân bệnh nói chung có năm:

*Một là Thủy đại* hơn trăm bệnh mà;

*Hai, Phong đại; Ba là Hỏa đại;*

*Bốn, tạp bệnh Địa đại* thành hình;



*Năm là khách bịnh phát sinh,*  
 Khách bịnh có bốn giải trình phân ra:  
*Một, vì giúp người mà ta mang bịnh;*  
*Hai, vấp ngã đem đến bịnh sinh;*  
*Ba là sự cố vô tình*  
 Đá lăn, cây ngã ... thân mình bịnh đau;  
*Bốn, quỉ mị nhập vào thân xác*  
 Nên gọi là khách bịnh vô căn.

Tâm bịnh cũng có bốn phần:  
*Một, vui quá độ tinh thần tiêu hao;*  
*Hai, lo sợ tim đau loạn nhịp;*  
*Ba, rầu buồn mất ngủ, biếng ăn;*  
*Bốn, mê si hay tham, sân,*  
***Thất tình, lục dục*** bịnh căn khó trừ.  
 Thiện nam tử ! Lại như thân bịnh  
 Hay tâm bịnh có ba thứ sanh:  
*Một là nghiệp báo* bất lành  
 Hiện tại tạo tác kết thành mà ra;  
*Hai, quá khứ* do ta chẳng biết  
 Việc ác đối vốn thiệt đã gây;  
*Ba, vì thời tiết* đổi thay

Sanh ra các chứng bệnh đây khôn lường.

*Nhơn duyên có lập phương danh tự*

Nên *thọ* bệnh có khác, có sai.

*Nhơn duyên* sanh ra bệnh đây

*Phong đại, Thủy đại, Hỏa bầy, .v.v...*

*Danh tự* là nguyên nhân sưng phổi,

Hay ho hen, tim đập loạn cuồng,

Ở hơi, chậm tiêu, buồn nôn,

Kiết ly, tiêu chảy đề phòng ngừa ngăn.

*Thọ* sai khác: nhức chân, đau mắt,

Hoặc đau tay hay hoặc nhức đầu ...

Đây gọi là bệnh mới, lâu

Không thể kể hết chứng đau *nhơn* loài.

“Tử” là bỏ thân này đã *thọ*,

Bỏ thân này luận có hai phần:

*Một* là đã hết *mạng* căn

Do đó *quyết định* bỏ thân *huyễn* này.

*Hai* là do *duyên* ngoài cấu kết

Chất *mạng* hết cái chết xảy ra.

*Mạng* hết mà chết có ba:

*Một* là *mạng* hết, *phước* ta còn dài.

*Hai, phước hết mạng* đây chưa hết.

*Ba, phước, mạng* đoạn kết cả mà.

*Duyên ngoài* chết cũng có ba:

*Một là* chẳng phải tự ta chết nào.

*Hai, kẻ* khác hại đau mà chết.

*Ba, do* mình kẻ khác tạo gây.

Lại có ba thứ chết đây:

*Một là phóng dật* mạng này lìa xa.

*Hai, phá giới* nên ta mới chết,

*Ba, mạng căn* hoại diệt chóng chầy.

Những gì gọi *phóng dật* đây ?

Tạo ra sự chết giải bày như sau:

Cố hủy báng *Đại thừa Phương Đẳng*

Hay ***Bát Nhã Ba La Tâm Kinh***

Gọi là *phóng dật* hại mình

Muôn đời giết chết *tâm linh* đọa đày.

Những gì gọi *phá giới* mà chết ?

Là phạm giới **Chư Phật** ba đời.

Đây gọi *phá giới* chết thời

Tiểu thay cho một kiếp người *tu thân*.

Những gì gọi *mạng căn* hoại diệt

Mà làm cho sự chết bất an ?

Bỏ thân *ngũ ấm* thọ mang  
 Gọi là hư hoại *mạng căn* lìa trần.  
 Do đây nên gọi rằng sự chết  
 Là rất khổ da diết ai bi.

“*Ái biệt ly khổ*” là gì ?  
 Những vật yêu mến nay thì lìa tan.  
 Vật yêu mến ôm mang gìn giữ  
 Cũng phân ra hai thứ sau đây:  
*Một là ngũ ấm* muôn loài  
 Đến lúc hư hoại phút giây lìa đời,  
*Hai, ngũ ấm* cõi trời hư hoại  
 Hết *phước* thời trở lại hoàn không.  
*Ngũ ấm* mến yêu trong lòng  
 Trời, người *phân biệt* thiệt không thể lường.  
 Đây gọi là “*Ái biệt ly khổ*”  
 Làm cho đời lệ đổ sầu bi.

“*Oán Tắng hội khổ*” là gì ?  
 Sơ lược giải thích *giác tri* tận tường:  
 Tức người chẳng yêu thương nâng đỡ  
 Mà hội họp gặp gỡ cùng ta,

Chẳng yêu thương cũng có ba:  
*Địa ngục, ngạ quỷ*, hay là *súc sanh*,  
 Ba ác thú bất lành như vậy  
 Nếu *phân biệt* hết lại khó lường.  
 Đây gọi là sự oan ương  
 “*Oán Tắng hội khổ*” vẫn vương buộc ràng.

Những gì gọi “*Cầu bất đắc khổ*” ?  
 Xin phân tích chỉ ngộ giải bày.  
 “*Cầu bất đắc khổ*” có hai:  
*Một*, cầu chẳng được như đây ý mình;  
*Hai* là tổn công trình vất vả  
 Mà không đặng kết quả thỏa nguyện.  
 Làm cho tâm trí não phiền  
 “*Cầu bất đắc khổ*” chẳng riêng ai mà.

Những gì gọi “*Ngũ ấm thạnh khổ*” ?  
 Tức *sanh khổ*, *lão khổ* tột cùng,  
*Bệnh khổ*, *tử khổ* nói chung  
 Vua, dân, giàu, khó vẫn đồng như nhau,  
 “*Ái biệt ly*” khổ đau thống thiết  
 Người mình thương vĩnh biệt ly tan,

“*Oán tăng hội*” khổ vô vàn  
 Kẻ mình không thích chung đàng với nhau.  
 “*Cầu bất đắc*” khổ sao nói hết  
 Việc mong cầu không kết quả gì.  
 Đây gọi bảy khổ sâu bi  
 “*Ngũ ấm thanh khổ*” chung quy tám phần.  
 Sanh là gốc nguyên nhân Lão khổ  
 Đến *Ngũ ấm thanh khổ* cùng là ...  
 Thiện nam tử ! Phải hiểu ra.  
 Luận về rốt ráo sự già tướng suy,  
 Tất cả chẳng phải y như vậy.  
**Phật** và cùng hết thấy *Chư Thiên*  
 Một lòng chắc chắn định yên  
 Không có tướng lão ưu phiền thoái suy,  
 Trong loài người ít khi nứt định  
 Kẻ thời có tâm giác, người không.  
 Thiện nam tử ! Phải tường thông.  
*Thọ thân tam giới* thấy đồng gốc *Sanh*,  
 Cho nên *Sanh* cội nành tất cả  
 Của các thân *huyễn* giả hợp tan.  
 Còn già chẳng định hoàn toàn  
 Tùy theo **phước báo** thọ mang ngắn, dài.

*Chúng sanh* hay muôn loài *Tam giới*  
 Do *điên đảo* sanh khởi che mờ  
*Tâm tánh* ngu si đại khờ,  
 Nên lòng tham đắm nường nhờ nơi *Sanh*  
 Mà nhàm lo trưởng thành già chết.  
**Bồ Tát** thời hiểu biết rõ thông,  
 Nên *quán sát giác ngộ* lòng  
 Cội *Sanh* là gốc *khổ* trong muôn loài.  
 Thiện nam tử ! Nghe đây thí dụ  
 Sẽ nhận ra đầy đủ nghĩa trên.  
 Như có người nữ tự nhiên  
 Vào nhà người khác chẳng phiến sợ chi.  
 Người nữ này cực kỳ cao quý  
 Đeo chuỗi ngọc giá trị vô ngần.  
 Chủ nhà thấy lạ hỏi rằng:  
 Nàng tên gì vậy, họ hàng của ai ?  
 Người nữ đáp lời ngay hết mực  
 Thân tôi là **Công Đức Đại Thiên**.  
 Chủ nhà nói thật *hữu duyên* !  
 Rồi hỏi : Nàng đến có nguyên nhân gì ?  
 Người nữ đáp : Bất kỳ tôi đến  
 Chỗ nơi nào đều mến trọng tôi,

Vì tôi cho họ ngựa, voi,  
Vàng, bạc, châu báu cả đời giàu sang.  
Chủ nhà nghe hân hoan hơn hởi:  
“Nay ta được *phước* lớn đó mà  
    Khiến nàng đi đến nhà ta  
Liên đốt hương, rải bông hoa *cúng dường*”.  
Lại thấy ai ngoài đường lấp ló  
Như người nữ đứng ngó nhìn vào  
    Hình dạng xấu xí dường bao  
Áo Xiêm rách cũ, da màu xám đen.  
Chủ nhà hỏi : Nàng tên gì vậy  
Quen với ai sao lại đến đây ?  
    Cô gái liền đáp lời ngay :  
Tôi tên *Hắc ám* xưa nay đến giờ.  
Chủ nhà nói sao tên *Hắc ám* ?  
Bộ dạng cô ai dám mời vào.  
    “Tôi đi đến chỗ nơi nào  
Làm cho nhà đó tiêu hao của tiền”.  
Chủ nhà nghe bèn liền quát mắng  
Bảo rằng là người chẳng chịu đi,  
    Ta sẽ chém chết tức thì  
Sao còn đứng đó cố lý chẳng đi.



Cô gái nói : Ông *si mê* lắm  
Không *trí huệ* còn đắm *tham* giàu.  
Chủ nhà hỏi : Tại gì sao ?  
Chửi ta ngu muội không nào *tuệ căn*.  
Người nữ đáp : Ông *phân biệt* quá,  
*Tham* tiền tài mắt đã mù lòa.  
Nhìn kìa, người đứng trong nhà  
Ông đây có biết ... đó là chị tôi.  
Tôi thường đi chung nơi với chị  
Nếu đuổi tôi thì đuổi chị tôi.  
Chủ nhà nghe qua một hồi  
Vào trong hỏi lại phải thôi vậy không.  
*Công Đức Thiên* thật lòng nói phải :  
Thiệt nó là em gái của tôi,  
Tôi cùng nó đi chung nơi  
Chưa từng một bước xa rời lìa nhau.  
*Tùy duyên* đến chỗ nào cũng vậy,  
Tôi đều làm hết thủy việc lành,  
Còn nó làm việc ác sanh  
Tôi nó tuy nghịch chẳng đành lìa xa.  
Tôi hay làm nhà nhà có lợi,  
Còn nó thì đem tới tiêu hao.

Nếu yêu tôi ngay từ đầu  
Cũng phải yêu nó chẳng nào biệt phân.  
Nếu kính tôi cũng cần kính nó  
Mong rằng ông hiểu rõ điều này.  
Chủ nhà nghe vậy nói ngay:

Nếu có tốt, xấu tôi đây không cần,  
Hai nàng mau rời chân *tùy hỷ*  
Chỗ nơi nào mặc ý cứ đi.  
Lúc đó, hai người nữ thì  
Cúi chào gia chủ đồng qui lui hài.  
Chủ nhà thấy cả hai đi khuất  
Trong lòng vui dạ rất thanh thoi.  
Bấy giờ, lại thấy hai người  
Cùng nhau dắt đến một ngôi nhà nghèo.  
Người nghèo này mừng reo hơn hở  
“Ngỏ ý mời: Hãy ở nhà tôi,  
Từ nay chớ có xa rời  
Ở luôn cũng được di dời nơi đâu”.  
*Công Đức Thiên* cúi đầu rồi nói:  
“Chúng tôi vừa bị người đuổi xua,  
Cớ sao ông chẳng phân bua

Lại còn mời thỉnh cho tôi ở nhà?”.

Người nghèo kia thật thà mới nói:

“Nay nàng tưởng đến tôi tới đây,

Vì nàng tôi kính cả hai

Tốt, xấu thật sự lòng đây không màng”.

Thiện nam tử ! Hoàn toàn như vậy,

**Đại Bồ Tát** *ngộ* thấy thức thời.

Chẳng *nguyện* sanh về cõi trời,

Vì *sanh* có lúc cũng thời *già* suy.

Kể *bệnh*, tử cướp đi sinh mạng

Thế nên người trí sáng lìa xa,

Không chút luyến ái phù hoa,

Phá tan chạm bẫy sanh, già, bệnh mang.

Kẻ *phàm phu* thế gian chẳng biết

Bao lỗi lầm sự thiệt gây ra

Khổ hoạn của kiếp sanh già

Nên họ *tham* luyến vào ra *Sáu* đường.

Thiện nam tử ! Đáng thương đứa nhỏ

*Bà La Môn* chẳng rõ biết gì.

Lúc quá đói nào kể chi

Thấy trong đồng phần quả thì *Am La*

Bèn lượm lấy rất là mừng rỡ,

Người trí thấy liền quả trách rằng:  
 Người là *Bà La môn* chẳng ?  
 Dòng dõi trong sạch tinh thần quý thay!  
 Sao lại lượm trái này như bản.  
 Đứa nhỏ nghe quả mắng nói rằng:  
 Tôi thiệt chẳng lượm để ăn,  
 Muốn đem rửa sạch rồi quăng ném liền.  
 Người trí bảo: “Người điên thì có,  
 Nếu được rồi ném bỏ hay sao,  
 Đáng lẽ chẳng lượm lấy nào  
 Dơ tay, phí sức hãy mau rửa chừa”.  
 Thiện nam tử ! Người xưa khuyên dạy.  
**Đại Bồ Tát** cũng vậy khác nào,  
 Quán xét mọi việc trước sau  
*Sanh* chẳng lãnh thọ, có đâu bỏ lia.  
 Như người trí quả la đứa nhỏ  
 Phải học theo lấy đó làm gương.  
 Kẻ *phàm phu* *Sanh* lại thương,  
 Ghét Già, ghét Chết chung đường khác chi.  
 Như đứa trẻ *ngu si* khờ dại  
 Lượm trái dơ rồi lại ném quăng.  
 Nay *Thiện nam tử* hiểu chẳng!

**Ta** xin thí dụ để răn sửa đời.

Như ngã tư ở nơi đường lớn

Có người đây bày bán thức ăn

Rất ngon hương vị thơm ngán

Đứng trong chậu, bát đầy ngăn nắp mà.

Có người khách từ xa quá đói

Thấy đồ ăn mà hỏi vật gì ?

Người bán nói : Ông mua đi.

Thức ăn này rất lạ kỳ thơm ngon,

Khi ăn vào lại còn tăng lực,

Đặng sắc đẹp hết sức tự nhiên,

Có thể đói khát dứt liền

Và còn đặng thấy *Chư Thiên* tức thì,

Nhưng có điều hiểm nguy duy nhất

Là sẽ chết đánh mất *mạng căn*.

Người khách nghe xong nghĩ rằng:

“Sức mạnh dầu có dần dần hoại suy,

Còn sắc đẹp chẳng gì bền chắc

Không bao lâu cũng ắt lụi tàn,

Thấy *Chư Thiên* nào vinh quang

Ta chẳng muốn chết, không màng thức ăn”

Nghĩ thông rồi hỏi rằng kẻ bán:

Ăn đồ này bỏ mạng lia đời,  
Cớ sao ông bán cho người  
Hay là gạt chúng kiếm lời nuôi thân.  
Người bán đáp : Đại nhân có trí  
Không ai mua thức vị quái kỳ.  
Chỉ có những hạng *ngu si*  
*Tham* ăn chẳng biết xét *tri* thế nào.  
Nên trả giá rất cao quá đắt  
Cốt mong sao sớm đạt *sở cầu*.  
Này *Thiện nam tử* nghĩ sao !  
Là **Đại Bồ Tát** trí sâu hơn người.  
Chẳng *nguyện* sanh cõi trời hưởng *phước*,  
Đặng sắc đẹp sức lực mạnh thêm,  
Hay là mong thấy *Chư Thiên*,  
Kết cuộc “Sanh” chuốc não phiền sầu bi.  
Kẻ *phàm phu* mê si tầm tối,  
*Sanh* chỗ nào cầu lợi riêng ta.  
Vì họ không thấy thân già  
Cuối cùng bịnh, tử đều là như nhau.  
Thiện nam tử ! Khác nào cây độc  
Gốc rễ cùng mủ, vỏ, trái, bông  
Thậm chí đến hạt bên trong

Cũng có thể giết chết xong mạng người.

Tất cả thân hợp nơi *ngũ ấm*,

Nhẫn đến *hai mươi lăm* cõi này,

Không gì tồn tại kéo dài,

*Sanh* là gốc *khổ* không sai bao giờ.

Thiện nam tử ! Ví như tiểu phần

Nhiều hay ít chắc chắn hôi dơ.

Cũng vậy, *thọ* sanh nương nhờ

Đến khi trăm tuổi xương, cơ hoại già

Hay mười tuổi cũng là khổ não,

Có gì đâu mà bảo sướng vui.

Thiện nam tử ! Ví dụ như

Hầm sâu nguy hiểm giữa nơi núi rừng,

Lấy cỏ che miệng hầm khóa lấp,

Bờ bên kia là mạch *Cam lồ*

Nước này hơn chất *Đề hồ*

Người nào được nó uống vô mạnh lành,

Sống ngàn năm chẳng sanh bệnh tật,

Luôn an ổn khoan khoái tinh thần.

Kẻ *tham* muốn cho riêng thân

*Cam lồ* mong được nhọc nhằn kể chi

Chẳng biết sự hiểm nguy đoán trước

Bèn cố chạy lấy nước *Cam lồ*

Bất ngờ sẩy chân ô hô !

Té xuống hầm chết làm mồ cỏ hoang.

Người trí thấu cơ quan nguy ngặt

Nên không đến lấy chất *Cam lồ*.

**Đại Bồ Tát** bậc vĩ mô !

*Tâm* không ngu muội hồ đồ tham lam,

Chẳng muốn nhận thức ăn thượng diệu

Ở Cõi trời hà huống nhưn gian.

Kẻ phạm tâm chẳng than van

Dầu trong *địa ngục* sắt hoàn vẫn ăn,

Huống là được thực phần thượng diệu

Cõi trời, người kham chịu không ăn.

Thiện nam tử ! Rõ nguyên nhân

Những điều thí dụ tỏ phân rõ ràng.

Ngoài ra còn muôn ngàn thí dụ

Nói cả đời chưa đủ hết đâu,

Nên biết thọ sanh nguồn sâu

Thiệt là rất khổ dường bao nhọc nhằn.

Đây là chỗ *Chánh nhân* **Bồ Tát**

*Trụ* nơi **Kinh Đại Bát Niết Bàn**

*Quán sát* sanh là khổ nà



Cội gốc bình, tử chung đàng chẳng hai.  
 Thiện nam tử ! Ông nay nên nhớ.  
**Đại Bồ Tát** *trụ ở Kinh* này  
*Đại thừa Đại Niết Bàn* đây  
*Quán sát* về “Lão” khổ tai thế nào ?  
 Sự già lụn nay đau, mai yếu,  
 Thường ho hen khó chịu nghẹn ngăn,  
 Trí nhớ kém, nhược tinh thần,  
 Không còn nhanh nhẹn, mắt dần mờ xa,  
 Tuổi già hay làm ta mỗi nhọc,  
 Lưng gối dùn, đầu óc biếng lười,  
 Ít nói chẳng khi vui cười,  
 Thường hay mặc cảm sợ người khinh chê.  
 Thiện nam tử ! Luận về sự Lão.  
 Tợ hoa sen đang nở tốt tươi  
 Gặp cơn mưa gió tả tơi  
 Giấy phút tan nát rã rời cánh hoa.  
 Đời người khi tuổi già cùng cực  
 Nó phá hoại sức lực dung nhan.  
 Thiện nam tử ! Như *Quốc vương*.  
 Có một *thần trí* dụng phương rất tài.  
 Lúc bấy giờ, có vua nước địch

Luôn chống cự bất nghịch giao hòa.  
*Quốc vương* truyền lệnh phán ra  
 Sai vị *thần trí* sớm mà khởi binh  
 Bất đặng vua bất minh nghịch lẫn  
 Mang về dân cho trăm mau mau.  
 Cũng vậy, tuổi già càng cao  
 Bất đặng tráng kiện đem dân tử thần.  
 Thiện nam tử ! Tắm thân *huyền* giả  
 Như trục xe đã gãy còn gì,  
 Nào ai dùng nữa làm chi.  
 Cũng vậy, già yếu hoại suy sắp tàn,  
 Dầu có ở thế gian, vô ích  
 Sống như chết chẳng tích sự gì.  
 Này Thiện nam tử *giác tri* !  
 Ví như nhà nọ cực kỳ giàu sang  
 Nhiều của báu bạc, vàng, châu ngọc,  
 Nào Cao lương, gấm vóc lụa là.  
 Nếu bọn cướp vào đặng nhà  
 Thời đánh hết của toàn gia ưu phiền.  
 Cũng vậy, tuổi tráng niên xuân sắc  
 Bị già suy làm giặc cướp đi.  
 Thiện nam tử ! Lại ví như

Người nghèo *tham* muốn bấy chừ giàu sang,  
Mặc y phục mịn màng lụa gấm  
Hay ăn ngon thực phẩm đặc tiền,  
Dầu có hy vọng ước nguyện  
Nhưng không thể được hảo huyền mà thôi.  
Cũng vậy, khi loài người luống tuổi  
Dầu dốc tâm đeo đuổi sự đời,  
Muốn hưởng *ngũ dục* sướng vui  
Mất mờ, gởi mỗi ngậm ngùi khổ đau !  
Như con rùa gò cao sanh trưởng  
Lòng nó thường nghĩ tưởng biển sông.  
Cũng vậy, người đời chẳng thông,  
Tuổi già sức yếu đèo bồng thú vui,  
Những khoái lạc thuở thời trai tráng,  
Nào được gì ... chống nạng dò đường.  
Thiện nam tử ! Cõi *vô thường*.  
Xuân qua, Hạ đến thung đường qua nhanh,  
Mùa Thu tới ngắm nhìn hoa nở,  
Khi Đông tàn lá úa dần thưa,  
Mọi người đều không thích ưa  
Hoàng hôn khuất bóng gió mưa than phiền.  
Cũng vậy, tuổi thanh niên tráng kiện

Giữ sắc đẹp ước nguyện cầu mong,  
Đến khi tóc điểm trắng bông  
Ai cũng nhàm ghét đau lòng tủi thân.  
Thiện nam tử ! Khác chằng cây mía  
Sau khi bị ép hết nước rồi,  
Bả xác tức nhiên bỏ thôi,  
Quăng vào hố rác hoặc phơi bên đường.  
Cũng vậy, lúc thân đương xinh đẹp  
Bị tuổi già o ép nhạt phai,  
Thời không đặng ba thứ này:  
*Một là phủi tóc xuất gia tu hành;*  
*Hai, tìm hiểu chơn Kinh đọc tụng;*  
*Ba là chịu thiên tọa định thân.*  
Thiện nam tử ! Như mặt trăng  
Đêm rằm chiếu tỏ trong ngần sáng khai,  
Ban ngày thời trăng đây không có.  
Cũng như vậy, tuổi nhỏ còn xuân,  
Hình mạo xinh đẹp tướng thân,  
Già nua sức yếu, tinh thần kém suy.  
Thiện nam tử ! Tự tri, tự nghĩ.  
Có nhà vua tài trí hơn người  
Dùng *Chánh pháp* để trị đời

Chơn thật không có dối lừa thần dân,  
*Tâm* thường lo *tu thân bố thí*,  
*Xả* bỏ lòng ích kỷ, *tham, sân*.

Không lâu nước địch xâm lăng,  
 Bôn đào xứ khác mạng thân giữ còn.  
 Dân nước này người trông, kẻ thấy  
 Đều an ủi thương hại vua này.

Nói rằng : Đại vương trước đây  
*Dụng* lấy *Chánh Pháp* để cai trị đời,  
 Chẳng hà khắc giết người vô tội,  
 Thế vì sao trôi nổi chốn này.

Cũng vậy, *Chúng sanh* muôn loài  
 Đã bị già yếu cướp đây trí tài,  
 Thường ca tụng những ngày rực rỡ  
 Thời tráng niên một thuở huy hoàng.

Thiện nam tử ! Hợp rồi tan.  
 Như đèn kia vậy, sáng choang nhờ dầu  
 Khi dầu cạn không lâu đèn tắt,  
 Cõi *vô thường* chẳng chắc, chẳng bền.

Cũng vậy, thân người được yên  
 Nhờ sự tráng kiện bao niên kéo dài  
 Rồi trải qua đến ngày già yếu

Đâu có còn sức chịu bền lâu.  
Thiện nam tử ! Già *khổ* âu.  
Nói không thể hết được đâu bao giờ.  
Như con sông cạn khô hết nước  
Không *lợi ích* giúp được cho đời.  
Cũng vậy, uống thay kiếp người  
Tuổi già héo hắt nụ cười trên môi,  
Chẳng giúp gì cho thời con cháu  
Cứ quẩn lo áo nã buồn lòng.  
Như cây mọc ở bờ sông  
Gặp cơn dông lớn khó hòng trụ yên,  
Ắt phải chịu ngã nghiêng đổ ngã  
Cội gốc tàn tươi tả lá hoa.  
Cũng vậy, đến khi tuổi già  
Cái chết trước mắt chẳng xa với mình.  
Thiện nam tử ! ***Phù sinh*** nhược giả,  
Như sương triều đêm gá đầu cành,  
Sáng ra tan biến mỏng manh,  
Tuổi già *giác ngộ tu hành* khó khăn.  
Như trẻ nhỏ Đại nhân khi thị,  
Già yếu suy thường bị trẻ cười.  
Thiện nam tử ! Hãy *giác* đời

Do những điều dụ vừa rồi kể trên  
 Cùng vô lượng vô biên thí dụ  
 Chẳng thể nào nói đủ hết đâu,  
 Nên biết tuổi già bạc đầu  
 Chịu nhiều bi lụy ngàn sầu thương.  
 Đây gọi là con đường **Bồ Tát**  
 An trụ nơi **Đại Bát Niết Bàn**,  
 Quán sát thân bệnh thọ mang  
 Phải chịu những sự khổ than thế nào ?  
 Ví như gặp một cơn mưa đá  
 Sẽ làm hại lúa mạ ruộng vườn.  
 Cũng vậy, tật bệnh nhiễm vương  
 Có thể phá hoại thân cường tráng đây,  
 Sự an ổn bao ngày sung sướng  
 Khi bệnh mang sầu tưởng lu bù.  
 Ví như người có oán thù  
 Tâm thường sợ sệt, lo rầu bất an.  
 Cũng vậy, khắp thế gian nhơn loại  
 Thường bị bệnh khổ hại lo buồn.  
 Như có một người dân thường  
 Hình dung tuấn tú đường đường oai phong,  
 Vương phi thấy khởi lòng dâm dục

Mật sứ đòi lén lút giao hoan.

Vua bắt được truyền lệnh quan  
Chặt tay, móc mắt thân tàn đuổi đi,  
Giờ xấu xí khác thì hơn trước  
Bị người đời lặn lội rẽ khinh.

Cũng vậy, thân này đẹp xinh  
Chừng khi đau bệnh tướng hình xấu xa.  
Như cây chuối trở ra bắp chuối  
Chẳng bao lâu đến chuối ngày tàn.

Cũng vậy, người có bệnh mang,  
Cái chết chắc chắn thời gian chóng chầy.

Ví như vua đức tài Vương Thánh  
Lúc phát binh dẹp đánh loạn cường,  
Quan tiên phong đi mở đường  
Kế là Vua Thánh thường thường theo sau,  
Cũng như loài Chúa trâu, Chúa ốc  
Hoặc Chúa kiến, Chúa cá dẫn đầu,  
Thời toàn Chúng thủy theo sau  
Không rời dấu bước nối nhau từng đàn.

Cũng vậy, sự chết thường theo sát  
Bệnh khổ không rời dứt thân này.

Thiện nam tử ! Ông biết đây.



Nguyên nhân của bệnh tâm hay lo rầu,  
 Ngày buồn than, đêm sầu bức rức,  
 Không an vui day dứt kéo dài.  
 Như bị giặc cướp tiền tài,  
 Trái nổi hư bể khó rày qua sông,  
 Đều tai hại ở trong cuộc sống,  
 Bệnh làm mất hy vọng ước mơ,  
 Phai tàn nhan sắc tuổi thơ  
 Sức lực suy giảm, đương cơ không còn.  
 Đường tương lai mỗi mòn than tiếc,  
 Dần dần rồi sẽ tuyệt *mạng căn*.  
 Do những điều dụ vừa phân  
 Hoặc nhiều thí dụ khác chẳng nữa mà,  
 Nên biết bệnh rất là khổ não  
 Dành cho trong *lục đạo* Chúng sanh.  
 Đây gọi **Bồ Tát tu hành**  
*Quán sát* bệnh khổ y **Kinh Niết Bàn**.  
 Thiện nam tử ! Là hàng **Bồ Tát**  
 An trụ nơi **Đại Bát Niết Bàn**,  
*Quán sát tử khổ* thân mang  
 Sự chết đốt cháy tiêu tan thế nào ?  
 Như “*Hỏa tai*” không sao chặn được

Nó tiêu diệt lần lượt khắp miền,  
 Chỉ trừ **Cõi trời Nhị Thiên**  
 Và các Cõi khác trở lên khỏi này,  
 Vì thế lực *hỏa tai* có hạn  
 Không thể nào xâm phạm tràn lan.  
 Cũng vậy, sự chết khổ than  
 Hủy hoại tiêu diệt thế gian điêu tàn,  
 Chỉ ngoại trừ là hàng **Bồ Tát**  
 Trụ nơi **Kinh Đại Bát Niết Bàn**,  
 Vì sự chết của nhơn gian  
 Không thể phá hoại *kim cang* chắc bền.  
 Lúc “**Thủy tai**” khởi lên tràn ngập  
 Quả địa cầu phải gặp tai ba  
 Chỉ trừ **cõi Tam thiên** mà,  
*Thủy tai* không thể vượt qua cõi này.  
 Cũng vậy, sự chết làm chìm mất  
 Tất cả trong vạn vật *Chúng sanh*,  
 Chỉ trừ **Bồ Tát tu hành**  
**Trụ nơi Đại Bát Niết Bàn Như Lai.**  
 Như gặp lúc “**Phong tai**” khởi dậy  
 Nó thổi tan hết thủy dương miền,  
 Trừ **cõi Tứ Thiên** trở lên

Không gặp tai ách nói trên an toàn.

Cũng vậy, sự chết làm tiêu mất

Tất cả trong vạn vật *Chúng sanh*,

Chỉ trừ **BỒ TÁT** *tu hành*

Trụ nơi **Đại Bát Niết Bàn Như Lai**. (lay)

Ngài **Ca Diếp** chấp tay bạch **Phật**:

“Thưa **Thế Tôn** ! Sự thật ra sao.

*Cõi Tứ thiên* như thế nào ?

Gió không thổi đến làm chao động gì,

Nước không ngập, lửa thì chẳng cháy ?

**Phật** từ bi giảng giải *Pháp* truyền.

Này *Thiện nam* ! *Cõi Tứ thiên*

Không có *quá hoạn* trụ yên hài hòa

Hoặc trong thân hoặc là ngoại cảnh

*Đại tam tai* không lãnh thọ mang.

*Cõi “Sơ thiên”* có quá nàn

Trong có “*giác quán*”, ngoài còn “*Hỏa tai*”.

*Cõi “Nhị thiên”* có đây *quá hoạn*

Trong có vui, ngoài nạn “*Thủy tai*”.

*Cõi “Tam thiên”* cũng có hai

*Quá hoạn* phải chịu, giải bày sau đây.

Ở bên trong có rày hơi thở,

Tức bên ngoài sẽ có “*Phong tai*”.  
 Cõi “*Tứ thiên*” trong lẫn ngoài  
 Đều không *quá hoạn tam tai* dứt trừ.  
**Đại Bồ Tát** chứng như đạo đạt  
 An trụ nơi **Đại Bát Niết Bàn**  
 Trong ngoài thông suốt hoàn toàn  
 Tất cả *quá hoạn* tai nạn diệt ly,  
 Nên sự chết chẳng gì đến được  
 Tâm *thiên định* đã vượt thế gian.  
 Lại vậy nữa, này *Thiện nam* !  
 Như *Kim Sí Diệu* đại bàng bay xa  
 Có thể nuốt hoặc là tiêu diệt  
 Loài rồng, cá, châu báu. bạc, vàng ...  
 Chỉ ngoài trừ chất *kim cang*  
 Không thể phân hủy hoại tan được nào.  
 Cũng vậy, sự chết đâu tránh khỏi  
 Cho *Chúng sanh* muôn loại thế gian,  
 Chỉ không làm hoại được hàng  
**Đại Bồ Tát** trụ *Niết Bàn Như Lai*.  
 Thiện nam tử ! Lại vậy thí dụ.  
 Như các cây nường trụ ven sông  
 Bất ngờ có trận cuồng phong

Nước dâng ngập lụt ắt hồng ngã nghiêng,  
 Tất cả đều cuốn trôi ra biển  
 Trong tức khắc sẽ biến mất liền,  
 Trừ cây dương liễu vững yên  
 Tuy nó yếu ớt trụ kiên dẻo dai.

Cũng vậy, cả muôn loài hiện diện  
 Đều trôi lăn vào biển tử thần,

Chỉ trừ **Bồ Tát Chánh nhân**

**Đại Niết Bàn** trụ trọn phần an nhiên.

Như thần *Na La Diên* có thể

Hàng phục hết lực sĩ đại tài,

Chỉ ngoại trừ gió lớn đây

Vì gió *vô ngại* không tài nào ngăn.

Cũng vậy, quý tử thần có thể

Hàng phục hết muôn loại *Chúng sanh*,

Chỉ trừ **Bồ Tát viên thành**

Trụ nơi **Đại Bát Niết Bàn Như Lai**.

Vì bậc này ra ngoài *Tam giới*,

Trí *vô ngại tự tại* thanh thoi.

Thiện nam tử ! Như có người

Oán thù buộc chặt sâu nơi tâm hồn,

Nên giả vờ khéo khôn thân thiện,

Chẳng làm cho lộ diện nghi tình,  
 Chờ khi thuận tiện ý mình  
 Ra tay nhanh lẹ cướp sinh mạng liền,  
 Nếu phòng bị ngày đêm chặt chẽ  
 Chẳng lo gì sợ kẻ thù kia.  
 Cũng vậy, sự chết luôn là  
 Nỗi đau chung cả trẻ già, nữ nam.  
 Chỉ không thể hại hàng **Bồ Tát**  
 Trụ vào nơi **Đại Bát Niết Bàn**,  
 Bạc này *giải thoát* phàm gian  
 Chẳng còn *phóng dật* tâm an định *thiền*.  
 Lại vậy nữa, này *Thiện nam tử* !  
 Ví như trời bỗng đổ cơn dông  
 Mưa *kim cương* xuống ruộng đồng  
 Tất cả cây cỏ, núi rừng tan hoang  
 Nhấn cho đến đên vàng, điện các  
 Đều vỡ tan hư nát phút giây,  
 Trừ *kim cương* Chơn bảo đây  
 Không bị hư hoại, chất này vẹn nguyên.

**Cũng vậy,**

Sự chết đều tự nhiên xảy đến  
 Cướp *huyễn* thân yêu mền muôn loài,

Chỉ trừ *kim thân* Như Lai

*Niết Bàn* an trụ ra ngoài *Tam thiên*.

Lại vậy nữa, này *Thiện nam tử* !

Ông hãy nghe thí dụ rõ ràng.

Như *Kim Sí Điểu* cánh vàng

Nuốt sống rồng cá hoàn toàn chẳng sai.

Có loại rồng không tày nuốt được,

Vì rồng này *thọ giới Tam quy*.

Cũng vậy, sự chết cấp kỳ

Nuốt hết mạng sống của thì *Chúng sanh*.

Trừ **Bồ Tát** *tu hành Chánh Định* :

*Không, Vô tướng, Vô nguyện* thành công.

Này *Thiện nam tử* ! Rõ thông.

Như độc của rắn thuộc dòng *Ma La*

Rắn này cắn không tha ai cả

Dầu *thần chú* hoặc có thuốc hay,

Đều không cứu mạng người này

Ngoại trừ được *chú* **Như Lai Phật Đà**

Đó là *A Kiệt Đa* tịnh chú

Thật diệu mầu mới cứu mạng người.

Cũng vậy, sự chết trên đời

Tất cả phương thuốc khó thời cứu qua

Trừ **Bồ Tát Ma Ha** chứng đạt  
 Trụ nơi **Kinh Đại Bát Niết Bàn**.

Lại vậy nữa, hỡi *Thiện nam* !

Ví như có kẻ tấu sàm *vô căn*,  
 Làm nhà vua nổi *sân* tức giận,  
 Phải dùng lời cho đặng dịu dàng  
 Hoặc nhờ Đại thần gián can  
 Hoặc đem châu báu, bạc vàng hiến dâng  
 Mới thoát khỏi tội thân lao lý  
 Mong nhà vua *hoan hỷ* thứ tha.

Sự chết không như vậy mà,  
 Dầu dùng lời nói hiền hòa nhỏ to,  
 Hoặc đem dâng cả kho châu báu  
 Chẳng thoát khỏi *lục đạo luân hồi*.

Này *Thiện nam* tử, hỡi ôi !  
 Luận về sự chết kiếp người bi thương.  
 Đây là chỗ con đường hiểm nạn  
 Không thân bằng, bè bạn giúp nhau,  
 Nẻo tử biệt lắm khổ đau  
 Đi vào chẳng thấy lối nào thoát ra,  
 Không bến đỗ, không nhà nương ngụ,  
 Dầu không đau cũng khó chữa lành,



Nó như giọt sương mong manh,  
 Qua không ai cản, đến nhanh khó dừng,  
 Không phá phách, ghét thương ai cả  
 Mà làm người tâm dạ khổ sầu,  
 Và không phải chổ sắc màu,  
 Xấu xa đến nỗi người sao chẳng nhìn,  
 Nó ở bên thân mình người vậy,  
 Mà chẳng hay không thấy biết gì.

Này **Ca Diếp** ! Ông xét tri.  
 Những điều thí dụ **Ta** thì giảng qua  
 Hoặc cho đến *Hằng hà* dụ khác  
 Nên biết rằng sự thác than ôi !

Gọi là **Bồ Tát** *ngộ* đời  
*Quán sát* “*Tử khổ*” xa rời thế gian.  
 Thiện nam tử ! Là hàng **Bồ Tát**  
 Trụ nơi **Kinh Đại Bát Niết Bàn**  
*Quán sát* chân thật rõ ràng  
 “*Ái biệt ly khổ*” thọ mang thế nào ?  
 Mà có thể gieo sầu muôn loại  
 Như bài *kệ* giảng nói dưới đây:

*Nhơn ái sanh lo*

*Nhơn ái sanh sợ*

*Nếu là sự ái*

*Nào lo nào sợ.*

Vì luyến ái sanh ra sâu khổ

Vì sâu khổ đến chỗ già suy.

Là nói “*Khổ ái biệt ly*”

Sự chết chia cách mất đi mạng này,

Người mình yêu, tâm hay thương nhớ

Vẫn in sâu muôn thuở nào phai,

Khổ sở *vi tế* hiện bày.

Vì ông, **Ta** sẽ giảng khai rõ ràng.

Thiện nam tử ! Kiếp trần tăng trưởng,

Người sống thọ *vô lượng* tuổi qua.

Có *Quốc vương* danh hiệu là:

**Thiện Trụ** cai trị quốc gia thái bình.

Thọ tám muôn bốn nghìn năm chẵn,

Trên dưới đều sống đặng an khương.

Một hôm đỉnh đầu *Quốc vương*

Mọc lên cục bấu lạ thường khó trông.

Thịt mềm nhuyễn như bông vải trắng,

Rồi lần lần bấu đặng lớn ra,

Không làm đau nhức rên la,

Mãn mười tháng đúng thật là lạ thay !

Bướu nứt sanh một trai tuấn tú,  
Vẻ đẹp xinh hội đủ tinh anh.  
Vua vui mừng cho điềm lành  
Đặt tên đứa trẻ **Đảnh Sanh** khác thường.  
Thời gian sau, *Quốc vương Thiện Trụ*  
Đem việc nước giao phó **Đảnh Sanh**  
Thái tử lên nắm quyền hành,  
Rồi rời cung điện non xanh ẩn mình.  
Đến ngày rằm **Đảnh Sanh** thái tử  
Lên ngai vàng nắm giữ non sông.  
Trước tiên tắm gội sạch trong,  
*Trai giới* cấm giữ gìn lòng ngày đêm,  
Nơi phương Đông bỗng nhiên vận chuyển  
Báu **kim luân** bay liệng không gian  
Bánh xe chiếu sáng sắc vàng  
Có đủ tất cả một ngàn cây cặm  
Rồi tự nhiên **kim luân** bay đến  
Chỗ Tân vương làm lễ đăng quang.  
Vua **Đảnh Sanh** chợt nghĩ rằng:  
Từng nghe có vị Tiên nhân nói là  
Nếu như dòng vua **Sát Đế Lợi**  
Đến ngày rằm tắm gội *giới trai*,

Có báu *kim luân* lạ thay!  
Phương Đông bay đến đảo lai cung triều  
Thời nhà vua được nhiều *phước* lớn  
Sẽ đăng làm *Chuyển Luân Thánh Vương*.  
Ta nên thí nghiệm tận tường:  
Tay tả bưng báu, lữ hương hữu cầm,  
Gối bên mặt thành tâm quỳ xuống  
Rồi một lòng khởi xướng nguyện ra.  
Nếu thiệt *kim luân* báu mà  
Thời nên bay khắp *Ta bà* mười phương  
Như *Chuyển Luân Thánh Vương* thuở trước  
Đúng y lời chẳng được trái lòng.  
Nhà vua phát *thệ* vừa xong  
*Kim luân* bay tận *hư không* bầu trời  
Rồi trở về dừng nơi tay tả  
Vua *Đảnh Sanh*, trong dạ mừng thầm  
Biết chắc mình là *Chuyển Luân*  
*Thánh Vương* cai trị cõi trần gồm thâu.  
Sau đó, không bao lâu lại chuyển  
Đại *Tượng bảo* xuất hiện cung tòa,  
Mình trắng như bạch *liên hoa*,  
Xinh đẹp, mạnh mẽ, đôi ngà dài cong

Chấm tới đất thật không thể tưởng.  
 Vua muốn biết *Bạch tượng* thế nào  
 Liền bưng lư hương ngạt ngào  
 Quỳ gối bên hữu nguyện cầu như sau:  
 Nếu thật là báu mẫu *Bạch tượng*  
 Nên bay đi tám hướng, mười phương  
 Như thuở *Chuyển Luân Thánh Vương*  
 Mới đúng *Bạch tượng* phi thường oai phong.  
 Vua *Đảnh Sanh* phát xong lời nguyện  
*Bạch tượng* liền ứng hiện bay đi  
 Mười phương tám hướng kể chi  
 Tận đến mé biển, rồi qui cung triều.  
 Kế đó lại có đây *Mã bửu*  
 Xuất hiện ngay Cửu ngũ đèn vàng,  
 Lông màu xanh mượt mịn màng,  
 Từ đuôi tới gáy màu vàng rờn nguyên.  
 Vua nghi ngờ trước tiên thí nghiệm  
 Mới biết là linh hiển tận tường  
 Hai tay ôm bưng lư hương  
 Quỳ gối bên phải khiêm nhường kính dâng,  
 Rồi phát *thệ* nguyện rằng : Tuyệt hảo !  
 Nếu thiệt là *Mã bảo* linh thần

Thời phải bay khắp cõi trần  
Như thuở phò trợ *Chuyển Luân Vương* hoàng,  
Phát *thệ* xong, thời gian rất gấp  
*Mã bảo* bay đi khắp tám phương,  
Đến tận mé biển cùng đường  
Rồi quay trở lại cung vương ứng châu.  
Kế đó lại không lâu *Nữ bảo*  
Xuất hiện thân tướng hảo tuyệt vời  
Xinh đẹp đệ nhất trên đời  
Mùi *Chiên đàn* tỏa khắp người hương xông,  
Miệng thơm như hương sen ngào ngạt,  
Mắt nhìn xa độ một *do tuần*,  
Tai nghe, mũi ngửi các *căn*  
Cũng không có khác nhãn thần nhìn xa,  
Lưỡi rộng lớn lè ra dài thượt  
Có thể trùm cả mặt của mình,  
Da mịn láng trắng hồng xinh  
Như lá đồng đỏ giống in khác nào,  
Rất thông minh cao sâu *trí huệ*,  
Lời nói ra êm dịu nhẹ nhàng.  
Tay *Nữ bảo* chạm mình vàng  
Liên biết long thể bất an, mạnh lành

Và cũng biết rõ ràng tâm ý  
Của nhà vua suy nghĩ ra sao.  
Kế đó trong cung không lâu  
Tự nhiên xuất hiện *Bảo châu* sáng ngời  
Nó lớn bằng bắp đùi người vậy,  
Màu thuần xanh nhìn thấy trong ngoài,  
Đặt nơi chỗ tối sáng khai,  
Chu vi độ khoảng chừng hai *do tuần*.  
Nếu trời mưa giọt bằng lớn tở  
Như trục xe chẳng sợ thấm đầu,  
Vì thế lực ngọc *Bảo châu*  
Có thể che phủ không sao rơi vào,  
Một *do tuần* trùm bao chẳng ướt  
Người ở trong luôn được ấm thân.  
Sau đó có *Chủ tạng thần*  
Hiện ra cặp mắt sáng ngần rất to  
Nhìn thấy hết những kho châu báu  
Dưới lòng đất rớt ráo rõ ràng,  
Tùy ý vua muốn kho tàng  
Nơi nào thấy có bạc, vàng, trân châu ...  
Vua *Đảnh Sanh* bắt đầu thí nghiệm  
*Chủ tạng thần* linh hiển thế nào.

Ngồi thuyền ra tận biển sâu  
 Vua bảo : *Chủ tạng thần* hầu nghe qua.  
 “Nay Ta muốn ngọc ngà châu báu  
 Số lượng nhiều hãy mau dựng ngay.  
*Chủ tạng thần* lấy hai tay  
 Quậy tung nước biển chỉ vài phút giây  
 Đầu của mười ngón tay liền hiện  
 Mười kho báu dưới biển bày ra”  
*Chủ tạng thần* tâu trình qua:  
 “Tùy ý vua chọn dùng là bao nhiêu,  
 Số còn lại ít nhiều hoàn trả  
 Hãy quăng vào biển cả được chẳng ?”  
 Kế lại có *Chủ binh thần*  
 Thao lược đệ nhất dụng quân tài tình,  
 Điều khiển hết *bốn binh chủng* giỏi  
 Lúc nào cần binh khởi hiện bày,  
 Khi chẳng dùng ẩn mất ngay,  
 Thật là linh động không tài đoán tri.  
 Xứ nào chưa phục quy Vương đế  
*Chủ binh thần* có thể trị an,  
 Xứ nào khi đã qui hàng  
 Trợ sức gìn giữ giang sơn thái bình.



Lúc đó vua *Đảnh Sanh* tự biết  
 Minh đây là chơn thiệt *Thánh Vương*,  
 Bèn bảo các quan nghị thường:  
 “*Diêm Phù Đề* đã an khang mạnh giàu.  
 Nay bầy bấu nhiệm mầu có đủ  
 Cả ngàn vị Vương tử thuận quy,  
 Giờ đây nên làm việc gì  
 Các quan bày tỏ nghĩ suy cách nào?”.  
 Quan nội triều cùng nhau tâu bạch:  
 “*Phất-Bà-Đề châu* ấy phương Đông  
 Còn chưa quy thuận một lòng  
 Đại vương chinh phục sớm hòng tóm thâu”  
 Vua *Đảnh Sanh* gật đầu ưng dạ  
 Cùng *Thất bảo* bay qua *Bà Đề*  
*Dụng Chánh Pháp* vua đổ dề  
 Như dân vui vẻ yên bề dưới trên.  
 Các quan lại tâu, nên chinh phục  
*Cù Đà Ni châu* thuộc phương Tây.  
 Kế đó phải đánh chiếm ngay  
*Châu Uất Đan Việt* chớ chầy trễ lâu.  
 Khi chinh phục ba châu trọn vẹn  
 Vua *Đảnh Sanh* bảo với các quan:

“*Châu Nam Diêm Phù* vững an,  
Cùng ba châu khác hoàn toàn giàu sang,  
Tất cả đều qui hàng tùng phục,  
Nên làm gì trong lúc này đây ?”.

Nghe vua gợi ý mừng thay !  
Các quan tâu bạch lời ngay như vậy :  
*Trời Đạo Lợi* cõi này sống thọ  
Kiếp dài lâu chẳng có buồn phiền,  
An ổn, khoái lạc niên niên  
Thân tướng xinh đẹp, tâm yên thanh nhàn,  
Hơn cõi trần nhơn gian khổ não,  
Cung điện xây bảy báu hoàn toàn,  
Cây phước trời chưa qui hàng  
Đem binh đánh dẹp Thiên bang phục tùng.  
Nghe lời tâu, vua cùng *thất bảo*  
Bay lên đến *trời Đạo Lợi* này,  
Xa nhìn trông thấy một cây  
Màu xanh rất đậm hỏi ngay Đại thần :  
“Là vật gì chắn ngang trước mặt ?”.

Đại thần tâu sự thật đó là:  
“*Cây Ba-Lợi-Chất-Đa-La*,  
Đến kỳ mùa hạ họp hòa *Chư Thiên*

Thường vui chơi hồn nhiên phấn khởi  
 Dưới cội cây **Ba Lợi Đa La**”.

Vua lại trông thấy một tòa  
 Màu trắng dày đặc như là bạch vân,  
 Vua liền hỏi Đại thần thân cận  
 Chỗ đang hiện màu trắng là gì ?.

Đại thần tâu qua tức thì  
 Nơi đó là chỗ cực kỳ *trang nghiêm*  
**Thiện Pháp Đường**, *Chư Thiên* hội họp  
 Bàn việc trời hay cõi nhơn gian.

Bấy giờ, *Đế Thích Đề Hoàn*  
 Biết được sự việc rõ ràng cân phân,  
 Vua *Đảnh Sanh Chuyển Luân Vương* đến,  
 Liền tiếp rước kính mến bình thường,  
 Nắm tay vào *Thiện Pháp Đường*  
 Lên *tòa* an tọa nhẫn nhường khiêm cung.

Hai Vua đây hình dung rất giống,  
 Chỉ đôi mắt nhìn nháy khác nhau.

Vua *Đảnh Sanh* lễ phép chào  
 Trong tâm *vọng niệm* mưu sâu sẵn bày.  
 Nay đến lúc đuổi Ngài *Thiên Đế*  
 Chiếm ngôi trời thay thế **Thiên Vương**.

*Thiên Đế Thích* đã am tường  
 Bình tâm chẳng có lo lường nghĩ suy.  
 Bởi Ngài vốn *thọ trì Pháp nhẫn*  
 Và tụng thuận *Phương Đẳng Đại Thừa*,  
 Thường vì *Thiên Chúng* thích ưa  
 Giảng thuyết *kinh điển* sớm trưa thấm nhuần,  
 Chỉ chưa đạt *lý chân* thâm thúy  
 Chỗ *huyền* sâu *ngộ ý Như Lai*.  
 Do *thọ trì* giảng thuyết bày  
*Đại thừa Phương Đẳng* có *oai đức* dày.  
 Vua *Đảnh Sanh* khởi đây tâm ác  
 Đối *Thiên Đế* nên mất phước duyên,  
 Liền rơi xuống chốn trần miền  
*Diêm Phù Đề* chịu não phiền than ôi !  
 Mãi nhớ tiếc cõi trời *thù thắng*,  
 Lòng chưa nguôi nên chẳng yên vui.  
 Không bao lâu vua qua đời  
 Tiếc công tạo dựng kiếp người uổng thay !  
 Thiện nam tử ! Ông đây có biết  
 Vị *Thiên Đế* thưở trước chính là  
**Ca Diếp Như Lai Phật Đà**  
 Trong thời quá khứ *Ta bà* độ dân.

Vua *Đảnh Sanh* tiền thân **Ta** vậy,  
**Phật Thích Ca** nay lại đắc thành.  
 Thiện nam tử ! Phải hiểu rành  
 “*Ái Biệt Ly*” gốc cội ngành *khổ* đau.  
**Đại Bồ Tát** trước sau nhớ lại  
 Những trường hợp *khổ ái biệt ly*  
 Thuở quá khứ lắm ai bi,  
 Huống là **Bồ Tát** hành y *Kinh* này  
**Đại Niết Bàn Như Lai** chỉ dạy  
 Phải quán sát *khổ ái biệt ly*  
 Trong đời hiện tại thấu tri  
 Không còn ràng buộc những gì riêng mang.  
 Thiện nam tử ! Là hàng **Bồ Tát**  
*Tu hành* theo **Đại Bát Niết Bàn**.  
 Làm thế nào trí minh quang  
*Quán sát* thật kỹ rõ ràng gốc *căn*  
 “*Oán Tắng hội*” phải cần loại bỏ  
 Để không còn *khổ* khó hoành hành.  
**Bồ Tát** này *quán sát* rành  
*Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh*, loài người,  
 Hay *chuyển hóa* cõi trời *thù thắng*  
 Đều có *khổ* “*Oán Tắng hội*” đây.

Ví như có người đêm ngày  
*Quán sát* lao ngục đọa đầy cùm gông  
 Là đau khổ ở trong kiếp sống  
 Nên không còn ý *vọng* nghĩ sai.

Cũng vậy, **Đại Bồ Tát** này  
*Quán sát* thấy rõ năm loài *Chúng sanh*  
 “*Oán Tắng hội*” hợp thành cấu kết  
 Rất khổ sở kiếp kiếp đời đời.

Lại cũng như có một người  
 Sợ kẻ thù đến chỗ nơi ở mình,  
 Hoặc là sợ triều đình truy nã,  
 Bị giam cầm mất cả cuộc đời,  
 Đành bỏ vợ con xa rời,  
 Sản nghiệp bán sạch lánh nơi xứ người.

**Cũng vậy,**

**Đại Bồ Tát** sợ thời *sanh tử*  
 Biển *Ta bà* sóng dữ vô hồi,  
 Nên một lòng quyết trau dồi  
*Sáu Ba la mật* vào ngôi *Niết Bàn*.  
 Đây gọi là những hàng **Bồ Tát**  
 Tu hành theo **Đại Bát Niết Bàn**  
*Quán sát* thực tế hoàn toàn

“*Oán Tăng hội*” khổ buộc ràng bấy lâu.  
 Thiện nam tử ! Thế nào **Bồ Tát**  
 Tu hành theo **Đại Bát Niết Bàn**  
 Quán sát cội gốc sâu than  
 “*Câu bất đắc khổ*” ôm mang trong lòng ?  
 Cầu gọi là cầu mong tất cả  
 Có hai thứ *hành giả* nghe rành :  
 Một là cầu những Pháp lành,  
 Hai, cầu Pháp ác cầu thành tội gây.  
 Cầu Pháp lành mà nay chưa *ngộ*  
 Thời cũng gọi là *khổ* chẳng sai,  
 Pháp ác muốn rời dứt ngay  
 Mà chưa rời được *khổ* thay vô cùng.  
 Đây sơ lược nói chung đại ý  
 “*Ngũ ấm thanh*” khổ lụy muôn vàn,  
 Cũng gọi “*Khổ đế*” thế gian  
 Chúng sanh lăn lộn *Sáu đường* xưa nay.  
 Ngài **Ca Diếp** chấp tay bạch **Phật**:  
 “Mong **Thế Tôn** chơn thật nghĩa bày.  
 Như lời **Phật** vừa thuyết khai  
 “*Ngũ ấm thanh*” khổ nghĩa này có sai”.  
 Vì ngày trước **Như Lai** dạy bảo

**Thích Ma Nam** thấu đáo *căn* nguyên :

Nếu *Sắc* là *Khổ* não phiền

Tất cả sanh Chúng không nên mong cầu,

Người không cầu khổ sầu chẳng có,

Kẻ gượng cầu khổ bó buộc mang.

Lại **Đức Phật** dạy các hàng

Tỳ kheo tu học phải càng nhìn xa.

*Thọ* cũng có phân ra ba thứ:

Như “*Khổ thọ*”, “*Lạc thọ*” và cùng

“*Bất khổ bất lạc*” nói chung,

Ba thứ *thọ* ấy, ghi lòng từ nay.

Lại lúc trước **Như Lai** giảng thuyết

Các Tỳ kheo nên biết rõ rành :

Nếu người nào quyết *tu hành*

Nường theo tất cả Pháp lành giới trau

Thời đặng hưởng dưỡng bao *thọ lạc*.

Lại có khi **Đức Phật** dạy rằng:

“Ở trong đường lành *sáu căn*

Lãnh *thọ sáu cảnh* tinh thần vui thay !

Mắt thấy sắc đẹp đây *hoan hỷ*,

Tai. mũi, lưỡi, thân, ý *niệm* sanh

Suy nghĩ đến các Pháp lành



Cũng đều như vậy, đạt thành niềm vui.

**Đức Phật** từng nói bài kệ cú

Nghĩa sâu rộng đầy đủ dưới đây :

*Tu hành trì giới trọn thời vui  
Thân chẳng còn mang thọ khổ đời  
Ngủ nghỉ tâm an trong Chánh Định  
Đúng giờ thức dậy cõi lòng vui.*

*Lúc nhận lấy y thực cúng dường  
Kinh hành, đọc tụng Chánh Kinh thường  
Ở riêng rừng núi chuyên tu tịnh  
Như vậy rất vui thọ lạc thường.*

*Đối với Chúng sanh rộng nguyện sâu  
Ngày đêm tu tập lòng từ trau  
Nhơn đây tâm đặng thường vui vẻ  
Vì chẳng hại người khác khổ đau.*

*Ít muốn, dạn lòng biết đủ vui  
Học hành rộng biết trí thường vui  
A La Hán tâm không chấp trước*

*Cũng gọi đó là thọ lạc vui.*

*Các hàng **Bồ Tát** quyết tu hành  
Rốt ráo đến bờ kia rất nhanh  
Những việc đã làm xong **thệ nguyện**  
Vui thay ! Đạo quả toại viên thành.*

**Thế Tôn** ! Trong các bộ **Kinh**  
Tướng vui luận giải lý tình như nhau.  
Sự tương ứng lẽ nào khác biệt  
Với nghĩa của **Phật** thuyết hôm nay? ”.

**Phật** khen **Ca Diếp** lành thay !  
Lành thay ! Ông khéo *biện tài* rất hay.  
Có thể hỏi **Như Lai** ý thú  
Những nghĩa trên dẫn dụ chẳng sai.  
Này *Thiện nam tử* nghe đây !  
Nói chung hết thấy muôn loài *Chúng sanh*  
Đối sự *khổ* hạng loài hạ, tưởng  
Cho rằng là sung sướng vui thay.  
Vì thế cho nên **Như Lai**  
Nói tướng *khổ* đó chẳng rày khác sai.  
*Pháp* ngày trước ta đây đã thuyết

Nhớ xét *tri* chơn thiệt nghĩa này.

**Ca Diếp Bồ Tát** chấp tay:

Bạch **Phật** ! Chỉ dạy tôi nay vâng lời.

Đối sự *khổ* hạng loài hạ tiện

Lầm tưởng cho toại nguyện vui thay.

Thời sanh, lão, bệnh, tử đây

Hạng hạ cho đó vui lây khác nào,

*Ái biệt ly* và *câu bất đắc*,

*Oán Tắng hội* hay hoặc như là

*Ngũ ấm thanh* đáng lẽ ra

Những sự *khổ* ấy nên là có vui.

Bạch **Thế Tôn** ! Sanh loài hạng hạ

Là *địa ngục*, *ngạ quỷ*, *súc sanh*,

Sanh hạng trung được *phước* lành

Là người nếu biết *tu hành* đến nơi,

Sanh hạng thượng cõi trời *phước* lớn

Sự *thọ* vui tốt hơn cõi trần.

Nếu lại có người hỏi rằng:

“Nơi sự vui *thọ* thật chơn hoàn toàn,

Hạng hạ cho khổ nản bó buộc

Chẳng có gì là được vui thay.

Trong sự vui hạng trung này

Tưởng cho là chẳng có rày khổ, vui.  
 Trong sự vui cõi trời hạng thượng  
 Thân tâm tưởng vui sướng làm sao,  
 Thời phải trả lời thế nào  
 Để được sáng tỏ nghĩa mâu liễu thông ?.  
**Thế Tôn** ! Nếu ở trong sự *khổ*  
 Hạng hạ, tưởng cho đó là vui,  
 Vì chưa từng thấy có người  
 Bị phạt ngàn *trượng* tâm vui đặng nào,  
 Lúc mới đánh *trượng* đầu mà đã  
 Tâm tưởng vui thật quả là điên.  
 Nếu bị đánh *trượng* đầu tiên  
 Chẳng tưởng vui sướng, tâm *phiền não sân*,  
 Thế sao lại nói rằng trong *khổ*  
 Hạng hạ, tưởng cho có chỗ vui ?”.  
**Phật** bảo **Ca Diếp** đúng rồi  
 “Phải lắm ! Phải lắm ! Như lời của ông.  
 Do nghĩa này nên không có *tưởng*  
 Cho là mình đặng hưởng sự vui  
 Vì như người tội kia thời  
 Bị phạt ngàn *trượng* chẳng vui chút nào,  
 Khi bị đánh lần đầu một *trượng*

Liên được tha vui sướng muôn phần.  
 Vì thế nên phải biết rằng  
 Sự vui không có, lại lầm tưởng vui”.  
 Ngài **Ca Diếp** ngộ lời **Phật** dạy  
 Bạch **Thế Tôn** ! Nghĩa ấy rộng sâu.  
 Chẳng vì bị đánh trượng đầu  
 Mà sanh vui dạ lẽ nào vậy chẳng ?  
 Chính được tha là nguyên nhân đó  
 Mới sanh lòng hớn hởi vui thay !  
 Thiện nam tử ! **Đức Như Lai**  
 Thương đời mê muội giáo bày *Pháp môn*.  
 Nên ngày trước **Thế Tôn** có dạy  
*Thích Ma Nam* người hãy xét qua  
 Trong *ngũ ấm* của thân ta  
 Mọi sự cảm xúc cũng là có vui,  
 Lời nói đó, là lời nói đúng,  
 Thiệt chẳng phải *hư vọng* gì đâu.  
 Nay *Thiện nam tử* nghe nào.  
 Có ba thứ *thọ* khác nhau hoàn toàn  
 Và ba *khổ* nhơn gian chung chịu  
 Phải xét *tri* thấu hiểu điều này.  
**Ba thọ** phân tích dưới đây:

*Một là lạc thọ* nhưn loài có vui,

*Hai, khổ thọ* trời, người khó thoát,

*Ba, bất khổ bất lạc thọ* đây.

**Ba khổ** giải rõ như vậy:

*Một là khổ khổ* không ngày nào vui,

*Hai, hành khổ* kiếp người trói buộc,

*Ba, hoại khổ* mạng trước thân mang.

Này *Thiện nam tử* ! Rõ ràng,

*Khổ thọ* gồm đủ hoàn toàn có ba:

*Một, khổ khổ*; *Hai là hành khổ*;

*Ba, hoại khổ* là chỗ tốt cùng.

Hai món thọ kia nói chung

*Hành khổ, hoại khổ* thật không thể lường.

Do đây nên trong đường *sanh tử*

Có *lạc thọ vọng tưởng* cấu thành.

**Đại Bồ Tát** quán sát rành

Tánh *khổ, tánh lạc* cùng sanh chẳng rời,

Nên nói rằng ở nơi vui, khổ

Tất cả đều là chỗ khổ đau.

Này *Thiện nam tử* trước sau

*Sanh tử* vốn thiệt không nào có vui,

Vì **Chư Phật** hiện nơi *thế tục*

*Tùy thuận* người nên nói là vui.

**Ca Diếp Bồ Tát** tiếp lời !

**Thế Tôn ! Chư Phật** ba đời minh quang.

Nếu *tùy thuận* thế gian mà nói

Thời là có hư dối hay chẳng ?

**Như Lai** từng đã nói rằng

Người tu *Chánh Pháp* siêng năng thực hành

Thời thọ *quả báo* lành vui hưởng,

Sẽ mòn tiêu *nghiệp chướng* lần lần.

*Trì giới* an vui mạnh thân

Chẳng còn thọ khổ, cảnh trần thông dong,

*Nhẫn* đến việc làm xong mọi chuyện

Đây cũng là toại nguyện vui thay !

Lời nói thọ vui xưa nay

Trong các *Kinh điển* giáo bày còn ghi.

Như vậy, chùng có khi *hư vọng* ?

Nếu *hư vọng* thời chẳng nói là

**Thế Tôn ! Ứng Cúng ! Phật Đà !**

Trong vô lượng kiếp *Hằng hà* trải qua

*Đạo Bồ Đề Phật Đà* chứng đắc

Nên lời nói chơn thật không sai.

Vì sao **Thế Tôn** hôm nay

Nói ra ý nghĩa chẳng hay thế nào ?  
 Thiện nam tử ! Trước sau như vậy,  
 Lời **Thế Tôn** chẳng thấy khác nhau.  
 Như các bài *kệ* vừa trao  
 Luận về *thọ lạc* trước kia chính là  
 Cội gốc *đạo* sâu xa *vô thượng*  
 Để có thể *trưởng dưỡng* về sau  
 Tự thành *quả vị* tối cao  
*Chánh đẳng chánh giác* diệu mầu *quang minh*.  
 Do nghĩa đó các *Kinh* trước nói  
 Tướng *thọ lạc* chẳng đối *vọng mang*.  
 Ví như ở trong thế gian  
 Đời sống cần có bạc, vàng, ngựa, xe,  
 Hoặc quần áo, lụa the gấm vóc  
 Hoặc nhà cửa, gạo thóc .v.v...  
 Lúc lạnh được mặc ấm thân,  
 Lúc khát được nước, đói cần thức ăn.  
 Như nữ sắc gói chần chung chạ,  
 Như rượu uống thỏa dạ cuộc vui.  
 Giàu sang dư của ăn chơi,  
 Nghèo hèn túng quẫn cả đời chạy đôn.  
 Vui hay khổ không tồn tại được



Trăm năm rồi hết *phước* xuôi tay.  
 Nói chung tất cả muôn loài  
 Sự vui giả tạm không ngoài khổ đau.  
**Đại Bồ Tát** hãy mau *quán sát*  
*Tám điều khổ* thấu đạt thắm nhuần  
 Nên không bị *khổ* hành thân  
*Tự tại vô ngại* tinh thần lạc an.  
 Thiện nam tử ! Là hàng *Duyên Giác*  
 Hoặc *Thanh Văn* chưa đạt nghĩa sâu  
 Chẳng biết như sự vui cầu  
 Nên **Ta** vì họ pháp mầu mở khai.  
 Trong sự *khổ* của loài hạng hạ  
 Nói có vui vẹt phá lưới nghi,  
 Chỉ bậc **Bồ Tát** thực thi  
*Đại thừa* ứng trụ vô vi *Niết Bàn*  
 Thấu biết đặng rõ ràng mọi lẽ  
 Sự khổ, vui cạn kẽ cạn sâu.  
 Nay *Thiện nam tử* ! Thế nào,  
 Là **Đại Bồ Tát** đức cao *tu hành* ?  
**Đại Niết Bàn** quán rành “*Tập Đế*”  
 Rõ thông về cội rễ *căn* nguyên  
 Thân *ngũ ấm* như làm duyên

Tạo ra vui, khổ triền miên trong đời.

“Tập” nghĩa là chẳng rời ái luyến

*Chấp* nơi *hữu* thân *huyễn* của ta.

“Ái” có hai thứ như là:

*Một* là ái chẳng muốn xa thân mình;

*Hai* là ái dục tình sanh khởi,

Tham nữ sắc, danh lợi, tiền tài.

Lại có hai thứ sau đây:

Năm thứ *dục lạc* mê say loạn cuồng,

- Lúc chưa được tâm luôn cầu được,

- Khi được rồi *chấp trước* ôm mang.

*Tam* giới ***ba ái*** buộc ràng

Nên còn *sanh tử* lăm than khổ sâu:

- Cõi hạ giới *tham* cầu ***dục ái***

Mong muốn rằng trở lại làm người,

- Cõi trung giới *dục ái* rời

Nhưng còn ***sắc ái*** chấp nơi tướng hình,

- Cõi thượng giới dục tình, sắc đoạn,

***Vô sắc ái*** tâm tưởng chưa lìa.

Lại có ba thứ ái là:

“*Nghiệp*” *nhơn duyên* ái sanh ra chất chồng,

*Hai*, “*Phiền não*” do lòng *tham ái*,

*Ba*, “*Khổ*” do ái luyện tạo gây.  
 Cho đến người *xuất gia* đây  
 Có bốn thứ ái thường ngày thích ưa:  
*Một*, y phục chọn vừa ý muốn;  
*Hai*, uống ăn tham chuộng vật ngon;  
*Ba*, giường nằm phết vàng son;  
*Bốn* là tấm bổ thuốc thang mãi hoài.  
 Lại *tâm* còn mê say đủ thứ  
 Đồ cần dùng bất cứ nơi nào  
 Tùy chỗ nghe đến tìm cầu  
*Phân biệt* tốt, xấu *tâm* đâu nghĩ dừng.  
 Thiện nam tử ! Con đường *tu tập*  
 Mà ta thường bắt gặp hằng ngày.  
 Ái cũng có hai thứ đây:  
*Một* là “Thiện ái” ít ai thực hành,  
*Hai*, “Bất thiện ái” *Chúng sanh* tạo tác  
 Người *ngu si* làm ác nhiều hơn.  
 Các vị **Bồ Tát** tâm thường  
 Cầu nơi Thiện ái rộng đường độ sanh.  
 Thiện ái lại phân rành hai loại:  
*Một*, *bất thiện*; *Hai*, **thiện** trọn lành.  
 Cầu Pháp *Nhị thừa* tu hành

Gọi là *bất thiện* chưa thành **Như Lai**.

Người *câu Pháp* không hai *Phương Đẳng*

Gọi là *thiện* trọn chẳng hề sai.

Thiện nam tử ! Lại như vậy,

Phàm phu *ái dục* tâm đây *tham* cầu

Gọi là “Tập” không nào gọi “Đế”

Cần thấu hiểu vai, vế khác nhau.

Sự ái **Bồ Tát** lớn lao

Gọi là “*Thật Đế*” nghĩa sâu nhiệm mầu,

Chẳng gọi “Tập” vì sao phân giải.

Vì **Bồ Tát** muốn *Đại nguyện* thành

Nên mới *thị hiện* thọ sanh

Cứu độ muôn loại *Pháp* lành rải ban.

Chẳng phải lòng còn mang *tham ái*

Mà **Bồ Tát** trở lại trần ai.

**Ca-Điếp Bồ Tát** chấp tay,

Bạch **Phật** thưa hỏi **Như Lai** thế này:

Trong các *Kinh* khác đây **Phật** dạy

Vì *Chúng sanh* giảng giải rõ ràng

Nói *nghiệp* làm *nhơn duyên* sanh

Cho nên gây tạo kết thành khổ đau,

Hoặc nói sự cống cao *kiêu mạn*,

Nói *lục xúc* mê mẫn *lục trần*,  
 Hoặc nói *vô minh* làm *nhân*  
 Mà có *ngũ ấm* tướng thân muôn loài.  
 Do ý gì hôm nay **Đức Phật**  
 Giảng nói *bốn Thánh đế* khác riêng  
 Lấy “*Ái*” làm sự *nhơn duyên*  
 Cho thân *ngũ ấm* căn nguyên thế nào ?  
**Phật** khen lời cao sâu **Ca-Diếp**.  
 Quý quá thay ! Nghĩa thiệt rộng hàm.  
 Các *nhơn duyên* chẳng phải làm  
 Và cũng chẳng phải do *nhơn duyên* gì,  
 Tất cả do chỉ vì *năm ấm*  
 Cần phải *nhơn* nơi *ái* mà ra.  
 Như Vua tuần du đi xa  
 Tháp tùng có các quan nha theo hầu.  
 “*Ái*” đi đến chỗ nào cũng vậy,  
 Các *Kiết sử* đều phải đi theo.  
 Như y phục thấm mồ hôi  
 Bụi bay bám dính chẳng rời lìa xa,  
 Chỗ nào có “*Ái*” là đều vậy,  
 Những *nghiệp* kết tụ lại một nơi.  
 Ví như đất nọ ướn thời

Làm cho cỏ mọc đâm chồi rất nhanh.  
 Cũng vậy, “Ái” thọ sanh gây tạo  
 Những mầm *nghiệp phiền não* sinh sôi.  
 Thiệt nam tử ! Ý thức thời.

Là **Đại Bồ Tát** trụ nơi *Đại thừa*  
**Đại Niết Bàn** thường ưa *quán sát*  
 “Ái” này có chín thứ khổ tai:

*Một*, như người thiếu nợ vay;  
*Hai*, lấy vợ *La Sát* không ngày an thân;  
*Ba* là ở trong cành hoa đệp  
 Luôn luôn có rắn độc hại nhân;  
*Bốn*, có độc trong thức ăn  
 Kẻ ngu chẳng biết mất thân lia đời;  
*Năm* là yêu nhầm người dâm nữ;  
*Sáu* là như hột **Ma Lô Ca**;  
*Bảy* là mụn thọt thúi da;  
*Tám*, như gió bão cửa nhà tiêu hao;  
*Chín* là gặp khi sao Chổi mọc  
 Thiên hạ loạn chết chóc, đói đau.

Như thiếu nợ là thế nào ?  
 Kẻ nghèo vay mượn người giàu tiền nong,

Dầu đã trả, chưa xong hết nợ,  
 Nên ngày đêm lo sợ khổ tâm.  
 Do đó bị kiện giam cầm  
 Tù đầy vì bởi nợ làm mà ra.  
 Hàng *Thanh Văn* hay là *Duyên Giác*  
 Còn **tập khí** bao kiếp thừa dư  
 Nên chẳng **chứng ngộ** chơn như  
 Vô thượng *đạo quả* đại từ, đại bi.

Thế nào lấy vợ là *La sát* ?  
 Như có người cưới gái yêu tinh  
**Quý** La sát làm vợ mình,  
 Loại này chẳng kể thâm tình phu thê,  
 Khi sanh con không hề thương tiếc  
 Ăn thịt con, rồi giết hại chồng.  
 “Ái” cũng như vậy nảo lòng,  
 Dầu người thiện phước chẳng hòng buông tha,  
 Ăn *thiện căn* dần dà mất hết,  
 Nuốt mạng người đến chết mới thôi,  
 Làm cho phải chịu *luân hồi*  
*Súc sanh, ngạ quỷ, đọa* nơi *A tỳ*.  
 Chỉ ngoại trừ các vị **Bồ Tát**

*Công đức cao chứng đắc Pháp thân.*

Trong cảnh hoa đẹp tuyệt trần  
 Có rắn độc quấn hại nhân thế nào ?  
 Nếu như người thích ham hoa đẹp  
 Chẳng nhìn thấy rắn độc trong hoa,  
 Liền dùng tay ngắt cành hoa  
 Bị rắn cắn chết thật là uổng thân.  
 Tất cả chúng phàm nhân ngu dốt,  
 Vì tham đắm *ngũ dục* mê say,  
 Chẳng thấy độc của “Ái” này  
 Nên bị độc *ái* hại rày mạng vong,  
 Sau khi chết *đọa* trong đường ác.  
 Chỉ ngoại trừ **Bồ Tát** *Thánh nhân*.

Vật thực có độc cố ăn  
 Thế nào ? Nay được rộng phần tỏ phân.  
 Như có người cố ăn vật thực  
 Ở trong chứa cực độc chết người,

Ăn xong đau bụng tức thời  
 Thổ tả mà thác cuộc đời uổng thay !



Chúng sanh hay muôn loài *ác đạo*  
 Không *trí huệ* thấu đáo tận tường,  
 Vì *tham ái* chịu đau thương  
*Trầm luân đọa lạc* ba đường khổ nguy.  
 Chỉ ngoại trừ các vị **Bồ Tát**  
 Chỗ *tu hành chứng đắc* huệ sâu.

Hỏi *dâm nữ* là thế nào ?  
 Như người ngu nọ vùi đầu mê say  
 Tư thông với hạng loài *dâm nữ*  
 Chỉ thương yêu chót lưỡi đầu môi,  
 Thường đối phỉnh cốt gạt người  
 Đoạt hết tiền của cuộc đời trắng tay.  
 Cũng vậy, người ngu này thiếu trí  
 Nên đắm mê ái lụy khổ hình,  
 Mất căn lành bởi *vô minh*,  
 Sa vào đường ác tâm linh *đọa* đầy.  
 Chỉ ngoại trừ các ngài **Bồ Tát**  
*Đắc đạo* mau *giải thoát ái hà*.

Thế nào hột *Ma Lô Ca* ?  
 Chim ăn hột ấy tiện ra bên ngoài

Gặp gió thổi rơi ngay xuống đất  
 Mọc thành dây quấn chặt cây to  
 Làm cho cành lá héo khô  
 Dần dần đến chết, cơ hồ uổng thay !  
 Cũng vậy, người đời nay *tham ái*  
 Nên làm cho hủy hoại *Chánh nhân*,  
 Các *pháp* lành chẳng trưởng tăng  
*Nhẫn* đến khô diệt *thiện căn* của mình,  
 Khi *mạng chung* thác sinh đường ác.  
 Chỉ ngoại trừ **Bồ Tát** đức cao.

Thịt thú trong nhọt thế nào ?  
 Nay **Ta** giải thích đời sau hiểu rành.  
 Như có người bệnh sanh nhọt độc,  
 Trong nhọt đầy mũ thúi nhức đau,  
 Nếu chẳng chữa trị kịp mau,  
 Nhiễm trùng có thể không lâu mạng lìa,  
*Ngũ ấm* của muôn loài cũng vậy,  
*Ái* sinh ra hết thảy bệnh căn.  
 Do đó phải nên siêng năng  
 Điều trị *tham ái* sáu trần đoạn ly,  
 Không điều trị ắt nguy mạng bạc

Chết *đọa* vào đường ác khổ nguy.  
 Chỉ trừ **Bồ Tát** các vì  
*Thánh nhân đắc đạo* dứt đi ái lìa.

Như gió bão, núi kia sạt lở  
 Nào ruộng vườn, nhà ở hoang tàn.  
 Cũng vậy, *tham ái* thọ mang  
 Sanh tâm bất hiếu phụ phàng mẹ cha,  
 Làm ngã trốc tòa nhà *vô thượng*,  
 Cội *Bồ đề* trưởng dưỡng lung lay  
 Của các ông như Đức Ngài  
**Xá Lợi Phất** đủ trí tài .v.v...

Chỉ ngoại trừ *Thánh nhân* **Bồ Tát**  
*Nhứt thiết trí* chứng đạt đạo mầu.

Như Sao Chổi là thế nào ?  
**Ta** nay nói rõ về sau cho đời.  
 Lúc Sao Chổi bầu trời đêm mọc  
 Trong thiên hạ chết chóc loạn ly,  
 Họa tai dịch bệnh cùng nguy,  
 Mùa màng thất bát, biển di tang điền.  
 Cũng vậy, *ái* làm *duyên* sanh thọ,

Mọi khổ sâu do đó mà ra.  
 Diệt hết *căn* lành của ta  
*Phàm phu* cùng cực thật là đáng thương.  
 Bệnh *phiền não* vấn vương bám giữ  
*Lưu chuyển* trong *sanh tử sáu đường*  
*Luân hồi* chịu mọi tai ương.  
 Chỉ trừ **Bồ Tát** *Chơn thường* vững an.  
 Thiện nam tử ! Là hàng **Bồ Tát**  
 Trụ vào nơi **Đại Bát Niết Bàn**.  
*Quán sát* *tham ái* rõ ràng  
 Có chín thứ chịu khổ nản xưa nay.

Do ý nghĩa trên đây *giác ngộ*.  
 Hàng *phàm phu* có chỗ khổ đau,  
 Nhưng không có *đế* dạng nào  
 Hãy nên hiểu rõ cao sâu nghĩa này.  
 Hàng *Nhị thừa* có đây *khổ đế*  
 Mà không có *chơn* thật khổ đau.  
 Các vị **Bồ Tát** trí sâu  
 Hiểu *khổ* rất ráo khổ nào vương mang.  
 Cho nên có hoàn toàn *Chơn đế*  
 Vì khổ *căn* gốc rễ đoạn trừ.

Hàng *phàm phu* nghiệp ác dư  
 Dù có *tu tập* chưa trừ *nghiệp* xong.  
 Nên có Tập mà không có Đế  
 Bởi *vô minh* gốc rễ sâu dày.  
 Hàng *Thanh Văn, Duyên Giác* đây  
 Có Tập, *Tập* để đủ đầy cả hai.  
 Còn những vị đức tài **Bồ Tát**  
*Quán* hiểu Tập thấu đạt cội ngành  
 Nên không có Tập sự hành  
 Mà có *Chơn* để trọn lành sâu xa.  
 Hàng *Thanh Văn* hay là *Duyên Giác*  
 Có *diệt* mà chẳng thật *diệt* chơn.  
 Bạc **Đại Bồ Tát** hằng thường  
 Có *diệt*, *chơn* để hai đường liễu thông.  
 Hàng *Thanh Văn* nói chung *Duyên Giác*  
 Có *Đạo* mà chưa thật *Đạo* chơn.  
**Đại Bồ Tát** đức khôn lường  
 Có *đạo* *Chơn* để hằng thường nhiệm sâu.  
 Thiện nam tử ! Thế nào **Bồ Tát**  
 Trụ nơi **Kinh Đại Bát Niết Bàn**.  
 Thấy *diệt vô tận* rõ ràng,  
 Cùng là *Diệt* để mở *đàng đạo tâm* ?

Chính là trừ *diệt* mầm *phiền não*  
 Không có còn ẩn náo *tâm vương*,  
 Thời đó mới gọi là *thường*.  
 Tất lửa *phiền não* hết đường nào sanh,  
 Cũng gọi là *tâm thanh tịch diệt*  
 Đặng hưởng *thọ* chơn thiết *lạc* yên.  
**Chư Phật, Bồ Tát, Thánh hiền**  
 Do lòng đại thệ cầu nguyên *giác tha*  
 Nên được gọi đó là *chơn tịnh*  
 Vì tâm không nhiễm dính *dục trần*,  
 Lại chẳng còn *thọ mạng* thân  
*Hai mươi lăm cõi* thế gian *Ta-bà*.  
 Nên cũng gọi đó là *xuất thế*,  
 Do *xuất thế* gọi *ngã*, gọi *thường*.  
 Đối với sắc hay thính, hương,  
 Mùi vị, xúc chạm không vương nhiễm trần,  
 Hoặc *phân biệt* tướng thân nam, nữ,  
 Hay lo buồn *sanh, trụ, diệt* mang  
*Khổ*, vui cũng chẳng đoái màng,  
 Không vui, không khổ hoàn toàn lìa xa,  
 Điều chẳng *chấp* nhìn qua tướng mạo  
 Nên gọi là rốt ráo liễu viên

*Tịch diệt chơn đế nhất nguyên*  
*Bồ Đề chứng quả an nhiên đời đời.*  
 Là **Bồ Tát** trụ nơi *Phương Đẳng*  
**Đại Niết Bàn** thù thắng không hai.  
 Quán sát *diệt Thánh* đế này  
 Thấu biết cặn kẽ không sai sót gì.  
 Như thế nào là vị **Bồ Tát**  
 Trụ nơi **Kinh Đại Bát Niết Bàn**.  
 Quán sát tường tận rõ ràng  
 Nơi *Đạo Thánh* đế con đường siêu nhiên ?  
 Ví đêm tối như đèn nhìn thấy  
 Vật lớn nhỏ hết thấy trong nhà.  
 Cũng vậy, **Bồ Tát Ma-Ha**  
 Trụ nơi *Phương Đẳng* thông qua rõ ràng.  
*Bát Thánh đạo* mở mang rộng lớn,  
 Thấy tất cả *vô lượng Pháp* bày:  
 “Như *chơn thường* không đổi thay,  
*Vô thường sinh diệt* thảng ngày lệ nhanh,  
*Chúng sanh*, phi *Chúng sanh*, *khổ*, *lạc*,  
 Vật, phi vật, thiện, ác khác nhau,  
 Ngã, vô ngã *Pháp* đối đầu,  
 Có bệnh cần thuốc sớm mau trị lành,

*Tịnh, bất tịnh, trước, **thanh** thấu đáo,  
 Phiền não, phi *phiền não* hiểu rành,  
 Nghiệp, phi *nghiệp* đã tạo thành,  
**Thật** hay phi **thật** ngọn ngành *tri* ra,  
 Thừa, phi *thừa* xét qua cận kề,  
 Tri, bất *tri* mọi lẽ sâu xa,  
**Cầu na** hay phi **cầu na***

**Đà la phiêu** hoặc phi **Đà la phiêu**,  
 Và *kiến* hay hoặc là phi *kiến*,  
 Sắc, phi *sắc* thường hiện thấy nhìn,  
 Đạo, phi *đạo* phải *quang minh*,  
**Giải** hay phi **giải** tự mình rõ thông.

Là **Bồ Tát** trụ trong *Phương Đẳng*  
**Kinh Đại thừa thù thắng Niết bàn.**

*Quán sát vi tế rõ ràng*

Nơi *Đạo Thánh* để hoàn toàn như trên”.

Ngài **Ca-Diếp** *Thánh hiền Bồ Tát!*

Khởi tâm từ liềm phát bạch rằng:

Kính **Thế Tôn !** *Đại Thánh Nhân !*

Vì lòng thương chúng bủa ân đức dày.

Nay xin phép **Như Lai Ứng Cúng !**

Nhơn cũng vì sanh Chúng hỏi qua.



Nếu *Bát Thánh Đạo* đây là:  
 Vốn *Đạo Thánh Đế* thật ra thế nào ?  
 So lời dạy trước, sau của **Phật**  
 Nghĩa này xét chưa thật tương quan.  
 Như **Thế Tôn** dạy bốn ban  
 Lòng tin là *đạo* phải càng nâng cao  
 Có thể thoát khổ đau *phiền não*.  
 Hoặc có lúc **Phật** bảo như vậy ...  
 Tâm chẳng *phóng dật* mê say  
 Là *đạo giải thoát* từ nay ghi lòng,  
 Vì **Chư Phật** tâm không *phóng dật*  
 Đặng vô thượng chứng đắc *Bồ Đề*,  
 Là *Pháp trợ đạo* chẳng chê  
 Các vị **Bồ Tát** hướng về rất đông.  
 Hoặc **Phật** dạy có lòng  *tinh tấn*  
 Đó là *đạo Chánh Đẳng Niết Bàn*,  
**Đức Phật** lại bảo **A-Nan** !  
 Nếu người  *tinh tấn* tâm càng siêng năng,  
 Thời sẽ đặng đắc *chân vô thượng*,  
*Đức* tối cao vô lượng vô biên.  
 Hoặc có lúc **Phật** dạy khuyên  
*Quán thân niệm xứ* cần chuyên thực hành.

Đặng vô thượng *viên thành đạo quả*  
 Độ chúng sanh tất cả muôn loài.

Hoặc có khi **Đức Như Lai**

Dạy tu *Chánh định* pháp này sâu xa.

Như **Phật** dạy *Ma-Ha Ca-Diếp*

*Chánh định* là *đạo* thiết không hai,

Nếu nhập *Chánh định* lâu dài

*Tư duy* sáng suốt mở khai *tuệ* mâu

*Quán* chiếu soi khổ đau thấu biết

Thân *ngũ ấm* sanh diệt không ngừng.

Hoặc có lúc **Phật** nói rằng:

Một *Pháp* tu niệm *công năng* đạo thành.

Nếu người nào *Pháp* lành tu *định*

Có thể làm *thanh tịnh* Chúng sanh,

Dứt trừ khổ não hoành hành

*Chúng đạo* vô thượng cao thanh rạng ngời;

Tức *niệm Phật* không rời *Chánh niệm*

Đắc *tam muội*, *Đạo* hiện không sai.

Cũng có khi **Phật** thuyết bày

Dạy tu *quán tưởng* thân đây vô thường.

Thời gọi là vào đường *đạo* lớn,

Có thể *chứng* vô thượng *giác viên*.

Hoặc **Đức Phật** lại thuyết tuyên  
 Nói về *Không tịch* nhủ khuyên *Tăng già*.  
 Ở chỗ tu bậc *A Lan Nhã*  
 Ngồi một mình thông thả nhàn an,  
*Tư duy quán sát* thế gian  
 Có thể mau *chứng Niết Bàn Như Lai*.  
 Hoặc có lúc **Phật** dạy cho biết  
 Vì người mà *diễn thuyết Pháp* khai,  
 Thời gọi là **Đạo đế** đây,  
 Nếu người nghe *Pháp* phá ngay lưới tình,  
*Sẽ chứng* đặng *vô sinh* bất diệt,  
*Quả Bồ Đề* chơn thiệt *vô dư*.  
 Hoặc có lúc **Phật** dạy người  
*Trì giới* là *đạo* đến nơi tức thì ...  
 Người *trì giới* tu *trì giới* cấm  
 Không rơi vào vực thăm *Ta-bà*.  
 Hoặc có lúc **Phật** nói qua  
 Gần gũi *thiện hữu* gọi là *đạo tâm*.  
 Như **Phật** bảo **A-Nan** *tôn giả*  
 Người gần gũi *thiện trí thức* thời  
 Đây đủ *trì giới* an nơi  
*Phát tâm cầu đạo* trọn đời không thay,

Được hầu gần **Như Lai Đức Phật**  
 Chắc thành bậc đệ nhất trí *chơn*.

Cũng có khi **Phật** khuyên tu  
 Lòng từ là *đạo* tối ưu đạt thành,  
 Người mà có lòng lành từ ái  
 Dứt *phiền não vô ngại* an vui,  
*Chúng* bậc *bất động* trong đời,  
 Con đường *lục đạo* xa rời trần ai.

Hoặc có lúc **Như Lai** giảng thuyết:  
*Trí huệ* là mới thiệt *đạo chơn*,

Như ngày trước **Đức Thế Tôn**  
 Luôn luôn khuyên chúng *Sa-môn* tu trì.

**Phật** vì *Tỳ kheo ni* tên gọi  
**Ba-Xà-Ba-Đề** mà nói rằng:

Này *Tỳ kheo ni* biết chăng !  
 Nếu như các Chúng *Thanh Văn* hiện giờ.  
 Dùng trí lực dứt trừ *phiền não*  
 Đó cũng gọi là *đạo* không hai.

Như ngày trước **Đức Như Lai**  
 Bảo *Ba-Tư-Nặc* : Hỡi này Đại Vương !  
 Thuở quá khứ ta thường *bố thí*  
 Giúp đỡ người đang bị nạn tai.

Do đó mà đến ngày nay  
 Đặng đạo *vô thượng* vượt ngoài thế gian.  
 Ngài **Ca-Diếp** nghiêm trang tay chấp  
 “Bạch **Thế Tôn** ! Thành thật thưa qua.  
 Nếu *Bát Thánh đạo* đây là  
 Duy nhất *đạo đế* thật ra thế này,  
 Những *Kinh* khác **Như Lai** giảng thuyết  
 Chẳng *hư vọng* sự thiệt không sai.  
 Do cố gì **Đức Như Lai**.  
 Trước chẳng phổ biến giảng bày khuếch trương  
*Bát Thánh Đạo* con đường *Chánh giác*  
 Cho *tứ chúng* giải thoát *tục trần*.  
**Thế Tôn** có lầm lộn chẳng ?  
 Theo trí tôi xét chắc rằng là không”.  
 “Vì **Chư Phật** *viên thông vô ngại*  
 Đã dứt lìa phải trái, đúng sai”.  
**Phật** khen **Ca-Diếp** lành thay !  
 Lành thay ! Ông thật *biện tài* cao sâu.  
 Muốn biết chỗ diệu mầu *Phương Đẳng*  
*Kinh Đại thừa* siêu thặng *bí truyền*  
 Nên hỏi **Thế Tôn** như trên.  
 Những *Kinh Ta* nói trước tiên không lầm

Muốn tất cả *giác tâm* tu hạnh  
 Đều vào trong *Đạo Thánh Đế* đây.  
 Thiện nam tử ! Chẳng hề sai.  
 Lòng tin là *đạo* lời này không ngoa.  
 Bởi *tín căn* đó là nền tảng  
 Tá trợ cho căn bản *Bồ Đề*.  
 Vì thế chớ có *chấp* nê  
**Phật** không lầm lộn, không hề nói sai.  
**Đức Thế Tôn** xưa nay ứng hiện,  
 Biết vô lượng *phương tiện* Pháp lành,  
 Muốn *hóa độ* hết *Chúng sanh*,  
 Nên sự *thuyết pháp* phải đành *tùy duyên*.  
 Như lương y biết nguyên nhân bệnh  
 Của *Chúng sanh* căn tính nhiệt, hàn,  
 Y theo bệnh, hiệp dược thang,  
 Những thứ cấm kỵ khuyên toan ngăn ngừa.  
 Chỉ nước là ngoại trừ lệ cấm.  
 Hoặc như nước cam thảo, nước gừng,  
 Nước đường phèn, nước tế tân,  
 Nước *A-ma-lặc*, nước *Ni-ba-la*,  
 Hoặc nước **Bát-trú-la**, nước lạnh,  
 Nước thạch lựu, nước nóng, nước nho.

Nay *Thiện nam tử* ! Nhớ cho  
 Lương y khéo giỏi toan lo an bày.  
 Cũng vậy, **Đức Như Lai** thấu biết,  
 Dùng *phương tiện* trị hết bịnh căn,  
 Trong một *Pháp tướng* tùy nhân,  
 Các loài sanh Chúng mà *phân biệt* rành.  
 Nên *diễn thuyết* nhiều **danh tướng** vậy,  
 Những *Chúng sanh* nghe thấy *ngộ* thời.  
 Theo chỗ lãnh thọ mỗi người  
 Gắng công *tu tập* xa rời *phiền ba*.  
 Như người bịnh nghe qua lời dặn  
 Của lương y bịnh nặng tiêu trừ.  
 Nay *Thiện nam tử* ! Ví như.  
 Có một kẻ biết tiếng người khác nhau.  
 Bao năm dài sống chung *Đại chúng*,  
 Bỗng một hôm ai cũng kêu vang:  
 Tôi đang khát nước cổ khan !  
 Chúng tôi cần nước ai mang giúp dùm !  
 Người biết tiếng liền đem nước mát  
 Tùy từng người phân phát chia ra.  
 Nói đây là nước **Ba da**,  
 Hoặc nói **Uất đặc**, hay là **Ba ni**,

Hoặc nói là **Bà ly, Ngu nhủ,**  
**Xa ly lam,** hoặc dụ *Cam lồ ...*  
 Tên gọi có khác tợ hồ  
*Vô lượng* xiết kể, cũng đồng nước đây.  
 Cũng vậy, **Đức Như Lai** dùng một  
*Đạo Thánh Đế* cùng tột chia phân,  
 Vì hàng *Duyên Giác, Thanh Văn*  
*Diễn thuyết* nhiều cách có phần tùy nhân :  
 Từ *tín căn .v.v...* rất ráo  
 Sau là *Bát Thánh Đạo* mở mang.  
 Nay *Thiện nam tử !* Rõ ràng.  
 Ví như người thợ kim hoàn nữ trang.  
 Chỉ dùng một chất vàng duy nhất  
 Tạo các món trang sức lạ thay:  
 Dây chuyền, vòng xuyên, khoen tai,  
 Nhẫn cưới, mào, ấn ... người nay cần dùng.  
 Làm nhiều thứ chẳng đồng tên khác  
 Nhưng không rời nguyên chất vàng đây.  
 Cũng như vậy, **Đức Như Lai**  
 Dùng một *Phật đạo, Pháp* bày triển khai.  
 Tùy căn tánh mọi loài hiểu biết,  
 Rồi *phân biệt diễn thuyết* thông qua.



- Hoặc nói một thứ đó là:

**Ba đời Chư Đức Phật Đà Như Lai**

Dùng *Phật đạo* không hai chỉ một,

- Hoặc nói hai thứ *Pháp* như là:

*Định* và *Huệ* luôn hợp hòa

Như hình in bóng xét ra một mà.

- Có khi nói chia ba đại thể

Như : *Kiến*, *Trí* và *Huệ* cùng khai.

- Hoặc nói bốn thứ *Pháp* này

***Kiến Đạo***, ***Tu đạo*** miệt mài thành công,

***Vô Học Đạo*** tinh thông rốt ráo,

Và cuối cùng ***Phật Đạo*** liễu viên.

- Hoặc nói năm thứ pháp truyền

Là ***Tín hành đạo*** tin nguyên sâu xa,

***Pháp hành đạo*** hiểu qua các *Pháp*,

***Tín giải thoát đạo*** đạt hoàn toàn,

***Kiến đạo đạo*** thấy rõ ràng,

Và ***Thân chứng đạo*** lạc an tinh thần.

- Lại có khi nói rằng sáu thứ :

*Tu Đà Hoàn đạo* dự nhập lưu,

*Tư Đà Hàm đạo* nhất lai,

*A Na Hàm đạo* vượt ngoài khổ, không,

*A La Hán* khỏi vòng sanh tử,  
*Bích Chi Phật*, *độc giác* không hai,  
***Phật Đạo Thế Tôn ! Như Lai !***  
 Nguyên thể cứu độ muôn loài *Chúng sanh*.  
 - Lại nói bảy Pháp lành chơn thật:  
***Niệm Giác Phần*** thứ nhất trình bày,  
***Trạch Pháp Giác Phần*** thứ hai,  
 Thứ ba, ***Tinh Tấn Giác Phần*** công năng,  
 Thứ tư, ***Hỷ Giác Phần*** an lạc,  
***Trú Giác Phần*** hiển đạt thứ năm,  
 Thứ sáu, là ***Định Giác Phần***,  
 Thứ bảy là, ***Xả Giác Phần*** gồm chung.  
 - Lại có khi nói dùng tám thứ  
 Là : *Chánh Kiến* và *Chánh Tư Duy*,  
*Chánh ngữ*, *Chánh nghiệp* giới trì,  
***Chánh mạng*** nuôi sống tức thì *mạng căn*,  
***Chánh tinh tấn*** siêng năng hành đạo,  
*Chánh niệm* và *Chánh định* sau cùng.  
 - Lại nói chín thứ thường dùng:  
 Là *Bát Thánh Đạo* và *lòng tin sâu*.  
 - **Phật** lại nói *Pháp* mầu mười thứ:  
 Là tu chứng ***Thập Lực*** vô dư.

- Lại nói mười một thứ như:

*Thập Lực* cộng với *Đại từ* không sai.

- Lại giảng thuyết nói mười hai thứ:

Là *Thập Lực*, *Đại từ*, *Đại bi*.

- Lại nói mười ba thứ thì:

Gồm chung *Thập Lực*, *Đại bi*, *Đại từ*,

Và ***niệm Phật chơn như tam muội***.

- Lại **Phật** thuyết mười sáu thứ là:

*Thập lực* trí đặc sâu xa,

*Đại từ* vô lượng Hằng hà *Đại bi*,

Cùng *Niệm Phật vô vi Tam muội*,

***Ba Chánh niệm*** sau cuối hợp hòa.

- Lại nói hai mươi đạo là:

*Thập Lực* nhẫn đến *Đại từ*, *Đại bi*,

Cộng với pháp *Bốn Vô sở úy*,

Cùng *niệm Phật tam muội* viên thông

Và *ba Chánh niệm* sau cùng

*Pháp* nào cũng tuyệt thật không thể lường.

*Đạo* là một con đường duy nhất

Nên ngày trước **Chư Phật Như Lai**

Vì *Chúng sanh* tánh mọi loài

Mà có *phân biệt* Pháp bày khác sai.

Thiện nam tử ! Nghe đây ví dụ:  
 Như chỉ một thứ lửa sinh ra  
 Nhưn nơi chỗ đốt cháy mà  
 Có nhiều tên gọi cùng là khác sai,  
 Như lửa cỏ, lửa cây, lửa trấu,  
 Lửa phân bò, phân ngựa .v.v...  
 Cũng vậy, *Phật đạo* chánh chân  
 Chỉ là có một không cần có hai.  
 Vì *Chúng sanh* mỗi loài, mỗi tánh  
 Mà *phân biệt* Pháp hành khác sai.  
 Nay *Thiện nam tử* ! Như vậy ...  
*Thức* chỉ có một không hai đó thời  
 Bởi *lục căn*, tùy nơi *duyên* khởi  
 Có *nhãn căn*, *nhãn thức* sinh ra,  
 Nhãn đến ý *căn* cũng là  
 Sanh ra ý *thức* đó mà không sai.  
 Đạo chỉ một không hai như vậy ...  
 Vì *hóa độ* muôn loại *Chúng sanh*  
 Mà *phân biệt* chỗ cội ngành  
 Tên gọi nhiều thứ, *sở hành* khác nhau.  
 Thiện nam tử ! Nghe nào ví dụ:  
 Một **Sắc Pháp** gồm đủ không hai,

Mắt thấy gọi là “Sắc” đây,  
 Tai nghe gọi “Tiếng” hiện bày âm thanh,  
 Mũi ngửi thời gọi “Mùi” định biết,  
 Lưỡi nếm thời gọi “Vị” biệt phân,  
 Nhãn đến cảm giác của thân  
 Thời gọi là “Xúc” nguyên nhân rõ ràng.

Đạo **Phật** cũng hoàn toàn như thế,  
 Vốn là một không thể có hai,

Vì muốn *hóa độ* muôn loài

**Như Lai** *phân biệt* Pháp bày khác sai.

Do nghĩa này nên *Bát Thánh Đạo*  
 Gọi là *đạo Thánh* để không hai.

“**Ca-Diếp** ! *Bốn Thánh* để này,  
**Phật** theo thứ lớp giảng bày rộng ra.

Do đây nên *Hằng sa* sanh Chúng  
 Đặng thoát khỏi sanh tử *ái hà*”.

**Ca-Diếp Bồ Tát** *Ma-Ha* !

Bạch **Phật** thưa hỏi phân qua như vậy ...

“**Thế Tôn** ! Tôi nhớ đây ngày trước,  
 Ở trong rừng **Thi Thủ** rậm dầy

Trên bờ sông **Hằng** trải dài,

Bỗng nhiên **Phật** lấy lá cây bảo rằng:

Các *Tỳ kheo* thấy chằng không vậy,  
 Lá trong tay **Ta** hái có nhiều  
 Hay lá trên mặt địa cầu  
 Là nhiều hay ít hãy mau trả lời ?  
 Các *Tỳ kheo* đồng thời bạch **Phật**:  
 “Tất cả lá trên mặt địa cầu  
 Rất nhiều không đếm hết đâu  
 Dầu cho trí giỏi không nào tính ra,  
 Lá trong tay **Phật Đà** cầm nắm  
 Thật rất ít không thắm là bao”.  
**Phật** bảo các vị *Tỳ kheo*  
 Những *Pháp Ta* ngộ rất nhiều vô biên.  
 Như những lá ở trên mặt đất  
 Không thể nào sự thật nghĩ bàn,  
 Còn *Pháp* mà **Ta** hiện đang  
 Vì *Chúng sanh* thuyết lại càng hiếm khan.  
 Như nắm lá trong bàn tay vậy,  
 Nên các ông nghe thấy tin dùng.  
**Ca-Diếp Bồ Tát** nghe xong.  
 Chắp tay bạch **Phật** : “**Thế Tôn** Đại từ !  
 Cứ theo lời của **Như Lai** nói  
**Phật** rõ biết vô lượng *Pháp môn*,

Tôi đây tin tưởng **Thế Tôn** !  
 Nhưng xin mạn phép ôn tồn hỏi qua.  
 Nếu được vào trong nhà *Tứ Đế*  
 Đúng như lời *Thiện Thệ* giảng bày,  
 Còn nếu chẳng vào đặng đây  
 Nơi *bốn Thánh đế* nghĩa này lẽ ra  
 Ất phải có ... đó là *năm đế*.  
 Mong **Như Lai** *Thiện Thệ* giải bày”.  
**Phật** khen **Ca-Diếp** lành thay !  
 Lành thay ! Lời hỏi ông nay giúp đời.  
 Có ích lợi an vui thực dụng  
 Cho *vô lượng* sanh Chúng về sau.  
 Thiện nam tử ! *Đạo* nhiệm mầu.  
 Những *Pháp* như vậy cơ cầu cao siêu  
 Đều đã nhiếp trong nơi *Tứ đế*  
 Bực thượng trí không thể lờn khinh.  
**Ca-Diếp Bồ Tát** bạch trình :  
 Những *Pháp Phật* nói *quang minh* diệu huyền  
 Đều nhiếp ở trong *bốn Thánh đế*  
 Cớ sao đức *Thiện thệ* **Như Lai**  
 Xướng rằng chẳng có thuyết khai.  
 Mong **Phật** *hoan hỷ* giải bày nghĩa trên.

Thiện nam tử ! Ông nên nghe rõ.  
Dầu là nhiếp sáng tỏ minh quang  
Nơi *Tứ Thánh* để hoàn toàn  
Nhưng còn chẳng gọi *đăng đàn* nói ra,  
Vì người hiểu biết qua *Tứ đế*  
Có hai hạng *trí huệ* chẳng đồng:  
Một là trí của bậc trung,  
Hai là trí bậc *thượng căn* khôn lường.  
Bậc trung là *Thanh Văn, Duyên Giác*,  
Bậc thượng là **Bồ Tát, Như Lai**.  
Biết thân *ngũ ấm* các loài  
Là *khổ* thời gọi trí này bậc trung,  
Biết *ngũ ấm* tận cùng gốc rễ  
Có vô lượng *tướng* thấy đều là  
Nguồn *khổ* sâu, cõi *Ta bà*  
*Chúng sanh* thiếu trí khó mà hiểu qua,  
Hàng *Thanh Văn* hay là *Duyên Giác*  
Dầu *tu hành* thấu đạt hết đâu.  
Chỉ bậc thượng trí đức cao  
Thấy rõ sự *khổ* đốn đau vô ngần.  
Những ý nghĩa thật *chân* như vậy  
Các *Kinh* khác, **Ta** chẳng nói qua.



Hỡi này **Ca-Diếp** *Ma Ha* !  
 Biết hết các “**Nhập**” mới là gọi “**Môn**”  
 Và cũng gọi còn trong sự *khổ*.  
 Đây là hàng trí độ bậc trung,  
     *Phân biệt* các “**Nhập**” tận cùng  
 Có vô lượng *tướng* *khổ* chung khác gì.  
 Bậc *Thanh Văn* hay thì *Duyên Giác*  
 Chẳng thể nào thấu đạt hết đâu,  
     Chỉ trừ bậc thượng trí cao  
*Quán sát* tất cả *khổ* đau thế nào.  
 Những nghĩa lý cao sâu như vậy,  
 Các *Kinh* khác, **Ta** chẳng thuyết bày.  
     Thiện nam tử ! Lại như vậy,  
 Biết hết cả “**Giới**” gọi đây là “**Phần**”,  
     Cũng được gọi *sở năng* là “**Tánh**”  
     Cũng gọi là “**Khổ**” hành vô cùng,  
     Đây là trí của bậc trung.  
*Phân biệt* các *giới* tận cùng sâu xa.  
 Vô lượng *tướng* đều là chịu *khổ*  
 Chẳng phải hàng *Duyên Giác*, *Thanh Văn*  
     Biết được gốc rễ cội căn,  
 Chỉ trừ bậc trí Đại nhân thượng thừa.

Những nghĩa đó **Ta** chưa *diễn thuyết*  
 Các *Kinh* khác chơn thiệt chẳng bày.  
 Thiện nam tử ! Lại như vậy,  
 Biết “*Sắc*” là *tướng* có ngày hoại tan,  
 Đây là trí của hàng trung bậc.  
 Hiểu *phân biệt* các *sắc* tận cùng  
 Có vô lượng *tướng* nói chung  
 Thấy đều hoại diệt cũng đồng khổ than,  
 Dẫn cho đó là hàng *Duyên Giác*  
 Không thể nào thấu đạt hết đâu,  
 Chỉ trừ bậc thượng trí cao  
 Thấy rõ *Sắc tướng* bắt cầu *vô minh*.  
 Những nghĩa lý, thuyết trình như vậy,  
 Các *Kinh* khác, **Ta** chẳng giảng bày.  
 Thiện nam tử ! Lại như vậy,  
 Biết “*Thọ*” là *tướng* muôn loài thọ mang,  
 Là *giác xúc* cơ quan thân xác  
 Đây là *trí* thấu đạt bậc trung.  
*Phân biệt* các *thọ* tận cùng  
 Có vô lượng *tướng* nói chung hiện đời.  
*Giác xúc* này làm nơi trú ẩn,  
 Bực *Nhị thừa* khó đặng biết qua,

Chỉ trừ thượng trí như **Ta**  
 Thấy rõ *giác xúc* luôn là *khổ* tai.  
 Những nghĩa lý trên đây như vậy,  
 Các *Kinh* khác, **Ta** chẳng giảng bày.  
 Thiện nam tử ! Lại như vậy,  
 Biết “*Tướng*” là chấp lấy ngay *tướng* hình  
 Đây gọi bực trí minh trung đẳng.  
*Phân biệt* “*Tướng*” đến tận gốc cành  
 Có vô lượng *tướng* thường sanh  
 Tạo tác hành động ác, lành, giả, chân.  
 Chẳng phải hàng *Thanh Văn, Duyên Giác*  
 Dùng trí *quán* thấu đạt rõ ràng,  
 Chỉ bực thượng trí minh quang  
 Thấy biết gốc *tướng* chấp mang khổ sâu.  
 Những nghĩa lý cao sâu *thù thắng*  
 Các *Kinh* khác, **Ta** chẳng thuyết bày.  
 Thiện nam tử ! Lại như vậy,  
 Biết “*Hành*” là *tướng* tạo bày thi vi  
 Đây gọi là trí *tri* trung bực  
 Vì chưa đạt đến mức tận cùng.  
*Phân biệt* nơi “*Hành*” nói chung  
 Có vô lượng *tướng* kể không hết nào,

*Hành* tạo tạc đào sâu tội lỗi,  
 Ít có khi *sám hối* ăn năn,  
 Chẳng phải các bực *Thanh Văn*  
 Biết được tất cả cội căn gốc “*hành*”,  
 Bực thượng trí tự thành *Phật đạo*  
 Mới thấu biết rốt ráo liễu viên.  
 Những nghĩa như vậy kể trên  
 Nơi các *Kinh* khác, chẳng tuyên thuyết bày.  
 Thiện nam tử ! Ông nay *quán tưởng*.  
 Thấu biết “*Thức*” là *tướng* biệt phân  
 Đây gọi là *trí* bực trung.  
*Phân biệt* nơi “*Thức*” tận cùng sâu xa  
 Có vô lượng Hằng hà *trí tướng*  
 Tạo rất nhiều *nghiệp chướng* đa đoan.  
*Thanh Văn*, *Duyên Giác* hoàn toàn  
 Không thể thấy hết rõ ràng *thức căn*,  
 Chỉ trừ bực *trí* năng vô *thượng*  
 Thấu biết rành thức *tướng* tận cùng.  
 Những nghĩa như vậy nói chung  
 Nơi các *Kinh* khác, **Ta** không giảng bày.  
 Thiện nam tử ! Như vậy **Ta** nói:  
 Biết “*Ái*” là đầu mối *nhơn duyên*

Có thể sanh *ngũ ấm* liền  
 Đây cũng là gọi trí thiên bực trung.  
 Một người sanh vô cùng thọ *ái*  
 Hàng *Nhị thừa* khó thấy hết đâu.  
 Có thể biết chỗ cạn sâu  
*Chúng sanh* ái luyện khởi đầu căn nguyên,  
 Đây gọi là trí thiên bực thượng  
 Biết rõ rành vô lượng *ái* sinh.  
 Những nghĩa ấy nơi các *Kinh*,  
 Trước kia **Ta** chẳng thuyết trình giảng khai.  
 Thiện nam tử ! Như vậy **Ta** bảo:  
 Biết dứt trừ *phiền não* trong lòng  
 Đây gọi là trí bực trung.  
 Phân biệt *phiền não* nói chung hoàn toàn  
 Chẳng thể nào tính toán đếm đặng,  
 Dầu dứt diệt cũng chẳng tính toán.  
 Như vậy, thời chẳng phải hàng  
*Thanh Văn, Duyên Giác* luận bàn biết qua,  
 Đây mới gọi nhìn xa trông rộng  
 Xứng đáng là bực thượng trí thiên.  
 Những nghĩa vừa giảng nói trên  
 Nơi các *Kinh* khác, chẳng tuyên thuyết bày.

Thiện nam tử ! Như vậy **Ta** nói:

Biết “*Đạo*” diệt *phiền não* không còn

Đây gọi là trí bực trung.

*Phân biệt* hiểu *Đạo* tận cùng bao la,

Có *vô lượng* Hằng hà hiện *tướng*,

Là *phiền não* vô lượng *vô biên*,

Chẳng phải là bực *Thánh hiền*

*Thanh văn*, *Duyên giác* định thiền biết qua.

Chỉ có bực *Tăng già* thượng trí

Chứng *đạo quả* không nghĩ, không bàn.

Những nghĩa ấy quá rõ ràng

Nơi các *Kinh* khác, hoàn toàn chưa khai.

Thiện nam tử ! Như vậy **Ta** nói:

Biết “*Thế đế*” đây gọi bực trung.

*Phân biệt thế đế* tốt cùng

*Vô biên vô lượng* nói chung khôn lường,

Chẳng thể nào am tường thấu đạt

Đối với hàng *Duyên Giác*, *Thanh Văn*.

Biết được rất ráo trọn phần

Chỉ bực thượng trí Đại nhân trong đời.

Những nghĩa ấy ở nơi *Kinh* khác,

**Ta** cũng chẳng truyền đạt chưa từng.

Nay *Thiện nam tử* suy lường !  
 Tất cả *hành* của *vô thường* đổi thay,  
 Hay các *Pháp trần* đây *vô ngã*,  
 Hoặc *Niết Bàn* tịch diệt *vô sanh*,  
 Đây là *Đệ nhất nghĩa* rành,  
 Gọi là *trí giả tu hành* bậc trung.  
 Biết *Đệ nhất nghĩa* thông *vô tận*  
 Chẳng thể nào tính đặng hết chảng,  
 Dẫn cho các bậc *Thanh Văn*  
 Khó mà biết hết *Pháp trần* vô biên,  
 Chỉ có bậc trí thiên *vô thượng*  
 Biết “*Thế đế*” *vô lượng vô biên*.  
 Những nghĩa như vậy kể trên  
 Nơi các *Kinh* khác, chẳng tuyên thuyết bày.  
 Ngài **Văn-Thù** chấp tay lễ **Phật**:  
 “Bạch **Thế Tôn** ! Thành thật hỏi qua.  
 Như **Phật** nói “*Thế đế*” và  
 “*Đệ nhất nghĩa đế*” nghĩa là ra sao ?  
 Bạch **Thế Tôn** ! *Pháp* mâu *vi diệu*  
 Mong **Như Lai** *giác liễu* giảng bày.  
*Pháp* “*Đệ nhất nghĩa đế*” đây  
 Hỏi có “*Thế đế*” trong này hay chảng?

Trong “*Thế đế*” *Pháp trần* cõi thế  
 Có *Đệ nhất nghĩa đế* hay chẳng ?  
 Nếu là có, nào biệt phân,  
 Thời gọi *một Đế* sao rằng nói hai.  
 Nếu là không, **Như Lai** sự thiệt  
 Chừng *hư vọng diễn thuyết* có sai ?”  
 Nay **Văn-Thù**, Ông nghe đây !  
*Thế đế*, *Thật đế* không hai đâu nào.  
*Đệ nhất nghĩa* đạo mâu có một  
 Vì **Như Lai** *độ thế tùy duyên*  
 Thuận *chúng sanh* **Ta** thuyết tuyên  
 Nên nói *hai Đế* căn nguyên như vậy...  
 Theo ngôn thuyết có đây hai thứ:  
 Một, “*Thế Pháp*” *đanh tự* hiển bày,  
 Chỗ biết của người đời nay  
 Gọi là “*Thế đế*” chẳng sai sót gì.  
 Hai, “*Xuất thế Pháp*” đã ly trần tục  
 Nên chỗ biết uẩn khúc rõ ràng.  
 Là bậc đã *xuất thế gian*  
 “*Đệ nhất nghĩa đế*” hoàn toàn liễu viên.  
 Nay **Văn-Thù** ! Như trên đã nói.  
 Thân ngữ *ấm hòa hiệp* có đây



Gọi là “mỗ giáp” tên này.  
*Phàm phu* sanh Chúng mọi loài khác nhau,  
 Gọi “*Thế đế*” có nào sai trái,  
 Một *Pháp* mà lại có nhiều danh.  
 Hiểu biết *ngũ ấm* Chúng sanh  
 Không tên “mỗ giáp” chỉ *danh tự* bày.  
 Rồi *ngũ ấm* không tên “mỗ giáp”  
 Người *xuất thế* thấu *Pháp vô thường*  
 Đúng như *tánh tướng* tận tường  
 “*Đệ nhất nghĩa đế*” là đường siêu nhiên.  
 Nay **Văn-Thù** ! Ông nên hiểu rõ.  
 Hoặc có *Pháp*, lại có tự danh,  
 Và có sự thật đành rành,  
 Trong ba điều đó kết thành làm *duyên*.  
 Lại có *Pháp*, có tên tự đặt,  
 Nhưng không có sự thật hiện bày.  
 Có danh tự, không thật đây  
 Chính là “*Thế đế*” *Pháp* này phàm gian.  
 Nếu có tên, có đây sự thật,  
 Là “*Đệ nhất nghĩa đế*” hoàn toàn.  
 Như : *Ngã, thọ mạng, Chúng sanh,*  
*Tri kiến, dưỡng dục, nhân lành, sĩ phu,*

Hoặc *tác giả*, hay là *thọ giả*,  
 Hoặc ***dương diệm***, thành *Càn Thát Bà*,  
 Lông rùa, sừng thỏ, nói qua  
 Các *ấm, giới, nhập* cùng là .v.v...  
 Đây gọi là *Pháp trần Thế đế*  
 Có tên, không sự thật đó mà.  
*Khổ, Tập, Diệt, Đạo* gọi là  
 “*Đệ nhất nghĩa đế*” sâu xa khôn lường.  
***Thế pháp*** phân ra thành năm loại  
 Ta vì Chúng lược giải sau đây:  
 Một là, “***danh thế***” như vậy,  
 Nam, nữ, quần áo hoặc hay xe, nhà ...  
 Những vật này gọi là *danh thế*  
 Tâm *chấp* mê o bế đêm ngày.  
 “***Cú thế***” đứng hàng thứ hai;  
 Bốn câu tứ tuyệt thành bài *kệ* đây,  
 Những bài *kệ* như vậy vô hạn  
 Cũng gọi là “***Cú thế***” phân qua.  
 “***Phược thế***” liệt vào thứ ba;  
 Cuốn, hiệp, trói, cột, hay là chấp tay ...  
 Cũng gọi đó là đây “***Phược thế***”  
 Vì buộc *chấp* không dễ mở ra.

“*Pháp thế*” thứ bốn đó là;

Đánh kiên chùy nhóm hợp hòa Chúng *tăng*,  
 Hoặc chiêng trống đánh rần quân lính,  
 Thổi ốc vang quyết định biết giờ ...

Đây gọi là “*Pháp Thế*” cơ

Nhơn do luyện tập nường nhờ thành quen.

“*Chấp thế trước*” thứ năm kiến giải

**Ta** nhờn đây lược lại sơ qua,

Như trông thấy từ đằng xa

Có người đi đến thật là nghiêm trang

Mặc y phục đồ hàng hoại *Sắc*

*Tưởng* cho rằng đây bậc *Sa môn*,

Chẳng phải là *Bà-La-môn*,

Do vì *chấp trước* nên lòng bất an.

Thấy có người xa đằng đi đến

Có gút dây buộc trên thân hình

*Bà-La-môn* chắc vững tin,

Chẳng phải là vị *Sa môn Tăng già*.

“*Chấp trước thế*” gọi là như vậy,

Tất cả Chúng nhờn loại buộc *triền*.

**Văn-Thù** ! Năm thứ kể trên,

Gọi là “*Thế Pháp*” khá nên am tường.

Nếu có Chúng sanh thường *tu tập*  
 Đối với năm thứ *thế pháp* này  
     *Tâm không điên đảo* cuồng quay,  
 Biết đúng như thật, không hay nhận lầm.  
 Đây gọi là *Đệ nhất nghĩa đế*,  
 Xứng đáng là bậc *xuất thế gian*.  
     Lại như hoặc đốt cháy tan,  
 Hoặc cắt, hoặc chết, hoại thân mạng này,  
 Cũng gọi là *Pháp* đây *Thế đế*.  
 Không đốt, cắt, không chết, hoại hư  
     Gọi là liễu đặc *Chơn như*  
 “*Đệ nhất nghĩa đế*” trí người *thượng căn*.  
     Lại cũng có *tám phần tướng khổ*  
 Đó gọi là *Thế đế Pháp trần*,  
     Không sanh, không già .v.v...  
 Gọi là nghĩa *đế lý chân Đại thừa*.  
     Ví một người có nhiều nghề vậy:  
 Lúc họ chạy gọi người chạy mà,  
     Lúc khi gặt, cắt cỏ, hoa  
 Thời gọi người gặt, cắt là chẳng sai,  
     Lúc nấu nướng gọi đây đầu bếp  
     Lúc cưa cây, đẽo gỗ cắt nhà,

Làm bàn, làm ghế .v.v...  
 Gọi người thợ mộc có phần khéo tay,  
     *Dụng* vàng làm khoen tai, chuỗi hạt ...  
 Nên gọi là thợ bạc đó thời,  
     Chỉ có duy nhất một người  
 Mà nhiều danh hiệu trên đời gọi kêu.  
     *Pháp* cũng vậy có nhiều danh hiệu  
 Vốn chỉ là có một không hai.  
     Nhơn nơi cha mẹ thợ thai  
 Sinh ra thân tướng gái, trai chẳng đồng.  
     Gọi *Thế đế* phổ thông *phàm tục*,  
     Vì chưa tường trong, đực sâu xa.  
     *Mười hai* *nhơn duyên* hiệp hòa  
 Mà sanh thân tướng gọi là thật chơn.  
     *Xuất thế gian* vô thường *giác ngộ*  
     Là *Đệ nhất nghĩa đế* liễu viên.  
     **Văn-Thù Bồ Tát** *Thánh hiền* !  
 “Bạch **Phật** ! Vì chúng pháp tuyên giảng bày.  
     “*Thật đế*” của **Như Lai** nói đó  
     Là ý nghĩa hiểu rõ thế nào ?”  
     Này *Thiện nam tử* ! Nghe nào.  
 “*Thật đế*” là *pháp* cao sâu diệu huyền.

Bổn chơn thật không điên đảo vọng  
 Thật đế là nền móng Đại thừa.

*Thật đế* thiện trí thích ưa.

Lời nói của **Phật** không thời phải *ma*.

*Thật đế* đạo vốn là duy nhất

Luôn *thanh tịnh* sự thật không hai.

Có *thường*, có *lạc* chẳng sai,

Có *ngã*, có *tịnh* trong ngoài thật chơn,

Nên mới gọi là nghĩa *thật đế*

Bực *thượng căn* xuất thế thường hành.

**Văn-Thù Bồ Tát** tâm thành

“Bạch **Phật** ! Giảng nói *Pháp* lành vừa qua!

Nếu cho *chơn thật* là *thật đế*

Thời *chơn thật* đây tức **Như Lai**,

Và **hư không**, **Phật tánh** này

Cả ba đồng một chẳng sai chút nào !”

**Đức Phật** bảo **Văn-Thù Bồ Tát** !

Có *khổ*, có *đế*, có *thật chơn*

Như vậy, không khác gì hơn

Có *tập*, có *đế*, *thật chơn* chung cùng.

Có *diệt*, có *đế* và có *thật*.

Có *đạo*, có *đế*, có *thật chơn*.

Nay *Thiện nam tử* lăm tưởng !  
**Như Lai** chẳng phải vào đường *khổ* tai  
 Chẳng phải “*đế*” nên đây là “*thật*”,  
 Vì **Như Lai** đã *xuất thế gian*.  
*Hư không* chẳng phải *khổ* nần  
 Cũng chẳng phải “*đế*” hoàn toàn “*thật chơn*”,  
**Phật tánh** chẳng phải vương *khổ* tật,  
 Chẳng phải *đế* là *thật* toàn chơn.  
*Khổ* nào là tướng *vô thường*,  
 Là *tướng* dứt được con đường tử sanh,  
 Là *thật đế* rõ ràng như vậy.  
**Như Lai** *tánh* chẳng phải *khổ* than,  
 Chẳng phải *vô thường* hợp tan,  
 Chẳng phải *tướng* dứt dễ dàng xưa nay.  
 Vì thế nên **Như Lai** là *thật*  
**Hư không** và **Phật tánh** đồng nguyên.  
 “Tập” là có thể làm *duyên*  
 Cho thân *ngũ ấm* hiện tiền sanh ra,  
 Như vậy, cũng gọi là có *khổ*,  
 Và cũng gọi là chỗ *vô thường*  
 Là *tướng* dứt được vấn vương

Đây là “*Thật đế*” con đường *trần lao*.

**Như Lai** chẳng phải nào là “Tập”,

Chẳng phải do *ngũ ấm* sanh ra,

Chẳng phải *tướng* đoạn diệt mà

Thế nên mới gọi “*Thật*” là không sai.

**Hư không, Phật tánh** đây cũng vậy

Đều là pháp *chơn thật* không hai.

“*Diệt*” nghĩa rộng giải như vậy,

*Diệt* dứt *phiền não* gọi đây là *thường*,

Cũng gọi là *vô thường* biến đổi

Hàng *Nhị thừa* chứng đặng *pháp* này,

Gọi là *vô thường* chẳng sai.

**Chư Phật** chứng đặng gọi đây là *thường*,

Cũng gọi là *Pháp vương* chứng đặng,

Đây gọi là *thật đế* chánh chơn.

**Như Lai tánh** mãi miên trường

Chẳng gọi là *diệt* dứt đường *thế gian*,

Có thể đoạn đa đoạn *phiền não*,

Chẳng phải *thường*, chẳng phải *vô thường*,

Chẳng gọi là chỗ *chứng* chơn

Vì là *thường trụ* không đường đổi thay,

Vì thế nên gọi đây là “*thật*”



**Hư không và Phật tánh như nhau.**

“Đạo” là con đường cao sâu  
 Diệt dứt *phiền não* khổ sâu vương mang,  
 Cũng là *thường*, vô *thường thế đế*  
 Là *pháp môn* có thể *tu hành*,  
 Đây gọi *thật đế* Pháp lành  
 Luôn làm *lợi ích* Chúng sanh muôn loài.

**Như Lai** cũng chẳng phải là *đạo*,  
 Có thể dứt *phiền não vọng* sanh,  
 Chẳng phải *pháp để tu hành*,  
*Thường trụ* bất biến tự thành *vô biên*,  
 Vì thế nên liễu viên *chơn thật*.

**Hư không và Phật tánh đồng nhau.**

Này *Thiện nam tử* ! Cao sâu.  
 Chơn thật là chỗ nhiệm mầu **Như Lai**.  
**Như Lai** cũng chính là chơn thật,  
**Hư không và Phật tánh** như nhau.

Này **Văn-Thù** ! Có khổ đau,  
 Khổ hơn tức có biết bao mọi loài,  
 Có khổ tận kéo dài nhiều kiếp,  
 Có khổ đối liên tiếp nối nhau.

**Như Lai** chẳng phải khổ nào  
 Nhẫn đến chẳng phải đối đầu trả vay.  
 Vì thế nên **Như Lai** là thật  
 Đã ra ngoài *Tam giới* trần lao  
 Chẳng gọi là *đế* được nào.  
**Hư không, Phật tánh** như nhau viên đồng.  
 Khổ *hữu vi* hay trong *hữu lậu*  
 Điều không thể an lạc chút gì,  
**Như Lai** chẳng phải *hữu vi*  
 Chẳng phải *hữu lậu* dứt thì cả hai,  
 Thường đứng lặng trong ngoài *vô ngại*  
 Nên là “*thật*” chẳng phải “*đế*” đây.  
**Văn-Thù Bồ Tát** Đức Ngài  
 Chắp tay lễ **Phật** hỏi ngay lời này:  
 “Như lời **Phật** trên đây vừa nói  
 Chẳng *điên đảo* nên gọi đó là:  
 Nghĩa *thật đế* rất sâu xa  
 Nay còn *nghi chấp* thiệt là chưa thông.  
 Nếu như vậy ở trong *Tứ đế*  
 Có *bốn thứ điên đảo* hay chẳng ?  
 Nếu là có, sao nói rằng  
 Không có *điên đảo* thật chân nghĩa này !

Nhưng tất cả ở đây *điên đảo*  
 Chẳng gọi là chơn thật được nào”.

**Phật** nói :

**Văn-Thù** lời hỏi cao sâu !

**Như Lai** giải đáp ông hầu nghe qua.

Nếu tất cả đó là *điên đảo*

Đều vào trong *khổ đế* không sai.

Nếu có *Chúng sanh* nào đây

Tâm lại *điên đảo* mê say *dục trần*,

Thời gọi là tinh thần *điên đảo*

Phải sa vào *lục đạo luân hồi*.

Cũng ví như lại có người

Chẳng hề lãnh thọ những lời dạy răn

Của cha mẹ, thân bằng, tôn trưởng

Trọn đời chẳng có *tín* phụng hành

Cho nên làm sự bất lành

Gọi là *điên đảo* cấu thành tội *căn*.

Vậy *điên đảo* nơi tâm là *khổ*,

Mà chính là gốc *khổ* sanh ra.

**Văn-Thù Bồ Tát Ma Ha** !

Chấp tay bạch **Phật** thừa qua thế này:

“Như lời của **Phật** đây vừa nói

Chẳng *hư vọng* đó mới chính là  
 Nghĩa *thật đế* rộng sâu xa.  
 Tôi suy nghĩ lại rất là phân vân.  
 Như vậy thời biết rằng *hư vọng*  
 Chẳng phải là *thật đế* nghĩa mâu”.  
 Nay **Văn-Thù**, hãy nghe nào !  
 Tất cả *hư vọng* đều vào *khổ* thôi.  
 Như có kẻ gạt người lừa dối ...  
 Do *duyên* này mang tội sa vào  
*Súc sanh, ngạ quỷ, đồ lao,*  
 Gọi là *hư vọng* gieo sâu tội tình.  
 Đó cũng chính do mình gây tạo,  
 Nên gánh chịu *khổ* nào *đọa* đây.  
 Những điều đó từ lâu nay  
*Thanh Văn, Duyên Giác, Như Lai* ba đời,  
 Đã dứt trừ xa rời phàm thế  
 Nên gọi là *thật đế* nghĩa đây.  
 Bây giờ, **Văn-Thù** chấp tay  
 Bạch **Phật** liền hỏi **Như Lai** thế này.  
 “Như lời của **Phật** đây vừa nói  
*Đại thừa* là *thật đế* phải chăng ?  
 Do đó theo tôi biết rằng:

“*Nhị thừa* nhân đến tối năng *Phật thừa*,  
 Thời như vậy cũng chưa là thật.  
 Mong từ bi **Đức Phật** giải bày”.

Này *Thiện nam tử* ! Nghe đây.

*Nhị thừa trí huệ* chứa dầy sâu xa  
 Cũng là *thật* cũng là *chẳng thật*  
 Chỉ tạm thời *chứng đắc* quả này.

*Thanh Văn, Duyên Giác* các ngài  
*Diệt* dứt *phiền não* lòng nay không còn.

Thời gọi đó viên tròn là *thật*,  
*Pháp Nhị thừa chứng đắc* tự thành.

Hàng *Nhị thừa* chỗ *tu hành*  
*Vô thường* chẳng *trụ* độ sanh rộng nguyên.  
 Cho cõi tục thường xuyên biến đổi,  
 Nên gọi là *chẳng thật* *Pháp tu*.

Bấy giờ, **Đại trí Văn-Thù** !

Bạch **Phật** thưa hỏi cũng như vừa rồi.

“Những *Pháp* của đây thời **Phật** nói  
 Gọi là *thật* vì bởi Chánh chân.

Do đó nên tôi biết rằng  
 Lời của *ma* nói *chẳng* chân thật nào.

Bạch **Thế Tôn** ! Cao sâu *trí huệ* !

*Thế Gian Giải ! Thiện Thệ* ai bằng.

Lời nói của *ma Ba-Tuần*

Có nhiếp *Thánh đế* hay chẳng vậy nào ?”.

**Phật** bảo ngài **Văn-Thù Sư-Lợi !**

Lời của *ma* có nói thuyết ra

Chỉ nhiếp trong hai đế mà

*Khổ đế, Tập đế* đó là không sai.

Phàm tất cả những điều phi pháp

Và phi luật chẳng hạn với đời,

Không làm *lợi ích* cho người

Dẫu có diễn nói suốt thời tháng, năm

Cũng chẳng có ai tầm thấy “*khổ*”,

Dứt được “*Tập*”, *chứng ngộ* “*Diệt*” *sanh*,

*Tu* được “*Đạo*” quả **Phật** thành

Đây là *hư vọng* bất lành do ta.

Những điều trên đúng là *hư dối*

Cũng đều là lời nói của *ma*.

**Văn-Thù Sư-Lợi** thưa qua:

“Nhu lời **Phật** nói *đạo* là không hai

Chỉ duy nhất bốn lai *thanh tịnh*

Không có còn *nhiễm* dính vật trần.

Các phái *ngoại đạo* cho rằng

Ta cũng có *đạo* thật chân đó là  
 Chỉ duy nhất tâm ta *thanh tịnh*,  
 Vốn có một khảng định không hai.  
 Nếu cho rằng *đạo Như Lai*  
 Duy nhất *thanh tịnh* không ngoài có hai  
 Là *thật để* chẳng sai khác biệt  
 Thời cùng với *ngoại đạo* kia là  
 Nào có sai khác vậy mà,  
 Nếu không sai khác **Phật Đà** lẽ ra  
 Không nên nói *đạo* là có một  
 Vốn duy nhất *thanh tịnh* không hai”.  
**Phật** bảo **Văn-Thù** nghe đây !  
 Các phái *ngoại đạo* khác sai bất đồng.  
 Có *Khổ*, *Tập* mà không *Diệt*, *Đạo*.  
 Chẳng phải *diệt* họ tưởng *diệt* đây,  
 Chẳng phải *đạo để* **Như Lai**  
 Họ tưởng là *Đạo* phơi bày *vọng*, *chơn*.  
 Cũng chẳng phải *quả*, *nhơn* trong đó  
 Mà họ tưởng có *quả*, có *nhơn*.  
 Do nghĩa này xét gạn lường  
 Nên họ không có thật *chơn pháp* này.  
*Đạo* duy nhất không hai chỉ một,

Thanh tịnh tâm rốt ráo hoàn toàn”.

**Văn-Thù** tay chấp nghiêm trang  
Hỏi **Phật** vì Chúng thế gian sau này:  
“Như lời của **Phật** đây *quyết định*  
Có : *Thường, Lạc, Ngã, Tịnh* thật mà,  
Thời các *ngoại đạo* lẽ ra  
Cũng có *thật đế* đó là không sai,  
Mà **Phật Pháp** trong đây chẳng có  
Mong **Như Lai** giảng rõ điều này”.

Các phái *ngoại đạo* thuyết bày  
Nói *hành* sự thật cho đây là “*thường*”.  
Thế nào gọi là *thường còn* vậy ?  
Vì khả ý, bất khả ý chẳng,  
Và các *nghiệp báo .v.v...*

Đã thọ rồi chẳng mất phần đặng đâu.  
Nói khả ý mười báo lành vẹn,  
Bất khả ý mười báo chẳng lành.

Nếu cho rằng các sự *hành*  
Thảy đều tất cả *vô thường* là sai,  
Kẻ tạo *nghiệp* một mai đã mất  
Thời lấy ai thọ *quả báo* chẳng.  
Do nghĩa này họ cho rằng



Các *hành* như vậy thật chân là *thường*,  
Như *sát sanh* do *nhơn duyên* tạo  
Gọi là *thường* ngoại đạo tán dương.  
Nếu cho rằng là *vô thường*  
Kẻ giết, bị giết *vô thường* cả thôi,  
Còn ai *đọa* vào nơi *địa ngục*  
Mà thọ tội *báo ứng* ác nhân.  
Nếu nói *quyết định* cho rằng  
Thiệt có *địa ngục* muôn phần gồm ghê  
Thời các *hành* chẳng hề hư dối  
Là *vô thường* dời đổi biến di,  
Như *chuyên tâm* biết nhớ ghi  
Trải qua gần nhất chu kỳ mười năm,  
Hay trăm năm cái tâm vẫn vậy,  
Chẳng thể nào quên mất *tư lương*,  
Vì thế nên gọi là *thường*.  
Còn nếu là nói *vô thường* đổi thay,  
Thời những việc hôm nay thấy biết  
Lấy gì để ghi nhớ trong lòng.  
Do cố ấy, nghĩa *dung thông*  
Các *hành* không phải nằm trong *vô thường*.  
Tất cả *hành* như tâm tưởng nhớ

Phải nên biết đây mới là *thường*.

Như người mình đã yêu thương  
Hình ảnh cứ mãi vấn vương trong lòng.

Cho dầu có núi sông cách trở

Khi gặp lại trí nhớ biết ngay

Tay chân cho đến mặt mày

Dẫu có biến dạng đổi thay dáng hình.

Nếu *vô thường* chẳng nhìn nhận được

*Tướng* thấy biết ngày trước mất đi.

Như nghề nghiệp do kiên trì

Học tập, tạo tác, phát huy lâu dài

Sau mới đặng thành tài khá giỏi,

Vì vậy nên đây gọi là *thường*.

Như phép tính đếm đo lường

Từ một nhẵn đến hai, ba, trăm, ngàn,

Nếu *vô thường* hợp tan biến đổi,

Lẽ ra một phải *diệt* liền ngay,

Nếu một không diệt có hai,

Hoặc là ba, bốn hoặc hay trăm, ngàn.

Vì thế gọi là *thường* mới phải

Lẽ nào đây cho lại *vô thường*.

Như đọc tụng theo đúng phương:

Là phải đọc nhưt *A-Hàm* trước tiên,

Rồi đến nhì *A-Hàm* kế tiếp

Nhẫn đến đọc tam, tứ *A-Hàm*.

Nếu là *vô thường* hoàn toàn

Thời chỗ đọc tụng chẳng tròn bốn đầu.

Do đọc tụng bền lâu tăng trưởng

Cho đến chỗ *vô hạn* là *thường*.

Bình, y, xe cộ, ruộng vườn,

Như người mang nợ lo lường khổ âu,

Hoặc hình tướng, địa cầu, sông, núi

Hay hoặc là dòng suối, rừng cây,

Hoặc như cỏ thuốc rất hay,

Chúng sanh trị bệnh hằng ngày không ngưng

Tất cả đều là *thường* chẳng khác.

Nên *ngoại đạo* bày bác nói rằng

Các *hành* đều là *thường* chân

Sánh với *thật đế* ngang bằng không hai.

Bạch **Thế Tôn ! Như Lai ! Đức Phật !**

Các *ngoại đạo* nói *lạc* như vậy ...

Thế nào biết *lạc* có đây ?

Vì người đã thọ an bày nơi tâm

*Quyết định* đặng báo lành khả ý,

Nên chẳng còn suy nghĩ lo lường.  
Như vị *Đại Phạm Thiên Vương*,  
Hoặc là *Đại Tự Tại Thiên* cao cường,  
Hay ***Thích Đề Hoàn Nhơn*** chẳng hạn  
Và *Chư Thiên* hơn hẳn phàm trần.  
Do nghĩa này họ nói rằng  
*Quyết định có lạc* thật chân hoàn toàn.  
Lại vì cõi *thế gian* sanh chúng  
Mong cầu là ai cũng an thân  
Nên *ngoại đạo* mới nói rằng  
Có *lạc* vui hưởng vô ngần thật chân.  
Như người đói cầu ăn hết đói,  
Người khát cầu nước uống qua cơn,  
Lạnh cầu ấm không gì hơn,  
Nóng cầu mát mẻ vui mừng xiết bao,  
Người mệt nhọc cần cầu ngơi nghỉ,  
Người bệnh cầu chữa trị mau lành.  
Nếu không có *lạc* đạt thành  
Duyên cố gì lại *Chúng sanh* mong cầu.  
Do vì có người cầu khao khát  
Nên biết rằng có *lạc* thật chân.  
Các *ngoại đạo* lại cho rằng

*Bố thí* có thể *đắc phần lạc an*.

Người đời ưa thi ân *bố thí*

Cho *Sa môn*, cho *Bà La môn*,

Và kẻ nghèo khổ tận cùng

Y phục, vật thực, đồ dùng .v.v...

Hoặc giường nằm, thuốc thang, voi, ngựa

Hay xe cộ, hương đốt, hương thoa,

Đèn đuốc, vàng bạc, cửa nhà ...

*Bố thí* những thứ như là kể trên,

Vì họ muốn *phước điền* gieo tạo

Để đời sau *thọ báo* lành nhân.

Vì thế nên phải biết rằng

*Quyết định* có *lạc* thường chân trong trần.

Lại *ngoại đạo* nói rằng chẳng khác

Người *thọ lạc* đủ các *nhơn duyên*

Nên có *lạc xúc* triền miên

Nếu không có *lạc nhơn duyên* đâu thành,

Như sừng thỏ, lông rùa không có

Không *nhơn duyên Lạc* đó nào sanh.

Vì có *nhơn duyên Lạc* thành,

Nên biết có *Lạc báo* lành không sai.

*Ngoại đạo* nói *Lạc* đây gồm đủ

Thượng, trung, hạ *thọ lạc* khác nhau.

*Thọ lạc* bậc hạ như sau:

Là vị *Thích Đề Hoàn Nhơn* đứng đầu.

*Thọ lạc* vào bậc trung phẩm vị

*Đại Phạm Thiên* quản trị *Ta-bà*,

*Thọ lạc* bậc thượng đó là

Đấng *Đại Tự Tại Thiên* tòa tối năng.

Vì thế nên biết rằng có *lạc*

So *thật để* chẳng khác gì hơn.

*Ngoại đạo* hô hào phô trương

Nói rằng có *tịnh*, *chơn thường* tâm ta

Nếu không *tịnh* lẽ ra muôn loại

Chẳng sanh lòng mong muốn nữa đâu.

Vì có mong muốn tham cầu

Nên biết có *tịnh* lẽ nào là không.

Như vàng, bạc, *lưu ly*, châu báu,

Hay *pha lê*, *mã não*, san hô,

Suối mát, sông, biển, ao hồ,

Vật thực, y phục, hoa hương, đèn, dầu,

Những vật ấy thấy đều là *tịnh*,

Thân *ngũ ấm* cũng chính như là:

Chứa đựng *tịnh* khí sanh ra

Thân người, **Tiên**, **Thánh** hay là *Chư Thiên*,  
 Hoặc *Bích Chi* hoặc *A La Hán*,  
 Hoặc **Bồ Tát**, **Chư Phật** nói chung.

Do nghĩa này xét cho cùng  
 Nên gọi là *tịnh*, viên đồng thật chân.

Lại *ngoại đạo* nói rằng có *ngã*  
 Vì thấy biết, tạo tác sinh ra.

Ví như có người vào nhà  
 Cửa thợ đồ gốm, thật thà không hay.

Dẫu chẳng thấy mặt mày người chủ  
 Nhưng nhìn qua dụng cụ hành nghề

*Quyết định* biết rằng không xê  
 Là nhà thợ gốm chẳng hề nào sai.

*Ngã* cũng vậy, do đây mắt thấy  
 Phân biệt *sắc* có *ngã* mà ra.

Nếu không có *ngã* trong ta  
 Thời ai có thể thấy qua *sắc* hình ?

Nhấn cho đến âm thanh nghe thấy  
 Đến *giác xúc* cũng vậy không sai.

Họ lại nói có *ngã* này  
 Làm sao biết có ? Giải bày phân qua.

Do nơi *tướng* hiện ra mà biết:

Như thở, ngáy, ngó liếc, khóc, cười,  
Lãnh thọ mọi sự trên đời  
Phóng tâm, hờn giận, khổ, vui, tham cầu,  
Đều là *tướng* trước sau của *ngã*  
Vì thế biết tất cả *ngã hành*.  
*Ngoại đạo* cũng lại nói rằng  
Có *ngã*, vì bởi biết phân vị mùi:  
Như có người ăn nhiều trái quả  
Thấy trái quả biết cả vị mùi.  
Do đây nên biết thấy thời  
*Quyết định* có *ngã* ở nơi muôn loài.  
Các *ngoại đạo* biện bày lại nói  
Có *chấp tác* nên mới làm ra  
Nên biết có *ngã* đó là:  
Như cầm lưỡi hái gặt mà lúa đây,  
Như cầm búa đốn cây, chặt củi,  
Cầm bình thì đựng nước để dùng,  
Cỡi ngựa phải cầm dây cương,  
Do đó *quyết định* *ngã* thường trong ta.  
Lại nói lúc sanh ra đòi bú  
Do tập quán đời trước cứ mang,  
Nên biết *quyết định* rõ ràng



Có *ngã* hiện diện thế gian *Ta-bà*.  
Các *ngoại đạo* nói là vì bởi  
Do *hòa hiệp* làm lợi nhân loài  
Nên biết rằng có *ngã* đây:  
Ví như xe cộ hoặc hay cửa nhà  
Hoặc núi rừng hay là cây cối  
Hoặc trâu, dê, voi, ngựa .v.v...  
Những vật như vậy vừa phân  
Nếu là *hòa hiệp* ích nhân lợi đời.  
*Ngũ ấm* trong thân người cũng vậy:  
Như *nhãn căn*, *nhĩ căn* .v.v...  
Vì có *hòa hiệp* thiết cần  
Đều là *lợi ích* Chúng nhân cõi trần,  
Do đó *quyết định* rằng có *ngã*  
Bằng *vô ngã* tất cả đều không.  
Lại nói có *ngã* vì rằng  
Bởi có sự vật cách ngăn chướng đồng.  
Như không vật thời không ngăn ngại.  
Nếu có vật ắt phải ngại ngăn.  
Vì có ngăn ngại biết rằng  
*Quyết định* có *ngã* thật chân hoàn toàn.  
Lại *ngoại đạo* luận bàn lý giải

Có bạn cùng chẳng phải bạn đây  
 Nên biết là có *ngã* này  
 Nếu không có *ngã* vậy ai điều hành.  
 Như thân yêu cùng là chẳng phải  
 Thân yêu, thời chẳng phải bạn đây.  
*Chánh pháp* với ***tà pháp*** này,  
 Trí với chẳng trí cả hai bất đồng,  
*Sa môn* chẳng *Sa môn* đó vậy,  
*Bà La môn* chẳng *Bà La môn*,  
 Con cũng chẳng phải là con,  
 Ngày, đêm chẳng phải với cùng ngày đêm,  
*Ngã* cùng với chẳng là phải *ngã*,  
 Tất cả *pháp* như đã phân bày,  
 Là bạn chẳng phải bạn đây,  
 Nên biết có *ngã* nghĩa này không sai.  
**Bạch Thế Tôn ! Như Lai ! Ứng Cúng !**  
 Các *ngoại đạo* vận dụng nhiều phương  
 Nói có *ngã, tịnh, lạc, thường*  
 Chắc chắn *quyết định* là đường siêu nhiên.  
 Do nghĩa đó cho nên tuyên bố  
 Rằng: Ta có *chơn đế* không hai.  
**Phật** bảo **Văn-Thù Đức Ngài**

Ông hãy ghi nhớ lời này **Như Lai**.  
 Nếu đời sau có ai bất luận  
*Bà la môn* hay những *Sa môn*  
 Xu hướng tà thuyết dị ngôn  
 Nói có *thường*, *lạc* tự tôn khoe rằng  
 Hoặc *ngã*, *tịnh* bày phân như vậy  
 Thời người đó chẳng phải *Sa môn*,  
 Hay dòng dõi *Bà la môn*,  
 Vì họ *điên đảo* tâm hồn u mê  
 Nơi *sanh tử* chẳng hề ra khỏi  
 Tự xa lìa bực *Đại Đạo Sư*  
*Nhứt thiết trí* chứng *Chơn như*  
 Vô thượng *Chánh giác* trời người xưng danh.  
 Hàng *Sa môn tu hành* như vậy,  
 Thiếu *trí huệ* nhìn thấy pháp lành,  
 Tham đắm *ngũ dục* lợi danh,  
 Chẳng bao giờ *đắc đạo* thành tương lai.  
 Hàng *ngoại đạo* này đây ràng buộc,  
 Trong ngục tối không được *tuệ* minh,  
*Sân hận*, *ngu si*, tội tình  
*Kham nhẫn thọ lạc* để mình sướng vui.  
 Các *ngoại đạo* đó thời vẫn biết

*Nghiệp* mình làm mình thiệt chịu mang,  
 Nhưng chẳng xa lìa *khổ* nài  
*Pháp* ác gieo tạo ngày càng thêm tăng.  
 Hàng *ngoại đạo* đức năng khô cạn,  
 Không *chánh pháp*, *chánh mạng*, *chánh nhân*,  
 Để tự nuôi sống bản thân  
 Nói *thường*, *lạc*, *tịnh*, *ngã* chân dối lừa,  
 Vì họ không có lửa *trí huệ*  
 Nên chẳng thể tiêu hóa khổ sâu.  
 Các *ngoại đạo* này mặc dầu  
 Pháp lành mong muốn đạo mầu liễu viên,  
 Nhưng tâm chẳng năng siêng tu tịnh  
 Khó làm cho căn tính lành nhân.  
 Các *ngoại đạo* vẫn biết rằng  
 Cầu ***Chánh giải thoát*** cõi trần sớm ra,  
 Nhưng cấm giới bỏ qua chẳng giữ  
 Biết chừng nào thành tựu đạo mầu.  
 Các *ngoại đạo* này mong cầu,  
 Cầu vui nhưng chẳng có cầu nhưn vui.  
 Các *ngoại đạo* hiện thời thấy biết  
***Bốn răn độc*** quán siết vào thân  
 Nhưng vẫn *phóng dật* ngũ, ăn

Mấy khi tỉnh thức nhận lầm lối sai.  
 Các *ngoại đạo* ít ai nhìn thấy  
 Bị *vô minh* che đậy ***quán manh***  
 Xa rời những phương pháp lành  
 Thích ở *Tam giới* tử sanh *luân hồi*,  
 Lửa *vô thường* muôn đời đốt cháy  
 Chẳng thể nào *Tam giới* thoát ra.  
 Các nhà *ngoại đạo* nhiễm qua  
 Căn bệnh *phiền não* rất là hiểm nguy.  
 Họ chẳng cầu lương y *Đại trí*  
 Chỉ phương thuốc chữa trị lành ngay.  
 Các *ngoại đạo* này tương lai  
 Đi trên đường hiểm nạn tai muôn ngàn  
 Không hay biết khổ than cam chịu,  
 Chẳng *tu tập* lo liệu về sau,  
*Tư lương* pháp lành giồi trau,  
*Trang nghiêm* tâm tánh nâng cao *Phật đường*.  
 Các *ngoại đạo* này thường thẳng thúc,  
 Bị tên độc ***dâm dục*** hại thân,  
 Biết rồi mà chẳng trừ ngăn,  
 Vậy còn trái lại đem tâm buộc vào,  
 Độc *ngũ dục* làm hao ***lý trí***

Không tỉnh hồi khổ lụy tai ương.  
Các *ngoại đạo* ưa giận hờn  
Hung dữ mà lại yêu thương bạn tà.  
Các *ngoại đạo* này là thường gặp  
Mây *vô minh* che lấp mù lòa,  
Trở lại tìm cầu *pháp tà*  
Ngàn đời cam phận *đọa sa* ngục đường.  
Các *ngoại đạo* này thường *tà kiến*  
Mà trở lại thân thiện mê lầm  
Với *tà kiến* buộc vào tâm,  
Bể trần lặn hụp *trầm luân ái hà*.  
Các *ngoại đạo* này là mong mỗi  
Mình được ăn trái ngọt thơm nồng  
Lại chọn giống đắng gieo trồng  
Dầu có ước muốn chẳng mong như lòng.  
Các *ngoại đạo* ở trong nhà tối  
Mà xa lìa ngọn đuốc thiên lương.  
Các *ngoại đạo* này nhiễm vương  
Bệnh khát *phiền não* khổ than nơi lòng  
Mà trở lại uống dòng nước mặn  
Bao *dục nhiễm* dơ cặn chứa dầy.  
Lại các phái *ngoại đạo* này

Mê lầm vọng tưởng luận bày phô trương

Nói các hành là thường còn mãi

Lời nói này xét lại đều sai.

Này Thiện nam tử nghe đây !

**Như Lai quán sát** thấu ngay tận tường.

Các hành đều vô thường hết thảy.

Tại sao biết như vậy giải bày ?

Vì các hành của muôn loài

Tất cả do bởi *nhơn duyên* cấu thành.

Phàm những pháp có *sinh* có *diệt*

Do *nhơn duyên* thời biết vô thường.

Các nhà ngoại đạo đáng thương !

Nói thường chẳng xét khoa trương chây ò

Họ có nói pháp gì chẳng dính

Từ *nhơn duyên* quyết định sanh ra.

Này Thiện nam tử nghe qua !

**Phật tánh** chơn thật không là *diệt sanh*,

Không đi, đến, hợp thành, tan hoại,

Chẳng quá khứ, hiện tại, vị lai,

Chẳng phải do *nhơn* hiện bày

Mà cũng chẳng phải không rày do *nhơn*,

Cũng chẳng phải tu chơn tạo tác,

Cũng chẳng phải *tác giả* đó là,  
 Chẳng phải *tướng* sanh, bệnh, già,  
 Chẳng phải *không tướng* hợp hòa mà sanh,  
 Chẳng phải *đanh*, không *đanh* chẳng phải,  
 Chẳng phải *Sắc* hư hoại *vô thường*,  
 Chẳng phải dài, ngắn đo lường,  
 Chẳng phải là *ám*, *giới*, *nhập*, nhiếp trì.  
 Vì thế nên những gì **Ta** nói  
**Phật tánh** đây được gọi là “*thường*”.  
 Nay *Thiện nam tử* lăm tường !  
**Ta** vì sanh Chúng rộng đường *pháp* khai.  
**Phật tánh** là **Như Lai** không khác,  
**Như Lai** là *pháp* chẳng hề sai,  
*Pháp* là *thường* không đổi thay  
 Chẳng có *sanh diệt* vượt ngoài *thế gian*.  
 Thiện nam tử ! Hoàn toàn như vậy,  
 “*Thường*” sự thật chính là **Như Lai**,  
**Như Lai** là *Tăng* không hai,  
*Tăng* là *thường trụ* chẳng thay đổi dời.  
 Do nghĩa này nên thời các *pháp*  
 Từ *nhơn duyên* phù hạp sanh ra  
 Chẳng gọi là *thường* sai ngoa



Phải cần quán sát sâu xa kỹ càng.  
Các *ngoại đạo* bàng quan này nói  
Không một *pháp* nào chẳng duyên sanh.  
Do họ không hiểu ngọn ngành  
Chẳng thấy **Phật tánh** cội lành **Như Lai**.  
**Như Lai** cũng chính đây *Phật pháp*.  
*Pháp chơn thường* chẳng có khác sai.  
Vì thế nên lời nói này  
Của các *ngoại đạo* kém tài vô năng  
Không *Chơn đế* cho rằng là có  
Tội *vọng ngôn* quá rõ ràng thay !  
Như *phàm phu* lúc trước đây  
Thấy bình, y phục hoặc hay cửa nhà,  
Hoặc nước sông hoặc là rừng núi,  
Hoặc nữ, nam, voi, ngựa, trâu, dê,  
Lúc sau nhìn thấy mọi bề  
Tương tự lúc trước chẳng hề đổi thay  
Cho là *thường* nghĩa này xét lại,  
Những vật ấy chẳng phải là *thường*.  
Thiện nam tử ! Đấng *Pháp Vương*!  
Hiểu rõ các *pháp* vô thường *hữu vi*.  
*Pháp vô vi* duy trì *thường* mãi,

Như *hư không* tồn tại còn hoài  
 Tức là **Phật tánh** không hai,  
**Phật tánh** là chính **Như Lai** khác gì,  
**Như Lai** là *vô vi* chỉ một  
*Vô vi* là cao tột *thường hằng*,  
*Thường* là *Pháp*, *Pháp* là *Tăng*  
*Tăng* là không có, *sở năng* dị đồng,  
*Pháp* *vô vi* thường không *sinh diệt*  
 Mong đời sau thấu biết nghĩa chơn.  
 Nay *Thiện nam tử* tri tường !  
 Có hai thứ *pháp* *vô thường hữu vi*:  
 Một là gọi những gì “*sắc pháp*”;  
 Kế là “*phi sắc pháp*” thứ hai.  
*Phi sắc pháp* được giải bày  
 Là *tâm*, *tâm sở* như loài *sinh ra*.  
 Còn *sắc pháp* gọi là *Tứ đại*  
 Như đất, nước, gió, lửa gồm chung.  
*Thiện nam tử* ! Xét cho cùng.  
*Tâm* luôn phóng túng chẳng dừng nghỉ ngơi.  
 Là *vô thường* đời đời liên tục,  
 Vì *tánh* nó dấy đục *phan duyên*,  
*Phân biệt* tìm cầu triền miên

Chẳng khi nào đặng nghỉ yên phút giờ.

Tánh *nhãn thức* khác cơ *ý thức*

*Quán sát* rành nó thật *vô thường*.

“*Cảnh giới Sắc*” lại khác hơn,

Đến “*Cảnh giới Pháp*” lại còn khác xa.

Vì vậy nên *tâm* và *tâm sở*

Là *vô thường* muôn thuở khác sai.

Này *Thiện nam tử* nghe đây !

**Như Lai** kế tiếp giải bày phân qua.

Nếu *tâm* là *thường* thời *nhãn thức*

Một mình *duyên* tất cả *pháp trần*.

Nếu *nhãn thức* này khác chẳng

Nhấn đến *ý thức* biệt phân chẳng đồng,

Thời biết là *vô thường* tạm bợ,

Bởi các *pháp* tương tự giống nhau,

*Niệm niệm* sanh diệt trước sau,

Do đó ngoại đạo *chấp* vào nơi *tâm*

Cho là *thường* nhận lầm tướng thật,

Nhưng xét ra vạn vật *vô thường*.

*Thiện nam tử* ! Phải lãm tường

Thấu biết các *tướng* do *nhơn duyên* bày

Có thể phá *tướng* này hư hoại,

Nên cũng gọi là *Pháp hữu vi*.  
Như nhưn *nhãn căn* đây thì,  
Nhưn *sắc*, ánh sáng, *tư duy* con người  
Mà sanh ra có thời *nhãn thức*  
*Phân biệt* đặng màu sắc đỏ, vàng ...  
*Nhĩ thức* sanh ra hoàn toàn  
Nghe rõ các tiếng vọng vang xa gần  
Nhưn *nhĩ thức* biệt phân lại khác  
Chẳng giống như *nhãn thức* vậy đâu,  
Nhấn đến nhưn *duyên* cao sâu  
*Ý thức* chủ quản dẫn đầu *ngũ căn*.  
Thiện nam tử ! Do nhưn phá hoại  
Các hành đều sai khác khôn lường,  
Nên tâm gọi là *vô thường*.  
Những gì giảng giải tận tường xét tri:  
Như tâm tu *hữu vi pháp* khác,  
Như tâm tu khổ, không khác mà.  
Nếu tâm là *thường* lẽ ra  
Thường tu một *pháp hữu vi* vô thường.  
Chẳng đặng quán *khổ, không, vô ngã*  
Huống hồ quán *ngã, tịnh, lạc, thường*.  
Do nghĩa này đã tận tường

Các pháp *ngoại đạo* là đường lầm sai.  
 Chẳng có thể nhiếp đây bốn pháp  
 Là *thường, lạc, ngã, tịnh* thật chơn.  
 Phải biết **tâm pháp** đó rằng  
*Quyết định* là pháp vô thường hữu vi.  
 Thiệt nam tử ! Khéo tri *quán sát*  
*Tâm tánh* luôn sai khác khó lường.  
 Vì vậy, nên gọi vô thường.  
 Sau đây thí dụ tỏ tường định phân.  
 Như *tâm tánh Thanh Văn* lại khác,  
*Tâm tánh* bậc *Duyên Giác* khác hơn,  
*Tâm tánh* Chư **Phật** chơn thường,  
*Tâm tánh* sanh Chúng sáu đường khác sai.  
 Các *ngoại đạo* này đây lại có  
 Ba thứ tâm phân rõ như là:  
*Một* là tâm khi *xuất gia*,  
*Hai*, tâm còn *nghiệp* gọi là tại gia,  
*Ba* là tâm lìa xa sự nghiệp  
 Chẳng có còn thương tiếc vấn vương.  
*Tâm* luôn đối tác *tương ứng*  
 Với *lạc*, tâm khởi vui mừng hân hoan  
 Đối với *khổ* sâu than bi lụy,

Không *khổ*, *lạc* tâm ý thông dong  
Tâm *tham dục* luôn cầu mong  
Làm sao thỏa mãn dục lòng thiết hơn,  
Tâm *sân hận*, giận hờn hung tợn,  
Tâm *ngu si*, *nghiệp chướng* gieo sâu.  
**Tâm tương ứng** luôn khác nhau  
*Niệm niệm* liên tục khó nào dừng ngăn.  
Về **tâm tương** phạm nhân cũng khác:  
*Tâm tương ứng nghi hoặc*, *ngu si*,  
Cùng *tà kiến* đều khác thì,  
Lúc đi hay đứng hoặc khi ngồi, nằm,  
Những hành vi nơi *tâm* như vậy,  
Đều khác sai chẳng thấy giống nhau.  
Nếu *tâm* là *thường* thật nào  
Chẳng có *phân biệt* sắc màu đỏ, xanh ...  
Nếu *tâm* là *thường* không biến hoại  
Thời lẽ ra *tâm* ấy chẳng quên  
Những việc ghi nhớ trước tiên  
Sao còn lẫn lộn *đảo điên* đuôi đầu.  
Nếu *tâm* là *thường*, dầu đọc tụng  
Lẽ ra chẳng có giảm, có tăng.  
Nếu *tâm* là *thường* thật *chân*

Lẽ ra chẳng có nói năng lời *phàm*:

Tôi đã làm, đang làm hết sức

Và sẽ làm tận lực của mình.

Lời nói từ tâm phát sinh

Ba thời điểm khác, định ninh so lường.

*Quyết định* là *vô thường* đó vậy,

Bởi vì tâm nhìn thấy khác sai.

Nếu *tâm* là *thường* chẳng thay,

Thời không thân ái, không đây oán thù

Cũng chẳng thân, oán cừu *phân biệt*

*Tâm* như vậy quả thiệt là *thường*.

Nếu *tâm* là *thường* thật *chơn*

Chẳng có ý niệm so lường với nhau:

Vật của tôi đẹp bao xinh xắn,

Vật của người khó đặng sánh bằng,

Hoặc nói sống, chết, hợp tan,

Tốt xấu, giàu có, nghèo nàn, đục trong,

Nếu *tâm* là *thường*, không như vậy,

Dầu tạo tác chẳng thấy giảm, tăng.

Do những nghĩa đó vừa phân

Nên biết *tâm tánh* Chúng nhân *Ta-bà*

Mỗi mỗi *niệm* đều là sai khác.

Vì sai khác nên *quyết định* rằng:  
 “Là *vô thường* pháp thế gian  
 Diệt sanh, *sanh diệt*, hợp tan đổi dời.”  
 Thiện nam tử ! Nay thời **Đức Phật** !  
*Phương tiện* trong *tâm pháp* này đây  
 Diễn nói *vô thường* nghĩa bày  
 Để đời sau rõ không ai lạc lầm.  
 Nay vì Ông thành tâm vấn hỏi  
**Đức Như Lai** giảng nói đề bài:  
*Sắc* là *vô thường* chẳng sai,  
 Vì bởi vốn nó không rày có *sanh*,  
 Vì *sanh* đã biến thành hoại diệt.  
 Như lúc thân còn ở thai bào  
 Vốn không có *sanh* vì sao,  
 Vì *sanh* đã biến đổi bào thai nhi.  
 Các mầm cây đây thì cũng vậy  
 Không có *sanh*, *sanh* ấy biến dời.  
 Do đó biết rằng trên đời  
 Tất cả *sắc pháp* hiện nơi *vô thường*.  
 Thiện nam tử ! *Sắc thân* muôn loại  
 Theo thời gian biến hoại rất nhanh:  
 Mới tượng thai đến khi *sanh*,



Lúc còn thơ bé, trưởng thành lớn khôn  
Nhấn đến tuổi hoàng hôn gối hạc  
Luôn luôn đều đổi khác tướng hình.

Lúc nẩy mầm, lên cây xanh,  
Đâm cành ra lá, kết thành nụ bông,  
Đến khi quả chín nồng, ngọt, lạt,  
Tất cả đều đổi khác chẳng sai.

Lại ở trong chất vị này  
Cũng là đổi khác hằng ngày trôi qua,  
Lúc tượng thai đến già cao tuổi  
Nó luôn luôn biến đổi không ngừng.

Mầm cây, nhánh lá, trái bông ...  
Chất vị đổi khác lạt, nồng, ngọt, chua.  
Sức tuổi trẻ, già nua đổi khác.  
Trạng mạo của đứa trẻ sanh ra

Nhấn đến trạng mạo người già  
Cũng đều thay đổi thật là chẳng sai.

*Danh tự* lúc tượng thai cũng vậy,  
*Danh tự* lúc chùng ấy tuổi già

Âm thầm thay đổi khác xa,  
*Sắc thân* này có hiệp hòa hoại tan,  
Nên biết rằng thế gian *sanh diệt*,

Ngẫm xét ra vốn thiệt *vô thường*.  
Cây cối, rừng rậm, ruộng vườn  
Có hiệp, có hoại *vô thường* đấy thôi.  
Thứ đệ *sanh* lần hồi chuyển đổi,  
Lúc tượng thai đến tuổi trưởng tăng.  
Lúc nẩy mầm rồi lần lần  
Đến khi kết trái muôn phần đổi thay.  
Vì thế nên ta đây phải biết  
Là *vô thường sanh diệt* không ngừng.  
Những *sắc pháp*, như *sắc thân*  
Có thể hoại diệt theo từng thời gian,  
Như lúc còn thai mang bụng mẹ  
Sự hoại diệt cũng sẽ xảy ra  
Nhấn đến khi tuổi đã già  
Hoại diệt nhanh chóng đều là khác sai.  
Lúc nẩy mầm lên cây hoại diệt,  
Cho đến khi được kết trái rồi,  
Đều là hoại diệt lần hồi  
*Vô thường* tan hợp đổi dời lẹ thay.  
Người *phàm phu* ít ai hiểu biết  
Thấy tương tự cho thiệt là *thường*.  
Do những nghĩa này phô trương

Nên gọi là pháp vô thường *hữu vi*.  
Đã vô thường tức thì là *khổ*,  
Đã là *khổ* không chỗ nào an,  
Chính là *bất tịnh* thân mang,  
Hãy nên nhận định rõ ràng chẳng sai.  
Thiện nam tử ! Luận về các *hạnh*  
Đều thật không có *ngã* trong đây.  
Tổng kết tất cả *pháp* này  
Không ngoài hai thứ giải bày đực trong:  
“*Sắc* và *tâm*”. *Sắc* không phải *ngã*,  
Vì *sắc* có thể phá, hoại tan,  
Có thể đập, vỡ hoàn toàn,  
Có thể tăng trưởng thời gian kéo dài.  
Luận về *ngã* không tà phá hoại,  
Hay đập vỡ, hay lại trưởng tăng.  
Do nghĩa này nên biết rằng  
*Sắc* chẳng phải *ngã*, định phân rõ ràng.  
Luận về *tâm*, *tâm* không phải *ngã*,  
Vì *nhơn duyên* biến hóa khởi *sanh*.  
Các *ngoại đạo* chuyên *niệm* rành  
Cho là có *ngã*, *chấp* danh tự mà.  
*Tánh* chuyên *niệm* thật ra xét lại

Cũng chẳng phải là *ngã* thiệt đây  
Nếu do chuyên *niệm* hằng ngày  
Có *ngã* trong đó nghĩ sai mọi bề.  
Những việc nhớ thuộc về quá khứ  
Có lúc quên chẳng nhớ vì sao ?  
Do có quên mất buổi đầu  
*Quyết định* không có *ngã* nào nơi *tâm*.  
Lại *ngoại đạo* cho rằng ức tưởng  
Mà biết là có *ngã* trong đây,  
Có lúc không ức tưởng này  
*Ngã* đâu chẳng thấy hiện bày *sanh* ra.  
Nên *quyết định* biết là không *ngã*,  
Phàm ít ai tiêu hóa nghĩa này.  
Lại có thí dụ như vậy:  
Người kia bắt gặp người này nhìn qua  
Thấy bàn tay chìa ra sáu ngón  
Bèn hỏi rằng: Ở chốn nơi đâu !  
Ngày trước ta có gặp nhau  
Hình như chẳng nhớ chút nào trong *tâm*.  
Nếu có *ngã* không cần lại hỏi,  
Vì hỏi nhau nên mới chắc rằng:  
“Biết là không *ngã* thật chân”.

Thí dụ trên đã, phải cần thấu tri.  
Nếu *ngoại đạo* cho vì ngăn ngại  
Mà biết là có *ngã* đó chẳng.  
Xét ra vì có ngại ngăn  
Quyết định *vô ngã* chắc rằng không sai.  
Như nói *Điều Đạt* đây thời trọn,  
Nói *Điều Đạt* không phải là sai.  
Cũng vậy, thí dụ như vậy ...  
Quán xét góc cạnh đúng, sai phơi bày.  
Nếu *ngã* quyết định đây là *ngã*  
Thời trọn chẳng ngăn ngại *ngã* mà.  
Vì có ngăn ngại, đó là  
*Vô ngã* quyết định thật ra hoàn toàn.  
Nếu vì ngăn ngại mà thấy biết  
Là có *ngã* quả quyết lầm sai,  
Nay Ông chẳng ngăn ngại đây  
Đáng lẽ không *ngã* nghĩa này đúng thôi !  
Thiện nam tử ! Như lời *ngoại đạo*  
Nói vì bạn chẳng phải bạn đây  
Mà biết rằng có *ngã* này  
Căn cứ thuyết đó có sai chẳng là ?  
Vì không bạn lẽ ra không *ngã*.

Có những pháp không bạn dưới đây:

**Hư không, Phật tánh, Như Lai.**

*Ngã* cũng như vậy không ai bạn mình.

Do nghĩa này tự tin chắc chắn

Là không *ngã* quyết chẳng đổi thay.

Thiện nam tử ! Lại như vậy ...

Nếu các *ngoại đạo* những ai cho rằng:

Có *danh tự* nên *tâm* mới biết

Là có *ngã* sự thiệt lầm sai.

Trong *pháp* không *ngã* ở đây

Cũng có *danh tự* *ngã* này như sau:

Có người nghèo đói đau khổ lụy

Mà tên là Phú Quý trong đời.

Như nói ta chết cho rồi,

Nếu ta đây chết ta thời giết ta,

Nhưng *ngã* này thật ra chẳng giết,

Chỉ giả danh là giết chết ta.

Cũng như người lùn xấu xa

Mà tên *Trưởng giả* nghe qua giật mình.

Do nghĩa này tự tin chắc chắn

Biết không *ngã* quyết chẳng hề sai.

Thiện nam tử ! Lại như vậy ...

Nếu các *ngoại đạo* này đây thuyết rằng:

Vì đưa nhỏ mới sanh đòi bú

Nên biết là có *ngã* chẳng sai.

Nếu là có *ngã* thật đây

Tất cả đưa trẻ không ai độn đần,

Chẳng có nên bốc phân mình vậy,

Hoặc đất, lửa, thuốc độc .v.v...

Do nghĩa này nên chắc rằng

Biết không có *ngã* thật chân hoàn toàn.

Thiện nam tử ! *Thế gian* sanh chúng

Có ba điều ai cũng giống nhau:

Như ăn uống, dâm dục nào

Hoặc luôn kinh sợ, lo rầu, buồn vui.

Sự cảm nhận mọi người như cả,

Vì thế nên không có *ngã* này.

Thiện nam tử ! Lại như vậy ...

Nếu các *ngoại đạo* này đây cho rằng:

Có tướng mạo *sắc thân* mới biết

Là có *ngã* sự thiệt ở trong.

Lý luận như vậy chẳng thông,

Vì *chấp* có *tướng* nên không *ngã* mà,

Không có *tướng* cũng là không *ngã*.

Như lúc ngủ chẳng thể đứng, đi,  
 Ngược, cúi, ngó nhìn được thì,  
 Chẳng biết đau khổ chẳng gì sướng vui.  
 Nếu như thế đúng thời không *ngã*,  
 Nói có *ngã* thật quả lắm sai.

**Thế Tôn ! Thiên Thệ ! Như Lai**

Chẳng đi, chẳng đứng, chẳng hay nằm, ngồi,  
 Chẳng ngó nhìn, chẳng vui, chẳng khổ,  
 Chẳng *tham*, *sân*, *gây gỗ*, *ngu si*.

**Như Lai tánh** ấy tức thì

Có *ngã* chơn thật không gì sánh hơn.  
 Thiên nam tử ! Xét lường chu đáo.  
 Nếu như các *ngoại đạo* này đây  
 Thấy người nọ ăn trái cây  
 Khát miệng nước miếng sanh đầy trào ra.  
 Nên nói rằng biết là có *ngã*,  
 Lý luận này thật quá bất minh,  
 Họ đâu có biết chính mình  
 Do vì nhớ *tưởng* mà sinh việc này,  
 Nước miếng kia chẳng phải là *ngã*,  
*Ngã* chẳng phải nước miếng sanh ra.  
 Chẳng phải vui buồn khổ a !



Chẳng cười, chẳng khóc, chẳng là đứng, đi,  
 Chẳng nằm, ngồi; chẳng thì no, đói;  
 Chẳng phải mở; chẳng trói, buộc ràng.

Do nghĩa này *quyết định* rằng  
 Biết là không *ngã* thật chân hoàn toàn.

Thiện nam tử ! Các hàng *ngoại đạo*  
*Tâm* lảng xãng, khờ khạo *ngu si*,

Như trẻ nít chẳng biết gì  
 Không có *trí huệ* xét tri tận tường.

Chẳng hiểu *thường*, vô *thường* thấu đáo,  
*Khổ* hay vui, *phiền não*, *Bồ đề*.

*Tâm* họ chẳng những *si mê*  
 Lại còn *tà kiến* mọi bề *chấp* câu.

*Tịnh*, *bất tịnh* cũng đâu rõ biết,  
*Ngã*, vô *ngã* chơn thiệt ngọn ngành,

*Chúng sanh* hay phi *Chúng sanh*,  
*Thật* hay phi *thật*, ác lành, vạy ngay,

*Thọ mạng* hay là phi *thọ mạng*,  
*Hữu*, phi *hữu* khó đặng *tri* ra.

Ở trong *Phật pháp* của **Ta**  
 Họ học chút ít hiểu qua đôi phần

Rồi *vọng chấp* nói năng *thường*, *lạc*,

Có *ngã*, *tịnh* bày bác sai lầm.

Như người *sanh manh* tối tăm  
 Chẳng biết màu sữa trắng vàng biệt phân,  
 Bèn hỏi người khác rằng cho biết  
 Màu sữa đây giống thiệt thứ gì ?

Người nghe hỏi, đáp tức thì:

- Trắng như vỏ ốc không gì khác hơn.

Người *sanh manh* nghi ngờ lại hỏi:

“Tôi nghe lời ông nói vừa qua

Thế thì màu sữa như là

Tiếng thổi vỏ ốc phát ra chẳng à ?”

Người khác đáp: Không là phải vậy.

Người *sanh manh* này lại vẫn nghi

Lại hỏi: Màu ốc giống gì ?

Ông đây nói thật tôi thì nghe qua.

- Màu ốc trắng như là bột gạo.

Người *sanh manh* thăm bảo cho rằng:

Màu sữa mịn nhuyễn thiệt chẳng,

Khi biết không phải lòng càng hỏi qua.

- Màu sữa trắng như là băng tuyết.

Người *sanh manh* vốn thiệt tối tăm.

Suy nghĩ rồi lại cho rằng

Màu sữa lạnh lẽo như băng tuyết à !

Người khác đáp: Bảo là không phải,

- Nó trắng như lông bạch hạc đây.

Người *sanh manh* đáng thương thay !

Nghe bốn thí dụ chỉ bày vừa qua

Mà chẳng đặng nhận ra màu sữa

Dẫu có nói thêm nữa, uống thay.

Cũng vậy, các *ngoại đạo* này

Trọn không thể biết **Như Lai** nhiệm mầu

Là *thường, lạc* cao sâu *ngã, tịnh*.

Do nghĩa này *quyết định* từ nay

Trong *Phật pháp* của **Ta** đây

Có “*Chơn thật đế*” **Như Lai** hăng *thường*.

Không phải hàng *ma vương* *ngoại đạo*

Mà có được “*Pháp bảo*” **Phật** đây.

**Văn-Thù Sư Lợi** chấp tay

Bạch **Phật**: “*Hy hữu* lành thay muôn loài”

Hôm nay, **Đức Như Lai** an lạc

Sắp nhập vào **Đại Bát Niết Bàn**

Lại còn *phương tiện* mở mang

*Chuyển Pháp Luân* độ thế gian *Ta bà*,

Bèn *phân biệt* sâu xa nghĩa lý

Chơn thật đế *pháp* vị không hai.

**Phật** bảo **Văn-Thù** ! Ông nay.

Sao lại phát biểu tỏ bày không hay,

Ở nơi **Đức Như Lai** vọng chấp

*Sanh* quan niệm **Phật** nhập *Niết Bàn*.

Thiện nam tử ! Hỡi bốn ban !

**Như Lai** thường trụ thế gian đời đời,

Chẳng biến đổi, không thời hư hoại,

Nhập *Niết Bàn*, chẳng trụ *Niết Bàn*.

Này *Thiện nam tử* ! Hoàn toàn.

**Như Lai** trọn chẳng có quan niệm là:

**Ta** là **Phật**, **Ta** thành *chánh giác*,

**Ta** đây chính là *Pháp* sâu xa,

*Pháp* là cái có của **Ta**,

**Ta** là có *đạo*, *đạo* là của **Ta**,

**Ta Thế Tôn**, **Thế Tôn Ta** vậy

**Ta Thanh Văn**, **Thanh Văn là Ta**,

**Ta** có thể *thuyết pháp* mà

Làm cho người khác nghe qua *thọ trì*,

**Ta Chuyển Pháp Luân** vì *độ thế*,

Người người không thể *Chuyển Pháp Luân*.

**Đức Như Lai** đã trọn phần

Không có quan niệm cá nhân riêng mình.

Vì *lợi ích* Chúng sinh bình đẳng,

**Đức Như Lai** chẳng *Chuyển Pháp Luân*.

Này *Thiện nam tử* ! Hiểu chẳng !

**Như Lai** không có những quan niệm này.

**Ta** thấy biết thường hay thấy biết,

Sự thấy biết là thiệt của **Ta**,

Tai nghe, mũi ngửi .v.v...

Cũng là như vậy, chẳng là của **Ta**

**Ta** là *sắc*, *sắc* là **Ta** vậy,

Hay tinh, hương cả thảy *pháp trần*,

Cũng là như vậy .v.v...

Nói chung *sáu thức*, *sáu trần*, *sáu căn*.

**Ta** là *thật* vốn rằng *địa đại*,

*Địa đại* là *thật* của **Ta** đây,

Và *thủy, hỏa, phong đại* này,

Cũng là như vậy, chẳng rày của **Ta**.

**Như Lai** cũng không quá quan niệm

*Ngã* đây là *tín nguyện*, *đa văn*,

Nói chung là của **Ta** chẳng,

Chưa hề suy tưởng nghĩ rằng của **Ta**.

Hay **Ta** là *Đàn Ba-la-mật*,

Là **Thi La Ba-la-mật** đây  
 Nhẫn đến **Bát Nhã Như Lai**  
*Sáu Pháp độ thoát* muôn loài của **Ta**.  
**Như Lai** chẳng *chấp* qua các *pháp*,  
*Tứ niệm xứ* hoặc **Tứ Chánh căn**,  
 Nhẫn đến *Bát Thánh đạo* phần  
 Không hề *vọng tưởng* cho rằng của **Ta**.  
**Như Lai** trọn lìa xa quan niệm  
 Như vậy, nên chẳng *Chuyển Pháp Luân*.  
 Thiện nam tử ! Nếu cho rằng  
**Như Lai** *thường trụ* chẳng tăng, giảm nào,  
 Không biến đổi trước sau *Chơn thật*,  
 Sao nói là **Phật Chuyển Pháp Luân** !  
 Vì thế, Ông chớ nói rằng:  
**Như Lai** phương tiện *Pháp Luân chuyển* bày.  
 Thiện nam tử ! Ông đây nên biết  
 Như **nhãn căn** cùng với **sắc trần**,  
 Ánh sáng, *tư duy* .v.v...  
 Sinh ra nhãn thức thấy phân sắc màu.  
*Nhãn căn* chẳng khi nào nghĩ đến  
 Ta sinh ra *thức*, *sắc* này chẳng.  
 Ánh sáng, *tư duy* .v.v...

Cũng chẳng nghĩ đến cho rằng do ta  
 Mà mới đặng *sanh* ra nhãn thức,  
 Nhãn thức cũng chẳng thể tự *sanh*.  
 Những *pháp* nói trên phân rành  
 Do nhưn *hòa hiệp* mới thành thấy đây.  
 Cũng vậy, **Đức Như Lai Chư Phật**  
 Nhưn *Sáu pháp Ba La Mật* này  
 Cùng các pháp *trợ đạo* đây  
 Nên đặng *giác ngộ* thấu ngay *pháp trần*.  
*Nhơn* yết hầu, lưỡi răng, môi miệng ...  
 Mới phát ra được tiếng nói này,  
 Vì các ông **Kiều Trần** đây ...  
**Như Lai** *thuyết pháp* hoằng khai lần đầu  
 Gọi là *Chuyển Pháp Luân* đó vậy.  
 Do nghĩa này, nên **Đức Như Lai**  
 Chẳng gọi là *Chuyển Pháp Luân*  
 Phải nên suy xét thật chân nghĩa này.  
 Nếu chẳng chuyển gọi đây là *Pháp*,  
*Pháp* chính là chơn thật **Như Lai**.  
 Nhưn do bụi nhùi, bàn tay  
 Hoặc do cọ xát ... lửa này phát ra.  
 Bụi nhùi đây hoặc là cỏ rác

Hay bàn tay, cọ xát .v.v...

Tất cả đều chẳng nghĩ rằng

Ta sanh ra lửa này chẳng được mà.

Lửa cũng chẳng nói là không thể

Ta tự sanh tự phát đặng nào.

Cũng vậy, **Như Lai** khác đâu.

*Nhơn do Sáu Pháp Ba La mật này ...*

Vì các ông *Kiều Trần Như* nguyện

Mà thuyết giảng gọi *Chuyển Pháp Luân*.

**Như Lai** trọn chẳng nghĩ rằng

*Vọng tưởng* mình *Chuyển Pháp Luân* chưa từng.

Nếu chẳng nghĩ vui mừng như vậy,

Thời gọi là *Chuyển Chánh Pháp Luân*.

*Chuyển Pháp Luân* nghĩa thật chân

Như vậy, đáng gọi trọn phần **Như Lai**.

Lại thí dụ nghĩa này thấu đạt:

Như do nơi chất lặc, nước, bình ...

Cộng với bàn tay *Chúng sanh*

Mới chế ra được hoàn thành *chất tô*.

*Lạc* ... các thứ trên đều chẳng nghĩ

Rằng ta sanh ra *chất tô* này.

*Chất tô* cũng chẳng nói rày



Ta đây có thể tự bày sanh ra.

Do các *duyên* hiệp hòa cấu tạo

Mà *sanh* ra đặng *chất* *tô* này.

Cũng vậy, nên **Đức Như Lai**

Trọn chẳng nghĩ *tưởng* **Ta** đây là người

*Chuyển Pháp Luân* hay thời *thuyết giảng*

Kẻ được nghe, kẻ đặng *thọ trì*.

Nếu chẳng *vọng tưởng* nghĩ suy

Như vậy, mới gọi Chuyển thì Pháp Luân.

*Chuyển Pháp Luân* nghĩa chân *thật* *đế*

Đáng gọi là **Đức Thế Tôn** đây.

Thiện nam tử ! Lại như vậy,

*Nhơn* do hạt giống lên cây là nhờ

Đất, nước, phân, thời gian, chăm sóc

Của con người mới mọc mầm lên.

Hạt giống ... các thứ kể trên

Chẳng nghĩ ta đã làm nên nẩy mầm.

Mầm cũng chẳng để tâm lao nhọc

Rằng ta đây tự mọc sanh ra.

Cũng vậy, **Như Lai Phật Đà**

Trọn chẳng hề nghĩ rằng **Ta** là người

*Chuyển Pháp Luân* hay thời *thuyết giảng*

Kẻ đặng nghe, kẻ đặng *thọ trì*.

Nếu chẳng *vọng tưởng* nghĩ suy

Như vậy, mới gọi Chuyển thì Pháp Luân.

Chuyển Pháp Luân nghĩa chân *thật đế*

Đáng gọi là **Đức Thế Tôn** đây.

Thiện nam tử ! Thí dụ này.

Như *nhơn* do trống, khoảng không, da, dùi,

Cộng với có tay người *hòa hiệp*

Mới đánh thành âm nhịp tiếng vang.

Tất cả các thứ hoàn toàn

Chẳng nghĩ ta tạo tiếng vang như vậy.

Tiếng chẳng nói ta đây có thể

Tự *sinh* ra, tự phát tiếng này.

Cũng vậy, nên **Đức Như Lai**

Trọn chẳng nghĩ *tưởng Ta* đây là người

*Chuyển Pháp Luân* hay thời *thuyết giảng*

Kẻ đặng nghe, kẻ đặng *thọ trì*.

Nếu chẳng *vọng tưởng* nghĩ suy

Như vậy, mới gọi Chuyển thì Pháp Luân.

*Chuyển Pháp Luân* nghĩa chân *thật đế*

Đáng gọi là **Đức Thế Tôn** đây.

Chuyển Chánh Pháp Luân thế này

Là *cảnh giới* của **Như Lai** vô ngần  
 Chẳng phải hàng *Thanh Văn, Duyên Giác*  
 Thấu biết đặng *đạo đạt viên thành*.

Thiện nam tử ! Hãy nghe rành  
*Hư không* chẳng phải *diệt, sanh* thế phàm,  
 Chẳng *xuất thế*, nói làm tạo tác,  
 Cũng chẳng phải là *Pháp hữu vi*.

Cũng vậy, **Như Lai** khác gì,  
 Chẳng phải *sanh, xuất, hữu vi* thế phàm.

**Phật tánh** cũng hàm tàng như vậy,  
 Kể *phàm phu* khó thấy được mà.

Thiện nam tử ! **Chư Phật Đà**  
**Thế Tôn** lời thuyết chia ra hai phần:  
 Một, vì hàng *Thanh Văn, Duyên Giác*  
 Dùng thế ngữ, *thuyết pháp* giáo khuyên.

Hai, vì **Bồ Tát Thánh hiền**  
 Nói *xuất thế* ngữ, *pháp* tuyên sâu dày.

Thiện nam tử ! Ông đây nên biết  
 Hàng *Đại chúng* nghe *thuyết pháp* như.

Có hai hạng người thích ưa:  
 Một là cầu pháp *tiểu thừa Thanh Văn*,  
 Hai là cầu *Đại thừa Bồ Tát*

Đạo vô thượng Chánh giác **Như Lai**.

**Ta** nhớ những ngày trước đây

Tại thành **Ba-La-Nại** này, **Như Lai**

*Chuyển Pháp Luân* hoằng khai đạo lý

Cho các hàng Chư vị *Thanh Văn*.

Nay **Thế Tôn** lại đời chân

Di chuyển đến *Câu-Thi-Na* thành này

Vì *duyên* lành các ngài **Bồ Tát**

*Chuyển Pháp Luân* chơn thật nghĩa bày.

Thiện nam tử ! Lại như vậy,

Ở trong *Phật pháp* có hai hạng người :

Hạng *trung căn* thành *Ba-La-Nại*

*Chuyển Pháp Luân* **Ta** dạy hạng này.

Hạng *thượng căn* như các ngài ...

**Ca-Điếp Bồ Tát** nhiều thay vô cùng,

Tại nơi thành *Câu-Thi-Na* ấy

**Đức Như Lai** *Chuyển Đại Pháp Luân*.

Thiện nam tử ! Hạng *độn căn*

**Như Lai** chẳng *Chuyển Pháp Luân* thuyết bày,

Vì hạng này tạo dầy *nghiệp* ác

*Nhứt xiển đề* tức hạt giống hư.

Thiện nam tử ! Lại cũng như

*Tín câu Phật đạo có hai hạng người:*

*Một là hạng bậc trung tinh tấn,*

*Hai là hạng thượng tinh tấn đây.*

Tại thành *Ba-La-Nại* này

**Như Lai** mới *Chuyển Pháp Luân* giáo truyền

*Độ* hạng người trung *tinh tấn* ấy

*Quả Nhị thừa* hết thảy chứng qua.

Nay tại thành *Câu-Thi-Na*

**Như Lai** *Chuyển Đại Pháp Luân* giáo truyền

Cho hạng người bậc thượng *tinh tấn*

Là **Bồ Tát** chứng đặng *đạo Ta*.

Thiện nam tử ! **Đức Phật Đà**

Ngày trước ở thành *Ba-La-Nại* này,

Lần đầu tiên **Như Lai** *quyền dụng*

*Chuyển Pháp Luân* độ chúng *Ta bà*

Có tám muôn Thiên, hơn mà

Chứng đặng *quả vị Tu Đà Hoàn* đây.

Nay hội này **Như Lai** *thuyết pháp*

Tại thành *Câu-Thi-Na* đây thời

Có tám mươi muôn *ức* người

Chứng bậc *vô thượng* vào nơi *Niết Bàn*.

Thiện nam tử ! Rõ ràng ngày trước

*Ba-La-Nại Ta* trụ thành này  
 Có Đại Phạm Thiên Vương đây  
 Đánh lễ thỉnh **Đức Như Lai Phật Đà**  
*Chuyển Pháp Luân* sớm mà giác chúng.  
 Nay tại thành *Câu-Thi-Na* này  
**Ca-Điếp Bồ Tát** trí tài  
 Đánh lễ thỉnh **Đức Như Lai** gọi nhuần  
 Sớm Chuyển Đại Pháp Luân *độ thế*  
*Khai thị chơn thật* để nghĩa bày.  
 Nay *Thiện nam tử ! Như Lai*  
 Ngày trước nương ngụ *Ba-La-Nại* thành,  
 Lúc chuyển *Pháp* giảng rành *giáo hóa*  
*Về Vô thường, Vô ngã, Khổ, Không.*  
**Như Lai** chẳng quản nài công  
 Mong sao sanh Chúng một lòng *giác tri*.  
 Nay tại thành *Câu-Thi-Na* vậy,  
**Đức Như Lai** giảng dạy rộng hơn  
*Về thường, lạc, ngã, tịnh* chơn  
 Là nghĩa *thật để* con đường không hai.  
 Thiện nam tử ! **Như Lai** ngày trước  
*Ba-La-Nại* thành được tạm nương,  
 Lúc *thuyết pháp* tại *đạo tràng*

Tiếng nói của **Phật** ngân vang tuyệt vời  
 Lên đến tận cung trời *Đại Phạm*  
 Đều nghe đặng lời giảng rõ ràng.

Nay tại *Câu-Thi-Na* thành  
 Lúc **Ta thuyết pháp** tiếng lành vọng xa  
 Đến hai mươi Hằng hà thế giới  
 Ở mười phương đều được nghe qua.

Thiện nam tử ! **Chư Phật Đà**  
**Thế Tôn** dầu có nói ra lời nào  
 Đều là *Chuyển Pháp Luân* đó vậy,  
 Làm lợi ích hơn loại khôn lường.  
 Ví như *Chuyển Luân Thánh Vương*

Có *Luân bảo* bồi phi thường lạ thay !  
 Kẻ chưa hàng phục đây có thể  
 Đặng hàng phục rất dễ dàng thôi.

Người đã hàng phục được rồi  
 Làm cho an ổn cuộc đời thời lai.

**Thế Tôn Chư Phật** đây cũng vậy,  
 Phàm *thuyết pháp* giáo dạy *Chúng sanh*  
 Vì muốn ban bố *pháp* lành  
 Ai ai cũng *đắc đạo* thành về sau.  
 Dầu vô lượng *trần lao* dấy đục

Người chưa thể *điều phục* hiện nay  
 Có thể *điều phục* liền ngay  
 Hoặc là *điều phục* tương lai sau này,  
 Người *điều phục* dứt rày não chướng  
 Làm căn lành tăng trưởng thêm hơn.  
 Ví như *Chuyển Luân Thánh Vương*  
 Có *Luân bảo* bối phi thường lạ thay !  
 Phá tan hết những loài oán tặc,  
 Kể từ đó lũ giặc khiếp oai.  
 Cũng vậy, **Thế Tôn Như Lai**  
 Thuyết pháp *hóa độ* muôn loài *Chúng sanh*  
 Nơi ác thú làm lành trở lại  
 Chịu *tu hành* chẳng tái diễn thời,  
 Được sanh lên cõi trời, người,  
 Nhẫn đến *đắc đạo* xa rời *thế gian*.  
 Thiện nam tử ! Hoàn toàn như vậy,  
 Ông chẳng nên khen ngợi **Như Lai** !  
 Rằng: **Thế Tôn** ở nơi đây  
 Lại chuyển *Chánh Pháp* thuyết bày nghĩa chân.  
 Ngài **Văn-Thù** bạch rằng với **Phật**.  
 “Đối nghĩa này tôi thật hiểu qua.  
 Hỏi **Phật** vì muốn *lợi tha*



Cho trong muôn loại *Hằng hà* Chúng sanh.

Từ lâu tôi thấu rành sự thật

*Chuyển Pháp Luân* **Chư Phật** cao sâu

Là *cảnh giới* rất nhiệm mầu,

*Thanh Văn, Duyên Giác* khó hầu biết qua”.

**Phật** lại bảo **Ca-Diếp Bồ Tát**:

Thiện nam tử ! *Chứng* đạt nghĩa này

“Gọi là **Bồ Tát** lành thay !

*Trụ* nơi *Kinh điển* không hai *Đại thừa*

*Đại Niết Bàn* thích ưa *Thánh hạnh*

Luôn thật hành **Phật tánh** không thay”.

**Ca-Diếp Bồ Tát** chấp tay

Thành tâm hỏi **Đức Như Lai Phật Đà**.

“Do nghĩa gì gọi là *Thánh hạnh* ?”.

**Phật** từ *bi* liền thuyết giảng bày.

Thiện nam tử ! Ông nghe đây.

*Thánh* là nói các **Như Lai Phật Đà**.

Do nghĩa này gọi là *Thánh hạnh*,

*Hạnh* **Chư Phật Thế Tôn Như Lai**.

Bạch **Thế Tôn** ! *Thánh hạnh* này.

Nếu đây là chỗ **Như Lai** thật hành.

Chẳng phải hàng *Thanh Văn, Duyên Giác*

Hay **Bồ Tát** *tu* đạt được nào.

Thiện nam tử ! *Đạo* nhiệm mầu  
Chỗ của **Chư Phật** cao sâu khó lường.

An trụ *Đại Niết Bàn* vô nhị  
Nên *phân biệt* khai thị như vậy.

Vì thế căn cứ nghĩa này  
Gọi là *Thánh hạnh* **Như Lai Phật Đà**.

Hàng *Thanh Văn* hay là *Duyên Giác*  
Và **Bồ Tát** nghe đạt pháp lành

Có thể *y chỉ phụng hành*

Gọi là *Thánh hạnh* đặc thành viên dung.

Các **Bồ Tát** nói chung muôn thuở  
Đặng *trụ* bực *vô sở úy* này.

Chẳng sợ bệnh, lão, tử đây,  
*Ba đường ác đạo* đều thai chẳng hề.

Thiện nam tử ! Luận về sự ác

Có hai hạng xin được phân qua:

*Một* là hạng *A-Tu-La*

*Hai*, hạng kế tiếp thật ra loài người.

Trong loài người có ba hạng ác:

*Một* là hạng gọi *nhứt xiển đề*,

*Hai* là hạng quá u mê

Hủy báng *Kinh điển* khinh chê *Đại thừa*,

*Ba* là hạng phạm vào tội trọng

Giết cha mẹ, hại **Phật Như Lai** ...

*Trụ* trong *vô sở úy* này

Hàng **Bồ Tát** trọn *tâm* đây vững vàng

Chẳng sợ *đọa* vào hạng như vậy.

Cũng chẳng còn sợ *đấy Sa môn*,

*Ngoại đạo* hay *Bà la môn*,

*Thiên ma* quấy hại chẳng hòng sợ chi.

Cũng chẳng còn sợ gì *Tam giới*

*Thọ* thân *hai mươi lăm cõi* đây.

Vì thế nên **Bồ Tát** này

Đắc *vô sở úy* lành thay vô cùng.

Thiện nam tử ! Nói chung **Bồ Tát**.

*Vô sở úy* chứng đạt thành công

Cho nên *tự tại* thông dong

Vào ra *ba cõi* như không có gì.

Đặng *hai mươi lăm môn tam muội*

Phá hoại *hai mươi lăm cõi* này.

- Đặng *Vô Cấu tam muội* đây

Phá *cõi địa ngục* muôn loài thoát ra.

Trọn vẹn chỗ *tự tha tự độ*

Mình thoát *khổ*, người *khổ* cũng qua.

- Đặng **Bất Thối tam muội** mà

Có thể *hóa độ* Hằng hà *súc sanh*.

- Đặng **Tâm Lạc tam muội** như ý

Phá tan cõi *ngạ quỷ* khổ chầy.

- Đặng **Hoan hỷ tam muội** này

A *Tu La* chúng chấp tay qui hàng.

- Đặng *chứng đắc* **Nhứt quang tam muội**

Có thể dứt cõi *Phất Bà Đề*.

- Đặng **Nguyệt quang tam muội** rồi

Có thể ra khỏi cõi *Cù Đa Ni*.

- Đặng **Nhiệt diệm tam muội** có thể

*Uất Đơn Việt* ra khỏi cõi này.

- Đặng **Như huyễn tam muội** đây

Có thể dứt cõi *Nam Diêm Phù Đề*.

- Đặng **Nhứt thiết bất động tam muội**

Có thể dứt cõi *Tứ thiên Vương*.

- Đặng **Tôi phục tam muội** thường

Có thể ra cõi trời *Đạo Lợi Thiên*.

- Đặng **Duyệt ý tam muội** này vậy,

Có thể dứt cõi *Diệm Ma Thiên*.

- Đặng **Thanh sắc tam muội** thiên

Có thể dứt *Đâu suất Thiên* cõi này.

- Đặng **Huỳnh sắc tam muội** ra khỏi

Không còn sanh cõi *Hóa Lạc Thiên*.

- Đặng **Xích sắc tam muội** thiên

Dứt *Tha Hóa Tự Tại Thiên* cõi này.

- Đặng **Bạch sắc tam muội** tự tại

Có thể dứt ra cõi *Sơ Thiên*.

- Đặng **Chủng Chủng tam muội** thiên

Dứt lìa cõi *Đại Phạm Thiên* vương này.

- Đặng **Song tam muội** đây có thể

Sẽ dứt ra khỏi cõi *Nhi thiên*.

- Đặng **Lôi âm tam muội** viên

Có thể dứt cõi *Tam thiên* vượt qua.

- Đặng **Chú Võ tam muội** ra khỏi

Chẳng còn sanh trong cõi *Tứ thiên*.

- Đặng **Như Hư không** trụ yên

Chứng đắc **tam muội** tự nhiên đời đời,

Có thể dứt cõi *trời vô tướng*

Không còn sự hạn lượng ngại ngăn.

- Đặng **Chiếu Cảnh tam muội** năng

Trừ dứt cõi *Tịnh Cư A Na Hàm*.

- Đặng **Vô ngại vô ngại tam muội**

Không còn sanh cỗi ***Không xứ thiên.***

- Đặng **Thường tam muội** đại thiên

Có thể dứt ***Thức Xứ Thiên*** cỗi này.

- Đặng **Lạc tam muội** đây có thể

Dứt khỏi cỗi ***Bất Dụng xứ thiên.***

- Đặng **Ngã tam muội** đại thiên

Dứt ***Phi tướng phi phi tướng xứ thiên.***

Đây gọi là Đại ***duyên Bồ Tát***

***Chứng đặng đạo giải thoát Như Lai.***

*Hai mươi lăm tam muội* đây

Dứt *hai mươi lăm cỗi* này thoát ra.

Thiện nam tử ! Nghe qua ghi nhớ.

Về *hai mươi lăm tam muội* này,

Là vua các *tam muội* đây

Không thể suy tưởng giải bày hết đâu.

**Đại Bồ Tát** nhập vào ***Chánh định***

Những các môn ***tam muội vương*** này,

Nếu muốn có thể thối bay

*Tu-Di sơn* ấy liền đây tức thì,

Muốn tan hoại *Tu-Di sơn* đó

Tùy theo ý, chỉ có phút giây.

Muốn biết ***tâm niệm*** mỗi loài,

Khắp trong cõi nước trái dài *Đại thiên*,  
Đều có thể tự nhiên thấu biết  
Những *tâm niệm, sanh diệt* rõ ràng.  
Muốn đem mọi loài *Chúng sanh*  
Khắp trong các cõi *Đại thiên* để vào  
Chỉ một lỗ chơn lông mình vậy,  
Liền có thể tùy ý chuyển xoay,  
Những *Chúng sanh* đó không hay,  
Quan niệm chật hẹp trong này ra sao.  
Muốn hóa làm *Chúng sanh* vô lượng  
Đầy khắp trong cõi nước **Đại Thiên**  
Có thể tùy ý tự nhiên  
Giây phút tức khắc bỗng liền hiện ra.  
Muốn chia một thân ta đang có  
Làm nhiều thân tức hóa nhiều thân,  
Nhiều thân hiệp lại một thân  
Có thể tùy ý chẳng ngăn ngại gì.  
Dẫu làm sự quái kỳ như vậy,  
Nhưng *tâm* không chấp lấy *sở hành*,  
Dường như hoa sen màu xanh  
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.  
Thiện nam tử ! Là **Đại Bồ Tát**

Nhập trong các *tam muội vương* này.

Như vậy rồi, liền chứng ngay

Nơi chỗ *tự tại* vượt ngoài thế gian.

**Đại Bồ Tát** trụ hàng *tự tại*

Thời đặng sức *vô ngại* ra vào,

Tùy ý muốn *sanh* cõi nào,

**Vãng sanh** cõi đó không sao suy lường.

Như *Chuyển Luân Thánh Vương* thống lãnh

Cả bốn châu thiên hạ quản quyền

Tùy ý đi lại tự nhiên

Không hề *chướng ngại* nào phiền cản ngăn.

**Cũng vậy,**

**Bồ Tát** muốn *thọ sanh* tùy chỗ

Có thể chọn *quốc độ vãng sanh*.

**Bồ Tát** này đã trọn lành

Nếu thấy tất cả *Chúng sanh* khổ nản

Nơi *địa ngục* lắm than thống thiết

**Bồ Tát** liền ứng nguyện *thọ sanh*

*Độ* chúng trở lại căn lành

Chóng ra *địa ngục tu hành* tương lai.

Dầu sanh chuyển vào trong *địa ngục*,

Chẳng phải là *nghiệp quả* tiền khiên,



Do sức *tự tại* an nhiên,  
*Thọ sanh* cõi đó tùy *duyên* độ đời.  
**Bồ Tát** dầu ở nơi *địa ngục*  
 Nhưng chẳng bị khổ nhục .v.v...  
 Thiện nam tử ! Ông biết chẳng.  
 “**Bồ Tát** này đặng vô ngần vô biên  
 Trăm ngàn muôn đức công như thế  
 Còn không thể nói hết được đây,  
 Huống là *công đức* **Như Lai**  
 Có thể nói đặng phô bày hay sao”.  
 Lúc bấy giờ, ở trong chúng hội  
 Có một vị **Bồ Tát** phi thường  
 Danh **Trụ Vô Cấu Tạng Vương**  
 Đặng *oai đức* lớn cao cường *thần thông*,  
 Đại *tổng trì* các môn *tam muội*  
 Đặc bực *vô sở úy* đủ đầy,  
 Liền đứng dậy trích y bày  
 Quỳ gối bên hữu chấp tay bạch rằng:  
 “**Thế Tôn !** Đại *Thánh nhân* vừa nói  
 Đúng như lời không có gì sai.  
**Chư Phật Bồ Tát** xưa nay  
 Thành tựu *vô lượng* sâu dày *vô biên*

Trăm ngàn muôn đức công như thế  
 Không thể nào tính kể hết chẳng.  
 Theo ý tôi cũng không bằng  
*Đại thừa Phương Đẳng* thật chân Kinh này,  
 Vì hơn sức **Như Lai** *diễn thuyết*  
**Đại Niết Bàn** chơn thiệt sâu xa  
 Có thể *tu* thành **Phật Đà**  
**Thế Tôn** *vô thượng* thật là không sai”.  
**Đức Phật** khen: Lành thay ! Phải lắm !  
 Đúng như lời của Ông nói qua.  
 “*Những Kinh Phương Đẳng* thật ra  
 Dầu có *công đức* như là vừa phân,  
 Muốn đem ra lường cân so sánh  
 Với *Kinh* này không thể sánh bằng,  
 Trăm lần rồi đến ngàn lần,  
 Trăm ngàn muôn *ức* e rằng khó qua.  
 Nhẫn cho đến các nhà toán học  
 Lấy thí dụ cũng chẳng hiểu đây.  
 Như từ bò, có sữa này,  
*Sữa* sanh chất *lạc*, *lạc* rày *sanh* tô,  
 Từ *sanh* tô biến ra chất *thục*,  
 Từ *thục* tô sanh chất *đề hồ*.

Chất *đề hồ* tợ *Cam lồ*

Là vị hơn hết trong các vị này,

Nếu có người duyên may uống được

Chất *đề hồ* diệu dược quý thay!

Tiêu trừ các chứng bệnh ngay

Bao nhiêu chất thuốc có trong *đề hồ*.

Cũng vậy, từ ở nơi **Đức Phật**

Mà có ra *mười hai loại Kinh*,

Từ có *mười hai loại Kinh*,

Mới có ra ***Tu-Đa-La Kinh*** này,

Từ *Tu-Đa-La Kinh* có đặng

*Kinh Đại thừa Phương Đẳng* đó mà,

Từ *Kinh Phương Đẳng* bày ra

Mới có ***Bát Nhã Ba La Mật*** này,

Từ *Bát Nhã* mở khai chơn thật

**Đại Niết Bàn**, như chất *đề hồ*.

*Đề hồ* dưỡng tợ *Cam lồ*

Dụ cho **Phật tánh** ngọc thô dũa mài.

**Phật tánh** tức **Như Lai** cao cả

Đã đắc thành *đạo quả* xưa nay.

Thiện nam tử ! Do nghĩa này.

Nên nói rằng **Đức Như Lai** thật là

Có vô lượng Hằng sa *công đức*  
 Chẳng thể nói, tính toán đặng mà”.

**Ca-Diếp Bồ Tát** nghe qua

Chấp tay bạch **Đức Phật Đà**: “**Thế Tôn** !

Như lời **Phật** hết lòng khen ngợi

**Đại Niết Bàn Đại thừa** Kinh này

Như chất *đề hồ* quý thay

Là vị thượng diệu nhất đây trên đời,

Nếu *duyên* lành có người uống đặng

Chất *đề hồ* mọi bệnh trừ ngay

Tất cả các vị thuốc hay

Đều chứa vào chất *đề hồ* trong đây.

Tôi nghe qua lời này **Phật** thuyết

Trộm nghĩ rằng: “Nếu thiệt có người

Chẳng nghe Kinh này một thời

Huống là lãnh thọ trau dồi hành tu,

Phải biết người đó *ngu si* nhất

Thiệt không có một chút tâm lành”.

Bạch **Thế Tôn** ! *Chúng* lòng thành

Nay tôi trước **Phật** tâm lành phát ra

- Nguyện cam chịu lột da làm giấy,

Chích máu mình làm mực hết nào,

Lấy tủy làm nước hòa nhau,  
 Chẻ xương làm bút chép sao kinh này.  
 - Nguyên đọc tụng ngày ngày thông thuộc  
 Rồi vì người giảng lược nghĩa bày.  
 Bạch **Thế Tôn** ! *Chúng* nguyện này.  
*Chúng sanh* nào có lòng đây tham tài  
 “Tôi xin nguyện cho rày của cải  
 Rồi sau đem **Kinh Đại Niết Bàn**  
 Khuyên họ đọc tụng từng trang  
 Nhấn đến đọc hết hoàn toàn bộ Kinh.  
 Nếu có người cơ dinh giàu có  
 Tôi trước dùng ái ngữ cảm tình  
 Lần lần giải thích chứng minh  
 Khuyên họ đọc tụng tôn **Kinh Niết Bàn**.  
 Nếu với người làm quan *kiêu mạn*  
 Tôi sẵn sàng làm hạng tôi đày,  
 Tùy theo ý họ khiến sai  
 Cho vui lòng họ đợi ngày *thuận duyên*  
 Rồi sau sẽ giải khuyên *sự, lý*  
**Đại Niết Bàn** y *chỉ* giảng bày  
 Dẫn dắt trở lại đường ngay  
 Vô *thượng* cầu chứng đến ngày thành công.

Nếu là kẻ thường dân sanh kế  
 Tôi sẽ dụng oai thế của mình  
 Buộc họ đọc tụng chơn Kinh  
 Đến khi nào đặng đức tin vững vàng.  
 Nếu có người ngang tàng khinh bỉ  
 Kinh *Đại thừa* lại hủy hoại đi  
 Tôi dùng thế lực thị uy  
 Hàng phục họ sớm *quy y Phật Đà*  
 Rồi khuyên họ thiết tha đọc tụng  
**Đại Niết Bàn** trừ diệt tội xưa.  
 Nếu như có người thích ưa  
*Thọ trì* đọc tụng *Đại thừa* thường xuyên  
 Tôi đích thân ứng nguyện *tán thán*  
 Và *cúng dường* vô hạn người này”.  
**Phật** khen **Ca-Diếp** lành thay !  
 Lành thay ! Ông thiết đức tài *vô dư* .  
 Đáng là người thích ưa tham cứu  
 Kinh *Đại thừa nghĩa thú Như Lai*,  
*Thọ trì Đại thừa* hăng say,  
*Cúng dường* tôn trọng *Kinh* này kính tin.  
 Thiện nam tử ! Lòng lành nguyện thiết  
 Ông nay đặng siêu việt đạo **Ta**

Vô lượng vô biên *Hằng sa*  
 Các **Đại Bồ Tát** *Ma Ha* đứng đầu,  
 Đặng *thành đạo* tối cao *vô thượng*  
 Ngôi *Chánh giác* đã *chứng* trước rồi.  
 Chẳng bao lâu đúng vận thời  
 Ông vì *Đại chúng* trời, người thế gian.  
 Sẽ diễn nói mở mang *mật hạnh*  
**Đại Niết Bàn, Phật tánh, Như Lai,**  
 Cũng như **Ta** ngày hôm nay  
 Vì *Chúng thuyết*: “**Như Lai Đại Niết Bàn**”.  
 Thiện nam tử ! Về thuở quá khứ,  
 Thời kỳ không có **Phật** ra đời,  
 Không *Thanh Văn, Duyên Giác* thời  
*Đạo* mầu bí lối ít người *quang minh,*  
 Lúc đó **Ta** giữ gìn *đạo đức*  
*Bà La môn* hết mực thanh cao.  
 Tu hạnh **Bồ Tát** giỏi trau,  
 Có thể thông đạt lâu lâu Kinh luân  
 Của tất cả các tầng *ngoại đạo,*  
 Hạnh *tịch diệt,* chu đáo đủ đầy  
*Oai nghi thanh tịnh* tâm này  
 Chẳng bị *dục nhiễm* bên ngoài cuốn lôi,

Lửa *sân hận* trong thời dập tắt,  
 Thọ trì pháp *ngã, tịnh, lạc, thường*.  
**Ta** đi khắp cả bốn phương  
 Tìm cầu *Kinh điển Đại thừa Như Lai*,  
 Nhưng vẫn chẳng đặng nghe *đanh tự*  
*Kinh Phương Đẳng* dầu chỉ một lần.  
 Bấy giờ, **Ta** ở *Tuyết Sơn*  
 Có suối ao tắm, hoa thơm nở đây,  
 Nào rừng rậm, nào cây thuốc quý,  
 Nọ tượng voi, vượn khỉ, chim muông,  
 Nhiều thứ quả ngọt thơm ngon,  
 Lại có vô lượng ngọc sen mọc dày,  
**Ta** một mình thánng ngày trong núi  
 Chỉ ăn toàn thứ trái no lòng,  
 Ăn xong ngồi thiền thông dong  
 Chuyên tâm *quán tưởng Khổ, Không, Vô thường*,  
**Ta** tu *khổ hạnh* dường như vậy,  
 Đã trải qua chùng ấy xa xăm  
 Ước tính cả vô lượng năm  
 Mà chẳng nghe thấy **Phật** sanh ra đời,  
 Cũng chẳng nghe *Kinh* thời *Phương Đẳng*  
 Hay *Đại thừa* cùng chẳng đặng nghe.



Bấy giờ, *Thích Đề Hoàn Nhơn*,  
*Chư Thiên* nhìn thấy **Ta** bền chí tu  
 Bao khổ hạnh *công phu* gian khó  
 Không nản lòng không bỏ *nguyện tin*.  
*Chư Thiên* quán biết sợ kinh  
 Bảo nhau rằng đến đó nhìn xem qua:

Trong núi Tuyết này cảnh tịnh thanh  
 Người tu *ly dục* đạo mau thành  
 Là vua *công đức* trang nghiêm nhất  
 Đã dứt lòng tham muốn, lợi danh  
 Là hảnh *sân si tâm tịch tịnh*  
 Miệng chưa từng nói sự đua tranh  
 Những lời thô ác không bày lỗi  
 Lấy thú tiêu dao kết bạn lành.

Sau đó có một vị *Thiên tử*  
 Tên **Hoan Hỷ** lại nói kệ rằng:

- Người tu *ly dục* hiếm trong đời  
*Tinh tấn* siêng năng chẳng nghỉ ngơi  
 Lòng há toan cầu ngôi *Đế Thích*

Dạ nào ham hưởng cảnh cung trời.  
 Những hàng *ngoại đạo* thường quan niệm  
*Khổ hạnh* hành thân trọn kiếp người  
 Suy xét phần nhiều đều ước muốn  
 Ngồi tòa *Đế Thích* chỗ cao ngôi.

Lại có một vị ***Tiên Thiên Tử***  
 Vì *Đế Thích* mà nói kệ rằng:

***Thiên Chúa Kiều-Thi-Ca*** vững an  
 Chẳng nên lo nghĩ việc trần gian  
 Những hàng *ngoại đạo* thường tu khổ  
*Đế Thích* ngôi cao họ há màng.

*Tiên Thiên Tử* thưa cùng *Đế Thích*:

“Bực *Đại sĩ* này ở trong trần

Vì *lợi ích* cho Chúng nhân

Nên chẳng *tham* luyến tấm thân của mình

Chịu *tu hành* trăm nghìn *khổ hạnh*

Để làm lợi bá tánh nơn dân.

Hạng người như vậy thật tâm

Thấy rõ những sự lỗi lầm gây ra,

Dòng sanh tử *Ta-bà* chìm nổi,

Dầu của báu đầy cõi địa cầu,  
 Đại sĩ chẳng ngó tới đâu  
 Hà tất thèm khát đồng châu báu này,  
 Thường xả bỏ tiền tài danh vị,  
 Lìa vợ con, bố thí thân mình,  
 Chẳng cầu cõi trời *thọ* sinh,  
 Chỉ mong duy nhất *hàm linh* hưởng nhờ  
 Được an vui sang bờ *bỉ ngạn*  
 Không còn chịu khổ nạn lầm than.  
 Như chỗ tôi hiểu rõ ràng  
 Người này tu niệm lòng càng tịnh thanh  
 Không ô nhiễm như cành sen nọ  
 Gần bùn mà chẳng có *nhiễm* lây  
 Mong cầu **ngộ đạo** không hai  
 Vô thượng Chánh giác **Như Lai viên thành**".  
 Thích Đề Hoàn bảo rằng: Phải lắm !  
 Theo như lời suy gẫm của ông  
 Thời người ấy đã có lòng  
*Nhiếp thủ* sanh Chúng cố công *tu hành*.  
 Nay **Đại Tiên** ! Phước lành hơn vật  
 Nếu trong đời có **Phật** hiện tiền  
 Trừ dứt răn độc não phiền

Cho hàng chư Chúng cỡi Thiên an lành,  
 Loài người và Chúng sanh *hoan hỷ*  
*A-Tu-La, ngọc quý .v.v...*

*Đại Tiên ! Bực đại sĩ này.*

Hậu vận thành đấng **Như Lai Phật Đà**  
 Thời *phước* trời chúng ta thêm lớn  
 Trừ hết *phiền não chướng* vọng sinh.

Việc này thiệt là khó tin

Vì có vô lượng *Chúng sanh* nhiều rồi

Đã *phát tâm* cầu ngôi *vô thượng*,

Đặng chút duyên *lợi dưỡng* xa lìa,

Như bóng trăng dưới nước kia

Nước động bóng mất thật là không sai,

Lại ví như người đây họa tượng

Rất khó thành mà cũng dễ phai.

Cũng vậy, *Tâm Bồ Đề* đây

Khó phát mà cũng có ngày thối tâm.

Này *Đại Tiên !* Đừng lầm tưởng họ

Thấy *tu hành* cho đó sẽ thành.

Có rất nhiều những *Chúng sanh*

Mặc giáp cầm gậy đấu tranh hòa bình

Khi xung trận gặp binh sĩ giặc

Lòng sợ chết họ ắt tháo lui.

Cũng vậy, vô lượng *ức* người  
 Bồ đề *phát nguyện* trọn đời há phai,  
 Thấy *sinh tử* tâm đầy sợ sệt  
 Bèn thối lòng mất hết *bốn* *nguyên*.

Này *Đại Tiên* ! Chuyện đương nhiên.

**Ta** từng xem xét dưới miền dương gian  
 Những *Chúng sinh* vô vàn tính đến  
 Hình như đều *thối chuyển* đường *tu*.

Vì thế, hôm nay mặc dầu

**Ta** thấy người ấy đạo mầu tinh chuyên  
 Tu *khổ hạnh* **tham thiên** tịch tịnh  
 Bụi *phiền não* chẳng dính tâm không,

Nhưng **Ta** chưa tin thật lòng

Sẽ đến đó thử xem trong người này  
 Thiệt có thể hai vai gánh vác  
 Đạo *Vô thượng Chánh đẳng* được chẳng ?

Này *Đại Tiên* ! Nên hiểu rằng:

Xe có hai bánh mới lăn chuyên dùng,  
 Chim bay cao nhờ cùng đôi cánh.  
 Người *tu hành khổ hạnh* thế này,  
 Mặc dầu giữ gìn *giới trai*

Nhưng chưa biết, có trí tài hay chẳng ?

Nếu có trí chắc rằng tin tưởng

Gánh nổi đạo *vô thượng* **Như Lai**.

Này *Đại Tiên* ! Thí dụ đây.

Như cá mẹ đẻ ra bầy cá con

Những số cá sống còn khôn lớn

Rất ít so số lượng đẻ ra.

Cũng ví như cây *Am La*

Nhiều bông, đậu trái rất là ít oi.

*Chúng sanh* trong cõi đời tân tiến

*Tâm Bồ đề* phát nguyện *vô biên*

Nhưng ít người được liễu viên

Thành tựu **Phật Đạo** hiện tiền ra sao.

Này *Đại Tiên* ! Ông mau sửa soạn

Cùng **Ta** đồng lai vãng thử qua

Nếu như vàng ròng thật mà

Sẽ chịu thử thách đủ ba cách này:

*Một*, đốt chảy; *Hai*, mài; *Ba*, đập

Mới biết là vàng thật giá cao.

Giờ chúng ta đồng thử nào

Người tu *khổ hạnh* có chao đảo lòng.

**Lúc đó,**

*Đế Thích* dụng thân thông tự biến  
 Thành *La sát* gương diện dị thường,  
 Liên *hóa hiện* chốn *Tuyết Sơn*  
 Đến gần *Đại sĩ* nhúng nhường chấp tay  
 Rồi cất tiếng thanh bay tuyên nói  
 Nửa bài *kệ* của **Phật** lâu xa.

***Các hạnh vô thường***  
***Là Pháp sanh diệt.***

*La sát* nói *kệ* vừa xong  
 Láo liếc mắt ngó nhìn trong tìm ngoài.  
 Người tu này nghe hai câu *kệ*  
*Thân tâm* đây xiết kể vui mừng,  
 Như người lữ khách thương buôn  
 Ban đêm lạc lối vào đường hiểm nguy  
 Mất đồng bạn cùng đi buôn chuyến  
 Bỗng mai đâu tìm kiếm gặp nhau  
 Cũng như người bệnh đau lâu  
 Đủ phương chữa trị không sao mạnh lành  
 May mắn thay có *duyên* gặp được  
 Vị lương y diệu dược qua cơn.  
 Như người trôi nổi đại dương  
 Bỗng gặp thuyền lớn thoát đường tai ương.

Như người nọ đi đường quá khát  
Bỗng gặp được nước mát trong lành.  
Như người bị giặc vây quanh  
Mà chạy thoát được mạng lành bình yên.  
Như người bị xích xiềng giam nhốt  
Bỗng được tha hết sức hân hoan.  
Như nhà nông gặp hạn khan  
Được cơn mưa lớn thấm chan ruộng đồng.  
Người xa xứ cầu mong trở lại  
Mái nhà xưa lòng thấy vui mừng.  
Thiện nam tử ! Chốn núi rừng  
Được nghe câu *kệ* bỗng dưng vỡ hòa  
Lòng người *tu* cũng là như thế !  
Liên xả thiên đứng dậy *trang nghiêm*  
Đưa tay đỡ tóc ngó tìm  
Bốn bề vắng lặng im lìm nơi đây.  
Xin hỏi: “Chẳng biết ai vừa nói  
Hai câu *kệ* diệu ý huyền sâu ?”.  
Nhìn nghe không thấy ai nào  
Thấy quở *La sát* đứng hầu một bên  
Người *khổ hạnh* không yên lại hỏi:  
“Ai khai môn *giải thoát* như vậy ?”.



Ai có thể thuật lời này  
 Của đấng *Đại giác Như Lai* vậy kìa ? .  
 Ai có thể xót chia bạn lữ  
 Trong giấc ngủ *sanh tử* triền miên  
 Đánh thức ta tỉnh mộng thiền  
 Những lời *vi diệu* xướng lên vừa rồi ?.  
 Ai có thể ở nơi *núi Tuyết*  
 Đem *đạo vị* siêu việt cao thâm  
 Chỉ dạy cho kẻ tối tăm  
 Trong nhà *sanh tử* giam cầm không yên ?.  
 Ai có thể làm thuyền cứu vớt  
 Cho *Chúng sanh* giảm bớt nạn tai  
 Đang lặn hụp biển trần ai  
*Sanh tử* trôi buộc *đọa* đầy không ngưng ?.  
 Những *Chúng sanh* này thường tạo ác  
 Mang bệnh nặng *phiền não, ngu si,*  
 Ai có thể làm lương y ?  
 Nói hai câu kệ *vô vi* vừa rồi  
*Khai ngộ* tâm của tôi tỉnh thức  
 Như mặt trăng nửa mảnh sáng soi,  
 Như hoa sen hé nở thời.  
 Tuy chưa trọn vẹn như lời *nguyện* đây.

Người *khổ hạnh* lúc này suy nghĩ  
 Không thấy ai mà chỉ thấy là  
 Quỷ *La sát* đứng bên ta  
 Chẳng lẽ *quỷ* đó nói ra *kệ* này ?  
 Rồi lại nghĩ *quỷ* này bậm trợn  
 Hình thù nó hung tợn xấu xa.  
 - Phàm người khi đặng nghe qua  
 Những câu *kệ* ấy rất là *hữu duyên*  
 Bao sợ sệt tự nhiên tan biến  
 Chỉ còn lại vẻ mặt vui tươi.  
*Thế gian* sao lại có người  
 Hình dạng xấu xí nói lời *kệ* hay  
 Như trong lửa *liên đài* trở ngát,  
 Mặt trời nóng nước mát được sanh.  
 Rồi lại tự trách chính mình:  
 “Ta thật vô trí không nhìn thấy ra  
*Quỷ* này đây chắc là quá khứ  
 Đã gặp **Phật** truyền ngữ pháp chẳng ?  
 Suy nghĩ thông, liền đến gần  
 Trước *quỷ La sát* khen rằng: Lành thay !  
 Lành thay ! *Đại sĩ* đây minh mẫn.  
 Ngài ở đâu học đặng pháp mầu

Nói nửa bài *kệ* cao sâu  
Của **Phật** quá khứ từ lâu giáo truyền”.  
Quý *La sát* nghe liền ứng đáp  
Rằng: Hỡi này ông *Bà La môn* !  
Chớ nên thắc mắc trong lòng  
Hỏi chi việc ấy mênh mông sâu dày.  
Ta trải qua nhiều ngày đói khát  
Nên tâm ý thất lạc hết rồi.  
Ta tìm cầu khắp mọi nơi  
Mà vẫn chẳng gặp được thời thức ăn.  
Vì thế nên tinh thần bất ổn  
Nói những lời lẫn lộn khó nghe.  
Người *khổ hạnh* hết e dè  
Bài *kệ* ngài nói chẳng hề sai đâu:  
“Nếu *Đại sĩ* ngộ hầu đồng ý  
Nói hết ra ý chỉ *kệ* bài,  
Tôi thề nguyện trọn đời này  
Xin làm *đệ tử* cho ngài khiến sai.  
Vì hai câu *kệ* ngài vừa nói  
Lời chẳng đủ, nghĩa chẳng tròn đầy,  
Sao *Đại Sĩ* không mở khai  
Nói cho trọn vẹn *kệ* bài bốn câu ?

Luận *tài thí* không lâu cạn kiệt,  
Còn *pháp thí* vốn thiệt bền lâu,  
    Chẳng thể cùng tận được đâu,  
Nhiều sự *lợi ích* cho bao nhiêu người.  
Tôi vừa nghe hai câu *kệ* ấy  
Mà sanh lòng lại thấy kinh nghi.  
    Mong Ngài rộng lượng *từ bi*  
Vì tôi nói trọn bài thi *kệ* này,  
    *Nguyện* đời kiếp theo Ngài hầu hạ  
    Mặc gian lao vất vả không màng”.  
    *Quý* nói: “Ông quá *tham lam*  
Chỉ biết ích kỷ thương thân của mình  
Mà chẳng nghĩ chút tình người khác.  
Tôi đang đói sắp thác hết đời  
    Không thể nói đặng nửa lời  
Còn đâu Kinh *kệ* mà người mong cầu”.  
Người *khổ hạnh* lo âu hỏi lại:  
    “Ngài thường thích thức ăn vật gì ?”  
    *Quý* nói: “Ông đừng hỏi thời  
Nếu tôi mà nói mọi người khiếp kinh”  
Người *khổ hạnh* thật tình lại nói:  
    “Ở chốn này chỉ có mình tôi

Không có người nào nhìn coi  
Tôi cũng chẳng sợ, Ngài thời nói đi”.  
*Quý La sát* tức thì nói nhỏ:  
“Tôi thích ăn thịt của loài người,  
Uống máu nóng, nuốt sống tươi  
Ngoài ra tôi chẳng cần đòi món ngon.  
Bởi tôi đây *phước* còn quá mỏng  
Nên chỉ dùng thịt sống máu tươi.  
Tôi đi tìm khắp mọi nơi  
Mà cũng chẳng được, đâu người quá đông.  
Vì mỗi người có trồng *phước đức*  
Lại còn nhờ *tha lực* *Chư Thiên*  
*Thiện thần thủ hộ* ngày đêm  
Tôi không đủ sức ngang nhiên làm càn”.  
Người *khổ hạnh* thưa rằng: “Ông hãy  
Nói đủ bài *kệ* ấy được chẳng,  
Tôi nghe rồi *nguyện* đem thân  
Không màng sống chết hiến dâng cho Ngài.  
Thưa *Đại Sĩ* thân đây giả tạm  
Khi chết rồi kiến bám ruồi nhặng,  
Họ đem vào rừng bỏ quăng,  
Mặc cho muôn thú nuốt ăn tranh giành,

Xét nghĩ chẳng *phước* lành gì cả  
Trăm năm rồi tan rã ích chi.

Nay tôi *cầu đạo vô vi*

Đem thân xả thí không gì khác hơn

Để đổi lấy thân *thường trụ* thật

Như *kim cương* cứng chắc lâu dài”.

Quý nói: “Ai tin lời này

Của ông vừa nói thật rày hay không ?

Vì tám chữ mà ông thí bỏ

Thân của mình hiểm có trên trần”.

Người tu *khổ hạnh* đáp rằng:

“Ví như có kẻ gia bần gian nan

Đem đồ sành thí ban người khác

Mà sau được *thất bảo* quý hơn.

- Tôi xả bỏ thân *vô thường*

Để được thân báu *kim cương* chắc bền.

Ngài bảo ai tin lời tôi nói ?

Ai tin Ngài nói *kệ* vừa qua ?.

Lời tôi nói thiệt không ngoa

Có các *Đại Phạm* trời già chứng minh,

*Thích Đề Hoàn* đồng tình nghe thấy,

*Tứ Thiên Vương* cả thảy đều tin,

Các vị **Bồ Tát** *tu hành*

*Đại thừa Lục độ* đắc thành từ lâu

*Lợi ích* cho biết bao muôn loại

Có *Thiên nhân* soi thấy lòng tôi,

*Thập phương Chư Phật* ba đời

Cùng là *chứng* biết những lời nói trên,

Vì tám chữ tôi nguyện *xả* thí

Thân mạng này dầu quý há màng”.

*Quý* nói: “Nếu ông hoàn toàn

*Xả* thí thân mạng hợp tan *huyễn* này,

Thời hãy mau lóng tai thâu nhiếp

Tôi vì ông nói tiếp hai câu”.

Người tu *khổ hạnh* sống nâu

Nghe *quỷ* hứa nói đẹp bao lòng này,

Liền cởi tấm da nai đang mặc

Trải làm tòa sắp đặt nghiêm trang:

“Bạch *Hòa thượng* xin *đăng* đàn

Thỉnh Ngài tọa vị *đạo tràng* Tuyết Sơn”.

*Quý* ngồi xong, người chơn *khổ hạnh*

Quy chắp tay rồi bạch thưa rằng:

“Mong *Hòa thượng* *đấng Đại nhân* !

Vì tôi khai *kệ* Pháp chân *Đại thừa*.

Nửa bài *kệ* Ngài chưa nói hết  
Còn hai câu đoạn kết đủ đầy”.

*Quý La sát* dạ vui thay !

Nói hai câu *kệ* tuyên bài sau đây:

***Sanh diệt diệt rồi***

***Tịch diệt là vui.***

**Quý nói:**

“Này **Bồ Tát** ông đây nghe đủ

Trọn bài *kệ* *ngĩa thú* liễu viên,

Lòng mong muốn được toại nguyện

Mau đem thân mạng thí liền cho ta”.

Người *khổ hạnh* nghe qua bài *kệ*

*Ngộ* *ngĩa lý xuất thế gian* này.

Liền khắc trên đá, trên cây,

Chép lên vách núi trải dài đường đi.

Tự cột áo *ngĩ* suy khi chết

Không để cho thân thể phơi bày.

Xong rồi trèo lên cội cây.

Thọ Thần thấy hỏi: “Ông đây làm gì ?

Sao lại muốn bỏ đi thân mạng

Hay là ông bất mãn cuộc đời”.

Người tu *khổ hạnh* đáp lời:



“Vì tôi thí xả thân người mượn vay  
 Để trả giá cho bài *kệ* ấy  
 Rất vui mừng chẳng thấy khổ đau”.

Thọ Thần hỏi: “Làm thế nào ?

Ông biết *kệ* ấy từ lâu **Phật** truyền.

*Lợi ích* gì *Chư Thiên* nỡ loại  
 Mà đến nỗi hủy hoại thân mình ?”.

Người tu *khổ hạnh* tín tin:

“Những câu *kệ* ấy chứng minh hoàn toàn

Là lời của mười phương **Chư Phật**

Đã ba đời chơn thật giáo truyền.

Trong đó chỉ dạy *tham thiền*

Là chỗ *tịch diệt* diệu huyền Chân không.

Tôi vì *Pháp* cầu mong như *nguyện*

Không bao giờ *thối chuyển* đổi thay.

Muốn *lợi ích* cho muôn loài

Vì vậy, thí xả thân này không sao.

Chẳng cầu ngôi vị cao Vương Thánh

Hay cõi trời *Hữu Đảnh Thiên Chân*”.

Lúc sắp sửa *xả* bỏ thân

Người tu *khổ hạnh* nguyện rằng sau đây:

“- *Nguyện* cầu hết muôn loài tất cả

Người tham lam tâm dạ hận sâu  
 Đều thấy tôi *xả* bỏ thân  
 Sớm mau thức tỉnh chuyên cần lo *tu*.  
 - Nguyện những người mặc dầu *bố thí*  
 Được chút *phước* ích kỷ ngạo đời  
 Cũng đều thấy đặng rõ tôi  
 Vì một bài kệ *xả* thời mạng thân”.  
 Vừa *nguyện* xong, người chân *khổ hạnh*  
 Liền buông mình rời nhánh cây cao  
 Từ từ rơi xuống vực sâu  
 Thân chưa chạm đất ... Bỗng đâu bầu trời  
 Vang động ra đủ thời thứ tiếng  
 Đến cõi **Trời Sắc Cứu Cánh** đây.  
*Thiên Đế* hoàn hình lại ngay  
 Vội vàng hứng lấy hai tay nhẹ nhàng  
 Thân người *tu* hoàn toàn yên ổn  
 Chẳng mảy lông hư tổn bình thường.  
 Bấy giờ, *Thích Đề Hoàn Nhơn*  
 Hợp cùng các vị *Thiên Vương* cõi trời  
 Đồng nhau *đảnh lễ* người *khổ hạnh*  
 Và khen rằng : “*Đại Thánh* lành thay !  
 Lành thay ! Thiệt **Bồ Tát** đây

Có thể *lợi ích* muôn loài thế gian.  
 Thắp đuốc *Pháp* giữa màn đêm tối,  
 Vệt *vô minh* khai lối chơn minh  
 Dắt dìu hướng đạo *Chúng sinh*  
 Đến bờ *Đại giác quang minh* sau này.  
 Vì tôi mến tiếc thay *Pháp* lớn  
 Của **Chư Phật** *vô lượng* **Như Lai**.  
 Nên có nhiều nã thử Ngài  
 Ngưỡng mong độ lượng lỗi này thứ tha.  
 Thuở *vị lai* rằng Ngài *giải thoát*  
*Chúng vô thượng Chánh giác* không hai  
 Khi đặng thành tựu **Như Lai**  
 Mong Ngài thường tưởng *độ rày* chúng tôi”.  
 Nói xong, vị vua trời *Thiên Đế*  
 Và *Chư Thiên* *đảnh lễ* cáo từ.  
 Thiện nam tử ! Ông biết chưa ?  
 “Người tu *khổ hạnh* thuở xưa chính là  
 Tiền thân của **Thích Ca, Ta** đó !  
 Vì cầu nửa bài kệ nói trên  
**Ta** xả thân để đáp đền  
 Cho người nói kệ chẳng quên ơn này,  
 Do cố đó, **Ta** đây vượt bậc

Thành **Phật** trước **Di Lạc** đương lai  
 Tính ra mười hai kiếp nay  
 Giờ **Ta** nhớ lại không sai chút nào.  
 Thiện nam tử ! Cao sâu *công đức*  
 Đều do **Ta** hết mực *cúng dường*  
*Chánh Pháp Chư Phật* hằng thường  
 Nên được như vậy, khó lường *thậm thâm*.  
 Hôm nay, Ông *phát tâm* vô thượng  
 Thời Ông đây cũng đã vượt qua  
 Vô lượng **Bồ Tát** *Hằng sa*  
 Đến ngôi *Chánh giác* vào nhà **Như Lai**.  
 Thiện nam tử ! Chính đây **Bồ Tát**  
*Trụ* nơi **Kinh Đại Bát Niết Bàn**  
*Tu hành Thánh hạnh* rõ ràng  
*Chứng đắc công đức* vô vàn vô biên”.

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật** (3 lần)



## LỄ XÁ-LỢI BẢO THÁP ĐẠI THỌ BỒ ĐỀ



Con xin lễ bái các phần

**Bảo Tháp, Xá Lợi, Kim Thân Phật Đà**

Bồ đề khắp cõi Sa bà

Nhất tâm thành kính hương hoa cúng dường

*(Đọc ba lần, một lạy)*

Trước **Xá Lợi** ân lành cao cả,

Trên bửu đài rạng tỏa linh vân.

Đèn hoa tinh khiết hương trầm

Đê đầu chiêm bái Pháp thân Cha lành,

**Đức Thích Tôn** viên thành **Phật** quả.

Bốn lăm năm hoằng hóa đạo mầu,

Nắng mưa hạ lạt dãi dầu,

Từ bi quảng đại sá đâu dậm trình.

Thương ba cõi hữu tình khổ nạn,

Ngàn năm sau còn cảm hồng ân.

Nghiêm tôn *Thượng Sĩ* xuất trần,

Đàm hoa ái truat diệu âm thường còn.

Xét huyễn thể hơi mòn sức kiệt,

Lẽ hoại thành sinh diệt tự nhiên.  
 Đạo vàng tương tục giáo truyền,  
 Thánh như bốn quả nhân thiên đã nhiều.  
 Bạc hữu học giới điều nghiêm cẩn,  
 Hàng tại gia sung mãn tín tâm.  
 Ngàn sau dòng pháp chuyển luân,  
**Tam Bảo** trụ thế viên âm bảo tồn.  
 Vườn Sa La **Từ Tôn** viên tịch,  
 Ngọc **Xá Lợi** di tích thế gian.  
 Bảy đoạn xương lớn rở rang,  
 Xương trán, răng nhọn, thêm phần xương vai.  
 Lửa Tam muội hỏa đài tự cháy,  
 Không hoại tan quả thấy nhiệm màu.  
 Uy linh **Xá Lợi** đủ màu,  
 Chia ra ba cỡ khác nhau cân lường.  
 Chừng năm cân lớn bằng hạt đậu,  
 Ánh chiếu ngời huỳnh ngọc kim cương.  
 Cỡ hai đồng dạng lạ thường,  
 Lớn bằng hạt thóc ước chừng sáu cân.  
 Pha lê sắc trong ngần tôn quý,  
 Dầu đem so phẩm thúy nào bằng.  
 Cỡ ba hột cải trắng ngần,

Tựa như ngọc điệp năm cân đong lường.  
Kể từ đó bốn phương pháp hội,  
Tháp bảo đặng khắp cõi Diêm Phù.  
Thánh tích tôn trí bốn châu,  
Chư Thiên nhân loại ngưỡng cầu cung nghinh.  
Cõi Phạm Đế nghiêm minh sùng bái,  
Chúa Long Cung quỳ lạy dâng hương.  
Trần châu, mã não thiết đường,  
Kim ngân châu báu diệu trần Hằng sa.  
Ánh Đạo vàng bảo tòa bất diệt,  
Đèn vô dư mật độ chiếu soi.  
Công Vua **A Dục** rạng ngời,  
Tạo muôn tôn tháp vạn đời di lưu.  
Ngọc **Xá Lợi** nhiệm mầu pháp tánh,  
Xương **Phật Đà** hiển thánh uy linh.  
Xót thương khổ hải hữu tình,  
Hóa thuyền cứu độ chúng sinh quay về.  
Gieo hạt giống Bồ đề ưu việt,  
Quả mai sau thanh khiết trần tâm.  
Tuệ tri thấy rõ mê lầm,  
Ba đào sóng lặng tham, sân xả lìa.  
Hương tịnh giới Ta bà nghi ngút,

Trầm tín tu thơm ngát mười phương.  
Chúng con chiêm bái cúng dường,  
Trăng sao phạm hạnh tứ vương chứng hầu.  
Thờ **Xá Lợi** ngưỡng cầu công đức,  
Xin vô ngôn chân thực hiển bày.  
Pháp thân **Từ Phụ Như Lai**,  
Hộ trì đệ tử đủ đầy phước duyên.

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phạt (3 lần)**





# MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH



Trí vô thượng thình thình rộng lớn  
Sáng trong ngần, chẳng bợn mảy trần,  
Làu làu một tánh Thiên chân  
Bao trùm muôn loại chẳng phân Thánh phàm,  
Chân tâm vốn lặng trang sáng suốt,  
Cõi bờ kia một bước đến ngay,  
Trọn lòng đầy đủ xưa nay,  
Công thành quả chứng tỏ bày đích đang,  
Hàng **Bồ Tát** danh **Quán Tự Tại**,  
Khi tham thiền vô ngại ngoài trong,  
Thẳng vào trí huệ mở thông,  
Soi thấy năm uẩn đều không có gì,  
Nên tất cả không chi khổ ách,  
Trong thức tâm hiện cảnh sắc ra,  
Sắc không chung ở một nhà,  
Không chẳng khác sắc, sắc nào khác không.  
Sắc tướng đây cũng đồng không tướng,

Không tướng y như tướng sắc kia;  
Thọ, tưởng, hành, thức phân chia  
Cũng lại như vậy qui về chơn không  
Bởi thiệt tướng Như Ông sẵn có,  
Các pháp kia thấy rõ trống trơn,  
Chẳng sanh, chẳng diệt thường chơn,  
Chẳng thanh, chẳng trước, chẳng tăng, giảm nào.  
Do nghĩa đó trùm bao tam giới,  
Sáng tột cùng không ngại, không ngăn,  
Vốn không Ngũ uẩn ấm thân  
Sáu căn chẳng có, Sáu trần cũng không,  
Thấy rỗng không ngoài trong Pháp giới,  
Biết hoàn toàn thấu tới Pháp không,  
Tánh không sáng suốt viên thông  
Vô minh chẳng có, huệ lòng sáng ra,  
Vẫn không có sanh, già, bệnh, tử,  
Nên chẳng còn gìn giữ chấp câu.  
**Tứ đế** cũng chẳng có đâu,  
Chỉ là phương tiện khác nào lối đi.  
Vô sở đắc đoạn ly tất cả,  
Tánh pháp kia đều xả Nhị nguyên

Tịnh lòng trí huệ hiển nhiên,  
Bờ kia mau đến Tam thiên ngại gì  
Vô quái ngại sợ chi não chướng,  
Tức xa lìa mộng tưởng đảo điên,  
Tâm chơn rốt ráo liễu viên  
Niết bàn chứng đắc, chơn nguyên hoàn toàn.

**Tam Thế Phật**, y đàn **Bát Nhã**,  
Đáo Bồ Đề chứng quả chánh chơn,  
Cho hay **Bát Nhã** là hơn,  
Pháp môn tối thắng, cỡi chơn mau về.  
Thiệt thân chú phá mê hiệu lực,  
Thiệt thân chú đúng mực quang minh,  
Ấy Chú tối thượng oai linh,  
Ấy Chú vô đẳng tinh tinh oai thần,  
Trừ tất cả nguyên nhân các khổ,  
Thức tỉnh lòng giác ngộ vô sư,  
Thiên nhiên chơn thiệt bất hư,  
Ấn lam Thần Chú chơn như thuyết rằng:

• **Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế,  
bồ đề tát bà ha** (3 lần)



## NGUYỄN VÃNG SANH



Con nay xin phát lòng lành  
Quy y theo **Phật**, tử sanh chẳng màng  
Cầu nguyện về cõi Lạc Bang  
Nghiệp duyên trần thế trái oan không còn  
Một đời tròn giữ sắt son  
Thủy chung chặt dạ làm con Di Đà  
Lời thề **Đức Phật** sâu xa  
Nguyện tu để sớm thoát ra Tam đồ  
Hạnh tin con quyết điểm tô  
Sớm chiều Lục Tự, Nam Mô thường hằng  
Mòn tiêu lỗi ý, khẩu, thân  
Không còn vọng móng lãng xãng Sáu đường  
Thấu nơi các pháp chơn thường  
Qui về giác tánh chẳng vương nhiễm trần  
Trong thì hàng phục Lục Căn  
Ngoài nương thế tục đoạn lần sắc thính  
Bản thể soi chiếu quang minh  
Dụng chơn trí huệ, mê tình xua tan

Mong cầu **Vô Lượng Thọ Quang**  
Nhiếp Tâm **Thọ Ký Tây Phương** chóng vào  
Lời thề như một trước sau  
Dù cho biển cạn không xao xuyên lòng  
Sắc không, không sắc, sắc không  
Xưa nay **Phật**, Chúng vẫn đồng như nhau  
Đây đàng **Tịnh Độ** nêu cao  
Tín tin như nhứt, nguyện vào An Cư .

• **Nam Mô A Di Đà Phật** (3 lần)



**Vãng Sanh Quyết Định Chơn Ngôn**



**Nam mô a di đa bà dạ,  
Đa tha dà đa dạ, đa diệt dạ tha,  
A di rị đô bà tỳ,  
A di rị đa tất đam bà tỳ,  
A di rị đa tỳ ca lan đế,  
A di rị đa tỳ ca lan đa,**

**Dà di nị dà dà na,  
Chỉ đa ca lệ Ta bà ha. (3 lần)**

## **Phục Nguyên**

*Nhân ngày **Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Niết Bàn**  
15 tháng 02 âm lịch theo Phật giáo Bắc truyền.*

Chúng con là những **Phật Tử** tại gia, giác ngộ qua giáo điều **Đức Phật** chỉ dạy. Hằng ngày nguyện vun trồng cội phúc, gội rửa tâm lòng bớt lần những thói hư tật xấu đã tiêm nhiễm trong cõi đời không ít.

Hôm nay chúng con qui ngưỡng **Tam Bảo** ứng nguyện thiết lễ cúng dường **Chư Phật, Bồ Tát, Thánh Chúng, Tổ Thầy**. Nhân ngày **Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật** thường trụ **Đại Niết Bàn**.

Trong phạm vi gia đình **Phật Tử** cúi mong **Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật** cùng mười phương **Chư Phật, Bồ Tát, Thánh Chúng** nhủ lòng hoan hỷ chứng minh.

Chúng con nguyện trọn đời tu học noi theo đại nguyện của **Đức Phật** vì lợi ích tha nhân không ngại đường sanh tử .

Kính lạy **Đức Phật Thích Ca Mâu Ni** nhiếp tâm thọ ký cho chúng con kiếp này được viên mãn thành tựu như nguyện.

Tất cả mọi công đức chúng con đã thể hiện nguyện hồi hướng Pháp giới chúng sanh chư tai tiêu ách, xa rời bất nạn lục đạo luân hồi, nhất tâm niệm **Phật** siêu sanh **Cực Lạc**.

Đồng cầu nguyện chư hương linh Cửu Huyền Thất Tổ, ông bà, cha mẹ, lục thân quyến thuộc của chúng con trong nhiều đời kiếp hoặc hiện kiếp đã quá vãng ... Nhờ ân **Từ Phụ Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật** phóng Đại Quang Minh cứu độ các thức thần thoát chốn mê đồ vãng sanh **Tịnh Độ**.

Đồng cầu nguyện cho gia đình Phật Tử hiện có mặt trong buổi lễ cúng dường nhân ngày **Đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật** thường trụ **Đại Niết Bàn**. Ngưỡng cầu hồng ân **Chư Phật** mười phương cùng oai thần lực **Đức Từ Phụ Bốn Sư** nhủ lòng lân mẫn **Đại Từ, Đại Bi, Đại Hỷ, Đại Xả** ban

bổ phước lành thân không tật bệnh, tâm thường an lạc, giác ngộ tu hành trong thời Mạt pháp vượt qua mọi chướng ngại sớm được **Đức Phật** khai ngộ chân tánh dắt dìu đến bờ an lạc giải thoát.

Đồng cầu nguyện đất nước Việt Nam thanh bình cộng lạc, năm châu dứt lằn binh biến, giảm bớt thiên tai, người người sống trong niềm vui hạnh phúc giác ngộ.

Chúng con đồng kính lạy!

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)

- **Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, Đại**

**Tử, Đại Bi A Di Đà Phật.** (3 lần)

- **Nam Mô Long Hoa Giáo Chủ Đương Lai Hạ**

**Sanh Di Lạc Tôn Phật.** (3 lần)

- **Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát.**

- **Nam Mô Đại Thế Chí Bồ Tát.**

- **Nam Mô Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát.**

- **Nam Mô Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát.**

- **Nam Mô Chuẩn Đề Vương Bồ Tát.**



- Nam Mô Đại Nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát.
- Nam Mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát.
- Nam Mô Thập Phương Thường Trụ Tam Bảo .



## HỒI HƯƠNG



Con xin hồi hương đức công  
Cửu Huyền Thất Tổ thoát vòng trầm luân  
Vây Lạc Quốc pháp thân an hưởng  
Chốn Liên Hoa đức chưởng cao dày  
Mẹ Cha hiện thế ngày ngày  
Thọ hành Lục Tự nản tai không còn  
Sống thiện phúc mót bồn công quả  
Thác đồng cư thai hoá sen vàng  
Dự ngôi Bất Thối Từ Hàng  
Xứng danh Bồ Tát Đạo Tràn trang nghiêm  
Cầu bốn loại giác tìm **Tịnh Độ**

Sớm xa lìa nạn khổ thế gian  
Nường vào ánh sáng hào quang  
**Di Đà** oai lực chẳng bàn ngại ngại  
Mười phương nhiếp thọ trì tâm lực  
**Vô Lượng Thọ** uy đức khôn bì  
Vững lòng nhứt dạ tu trì  
Trọn đời chánh niệm phản qui **Liên Đài**  
Niềm tin giữ không thay đổi nguyện  
Hạnh tròn gìn tâm tiến chẳng phai  
Mong rằng bá tánh đời nay  
Phát tâm dũng mãnh giới trai thuần lòng  
Niệm **Phật** đắc **Nhơn Ông** Tự Tánh  
Chỉ một đời cứu cánh **Niết Bàn**  
Hương về nơi cõi Lạc Bang  
**A Di** thọ nhiếp đồng vang niệm cầu .

• **Nam Mô A Di Đà Phật** (3 lần)



## TAM QUY Y



**Tự qui y Phật: Lấy tâm làm chủ  
Phá não phiền hội đủ kế cơ  
Nường theo Tâm Định phụng thờ  
Huệ lòng khai mở qua bờ giác sang .**

o0o

**Tự qui y Pháp: Dụng trí làm đầu  
Trí là vô thượng nhiệm mầu cao siêu  
Nường trí huệ thấu điều Phật dạy  
Rành lý chơn diễn giải rõ ràng .**

o0o

**Tự qui y Tăng: Lấy thân tịnh giới  
Luôn luôn làm ích lợi chúng sinh  
Tự mình kiểm soát lấy mình  
Xa rời thế tục quang minh Tăng già .**

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (3 lần)**



# THÍCH NGHĨA

(QUYỂN 2 : Từ PHẨM “VĂN TỰ”, thứ 13 đến PHẨM  
“THÁNH HẠNH”, thứ 19)

- **Chú thích:**

1/. Các hình thức chữ in trong phần Chánh Kinh.

\* Từ in **đậm**: dùng Tôn xưng Phật, Bồ Tát, tên các bộ kinh điển Đại thừa, các danh từ riêng và các danh hiệu Phật.

\* Từ in **đậm**, *nghiêng*: Từ mới, được thích nghĩa trong quyển này.

\* Từ in *nghiêng*: Từ đã được thích nghĩa trong các phần trước và quyển trước.

2/. Phụ lục A,B,C ... trong phần Thích Nghĩa.

|                                 |                                 |
|---------------------------------|---------------------------------|
| • Văn <b>A</b> trang <b>542</b> | • Văn <b>O</b> trang <b>610</b> |
| • Văn <b>B</b> trang <b>546</b> | • Văn <b>Ô</b> trang <b>611</b> |
| • Văn <b>C</b> trang <b>555</b> | • Văn <b>P</b> trang <b>612</b> |
| • Văn <b>D</b> trang <b>564</b> | • Văn <b>Q</b> trang <b>618</b> |
| • Văn <b>Đ</b> trang <b>568</b> | • Văn <b>S</b> trang <b>621</b> |
| • Văn <b>G</b> trang <b>575</b> | • Văn <b>T</b> trang <b>627</b> |
| • Văn <b>H</b> trang <b>577</b> | • Văn <b>U</b> trang <b>670</b> |
| • Văn <b>K</b> trang <b>584</b> | • Văn <b>Ủ</b> trang <b>671</b> |
| • Văn <b>L</b> trang <b>591</b> | • Văn <b>V</b> trang <b>673</b> |
| • Văn <b>M</b> trang <b>594</b> | • Văn <b>X</b> trang <b>679</b> |
| • Văn <b>N</b> trang <b>599</b> | • Văn <b>Y</b> trang <b>681</b> |

# A

\* A : Phạn: A.

**I. Chữ “A” âm ngắn** của mẫu tự Tất-đàm (Hán âm: A, Ấ, Am, An, Ấc, Ất), là 1 trong 12 nguyên âm của mẫu tự Tất-đàm, 1 trong 42, 1 trong 50 chữ cái, là chữ A chuyển hóa lần thứ nhất trong 5 lần chuyển hóa hoặc gọi chữ A còn nguyên gốc. A là chữ đầu tiên trong 50 mẫu tự Tất-đàm, đó là vì khi người ta mở miệng nói ra thành tiếng thì trong đó có chữ A, nếu bỏ tiếng A thì không có tất cả ngôn ngữ, vì thế *Mật giáo* cho chữ A là mẹ của tất cả tiếng nói. Các chữ Tất-đàm, khi mới chuyển bút viết thì phải chấm một dấu “.”, chấm này gọi là chấm chữ A, dùng để biểu thị A là mẹ của tất cả các chữ. Theo đó, suy rộng ra có thể nói tất cả giáo pháp dù trong hay ngoài *Mật giáo* đều do chữ A sinh ra. **Đại Nhật Kinh Số 7** lại tiến thêm một bước nữa, cho chữ A là “Gốc của tất cả các pháp”. **Phẩm Văn Tự, Kinh Đại Bát Niết Bàn** nêu: A nghĩa là không hư hoại, không lưu chuyển. **Phẩm Khẩn-na-la Thụ Ký trong kinh Đại Bảo Tích 65**, nêu ra các nghĩa của chữ A: Vô tác, vô biên, vô phân biệt, vô tự tính, bất khả tư nghị .v.v...

**II. Chữ “A” âm dài** của mẫu tự Tất-đàm (Hán âm: A, Ấc), là 1 trong 12 nguyên âm, 1 trong 42 chữ cái tiếng Phạn. Đây là chữ A biến chuyển lần thứ 2 trong 5 lần chuyển hóa, tức là chữ A thêm một chấm (chấm tu hành). Chữ A biểu thị cho Tam-ma-địa của Bảo Sinh Như Lai ở phương Nam, tượng trưng cho đức tu hành. Cho nên trong 5 lần chuyển hóa, chữ A này thuộc về Nhân vị tu hành. Đây là thuyết Đông nhân phát tâm. Nếu phối hợp chữ A với 4 phương thì chữ A biểu thị môn tu hành ở phương Nam, có nghĩa tất cả pháp vắng lặng (Phạn: Aranya). Cho nên, các nhà Tất-đàm thường gọi là chữ A vắng lặng. Ngoài ra, chữ A này còn có nghĩa: xa lìa ngã, tự lợi lợi tha, không, tam muội, thánh giả, ít muốn, biết đủ, trong sáng, răn dạy ...

\* **A Bà Ma La** : Quỷ tà ác mặt xanh và sắc xanh.

\* **A-Kiệt-Đa** (Tịnh Chú): Thần chú mà người các phái tôn giáo bên Thiên Trúc dùng để trừ nọc rắn Ma-La. Rắn Ma-La là loại rắn độc nhất, hễ bị nó cắn thì không thể dùng thuốc chi, hoặc thần chú chi. Chỉ trừ có chú A-kiệt-đa là trừ được mà thôi.

\* **A-Ma-Lặc**: Phạn âm : *Āmala, Āmlikā, Āmlikā, Amlaphala*; Tên gọi khác là: *A-mạt-la, a-ma-la, am-ma-la, am-ma-lặc-ca*. Thông thường dịch là *Dư cam tử*.

A-ma-lặc là loại cây ăn trái, họ đậu, cành lá rất giống cây hợp hoan, loại thực vật sống ở rừng nhiệt đới các xứ như Ấn-Độ, Malaysia, Phi Châu. Trái của cây này như trái đậu, dài hơn 10 cm, có vị chua, gọi là trái A-ma-lặc, có thể ăn và trị bệnh. Người ta thường lầm lẫn cây A-ma-lặc với cây Am-một-la (Phạn: Amra).

\* **A-Thúc-Ca thụ** : Còn gọi: *A-du-ca thụ* (Phạn: *Asokca*), *A-thư-ca thụ*. Hán dịch: *Vô ưu thụ*.

*A-Thúc-Ca thụ* là loài thực vật thuộc họ đậu, thường sống ở Hymalaya, Tích Lan, Bán đảo Mã Lai. Thân cây thẳng đứng, lá như lá hòe, mọc đối giống như cánh chim, dài từ 9 cm đến 20 cm, hoa nở dài khoảng 6 cm đến 10 cm, màu đỏ tươi, trái hình bầu dục, dài khoảng 20 cm. Văn học Ấn Độ, thường cho cây này là điềm lành. Theo truyền thuyết, thái tử Tất-đạt-đa sinh ra dưới cội cây A-du-ca trong vườn Lâm-tỳ-ni, vì mẹ con đều an ổn, nên cây này được gọi là cây Vô ưu. Thông thường, người ta lầm cho cây *Tất-lợi-xoa* (Phạn: *Vrksa*, cây Bồ-đề) là cây A-du-ca.

\* **A Tu La Vương** : Chúa A-tu-la. *Phẩm Tự* trong kinh *Pháp Hoa* nêu tên 4 vị chúa A-tu-la: *Bà-trĩ, Khư-la-chiên-đàn, Tì-ma-chất-đa-la, La-hầu*, mỗi vị đều có trăm nghìn quyến thuộc.

*Kinh Khởi Thế Nhân Bản* 5 cũng nêu ra 4 vị Đại A-tu-la chúa và nơi ở của 4 vị này:

**1. Tì-ma-chất-đa-la**: Trụ dưới biển cả, sâu 1.000 do-tuần về phía Đông núi Tu-di; cõi nước mỗi bề rộng 80.000 do-tuần, có 7 lớp tường thành, thành của A-tu-la chúa gọi là Thiết-ma-bà-đế, nơi nhóm họp ở chính giữa gọi là Thất đầu.

2. *Dũng Dược*: Trụ dưới biển cả, sâu 1.000 do-tuần về phía Nam núi Tu-di, cõi nước rộng mỗi bề 80.000 do-tuần.

3. *Xa-bà-la* : Trụ dưới biển cả, sâu 1.000 do-tuần về phía Tây núi Tu-di.

4. *La-hầu*: Trụ dưới biển cả, sâu 1.000 do-tuần về phía Bắc núi Tu-di; cung điện trang nghiêm giống như A-tu-la chúa Tì-ma-chất-đa-la.

*Kinh Hoa Nghiêm 1 (Tân dịch)* nêu tên nhiều vị A-tu-la chúa: *La-hầu, Tì-ma-chất-đa-la, Xảo Huyền Thuật, Đại Quyển Thuộc, Đại Lực, Biển Chiếu, Kiên Cố Hạnh Diệu Trang Nghiêm, Quảng Đại Nhân Huệ, Xuất Hiện Thắng Đức, Diệu Hảo Âm Thanh.*

\* **A Xà Lê** : Phạn: *Acarya*. Hán dịch: *Quĩ phạm sư, Chính hạnh, Duyệt chúng, Ứng khả hành, Ứng cúng dường, Giáo thụ, Trí hiền, Truyền thụ* ... Còn gọi: *A-xá-lê, A-kì-lợi, A-giá-lợi-da*. Gọi tắt: *Xà-lê*.

A xà lê là người dạy dỗ đệ tử, khiến cho mọi việc làm của đệ tử đều trang nghiêm, đúng pháp; chính bản thân cũng xứng đáng làm bậc thầy gương mẫu cho đệ tử noi theo, nên còn gọi là Đạo sư. Vào thời Cổ đại ở Ấn Độ, A xà lê vốn là vị thầy dạy đệ tử về phép tắc, nghi thức hành lễ trong kinh điển cúng tế Phệ-đà của Bà-la-môn giáo. Danh từ này về sau được Phật giáo dùng theo và đã sử dụng rộng rãi. Theo *Luật Ngũ Phần 16, Tứ Phần Luật San Phồn Bử Khuyết Hành Sự Sao, thượng*, A xà lê có 5 loại:

1. *Xuất gia A xà lê*: Vị thầy truyền 10 giới cho người thọ giới Sa di (hay Sa di ni), nên còn gọi Thập giới A xà lê.

2. *Thụ giới A xà lê*: Vị thầy Yết-ma cho tăng thụ giới Cụ túc, nên còn gọi Yết-ma A xà lê

3. *Giáo thụ A xà lê*: Vị thầy truyền oai nghi cho vị tăng thụ giới Cụ túc, nên còn gọi Oai nghi A xà lê.

4. *Thụ kinh A xà lê*: Vị thầy dạy cách đọc và ý nghĩa kinh điển.

5. *Y chỉ A xà lê*: Vị thầy ở chung với Tỳ kheo, hướng dẫn Tỳ kheo trong mọi sinh hoạt tu hành hoặc vị thầy mà Tỳ kheo chỉ nương theo học một đêm, cũng được gọi là Y chỉ A xà lê.

\* **Am** : Từ đồng nghĩa. Xem **Chữ “A” âm ngấn** (Xét theo Văn Tự) .



\* **Ác ma** : Phạn: *Mara*. Hán âm: *Ma-la*. *Ác ma* là quỷ thần hung ác phá hoại tâm cầu đạo, chướng ngại việc lành, làm tổn thương thân mạng của mình và người. “Ác ma” cũng là tên gọi chung cho người ác, việc ác và thần ác quấy rối người tu hành.

Trong kinh điển Nam truyền và Bắc truyền, nhất là *kinh điển A-Hàm* ghi chép tường tận và miêu tả sinh động các sự việc ác ma nhiều hại thân tâm Phật và đệ tử của Ngài.

Trong *Ác Ma Tương Ứng* (Phạn: *Marasamyutta*) thuộc *Tương Ứng Bộ Kinh của Nam truyền*, ghi: Như có lần, đệ tử La-đà hỏi Đức Phật: “Sao gọi là ác ma?” Phật dạy: “Sắc (hình tướng) là ma, thụ (cảm giác) là ma, tưởng (hình ảnh của sự vật còn giữ lại trong tâm thức) là ma, hành (sức cấu tướng của ý chí) là ma, thức (tác dụng phán đoán) là ma”. Phạm có tưởng, thấy, nghe thì đó là nguồn gốc của sự chấp trước và có thể gọi đó là ma.

\* **Ái biệt ly khổ**: Phạn: *Priya-viprayoga-duhkha*; Còn gọi: *Án ái biệt khổ*, *Ái tương biệt ly khổ*; Ái biệt ly khổ là nỗi khổ mà ta cảm nhận được khi cách biệt những người mà ta luyện ái, 1 trong 8 khổ.

Theo *Kinh Phân Biệt Thánh Đế* trong *Trung A-Hàm* và *Luận Đại Tỳ-Bà-sa* 78 thì nỗi khổ phát sinh khi thân tách rời 6 xứ và 6 giới khả ái bên trong, gọi là Ái biệt ly khổ.

*Đại thừa Nghĩa Chương 3, phần đầu* ghi: “ Thế nào là Ái biệt ly khổ ? Biệt ly có 2: Nội và Ngoại. Nội là chính bản thân mình, ngoại là quyến thuộc, thân thích và những thứ tài sản”.



# B

\* **Ba** : Còn gọi: Phả, Bá, Pa. Chữ (Pa), là 1 trong 42, 1 trong 50 chữ Tất-đàm. Có nghĩa theo các kinh như sau:

- *Kinh Phóng Quang Bát Nhã 4*, ghi : “Ba, là Đệ nhất nghĩa đế trong các pháp nê-hoàn”.

- *Phẩm Quảng Thừa, kinh Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật 5*, ghi : “Chữ Pa là Đệ nhất nghĩa trong tất cả pháp”.

- *Phẩm Thích Tự Mẫu, kinh Du-Già Kim Cương Đảnh*, ghi : “Chữ Phả nghĩa là Đệ nhất nghĩa đế bất khả đắc trong tất cả pháp”. Tiếng Phạn *Para martha*, nghĩa là Đệ nhất nghĩa đế, mà Pa là âm đầu của từ ngữ này cho nên nói chữ Pa là Đệ nhất nghĩa đế.

Ngoài ra, theo *kinh Hoa Nghiêm 76 (bản Tân dịch)* chữ Pa có nghĩa là Phổ chiếu pháp giới (Phạn: *Dharmadhatu-tala-sambheda*).

- Theo *Phẩm Văn Tự, kinh Đại Bát Niết Bàn*, thì Pa có nghĩa là điên đảo.

\* **Ba Đầu Ma** (hoa): Còn gọi: *Bát-dầu-ma hoa, Bát-đặc-ma hoa, Ban-dầu-ma hoa*. Dịch ý: *Xích liên hoa, Hồng liên hoa*. Tên khoa học: *Nelumbium Speciosum*.

Hoa thuộc họ Thủy liên, thường sống ở Đông Ấn Độ, Ba Tư, Tây Tạng, nội địa Trung Quốc, Miến Điện, miền Bắc nước Úc và những vùng ao đầm ở Nhật Bản. Thân hoa mập to, có thể dùng làm thức ăn, tơ nhỏ trong thân có thể làm tim đèn.

Từ xưa đến nay, người Ấn Độ cho hoa này là loại hoa quý nhất trong các loài thực vật sống dưới nước. Trong các kinh Phật cũng khen hoa này là 1 trong 7 thứ báu. Các kinh luận thường đề cập hoa này chung với hoa Câu-vật-đầu, hoa Ưu-bát-la, hoa Phân-đà-lợi.

Ngoài ra, hoa này cũng là tòa ngai của Phật, Bồ Tát hoặc là vật trang nghiêm thân mà Bồ Tát Quán Thế Âm cầm trong tay.

\* **Ba-La-Nại**: Phạn ngữ: *Vàranasi* (Đất). Còn gọi là *Ba-la-nại-tư, Ba-lai-ni-tư, Ba-la-nại-tả*. Tên nước, dịch là *Giang Nhiểu*, vì lẽ nước này ở lưu vực sông Hằng, vườn Lộc-Dã ở đây.

Theo *Huyền Ứng Âm Nghĩa*, q.21: “Ba-la-niệt-tư trước đây gọi là Ba-la-nại, hoặc là Ba-la-nại-tư, Ba-la-nại-tả, là đều như nhau cả”. *Pháp Hoa Khoa Chú*: “Phía đông bắc đô thành nước Ba-la-niệt-tư có sông, cùng tên là sông Ba-la-niệt. Phía đông bắc sông hơn 10 dặm, đến chùa Lộc-Dã, khu rừng lớn bên cạnh có tên là rừng Thi Lộc, cũng gọi là Lộc Uyển”. Tại đây đức Phật Thích Ca đã thuyết pháp lần đầu và sau đó liên tục giảng đủ về Kinh-Luật-Luận. Đức Phật Ca-Diếp sau khi thành đạo cũng đã từng ngự xuống thành Ba-la-nại, thuyết pháp ở vườn Lộc-Dã.

\* **Ba-Lợi-Chất-Đa-La thụ**: Còn gọi: *Ba-lợi-da-đát-la-câu-đà-la thụ*, *Ba-lợi-da-đa thụ*, *Bà-lợi-chất-đa-la thụ*, *Bà-nghi-chất-cấu thụ*, *Bà-lợi-da-đát-la-câu-đà-la thụ*, *Bà-ri-da-đát-la-câu-tì-đà-la thụ*, *Bà-lợi-xà-đa-ca thụ*; Phạn: *Pārijāta*, *pārijātaka*, *pāriyātraka*; Hán dịch: *Viên-sinh thụ*, *Trú-độ thụ*, *Hương-biến thụ*. Gọi tắt: **Ba-lợi-đa-la**.

Là một loại cây ở cung trời Đao-lợi. Vì cây này lớn nhất trong các cây nên còn gọi là Thiên thụ vương. Cây này ở giữa vườn Tap Loạn và vườn Hoan Hỷ, thuộc góc Đông Bắc thành Thiện Kiến, trời Đao-Lợi, chu vi 7 do-tuần, cao 100 do-tuần, cành lá gié ra bốn phía 50 do-tuần. Gốc, thân, cành, lá, hoa, quả đều có mùi thơm, có thể xông khắp cung trời Đao-Lợi nên gọi là Hương-biến thụ. Cây này có vị thần tên Mạn-Đà, thường trỗi kỹ nhạc để tự vui, nên trở thành chỗ vui chơi của cõi trời Đao-Lợi.

\* **Ba-Lợi-Đa-La**: Gọi đầy đủ: Ba-Lợi-Chất-Đa-La. Xem **Ba-Lợi-Chất-Đa-La thụ**.

\* **Ba-Xà-Ba-Đề**: Phạn âm : *Mahāprajāpati*; Tên gọi khác là: *Ma-ha-bát-thích-xà-bát-đề*, *Ma-ha-ti-da-hòa-đề*, *Ma-ha-pha-la-xà-bát-đề* *Cù-đàm-di* (Phạn: *Mahāprajāpati-gautami*); Tên gọi tắt là: *Ba-xa-ba-đề*, *Ba-đề phu nhân*, *Cù-đàm-di* ; Hán dịch là: **Đại Ái Đạo**, *Đại Thắng Sinh Chủ*, *Đại Sinh chủ*, *Đại thế chủ*. *Đại Ái Đạo* *Cù-đàm-di*, *Cù-đàm-di* *Đại Ái*.

Ba-Xà-Ba-Đề là Di mẫu của Thái tử Tất-Đạt-Đa và là em gái của Hoàng hậu Ma-ha Ma-Da, con vua Thiện-Giác thành Thiên-Tý ở Ấn-Độ thời xưa. Đức Thế Tôn sinh ra được 7 ngày thì mẹ Ngài là Ma-Da phu nhân tạ thế, Ngài được di mẫu thay thế dưỡng nuôi. Sau khi Đức Thích

Tôn thành đạo 5 năm, vua Tịnh Phạn cũng mệnh chung, bà Đại Ái Đạo dẫn Da-du-đà-la và 500 người nữ thuộc chủng tộc Thích-Ca đến Đức Phật xin được xuất gia. Qua lời khẩn cầu của Ngài A-Nan, Đức Phật đã hứa khả. Đây là những vị Tỳ-kheo-ni đầu tiên trong giáo đoàn của Phật.

Sau khi xuất gia, chính bà đã quản lý các Tỳ-kheo-ni, trụ ở Ni Viện gần Tịnh-Xá, truyền giới Cụ túc cho nữ chúng, giúp đỡ Đức Phật rất nhiều trong việc hóa đạo. Về sau, do không nở nhìn thấy Đức Phật diệt độ, nên trước đó 3 tháng, Bà ngồi kiết già trong thành Tỳ-Xá-Lị, từ Sơ thiên thiên dần nhập vào Tứ thiên thiên và xả bỏ thân mạng; Lúc bấy giờ, chư Thiên trong cõi Dục đều buồn than.

\* **Báo chướng:** Sự ngăn ngại, che bít của quả báo. Chúng sanh trong sáu nẻo đều bị phiền não hoặc nghiệp ngăn ngại. Đối với những kẻ tội ác thâm, trọng thì cái báo chướng nó ngăn đường bít nẻo, chỉ để cho đau khổ, tức như những hòn đá lạc ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh quanh quẩn chỉ thấy mình khổ, lụy. Đối với những bậc có hưởng phước như chư thiên, loài người thì cái báo chướng nó ngăn đón, khiến cho mình chẳng tin Tam bảo, chẳng mộ chánh pháp. Còn đối với những nhà tu học thì cái báo chướng nó che án, không để cho mình đắc đạo dễ dàng.

\* **Báo ứng :** Đáp lại những việc đã cho đã tạo. Có cho tất có báo đáp, có cảm tất có ứng, nên hiện tại có được gì, chẳng kể họa phước, đều là báo ứng. Như làm các nghiệp lành: phóng sinh, bố thí, phạm hạnh, tức là trồng nhân lành thì chiêu cảm quả báo lành. Ngược lại, làm các nghiệp ác sát sinh, trộm cắp, tà dâm ... tức là trồng nhân ác thì chiêu cảm quả báo ác.

\* **Bát khổ (Tám thứ khổ) :** Tám thứ quả khổ mà chúng sinh luân hồi trong 6 đường lãnh chịu, nội dung chủ yếu là Khổ đế trong Tứ đế, gồm:

**1. Sinh khổ,** có 5 loại:

- *Thụ thai:* Lúc thần thức gá vào thai mẹ, ở trong bụng chật chội bất tịnh.
- *Chủng tử:* Thần thức gá vào di thể (tinh trùng và noãn) của cha mẹ, chủng tử của thức kia tùy theo hơi thở ra vào của mẹ nên không được tự tại.

- *Tăng trưởng*: Thần thức ở trong bụng mẹ, trải qua 10 tháng, bên trong nóng bức, thân hình từ từ tăng trưởng, dưới ruột non, trên ruột già, ở giữa như ở tù.

- *Xuất thai*: Lúc mới sinh ra có gió lạnh, gió nóng thổi, cùng với y phục và các vật khác xúc chạm thân, da thịt non mềm như bị châm chích.

- *Chủng loại*: Về phẩm chất cuộc sống lại có giàu sang, nghèo hèn, tướng mạo đầy đủ, khiếm khuyết, xinh đẹp, xấu xí ...

### 2. Lão khổ, có 2 loại:

- *Tăng trưởng*: Từ thiếu niên đến tráng niên, từ tráng niên đến già suy, khí lực yếu dần, đi đứng nằm ngồi không an ổn.

- *Hoại diệt*: Thời khỏe mạnh đã qua, suy yếu dần đến tinh thần suy giảm, mạng sống ngày càng rút ngắn, thể xác dần dần đi đến hư hoại.

### 3. Bệnh khổ, có 2 loại:

- *Thân bệnh*: Bốn đại không điều hòa thì bệnh tật phát sinh, như Địa đại không điều hòa thì thân thể nặng nề; Phong đại không điều hòa, thân thể bị tê cứng; Thủy đại không điều hòa, thân thể bị phù thũng; Hỏa đại không điều hòa, thân bị nóng bức.

- *Tâm bệnh*: Trong lòng ôm ấp những khổ não, buồn thảm, bi ai ...

### 4. Tử khổ, có 2 loại:

- *Bệnh tử*: Vì bệnh, mạng sống hết, phải chết.

- *Ngoại duyên*: Gặp ác duyên, bị nạn nước, lửa ... mà chết.

5. *Ái biệt ly khổ*: Người mình thương yêu lại phải xa lìa, không được ở chung, gần gũi.

6. *Oán tăng hội khổ*: Với người oán thù, tâm chẳng ưa thích, chỉ muốn xa lìa, lại phải gần gũi ở chung.

7. *Câu bất đắc khổ*: Những gì ở thế gian, tâm có chỗ ưa thích mong cầu, nhưng không được toại nguyện.

### 8. Ngũ ấm thanh khổ: - Ngũ là năm thứ: sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

- Ấm: nghĩa là che ánh làm cho chân tính không thể hiển lộ.

- Thanh: Hưng thịnh, dung nhiếp.

Nghĩa là các khổ sinh: Sinh, lão, bệnh, tử nhóm họp, nên gọi là năm ấm hưng thịnh khổ.

\* **Bát Nhã Ba La Mật** : Phạn: *Prajñā Pāramitā*. Hán dịch: *Huệ đạo bửu tạng, Trí độ, Minh độ, Phổ trí độ vô cực*. Còn gọi: **Bát nhã Như Lai**,

**Bát-nhã Ba-la-mật-đa**, *Bát-la-nhã Ba-la-mật*, *Huệ Ba-la-mật-đa*, *Trí huệ Ba-la-mật-đa*. Trí huệ rộng lớn của hàng Bồ Tát chiếu soi thật tướng các pháp, trùm hết tất cả trí huệ, vượt bờ sinh tử bên này đến bờ Niết-bàn bên kia, 1 trong 6 Ba-la-mật, 1 trong 10 Ba-la-mật.

*Bát-nhã Ba-la-mật* là căn bản của 6 Ba-la-mật, nguồn gốc của tất cả thiện pháp, nên còn gọi là *Mẹ của chư Phật*. *Bát-nhã* tức là trí huệ siêu việt. Hàng Thanh văn, Duyên giác chỉ cầu mau đến Niết bàn mà không đến chỗ cùng tột trí huệ siêu việt, nên không thể đạt được *Bát nhã Ba-la-mật*; chỉ hàng Bồ Tát do cầu Nhất thiết trí mà hành trì *Bát-nhã* mới đạt đến bờ bên kia, gọi là *Cụ túc Bát-nhã Ba-la-mật*. Đến khi thành Phật thì *Bát-nhã Ba-la-mật* chuyển thành Nhất thiết chủng trí. Cho nên, *Bát-nhã Ba-la-mật* chẳng thuộc về Phật, chẳng thuộc hàng Thanh văn, Bích Chi Phật, chỉ thuộc hàng Bồ Tát.

✱ **Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh** : Phạn: *Prajñāpāramitā-hṛdaya-sūtra*. Gọi đầy đủ: *Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh*. Gọi tắt: *Bát-nhã Tâm Kinh*, *Tâm Kinh*.

Kinh, 1 quyển, do ngài Huyền Trang dịch, được xếp vào *Đại Chính Tạng*, tập 8. Tâm (*Hṛdaya*), chỉ quả tim, hàm ý nghĩa tinh yếu, cốt tủy. Kinh này đem nội dung kinh Đại Bát Nhã chất lọc thành cuốn kinh ngắn gọn trong sáng. Toàn kinh nêu ra các pháp: *Ngũ uẩn*, *Tam khoa* (Ngũ uẩn, Thập nhị xứ, Thập bát giới), *Thập nhị nhân duyên*, *Tứ đế*, để trình bày tổng quát lý các pháp đều không. Như câu: *Sắc tức thị không, Không tức thị sắc*, được rút ra từ kinh này.

Những bản dịch khác về kinh này có đến 6 bản: *Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật Đại Minh Chú* (*Cittu-ma-la-thập*); *kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa na-đề kinh* (*Bồ-đề Lưu-Chi*); *Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh* (*Bát-nhã, Lợi Ngôn*); *Phổ Biến Trí Tạng Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh* (*Pháp Nguyệt*); *Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh* (*Trí Huệ Luân*); *kinh Thánh Phật Mẫu Bát-nhã Ba-la-mật-đa* (*Thị Hộ*). So với 6 bản dịch trên, thì bản dịch của ngài Cưu-ma-la-thập là rõ ràng hơn hết. Nhưng chỉ có bản dịch của ngài Huyền Trang là được lưu truyền rộng rãi và lâu dài nhất.

\* **Bát Quan Trai**: Cũng viết: Bát quan trai giới. Vì tám giới và sự ăn chay (không ăn quá ngũ) liên quan với nhau, liên hiệp với nhau mà thành, nên kêu là Bát quan trai, Bát quan trai giới.

Người thọ Bát quan trai, đàn ông kêu là Tịnh-hạnh Ưu-bà-tắc, đàn bà kêu là Tịnh-hạnh Ưu-bà-di. Vì trọn một ngày và một đêm tình nguyện lìa dục, giữ mình thanh tịnh, tu hạnh xuất thế, nên kêu là Tịnh-hạnh Ưu-bà-tắc hoặc Tịnh-hạnh Ưu-bà-di. Cũng gọi hành giả ấy là Thanh tín nam, Thanh tín nữ. Thanh là đem lòng trong sạch mà phụng trì Bát quan trai; Tín là có lòng tin đối với Giáo pháp của Như Lai theo như thuyết mà tu hành. Vì vậy nên kêu là Thanh tín nam, Thanh tín nữ.

\* **Bà Đê** : Gọi đầy đủ: *Phát-bà-đê châu* . Xem **Phát-bà-đê châu**.

\* **Bảo Châu** : theo *phẩm Thánh Hạnh, kinh Đại Bát Niết Bàn* là hạt châu Như ý (Phạn: *Mani*. Hán âm: *Ma-ni, Mạt-ni*. Còn gọi: *Như Ý bảo châu*). Viên ngọc này rất đẹp, trang nghiêm, tự nhiên tỏa ra ánh sáng thanh tịnh chói lọi khắp 4 phương, 1 trong 7 báu của Chuyển Luân Thánh Vương. *Kinh Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật 10*, nói về công năng của bảo châu: Trong tối có thể làm cho sáng, lúc nóng có thể làm mát, lúc lạnh có thể làm ấm, chỗ có bảo châu thì không lạnh, không nóng. Nếu có người bị bệnh nóng, lạnh, trúng gió, phong cùi, ghẻ độc, phù thủng .v.v... lấy bảo châu đeo vào thân mình thì liền hết bệnh. Ngoài ra, nếu ma-ni bảo châu đặt trong loại nước nào thì chất nước cũng tiếp một màu với châu.

*Luận Đại Tì-bà-sa 102* có kể 5 thứ bảo châu: Quang minh mạt-ni, Thanh thủy mạt-ni, Phương đẳng mạt-ni, Vô giá mạt-ni và Như ý châu.

\* **Bạch Tượng**: Voi báu trắng của Chuyển Luân Thánh Vương (xem **Tượng Bảo**).

\* **Bát Dụng Xứ Thiên** : Còn gọi: *Vô Sở Hữu Xứ* (Phạn: *Ākincanyayātana, ākimcanya-āyatana*), *Vô sở hữu xứ thiên*. Đây là tầng trời thứ 3 trong 4 tầng trời cõi Vô Sắc, là quả dị thực chiêu cảm do nhàm chán Thức Vô Biên Xứ, tu Vô Sở hữu xứ định; tức cảnh giới siêu việt Thức Vô Biên Xứ định, phát sinh nhờ quán sở duyên đều vô sở hữu, tư duy tướng Vô sở hữu. Vô Sở Hữu xứ chia làm 2 loại là Định và Sinh.

1. *Định*: là Định Vô Sở hữu xứ do tu chứng mà được.

2. *Sinh*: là quả dị thực do định ấy chiêu cảm, tức Vô Sở hữu xứ thiên.

Vô Sở hữu xứ và các xứ còn lại như Không Vô Biên xứ đều lấy 4 uẩn Thọ, Tưởng, Hành, Thức Vô phú Vô ký sở hệ làm thể. Theo *Luận Đại Tì-bà-sa 84*, chúng sinh ở xứ này sống lâu 6 vạn đại kiếp.

\* **Bất Khổ Bất Lạc Thụ**: Phạn: *Adukkhāsukha-vedanā*; Còn gọi: *Xả thụ, Bất khổ bất lạc giác*. Bất khổ bất lạc thọ là cảm giác ấn tượng của ý thức không khổ không vui, 1 trong 3 thọ, 1 trong 5 thọ. Thiên định có kèm theo Xả thụ gọi là Xả câu định (Phạn: *Upekkhā-sahagata-samāधि*), chỉ cho thiên định thứ 4 của cõi Sắc, Tứ vô sắc định và Dục giới định.

*Luận Đại Tì-Bà-Sa 115* phối hợp 3 thụ với 3 cõi 9 địa, thiện nghiệp bị ràng buộc ở cõi trời Quảng Quả và thiện nghiệp bị ràng buộc ở cõi Vô Sắc là thuận theo Bất khổ bất lạc thụ nghiệp. Trong 8 thức thì 6 thức trước đều tương ứng với 3 thọ, 2 thức 7 và 8 chỉ tương ứng với Xả thọ. *Phẩm Biện Tam Thụ trong Luận Thành Thật 6 nương theo ý Kinh Tạp A-Hàm 17*, cho rằng trong Lạc thọ có tham sử, trong Khổ thọ có sân sử, trong Bất khổ bất lạc thọ có Vô minh sử. Tướng của Bất khổ bất lạc thụ vắng lặng như định Vô Sắc, vì vắng lặng, phiền não hiện hành vi tế, phàm phu cho là giải thoát, nên gọi đó là vô minh sử. Trong Phật giáo Pàli cho Xả là 1 trong 10 Ba-la-mật.

\* **Bệnh Hạnh**: Hạnh trị bệnh; 1 trong 5 pháp hành đạo của Bồ Tát. Bồ Tát dùng đại hạnh vô duyên đại từ với tâm bình đẳng đồng thể đại bi nhờ các phiền não và chữa trị tội nghiệp cho chúng sinh. Bệnh ám chỉ nghiệp tội của chúng sanh.

\* **Bi nguyện** : Còn gọi: *Nguyện lực đại bi*. Lời phát nguyện độ chúng sinh xuất phát từ lòng đại bi của chư Phật, Bồ Tát như : 24 nguyện, 36 nguyện, 48 nguyện của Phật A-di-đà; 12 nguyện, 44 nguyện của Phật Dược Sư ; 20 nguyện của Phật A-Súc ; 18 nguyện của Bồ tát Văn Thù ; 40 nguyện của Sư tử vương .v.v... Theo *Luận Thành Duy Thức*, bi nguyện tương ứng với thiện tâm.



*Vãng Sinh Yếu Tập, thượng*, ghi : “*Bồ Tát Địa Tạng* mỗi sáng sớm nhập Hằng sa định, biến khắp pháp giới, cứu khổ chúng sinh, bi nguyện của Ngài vượt hơn các đại sĩ khác”.

Ngoài ra, bi nguyện của Phật, Bồ Tát được ví như thuyền bè đưa người qua biển sinh tử, nên gọi là Thuyền bi nguyện.

\* **Bí mật** : Phạn: *Guhya*. Bí mật là sâu xa ẩn kín không thể nhận hiểu một cách dễ dàng. Như sức thần thông sẵn có của Như Lai, hoặc mật ý Như Lai chưa từng tuyên thuyết.

Theo *Nhiếp Đại thừa Luận Bản*, ý nghĩa của từ Như Lai bao hàm 4 thứ bí mật (Còn gọi: *Tứ bí mật, Tứ chủng hiệp nghĩa, Tứ tiết, Tứ y*):

1. *Linh nhập bí mật*: Vì dẫn dắt chúng sinh thể nhập chân thực trí nên trước tiên tùy theo tướng pháp của thế tục mà giảng thuyết.
2. *Tướng bí mật*: Vì chỉ bày tất cả pháp không có tự tính, không sinh không diệt mà nói ba tính như Biến kế sở chấp .v.v...
3. *Đối trị bí mật*: Vì đối trị nhiều thứ lỗi lầm mà nói nhiều thứ pháp.
4. *Chuyển biến bí mật*: Ý nghĩa bí mật hoàn toàn khác biệt với những gì nói trên ngôn ngữ văn tự. Nghĩa lý chân thật ẩn chứa trong đó chẳng thể dùng lời nói bày tỏ được.

Ngoài ra, giáo lý Phật giáo được phân ra thành giáo lý hiển lộ (Hiển giáo) và giáo lý bí mật (Mật giáo). Theo thuyết của *Đại sư Trí Khải* đời Tùy, trong khi Phật thuyết pháp, tuy giáo pháp đều được nghe từ nơi đức Phật mà chỗ lý giải của mỗi người có sai biệt, sự hiểu biết cũng chẳng giống nhau, nên gọi lời Phật dạy là bí mật.

\* **Bích Chi Phật**: PRATEYKA-BOUDDHA: kê trọn chữ theo Phạn: *Tất-lặc-chi-đề-ca* Phật (Prateyka-Bouddha). Cũng viết là Bích-Chi-ca Phật Đà, viết tắt là Bích-chi Phật. Bực Bích-chi Phật sanh ra không nhầm lúc Phật Như-Lai ra đời, ở một mình mà tu học và giác ngộ, rồi nhập Niết Bàn nên cũng gọi là **Độc-giác Phật**.

Bực Bích-chi Phật suy nghĩ về *Thập nhị nhơn duyên*, diệt tận *Thập nhị nhơn duyên* ấy mà trở nên giác ngộ, nên cũng gọi theo nghĩa là *Duyên giác*.

Trong *Soạn tập bá duyên Kinh*, thái tử Dacaciva cạo hết râu tóc, mặc áo vàng, ngài đã thọ lễ xuất gia, bèn lánh những chỗ đông đảo, tầm

những chỗ vắng lặng mà tham thiền. Không học nơi ai mà ngài thu được 37 thể pháp hiệp thành quả Bồ-Đề. Quả Bích-chi Phật hiện lại cho ngài. Ngài đăc các pháp thần thông. Lúc không có Phật Như-Lai ra đời thì có Bích-Chi Phật giáng thế, thương xót những kẻ nhỏ nhoi bần khổ, thường hay nằm nghỉ và ngồi ngoài chân thành, đăng cho người đời cung kính cúng dường.

Trong quyển *Tứ Thập nhị Chương Kinh* có nói rằng: cúng dường cho một đức Bích-chi Phật, phước nhiều hơn cúng dường mười ức vị A-La-Hán.

Trong *Niết Bàn kinh* có chép: Nhà đạo diệt tất cả Tham, Sân, Si, đăc quả Bích-chi Phật và nhập Niết Bàn. Nhưng còn phải giáng thế mà làm hạnh Bồ-Tát, trải qua mười ngàn kiếp, sẽ thành Phật Như-Lai.

\* **Bồ đề tâm (Tâm Bồ Đề)** : Phạn: *Bodhi-citta*. Gọi đầy đủ: *A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề*. Còn gọi: *Vô thượng chính chân đạo ý, Vô thượng bồ đề tâm, Vô thượng đạo tâm, Vô thượng đạo ý, Vô thượng tâm, Đạo tâm, Đạo ý, Đạo niệm, Giác ý*.

*Bồ đề tâm* là tâm cầu thành Phật. Tâm là hạt giống sinh ra tất cả chư Phật, là ruộng tốt nuôi lớn tịnh pháp, sau khi phát khởi tâm này, siêng năng tinh tấn tu hành sẽ chóng được thành Phật. Thế nên biết Bồ Tát Đại thừa trước tiên cần phải phát khởi tâm rộng lớn, gọi là Phát bồ-đề tâm, Phát tâm, Phát ý. Mới bắt đầu phát tâm gọi là Sơ phát tâm. Người cầu vãng sinh Tịnh Độ, cũng cần phát Bồ-đề tâm.



# C

\* **Ca** (Xét theo Văn Tự): Còn gọi: *Cát, Kiết, Yết, Kha, Cá, Các, Cám, Cước*.

Chữ “ka”, 1 trong 4 hoặc 50 mẫu tự Tất-đàm, là âm hợng đầu tiên trong 35 chữ thể văn Tất-đàm. Chữ “Ca” khi nghe thì biểu thị nghĩa: Tất cả pháp xa lìa tạo tác, khi đọc thì liên tưởng đến âm đầu của chữ Ca-la-lí-da (Phạn: Karaka, tác giả) và chữ Ca-lí-da (Phạn: Karya, tác nghiệp), do đó có thuyết này. Theo *Phẩm Văn Tự, kinh Đại Bát Niết Bàn* giải thích thì chữ “Ca” biểu thị chủng tử của Bồ Tát Quán Âm Thập Nhất Diện, tôn vị này vì lòng đại bi sâu nặng cho nên hiện vô lượng thân, lập nên vô biên cõi nước tốt đẹp, 10 mặt biểu thị năng lực giáo hóa mọi căn cơ trong 10 cõi (thập pháp giới), 1 mặt (Thập Nhất Diện) tức bản thân Ngài. Ở đây cho rằng đại bi là tác nghiệp của chư Phật và Bồ Tát, nên dùng chữ “Ca” (Karya: Tác nghiệp) làm chủng tử.

\* **Ca-Lân-Đê** : Phạn: *Karavinka*. Ca-lân-đê là loài chim sống có cặp, chẳng hề lìa bỏ nhau. *Phẩm Điều Dụ, kinh Đại Bát Niết Bàn*, ghi : “Thiện nam tử ! Có hai thứ chim Ca-lân-đê và Uyên ương (Còn gọi: **Oan ương**). Hai thứ chim ấy đều sống có đôi bay đi với nhau, ngừng đậu với nhau, chẳng hề lìa bỏ nhau. Những pháp: Khổ, Vô thường, Vô ngã lại cũng như vậy: những pháp ấy chẳng được lìa nhau”.

\* **Ca-ni-ca thụ** : Còn gọi: *Yết-ni-ca thụ* (Phạn: *Karnikara*), *Ni-ca-cát-la thụ*. Hán dịch: *Nhĩ tác thụ*. *Ca-ni-ca thụ* là tên một loại cây sống ở Ấn Độ.

*Đại Từ Ân Tự Tam Tạng Pháp Sư Truyện 3*, ghi: Loại cây này mọc thành rừng, nở hoa tươi tốt khắp bốn mùa, lá màu vàng ròng. Có thuyết cho rằng đây là loại thực vật có tên khoa học là *Cassia fistula*, hoa và lá non có màu tươi đẹp, trái được dùng làm thuốc hồi sinh.

\* **Câu Vật Đầu** (hoa) : Phạn: *Kumuda*. Còn gọi: *Cú-Văn-La hoa, Cítu-mâu-địa hoa, Củ-mẫu-na hoa*. Tên khoa học: *Nymphoea esculenta* (hoa màu trắng), *Nymphoea rudra* (hoa màu đỏ).

-Câu-vật-đầu là một loại hoa sen, loại màu trắng cọng nhỏ trơn có thể ăn được, còn loại màu đỏ, cọng có gai, cánh hoa hơi ngắn, không ăn được.

- Theo *Huệ Lâm Âm Nghĩa 3*, hoa Câu-vật-đầu là hoa sen đỏ, khi nở màu đỏ sẫm, có rất nhiều mùi thơm, loại hoa này không thấy ở nhân gian. *Tục Cao Tăng Truyện 2*; *Phiên Dịch Danh Nghĩa Tập 8*, đều dịch là hoa sen vàng. *Đại Nhật Kinh Số 15*, dịch Câu-vật-đầu là hoa sen màu xanh.

\* **Câu Bất Đắc Khổ**: Phạn: *Yad-apicohayā-paryesamāno-nalabhate-tadapi-duhkham*; Còn gọi: *Sở cầu bất đắc khổ*, *Dục Bất đắc khổ*. Cầu bất đắc khổ là một trong 8 thứ khổ, là sự thống khổ của chúng sinh do mong cầu không được mãn nguyện. Mong cầu thoát ly pháp ác mà không được, mong cầu hành trì pháp thiện cũng không được, mong cầu thoát ly điều khổ cũng không được, mong cầu an hưởng điều vui cũng không được .v.v... những thứ mong cầu mà không được như ý thường đưa đến phiền não và thống khổ.

\* **Câu đạo** : Còn gọi: **Câu pháp**. Là đi đến nơi khác để học Phật pháp hoặc thỉnh Phật tượng, kinh sách .v.v... *Cao Tăng Pháp Hiển truyện*, *Bắc Ngụy Tăng Huệ Sinh Sư Tây Vực ký*, *Đại Đường Tây Vực ký*, *Vãng Ngũ Thiên Trúc Quốc truyện ...* là những truyện ký cầu pháp nổi tiếng.

\* **Câu-Na**: Từ đồng nghĩa. Xem **Công đức** (Thích giảng-quyển 1).

\* **Câu pháp** : Từ đồng nghĩa. Xem **Câu đạo**.

\* **Căn tánh** : Tân dịch: **Căn tính**. Tức năng lực sinh ra và huân tập nghiệp thiện hoặc nghiệp ác. *Chỉ Quán Phụ Hành Truyền Hoằng Quyết 2*, *phần 4*, ghi: “Năng sinh là căn, thường huân tập là tính”.

\* **Chánh Căn**: *Prahâna*: Siêng năng , gắng chí mà tu tập, theo nền Thánh đạo. Chánh căn có bốn pháp:

1. Đừng phạm tội lỗi nữa nếu đã lỡ phạm.
2. Tội lỗi nào chưa phạm thì chớ có phạm.
3. Tập làm điều thiện mình chưa làm.
4. Tăng trưởng điều thiện mình đã làm.

Lúc nào cũng siêng năng mà làm bốn phép để xa lánh điều xấu, thi hành điều tốt gọi là **Tứ Chánh Cần**. Ấy là bốn phẩm trong 37 phẩm trợ đạo.

\* **Chánh giải thoát** : Còn gọi: **Chơn giải thoát**. Xem **Chơn giải thoát** (Thích giảng-quyển 1).

\* **Chánh Hạnh** : Tân dịch: **Chính hạnh**. Phạn: *Samyak-pratipatti*. Đối lại : *Tà hạnh, Tạp hạnh, Trợ hạnh*. *Chánh hạnh* là hành vi chân chính mực thước do Phật dạy hoặc Chính nhân vãng sanh Tịnh Độ. Theo *Kinh Anh Vũ*, *Trung A-Hàm 38* và *Luận Đại Trí Độ 48*, 8 thì chính đạo thuộc về chính hạnh. Có nhiều thuyết về chính hạnh:

- *Luận Du-Già Sư Địa 64* đưa ra 3 thứ chính hạnh:

1. *Đối với Phật bảo* nên tu chính hạnh cúng dường, thờ phụng.
2. *Đối với Pháp bảo* nên tu chính hạnh Du-Già phương tiện.
3. *Đối với Tăng bảo* nên tu chính hạnh cùng thụ tài pháp.

- Theo phần *Tán Thiện Nghĩa* trong *Quán Kinh Sớ* của Đại sư Thiện Đạo thuộc tông Tịnh Độ, tu tập 5 thứ hạnh nghiệp để vãng sanh về Tịnh Độ của Phật A-di-đà đó là: **1.** Đọc tụng các kinh về Tịnh Độ ; **2.** Quán tưởng tướng hảo của Phật A-di-đà ; **3.** Lễ bái Phật A-di-đà ; **4.** Xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà ; **5.** Tán thán cúng dường công đức Phật A-di-đà. Trong 5 hạnh nghiệp trên, hạnh Xưng danh hiệu là chính hạnh còn 4 hạnh kia là trợ hạnh ...

\* **Chánh kinh** : Tân dịch: **Chính kinh**. Từ đồng nghĩa. Xem **Kinh** (Thích giảng-quyển 1).

\* **Chánh mạng**: Âm theo Phạn là *Samyag-ājīva*. Tên gọi khác là *Đế thụ, Chánh mạng đạo chi*. Cũ dịch là Chánh mạng, mới dịch là Chính mạng tức cách sống chân chính, đệ tử Phật nương theo chánh pháp để thanh tịnh 3 nghiệp thân, khẩu, ý, từ bỏ cách làm ăn sinh sống bằng 4 thứ xấu xa và bất chính như chú thuật, bói toán ... mà thọ dụng một cách đúng pháp những vật dụng cần thiết trong cuộc sống hàng ngày như y phục, thức uống ăn, thuốc thang, giường chõng.

Ngoài ra, Tỳ kheo vì tiếp nối pháp thân huệ mạng lâu dài nên giữ hạnh đi khất thực, gọi là Chánh mạng thực.

\* **Chánh nghiệp:** Âm theo Phạn là *Samyak-karmānta*. Tên gọi khác là *Chánh hạnh, Đế hạnh*. Cũ dịch là Chánh nghiệp, mới dịch là Chính nghiệp tức ba nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh, lia tất cả những hành vi xấu ác như sát sinh, trộm cắp, tà dâm, là 1 trong Bát Chánh Đạo.

\* **Chánh nhân** : là yếu tố nhân chính, là cái gốc do nơi đó mà phát sinh ra sự vật, chánh pháp; do nơi đó mà tu thành đạo. *Chánh nhân*, ngoài yếu tố *nhân* chính còn có các yếu tố phụ thuộc tiếp sức gọi là *duyên nhân* hay *trợ duyên*. Trong pháp tu *Tịnh Độ*, lòng tin niệm Phật cầu vãng sinh là Chánh nhân, còn sự tôn sùng Tam bảo là trợ duyên. *Chánh nhân* và *trợ duyên* hòa hiệp, dụ như đi ghe gặp nước xuôi gió thuận, chẳng mấy chốc tới nơi tới chốn, chẳng mấy nhọc công mà vãng sinh cõi Cực Lạc.

\* **Chánh Tinh tấn:** Âm theo Phạn là *Samyak-vyayama*. Tên gọi khác là: *Chính phương tiện, Chính trị, Đế pháp, Đế trị*. Cũ dịch là Chánh Tinh tấn, mới dịch là Chính Tinh tấn tức siêng năng, dũng mãnh lướt trên đường đạo để trừ phiền não và thu phục đức lành, là 1 trong Bát Chánh Đạo.

\* **Chánh Tín** : Tân dịch: Chính tín. Đối lại: Tà tín. Chánh tín là niềm tin chân chính đối với chính pháp của Phật. Tín tâm này không bị sự mê hoặc của các ngoại đạo mà sanh nghi ngờ.

Luận Đại Thừa Khởi Tín, ghi: “Khởi Chính tín Đại thừa”.

\* **Chánh Tư duy** (hay **Chính tư duy**) : Âm theo Phạn là *Samyak-samkalpa*. Tên gọi khác là: *Chánh tư duy đạo chi, Chánh chí*. Tức là suy nghĩ chân chính, từ bỏ mọi ý nghĩ về dục vọng, vị kỷ, sân hận mà sinh khởi những ý tưởng chân chính như: Không tham vọng vị kỷ, không sân hận; Đây là 1 trong Bát Chánh Đạo.

\* **Châu Ma-Ni** : Phạn: *Mani*. Còn gọi: *Mạt-ni*. Hán dịch: *Châu, Bảo châu*.

Châu Ma-ni là một loại ngọc quý của Chuyển Luân Thánh Vương. Trong các kinh luận có nhiều chỗ nói đến những công đức vượt trội của Ma-ni bảo châu như có năng lực làm tiêu trừ tai nạn, tật bệnh, lóng nước

đục thành trong, làm thay đổi màu nước. Vì đặc tính kỳ diệu của loại ngọc này nên Ma-ni châu thường được dùng làm thí dụ. Như dùng *Y châu du* (hạt châu trong áo) để ngụ ý tính *Như Lai tạng* trong tâm mình sẵn có mà hàng phàm phu tối tăm không tự biết. *Kế châu du* (hạt châu trong búi tóc) để minh họa lý Nhất thừa thật tướng.

Ngoài ra, phần nhiều loại ngọc quý này cũng được dùng để ví dụ cho diệu lý thật tướng.

\* **Chiết phục** : Bẻ gãy và làm cho từng phục. Chiết là đả phá tà dâm, đoạn trừ phiền não. Phục là thâm phục chánh tâm qui hưởng Phật pháp. Trước đả phá, sau thâm phục. Như nói: *Chiết Phục môn* của đức Phật Thích Ca.

*Tịnh Độ Cảnh Quán Yếu Môn*: Đức Thích Ca Như Lai ta, muốn khiến cho chúng sinh mê muội ở cõi này được rời khỏi mọi nỗi khổ, bèn mở Cửa Chiết Phục.

*Lãng Nghiêm Kinh* có nói : Ông A-Nan tuy đa văn, mà chưa đắc Vô lậu, nên chẳng chiết phục được Ta-tỳ-la chú, thành ra bị Chú ấy kéo vào nhà dâm, gần muốn phá giới.

\* **Chơn tịnh** : Tân dịch : **Chân tịnh** , là Pháp chơn tịnh. Nói về cái Pháp của Đức Như Lai. Ngài chứng được pháp ấy chơn thật, thanh tịnh đối với cái nguỵ của Nhị thừa, cho nên gọi là chơn thật; Không lụy, không thoát, cho nên gọi là thanh tịnh.

\* **Chuyên tâm** : Tập trung tâm ý, không để xen lẫn niệm nào khác.

\* **Chúng tăng** : Từ đồng nghĩa. Xem **Tăng chúng** (Phần thích giảng-quyển 1).

\* **Chủ Binh Thần**: Vị cai quản, thống lĩnh các đoàn binh của Vua Chuyển Luân Thánh Vương. Ấy là báu thứ bảy trong thất bảo của vị Chuyển Luân Thánh Vương. Cũng gọi: **Chủ Binh Đại Thần**.

Chủ Binh Thần là người có sức mạnh hơn hết và có sách mưu hơn hết, biết rõ phép điều khiển Tứ binh; Nếu cần phải đấu chiến thì dàn binh ra cho Vua dùng; còn chẳng cần phải đấu chiến thì rút hết các đoàn

binh. Đối với những vị vua, những quốc thổ chưa tội phục, vị Chủ Binh Thần ấy ra đi tội phục; đối với những vị vua, những quốc thổ đã tội phục, thì người đủ sức mà thủ hộ.

\* **Chủ Tạng Đại Thần** : Gọi tắt : **Chủ Tạng Thần**. Vị quan cai quản các kho lẫm của vị vua Chuyển Luân Thánh Vương tên là Đỉnh Sanh. Ngài đã được rồi 5 nhưn vật quý báu:

1. Luân bảo; 2. Tượng bảo; 3. Mã bảo; 4. Nữ bảo; 5. Bảo Ma-Ni châu. Kế đó chẳng bao lâu, báu thứ sáu là Chủ-tạng thần tự nhiên hiện ra. Ông có nhiều cửa cải và vật báu, giàu có vô lượng, kho tàng đầy tràn. Cặp mắt ông trông xuống đất, những chỗ nào có ẩn của báu thì ông thấy ngay, ông lấy đó mà cung phụng cho vua. Muốn thử ông, vua Đảnh Sanh đi thuyền với ông ra biển cả. Vua phán: “Trẫm muốn được những trân bảo lạ lùng”. Vị Tạng thần bèn quơ hai bàn tay dưới nước biển, liền đó mười bảo tạng dính theo mười ngón tay của ông, ông đem dâng lên vua và tâu rằng: “Tùy Bệ hạ muốn dùng bao nhiêu thì dùng, còn dư thì ném xuống biển”. Vua Đảnh Sanh lấy làm vui mừng, chắc rằng mình sẽ lên ngôi Chuyển Luân Thánh Vương.

\* **Chủ Tể** : Tể thường nhất có tác dụng làm chủ sự vật. *Luận Thành Duy Thức 1*, ghi: “Ngã là chủ tể”.

\* **Chủng tánh** : Tân dịch: **Chủng tính**. Phạn: *Gotra*. Chủng tính là tính có khả năng chứng được Bồ đề của Phật và hàng Tam thừa (Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát).

Bản tính này có 2 loại: tiên thiên vốn đầy đủ bất biến, là Tính trụ chủng tính hay *Tính chủng tính* và hậu thiên do tu hành mà được, là Tập sở thành chủng tính hay *Tập chủng tính*.

Một số bộ phái như *Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ* không công nhận chúng sinh có tính tiên thiên chứng được Phật tính nên chỉ nói Tập chủng tính. Còn theo tông Đại thừa Duy Thức thì học phái của ngài Hộ Pháp thừa nhận 5 tính có sai khác về tiên thiên nên nói *Tính chủng tính* và *Tập chủng tính*.



\* **Chứng** : Phạn: *Adhigama*. *Chứng* là thể nghiệm đúng như thật mà ngộ nhập chân lý, tức là trí huệ khế hợp với chân lý. Đây là 1 trong 3 pháp: Giáo, Hạnh, Chứng ; 1 trong 4 pháp : Giáo, Hạnh, Tín, Chứng. Nướng theo sở ngộ kết quả chứng đắc trí huệ, gọi là *Chứng quả*. Theo thứ tự tu hành mà chứng từng giai đoạn gọi là *Phần chứng*.

Vì có nghĩa khế hội chân lý mà được ngộ nhập, nên có các từ ngữ: *Khế chứng, Chứng khế, Chứng hội, Chứng ngộ, Chứng nhập*. Ngoài ra, vì tự mình thể nghiệm cảnh giới chứng ngộ nên có các từ ngữ: *Kỷ chứng, Nội chứng, Tự nội chứng*. Nói theo năng chứng thì gọi là *Chứng trí, Chứng tri* ; theo tu nhân thì gọi là *Chứng đắc, Chứng quả*; theo giáo pháp hoặc giáo đạo thì gọi là *Chứng pháp* hoặc *Chứng đạo*.

\* **Chứng đạo** : Giác ngộ chính đạo, thể đạt chân hoặc thật lý mà chư Phật chứng được. Đây là Chứng đạo trong Nhị đạo.

\* **Cõi Phạm** : tức cõi Sắc . Hàng Chư Thiên ở cõi này đã lìa dục, sống thanh tịnh, gọi chung là Phạm thiên .

\* **Công Đức Đại Thiên**: Còn gọi: Công Đức Thiên, Kiết Tường Thiên; Là tên vị nữ thiên thần đem tài bảo ban cho những chúng sanh có phước đức. Vị Công Đức Thiên tính tình đoan chánh, dung mạo đẹp đẽ, có đeo chuỗi ngọc. Bà ghé nhà nào thì ban cho nhà ấy những vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não, voi, ngựa, xe cộ, tôi trai tớ gái, kẻ hầu người hạ. Đó là do phước đức của chúng sanh nên khiến cho vị Công đức Thiên ban ân huệ.

\* **Cống cao**: (Thuật ngữ) Kiêu mạn, tự cao. *Kinh Tịnh Danh*: “*Cái tâm ta kiêu mạn, như lược sĩ to lớn. Diệt trừ các kiêu ngạo, trụ ở đạo vô thường*”.

\* **Cộng mạng diệu (Chim Cộng mạng)**: Từ đồng nghĩa. Xem **Mạng mạng diệu** (Thích giảng-quyển 1).

\* **Cơ hiềm giới** : Gọi đầy đủ: **Tức thế cơ hiềm giới**. Còn gọi: **Già giới**. Cơ hiềm giới là giới ngăn dứt sự chệch bại của thế gian; 1 trong 2 loại giới. *Bốn Giới Trạng*: dâm, đạo, sát, vọng không đời Phật chế mà tự thân của

những việc ấy đã là tội, gọi là Tính giới. Ngoài Tính giới, giới pháp của Tỳ kheo phần nhiều là để giữ gìn tư cách của Tỳ kheo và ngăn dứt sự chệch lạc của người đời mà chế định, như các giới điều: không được mua bán, làm mai mối, uống rượu, ăn ngũ tân ... đều thuộc về *Tức thế cơ hiềm giới*.

\* **Cú** : Phạn: *Pada*. Hán âm: *Bát-đà, Bả-đà, Bát-đàm*. Cú là chương cú dùng để giải thích nghĩa lý của sự vật, 1 trong 75 pháp của tông Câu-Xá, 1 trong 100 pháp của tông Duy Thức.

- *Luận Câu-Xá 5*, ghi : “Cú là chương, nhằm giải thích nghĩa lý một cách rõ ràng, như nói Chư hành vô thường .v.v...”. Từ khi Phật giáo Ấn Độ xuất hiện, Cú (Câu) được dùng để biểu đạt nghĩa lý của pháp môn và là yếu tố hình thức của câu thơ, như *kinh Pháp Cú* (Phạn: *Dhamma-pada*) là đại biểu cho pháp nghĩa thi cú loại này. *Thiền tông* Trung Quốc và Nhật Bản dùng thi kệ với hình thức cú pháp, tán văn, cảnh cú .v.v... rất phổ biến.

Cú, có dài ngắn khác nhau. Theo *Luận Tì-bà-sa 14*, một bài tụng, nếu lấy 8 chữ làm 1 cú, 32 chữ là 1 bài tụng (1 bài kệ) thì đó là bài kệ trung bình, không dài không ngắn. Các bài tụng trong kinh luận thường tính theo cách này. Từ 6 đến 26 chữ, đều có thể gọi là Cú: 6 chữ gọi là Sơ cú, 26 chữ gọi là “Hậu cú”, dưới 6 chữ gọi là “Đoản cú”, hơn 26 chữ gọi là “Trường cú”.

Hai cú gộp lại gọi là Cú thân; gộp từ 3, 4 cú trở lên gọi là Đa cú thân.

- Cú còn chỉ tất cả ngôn ngữ, động tác, cảnh giới .v.v... trong *Thiền tông*. Cho nên có từ ngữ Hoạt cú, Từ cú khác với những ngôn ngữ, động tác, cảnh giới có bao hàm ý nghĩa hoặc hoàn toàn không có ý nghĩa.

\* **Cúng thí** : Từ đồng nghĩa. Xem **Cúng dường** (quyển 1).

\* **Cù-Đà-Ni Châu**: Còn gọi: *Cù-da-ni châu, Cù-đà-ni-da châu, Cù-da-ni châu, Cù-già-ni châu*; Phạn: *Godānīya*; Hán dịch: *Ngưu Hóa Châu, Ngưu Thi Châu*.

- Theo *Kinh Đại Lô Thán 1; Luận Du-Già Sư Địa 2; Đại Đường Tây Vực Ký 1; Huệ Uyển Âm Nghĩa 1* thì Cù-đà-ni châu là một trong bốn châu ở quanh núi Tu-Di. Vì châu này ở phía Tây núi Tu-Di, dùng trâu làm tiền

tệ để giao dịch, cho nên gọi là Tây Ngưu Hóa châu (Phạn là Aparagodāniya; Hán dịch là A-bát-li Cù-đà-ni), Tây Cù-Da-Ni hoặc Tây châu.

Về tên *Ngưu Hóa châu* có nhiều thuyết:

*Theo Kinh Khởi Thế 1*, dưới cây Trấn-đầu-ca của châu này có một con trâu đá; *Kinh Thế Kí và Trường A-Hàm 18*, Châu này hình bán nguyệt, rộng khoảng 8000 do-tuần (160.000 km), dân ở đây cũng có gương mặt như hình bán nguyệt, thân cao khoảng 3,5 khuỷu tay (2 m), thọ 200 tuổi, thường dùng trâu, dê, ngọc ma-ni để trao đổi hàng hóa; *Luận Câu-Xá 11*, hình thể châu này tròn giống như mặt trăng, mặt con người cũng vậy, thân cao 16 khuỷu tay (9,6 m), thọ 500 tuổi. Tóm lại, theo thế giới quan Phật giáo của người dân Ấn-Độ thời cổ đại thì Cù-đà-ni có lẽ được đặt trên cơ sở thuyết Tu-Di-Sơn.

\* **Cù Đàm (Cồ Đàm)**: Phạn: Gautama, Gotama. Còn gọi: Cừu-đàm, Kiêu-đáp-na, Cù-đáp-ma, Câu-đàm, Cu-đàm, A-nghĩ-ra-ta. Hán dịch: Địa tối thắng, Nê thổ, Địa chủng, Ám ngưu, Ngưu phần chủng, Diệt ác, Nhật chủng, Cam giá chủng.

Cù Đàm là một họ trong các chủng tộc Sát-đế-lợi ở Ấn Độ, dòng dõi tiên nhân Cù-đàm và cũng là họ gốc của đức Phật.

\* **Cửu khiểu** : Còn gọi: Cửu khổng, Cửu sang, Cửu nhập, Cửu lậu, Cửu lưu.

Cửu khiểu là chín lỗ trên thân thể con người. Pháp Tăng Tàn thứ ba trong Luật Tứ Phần 3 giải thích: Cửu khiểu là 2 mắt, 2 tai, 2 lỗ mũi, miệng và 2 đường đại tiểu tiện. Chín nơi này như ung nhọt, thường tiết dịch thể hoặc máu mủ bất tịnh. Từ ngoài thấu vào là “nhập” nên có tên là Cửu nhập, từ trong chảy ra là “lưu”, “lậu” nên có tên là Cửu lưu, Cửu lậu. Thực ra, về số lượng những lỗ này, xưa nay không có thuyết nhất định, có thuyết chỉ kể 6 lỗ, gọi là Lục khiểu.



# D

\* **Danh tướng**: là tên gọi và hình tướng của sự vật. Danh tướng là hư giả không thật, nó chỉ là một phương tiện giáo hóa, vì hư giả nên không khế hợp với chân tính Phật pháp.

*Kinh Lăng-Già 4 (Đại 16, 511 thượng)* ghi: “Kẻ ngu chấp trước tục số danh tướng; khiến tâm tán loạn”.

*Ma-Ha Chỉ Quán 10* ghi rằng: “Người học phân biệt danh tướng, theo văn mà sinh kiến giải, tâm không tỏ ngộ mà lại cống cao ngã mạn, khoe khoang, mong cầu địa vị tiếng tăm, không ngừng tranh luận”.

\* **Dà Lâu hương** : Gọi đầy đủ: *Đa-dà-lâu hương*. Còn gọi: *Đa-yết-la hương, Đa-già-lưu hương, Đa-già-lâu hương, Đa-kiếp-la hương, Đa-già-la hương* (Phạn: *Tagara*). Hán dịch: *Căn, Bối một, Mộc hương*.

Dà-lâu hương là loại hương liệu chế từ cây Đa-già-la. Nhưng cũng có thuyết cho rằng hương Đa-già-la giống như hương Linh Lăng (hương được chế từ một loại cỏ thơm trong hang núi Linh Lăng). Một số người lại cho hương Đa-già-la là hương Già-la (Dà-lâu hương).

Theo *phẩm Tứ Thiên Vương Hộ Quốc* trong *kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương 6*, lúc tu pháp phải dùng hương này cùng các thứ hương như an tức, chiên đàn, long não ... mỗi thứ 1 phần bằng nhau trộn chung lại, đốt lên để cúng dường. Cũng trong kinh này, quyển 7, hương Đa-già-la được xếp hàng thứ 15 trong 32 loại hương được.

\* **Dã** : Còn gọi: *Dạ, Da, Tà, Ké*. Chữ “ya” Tất-đàm, là 1 trong 42, 1 trong 50 mẫu tự Tất-đàm. *Kinh Đại Phẩm Bát Nhã 5* giải thích Ya là chữ đầu của Yatha-vat, nghĩa là nhập các pháp như thật bất sinh. *Phẩm Văn Tự, kinh Đại Bát Niết Bàn* thì giải thích “Dã” là chơn thật, là chư Phật Như Lai.

\* **Diêm Phù thụ** : Phạn: *Jambu*. Còn gọi: *Chiêm-phù thụ, Thiêm-bộ thụ, Nhiễm-bộ thụ, Diễm-phù thụ, Tiềm-mộ thụ*. Gọi tắt: **Diêm phù**. *Diêm phù* thuộc loại cây cao, nguyên sinh trưởng ở Ấn Độ, nở hoa kết trái khoảng

tháng 4, tháng 5, trái màu tía đậm, vị hơi chua, hạt có thể dùng làm thuốc.

Theo *Luận Đại Trí Độ* 35, Ấn Độ là nơi cây Diêm phù mọc tươi tốt nên được đặt tên là Diêm-phù-đề.

*Phẩm Nam Diêm-phù-đề* trong kinh *Khởi Thế Nhân Bản*, luận *Lập Thế A-tì-đàm 1*, đều nói có Diêm-phù đại thụ vương. Cây này cao lớn, lá cây dày kín có thể che gió mưa, trái ngọt ngon không gì sánh bằng. Có người cho đây là giống cây do người Ấn Độ tưởng tượng ra.

\* **Diệm Ma Thiên** : Gọi tắt: *Diệm Ma*. Phạn: *Yama*. Trời *Diệm Ma*, 1 trong 8 vị trời Hộ Thế ở 8 phương, 1 trong 10 vị Hộ pháp Thần vương ở 10 phương, 1 trong 12 vị trời, 1 trong 20 vị trời ở Ngoại bộ. Mặt giáo đặc biệt xếp *Diệm Ma vương (Diệm Ma Thiên)* vào Thiên bộ nhưng hình tượng *Diệm Ma thiên* không giống Diệm Ma vương. Trong Hiện đồ Mạn-đồ-la Thai Tạng giới, vị trí *Diệm Ma vương* ở phía Tây Nam môn thuộc Ngoại viện Kim Cương bộ, bàn tay mặt bắt ấn Thí Vô Úy, bàn tay trái cầm tràng phan hình đầu người, cưỡi trên lưng trâu, chân trái thòng xuống. Bên phải ngài là Hắc Âm Nữ Thiên, bên ngoài phía dưới có Thái sơn Phủ Quân, bên trong có 2 quỷ sứ. Vì Diệm Ma là vua trong cõi quỷ, cho nên đứng ở phương Tây, cai quản các chúng nạ quỷ.

\* **Dị kiến** : Kiến giải sai lầm do phiền não sinh khởi. *Luật Tứ Phần* 32, ghi : “Chúng sinh nương theo dị kiến rồi đắm nhiễm mà không hiểu sâu xa được pháp Duyên khởi. Đệ tử Phật không nên nhiễm tất cả biệt giải, biệt hạnh, dị kiến, dị chấp, dị học mà bị thối thất điên đảo”.

\* **Dục ái** : Theo *Kinh Trường A-Hàm 10*; *Kinh Lăng Nghiêm 1*; *Tập Dị Môn Túc Luận 4* thì Dục ái là phiền não ở cõi Dục, tức vọng chấp ngũ dục. Bồ Tát ưa thích chánh pháp, gọi là Pháp ái, trái lại phàm phu tham ái ngũ dục, gọi là Dục ái.

\* **Dục giác**: Tri giác tham dục, cảm giác ham muốn. Một trong Tam giác ác. Đối với năm trần, năm căn đem lòng ưa thích, đó gọi là Dục giác.

*Đại Bát Niết Bàn Kinh* (q.23): Hoặc khi vì có nhơn duyên, đáng lẽ sinh ra Dục giác, nhưng Bồ tát lạng thình chẳng thọ. Tỷ như người đoan

chánh và tịnh khiết, ắt chẳng thọ nhận một thứ phần dơ nào cả. Như hòn sắt nóng, chẳng ai lấy tay mà cầm ...

\* **Dục nhiễm** : Các phiền não của cõi Dục làm ô nhiễm chân tính. *Kinh Kim Cương Bát Nhã*, ghi : “Bạch Thế Tôn ! Con là A La Hán, đã lìa dục nhiễm”.

\* **Dụng** : là tác dụng, công dụng hoặc mục đích, lý do .v.v... Dụng có rất nhiều nghĩa nhưng không ngoài 2 loại sau đây:

1/. *Dụng* (Phạn: *Prayojana*), chỉ mục đích. Bắt đầu từ khoảng thế kỷ VI, VII các nhà giải thích Ấn Độ dùng 3 việc: Dụng (mục đích), sở thuyên (Phạn: *Abhi-dheya*), tương thuộc (Phạn: *Sambandha*) để biểu thị cương yếu của Luận thư.

2/. *Dụng* (Đối lại: *Thể*), chỉ tác dụng hay công năng. *Tam Luận Huyền Nghĩa*, ghi: Bát-nhã và Phương tiện thật không có trước sau mà nói trước sau là vì lấy Bát-nhã làm “thể”, phương tiện làm “dụng”. Theo *Luận Đại Trí Độ*, như lấy vàng làm “thể”, tạo thành các món trang sức là “dụng”. *Lục Tổ Huệ Năng* nói định, huệ là một “thể”, hai mà không phải hai, vì định là “thể” của huệ và huệ là “dụng” của định. Về mặt tương đối thì “Thể” phần nhiều chỉ thẳng nghĩa, bản chất, tức chỉ cho thể giới tuyệt đối. “Dụng” thì biểu thị về tục đế, tức thể giới tương đối. Đứng về phương diện tuyệt đối thì “Tức thể tức dụng” “tương tức tính”. Đây là nét đặc sắc của Triết học Phật giáo.

“Thể” là chỉ tự tính sẵn có của tất cả pháp hữu vi, còn “Dụng” thì chỉ tác dụng. Tóm lại, tất cả các pháp hữu vi đều có cả Thể và Dụng.

\* **Dương diệm**: còn gọi là *Dã Mã*; Gọi đầy đủ là *Dã mã tuyên*; Âm theo Phạn là: *Marīci*; Hán dịch là *Dương diệm* (sóng nắng), *Diệm*.

Theo *Phẩm Diệt Pháp Tâm, Luận Thành Thật 12; Luận Đại Trí Độ 31; Đại Nhật Kinh Sớ 3* thì Dương diệm là những bóng dáng hư ảo của sóng nắng hay bụi trần hiện ra trên sa mạc hoặc đồng hoang ... ở xa trông giống như rừng cây, suối nước thật, nhưng đến gần thì không có. *Trong kinh luận* dùng việc này để dụ cho các pháp vô tự tính, như huyền, không bền chắc.

*Luận Đại Trí Độ 6 (Đại 25, 102 thượng) ghi: “Tất cả các hành như huyễn, đối gạt trẻ con, thuộc về nhân duyên, không tự tại, không bền lâu. Thế nên nói Bồ Tát biết các pháp như huyễn, như sóng nắng. Sóng nắng do ánh mặt trời và gió thổi dấy bụi trong đồng nội nên thấy như dã mã, người vô trí thoạt nhìn liền cho đó là nước”.*



## Đ

\* **Đa** : Còn gọi: *Đá, Đát, Tha*. Chữ (ta) Tất-đàm, thuộc âm răng, 1 trong 5 loại thanh của thể văn Tất-đàm, là 1 trong 42 hoặc 50 mẫu tự Tất-đàm. *Kinh Đại Phẩm Bát-Nhã 5, kinh Phương Quảng Đại Trang Nghiêm 4, kinh Đại Nhật 2, luận Đại Trí Độ 48*, lấy chữ “Ta” làm đầu của chữ Tatha (Như thị), Tathata (Chân như) và giải thích là “Tất cả pháp như như bất động”.

*Đại Nhật Kinh Sớ 7*, ghi : “Chữ Đa nghĩa là tất cả các pháp như như bất khả đắc. Tiếng Phạn là Đa-tha-đa nghĩa là Như như. Trong ngữ thế có âm “đắc”, chứng đắc như như tức là nghĩa giải thoát. Như, nghĩa là thật tướng các pháp, trong đó các thứ hý luận, không thấy đúng như thật đều bị tiêu diệt, bản tính thường như, không thể phá hoại. Nếu thấy được chữ Đa thì biết tất cả pháp đều là tướng như như”. Vì thế, xưa nay gọi chữ Đa này là Đa như như.

Ngoài ra, *kinh Thủ Hộ Quốc Giới Chủ Đà-la-ni 3*, giải thích chữ Đa: Nghĩa tất cả pháp đều là chân thật.

\* **Đa Văn**: (Âm theo Phạn: *Bahu-sruta*); Học rộng nghe nhiều những Kinh Giáo của đức Phật.

Theo *Dị Bộ Tông Luân Luận Thuật ký* thì những người đọc tụng và thọ trì tất cả các Kinh điển của Phật là đa văn chúng trong bốn chúng đệ tử Phật.

Theo *Kinh Nguyệt Đăng Tam Muội 6* thì đa văn có 10 lợi ích sau :  
1. Biết nghiệp nhân phiến não tăng trưởng ; 2. Biết sự thanh tịnh trợ giúp đạo Bồ đề ; 3. Xa lìa nghi hoặc ; 4. Được chánh tri kiến ; 5. Xa lìa phi đạo ; 6. An trụ chánh lộ ; 7. Mở cửa cam lồ ; 8. Gần Phật Bồ đề ; 9. Làm ánh sáng cho chúng sinh ; 10. Chẳng sợ ác đạo.

\* **Đà** : Còn gọi: *Nã, Đồ, Nại, Noa, Na*. Tức chữ (da), 1 trong 50 chữ, 1 trong 12 Tất-đàm.



Phẩm Tự Mẫu, kinh Du-Già Kim Cương Đảnh, ghi : “Chữ Ná, nghĩa là pháp thí bất khả đắc”. Theo kinh Đại Nhật 2, kinh Niết Bàn thì “Nã (Đà)” được giải thích là bố thí (Dāna).

\* **Đà-La-Phiêu:** Âm theo Phạn là *Dravya*. Là một trong 6 đế của *Thắng Luận Thành Lập*; Cũ dịch là Chủ đế, Sở y đế. Dịch mới là Lục cú nghĩa, còn gọi là *Thực cú nghĩa*. Đó là thực pháp của 9 loại: Đất, nước, lửa, gió, không, thời, phương, thần (còn gọi là nghĩa) và ý. Nói về thực pháp của 9 loại.

\* **Đảnh Sanh:** Âm theo Phạn là *Māndhātr, Mandhātr, Māndhāta*; Là vị Chuyển Luân Thánh Vương thời thái cổ Ấn-Độ. Theo *Kinh Khởi Thế 10*, Vua Đảnh Sinh là con của Chuyển Luân Vương Ô-bô-sa-tha (Phạn: *Uposatha*, Hán dịch: *Trai giới, Trưởng Tịnh*). Ông được sinh ra từ bướu thịt trên đầu của cha. Dung mạo ông khôi ngô khác thường, có đủ 32 tướng tốt, khi vừa sinh ra liền nói rằng: Ma-đà-đa (Phạn: *Mandhata*, Hán dịch: Trì ngã). Sau khi sinh ra, 6 vạn phu nhân thấy ông đều sinh lòng thương mến, cùng xin nuôi dưỡng nên được gọi là Trì Dưỡng. Đến khi khôn lớn, ông có đủ thần thông trị bốn đại châu, tuổi thọ vô lượng. Từ bướu thịt ở phía sau đùi phải của ông sinh ra đồng tử, gọi là Bế sinh.  
- Theo *Kinh Trung A-Hàm 11*, Vua Đảnh Sanh lên cõi trời Đao-Lợi, Đế-Thích chia nửa Tòa cho Vua, sau Vua muốn chiếm đoạt thêm nửa Tòa còn lại, liền mất thần thông, rơi xuống cõi Diêm-phù-đề, bị bệnh nặng. Vua tuy thống trị cả 4 châu, hưởng thú vui ngũ dục, nhưng không biết đủ, nên cuối cùng mạng chung. Nhà vua là tiền thân của Đức Thế Tôn.

\* **Đại Hùng :** Phạn: *Maha-vira*. Đại Hùng là đức hiệu của Phật. Vì Đức Phật có đầy đủ đại trí lực, để hàng phục ma chướng. *Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất* trong *kinh Pháp Hoa*, ghi: “Lành thay! Lành thay! Đấng Đại Hùng Thế Tôn”. Đại diện thờ phụng Đức Phật tại các chùa viện ở Trung

Quốc, Việt Nam gọi là Đại Hùng Bảo điện. Ngoài ra, Giáo chủ Kỳ-Na giáo là Phiệt-đà-ma-na (Phạn: *Vardhamàna*) cũng được hàng giáo đồ tôn xưng là Đại Hùng.

\* **Đại Oai Đức**: Oai đức lớn. Oai lớn thì có thể phục ác, tức là dẹp trừ mọi sự tà, ác, cho nên chúng kiêng sợ. Đức lớn thì có công hộ thiện, tức là hộ trì mọi sự chánh, thiện, cho nên chúng kính mến. Như vậy kêu là đại oai đức. Như đại oai đức của Minh vương, của Bồ Tát, của Câu lâu la vương.

\* **Đại Pháp** : Giáo pháp Đại thừa thâm diệu. *Phẩm tự, kinh Pháp Hoa* ghi: “Nay Đức Phật Thế Tôn muốn diễn nói đại pháp”.

\* **Đại Tam Tai** : Ba tai họa lớn lần lượt khởi lên hủy hoại thế giới vào thời mạt kiếp. Đó là: Hỏa tai, Thủy tai, Phong tai.

\* **Đại Thuyền Sư** : Đức hiệu của Phật, vì Ngài hay dẫn dắt chúng sinh vượt qua biển lớn sinh tử, giống như lái chiếc thuyền lớn đưa người qua sông.

*Kinh Niết-Bàn*, ghi : “Các người muốn vượt qua biển lớn sinh tử, Ta sẽ là Đại thuyền sư cho các người”.

\* **Đại Tiên** : Phạn: *Maharsi*. Từ tôn xưng Đức Phật, bậc đại giác ngộ hoặc chỉ cho người đạt được tất cả các công đức thiện căn Ba-la-mật. *Kinh Tạp A Hàm 36*, ghi : “Nên biết bậc Đại Tiên nay lại ra đời, làm an vui cho các loài trời người, chỉ bày con đường thoát khổ cho chúng sinh”. Theo *Phật Tổ Thống Kỷ 6*, vào năm 1119 vua Tống Huy Tông ban chiếu tôn xưng hiệu Phật là Đại Giác Kim Tiên và đấp y Thiên Tôn cho Ngài.

\* **Đại Trí** : Trí huệ rộng lớn thông suốt sự, lý tất cả các pháp.  
- *Phẩm Phật Quốc, kinh Duy Ma*, ghi: “Đại trí, bản hạnh đều thành tựu”.

\* **Đạo đế** : Từ đồng nghĩa. Xem **Đạo Thánh Đế** (Thích giảng-quyển 1).

\* **Đạo đức** : Nguyên lý thiện ác, chính tà có liên quan đến hành vi của nhân loại. Đạo đức, chữ La tinh là Mors, đồng nghĩa với chữ Êthos (tập tục), bởi vì tập tục là cơ sở của đạo đức và pháp luật. Trong đó, pháp luật là qui tắc nằm trong hoạt động xã hội, còn đạo đức là qui chế cá nhân tất yếu nắn trong qui tắc sinh hoạt của xã hội nhân loại.

Theo *Đức Khổng Tử* thì Nhân, Đức là trọng tâm của quan hệ nhân luân. Còn các tôn giáo như: Cơ Đốc giáo, Phật giáo .v.v... cũng rất xem trọng sức mạnh đạo đức. Cơ Đốc giáo chủ trương thương yêu mọi người bằng tinh thần bác ái, từ đó triển khai tư tưởng luân lý. Phật giáo thì răn ác khuyến thiện, răn cấm 10 điều ác (sát sinh, trộm cắp .v.v...) khuyên làm 10 việc lành. Trong tinh thần cơ bản của Phật giáo thì “Đức” là mình được lợi ích, “Đạo” là làm lợi ích cho người.

\* **Đạo vị** : Các giai vị tu hành Phật đạo, như 52 giai vị của Bồ Tát, Thất phương tiện vị hay Thất hiền vị của hàng Thanh Văn trước vị Kiến đạo.

\* **Đăng đàn** : Còn gọi: *Nhập đàn*. Vào giới đàn thụ nhận giới pháp.

\* **Đắc** : Phạn: *Prapti*. Đối lại: *Phi đắc*. Tất cả pháp tạo tác thành tựu mà không mất. Một trong 75 pháp của tông Câu-Xá, 1 trong 100 pháp của tông Duy Thức. Trái lại, tất cả pháp không thể thành tựu gọi là Phi đắc. Đắc và Phi đắc có quan hệ trong ngoài. Đắc chỉ có quan hệ với pháp hữu vi (tức pháp hữu tình “Tự tương tục”) trong thân hữu tình và 2 pháp vô vi: Trạch diệt, Phi trạch diệt mà không có quan hệ với pháp Tha tương tục, Hư không.

Nói về “Tự tương tục”, nếu có quan hệ tích cực với pháp thì làm cho pháp hợp và tồn tại gọi là Đắc; nếu có quan hệ tiêu cực với pháp thì làm cho pháp lìa, làm cho pháp mất, gọi là Phi đắc. Đắc có *hoạch* (Phạn: *Pratilambha*) và *thành tựu* (Phạn: *Samanvāgama*), Phi đắc có *bất hoạch* và *bất thành tựu*. Hoạch chỉ sự việc chưa được hoặc mất mà nay được; Đắc là tên khác của tác dụng từ *Tương lai sinh tương vị* nhập vào *Hiện tại vị*; *Thành tựu* chỉ cho Đắc mà đến nay vẫn tiếp nối không mất, Đắc còn là tên gọi khác của khoảng thời gian nhập vào *Hiện tại vị*. Suy ra thì Bất Hoạch đồng nghĩa với Bất thành tựu.

\* **Đế** : Phạn: *Satya*. Đế là sự thật chắc chắn, không hư vọng. Tức chỉ cho chân lý.

Theo *kinh Hoa Nghiêm 25 (bản Cựu dịch)*, Bồ Tát đệ ngũ địa giáo hóa chúng sinh, vì muốn cho chúng sinh hiểu rõ chân lý, nên nói 10 đế là: Thế đế, Đệ nhất nghĩa đế, Tướng đế, Sai biệt đế, Thuyết thành đế, Sự đế, Sinh đế, Tận vô sinh trí đế, Linh nhập đạo trí đế, Nhất thiết Bồ Tát thứ đệ thành tựu chư địa khởi Như Lai trí đế.

Theo *kinh Tăng Nhất A-Hàm 17*, giáo pháp của Như Lai chân thật nên gọi là Đế. Đế có nhiều loại như : Nhất đế, Nhị đế, Tam đế, Tứ đế, Thất đế, Thập đế, Thập lục đế, Nhị thập ngũ đế...

\* **Đê-Bà-Đạt-Đa** : Phạn: *Devadatta*. Còn gọi: *Đê-bà-đạt-đâu, Đế-bà-đạt-đa, Địa-bà-đạt-đa, Điều-đạt*. Hán dịch: *Thiên nhiệt, Thiên thọ, Thiên Dữ*. Gọi tắt: *Đê-bà, Đạt-đa*.

- *Đê-bà-đạt-đa* là vị Tỳ kheo phạm tội ngũ nghịch, phá hoại tăng đoàn, đối nghịch với Phật. Đê-bà là con Học Phạn Vương, chú của Phật (cũng có thuyết cho là con của Cam Lộ Vương, Bạch Phạn Vương hoặc con của Trưởng giả Thiện Giác). Thuở nhỏ, ông học cùng thái tử Sĩ-đạt-đa, Nan-đà, tài năng ông xuất sắc, nên thường tranh tài với thái tử Sĩ-đạt-đa.

Sau khi Phật thành đạo, ông theo Phật xuất gia, trong khoảng 12 năm đầu, ông siêng năng tu hành. Sau vì không được Thánh quả, nên ông thối tâm sinh lòng muốn học thần thông để được lợi dưỡng, Phật không cho, Đê-bà liền đến chỗ Thập Lực Ca-Diếp học thần thông, được thái tử A-Xà-Thế xứ Ma-kiệt-đà cúng dường. Do đó, Đê-bà càng thêm kiêu mạn, muốn thay Phật lãnh đạo tăng đoàn. Sau đó, Đê-bà dẫn 500 đồ chúng thoát ly tăng đoàn tự xưng là Đại sư, lập ra 5 tà pháp, cho đó là con đường đến Niết-bàn và xúi giục thái tử A-Xà-Thế giết cha để đoạt ngôi. Rồi ông dựa vào uy quyền của vua A-Xà-Thế mà mưu toan lãnh đạo tăng đoàn nên nhiều lần hãm hại Phật.

Trong kinh gọi 5 việc: Phá hòa hợp tăng, làm thân Phật chảy máu, thả voi điên, giết Tỳ kheo ni Liên Hoa Sắc, 10 móng tay có chất độc là Đê-bà Ngũ nghịch và gọi riêng 3 việc: Phá tăng, hại Phật, giết Tỳ-kheo-ni là Tam nghịch.

Theo kinh *Tăng Nhất A-Hàm 47*, Đức Phật bảo Đề-bà sẽ chịu khổ địa ngục trong một kiếp và được thọ ký thành Bích Chi Phật. Theo *Phẩm Đề-bà-đạt-đa trong kinh Pháp Hoa 4*, thuở xưa, Đề-bà là thiện tri thức, từng giảng kinh đại thừa cho Đức Thích Tôn nghe, nhờ đó mà đức Thích Tôn được thành Phật. Trong kinh lại nói sau vô lượng kiếp ở đời vị lai, Đề-bà sẽ thành Phật hiệu là Thiên Vương Như Lai.

\* **Điều-Đạt (DĒVADATTA)**: Một vị đệ tử xuất gia của Phật, dòng họ Thích, đối với Phật là con nhà chú, anh ruột của ông A-Nan (Ananda). Viết tắt là Điều-Đạt, viết trọn là Điều-Bà-Đạt-Đa. Cũng có Kinh gọi là Đề-Bà, Đề-Bà-Đạt-Đa. Dịch nghĩa: Thiên thọ (chư thiên truyền cho), Thiên dữ (chư thiên đem cho), Thiên nhiệt (chư thiên lấy làm nóng nẩy, bứt rứt). Ông Điều-Đạt là người bạn ác, xúi giục thái tử A-Xà-Thế ở thành Vương-Xá giết vua cha là Tần-Bà-Sa-La mà soán ngôi. Rồi chính ông sẽ tìm kế mà giết Phật để cầm quyền giáo chủ đạo Phật. Những việc ác của Điều-Đạt có chép trong quyển "Quán Vô-Lượng-Thọ Phật Kinh" và trong nhiều kinh luật khác.

\* **Địa đại** : Phạn: *Prthivī-dhatu*. Địa đại là một trong 4 yếu tố cấu tạo nên tất cả sắc pháp. Pháp tính của Địa đại vốn không sinh, hiển sắc là màu vàng, hình sắc là vuông, xúc trần là tính cứng, nghiệp dụng là giữ gìn.

\* **Định Giác Phần**: Âm theo Phạn là *Samādhi-sambodhy-anga*. Tên gọi khác là: *Định giác chi, Định đẳng giác chi, Định giác ý, Duy định giác ý*. Theo *Kinh Tạp A-Hàm 26* thì Định giác phần là tâm ở vào một cảnh giới lấy định làm thể, khiến tâm an trụ không tán loạn, là chi thứ 6 trong Thất giác chi. Tu pháp này rồi thì đạt được cả định lẫn giác, diệt trừ tham lam, lo buồn, từ đó sinh tâm xả mà tu tập Xả giác phần, đến khi Xả giác phần trọn vẹn, liền đạt đến cảnh giới vô úy.

\* **Độn Căn (Căn độn)**: Phạn ngữ: *Mrdvindriya*; Còn gọi: **Hạ căn**; Từ đối lại là: *Lợi căn*.

*Độn căn* là chỉ hạng người căn cơ chậm lụt. Theo Luận Đại Tì-bà-sa 54, loại người này vì căn tính chậm lụt nên không thể tự mình hiểu rõ kinh điển, chỉ tin vào lời dạy của người khác mà được ngộ đạo.



# G

\* **Gia** : Còn gọi : *Gia bị, Gia hộ, Gia oai*. Chư Phật dùng tâm đại bi để gia hộ cho chúng sinh. Sức gia bị của Chư Phật, gọi là Gia bị lực hoặc Gia oai lực. Gia bị có 2 loại :

1. *Hiển gia*: Mắt thường có thể thấy, biết được, ví như người thuyết pháp được sức gia bị của chư Phật, Bồ Tát nên nghiệp: Thân, khẩu, ý của họ có thể diễn thuyết đúng như pháp.

2. *Minh gia* (còn gọi: *Minh hộ, Minh hộ*): Mắt thường không thể nhìn thấy, nhưng thâm cảm nhận có sự gia bị của chư Phật và Bồ Tát.

\* **Giác Tri** : Đảo từ của **Tri giác**. Cảm giác mà biết như gần lửa thấy nóng, gần nước thấy lạnh. Nghe tiếng biết người lạ hay người quen, ngửi mùi hoa là biết hoa gì . Như nhìn sắc tướng, nghe tiếng nói của một người, mà cảm giác biết người lành hay dữ, cũng gọi là Trí giác; đồng nghĩa với Trực giác.

\* **Giác xúc** : Là do xúc chạm mà nhận biết. Khi tu thiền, gặp cơ duyên mà cảm ngộ được thể chân thật của tự tâm, gọi là giác xúc.

\* **Giáo Chủ** : Vị sáng lập một tôn giáo nào đó hoặc người chủ trì giáo đoàn hoặc cũng có thể chỉ cho vị Chủ tôn tuyên nói kinh giáo.

Về Giáo chủ của bộ kinh mà tông mình y cứ thì các tông Hoa Nghiêm, Thiên Thai, Mật giáo tùy theo kiến giải về thân Phật mà lập ra những thuyết khác nhau như :

- Giáo chủ Kinh Hoa Nghiêm, có 3 thuyết (Báo thân Phật): Giáo chủ Kinh Hoa Nghiêm là Hóa thân Phật, Giáo chủ kinh này là Thật báo thân, Giáo chủ kinh này là Thập thân Phật.

- Giáo chủ Kinh Pháp Hoa (Ứng thân tức Báo thân).

- Giáo chủ Kinh Đại Nhật, có 7 thuyết của Mật gia: Tự tính thân, Mạn-đồ-la Trung Đài Gia trì Thân, Tự thụ dụng thân, Tha thụ dụng thân, Tam chuyển nhất thể thân, Tam điểm cụ túc Phật thân, Tứ thân.

\* **Giả hợp**: Còn gọi: *Giả hòa hợp, Giả hợp chi thân*. *Giả hợp* có hàm ý chỉ về pháp và thân.

- *Giả hòa hợp* là sự nhóm hợp tạm thời của các nhân duyên để tạo thành một pháp. Pháp này không có tự tính, chẳng phải thật có, khi các duyên ly tán thì pháp không tồn tại.

- *Giả hợp chi thân* là thân thể con người do các duyên giả hòa hợp mà thành. *Luận Nguyên Nhân*, ghi : “Thân này chỉ là hình tướng do các duyên tạm thời hòa hợp, vốn không có ngã, nhân”.

\* **Giải** : là sự hiểu biết do tư duy về lý của sự vật. Ngoài ra, nhận hiểu gọi là lãnh giải; tin hiểu gọi là tín giải; khai ngộ gọi là ngộ giải, liễu giải, khai giải; thông hiểu ẩn chú gọi là thắng giải, huệ giải; hiểu nghĩa gọi là nghĩa giải.

\* **Giới** : Phạn: *Dhatu*. Hán âm: *Đà đô*. Hán dịch: *Tằng (Tầng lớp), Căn cơ, Yếu tố, Cơ sở, Chủng tộc*. Giới theo *phẩm Thánh Hạnh, kinh Đại Bát Niết Bàn* là từ ngữ để gọi các phạm trù đã phân loại, nghĩa là có sự sai khác giữa các vật mà không lẫn lộn. Như 6 căn tiếp xúc với 6 trần sinh ra 6 thức, hợp lại gọi là 18 giới. **Địa, thủy, hỏa, phong, không, thức** gọi là 6 giới. **Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới** gọi là 3 giới. Theo *tông Duy Thức*, chủng tử của tất cả pháp là giới, có nghĩa là yếu tố, nguyên nhân.

\* **Go-Ta-Ma**: còn gọi *Cồ-Đàm* là một tên của đức Phật *Thích Ca*, vì họ Thánh của ngài là *Cồ-Đàm*, cho nên người ta nương theo họ mà gọi ngài là *Cồ-Đàm*. Cũng như thế, vì họ nhà vua của ngài là *Thích-Ca* cho nên người ta nương theo họ mà gọi ngài là *Thích-Ca*. Hồi Thái tử *Thích-Ca* bỏ cung điện lên miền *Hy-Mã-Lạp-Sơn* mà tu thiền, ngài lấy tên là *Sa-môn Cồ-Đàm*. Ngài cũng có một tên khác nữa là *Tất-Đạt-Đa (Siddharta)* mà vua cha đặt cho để cho quan dân trong nước biết mà gọi. Còn tên *Cồ-Đàm* là tên riêng trong gia tộc, kêu theo họ Thánh. Trong thời Phật, những vị tu hành ngoại đạo có danh tiếng thường gọi ngài là *Sa-môn Cồ-Đàm*. *Cồ-đàm* chính nghĩa là họ của một gia tộc, như họ *Nguyễn*, họ *Trần*, tử như họ của Phật *Thích-Ca* là *Cồ-Đàm*, họ của ông *A-Nan* cũng là *Cồ-Đàm*.





# H

\* **Hành Giả** : Từ thường dùng để chỉ các hạng tu hành sau:

1/. Hành giả (Còn gọi: Hành nhân, Tu hành nhân), là những người tu hành Phật đạo. Hành giả niệm Phật là những người tu pháp môn niệm Phật; Hành giả chân ngôn là những người tu hành theo Mật pháp; Hành giả Pháp Hoa là người chuyên trì kinh Pháp Hoa .v.v...

2./ Hành giả, là những người chưa được xuất gia nhưng vào chùa làm công quả. Theo phần Hành Giả trong Thích Thị Yếu Lâm, Thiện Kiến Luật, Tì-bà-sa, người tập sự xuất gia ở trong chùa thì gọi là Bạt-đầu-ba-la-sa, tức là Hành giả.

3/. Hành giả, là những người tu hành khổ hạnh nơi sơn dã (sơn phục) thuộc phái Tu Nghiệm Đạo, Nhật Bản.

\* **Hành Khổ**: Tất cả Pháp hữu vi thay đổi theo thời gian, không một sát-na dừng trụ an ổn; làm cho chúng sinh cảm thấy bức bách khổ não, nên gọi là Hành khổ. Một trong 3 khổ.

\* **Hành nghiệp** : Còn gọi: Tác nghiệp. Hành nghiệp là hành vi tạo tác của thân, khẩu, ý.

\* **Hại giác**: Bụng muốn làm hại người khác. Một trong ba giác, còn chỉ một trong tám giác.

\* **Hạnh quả** : Hạnh nghiệp và quả báo. Trước thì tu hành, sau là đắc quả, cái quả báo y theo sự tu hành của mình vậy. Đó là hạnh quả lành. Còn như ai làm chuyện độc ác thì sẽ bị quả báo khổ não, đó là hạnh quả dữ.

\* **Hắc ám** : Đen tối, không có ánh sáng của trí huệ. *Tán A-di-đà kệ*, ghi :  
Hào quang Phật chiếu soi bậc nhất,  
Nên gọi Ngài là Quang Viêm Vương,

Ba đường hắc ám nhờ ánh sáng,  
Thế nên con đành lễ cúng dường,

\* **Hắc Ám Thiên**: Tên vị nữ thiên thần có quyền đem các sự suy bại, hư hao lại cho chúng sanh. Vị Hắc Ám Thiên hình dạng xấu thô, áo quần rách rưới, mình mẩy do dấy, da thịt nứt nẻ, da nhăn, tóc bạc. Vị này vốn là em của vị Công đức Thiên. Bà hiện đến nhà nào thì nhà ấy phải suy lụn, tan nát. Thường khi, những kẻ phạm phũ sau khi được vị Công đức Thiên ban phước lợi, thì tiếp nhận các sự hư, hoại do vị Hắc Ám Thiên thi thố. Đó là hợp với chân lý : hết cơn giàu thịnh, đến hồi nghèo suy vậy.

\* **Hiền kiếp** (đảo từ: **Kiếp hiền**) : Phạn: *Bhadrakalpa*. Hán âm: *Bạt-đà-kiếp, Pha-đà-kiếp, Ba-đà-kiếp*. Gọi đầy đủ: *Hiện tại hiền kiếp. Hiền kiếp* là Kiếp trụ. “Hiền” (Phạn: *Bhadra*), nghĩa là Thiện; “Kiếp” (Phạn: *Kalpa*), nghĩa là thời phần. Trong kiếp này có 1.000 bậc Hiền thánh ra đời, nên gọi là Hiền kiếp, Thiện kiếp. “*Hiền kiếp*” hợp chung với “*Quá Khứ Trang Nghiêm kiếp*” và “*Vị Lai Tinh Tú kiếp*” gọi là *Tam kiếp*.

Theo kinh *Hiền Kiếp*; kinh *Hiện Tại Hiền Kiếp Thiên Phật Danh*; kinh *Thiên Phật Nhân Duyên*, trong Hiền kiếp có 1.000 đức Phật lần lượt ra đời tính từ Đức Phật Câu-Lưu-Tôn, Câu-Na-Hàm Mâu-Ni, Ca-Điếp, Thích-Ca, Di-Lặc, cho đến Đức Phật Lô-Chí.

Về thời gian Hiền kiếp, trong các kinh luận có nhiều thuyết khác nhau nhưng thông dụng là theo kinh *Quán Di-Lặc Bồ Tát Thượng Sinh Đâu Suất Thiên*; *Tam Di-Lặc Kinh Sớ*; *Du-Già Luận Kiếp Chương Tụng* thì khoảng thời gian của Hiền kiếp là 1 trung kiếp của Kiếp trụ.

\* **Hoan hỷ tam muội** : Thiên định phát sinh vui mừng. *Luận Đại Trí Độ* 47, ghi : “Người đắc Hoan Hỷ Tam muội thì phát sinh niềm vui hoan hỷ đối với các pháp”. Theo *Duy Ma Kinh Lược Sớ Thùy Dụ Ký* 2, sau khi Bồ Tát chứng quả, có năng lực tùy loại hiện thân, làm lợi ích chúng sinh, nếu chứng được Hoan hỷ Tam muội thì có khả năng thị hiện thân A-tu-la để phương tiện hóa độ.

\* **Hoàng môn:** Hán âm: *Pandaka*, Phạn âm: *Ban-tra-a-ti-dàm*, Hán dịch là *Yêm nhân*, vì là không có nam căn. Luật chia ra năm loại hoàng môn: *Sinh hoàng môn*, *Hình tân hoàng môn*, *Đố hoàng môn*, *Biến hoàng môn*, *Bán nguyệt hoàng môn*.

Theo *Tăng kỳ Luật*: “Đó là không thể là con trai, có 6 loại: 1. *Sinh*: Sinh ra không là con trai hoặc nam căn nhỏ không thể dùng để nối dõi; 2. *Nại phá*: để chỉ thế thiếp sinh con trai, vì ghen ghét nhau, nên cắt bỏ nam căn của đứa trẻ ngay từ nhỏ; 3. *Cát khước*: Như vua hay đại thần, dùng người cắt bộ phận sinh dục để đưa vào cung cấm; 4. *Nhân tha*: để chỉ nhân xúc phạm người trước, mà sinh căn nổi lên; 5. *Đố*: Chỉ loại người thấy người khác làm tình, sau đó thân căn của mình nổi lên; 6. *Bán Nguyệt*: để chỉ loại người nửa tháng là con trai, nửa tháng không thể là con trai. Đó là 6 loại”.

\* **Hoại Khổ:** Âm theo Phạn là *Viparināma-dukkhatā*; Còn gọi *Biến dị khổ*; Theo *Luận Câu-Xá 22*, *Luận Du-già Sư Địa 42*, *Luận Hiển Dương Thánh Giáo 15*, *Đại thừa Nghĩa Chương 3* thì Hoại khổ là cái khổ phát sinh khi người thân của mình bị chết mất hoặc vật mà mình yêu thích bị hư hoại. Một trong 3 khổ. Ngoài ra, đất, nước, lửa và gió trong thân xâm đoạt lẫn nhau, phá hoại lẫn nhau, cũng gọi là Hoại khổ.

\* **Hoặc** : Mê lầm phiền não. Trạng thái thân tâm não loạn, làm chướng ngại tâm giác ngộ.

Theo *Luận Thành Duy Thức 8*, sinh tử tiếp nối do *Hoặc*, *Nghiệp*, *Khổ*. Phiền não phát nghiệp và Nhuận sinh đều gọi là *Hoặc*. Bởi chúng sinh mê lầm đối với sự lý, phát khởi nghiệp hữu lậu, làm tăng trưởng Hữu ở tương lai, thành cái nhân cho sự sinh tử tiếp nối, gọi là *Hoặc*. *Hoặc* gần giống với các nghĩa vô minh. Do phiền não kết hợp với nghiệp tướng làm nhân chung cho quả báo luân hồi nên *Hoặc* và *Nghiệp* thường đi đôi với nhau.

Trong 12 Duyên khởi, Vô minh là *Hoặc* phát nghiệp, gọi là Nhân đấng khởi; 2 món Ái, Thủ là *Hoặc* nhuận sinh, gọi là Nhân sinh khởi.

Do sự tu hành có nhiều giai đoạn khác nhau nên *Hoặc* có 2 loại là Kiến hoặc và Tư hoặc. Nếu mê lý Tứ đế, gọi là Kiến hoặc; còn mê tất cả sự lý thì gọi là Tư hoặc.

Trong 10 Tùy miên thì 5 món: Tham, sân, si, mạn, nghi là Tu hoặc ; 5 món: Thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ thuộc về Kiến Hoặc. Ba món: Tham, sân, mạn trong 5 món Tu hoặc chỉ duyên từng việc mà sinh, không thể trùm khắp các việc trong 3 đời, nên gọi là Tự tướng hoặc; 5 Kiến hoặc, Nghi và Vô minh thì duyên các pháp mà sinh, có khả năng trùm buộc khắp các pháp trong 3 đời, nên gọi là Cộng tướng hoặc.

\* **Hóa hiện** : Hóa ra những hình tướng khác nhau.

\* **Hóa Lạc Thiên** : Phạn: *Nirmānarati deva*. Hán âm: *Ni-ma-la thiên, Duy-na-la-nê thiên*. Còn gọi: *Hóa Tự Tại thiên, Hóa Tự Lạc thiên, Bát Kiêu Lạc thiên, Lạc Vô Mạn thiên, Vô Công Cao thiên, Lạc Biến Hóa thiên*. Tầng trời thứ 5 trong 6 tầng trời cõi Dục, tức là tầng trời ở dưới trời Tha Hóa Tự Tại và trên cõi trời Đâu Suất. Vì người ở cõi trời này tự biến hóa ra 5 trần cảnh để vui chơi, cho nên gọi là Hóa Tự Lạc. Một ngày một đêm ở cõi trời này bằng 800 năm ở cõi người, chư Thiên ở cõi này thọ 8000 tuổi, thân cao 8 do-tuần, thường phát ra ánh sáng. Nam nữ nhìn nhau hoặc cười với nhau liền thọ thai. Đứa con sinh ra từ trên đầu gối của người nữ, đứa bé mới sinh ra lớn như đứa bé 12 tuổi ở cõi người. Cõi trời này cùng với các trời Dạ Ma, Đâu Suất, Tha Hóa Tự Tại đều có 3 việc thù thắng hơn cõi Diêm-phù-đề là: sống lâu, xinh đẹp và lạc thú.

\* **Hòa** : Còn gọi: *Phạ, Bà*. Chữ (va), biến khẩu thanh thứ 4 trong các biến khẩu thanh của thể văn Tất-đàm, 1 trong 42 và 50 chữ Tất-đàm. Tổng hợp các kinh luận thì từ này có nhiều nghĩa:

1. *Nghĩa ngôn thuyết*: Giải thích sơ lược theo hình tướng của chữ.
2. *Nghĩa ngôn thuyết bất khả đắc*: Giải thích sâu rộng theo nghĩa của chữ. Hai cách giải thích sâu cạn nói trên đều dựa vào ngữ căn chữ Phạn: Vakya, Vac hoặc Vada.
3. *Nghĩa âm thanh tối thượng thừa*: Xuất phát từ ngữ căn của các từ Phạn: Varayana hoặc Varisthayana (Tối thắng thừa).
4. *Nghĩa vũ đại pháp vũ*: Rút ra từ ngữ căn của chữ Phạn: Varsana (hạ vũ).

**5.** Nghĩa phổ sinh an trụ: Phẩm Văn Tự, kinh Đại Bát Niết Bàn, ghi : “Hòa (Phạ) nghĩa là Đức Thế Tôn tuôn trận mưa pháp lớn cho chúng sinh, đó là kinh sách mà thế gian gọi là chú thuật”.

\* **Hòa Thượng** : Phạn: *Upādhyayā*. Còn gọi: *Hòa xà, Hòa xã, Ốt xã, Cốt xã, Ô xã*. Hán âm: *Ô-bà-đà-da, Ưu-bà-đà-ha, Úc-ba-đệ-da-da*. Hán dịch: *Thân giáo sư, Lực sinh, Cận tụng, Y học*.

Hòa Thượng là bậc thầy có trí huệ và đức độ cao vời. Hòa Thượng là vị thầy gương mẫu cho người thụ giới nên các tông Hoa Nghiêm, Thiên Thai, Tịnh Độ thường gọi là “Giới Hòa Thượng”. Hòa Thượng tiếng Quy Tứ gọi là Pwajjhaw, còn vùng Vu Điền gọi là Khosha. Ngài Cưu-ma-la-thập dịch là Lực sinh, nghĩa là người làm cho đạo lực của đệ tử phát sinh.

Theo *Đại Tỳ Kheo Tam Thiên Oai Nghi, thượng*, đối với đệ tử, 1 vị Hòa thượng cần có 15 đức: **1/**. Phải hiểu biết về giới; **2/**. Phải trì giới; **3/**. Không phạm giới; **4/**. Phải thông hiểu kinh điển; **5/**. Phải tự giữ mình; **6/**. Phải dạy kinh; **7/**. Phải răn dạy; **8/**. Nên dạy tu tâm, ý; **9/**. Nên dạy thọ nhận đồ cúng đơn sơ; **10/**. Nên dạy pháp tắc; **11/**. Cần tự có ẩn đức; **12/**. Hay dạy bảo đàn việt; **13/**. Không được có tâm che giấu; **14/**. Có người đem vật đến cúng dường, nên nói đều là vật của chúng tăng; **15/**. Thăm người đau yếu phải đối xử bình đẳng.

\* **Hỏa đại** : Còn gọi: **Hỏa giới**. Một trong tứ đại, một trong bốn loại đại (vật chất). Lấy ôn nhiệt làm Tính, lấy điều thực làm Dụng. Ở trong hết thảy mọi thứ vật chất, nên gọi là đại.

\* **Hỏa Tai**: Âm theo Phạn là *Tejah-samvartani*; Theo *Luận Câu-Xá 2* thì Hỏa tai là tai họa lớn về lửa, xuất hiện vào giai đoạn cuối cùng của kiếp hoại. Một trong tam tai. Khi bắt đầu có hỏa tai, thế giới xuất hiện 7 mặt trời, khiến cho biển lớn, sông hồ đều khô cạn, núi non trở trọi, gió thổi lửa dữ dội, từ địa ngục Vô gián cho đến cõi trời Sơ Thiên của Sắc giới đều bị thiêu đốt.

\* **Huyền** : Chỉ nghĩa lý sâu xa, mầu nhiệm, vượt ra ngoài sự luận biện thông thường. Huyền là tiếng thường dùng để chỉ đức tính sâu kín, mầu nhiệm, thanh tịnh của đạo Phật, đạo Lão.

\* **Hữu duyên**: Từ đối lại: Vô duyên. Có quan hệ nhân duyên với nhau. Thông thường, hữu duyên chỉ cho người có duyên với Phật đạo hoặc chúng sinh có cơ duyên nghe Phật pháp được giải thoát. *Kinh Quán Vô Lượng Thọ (Đại 12, 344 thượng)* ghi: “Chúng sinh hữu duyên tất cả đều được thấy”.

*Kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân 7 (Đại 3, 161 trung)* ghi: “Đức Phật ứng hiện ở thế gian, tiếp dẫn chúng sinh hữu duyên, chúng sinh hữu duyên đã hết, Ngài liền nhập Niết Bàn”.

Từ Hữu duyên vốn chỉ “Pháp duyên” nhưng được người đời sử dụng rộng rãi, như: “Hữu duyên thiên lý lai tương hội” (có duyên nghìn dặm đến gặp nhau), “Thiên lý nhân duyên nhất tuyến khiên” (Nhân duyên nghìn dặm cũng gặp nhau), “Hữu duyên hà xứ bất tương phùng” (có duyên nơi nào chẳng gặp nhau).

\* **Hữu Dư** : Phạn: Sopadhi-sesa. Đối lại: Vô dư. Hữu dư chưa phải là rốt ráo, diệt tận mà vẫn còn sót lại một phần. *Luận Đại Trí Độ 23*, ghi : “Có 2 loại quán tướng vô thường: Một là Hữu dư, hai là Vô dư. Như Phật dạy, tất cả người, vật diệt hết, chỉ còn tên gọi, đó là Hữu dư. Nếu người, vật diệt hết, tên gọi cũng mất, đó là Vô dư”.

Ngoài ra, khi chứng đắc Niết Bàn, nếu vẫn còn thân này thì Niết Bàn chứng đắc gọi là **Hữu dư y Niết bàn**. Quốc độ còn vô minh phiền não mà vãng sanh gọi là Hữu dư độ. Người đề xướng ra luận thuyết chưa rốt ráo thì gọi là Hữu dư sư.

\* **Hỷ Giác Phần**: Âm theo Phạn là *Pritisambodhyanga*. Tên gọi khác là: *Hỷ giác chi, Hỷ đẳng giác chi, Hỷ giác ý, Ái hỷ giác ý*. Theo *Kinh Tạp A-Hàm 26; Chính Pháp Nhãn Tạng Bồ-Đề Phần Pháp* thì Hỷ giác phần là

sự hoan hỷ khi đạt được chính pháp, là 1 trong Thất giác phần của 37 pháp Bồ-đề phần. Tức tâm được thiện pháp, lấy Hỷ làm thể mà sinh vui mừng.



**K**

\* **Kế Tân quốc** : Còn gọi: *Kiếp-tân quốc*, *Yết-tân quốc*. Một nước cổ ở Bắc Ấn Độ, nay thuộc Kashmir. Về tên gọi nước này, có nhiều thuyết khác nhau:

Theo *Trinh Nguyên Tân Định Thích Giáo Mục Lục 17*, Kế-tân là gọi lầm của nước *Ca-tát-thí* (Phạn: *Kapisa*). Theo *Phạn Ngữ Tap Danh* thì Kế-tân là gọi tắt của *Kiếp-tỉ-xá-dã* (Phạn: *Karpisaya*). Ông A.Rémusat (Lôi-mục-sa) thì cho rằng Kế-tân là Hán âm của *Kophes* (*Khách-nhĩ-tư*), tên cổ xưa của *Kabul* (*Khách-bổ-nhĩ-hà*). Ông S.Lévi (Lai-duy) và E. Chavannes (Sa-uyển) thì cho đó là tên thời xưa của nước *Ca-thấp-di-la* (Phạn: *Káshmir*).

\* **Kệ** : Thể loại văn vần được dùng trong kinh điển Phật giáo.

Theo nghĩa rộng, *già-đà* (Phạn: *Gāthā*) và *Kỳ-dạ* (Phạn: *geya*) đều thuộc về kệ tụng, nhưng ý nghĩa của chúng thì khác nhau. *Già-đà* (Còn gọi: kệ *Cô Khởi*), tức là phần văn vần trực tiếp nói đến giáo lý, trước nó không có văn trường hàng, nếu có thì ý nghĩa cũng không liên quan đến phần văn bản này. *Kỳ-dạ* (Còn gọi: kệ *Trùng Tụng*), phần văn vần lặp lại ý nghĩa đã nói trong đoạn văn trường hàng ở trước. Trong kinh luận cũng có khi dùng lẫn lộn giữa 2 từ này.

Theo nghĩa hẹp, kệ chỉ riêng cho tiếng Phạn *Gāthā*, Hán âm là *già-đà*, *già-tha*, *kệ-đà*, *kệ-tha*, dịch ý là *phúng tụng*, *kệ tụng*, *tạo tụng*, *cô khởi tụng*, *bất trùng tụng kệ*, *tụng*, *ca dao*. Là 1 trong 9 thể loại, 1 trong 12 thể loại kinh điển. Ngữ cú của thể văn này gọi là kệ ngữ. Kệ có rất nhiều loại, loại kệ thường dùng nhất trong kinh Phật gồm 2 hàng, 16 âm tiết (2 câu, mỗi câu 8 âm tiết), gọi là *Thủ-lô-ca* (Phạn: *Sloka*) hay *Thông kệ*. Một loại kệ khác có 2 hàng từ 22 đến 24 âm tiết (2 câu, mỗi câu 11 đến 22 âm tiết), gọi là *Tristubh* (một loại âm luật). Ngoài ra, còn có loại kệ không giới hạn số âm tiết, gọi là *Āryā* (một loại âm luật).

\* **Khai ngộ** : Mở mang tâm trí và tỉnh ngộ, đạo lý. Đó là hai trình độ của nhà học đạo, tu hành : Trước thì khai tâm, sau thì tỉnh ngộ. Cũng gọi :



Khai thị ngộ nhập. *Tứ Thập Nhị Chương Kinh*, ghi : “Lại như có những vị Tỳ kheo nào bạch lên những sở nghi của mình, cầu Phật chỉ cho biết việc tấn thối, thì đức Thế Tôn phán dạy, khiến cho tất cả đều khai ngộ”.

\* **Khẩu nghiệp** : Phạn: *Vāk-karman*. Còn gọi: *Ngữ nghiệp*. Khẩu nghiệp là hành động của miệng, tức lời nói diễn đạt nội tâm, 1 trong 3 nghiệp.  
- Khẩu nghiệp có 2: Biểu nghiệp và Vô biểu nghiệp. Về điều này, Đại thừa và Tiểu thừa chủ trương khác nhau. *Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ*, cho Ngữ biểu nghiệp dùng âm thanh làm thật thể, Vô biểu nghiệp là thật sắc. *Luận Thành Thật* cho Ngữ biểu nghiệp là danh thanh giả lập, Vô biểu nghiệp là phi sắc, phi tâm. *Kinh Bộ và Duy Thức* chủ trương Ngữ biểu nghiệp là âm thanh giả lập, lấy “Tư” do ngữ nghiệp phát khởi làm thể. Vô biểu nghiệp cũng là giả lập, lấy thiện hoặc công năng khởi bất thiện hoặc công năng bất thiện hay ngăn thiện trong “Tư” chủng tử làm thể.

\* **Không hầu** : Phạn: *Vinā*. Còn gọi: *Không cổ*, *Giang hồ*. Không hầu là một loại đàn dây tơ thời cổ. Theo *Hiếu Vũ Bản Kỉ*, *Sử Ký 12*, thời vua Vũ Đế, nhạc nhân Hầu Điều chế ra đàn Không hầu. Theo *Tùy Thủ Âm Nhạc Chí 10*, đàn Không hầu xuất xứ từ Tây Vực, lưu hành ở các nước Tây Lương, Qui Tư, Thiên Trúc, Sơ Lặc, An Quốc, Cao ly. Đàn Không hầu có nhiều loại như: Không hầu đứng, Không hầu nằm, Không hầu đầu phượng. Đàn Không hầu đứng có thân cong, mặt dài, có 23 dây, cũng có khi 22, 24, 25 dây. Khi sử dụng, đặt vào lòng, hai tay cùng khảy. Đàn Không hầu nằm thì có 7 dây, hình dáng như đàn Tỳ-bà. Đàn Không hầu đầu phượng giống như đàn Không hầu nằm nhưng có trang trí đầu chim phượng.

*Phẩm Phân Biệt Công Đức*, kinh *Pháp Hoa*, kinh *Đại Bát Nhã Ba-la-mật-đa*, kinh *Niết Bàn*, *phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên kinh Hoa Nghiêm* ... đều có nhắc đến tên của loại đàn này.

\* **Không tướng** : Tướng trạng các pháp đều không hoặc chỉ cho thể tướng chân không. Pháp do nhân duyên sinh không có tự tính, tức là tướng trạng của Không.

*Luận Đại Trí Độ 6*, ghi: “Pháp do nhân duyên sinh, gọi đó là Không tướng, cũng gọi là Giả danh, cũng nói là Trung đạo”. Còn theo *Bát Nhã*

*Tâm Kinh* do ngài Huyền Trang dịch thì Không tướng của các pháp là bất sinh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm. “Tính” và “Tướng” thường được xem là đồng nghĩa, cho nên Không tướng còn gọi là Không tính.

\* **Không Xứ Thiên** : Còn gọi: *Không Vô Biên Xứ* (Phạn: *Ākāśānantyāyatana*), *A-kiệt thiên thiên*, *Hư không tri thiên*, *Không tri thiên*, *Không Vô biên xứ địa*, *Không vô biên xứ thiên*, *Không xứ*. Đây là tầng trời thứ nhất trong 4 tầng trời cõi Vô Sắc, 1 trong 9 địa thuộc 3 cõi. Ở cõi này vì nhàm chán hình sắc cho nên không có Sắc uẩn, chỉ có 4 uẩn: Thọ, Tưởng, Hành và Thức hợp thành “Dị Thục Sinh”. Cõi Vô Sắc tuy không có xứ sở nhưng có quả báo sai khác nhau, cho nên tạm gọi là “Xứ”.

Theo *Luận Đại-tì-bà-sa 84*, ban đầu tu Không vô biên xứ định, trước phải tư duy các tướng hư không trên tường, trên cây, trên vách núi, trên nhà, sau khi đã được các tướng không ấy rồi, mới tạm thời giả tưởng thành trống giải, quán sát rõ ràng tướng Không Vô Biên. Vì trước tư duy tướng Không vô biên rồi mới tu gia hạnh, lần lượt đưa đến định Vô Sắc nên gọi là “Không Vô Biên Xứ”.

\* **Khổ hạnh** : Còn gọi: *Đầu đà hạnh*. Phạn: *Duskara-caryā*, *Tapas*. Hạnh chịu đựng những nỗi khó, chịu đựng, để đoạn trừ dục vọng của thân xác. Đức Thích Tôn khổ hạnh 6 năm, hằng ngày chỉ ăn mè, cuối cùng Ngài giác ngộ rằng: *Khổ hạnh không phải Thánh đạo, đâu được quả báo cõi trời, vẫn còn luân hồi, chưa được giải thoát. Vì vậy, Ngài chọn con đường Trung đạo*.

Trong *Phật Bản Sinh Đàm* và các kinh luận có nói đến khổ hạnh như bố thí vợ con, cõi nước hoặc khoét mắt cho người hoặc lóc thịt nuôi chim ưng, hoặc đem thân cho cọp ăn hoặc cắt đầu bỏ tử não .v.v... ấy là 6 hạnh Ba-la-mật thuộc về Thánh hạnh đại bi của Bồ Tát, khác với khổ hạnh vô ích của ngoại đạo.

\* **Khổ Khổ**: Âm theo Phạn là *Duhkha-dukhata*. Thân tâm của loài hữu tình xưa nay vốn đã khổ, lại thêm vào đó các duyên khổ như đói khát,

bệnh tật, gió mưa, nhọc nhằn, nóng rét, đao gậy .v.v...mà sinh ra cái khổ khác.

\* **Khổ Thọ (Khổ Thọ):** Âm theo Phạn là *Dukkha-vedana*. Khổ thọ là sự cảm nhận khổ não. Một trong 3 thọ, 1 trong 5 thọ. Thọ (thụ) nghĩa là lãnh nạp ngoại cảnh. Cảnh có 3 thứ: Thuận, nghịch, Chướng thuận chướng nghịch, nên thọ cũng có 3 thọ là lạc, khổ và xả. Thân tâm bị bức bách, lãnh nạp cảnh trái ý nên khởi cảm giác khổ não.

\* **Kiến Đạo Đạo:** xem **Tín Hành Đạo**.

\* **Kiến Đạo:** Âm theo Phạn là *Darsána-mārga*. Tên gọi khác là: *Kiến đế đạo, Kiến đế*. **Kiến đạo** là giai vị tu hành dùng trí vô lậu quán sát Tứ đế để thấy được chân lý. Một trong Tam đạo (Kiến đạo, Tu đạo, Vô học đạo). Giai đoạn từ Kiến đạo trở về trước là phàm phu, từ Kiến đạo trở về sau là bậc Thánh. Hành giả đã đạt được giai vị Kiến đạo, đối với sự tương cụ thể lại tiếp tục tu tập thì gọi là Tu đạo, cả hai gọi chung là Hữu học đạo. Đối lại là Vô học đạo, nghĩa là đã giác ngộ cùng tột, rốt ráo không còn gì để học.

Theo Tiểu thừa, tu Tam hiền, Tứ thiện căn (thất phương tiện), có thể phát sinh trí vô lậu rồi hướng đến Kiến đạo. Đại thừa cho rằng Sơ địa là vào Kiến đạo, nên gọi Bồ Tát Sơ địa là Kiến đạo, từ địa thứ 2 trở lên là Tu đạo, đến địa thứ 10 là quả vị Phật, mới có thể gọi là Vô học đạo. Còn Mật-giáo thì xem giai vị mới phát sinh tâm tịnh Bồ-đề là Kiến đạo. Bởi trí vô lậu phán đoán đạo lý rõ ràng, gọi là quyết trạch mà Kiến đạo là một phần của quyết trạch, cho nên gọi là Quyết trạch phần.

Ngoài ra, Kiến đạo, tức đã xa lìa sinh tử của Di sinh (phàm phu) và quyết định đến Niết Bàn, nên còn gọi là Chính tính ly sinh, Chính tính quyết định. Những phiền não do Kiến đạo trừ được gọi là Kiến hoặc, những phiền não do Tu đạo trừ được gọi là Tu hoặc.

\* **Kiến Hoặc và Tư Hoặc**, nói gộp là *Kiến Tư*. Từ khái quát chung chỉ phiền não trong Tam giới. *Kiến hoặc* là đem các loại vọng kiến, phân biệt tà vạy để đo lường đạo lý mà gây ra những sự mê hoặc xằng bậy như Ngã kiến, Biên kiến .v.v...

*Tư hoặc* là đem tình cảm mê chấp tham, sân, si mà suy nghĩ về các sự vật trong thế gian.

Nếu căn cứ vào pháp tướng Câu-xá Tiểu-thừa, chỉ dựa vào đặc điểm là mê chấp về lý, hay mê chấp về sự mà phân ra là *Kiến hoặc* hay *Tư hoặc*.

Nếu căn cứ vào pháp tướng Duy thức đại thừa thì chia ra *Phân biệt khởi* và *Câu sinh khởi* thì hai chương *phiền não* và *sở tri* thuộc về *phân biệt khởi* là *Kiến hoặc*; hai chương *phiền não* và *sở tri* thuộc về *Câu sinh khởi* là *Tư Hoặc*.

Hai thứ mê hoặc đó là nguyên nhân khiến chúng sinh phải chịu sanh tử trong ba cõi. Dứt bỏ hai hoặc đó mới tránh khỏi vòng sanh tử trong ba cõi. Sự dứt bỏ đó cũng phải có trước có sau: Trước hết phải dứt bỏ *Kiến hoặc*, sau mới dứt bỏ *Tư hoặc*. Ở vị trí dứt bỏ được *Kiến hoặc*, gọi là *Kiến đạo*; Ở vị trí dứt bỏ được *Tư hoặc*, gọi là *Tu đạo*; Ở vị trí dứt bỏ được hai hoặc đó, gọi là *Vô học đạo*.

\* **Kiết già** : Gọi đầy đủ: *Kiết già phu tọa*. Phạn: *Nyasidat-paryankam ābhujya*. Còn gọi: *Kiết già phu tọa*, *Già phu chính tọa*, *Già phu tọa*, *Già tọa*, *Kiết tọa*, *Dũng kiện tọa*.

- Tư thế ngồi xếp bằng, 2 chân chéo, 2 bàn chân ngửa ra đặt trên 2 đùi. Đây là cách ngồi an ổn nhất. Có 2 loại : Hàng ma tọa và Cát tường tọa.

1. *Hàng ma tọa*: Trước đặt bàn chân phải lên đùi trái, sau đó đặt bàn trái lên đùi phải, 2 lòng bàn chân ngửa ra, tay trái nằm trên tay phải. Tông Thiên Thai và Thiền tông .v.v... thường ngồi theo tư thế này.

2. *Cát tường tọa*: Trước đặt bàn chân trái lên đùi phải, sau đó đặt bàn chân phải lên đùi trái, tay phải nằm trên tay trái. Chân phải biểu thị cho Phật giới, chân trái biểu thị cho chúng sinh giới. Chân phải đặt trên chân trái biểu thị ý nghĩa Phật giới nhiếp lấy chúng sinh giới, chúng sinh giới qui về Phật giới, chúng sinh và Phật không hai.

Đây là tư thế ngồi của Đức Như Lai khi thành chính giác dưới cội Bồ đề. Mật giáo gọi cách ngồi này là Liên hoa tọa và thường sử dụng khi tu pháp Tăng ích hoặc Tức tai.

\* **Kiên-Đà**: Quỷ tà ác, mặt vàng và sắc vàng. Tuy vậy, cũng có một số biết tu trì, ủng hộ Phật pháp, thường hiện lại nghe Phật thuyết pháp, nghe pháp sư giảng kinh.

\* **Kiều Thi Ca**: Âm theo Phạn : *Kausika*; còn gọi: *Kiều-chi-ca*. Kiêu-thi-ca là tên khác của **Đế Thích**, vị trời đứng đầu cõi Đạo-Lợi (Tam thập tam thiên).

*Theo Luận Đại Trí Độ 56*, xưa kia trời Đế Thích là một vị Bà-la-môn ở nước Ma-già-đà, họ là Kiêu-thi-ca, tên là Ma-già. Bấy giờ, Kiêu-thi-ca và 32 người bạn cùng nhau tu phước đức trí huệ, khi mạng chung đều sanh lên cõi trời thứ hai trên đỉnh núi Tu-di mà Ma-già là Thiên chủ, còn 32 vị kia là phụng thần. Cõi này có 33 vị trời chủ quản nên gọi là Tam Thập Tam thiên.

\* **Kiều Trần Như** : Gọi tắt: **Kiều Trần**. Phạn: *Kaundinya*; Tên gọi khác: *A-nhã Kiêu-trần-như*, *A-nhã Câu-lân*, *Kiều-trần-na*, *A-nhã Kiêu-lân*, *Cư-lân*. Hán dịch: *Sơ Tri*, *Dĩ Tri*, *Liễu Giáo*, *Liễu Bản Tế*, *Tri Bản Tế*. Là 1 trong 5 vị đệ tử Tỳ kheo được Phật độ trong lần chuyển pháp luân đầu tiên.

*Theo Phẩm Đệ Tử*, kinh Tăng Nhất A-Hàm thì Kiêu-Trần-Như là một trong các vị đệ tử Thanh văn của Đức Phật, là người có lòng nhân và sự hiểu biết sâu rộng, có tài khuyến cáo khéo léo, dắt dìu Thánh chúng, không mất oai nghi, là người đầu tiên thụ pháp và tư duy Tứ Đế. *Theo Phật Bản Hạnh Tập Kinh 25*, khi thái tử Tất-Đạt-Đa mới xuất gia cầu đạo thì Ngài Kiêu-trần-như và 4 vị khác vâng lệnh vua Tịnh Phạn gấm gửi giúp đỡ Thái tử tu khổ hạnh, về sau thấy Thái tử bỏ lối tu khổ hạnh thì Ngài Kiêu-trần-như và 4 vị này bỏ đi, đến khi Đức Thích Tôn thành đạo thì các vị này mới được giáo hóa.

\* **Kim cương tòa (Tòa Kim cương)**: Còn gọi: *Kim cương tòa* (Phạn: *Vajrāsana*), *Kim cương tề*.

Tòa Đức Phật ngồi lúc thành đạo. Tòa này đặt dưới gốc Bồ đề ở phía Nam thành Già-da, nước Ma-kiệt-đà, trung Ấn Độ. Vì tòa này giống như kim cương bền chắc, không hư hoại, nên gọi là kim cương tòa.

Theo *Đại Đường Tây Vực Ký* 8, dưới cội Bồ đề có tòa Kim cương. Thuở xưa, khi Hiền kiếp mới thành, tòa này có đồng thời với quả đất, căn cứ vào Tam thiên Đại thiên thế giới thì tòa này dưới đến Kim luân, trên đến mặt đất, do kim cương tạo thành, chu vi hơn 100 bước, nghìn đức Phật trong Hiền kiếp ngồi trên tòa này mà nhập định Kim cương, nên gọi là tòa Kim cương. Theo *điều Kinh Hành Thiểu Bệnh trong Nam Hải Ký Qui Nội Pháp Truyện 3* do ngài Nghĩa Tịnh soạn vào đời Đường thì tòa Kim cương này, vào thời ngài Nghĩa Tịnh đã bị hư hoại, còn tòa Kim cương hiện nay là do người đời sau mô phỏng tạo thành.

\* **Kim Luân:** Âm theo Phạn: *Gakra-ratna*; còn gọi *Luân*, **Luân Bảo**; gọi đầy đủ là *Kim Luân Bảo*; Theo *Kinh Tạp A-Hàm 27, Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Tu Hành, Trường A-Hàm 6, Tinh Tạp Thí Dụ*; thì Kim Luân là vũ khí hình bánh xe bằng kim cương, là vật cầm tay của Chuyển Luân Thánh Vương. Theo truyền thuyết, Luân bảo chuyển động hướng về bên nào thì nơi ấy đều qui phục. Chuyển Luân Thánh Vương cầm Kim luân bảo gọi là Kim Luân Vương (gọi tắt là Kim Luân). Tay thứ 40 của Thiên thủ Quán Âm cầm Kim luân, gọi là Kim Luân thủ.

\* **Kim Thân :** Thân thể màu sắc như vàng ròng. Tức thân thể của Phật.



# L

\* **La** : Phạn: La. Còn gọi: Trà. Chữ cuối cùng trong 50 tự môn Tất-đàm, nhưng thiếu tự hình.

*Phẩm Văn Tự* , kinh *Đại Bát Niết Bàn*, ghi : “La” nghĩa là ma, vì vô lượng ác ma không thể phá hoại bí tạng của Như Lai, nên gọi là “La”. Ngoài ra, vì thị hiện tùy thuận thế gian mà có cha, mẹ, vợ, con, nên gọi là “la”. Chữ Mara, trong tiếng Phạn không có chữ la, nhưng trong kinh điển Phệ-đà thì lại sử dụng chữ la, có lúc biến hóa thành la. Chữ la này chính là do chữ ra (trong mara) chuyển thành.

\* **Là** : Theo *Phẩm Văn Tự* , kinh *Đại Bát Niết Bàn* thì “La” là Thanh văn thừa, biến chuyển không dừng, Đại thừa an ổn bất động, xả bỏ Thanh văn thừa, tinh tấn tu tập pháp Đại thừa vô thượng.

\* **Lạc kiến** : là sự nhận biết nhất định đối với một duyên cảnh tốt nào đó mà mắt nhìn thấy, làm cho thân tâm được vui vẻ. Lạc kiến của bậc Thánh là thuần thiện, chính kiến; Lạc kiến của phàm phu là tà kiến.

\* **Lạc xúc** : Đụng chạm với sự vui sướng, cảm xúc với sự khoái lạc. Trước hết là Lạc (vui sướng), kế đến là Nhơn duyên; có Nhơn duyên là có Lạc xúc; do có Lạc xúc sinh ra Lạc thọ.

\* **Lợi Tha**: Còn gọi: *Hóa tha*. Một trong hai lợi. Lợi tha là mang lại lợi ích cho người khác như Chư Phật và Bồ Tát giáo hóa chúng sinh, khiến họ xa lìa điều ác, hưởng về việc lành; còn Lợi kỷ thì chỉ lợi ích riêng cho bản thân mình.

\* **Luân Bảo**: Bảo vật *Kim Luân* của Chuyển Luân Thánh vương, xem **Kim Luân**.

\* **Lục Dục** : Sáu ham muốn của con người dấy lên đối với người khác giới tính. Đó là: Sắc dục, hình mạo dục, oai nghi dục, ngôn ngữ âm thanh dục, tế hoạt dục và nhân tướng dục.

Lục dục cũng là dục vọng do mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý sinh ra.

\* **Lục Thức (Sáu thức)** : Phạn: *Sadvijnāna*. Sáu thức: Nhân thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Khi 6 căn tiếp xúc 6 trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp thì phát sinh 6 nhận thức này.

Theo *A-tỳ-đạt-ma*, 6 thức này là tác dụng của tâm. Thể của nó là một tâm duy nhất, 6 thức không tác dụng đồng thời. Còn *tông Duy Thức của Đại thừa* thì ngoài 6 thức còn lập thêm 2 thức là Mạt-na thức và A-lại-da thức và cho rằng 2 thức này đều có thể tác dụng đồng thời.

\* **Lục Xúc**: Là 6 tác dụng do 6 căn, 6 cảnh và 6 thức hòa hợp mà sinh ra. Đó là: Nhân xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, và ý xúc.

1. *Nhãn xúc sinh ái* : Mắt tiếp xúc với những màu sắc, hình tướng xinh đẹp ở thế gian mà sinh ham thích không lìa bỏ.

2. *Nhĩ xúc sinh ái* : Tai tiếp xúc với mọi thứ âm thanh êm dịu ở thế gian mà sinh ham thích không lìa bỏ.

3. *Tỷ xúc sinh ái* : Mũi tiếp xúc với mọi thứ mùi hương ở thế gian mà sinh ham thích không lìa bỏ.

4. *Thiệt xúc sinh ái* : Lưỡi tiếp xúc với mọi thứ vị ngon ngọt ở thế gian như các thức ăn uống ngon quý mà sinh ham thích không lìa bỏ.

5. *Thân xúc sinh ái*: Thân xúc chạm với trơn láng mịn màng của thân người nam, người nữ hoặc các vật ở thế gian mà sinh ham thích không lìa bỏ.

6. *Ý xúc sinh ái*: Ý duyên tất cả các pháp ở thế gian như sắc, thanh, hương, vị, xúc mà sinh ham thích không lìa bỏ.

\* **Lưỡng Túc**: hay **Lưỡng Túc Tôn** (Thuật ngữ) là Tôn hiệu của đức Phật Thích-Ca.

Theo *Pháp hoa huyền tán* (q.3): “Phật là bậc tôn quý hơn cả trong ba loài (lưỡng túc, đa túc, vô túc). Nay gọi lưỡng túc tôn (tức là bậc tôn quý trong loài lưỡng túc). Trong ba loài đó, loài lưỡng túc tôn là tôn quý



hơn cả, vì nó có thể đi vào đạo, nên cũng gọi là nhân thiên loại. Phật thuộc loài Lương túc, nên gọi là Lương túc tôn”.

Theo *Pháp hoa gia trường số* (q.4): “Lương túc tôn, hoặc giả lấy giới và định làm lương túc, hoặc coi quyền và thực làm lương túc, hoặc coi phúc và tuệ làm lương túc. Đó đều là những túc của nội đức. Ngoài hình thì lấy thiên nhân làm lương túc vì Phật là bậc tôn quý túc trong loài thiên nhân lương túc”.

\* **Lý trí** : là Lý sở quán và Trí năng quán. Lý chân như và Trí huệ vô lậu tương ứng với nhau, gọi là Lý trí tương ứng. Trí năng quán cùng Lý sở quán thâm hợp, gọi là Lý Trí minh hiệp.

Theo Luận Câu-Xá 18, Trí có 2 loại: Sự trí là trí hữu lậu, Lý trí là Trí vô lậu.

- Ngoài ra, Lý trí còn có nghĩa là phương pháp khai thị đạo lý trong kinh luận để hướng dẫn người học trong Thiên môn. Phương pháp này giống như sự y cứ vào kinh giáo mà tu của Như Lai thiên .



# M

\* **Ma-Lâu-Ca:** Âm theo Phạn là *Mālikrā*; Còn gọi là *Ma-Ca*, *Ma-lỗ-ca*, *Ma-lợi-ca*.

Theo *Huyền Ứng Âm Nghĩa* 22; *Huệ Lâm Âm Nghĩa* 26 thì Ma-lâu-ca là một giống dây leo thường quấn quanh thân cây, dụ cho các dục như tham, nhuế trói buộc chúng sanh. *Luận Du-Già Sư Địa* 18 (*Đại* 30, 377 *thượng*) ghi: “Bị các dục như tham, nhuế, tầm, tứ trói buộc, giống dây leo Ma-lỗ-ca ở thế gian quấn quanh thân cây”.

*Du-Già Luận* kí 5 (*Đại* 42, 420 *hạ*) ghi: “Cho nên tham, nhuế, đều lấy nhuận ái làm cộng duyên, dùng tự chủng tử làm biệt duyên. Dây Ma-lỗ-ca là loại dây leo, dụ cho các dục”.

\* **Ma phiền não, Ma ngũ uẩn** : 2 trong Tứ Ma. Xem **Tứ Ma** (Phần Thích giảng-quyển 1).

\* **Ma quân** : Phạn: *Mara*. Hán âm: *Ma-la*. Còn gọi: *Ác ma*. Hán dịch: *Sát giả*, *Chướng ngại*.

Ma quân là quân lính của ác ma. Vì dùng quân dụ cho thế lực của các ma, nên gọi Ma quân.

Theo *Phật Bản Hạnh Tập Kinh* 25, ma quân của ma Ba-tuần có 12 loại: Tham dục, không hoan hỷ, đói khát lạnh nóng, ái trước, thích ngủ nghỉ, lo lắng sợ hãi, hồ nghi mê hoặc, giận dữ phẫn nộ, tranh danh đoạt lợi, ngu si không hiểu biết, tự khoe khoang cao ngạo và thường chê bai người khác. Đồng thời cho rằng tất cả phiền não là Ma quân.

*Luận Đại Trí Độ* 5 nêu lên 10 thứ Ma quân: Dục, lo buồn, đói khát, yêu thương, ngủ nghỉ, sợ sệt, nghi, chất chứa tâm độc hại, thích danh tiếng lợi dưỡng hư giả, tự cao khinh người, đó đều là các thứ phiền não dụ cho sức mạnh của Ma quân để nói về việc Bồ Tát phải hàng phục các ma ấy mà thành đạo.

\* **Mã Bảo (Mã Bửu):** Con ngựa là vật quý báu. Vật báu thứ 3 trong thất bảo của vị Chuyển Luân Thánh Vương. Con mã bảo ấy màu xanh da trời, lông sáng chói, còn lông đuôi nó màu vàng ròng.

*Theo Niết Bàn Kinh*, Thuở xưa, nhưn ngày rằm, vua Đỉnh Sanh (tiền thân của Phật Thích-Ca) tắm gội và ăn chay. Liên đó, con Mã bảo ấy hiện đến cho ngài. Cứ theo lời của những vị Tiên ngũ thông, nếu con ngựa màu xanh da trời, lông sáng chói và chùm lông đuôi màu vàng ròng hiện lại cho ngài nhưn ngày chay, đó là điềm chứng ngài sẽ làm vị Chuyển Luân Thánh Vương, cai trị cả bốn châu trong thiên hạ. Ngài thấp nhang, quỳ gối, nguyện rằng: “Nếu con Mã bảo màu xanh ấy là thật, nguyện cho nó cứ theo đường của mấy vị Chuyển Luân Thánh Vương thuở xưa mà chạy”.

Vua nguyện xong, con Mã bảo chạy khắp tám phương, cho tới bờ biển và trở về trong ngày. Vua Đỉnh Sanh lấy làm vui mừng, bèn nói rằng: “Chắc ta sẽ lên ngôi Chuyển Luân Thánh Vương”.

\* **Mạn:** Cây mình tài cao hơn mà khinh miệt người khác, là một trong 16 mê hoặc, được chia ra 9 mạn, 7 mạn.

1. *Cửu mạn:* Theo Luận Bà-Sa, q.199 và Luận Câu-Xá, q.19 nói có 9 điều kiêu mạn là: Ngã thắng mạn, Ngã đẳng mạn, Ngã liệt mạn, Hữu thắng ngã mạn, Hữu đẳng ngã mạn, Hữu liệt ngã mạn, Vô thắng ngã mạn, Vô đẳng ngã mạn và Vô liệt ngã mạn.

2. *Thất mạn:* Theo Câu-Xá Luận, q.19 nêu ra 7 loại mạn là: Mạn, Quá mạn, Mạn quá mạn, Ngã mạn, Tăng thượng mạn, Ti mạn và Tà mạn.

\* **Mạn-Đà-La hoa :** Mandàrava, Là tên một loài hoa, dịch là Viên Hoa, Bạch đoàn hoa, Thích ý hoa, duyệt ý hoa (thứ hoa thơm làm vừa ý, đẹp lòng), thuộc loại cỏ sống khoảng một năm, ngọn hương thẳng lên trời, cao độ bốn, năm thước ta (khoảng từ 1,2m đến 1,5m), lá hình trứng, thường có những vết khắc ngắn. Mùa hè nở hoa to màu tím, cánh hoa gộp lại to bằng cái đấu, xòe ra năm cánh. Quả thuộc loại liệt quả (quả khi chín, khô vỏ tự nứt ra làm đôi), mặt có nhiều gai, tính độc, Người ta thường lấy lá của nó trộn với thuốc lá để hút, có thể chữa bệnh ho, nhưng quá lượng có thể gây chết người. Theo sách *Bản Thảo*, hoa Mạn-đà-la

còn có tên là Phong-cà-nhi, Sơn-cà-tử mọc ở phương Bắc. *Kinh Pháp Hoa* nói rằng Khi Phật thuyết pháp, trời mưa xuống hoa Mạn-đà-la.

\* **Mạn-Thù-Sa**: Mānjūsaka, còn gọi là Mạn-thù-nhan, là tên một loài hoa, dịch là Xích đoàn hoa, Lam hoa, Nhu nhuyễn hoa. *Theo Quang Trạch Pháp Hoa* sớ (q.1): “Hoa Mạn-thù-sa dịch là Tiểu xích đoàn hoa, hoa Ma-la Mạn thù-sa dịch là Đại xích đoàn hoa”.

\* **Mạng (Mệnh)** : Phạn: *Jiva*. Mạng là đời sống, như từ khi mới sanh cho đến chết là mạng. Cũng có nghĩa là: thân, sống; cách sống đời hằng ngày của mỗi người, như : thánh mạng, tà mạng. Số mạng của mỗi người có dài, có ngắn, có sướng, có khổ là do Nghiệp của mình, chớ chẳng phải muốn mà được. Đó là thọ mạng, định mạng hay thiên mạng.  
- *Chánh pháp niệm kinh*: Cát một cảnh chùa chẳng bằng cứu một mạng.

\* **Mạng trước** : Phạn: *Āyu-kasāya*. Còn gọi: **Thọ trước**. Thọ mạng con người bị các uế trước rút ngắn ; một trong 5 trước. Vào đời Mạt pháp, do các ác nghiệp như phiền não, tà kiến, tăng trưởng mạnh mẽ nên tuổi thọ con người dần dần rút ngắn. Vì phiền não và tà kiến là bản thể của trước mà tuổi thọ bị rút ngắn là do 2 thứ này gây ra, nên gọi là Mạng trước.

\* **Mật Cơ** : Căn cơ có khả năng tu tập chân ngôn bí mật. *Kinh Thủ Lăng Nghiêm* 5, ghi: “Ẩn chứa mật cơ mong Phật chỉ dạy”.

\* **Mật hạnh** : Nghiêm cẩn giữ gìn tất cả các giới hạnh, tức là có khả năng giữ gìn đầy đủ 3000 oai nghi, tám muôn tế hạnh không thiếu sót.. Ngài La-Hầu-La do giữ gìn giới luật kiên cố đã trở thành người giữ mật hạnh thứ nhất trong hàng đệ tử Đức Phật. Đây là nghĩa mật hạnh của Tiểu thừa. Nhưng *tông Thiên Thai*, căn cứ theo nghĩa của *kinh Pháp Hoa* cho ngài La-Hầu-La vốn là Bồ Tát Pháp Thân, trụ trong giới vi diệu viên đốn, mà nay thị hiện thân Thanh Văn, giữ giới Tiểu thừa, ẩn kín (mật) giới hạnh vi diệu của Bản địa, cho nên gọi là mật hạnh.

\* **Môn** : “Môn” là từ ngữ dùng để phân biệt các danh mục về nghĩa lý, pháp tướng ... như : Bình đẳng môn và Sai biệt môn; Hữu môn, Không

môn, Diệc hữu diệc không môn, Phi hữu phi không môn; Thánh đạo môn và Tịnh độ môn.

- “Môn” trong *phẩm Thánh Hạnh, kinh Đại Bát Niết Bàn* nghĩa là Cửa. Sự giáo hóa của Phật giáo cốt là ứng hợp với đối tượng, tuy có nhiều sai biệt, nhưng đều là cửa dẫn người vào đạo Bồ-đề, nên gọi là pháp môn. Tông phái y cứ vào pháp môn mà lập tông chỉ, gọi là tông môn. Người thuộc tông môn ấy gọi là Môn đồ, Môn đệ, Môn đệ tử, Môn đệ tử ...

\* **Mục Kiền Liên** : Phạn: *Maudgalyāyana*. Còn gọi: *Ma-ha Mục Kiền Liên, Đại Mục Kiền Liên, Đại Mục-Liên, Mục liên, Mục-gia-lược, Vật-gia-la, Mục Kiền Liên diên, Mục-kiền-la-da-na, Một-đặc-gia-la, Mao-già-li-da-da-na, Câu-luật-đà (Kolita), Câu-luật, Câu-li-đa, Câu-li-ca, Câu-li-ca*. Hán dịch: *Thiên bảo*.

*Mục Kiền Liên* là vị A-la-hán, một đệ tử thần thông bậc nhất của đức Phật, người Câu-luật-đà ngoài thành Vương Xá, nước Ma-kiệt-đà thời cổ Ấn Độ, thuộc dòng Bà-la-môn.

Ngài có dung mạo đoan chính, từ nhỏ đã giao du rất thân mật với ngài Xá-Lợi-Phất và cùng là đệ tử của ngoại đạo San-xà-da (Sanjaya), mỗi vị thống lãnh 250 đồ chúng. Cả hai từng giao ước rằng, nếu người nào đắc ngộ giải thoát trước thì sẽ hướng dẫn cho bạn mình để cùng tinh tấn tu hành. Sau đó, ngài Xá-Lợi-Phất gặp được đệ tử Phật chỉ dạy, ngộ lý “*các pháp vô ngã*” nên về thuật lại cho ngài Mục-Liên, Ngài liền đem cả đệ tử đồng đến bái yết Đức Phật cầu xin được giáo hóa. Sau một tháng, ngài chứng quả A-la-hán, trở thành bậc Thượng thủ trong hàng đệ tử Phật, phụ giúp Đức Phật trong việc giáo hóa hoặc có lúc thay thế đức Phật thuyết pháp cho đại chúng nghe.

*Kinh Tạp A-Hàm 23, Trung A-hàm 48, kinh Ngưu Giác Ta-la-lâm, kinh Tăng Nhất A-Hàm 36, luận Đại Trí Độ 41*, gọi ngài Mục Kiền Liên là *Thần Túc đệ nhất*.

Theo *kinh Vu Lan Bồn*, ngài Mục Kiền Liên vì cứu mẹ thoát khỏi đường ngạ quỷ, nên vào rằm tháng 7, ngày chư tăng tự tứ, thiết trai cúng dường 10 phương Đại đức chúng tăng, đó là nguyên do của hội Vu Lan Bồn sau này.

Về già, khi đi khất thực trong thành Vương Xá, Ngài bị bọn Chấp Trưởng Phạm Chí, môn đồ Bà-la-môn giáo ganh ghét, dùng gạch đánh chết, Đức Phật cho xây tháp thờ ngài bên cổng Tịnh Xá Trúc Lâm. Ngoài

ra, trong viện Thích Ca thuộc *Hiện đồ Mạn-đồ-la Thai Tạng* giới của Mật giáo, ngài Mục Kiền Liên ngồi ở tòa thứ 4 hàng trên, bên phải của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, hình dáng Sa-môn, ngồi trên tòa hoa sen đỏ, tay phải nắm lại, duỗi ngón tay trở, tay trái cầm chéo y cà-sa, mặt hơi hướng về bên trái.



# N

\* **Na-La-Diên:** Nàràyana (trời). Tên vị lực sĩ ở Thượng Thiên, cũng có người nói là một tên khác của Phạm Thiên Vương. Theo *Gia tường Pháp hoa nghĩa sớ* (q.12): “Na-la (Nàrà) là người, diên (yana) là sinh bản (gốc của sự sống). Phạm vương là Tổ phụ của chúng sanh, cho nên gọi là sinh bản. Ngài Cưu-ma-la-thập (Kumàrajiva) nói: Thiên lực sĩ Na-la-diên chính trực, dũng mãnh”.

\* **Nga :** Xét theo Văn Tự, còn gọi: *Già, Ngát, Ngã, Ngưỡng, Hất, Càn, Kiệt, Kiên bá.*

Chữ “ga”, 1 trong 42 hoặc 50 chữ Tất-đàm. *Phẩm Thích Tự Mẫu, kinh Du-Già Kim Cương Đảnh*, ghi : “Chữ Nga, nghĩa là tất cả các pháp hành bất khả đắc”.

\* **Ngã tưởng:** Cái tư tưởng quấy của người suy xét rằng mình có cái thật ngã, tư tưởng nhìn nhận có ta. Theo *Niết Bàn kinh* (q.2), Tại sao nói rằng người có ngã tưởng? Vì người ấy kiêu mạn, cống cao, trôi giạt và quanh lộn theo dòng sanh tử ...

Này chư Tỳ kheo! Ở trong pháp Khổ mà sanh ra cái Lạc tưởng, ở chốn Vô thường mà sanh ra cái Thường tưởng, ở nơi Vô ngã mà sanh ra cái Ngã tưởng, ở chỗ Bất tịnh mà sanh ra cái Tịnh tưởng. Hàng thế gian vẫn có 4 cái tư tưởng: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh đó.

\* **Nghi :** Phạn: *Vickitsã*. Tâm nghi ngờ, do dự không quyết định dứt khoát được đối với chân lý của Phật giáo, 1 trong 75 pháp Câu-xá, 1 trong 100 pháp của Duy Thức. *Tông Câu-xá* cho rằng Nghi thuộc về Bất định pháp, là 1 trong 6 Tùy miên, 1 trong 10 Tùy miên. *Tông Duy Thức* thì cho Nghi là 1 trong các căn bản phiền não. *Tông Tịnh Độ* thì cho Nghi và Tín đối lập nhau, nên cần phải trừ bỏ lòng nghi để phát lòng tin.

Theo *Dị Bộ Tông Luân Luận Thuật Ký*, Nghi có 2 loại:

**1. Mê lý:** Đối với các lý, tâm vẫn còn hoài nghi. Đến quả A-la-hán mới dứt trừ được tâm này.

**2. Mê sự:** Đối với mọi sự vật, tâm do dự, không quyết định, như ban đêm nhìn thấy cây, nghi là người hoặc không phải là người. Bậc A-la-hán chưa thể dứt trừ, nhưng hàng Độc giác thì đã đoạn được.

\* **Nghi chấp** : Chấp giữ tâm nghi hoặc; đến giai vị Kiến đạo mới dứt được tâm này.

*Khởi Tín Luận Sơ Bút Tước Ký 1*, ghi: “Tác dụng của luận này, có năng lực phá trừ nghi chấp, phát khởi niềm tin chân chính”.

\* **Nghi Hoặc** : Nghi và Hoặc. Nghi (Phạn: *Vicikitsā*), chỉ tâm do dự không thể quyết định. Hoặc, tức là lầm lẫn mà phán đoán trái ngược.

\* **Nghiệp báo** : Còn gọi: **Nghiệp quả**. Quả báo của nghiệp, tức quả báo khổ vui do nghiệp nhân thiện, ác của thân, khẩu, ý chiêu cảm.

Theo *Luận Thành Thật 7*, Nghiệp báo có 3 loại: Thiện, Bất thiện và Vô ký. Nghiệp Thiện thì được quả báo tốt đẹp; nghiệp Bất thiện thì cảm quả báo không tốt đẹp; nghiệp Vô ký thì không chiêu cảm quả báo.

*Phẩm Tam Thụ Nghiệp Báo, Luận Thành Thật 8*, ghi : “Tạo nghiệp thiện thì được quả báo an vui, tạo nghiệp bất thiện thì chịu quả báo khổ, nghiệp bất động được quả báo không khổ không vui”.

Trong nghiệp báo, nghiệp quyết định con người giàu nghèo, sống lâu chết yểu và vận mệnh, gọi là “*Mãn nghiệp*”. Nghiệp quyết định tính cách chung và điều kiện sinh hoạt chung của con người gọi là “*Dẫn nghiệp*”. Tướng chung của các quả báo như thụ sinh làm người, làm súc vật gọi là “*Tổng báo*”. Dù cùng thụ sinh làm người nhưng có sự khác nhau về giàu nghèo, trí ngu, tốt xấu gọi là “*Biệt báo*”. Chủ thể quả báo, tức thân và tâm của hữu tình là “*Chính báo*”; cõi nước và các vật thụ dụng là chỗ nương gá của hữu tình, nên gọi là “*Y báo*”. Cõi nước, núi sông còn là quả báo của nhiều người cùng thụ dụng, do *cộng nghiệp* cùng chiêu cảm, cho nên gọi là “*Cộng báo*”. Do nghiệp mà có quả báo, đó là lẽ tất nhiên thì gọi là “*Nghiệp quả pháp nhiên*”.

\* **Nghiệp đạo** : Phạn: *Karma-mārga*. *Nghiệp đạo* là nơi mà nghiệp tác dụng hoặc chỉ cho con đường chung về quả báo khổ vui của hữu tình



chúng sinh. Nghiệp đạo thường được chia ra 2 loại: Thập thiện nghiệp đạo và Thập ác nghiệp đạo.

*Tham, sân, si* bản thân nó tức là nghiệp nhưng từ tham sinh ra sân, do sân sinh ra si, trước có thể chuyển thành sau hoặc xoay vần mà làm thành con đường chung cho luân hồi lục đạo, nên cũng gọi là Nghiệp đạo. Luận điểm này đã dùng 2 ý nghĩa là sở hành và năng thông để giải thích Nghiệp đạo. Nhưng Nghiệp đạo hoàn thành trải qua 3 giai đoạn: *Gia hạnh* (hành vi dự bị), *Căn bản* (hành vi hoàn thành), *Hậu khởi* (hành vi tùy thuộc sau khi hoàn thành). Trong đó, Căn bản tức là Căn bản nghiệp đạo.

\* **Nghiệp lực** : Năng lực của nghiệp. Tất cả quả khổ, vui đều do nghiệp lực dẫn phát.

*Hữu Bộ Tì-nại-da 46*, ghi : “Nghiệp lực không nghĩ bàn, dù cách xa nhưng vẫn kéo lôi được. Khi quả báo chín muồi, muốn trốn cũng khó thoát”.

\* **Nghiệp tướng** : Phạn: *Karmajātilaksana*. Còn gọi: *Nghiệp thức, Nghiệp tướng thức*.

Căn bản thức lưu chuyển của loài hữu tình, tức là tướng nương vào sự mê lầm của căn bản vô minh mà khởi động bản tâm.

Theo *Đại Thừa Khởi Tín Luận Nghĩa Ký, trung, phần cuối*, Nghiệp thức tướng đương với phần tự thể trong thức A-lại-da.

*Luận Đại Thừa Khởi Tín*, ghi : “Nghiệp thức, nghĩa là do sức tác động của vô minh bất giác mà tâm động”.

\* **Nghĩa thú** : Chỗ quy thú của nghĩa lý, ý thú, ý vị của nghĩa lý.

\* **Nghịch hành** : Hành động trái nghịch. Như Phật, Bồ Tát có kế thuật hay, hành tà đạo hoặc giới phạm để giáo hóa chúng sinh, giả đò làm những việc lầm lỗi để có cơ mà khuyên dạy người đời.

\* **Ngoạ cụ** : Phạn: *Sayanāsana*. Hán âm: *Thế-da-na-tát-nãm*. Còn gọi: **Phu cụ**. *Ngoạ cụ* là các vật dùng cho ngủ nghỉ như: Giường chõng, mền nệm, màn mùng, gối ... Theo sự qui định của *Luật Tỳ Phàn 7*, Tăng ni

không được dùng tơ tằm, lông dê để may ngọa cụ, nhưng ở vùng biên giới xa xôi thì được dùng da dê non. Dùng qua 6 năm thì mới được đổi ngọa cụ mới, nếu trái thì phạm tội *Xả đạo*. *Điều Y Phục Sở Tu, Nam hải Ký Qui Truyện 2*, ghi : “Có 2 cách làm nệm hoặc may thành cái túi, dồn lông vào trong hoặc dệt bằng tơ, gọi là loại cù du. Bề rộng 2 khủy tay, bề dài 4 khủy tay, dày mỏng tùy theo thời tiết, không được tự mình xin, người khác cho thì không tội”.

\* **Ngọa thiên**: Đi vào thiên định với thế nằm nghiêng bên phải, khi đức Phật thị tịch Niết Bàn.

\* **Ngọc nữ** (hay *Nữ bảo*): là Hoàng hậu của vua Chuyển Luân Thánh Vương. Ấy là người phụ nữ đẹp đẽ nhất, quý báu nhất trong hàng phụ nữ, làm bạn với vua Chuyển Luân Thánh Vương. Nơon vật quý thứ 4 trong Thất bảo của vị Chuyển Luân Thánh Vương.

*Theo Niết bàn Kinh*, Thuở xưa, có vị vua Chuyển Luân Thánh Vương tên là Đỉnh Sanh ra đời. Ngài là tiền thân của đức Phật Thích-Ca. Lần lượt, ngài đã được : Luân bảo, Tượng bảo, Mã bảo. Chẳng bao lâu hiện đến cho ngài báu thứ 4 là Nữ bảo, hình dung đoan chính, chẳng cao chẳng thấp, chẳng trắng chẳng đen. Từ những lỗ chân lông nơi chân Bà, xông ra mùi thơm như hương Chiên Đàn. Miệng bà bay hơi thơm phức, dường như mùi hương hoa sen xanh. Mắt bà ngó xa, trông thấy đến một do tuần, tai nghe và mũi ngửi cũng như vậy. Lưỡi bà dài rộng, le ra phủ cả mặt, lưỡi ấy mịn và mỏng, dường như lá đồng đỏ. Tâm bà thông minh, có trí huệ hiểu sâu xa. Đối với chúng sanh, bà nói ra lời êm dịu. Bà lấy tay sờ tới áo vua, liền biết rằng vua đang yên vui hay bệnh hoạn, bà cũng biết lòng vua đang bận nghĩ việc gì.

Nhơn đó, vua Đỉnh Sanh phán rằng: “Nếu nàng biết rõ lòng ta, hẳn nàng là Nữ bảo”.

\* **Ngộ đạo** : Còn gọi: *Đắc đạo*. Liễu ngộ tâm tính, triệt ngộ đại đạo. Ngộ đạo là mục đích hướng đến của các tông phái, nhưng từ ngữ Ngộ đạo, Thiên tông dùng để chỉ việc đắc pháp khai ngộ và gọi đó là *Kiến tánh ngộ đạo*.

\* **Ngu si**: Âm theo Phạn là *Moha, Mūḍha*; Tên gọi khác là: *Si, Vô minh*.

*Theo Luận Câu-Xá 4; Luận Thuận Chính Lý 11* thì Ngu si là ngu tối mê hoặc, gặp sự vật không thể phán đoán chính xác, 1 trong 5 căn bản phiền não, 1 trong 3 độc (tham, sân, si).

\* **Ngũ Ấm Thạnh Khổ**: Nổi khổ vì 5 ấm (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) hưng thịnh. Còn gọi là Ngũ thịnh ấm khổ, Ngũ âm xí thịnh khổ, Ngũ uẩn xí thịnh khổ. Là 1 trong 8 nổi khổ của chúng sinh. Thịnh (thạnh) ở đây có 2 nghĩa: Một là nói về khổ thì mỗi người đều có đủ 5 ấm mà bao nổi khổ đều rất thịnh (thạnh), nên gọi là thịnh. Hai là 5 ấm ví như những thứ đồ chín, chứa đựng mọi nổi khổ, nên gọi là thịnh (vì chữ thịnh có hai nghĩa là thịnh vượng và chứa đựng).

\* **Ngũ cái** : Phạn: *Pāṅca-āvaranāni*. Năm thứ phiền não che lấp tâm tính, làm cho pháp lành không phát sinh được. Đó là:

1. *Tham dục cái* (Phạn: *Rāga āvarana*): Sự tham trước cảnh ngũ dục không biết nhàm chán, làm che lấp tâm tính.

2. *Sân nhuế cái* (Phạn: *Pratigha āvarana*): Lòng giận dữ khởi lên khi đối với cảnh trái ý, làm che lấp tâm tính.

3. *Hôn miên cái* (Phạn: *Styāna middha āvarana*; Còn gọi: *Thùy miên cái*): Hôn trầm và mê ngủ, làm cho tâm tính không sao tích cực hoạt động được.

4. *Trạo cử ố tác cái* (Phạn: *Anuddhatya Kaukrtya āvarana*; Còn gọi: *Trạo hý cái, Điều hí cái, Trạo hối cái*): Sự xao động (trạo) của tâm hoặc lo buồn đối với những việc đã làm (hối) đều che lấp tâm tính.

5. *Nghi cái* (Phạn: *Vicikitrā āvarana*): Đối với giáo pháp thì tâm do dự không quyết định, nhân đó mà che lấp tâm tính.

Các phiền não đều có nghĩa là cái, nhưng 5 thứ này hay làm chướng ngại 5 uẩn vô lậu. Trong đó, tham dục và giận dữ làm chướng ngại giới uẩn; hôn trầm và thùy miên làm che lấp huệ uẩn, trạo cử ố tác làm chướng ngại định uẩn; nghi là nghi lý Tứ đế.

\* **Ngũ Chi giới** : Năm “Sự giới” được chia ra từ nhất lý *Đại Niết Bàn tâm*. Đó là: *Căn bản nghiệp thanh tịnh giới, Tiền hậu quyền thuộc dư*

*thanh tịnh giới, Phi chư ác giác giác thanh tịnh giới, Hộ trì chính niệm niệm thanh tịnh giới và Hồi hướng A-nậu-đa-la tam-bô-đề giới.*

Năm “sự giới” này được nói trong *phẩm Thánh Hạnh, kinh Đại Bát Niết Bàn. Niết Bàn Nghĩa Ký 5* của ngài Tịnh Ảnh giải thích như sau:

1. *Căn bản nghiệp thanh tịnh*: Là các bất thiện nghiệp đạo căn bản.
2. *Tiền hậu quyến thuộc dư thanh tịnh*: Là phương tiện trước sau của nghiệp đạo ấy.
3. *Phi chư ác giác giác thanh tịnh*: Là 8 giác ác.
4. *Hộ trì chính niệm niệm thanh tịnh*: Tu 6 niệm tâm, giúp thành tựu giới hạnh.
5. *Hồi hướng A-nậu-đa-la tam-bô-đề*: Trì giới để mong cầu Phật quả.

\* **Ngũ đế (Năm đế)**: tức là năm thứ chân lý. Theo Luận Du-Già Sư Địa 46, thì Ngũ đế gồm: *Nhân, quả, trí, cảnh và Thắng*. Theo Luận Hiển Dương Thánh Giáo 8, thì Ngũ đế gồm: *Nhân, quả, năng tri, sở tri và chí*, tương ứng với *tập, khổ, diệt, đạo* và **chân như**, tức là chỉ cho bản thể chân lý cùng tốt của Phật giáo.

\* **Ngũ tân** : Phạn: *Parivyaya*. Còn gọi: *Ngũ huân*. Ngũ tân là năm loại rau có vị cay nồng.

Theo kinh *Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm 8* ghi, 5 thứ cay nồng nếu ăn chín thì sinh tâm dâm, ăn sống thì tăng thêm tâm sân hận, nên những người cầu giác ngộ không được ăn 5 thứ rau này. Về ngũ tân có nhiều thuyết khác nhau, nhưng có thể rút gọn thành 2 thuyết:

1. Theo kinh *Phạm Võng hạ*, 5 thứ cay nồng là: Hành, hẹ, nén, tỏi, hưng cừ.
2. Theo *Bồ Tát Giới Nghĩa Sớ hạ*, 5 thứ cay nồng là: Tỏi, hành, nén, hẹ và kiệu.

\* **Ngũ trần** : Còn gọi: Ngũ cảnh (Phạn: *Pancarathah*), Ngũ diệu dục cảnh. Ngũ trần là năm đối cảnh khách quan mà 5 căn chấp lấy, cũng là 5 cảnh giới mà 5 thức duyên theo, tức: Sắc cảnh, thanh cảnh, hương cảnh, vị cảnh và xúc cảnh. Nếu thêm pháp cảnh là đối tượng của ý căn thì thành 6 cảnh. Vì 5 cảnh khiến người sinh phiền não, nhiễm ô tâm tính,

giống như bụi bặm nên gọi 5 trần; vì tâm tham đắm mà khởi chấp trước, lầm cho là cảnh tịnh diệu, nên gọi là Ngũ diệu dục cảnh.

\* **Nhã** : Còn gọi: Nhưõng, Nương, Nhạ. Chử (jna), 1 trong 42 chử Tất-đàm. Quán nhập tự môn này biểu thị các pháp trí bất khả đắc. Kinh Hoa Nghiêm 76, ghi : “Lúc xương chử Nhưõng thì đã vào cửa Bát-nhã Ba-la-mật, là môn trí huệ thế gian”.

\* **Nhãn căn** : Phạn: *Caksur-indriya*. Hán âm: *Chước sô*. Gọi tắt: *Nhãn*. *Nhãn căn* là con mắt, chỗ nương của nhãn thức, có thể thấy đươc các cảnh sắc không bị ngăn ngại, là 1 trong 5 căn hay 6 căn, 1 trong 12 xứ, 1 trong 18 giới. Thông thường gọi *nhãn căn* là chỉ cho mắt, nhưng theo các *kinh, luận* như *Đại Tì-bà-sa* thì *nhãn căn* đươc chia làm 2 loại: *Phù trần căn* (mắt thịt) và *Thắng nghĩa căn* (thần kinh).

\* **Nhập** : Là tiến vào cảnh giới nào đó; Là căn cứ của tâm hoặc chỗ khởi đầu hay tác dụng của tâm; Là sự hiểu biết sự vật; Là khế chứng chân lý.

Nhập nêu trong *phẩm Thánh Hạnh, kinh Đại Bát Niết Bàn* nghĩa là Thập nhị nhập hay còn gọi là Thập Nhị Xứ (Phạn: *Āyatana*), là chỗ căn và cảnh tiếp xúc nhau sinh ra thức. Xem **Thập Nhị Xứ**.

\* **Nhiếp hộ** : Từ đồng nghĩa với Nhiếp thủ. Xem **Nhiếp thủ** (Thích giảng-quyển 1).

\* **Nhiếp thọ** : Từ đồng nghĩa với Nhiếp thủ. Xem **Nhiếp thủ** (Thích giảng-quyển 1).

\* **Nhị quả**: *Skrđàgàmin*. Có hai nghĩa:

1. Quả thứ hai, chỉ quả thứ hai trong bốn quả Tiểu thừa, tức là quả Nhất lai, theo âm tiếng Phạn là *Tư-Đà-Hàm*;

2. Hai quả: chỉ Tập khí quả và Báo quả. Tập khí quả là quả thiện ác mà đời nay cảm thụ do tập khí thiện hay ác đã tu tập từ đời trước. Tập khí quả là Đẳng lưu quả. Báo quả là quả khổ lạc của đời nay cảm thụ

dựa vào cái nhân thiện ác trong đời trước. Báo quả là Di thực quả (*Luận A-Ti-Đàm-q.1*)

\* **Nhị Thập Ngũ Tam Muội (Hai mươi lăm tam muội):** Còn gọi Tam muội chi vương.

Hai mươi lăm thứ Tam muội dùng để phá 25 Hữu của 3 cõi, Đó là:

1. Dùng tam muội Vô Cấu phá Địa ngục hữu .
2. Dùng tam muội Bất Thoái phá Súc sinh hữu.
3. Dùng tam muội Tâm Lạc phá Ngạ quỷ hữu.
4. Dùng tam muội Hoan Hỷ phá A-tu-la hữu.
5. Dùng tam muội Nhật Quang phá Đông Phất-bà-đề hữu.
6. Dùng tam muội Nguyệt Quang phá Tây Cù-đà-ni hữu.
7. Dùng tam muội Nhiệt Viêm phá Bắc Uất-đơn-việt hữu.
8. Dùng tam muội Như Huyền phá Nam Diêm-phù-đề hữu.
9. Dùng tam muội Bất Động phá Tứ thiên xứ hữu.
10. Dùng tam muội Nan Phục phá Tam thập tam thiên xứ hữu.
11. Dùng tam muội Duyệt Ý phá Diêm-ma thiên hữu.
12. Dùng tam muội Thanh Sắc phá Đâu-suất thiên hữu.
13. Dùng tam muội Hoàng Sắc phá Hóa Lạc thiên hữu.
14. Dùng tam muội Xích Sắc phá Tha Hóa Tự Tại thiên hữu.
15. Dùng tam muội Bạch Sắc phá Sơ thiên hữu.
16. Dùng các thứ tam muội để phá Đại Phạm thiên hữu.
17. Dùng Song tam muội phá Nhị thiên hữu.
18. Dùng tam muội Lôi Âm phá Tam thiên hữu.
19. Dùng tam muội Chú Võ phá Tứ thiên hữu.
20. Dùng tam muội Như Hư Không phá Vô tưởng hữu.
21. Dùng tam muội Chiếu cảnh phá Tịnh Cư A-na-hàm hữu.
22. Dùng tam muội Vô Ngại phá Không xứ hữu.
23. Dùng Thường tam muội phá Thức xứ hữu.
24. Dùng Lạc tam muội phá Bất dụng xứ hữu.
25. Dùng Ngã tam muội phá Phi tưởng phi phi tưởng xứ hữu.

\* **Nhị Thiên thiên (Cõi trời Nhị Thiên) :** Còn gọi: Nhị tinh lục. Là Cõi trời của người tu thành tựu Nhị thiên sinh lên, là tầng trời thứ 2 trong cõi Sắc. Tầng này lại phân làm 3 cõi trời là: *Trời Thiểu Quang, trời Vô*

*Lượng Quang* và *trời Quang Âm*. Người ở cõi trời Nhị thiên tuy lìa tâm sở tầm, tứ của Sơ thiên, có thể tránh khỏi đại hỏa tai của kiếp mạng, nhưng vì còn niệm hỷ, lạc, nên không tránh được đại thủy tai của kiếp mạng (theo *Luận Câu-Xá 12*).

\* **Nhơn sinh (Nhơn sanh)**: Tân dịch: **Nhân sinh**. Tức người sinh ra ở đời, hoặc chỉ sinh mạng của con người. *Kinh Bát-nê-hoàn, thượng*, ghi: “Người sinh ra ở đời, không ai không có khổ”.

\* **Như huyễn Tam muội** : Tam muội thông đạt lý tất cả các pháp như huyễn, cũng chỉ cho tam muội biến hiện ra các sự vật như huyễn. Tam muội này giống như việc biến hiện ra nam, nữ, binh lính ... của huyễn sư, đều được như ý, không bị trở ngại.

Bồ Tát trụ trong tam muội này, tuy dùng sự biến hóa vô ngại của tam muội như huyễn để hóa độ các chúng sinh, nhưng cũng biết rõ lý tất cả các pháp như huyễn nên Bồ Tát chẳng chấp trước việc hóa độ chúng sinh mà hóa dụng tự tại. Ngoài ra, tam muội như huyễn còn là 1 trong 25 tam muội, dùng để phá Nam Diêm-phù-đề hữu trong 25 hữu (Nhị thập ngũ hữu).

\* **Như Lai hạnh**: hay còn gọi là Nhất tâm ngũ hạnh, Bất thứ đệ hạnh, Viên ngũ hạnh; Trong một tâm đầy đủ cả công đức 5 hạnh do Tông Thiên Thai chủ trương. Ngũ hạnh gồm: Thánh hạnh, Phạm hạnh, Anh Nhi hạnh, Bệnh hạnh và Thiên hạnh. Nếu phối hợp 5 hạnh này với tam đế tam muội thì:

- Thánh hạnh tức Chân đế tam muội.
- Phạm hạnh, Anh Nhi hạnh, Bệnh hạnh là Tục đế tam muội.
- Thiên hạnh tức là Trung đạo vương tam muội.

Vì ngay tâm tính cũng tức không, tức giả, tức trung và đầy đủ 5 hạnh, không sót một hạnh nào, nên gọi là Nhất tâm ngũ hạnh. Đây là nguyên lý Tính tu bất nhị, Nhân quả viên dung: Một tức năm, năm tức một, bất tức bất ly, không thể nghĩ bàn được.

\* **Nhứt thiết Bất động Tam muội** : Chính quán bao hàm rộng rãi tất cả tướng các pháp, đạt tối trạng thái tâm không dao động, là một trong

những tam muội do quán Ngũ ấm sinh ra, được ghi trong kinh Đạt-ma-đa-la Thiên, hạ. Do quán sát pháp tướng 5 ấm đầy đủ mà được tăng thêm sự nhàm chán và được tinh tấn dũng mãnh, không dao động. Trong đó, pháp quán để được tâm không dao động tức là Bất động Tam muội.

✱ **Niệm Giác Phận:** Phạn âm: *Smṛti-bambodhyanga*. Tên gọi khác là: *Niệm giác chi, Niệm giác ý, Niệm đẳng giác chi*. Đây là giai đoạn tu tập mà hành giả phải ghi nhớ rõ các giáo pháp như *Tam học (Tăng Giới học, Tăng Tâm (Định) học, Tăng Huệ học), Tứ Thánh Đế, Bát Chính Đạo* trong quá trình tu chứng của một hành giả Phật giáo.

Trong giai đoạn này, tâm của hành giả thường lấy “niệm” làm thể tính. Thường chính niệm chính tri, biết rõ sự bất tịnh, khổ, vô thường, vô ngã của thân, thọ, tâm, pháp.

✱ **Niệm Phật:** Phạn âm : *BuddhānuSmṛti*. Tâm nghĩ nhớ pháp thân Phật hoặc quán tưởng thân tướng Phật, quán niệm công đức của Phật hay miệng xưng danh hiệu Phật. Tiểu thừa thì niệm Phật Thích-Ca Mâu-Ni; Đại thừa thì có vô số Phật, nên danh hiệu Đức Phật được niệm cũng nhiều như: Phật A-Súc (Asobyā), Phật Dược Sư, Phật Di-Lặc, Đại Nhật Như Lai ... Nhưng thường niệm nhất là danh hiệu Phật A-Di-Đà.

Trong Kinh A-Di-Đà bản tiếng Phạn, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng cũng là niệm Phật, đầu tiên vốn là chữ *Buddhamanasikara*, sau diễn là chữ *Buddhanusmṛti*, chữ trước có nghĩa là tác ý (khởi tâm), chữ sau nghĩa là nhớ nghĩ.

✱ **Niệm Phật Tam muội (Niệm Phật Chơn Như Tam Muội) :** Còn gọi: *Niệm danh hiệu Phật Tam muội*. Tam muội lấy niệm Phật làm nội dung quán tưởng, cũng là một loại tam muội quán niệm công đức của chư Phật hoặc xưng niệm danh hiệu chư Phật. *Niệm Phật Tam muội* có 2 loại:

1. *Nhân hành niệm Phật Tam muội:* Có 3 thứ là quán tưởng hảo của Phật, quán thật tướng pháp thân và xưng danh niệm Phật.



2. *Quả thành niệm Phật Tam muội*: Ba loại nhân hành đã nói trên được thành tựu.

*Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật*, ghi : “Quán thân tướng sáng rõ của Phật Vô Lượng Thọ (...) tướng sáng của Ngài cùng hóa Phật không thể nói hết. Chỉ nên nhớ nghĩ, khiến tâm thấy rõ. Người thấy việc này, tức thấy mười phương chư Phật, do thấy được chư Phật nên gọi là *Niệm Phật Tam muội*”.

Theo *Luận Đại Trí Độ 7*, *Niệm Phật Tam muội* có thể tiêu trừ hết mọi thứ phiền não và các tội đời trước. Về tướng trạng và công năng của Tam muội tuy có nhiều thuyết khác nhau đều gọi chung là *Niệm Phật Tam muội*, nhưng chư Phật có 3 đời 10 phương khác nhau thì pháp thân, báo thân và ứng thân riêng biệt, nên quán Phật niệm Phật và xưng danh hiệu Phật khác nhau.

\* **Nữ Bảo** : Còn gọi: *Bảo nữ, Ngọc nữ, Ngọc nữ bảo*. Là một trong 7 thứ báu của Chuyển Luân Thánh Vương. Chuyển Luân Thánh Vương thành tựu 7 báu, đầy đủ 4 đức, thống nhất 4 châu quang núi Tu-Di, lấy vương pháp mà trị đời.

Ngọc nữ bảo trong thất bảo khi thành tựu thì bỗng nhiên hiện ra, với diện mạo đoan trang xinh đẹp, ngôn ngữ ôn hòa, dáng điệu an tường, dịu dàng, các lỗ chân lông trên mình tỏa ngát hương Chiên đàn.



# O

\* **Oai đức** : Phạn: *Tedjas*. Oai đức là Oai thế và Đức hạnh (phước đức). Có Oai thì hàng phục người tà, việc ác ; có Đức thì hộ trợ người chánh, việc thiện . Có Oai thì chúng kinh sợ, có Đức thì chúng yêu mến. Như Oai đức của Phật, của Bồ Tát, của Minh vương.

\* **Oai thần** : Phạn: *Anubhava*. *Oai thần* là thế lực hoặc phẩm vị, chỉ cho phẩm cách của Phật, Bồ Tát dứt hẳn niệmlự của phàm tục, là bậc đức hạnh mà trí của phàm phu không thể nào đo lường, không thể nào suy nghĩ, nói năng đến được. *Oai* là oai đức, sự biểu hiện bên ngoài làm cho người kinh sợ; *thần* là thần lực, niệmlự bên trong khó thể suy lường. Như đức Phật, dung mạo Ngài trang nghiêm đẹp đẽ, giống như mặt trăng ở giữa các ngôi sao, quang minh rực rỡ sáng chói như núi vàng, đáng gọi là tướng hảo đầy đủ, oai thần vòi vọi.

\* **Oán Tắng Hội Khổ**: Phạn ngữ là *Apriya-samprayoga-duhkha*; còn gọi Phi ái hội khổ, Oán tắng ố khổ, Bất tương ái tương phùng hội khổ.

Oán tắng hội khổ là sự khổ não mà chúng sinh phải chịu khi gặp gỡ người mình không ưa thích, một trong 8 khổ, một trong 5 khổ.

Theo *Đại thừa Nghĩa Chương 3*, Oán tắng hội khổ có 2 loại nội và ngoại, Nội Oán tắng hội khổ là quả báo trong 3 đường ác, Ngoại Oán tắng hội khổ là các duyên như dao, gậy ...

\* **Oán tặc** : Giặc nghịch oán thù. Nhân vật hoặc sự việc có thể hại mạng mình, cướp đoạt tiền của mình, gọi chung là oán tặc.



# Ô

\* Ô (*Xét theo Văn Tự*) : là từ đồng nghĩa với chữ “Ưu” âm dài. Ô còn gọi: Ưu, Ồ, Âu.

Chữ “Ô” trong 12 nguyên âm của chữ Tất-đàm, 1 trong 50 mẫu tự Tất-đàm. *Phẩm Văn Tự, kinh Đại Bát Niết Bàn* giải thích chữ “Ô” nghĩa là sự chứa đựng phiền não, hữu lậu làm cho người đánh mất thiện căn, trí huệ yếu kém.



# P

\* **Pha lê** : Phạn: *Sphatika*. Hán dịch: *Thủy ngọc, Bạch châu, Thủy tinh*. Còn gọi: *Pha ly, Phả lê, Phả chi, Phả-trá-ca, Phá-trí-ca, Tác-phả-chi-ca, Ta-ba-trí-ca, Tắc-phả-trí-ca, Tốt-pha-trí-ca*.

*Pha lê* là một loại ngọc trong suốt, có nhiều màu: tím, trắng, hồng, xanh. Trong đó, loại màu hồng và xanh là quý nhất. Đây là 1 trong 7 thứ vật chất quý giá.

Theo *Tăng Quảng Bản Thảo Cương Mục 8*, Pha lê lóng lánh như nước, cứng chắc như ngọc, nên gọi là Thủy ngọc.

Theo *Luận Đại Trí Độ 10*, Pha lê là những tảng băng trong hang núi, trải qua nghìn năm hóa thành. Nhưng *Huyền Ký Âm Nghĩa 20* thì cho rằng xứ Tây Vực nóng bức, nước rất kiềm, cho nên Pha lê không thể từ băng hóa thành, chỉ là một loại đá thôi.

\* **Phan duyên** : Phạn: *Ālambana*. Tâm dính mắc cảnh sở duyên. Phàm phu khởi các vọng tưởng, tâm vọng duyên các pháp. Trong thì kết thành các phiền não, ngoài thì sinh nhiều tật bệnh. Đây đều là do các dụng của tâm phan duyên đưa đến.

\* **Pháo** (Xét theo Văn Tự) : Còn gọi: Áo. “Pháo” là chữ Tất-đàm, 1 trong 12 nguyên âm của mẫu tự Tất-đàm, 1 trong 50 chữ cái. *Phẩm Văn Tự, kinh Đại Bát Niết Bàn* giải thích: “Pháo” là nghĩa Đại thừa, là nghĩa rốt ráo trong 14 âm. Các kinh điển Đại thừa cũng như vậy, rốt ráo nhất trong các kinh luận, nên gọi là Pháo. “Pháo” là chữ cuối cùng trong các mẫu tự, là nghĩa cứu cánh, nên dùng chữ “Pháo” dụ cho kinh điển Đại thừa là cứu cánh nhất.

\* **Pháp Cú**: Kinh từng câu, gom góp những tư tưởng, những cách ngôn rút ở tạng kinh. Pháp cú dịch ra Hán văn hồi thế kỷ thứ 3 dương lịch, bởi Duy-Đề-Nan (Vighna), một nhà cao tăng người Thiên-Trước, sang Tàu dịch Kinh tại thành Kiến-Nghiệp.

\* **Pháp Độ** : Còn gọi: *Pháp tính độ, Pháp thân độ, Pháp tính tịnh độ*. Cõi pháp tính mà pháp thân nương trụ, cũng tức là cõi sở y của Phật thân. Thể của Pháp tính độ và Pháp tính thân tức là Chân như, chỉ lấy pháp thể sở chứng làm Pháp tính độ, lấy giác tướng năng chứng làm Pháp tính thân, chẳng phải ngoài Pháp tính thân riêng có Pháp tính độ.

\* **Pháp Hành Đạo**: *xem Tín Hành Đạo*.

\* **Pháp Nhẫn** : Cam chịu cảnh trái nghịch mà trong tâm không sinh khởi sân hận, một trong Nhị nhẫn, Tam nhẫn, Lục nhẫn, Thập nhẫn. *Đại Thừa Nghĩa Chương 11*, ghi: “An trụ trong thật tướng các pháp gọi là Nhẫn”. Pháp nhẫn được chia làm 2 loại: Khổ pháp nhẫn và Đạo pháp nhẫn. “Khổ pháp nhẫn” là chỉ cho sự tin nhận lý khổ đế của cõi Dục khi còn ở giai vị Kiến đạo. “Đạo pháp nhẫn” là chỉ cho sự tin nhận Đạo đế của cõi Dục ở giai vị Kiến đạo. Hàng Bồ tát Đại thừa ở giai vị Kiến đạo của Sơ địa tin nhận lý Vô sinh, nên gọi là *Vô sinh pháp nhẫn*.

\* **Pháp Phục** : từ đồng nghĩa của *Pháp Y*. Xem **Pháp Y** (Phần Thích Giảng-quyển 1).

\* **Pháp Tà** : đảo từ. Xem **Tà pháp**.

\* **Pháp Vũ** : Mưa pháp. Phật giáo dùng mưa để dụ cho giáo pháp của Phật. Giáo pháp của Đức Phật thấm nhuần chúng sinh, cũng như trời mưa xuống làm cho cây cỏ tốt tươi và nở hoa.

Kinh Niết Bàn, ghi: “Mưa pháp vô thượng, tưới xuống ruộng tâm của ông, làm nảy mầm pháp”

\* **Phàm tục** : Còn gọi: *Thế giới, Thế tục, Thế gian* (Phạn: *Laukika*). Gọi tắt: *Thế*.

Ba cõi bị phiền não trói buộc và tất cả hiện tượng thuộc về các pháp hữu vi hữu lậu.

*Luận Phật Tính 2*, nêu “Thế” có 3 nghĩa: Đối trị, Không dừng trụ, Kiến chấp điên đảo.

Về phân loại thế gian:

- *Luận Câu-Xá* 8, nêu 2 loại: Hữu tình thế gian, Khí thế gian.
- *Luận Đại Trí Độ* 70, nêu 3 loại: Chúng sinh thế gian, Ngũ ấm thế gian, Quốc độ thế gian.
- *Hoa Nghiêm Kinh Không Mục Chương* 3, nêu 3 loại: Khí thế gian, Chúng sinh thế gian, Trí chính giác thế gian.

\* **Phạm** (Xét theo Văn Tự) : Còn gọi: *Bà, Bà, Ma, Pha, Phôn, Phạm, Phi hà*. Chữ (bha) của mẫu tự Tất-đàm, là 1 trong 42, hoặc 1 trong 50 chữ cái, thuộc âm môi thứ 4 trong 5 loại âm. Nghĩa của nó lược nêu như sau:

*Kinh Đại Phẩm Bát Nhã* 5, *luận Đại Trí Độ* 48, dịch Bà nghĩa là Phá hoại là do chuyển dịch từ chữ *Bhanga* (Hán âm: Bà-già).

*Kinh Niết Bàn, Phẩm Văn Tự* dịch nghĩa Bà (Phạm) là mang công, mang vác là do chuyển dịch từ chữ *Bharam*.

\* **Phân-Đà-Lợi**: Còn gọi: *Phân-đà-lị-ca, Phân-đồ-lị-ca, Bôn-đồ-lị-ca, Phân-đồ-lị-hoa*. Đó là hoa sen trắng đang xòe nở. Sen ở Tây-trúc có bốn loại xanh, vàng, đỏ, trắng; Hơn nữa, lại tùy theo ba thời: chưa xòe, xòe nở, tàn rụng mà có tên gọi khác nhau (Liên hoa bộ nói kỹ về điều này). *Phân-đà-lị* là hoa sen trắng đang xòe nở. Thêm nữa, hoa này rất lớn, có tới mấy trăm cánh, cho nên còn gọi là Bách diệp hoa (hoa trăm cánh). Hoa sen trong *kinh Diệu Pháp Liên Hoa* chính là hoa sen trắng này. Lại nữa, hoa này phần nhiều mọc ở ao A-Nậu-Đạt, trong nhân gian không có, cho nên gọi là Nhân trung hảo hoa, Hi Hữu hoa (hoa hiếm có) . Đức Thích-Ca Như Lai khen những người niệm Phật, bảo đó là hoa Phân-Đà-lợi trong cõi người. *Kinh Quán Vô Lượng Thọ*: “Nếu ai niệm Phật thì phải biết rằng người đó chính là hoa Phân-đà-lị trong cõi người”.

\* **Phất-Bà-Đề Châu**; Gọi đầy đủ: *Phất-bà Tì-đề-ha châu*; tiếng Phạn là *Videha*; Còn gọi: *Tì-đề-ha châu, Đông Tì-đề-ha châu, Bô-lợi-bà Tì-đề-ha châu, Phất-tì-đề-ha châu, Phất-vu-đãi châu*; Hán dịch: *Đông thắng thân châu, Đông chủng chủng thân châu, Đông chủng chủng dự châu, Tiên li thể châu*.

*Theo Luận Lập Thế A-Tì-Đàm* 6; *Luận Du-Già Sư Địa* 1, hạ; *Điều Đông Thắng Thân Châu, Huệ Lâm Âm Nghĩa* 41; *Huyền Ứng Âm Nghĩa* 23 thì Phất-Bà-Đề Châu là Châu nằm trong biển nước mặn ở phía Đông

núi Tu-Di; vì thân người ở châu này xinh đẹp nên gọi là Thân Thắng. *Phẩm Diêm-Phù-Đề Châu, Kinh Trường A-Hàm 18 (Đại 1, 115 trung)* ghi: “Ở phía đông núi Tu-Di có một châu tên là Phát-vu-đãi. Châu này hình tròn, chu vi 9000 do-tuần. Mặt người ở đây cũng tròn, giống như địa hình của châu này”. Nhưng *Luận Câu-Xá 11, Luận A-Tì-Đạt-Ma Hiển Tông 16* ... thì cho rằng địa hình châu Tì-đề-ha có hình bán nguyệt, phía Đông hẹp, phía Tây rộng; phía Đông chỉ dài 350 du-thiện-na, còn 3 chiều Tây, Nam, Bắc đều dài đến 2000 du-thiện-na. Khuôn mặt người dân cõi này cũng có hình bán nguyệt, thân cao 8 khuỷu tay, sống lâu 250 tuổi, nhưng cũng có người bị chết yếu.

\* **Phật môn** : Còn gọi: *Thích môn, Pháp môn, Truy môn, Huyền môn, Chân môn, Đạo môn, Không Môn, Đế môn, Tổ môn, Tông môn.*

- Phật môn là ngưỡng cửa của Phật giáo, tức pháp môn tu hành Phật đạo.

Theo *Tam Luận Huyền Nghĩa*, mục đích tạo luận của Bồ Tát là vì mở bày giáo môn của chư Phật. Giáo môn này là ý của Pháp môn. Đời sau, từ Phật môn chủ yếu là lời tự xưng của Phật giáo đối với Đạo giáo và Nho giáo. Người tín ngưỡng Phật giáo gọi là đệ tử Phật môn. Là bỏ việc đời mà tu hành Phật đạo thì gọi là nhập Phật môn.

\* **Phật tử** : Phạn: *Buddha-putra*. Nghĩa được diễn giải theo các kinh như sau:

1/. Theo *Phẩm Phương Tiện, Kinh Pháp Hoa 1; Kinh Phạm Võng, hạ* thì Phật tử là người tin thuận theo giáo pháp và thừa kế gia nghiệp của Phật, tức người muốn thành Phật và làm cho hạt giống Phật không dứt mất. Theo Đại thừa, Phật tử tức là chỉ cho Bồ Tát.

2/. Theo *Kinh Bồ Tát Anh Lạc Bản Nghiệp, thượng* thì Phật tử là tín đồ Phật giáo thụ giới Bồ Tát Đại thừa.

3/. Theo *Pháp Hoa Văn Cú 9* thì tất cả chúng sinh. Chúng sinh thuận theo Phật, sự nhớ nghĩ chúng sinh của Phật cũng giống như cha mẹ đối với con cái; vả lại, chúng sinh cũng có thể thành Phật cho nên gọi chúng sinh là Phật tử.

\* **Phiền ba**: chỉ về *phiền não* gây ra bởi tam độc: Tham, Sân, Si làm cho tâm lo buồn vọng động, thân xao xuyến, bất an làm *huân tập phiền não*

và khiến cho thân, khẩu, ý của chúng sanh làm việc bậy bạ, gây tội lỗi, tạo nên *phiền não chướng* mà chịu đau khổ về sau và cản trở đường đạo của hành giả .

\* **Phiền não chướng** : Phạn: *Klésāvarana*. Còn gọi: **Hoặc chướng**. Phiền não làm nhiễu loạn thân tâm chúng sinh, chướng ngại đạo Bồ đề nên không thể chứng được Niết-bàn, một trong 2 chướng hoặc 3 chướng.

Theo *Luận Câu-Xá 17, 25* Phiền não chướng luôn luôn hiện hành làm không thể phát sinh ra huệ vô lậu, không được huệ giải thoát. Phiền não chướng lấy nhiễm ô vô tri làm thể. Giải thoát chướng lấy Bất nhiễm ô vô tri làm thể.

Theo *Luận Thành Duy Thức 9*, Phiền não chướng lấy ngã chấp làm căn bản. Sở tri chướng lấy Pháp chấp làm căn bản. Phiền não chướng là động cơ chính ngăn ngại con đường Niết-bàn, còn Sở tri chướng là động cơ phụ để trợ giúp, cho nên nếu chỉ có một mình Sở tri chướng thì không đủ sức làm chướng ngại Niết-bàn. Do Phiền não chướng làm trợ duyên, có thể thụ thân Phần đoạn sinh tử. Do Sở tri chướng thụ thân Biến dịch sinh tử, cho nên hàng Nhị thừa lấy quả vị đoạn trừ phiền não chướng làm cứu cánh. Nhưng hàng Bồ Tát thì lấy đoạn trừ cả 2 chướng để đạt được quả vị Phật.

\* **Phong đại** : Còn gọi: **Phong giới**. Phạn: *Vāyu-dhātu*. Phong đại là gió, một trong 4 nguyên tố tạo thành vật chất. Giới bao hàm các nghĩa tự tính, năng trì, sai biệt. Gió có khả năng giữ gìn tự tính, tạo ra sắc và không thay đổi cho nên gọi là Phong giới. Gió lấy sự chuyển động làm tính, lấy khả năng khiến cho các vật tăng trưởng làm nghiệp.

\* **Phong Tai**: Một trong ba tai nạn lớn cuối đệ tam kỳ Hoại kiếp trong một đại kiếp (kết hợp của bốn trung kiếp: Thành, Trụ, Hoại, Không là đại kiếp), tai nạn gió nổi lên quét hết thế giới, dưới từ địa ngục Vô gián, trên đến cõi trời Đệ Tam Thiên thuộc Sắc giới; Đây là tai họa lớn nhất trong tam tai.

\* **Phù Sinh**: còn gọi Ưu thế, Phù thế; tức thế gian đổi dời không cố định, đầy dẫy đau khổ lo buồn, hàm ý nghĩa thế gian vô thường. *Kinh Cự Lược*



*Trường Giả Sở Vấn Đại Thừa, thượng (đại 14, 830 thượng)* ghi: “Cõi đời thay đổi (Phù thế) không bền chắc, như cảnh trong mộng”.

\* **Phương minh** : Gọi đầy đủ: Y phương minh. Xem **Y minh** (Thích giảng-quyển 1).

\* **Phước (Phúc)**: Phạn: Punya. Còn gọi: Công đức, Phước đức. Phước là những hành vi dẫn sanh sự an lạc thế gian hay xuất thế gian. Kinh A-Hàm chia các hạnh làm 2 loại là Xuất thế gian phạm hạnh (Thanh tịnh hạnh) và Phước đức hữu lậu thế gian , phước đức chỉ cho các việc làm như bố thí ... là việc tu hành của hàng tại gia làm nhân cho quả báo sinh về cõi trời.

*Kinh Quán Vô Lượng Thọ* xem nhân tố tu hành để sinh về Tịnh Độ là Định thiện và Tấn thiện. Tấn thiện lại chia làm 3 thứ Phước. Tức là căn cứ theo sự quan hệ giữa 3 quán sau cùng của Thập Lục Quán và 9 phẩm Vô lượng sinh mà gọi là Nhị thiện Tam phước, Tam phước Cửu phẩm. Tam phước là:

1. *Thế phước*: Đạo đức thế gian.
2. *Giới phước*: Giới luật do đức Phật chế định.
3. *Hành phước*: Căn lành tự độ và độ tha của hàng Đại thừa.

\* **Phước báu** : Quả báu phước lợi, vì mình đã làm việc công đức. Như nhờ phước báu mà sanh lên cõi Tiên, hoặc sanh lên trong hạng người sang trọng, giàu có.



# Q

\* **Quá hoạn**: Nói theo tình hữu thì Quá hoạn là các phiền não do 3 thứ tham, sân, si gây ra đau khổ cho chúng sanh. Tâm lo buồn vọng động, thân xao xuyến, bất an. (xem **phiền não**).

\* **Quán manh** : Tức là quán sát sự việc một cách mù mờ, trí huệ soi xét không thấu đáo, tu hành không đúng chánh pháp.

\* **Quả báo** : Phạn: *Vipāka*. Còn gọi: **Dị thực**, *Quả thực*, *Báo quả*, *Ứng quả*, *Dị thực quả*.

- Quả báo là kết quả do nghiệp nhân trong quá khứ chiêu cảm. Có 2 loại:

1. **Tổng báo**: Quả báo do *Dẫn nghiệp* (Tổng báo nghiệp mà có), như người ta sinh ra là do dẫn nghiệp đời trước.

2. **Biệt báo**: Quả báo cá biệt của mỗi người là do *Mãn nghiệp* (Biệt báo nghiệp) mà có, còn gọi là Mãn quả, như cùng sinh làm người mà có: Nam, nữ, nghèo, giàu ... khác nhau.

Căn cứ vào thời gian thì có quả báo 3 thời của nghiệp 3 thời:

1. **Thuận hiện báo**: Đời này tạo nghiệp, quả báo báo ứng ngay.

2. **Thuận sinh báo**: Đời này tạo nghiệp, quả báo báo ứng ở đời sau.

3. **Thuận hậu báo**: Đời này tạo nghiệp, quả báo báo ứng ở đời sau nữa.

Trong 6 đường thì trời, người là quả báo do giữ 5 giới, tu 10 nghiệp thiện mà được, nên gọi là Quả thiện nhưng quả thiện này vẫn còn phiền não mê vọng, cho nên còn gọi là Điên đảo thiện quả. Hơn nữa, ý nghĩa của Quả và Báo cũng có sai khác. Quả đẳng lưu do nhân cùng loại sinh ra gọi là Quả; Quả dị thực do nhân khác loại sinh ra gọi là Báo.

Theo *Pháp Hoa Kinh Huyền Nghĩa 2, thượng*; Quả của tập là Quả, quả của Báo là báo. Phiền não đời sau gọi là Tập quả, đau đớn nhận lấy gọi là Báo quả; cho nên nghèo, giàu, khổ, vui đều là Quả báo.

\* **Quả vị** : Còn gọi: *Quả địa, Quả cực*. Đối lại: *Nhân vị, Nhân địa, Nhân cực*. Từ Nhân vị tu hành mà chứng cực vị của quả mãn Diệu giác.

*Kinh Lăng nghiêm 4, ghi* : “Phải nên quán xét nhân địa phát tâm và Quả địa giác ngộ là giống mà cũng khác”.

\* **Quần** : nghĩa là đoàn, bầy, các. Chỉ số đông, số nhiều đối với sự vật, hiện tượng như : người, vật, ma ... Đồng nghĩa: Chư, Chúng, Chúng sanh.

\* **Quốc độ** : Phạn: *Ksetra*. Hán dịch: *Sát-đa-la*. Gọi tắt: *Sát*. **Quốc độ** là đất đai, lãnh vực hay chỗ ở của chúng sinh. Quốc độ có Tịnh độ và Uế độ khác nhau.

\* **Quyến thuộc** : Phạn: *Parivāra*. Quyến thuộc là những người thân cận, thuận theo. Quyến là thân ái; Thuộc là lệ thuộc.

Theo *Luận Đại Trí Độ 33*, Đức Phật có Đại quyến thuộc và Nội quyến thuộc; Nội quyến thuộc là chỉ cho những người như: Xa-nặc, Cù-tì-da, 5 người phục vụ lúc Ngài tu khổ hạnh, ngài A-Nan ... lúc Ngài đắc đạo. Đại quyến thuộc chỉ các vị Thánh như : Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên và các vị Bồ Tát như : Di-lặc, Vân-thù-sư-lợi ...

Ngài Thiện Đạo chia quyến thuộc của Đức Phật làm 2 loại: Tại gia và Xuất gia. Đức Phật có 4 người chú bác tại gia gọi là Ngoại quyến thuộc; đệ tử Phật là người xuất gia gọi là Nội quyến thuộc. Nhưng nếu theo nghĩa rộng thì người theo đạo thọ giáo đều là quyến thuộc của Phật. Lại nữa, tâm sở và 4 tướng phụng theo trí huệ thanh tịnh vô lậu mà khởi,

cũng gọi là quyển thuộc. *Luận Tạng Pali* chia làm 5 phần, trong đó, phần cuối cùng cũng gọi là Quyển thuộc, tức là phần bổ túc của Luật tạng.

\* **Quyết định** : Phạn: *Niscaya*. Còn gọi: *Nhất định*. Gọi tắt: *Định*. Đối lại: *Bất định*.

- *Quyết định* là nhất định không thay đổi. Theo *Đại Thừa Trang Nghiêm Kinh Luận 12*, Tu hành 6 Ba-la-mật thì được 6 quyết định: Bố thí được Tài thành quyết định, Trì giới được Sinh thắng quyết định, Nhẫn nhục được Bất thoái quyết định, Tinh tấn được Tu tập quyết định, Thiền định được Định nghiệp quyết định, Trí huệ được vô công dụng quyết định.

\* **Quỷ** : Phạn: *Preta*. Quỷ là loài quái vật có hình tướng đáng sợ, làm não hại người, là một trong 5 đường, một trong 6 đường. Theo *kinh điển Phật giáo Đại thừa*, nạn quỷ là do Chư Thiên sai khiến và thường bị khổ đối kháng. Ngoài ra, còn có Tệ quỷ, Hữu oai đức quỷ, Vô oai đức quỷ, Đa tài nạn quỷ, Vô tài nạn quỷ ... đều trụ ở cõi Diêm-ma.

Ở Ấn Độ, thời Cổ đại, người chết rồi nếu không được cúng dường thì bị coi là quỷ. *Nga Quỷ Sự Kinh* (Phạn: *Petavatthu*) là 1 kinh của *Tiểu Bộ Kinh* trong *Đại Tạng Kinh* thuộc hệ Nam Truyền ghi: A-bàng, La-sát, Sơn tinh, Tạp mị ... đều là quỷ thần. Ngoài ra, tinh linh hung bạo, ngục tốt trong địa ngục cũng thuộc về loại quỷ.

Theo *Luận Câu-Xá 8*, Quỷ có 2 loại: Thai sinh và Hóa sinh. *Luận A-tì-đạt-ma Thuận Chính Lý 31* có nêu 9 loại quỷ là: Cực khẩu quỷ, Châm khẩu quỷ, Xú khẩu quỷ, Châm mao quỷ, Xú mao quỷ, Anh quỷ, Hi tứ quỷ, Hi khí quỷ và Đại thế quỷ.



# S

\* **Sa** : Còn gọi : Sát, Sái. Sát là cắt đứt sự liên tục của mạng sống.

Theo *Đại Nhật Kinh Sớ 10*, Sát tức là cắt đứt tất cả mạng căn của chúng sinh. Nhưng theo Mật giáo, mạng căn chính là các thứ phiền não vô thủy vô minh, đoạn trừ vô minh phiền não gọi là Sát.

*Phẩm Văn Tự*, kinh *Đại Bát Niết Bàn* gọi “Sa” là lia tam độc: tham, sân, si.

\* **Sân** : Phạn: *Pratigha, Dvesa*. Còn gọi: *Sân nhuế, Sân nộ, Nhuế, Nộ*. Hán âm: *Đề-bi-sa*.

Sân là tâm nóng giận, 1 trong 8 Bất định địa pháp thuộc tông Câu-Xá, 1 trong 10 món Căn bản phiền não của tông Duy Thức.

Theo *Luận Câu-Xá 16, Luận Thành Duy Thức 6*, sự nổi giận, ghét bỏ đối với những ai đi ngược lại tình cảm của mình khiến thân tâm không an ổn, gọi là sân. Các Tùy phiền não như phẫn, hận, nộ, tật, hại ... đều lấy 1 phần của Sân làm gốc. Đó là 1 trong 6 phiền não căn bản. Vì tâm sở này không có tính chất suy xét tìm hiểu, tác dụng của nó lại trì độn, nên nó là 1 trong 5 độn sử. Sân cùng với tham, si gọi là Tam độc, cũng là 1 trong Thập ác, Ngũ cái.

Sân là loại phiền não chỉ hoạt động ở cõi Dục, không có ở cõi Sắc và Vô Sắc.

- Tâm sở Tham nổi lên từ sự ham thích đối với cảnh; ngược lại Sân nổi lên là do không ưa thích nghịch cảnh. Tâm Sân gây tác hại rất lớn, cản trở đường tu học Phật pháp, nên kinh, luận thường nhắc phải đề phòng.

*Luận Đại Trí Độ 14*, ghi : “Cái hại của Sân sâu nặng nhất trong 3 độc, trong 98 sử thì Sân bền chặt nhất; trong các thứ bệnh của tâm thì Sân khó trị nhất”.

\* **Sắc ái** : Là lòng trù mến đối với Sắc. Tức là ưa thích các vật chất, như: nhà cửa, ruộng vườn, của cải, đồ vật, cùng là trù mến vợ, con, kẻ nam, người nữ. Do cái Sắc ái, người ta sanh ra phiền não và khổ sở.

*Niết Bàn Kinh, quyển 34*: Phật nói với Bạt-Ba Tỳ kheo rằng: “Này Bạt-Ba ! Nếu vị Tỳ kheo nào nhìn xét cái Sắc đã qua, cái Sắc sẽ tới cùng cái Sắc hiện tại, cái Sắc ở xa, cái Sắc ở gần, cái Sắc thô kịch, cái Sắc mềm mịn, nhìn xét các món Sắc ấy mà nhận cho rằng chúng nó là Vô ngã, và Vô ngã sở, thì vị Tỳ kheo ấy có thể đoạn trừ lòng Sắc ái.”

\* **Sắc cứu cánh thiên**: *xem Hữu Đảnh Thiên*.

\* **Sắc pháp**: Phạn âm: *Rūpa-dharma*. Sự vật có chất ngại, tức là có chiếm một khoảng không gian nhất định, có tính chướng ngại lẫn nhau và tính biến hoại.

Tất cả pháp được chia làm 5 vị: *Sắc pháp, Tâm pháp, Tâm sở pháp, Tâm bất tương ưng hành pháp* và *Vô vi pháp*. Trong đó, Sắc pháp ở trong Ngũ uẩn thì gọi Sắc uẩn, Tâm pháp gọi là Thức uẩn. Trong 5 vị 75 pháp của Tiểu thừa và 5 vị 100 pháp của Đại thừa đều chia Sắc pháp ra làm 3 loại 11 thứ:

**1. Năm căn**: *Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân*.

**2. Năm cảnh**: *Sắc, thanh, hương, vị, xúc*.

**3. Vô biểu sắc**.

Trong 5 vị 75 pháp, Sắc pháp ở trước Tâm pháp, vì nó có năng lực dẫn khởi các pháp nhiễm tham dục, ái lạc ... bị coi là đối tượng rất quan trọng cần đối trị.

- Nhưng trong 5 vị 100 pháp, Sắc pháp ở sau Tâm pháp và Tâm sở pháp, vì nó chẳng thể độc lập sinh khởi, chỉ là sự biến hiện của Tâm, Tâm sở.

\* **Sắc trần:** là đối cảnh của nhãn căn, nhãn thức, một trong 5 trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc), một trong sáu trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp).

Sắc này làm ô nhiễm tâm thức, khiến sinh khởi phiền não giống như bụi bám làm mờ tấm gương nên gọi là trần.

\* **Si** : Phạn: *Moha, Mūḍha*. Từ đồng nghĩa: *Vô minh, Vô trí*. Ngu si, là trạng thái tâm ngu muội vô trí, không rõ sự lý, tên của 1 tâm sở. *Tông Câu-Xá* cho đó là 1 trong các đại phiền não địa pháp, *tông Duy Thức* thì cho đó là 1 trong các tâm sở phiền não, là 1 trong 3 bất thiện căn, là 1 trong 6 phiền não căn bản, 1 trong 10 tùy miên.

Theo *Luận Du-Già Sư Địa* 86, Si có các tên gọi khác nhau như : *Vô trí, Vô kiến, Phi hiện quán, Hôn muội, Ngu si, Vô minh, Hắc ám ...* Theo *Luận Du-Già Sư Địa* 55, trong các Tùy phiền não thì *Phú, Cuống, Siểm, Hôn trầm, Vọng niệm, Tán loạn, Bất chính tri ...* đều lấy một phần của Si làm thể.

Theo *luận Thành Duy Thức* 6, sự sinh khởi của các phiền não đều do Si, cho nên Si chắc chắn tương ứng với 9 phiền não căn bản.

\* **Siêu thoát** : Vượt ra và thoát khỏi.

1. Tự mình có đủ công đức và trí huệ mà siêu thoát.
2. Nhờ vào sức trợ trợ của cha mẹ bà con, sức từ bi phổ độ và giáo hóa của chư Phật, Bồ Tát.
3. Nhờ vào sức mình và sức người, sức của ta và của Phật. Siêu thoát có 2 cảnh, thấp và cao:

*Thấp* là siêu thoát khỏi Tam đồ, sanh lên làm người, làm Tiên.

*Cao* là siêu thoát khỏi Tam giới, Lục đạo, tự giải thoát khỏi các sự mê lầm, luyến ái mà thành Đạo, nhập Niết Bàn.

\* **Siễm khúc:** (Âm theo Phạn : *Vanka, Kuhana*) dịch: lừa dối, quanh co để thuận theo ý người.

- Phẩm Phương Tiện, *Kinh Pháp Hoa* (Đại 9, 8 trung) ghi: “Ngã mạn tự kiêu căng, siễm khúc tâm không thật”. Đối với các việc không chấp trước gọi là vô siễm khúc.

- *Luận KimThất Thập*, thượng (đại 54, 1251 thượng) ghi: “Ni-dạ-ma cũng có 5 giới: Không sát sinh, không trộm cắp, Nói lời chân thật, giữ phạm hạnh, không siễm khúc”.

\* **Sinh Tử** : Cựu dịch: **Sanh tử**. Phạn: *Samsara, Jatimarana*. Hán âm: *Thiện-ma-mạt-thích-nam, Xà-đế-mạt-thích-nam*. Còn gọi: *Luân hồi*. Đối lại: *Niết Bàn*.

Sinh tử là Sinh và Tử. Việc phân loại sinh tử, tùy theo tính chất mà có nhiều thuyết khác nhau.

**1/. Hai thuyết sinh tử:** Theo *Luận Thành Duy Thức 8*, Sinh tử có 2 thứ :

- *Phần đoạn sinh tử:* Lấy nghiệp thiện ác hữu lậu làm nhân, phiền não chướng làm duyên, sẽ thụ thô báo trong 3 cõi, do sự dài ngắn của thọ mạng, dáng lớn nhỏ của nhục thân mà quả báo có sự hạn chế nhất định, nên gọi là Phần đoạn thân. Thụ thân phần đoạn này mà luân hồi, gọi là Phần đoạn sinh tử.

- *Biến dịch sinh tử:* Bạc A-la-hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát đại lực ... dù không bị Phần đoạn sinh tử, nhưng vì có phân biệt nghiệp vô lậu làm nhân, sở tri chướng làm duyên, ở ngoài 3 cõi thụ thân quả báo vi diệu thù thắng, tức thụ ý sinh thân, dùng thân này vào trong 3 cõi tu hạnh Bồ Tát, cho đến thành quả Phật. Vì sức bi nguyện mà thụ thân này, nên thọ mạng, nhục thân đều có thể tự do biến hóa thay đổi, không hạn chế nhất định, gọi là Biến dịch thân. Thụ thân biến dịch gọi là Biến dịch sinh tử.



**2/. Bốn thứ sinh tử:**

- *Luận Hiển Thức* cho rằng Phần đoạn sinh tử nương nơi ba cõi Dục, Sắc và Vô Sắc mà có 3 thứ sai khác. Ba thứ này nếu thêm Biến dịch sinh tử của ngoại giới nữa thì thành 4 thứ sinh tử.

- *Luận Phật Tính 2, Nhiếp Đại Thừa Luận Thích 10* chia Biến dịch sinh tử thành 4 thứ sinh tử: Phương tiện, Nhân duyên, Hữu hữu, Vô hữu (Còn gọi: Tứ oán chướng).

- *Thắng Man Bảo Quật, trung, phần cuối* cũng lập ra 4 thứ sinh tử: Lưu lai sinh tử, Phần đoạn sinh tử, Trung gian sinh tử, Biến dịch sinh tử.

**3/. Bảy thứ sinh tử:**

- *Luận Hiển Thức; Ma Ha Chỉ Quán 7, phần đầu*, Phần đoạn sinh tử do nương theo 3 cõi mà có 3 thứ sai khác, 3 thứ này thêm vào 4 thứ Biến dịch sinh tử nói trên thành 7 thứ sinh tử.

- Theo *Chỉ Quán Phụ Hành Truyền Hoàng Quyết 7, phần 1; Đại Minh Tam Tạng Pháp Số 30*, bảy thứ sinh tử là: Phần đoạn sinh tử, Lưu nhập sinh tử, Phần xuất sinh tử, Phương tiện sinh tử, Nhân duyên sinh tử, Hữu lậu sinh tử, Vô lậu sinh tử,

\* **Sĩ phu** : từ đồng nghĩa. Xem **Trượng phu**.

\* **Sơ địa** : Còn gọi: *Cực Hỷ địa, Sơ Hoan Hỷ địa, Hoan Hỷ địa* (Phạn: *Pramuditā-bhūmi*. Hán âm: *Ba-mâu-đề-đà Bộ-nhĩ*). Địa đầu tiên trong 10 Địa, tức địa vị thứ 41 trong 52 địa vị tu hành của Bồ Tát. Bồ Tát trải qua các thứ bậc tu hành: Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, trong thời gian 1 đại A-tăng-kỳ kiếp mới chứng được Thánh tính chân như bình đẳng và lý Nhị không, thành tựu hạnh tự lợi, lợi tha, tâm thường sinh hoan hỷ, nên gọi là Hoan hỷ địa.

Theo *Luận Thập Trụ Tì-bà-sa 2*, Bồ Tát chứng được Sơ địa đều có 7 việc như : Có khả năng chịu đựng, không tranh cãi, tâm thường hoan hỷ, vui với sự thanh tịnh, có tâm từ bi thương xót chúng sinh, không sân hận.

\* **Sơ quả** : Phạn: *Srotappana*. Quả đầu tay. Đó là quả Dự lưu (Tu đà hườn), quả thứ nhất trong Tứ quả Thanh văn thừa vậy.

\* **Sơ Thiên thiên (Cõi trời Sơ Thiên)** : Một trong 4 cõi trời Sắc giới, nơi sinh đến của người tu định Sơ thiên sau khi mệnh chung hoặc chỉ chúng sinh ở cõi trời này. Vì chúng sinh cõi này đã xa lìa pháp ác của cõi Dục mà phát sinh sự cảm thụ hỷ lạc, nên cõi này còn gọi là *Ly sinh hỷ lạc địa*.

Theo *Luận Câu-Xá 8, 28; Luận Thuận Chính Lý 21*, chúng sinh cõi trời này có 3 hạng:

1/. *Đại Phạm Thiên*: Phạn: *Maha-brahman*. Vua của Sơ Thiên thiên, cũng là Đại Phạm Vương, chúa tể thế giới Ta-bà. Đại Phạm Thiên nhờ duyên lành rộng lớn mà được sinh ra, được sinh đầu tiên và chết sau cùng, được Trung gian định, oai đức thù thắng.

2/. *Phạm Chúng Thiên*: Phạn: *Brahama-purohita*. Chúng thiên thuộc quyền sở hữu, quyền giáo hóa và thống lãnh của Đại Phạm Thiên.

3/. *Phạm Phụ Thiên*: Phạn: *Bahma-purchuta*. Xếp hàng hầu hạ 2 bên Đại Phạm Thiên.

Theo *Phẩm Dao-Lợi thiên, Trường A-Hàm 20* thì ngoài 3 hạng trên còn có *Phạm Thân Thiên* (Phạn: *Brahma-Kayika*), tính chung là 4 hạng.

\* **Sở năng** : đảo từ. Xem **Năng sở** (Thích giảng quyển 1).



# T

\* **Ta La** : Gọi đầy đủ: **Ta-la-xí thụ**. Còn gọi: *Bà-la-xí thụ*. Hán dịch: *Bách lộ*. Là một loại cây có sức sống rất mạnh, tuy chặt thân và cành, nó vẫn sống được, không giống như cây Đa-la hề bị chặt ngọn thì không còn sống được.

Theo kinh *Đại Bát Niết Bàn*, *Phẩm thứ 16-Bồ Tát*, cỏ **Mã-xỉ**, cây **Ta-la-xí**, cây **Ni-ca-la**, dù bị chặt thân và cành cũng vẫn sống. Đức Phật dùng loại cây này dụ cho chúng sinh phạm 4 giới trọng và 5 tội vô gián, nếu được nghe kinh Niết Bàn, cũng có thể làm nhân duyên cho bồ-đề phát sinh trở lại.

\* **Tam ái** : Ba loại ái :

1. Cảnh giới ái: Ái sâu nặng đối với vợ con, quyến thuộc, gia tài, khởi lên lúc lâm chung.
2. Tự thể ái: Tiếc thương, ái luyến thân thể của mình, khởi lên lúc lâm chung.
3. Đương sinh ái: Ái khởi lên đối với chỗ mình sẽ sinh về.

Ba thứ ái này là cội gốc thụ thân tốt, xấu của tất cả hữu tình; nếu ái dục chưa đoạn thì khi mạng sống sắp hết tâm sẽ sinh sầu não, các khổ bức bách, do đó sinh khởi 3 ái này.

\* **Tam ác đạo (Ba đường ác đạo)** : Còn gọi: Tam ác thú, Tam đồ, Tam ác. Tức chỉ ba đường ác, ba nơi chúng sinh chịu khổ: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh là nơi do ác nghiệp của thân, khẩu, ý dẫn sinh.

1/. *Địa ngục*: Ở dưới đất, giữa núi Thiết Vi có 8 địa ngục lạnh, 8 địa ngục nóng, người gây tạo thượng phẩm thập ác sẽ đọa vào đường này.

2/. *Ngạ quỷ*: Người gây tạo trung phẩm thập ác sẽ đọa vào đường này. Trong đó, người tội nặng thì trong nhiều kiếp không biết đến nước uống là gì; người tội vừa chỉ mong cầu phần ứ, máu mủ của người thế gian; người tội nhẹ hơn thì thỉnh thoảng được một bữa ăn no.

3/. *Súc sinh*: Người gây tạo hạ phẩm thập ác thì sẽ đọa vào đường này. Có loài mang lông đội sừng, có vẩy có cánh, 4 chân, nhiều chân, có chân, không chân, sống dưới nước, sống trên mặt đất, bay trong hư không ...

Theo kinh Tăng Nhất A Hàm 13; kinh Vô Lượng Thọ, thượng; kinh Phật Địa, thứ tự của 3 đường ác là: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh; còn theo kinh Pháp Hoa 2; kinh Đại A-Di-Đà, thượng; kinh Đại Bát Niết Bàn ... thì thứ tự là địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Nói chung, Phật giáo Đại thừa cho súc sinh vẫn tốt hơn ngạ quỷ, vì ngạ quỷ thân hình lúc nào cũng bị lửa đốt cháy, chịu khổ rất nặng nề, cổ nhỏ bụng lớn, thường bị đói khát, đến đổi thấy dòng nước trong thì nước cũng biến thành lửa dữ; còn đường súc sinh thì không có, cho nên súc sinh vẫn tốt hơn ngạ quỷ.

\* **Tam Khổ (Ba Khổ)** : Phạn: Tisro-dukkhatā. Ba thứ khổ của chúng sinh.

1/. *Khổ khổ* (Phạn: Dukkha-dukkhatā): Nỗi khổ bức não thân tâm, thuộc các pháp khổ thụ chẳng đáng ưa trong hành hữu lậu.

2/. *Hoại khổ* (Phạn: Viparināma-dukkhatā): Nỗi khổ khi sinh thì vui, khi hoại thì bức não thân tâm, thuộc các pháp lạc thụ đáng ưa.

3/. *Hành khổ* (Phạn: Samskara-dukkhatā): Các pháp xả thụ còn lại ngoài các pháp đáng ưa và chẳng đáng ưa, do các duyên tạo ra nên khó tránh khỏi sự sinh diệt đổi dời, vì thế bậc Thánh quán thấy điều đó, thân tâm đều cảm thấy bức não, nên gọi là Hành khổ. Tất cả hành hữu lậu đều vô thường và sinh diệt đổi dời, nên đều thuộc về Hành khổ, cho nên pháp chẳng đáng ưa có 2 loại là khổ khổ và Hành khổ, còn pháp đáng ưa thì có 2 loại là Hoại khổ và Hành khổ.

\* **Tam Muội Vương** : Gọi đầy đủ: Tam Muội Vương An Lập tam muội. Phạn: Samādhī-rāja-supratisthito-nama-samādhīh. Là tam muội đứng đầu, tối thắng trong các tam muội, là tên khác của định Thủ Lăng Nghiêm. Luận Đại Trí Độ 7 cho rằng “Vương tam muội” tự tại bậc nhất trong các tam muội, có khả năng duyên với vô lượng các pháp, tất cả tam muội đều vào trong tam muội này. Tuyển Trạch Bản Nguyên Niệm Phật Tập cho rằng Niệm Phật là Vương tam muội, Tọa Thiền Dụng Tâm Ký thì cho Tọa thiền là Vương Tam muội.

\* **Tam Tai** : Còn gọi: *Tam tai kiếp*. Kiếp có 3 thứ tai ách. Trong 4 thời kỳ *Thành, Trụ, Hoại, Không* của thế giới hữu tình, xuất hiện trong một thời kỳ nhất định của kiếp Trụ, đến thời kỳ cuối cùng của kiếp Hoại thì thế gian hoàn toàn bị phá hoại. Trong kiếp Trụ và kiếp Hoại lần lượt có 3 thứ tai ách, gọi là Tam tai. Theo *Luận Câu-Xá 12*, Tam tai có 2 thứ:

**1. Tiểu tam tai:** Kiếp Trụ được chia làm 20 thời kỳ, tuổi thọ của loài Hữu tình từ 80.000 tuổi xuống còn 10 tuổi, cứ tăng rồi giảm, giảm rồi tăng, lặp đi lặp lại đến 20 lần, đầu tiên là kiếp giảm, cuối cùng là kiếp tăng. Mỗi lần tuổi thọ con người giảm đến còn 10 tuổi thì phát sinh một trận tai ách, tất cả gồm 3 thứ: Dao binh tai (dùng hung khí sát hại lẫn nhau), Tật dịch tai (bệnh truyền nhiễm lây lan) và Cơ cấn tai (do hạn hán mà sinh ra đói kém).

**2. Đại tam tai:** Kiếp Hoại chia làm 20 thời kỳ, vào một kiếp sau cùng thì thế giới bắt đầu hoại diệt và sinh ra thiên tai, gồm Hỏa tai (phá hoại từ cõi Dục đến các cõi trời Sơ thiên), Thủy tai (nước dâng đến các tầng trời Đệ nhị thiên) và Phong tai (phá hoại đến các tầng trời Đệ tam thiên). Sự phát sinh của Tam tai xảy ra theo một thứ tự nhất định. Sau khi Hỏa tai hoại diệt 7 lần thì Thủy tai hoại diệt 1 lần, lặp đi lặp lại 7 lần như thế, cuối cùng là Phong tai hoại diệt, thế giới hầu như không còn gì nữa.

\* **Tam Thập Lục Trược (Ba mươi sáu chất trược)** : Còn gọi: **Tam thập lục vật**.

Ba mươi sáu yếu tố cấu tạo thành thân người. Nhưng về số mục thường có nhiều thuyết khác nhau. Theo *Đại Minh Tam tạng Pháp Số 48* thì 36 vật được chia làm 3 loại: Ngoại tướng, Thân khí và Nội hàm.

**1. Ngoại tướng**, gồm 12 vật: Tóc, lông, móng, răng, ghèn, nước mắt, nước miếng, nước dãi, phần, tiểu, cứt, mồ hôi.

**2. Thân khí**, gồm 12 vật: Da dày, da mỏng, máu, thịt, gân, mạch, xương, tủy, tạng, mỡ sa, não, màng.

**3. Nội hàm**, gồm 12 vật: Gan, mật, ruột, bao tử, lá lách, thận, tim, phổi, sinh tạng, thực tạng, đàm đỏ, đàm trắng.

Theo *kinh Tạp A-Hàm 43*, 36 vật là: Tóc, lông, móng, răng, cứt, nước miếng, da, thịt, xương trắng, gân, mạch, tim, gan, phổi, lá lách, thận, ruột, bao tử, sinh tạng, thực tạng, bào (cái nhau), nước mắt, mồ hôi,

nước mũi, nước dãi, mỡ dày, mỡ sa, tủy, đàm, ấm, mủ, máu, não, chất nhờn, phần, nước tiểu.

*Kinh Niết Bàn*, ghi : “Thấy thân phàm phu 36 vật bất tịnh đầy tràn”. Cho nên “bất tịnh quán” chính là quán 36 vật bất tịnh (tự thể bất tịnh).

✳ **Tam Thế Phật (Ba đời Chư Đức Phật Đà Như Lai)**: Còn gọi: *Nhất thiết Chư Phật, Thập phương Phật, Tam thế Như Lai*. Tam Thế Phật là chỉ tất cả các Đức Phật trong vũ trụ, trong ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai. Tên gọi và số mục chư Phật trong các kinh luận đều khác nhau :

- *Kinh Trường A-Hàm 1, kinh Tăng Nhất A-Hàm 45, kinh Tạp A-Hàm 34 ...* liệt kê danh hiệu 7 Đức Phật thời quá khứ; *kinh Quán Dược Vương Dược Thượng Nhị Bồ Tát, kinh Quán Hư Không Tạng Bồ Tát ...* liệt kê 53 Đức Phật đời quá khứ như Phật Phổ Quang ... ; *kinh Vô Lượng Thọ, thượng*, liệt kê 53 Đức Phật đời quá khứ như Phật Định Quang ...

- *Kinh Quyết Định Ty-Ni, Tam Thập Ngũ Phật Danh Lễ Sám Văn, kinh Đại Bảo Tích 90 ...* liệt kê 35 Đức Phật như Phật Thích Ca ... ; *kinh Hiền Kiếp 6*, liệt kê 1.000 Đức Phật trong Hiền Kiếp ở hiện tại ; *kinh Tam Thiên Phật Danh*, liệt kê 1.000 Đức Phật trong Trang Nghiêm kiếp ở quá khứ, 1.000 Đức Phật trong Hiền kiếp ở hiện tại, 1.000 Đức Phật trong Tinh Tú kiếp ở vị lai ; *kinh Ngũ Thiên Ngũ Bách Phật Danh* liệt kê danh hiệu 5.500 Đức Phật.

- *Kinh Di-Lặc Đại Thành Phật, kinh Di-Lặc Hạ sinh ...* nói về sự ra đời của Phật Di-Lặc ở vị lai.

Theo *Quán Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ* của ngài Cát Tạng, Đại thừa cho rằng về mặt không gian thì có sự tồn tại của 10 phương Phật, còn về mặt thời gian thì có sự xuất hiện rộng khắp của Chư Phật ba đời. Nhưng Tiểu thừa thì không chủ trương thuyết 10 phương mà chỉ nói Chư Phật 3 đời và cho rằng một đời chỉ có một Đức Phật như Đức Thích Tôn là vị Phật trong lịch sử, nên gọi là *Hiện tại Phật* ; A-Di-Đà Như Lai là vị Phật đã thành từ 10 kiếp xa xưa, nên gọi là *Quá khứ Phật* ; còn Phật Di-Lặc là vị Phật sau 56 ức 7 nghìn vạn năm nữa mới xuất hiện ở thế giới Ta bà này, nên gọi là *Vị lai Phật*.

✳ **Tam Thiên Thiên (Cõi trời Tam Thiên)** : Còn gọi: *Đệ Tam Tịnh Lự, Đệ Tam Thiên*. Là Cõi thiên thứ 3 trong 4 cõi thiên của Sắc giới. Vì là

Hỷ của cõi thiên thứ 2, lại sinh lạc tĩnh diệu nên cõi thiên này còn gọi là *Ly hỷ diệu lạc địa*. Cõi này chỉ có ý thức và có lạc thụ, xả thụ tương ứng với ý thức. Tướng vui thích của ý thức ở cõi này rất tĩnh diệu nên gọi là Lạc thụ. Trong 18 tầng trời cõi Sắc thì 3 tầng trời *Thiểu Tịnh, Vô Lượng Tịnh* và *Biến Tịnh* chính là *Tam Thiên thiên*. Trong Tam địa thì Tam Thiên thiên thuộc về Vô tâm vô tứ địa.

\* **Tam Thọ (Ba Thọ)** : Phạn: *Tisro vedanāh*. Còn gọi: *Tam thống*, là ba thứ cảm thụ khi 6 căn tiếp xúc với 6 trần cảnh.

1/. *Khổ thọ* (Phạn: *Duhkha-vedanā*. Còn gọi: *Khổ thống*): Tức lãnh nạp cảnh tướng trái ý làm cho thân tâm chịu bức bách.

2/. *Lạc thọ* (Phạn: *Sukha-vedanā*. Còn gọi: *Lạc thống*): Tức lãnh nạp cảnh tướng vừa ý khiến thân tâm vui mừng.

3/. *Xả thọ* (Phạn: *Upeksā-vedanā*. Còn gọi: *Bất khổ bất lạc thọ, Bất khổ bất lạc thống*): Tức lãnh nạp cảnh tướng trung dung, thân tâm không bị bức bách, cũng không vui sướng.

Tam thọ này có mặt ở cả 6 căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý và chung cho hữu lậu, vô lậu. Hoặc mỗi thọ được chi thành 2 thứ, thứ nào tương ứng với 5 thức gọi là Thân thọ, thứ nào tương ứng với ý thức thì gọi là Tâm thọ.

\* **Tam Y** : Phạn: *Trini-civarāni*. **Tam y** là 3 y của Tỳ kheo, gồm :

1. *Tăng-già-lê* (Phạn: *Samghāti*. Còn gọi: *Cửu điều y, Đại y, Trùng y, Tạp toái y, Cao thắng y*): Y mặc chính, gồm 9 điều đến 25 điều, được đắp mặc khi vào xóm khất thực hoặc vâng chiếu vào cung vua.

2. *Uất-đa-la-tăng* (Phạn: *Uttarāsaṅga*. Còn gọi: *Thượng y, Trung giá y, Nhập chúng y, Thất điều y*): Y 7 điều, được đắp mặc khi lễ bái, nghe giảng, bố-tát ...

3. *An-đà-hội* (Phạn: *Antārvāsa*. Còn gọi: *Trung y, Trung túc y, Nội y, Ngũ điều y*): Y 5 điều, được mặc khi làm công tác hoặc khi ngủ.

Ba y nêu trên được qui định may bằng vải nhuộm hoại sắc (Kasaya), nên còn gọi là Ca-sa.

\* **Tán loạn** : Phạn: *Viksepa*. Còn gọi: *Tán động*, *Tâm loạn*. *Tán loạn* là tâm ý phan duyên, loạn động, không kiên định, một trong 21 Tùy phiền não theo chủ trương của *tông Duy Thức*.

Các luận có nhiều thuyết khác nhau về tâm sở tán loạn có thật thể hay không:

Theo *Luận Du-Già Sư Địa* 55, Tán loạn chỉ thuộc về Si; *Đại Thừa A-tì-đạt-ma Tập Tập Luận 1* cho rằng Tán loạn thuộc về 3 thứ tham, sân, si; Theo *Nhiếp Đại Thừa Luận Thích* 9 (bản dịch đời Lương), sự tán loạn của tâm khởi lên do 4 chướng: Khí xả chướng, Viễn ly chướng, An thụ chướng và Sắc tri chướng.

\* **Tà mạn**: Tánh kiêu mạn tà khúc. Như: Thật không có đức mà ngỡ rằng mình có đức, chấp vững tà kiến, chẳng lễ tháp miếu, chẳng kính Tam Bảo, chẳng tụng Kinh điển.

*Tà mạn* là một trong thất mạn: 1. Mạn; 2. Quá mạn; 3. Mạn quá mạn; 4. Ngã mạn; 5. Tăng thượng mạn; 6. Ty liệt mạn; 7. Tà mạn.

\* **Tà mạng** : Phạn: *Mithya-jiva*. Gọi đầy đủ: *Tà hoạt mạng*. *Tà mạng* là nuôi sống thân mạng bằng những hành vi không đúng chánh pháp. *Luận Đại Trí Độ* 19, nêu 5 tà mạng:

1. Đối trá hiển hiện những tướng kỳ lạ để lừa gạt người.
2. Khoe khoang công đức của mình.
3. Bói toán lành dữ.
4. Lớn tiếng ra oai.
5. Khen ngợi người cúng dường.

\* **Tà pháp** : Pháp tà. Pháp tu tà ngụy, pháp thuyết sai lệch, đạo lý chẳng đúng. Đối nghĩa: Chánh pháp.

\* **Tài thí**: Ban phát cho người những tài vật mà mình có như y phục, thức ăn, ruộng vườn, nhà cửa, vật báu ... Đối lại là *Pháp thí*.

\* **Tâm dục** : Lòng muốn, sự ưa thích ham muốn trong lòng. Tâm dục có xấu có tốt. Tâm dục xấu là ham mê các sự khoái lạc vật chất mà quên lễ, nghĩa, đạo lý. Tâm dục tốt là ưa thích ham muốn việc niệm Phật, làm các



thiện sự, xem kinh, thiền định, cùng là muốn thoát vòng sinh tử, muốn vắng sanh Tịnh Độ.

\* **Tâm nguyện** : Còn gọi: *Túc nguyện, Tố nguyện. Tâm nguyện* là thệ nguyện phát ra ở đời trước. Nói theo nghĩa rộng, thông thường chỉ cho nguyện vọng thế gian, xuất thế gian.

Có thể nói theo thệ nguyện ở nhân vị của Phật, như “*Như Lai túc nguyện lực*” nói trong *kinh Quán Vô Lượng Thọ*, tức chỉ cho đại nguyện lực mà A-di-đà Như Lai đã phát khởi ở nhân vị đời quá khứ, nương vào năng lực của túc nguyện này để thành tựu chúng sinh. Hoặc chỉ cho tâm nguyện vắng sinh ở đời trước hoặc nguyện vọng từng phát khởi trong hiện đời.

\* **Tâm pháp**: Âm theo Phạn: *Citta-dharma*. Tâm pháp cũng gọi là *Tâm vương*, là những thức chủ thể cấu tạo thành tâm. Trong *thuyết 5 vị 75 pháp của Luận Câu-Xá thuộc Tiểu thừa* thì Tâm pháp chỉ có một loại, tức 6 thức Tâm vương; trong *thuyết 5 vị 100 pháp của Luận Đại Thừa Bách Pháp Minh Môn* thì Tâm pháp có 8 loại, tức 8 thức. Nhưng khi tất cả vạn hữu được phân làm 2 pháp sắc, tâm thì tổng hợp Tâm vương và Tâm sở là Tâm pháp; đối lại với Sắc pháp.

\* **Tâm Thanh** : Gọi đầy đủ : **Tâm Thanh Tịnh** . Là Tâm trong lặng, sáng suốt do đã diệt trừ tà vạy và xa lìa ô uế bất tịnh. Theo *Phẩm Thân Chuyển Thanh Tịnh Thành Bồ-Đề, Luận Cứu Cánh Nhất Thừa Bảo Tính 4*, thì Tâm thanh tịnh được chia làm 2 loại:

1. *Tự tính thanh tịnh*: Tâm tính của mọi người vốn thanh tịnh, không có nhiễm ô.

2. *Ly cấu thanh tịnh*: Xa lìa tất cả phiền não khách trần mà được thanh tịnh.

\* **Tâm trí** : Tâm và Trí. Tâm là Thể, Trí là Dụng, thể và dụng cùng nêu, nên gọi là tâm trí.

*Kinh Nhân Vương Bát Nhã Ba-la-mật, thượng*, ghi : “Miệng thường thuyết pháp nghĩa chẳng không, Tâm trí tịch diệt vô duyên chiếu”.

\* **Tâm tương ứng** : Gọi đầy đủ: **Tâm tương ứng hành**. Là tất cả tâm sở. Tâm sở khởi tác dụng đồng thời với tâm vương nên gọi là tâm tương ứng; vì các tâm này là pháp hữu vi nên gọi là Hành.

\* **Tâm Tướng**: gồm nhiều luận giải như sau:

1. Theo kinh *Duy-Ma trung* thì Tâm tướng là tướng trạng của tâm, gồm 2 loại: Tâm nội tướng (tức bản tính của tâm thanh tịnh bình đẳng) và tâm ngoại tướng (tức tâm tùy theo các duyên mà sinh ra các đối cảnh).
2. Theo kinh *Duy-Ma trung* thì Tâm tướng là bản lai diện mục của tâm.
3. Theo *Kinh Viên Giác* thì Tâm tướng là hành tướng của tâm, tức chỉ cho Kiến phần.

\* **Tập Khí** : gọi tắt là Tập; Từ Phạn là *Vāsanā*; Còn gọi là Phiền não tập, Dư tập, Tàn khí.

Tập khí là những tập tính, khí phần hình thành nơi tâm do tư tưởng và hành vi (phiền não) tương tục hiện hành huân tập vào; nếu theo ngữ nghĩa hiện đại thì có thể tạm giải thích Tập Khí là những kinh nghiệm, thói quen mà con người tích lũy được.

Đây chính là phần tàn dư, còn sót lại của phiền não, dần dần kết chặt vào tâm, trải qua thời gian lâu xa tích tập thành tính, rất khó phá trừ. Ví như đặt một thỏi hương vào hộp, khi lấy thỏi hương ra, trong hộp vẫn còn mùi thơm; tức là tuy đã diệt trừ chính thể (chính sử) phiền não nhưng vẫn còn khí phần tập quán. Trong *Kinh Phật* có nói đến *dâm tập* của Ngài Nan-Đà, *sân tập* của Ngài Xá-Lợi-Phất và Ma-Ha Ca-Diếp, *mạn tập* của Ngài Ti-Lăng-Già-Bà-Bạt, *khiêu hí tập* của Ngài Ma-đầu-bà-tư-tra, *ngutu nghiệp tập* của Ngài Kiều-phạm-bát-đề ... Chỉ có Phật là đoạn trừ vĩnh viễn chính sử và tập khí.

\* **Tăng bảo** : Ngôi báu Tăng. Một ngôi báu trong Tam bảo: Phật Bảo, Pháp bảo, Tăng bảo. Đó là Thánh chúng trong Ba thừa (Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, Bồ Tát thừa) đã phát ra trí chơn thật vô lậu, đáng là phước điền cho đời quy y và cung kính. Dầu chưa được là Thánh giả, nhưng cũng là các nhà sư giữ gìn thanh tịnh, gác mình ra khỏi cuộc thế, sống đời một cách tinh khiết, có sức khuyến dạy và hộ niệm cho người đời.

\* **Tăng phường** : Còn gọi: **Tăng phòng** (Phạn: *Vihāra*. Hán âm: *Tì-ha-la*). *Tăng phường* là phòng xá của Tăng chúng. Theo *Luật Tứ Phần 50*, sau khi thành đạo, Phật và 5 vị Tỳ kheo trụ nơi A-lan-nhã, gốc cây, đồng trống, hang núi, bụi cỏ, rừng cây, gò mả, ven sông. Đến khi vào thành Vương Xá, vua Bình Sa xây dựng phòng xá trong vườn trúc Ca-lan-đà cúng dường Phật và chư Tăng bốn phương. Không bao lâu, có một vị trưởng giả ở thành Vương Xá xây cất 60 phòng xá trên núi Kỳ-xà-quật, đầy đủ các vật cần dùng, thỉnh Phật và các đệ tử an trụ, đây là các Tăng phòng được xây dựng đầu tiên.

\* **Tha** : Còn gọi: Đà, Đan. Chữ (tha), 1 trong 42 tự môn, 1 trong 50 tự môn Tất-đàm. Chữ Tha này được giải thích bằng 3 cách:

1/. *Phẩm Thích Tự Mẫu, kinh Du-Già Kim Cương Đảnh*, ghi : “Tự môn Tha nghĩa là trụ xứ của tất cả pháp bất khả đắc”.

2/. *Phẩm Tự Mẫu, kinh Văn-Thù Ván*, ghi : “Khi đọc chữ Tha thì âm thanh ấy có thể lực đưa đến sự vô úy”.

3/. *Phẩm Văn Tự, Kinh Niết Bàn*, ghi : “Tha nghĩa là Ngu si. Chúng sinh trôi lăn trong 3 đường bị sinh tử ràng buộc, như tầm, bọ ngựa”, cho nên biết chữ Tha cũng có nghĩa là ngu si, tức là sự giải thích tục ngữ Thìnham của tiếng Phạn mà có.

\* **Tha Hóa Tự Tại Thiên** : Phạn: *Para-nirmita-vāsa-vartin*. Hán âm: *Ba-la-ni-mật-hòa-da-việt-trí, Ba-la-ni-mật, Ba-la-duy-ma-bà-xa, Sa-lá-bạt-đề*. Còn gọi: *Tha Hóa Lạc Thiên, Tha Hóa Tự Chuyển thiên, Hóa Ứng Thanh Thiên*. Gọi tắt: *Tự Tại thiên, Tha Hóa thiên, Hóa Tha thiên, Đệ Lục thiên*.

Đây là tầng trời thứ 6 trong 6 tầng trời cõi Dục. Cõi trời này nhờ niềm vui mà người khác hóa độ được để thành tựu niềm vui của mình, nên gọi là Tha Hóa Tự Tại thiên. *Luận Đại Trí Độ 9*, ghi: “Cõi trời này lấy sự hóa độ của người khác mà tự vui, nên gọi là Tha Hóa Tự Tại”. Cõi trời này đứng đầu cõi Dục, cùng cõi trời Ma-hê-thủ-la đứng đầu cõi Sắc đều là loại ma vương nhiều hại chính pháp, là Thiên Ma trong Tứ Ma, được gọi là Đệ Lục Thiên Ma Vương. Cõi trời này có 3 việc thù thắng hơn cõi Diêm Phù Đề là: Sống lâu, xinh đẹp và nhiều vui. Tuổi thọ của

Thiên chúng là 16.000 tuổi, một ngày đêm ở đây bằng 1600 năm ở nhân gian, nhưng cũng có người chết yếu. Thân của thiên chúng cao 16 do tuần hoặc 1,5 câu-lô-xá, áo dài 32 do tuần, rộng 16 do tuần, nhưng chỉ nặng nửa thù. Ăn thức ăn tự nhiên, nam nữ nhìn nhau là thành dâm, khi muốn có con thì đưa con liền hóa sanh ra trên đầu gối. Lúc mới sinh, đưa con này như đưa trẻ 10 tuổi ở nhân gian, sắc mạo viên mãn, y phục tự đầy đủ.

\* **Tha lực:** Từ đối lại : *Tự lực*. *Tha lực* là năng lực khác ngoài *tự lực*, chỉ cho nhờ năng lực của Phật, Bồ Tát mà được độ giải thoát. *Tông Tịnh Độ* cho rằng nếu chỉ dùng sức tự lực để cầu Thánh đạo mà không nương nhờ năng lực của Phật thì cũng không thể đạt được giải thoát. Như mong được cảm ứng đạo giao cũng là một trường hợp về tha lực. Giáo pháp chủ trương nương nhờ *tha lực* để thành Phật gọi là *Tha lực giáo*, *Tha lực tông* như *tông Tịnh độ*, *Tịnh độ Chân Tông* và *Thời tông ở Nhật Bản*. Trái lại giáo pháp chủ trương dùng tự lực để được giải thoát gọi là *Tự Lực giáo*, *Tự lực tông* như *Thiền Thai*, *Hoa Nghiêm*, *Mật*, *Thiền*, *Pháp tướng*, *Nhật Bản Nhật Liên tông* đều thuộc về *Tự Lực giáo*. Bản nguyện lực, gia bị lực của Phật chính là *Tha lực*. Trong đó, nhất là Bản nguyện của Di-Đà Như Lai có công năng giúp cho chúng sinh thành Phật, thệ nguyện của Ngài là “*Chỉ nguyện tin ta thì vãng sanh về cõi ta, khiến thành Phật đạo*”, cho nên bỏ tự lực mà tin Di-Đà thì tương ứng với bản nguyện này; Tín tâm này là *Tha lực*.

\* **Tham thiền :** Dụng ngữ thiền. Tọa thiền tu hành dưới sự chỉ dạy của Sư gia, sau chuyển sang chỉ việc tham cứu chân lý trong lúc thiền định. *Tác 1, Vô Môn Quan*, ghi : “Tham thiền phải thấu cửa Tổ Sư, Diệu Ngộ phải dứt bật đường tâm”. *Chính Pháp Nhãn Tạng Tam Muội Vương Tam Muội*, ghi: “Tham thiền là thân tâm rộng rang, chuyên tâm vào việc ngồi thiền, không cần đốt hương, lễ bái, niệm Phật, sám hối, xem kinh”.

\* **Tham xan :** Đảo từ của Xan tham. Xem **Xan tham** (Thích giảng-Q.1).

\* **Thanh (Thinh) :** 1/. Phạn: *Sabda*. Hán âm: *Nhiếp đà*. Thanh nghĩa là âm thanh, là đối tượng mà nhĩ căn nghe được và nhĩ thức liễu biệt (nhận

thức) được, mắt không thể thấy được, có tính chất chướng ngại, chính là sắc “Vô kiến hữu đối”, là 1 trong 6 cảnh (6 trần), 1 trong 12 xứ (12 nhập), 1 trong 18 giới, 1 trong 75 pháp của Câu-Xá, 1 trong 100 pháp của Duy Thức. Y cứ vào Xứ, Giới ... mà gọi Thanh là Thanh cảnh, Thanh trần, Thanh xứ, Thanh nhập, Thanh giới.

2/. Thanh còn có nghĩa là trong, đối lại với Trước là cận đực, đờ dáy, nhớ nhớp (phẩm Thánh Hạnh, kinh Đại Bát Niết Bàn).

\* **Thánh** : Phạn: *Arya. Thánh* là khái niệm đối lập và vượt lên trên phạm tục. Đối với giá trị bình thường của thế tục thì tính chất của “Thánh” khác xa và đối lại với “Tục”. Nói theo việc hành sự của tôn giáo thì chẳng hạn như nửa chừng đoạn dứt những ngày đoạn thực, những ngày nghỉ ngơi trong việc hành sự hằng ngày cũng gọi là Thánh. Đức Thích Tôn chủ trương đả phá 4 giai cấp, bất luận là giai cấp nào, hễ gia nhập giáo đoàn thì đều trở thành Thích tử bình đẳng; không y cứ vào gia thế, tư cách, tài sản để gọi là *Thánh* mà là lấy *Chính đạo* làm *Thánh*. Người tìm cầu Chính đạo hoặc thực hành Chính đạo đều gọi là Thánh. Cho nên sự xuất gia cầu đạo của Đức Thích Tôn còn gọi là **Thánh cầu** (*Ariya-pariyesa*); Bát chính đạo còn gọi là **Bát Thánh đạo** (*Ariya-magga*); Tứ đế còn gọi là **Tứ Thánh đế** (*Ariya-sacca*, chân lý của bậc Thánh). Ngoài ra, còn có các từ ngữ có chữ *Thánh* đứng đầu như *Thánh trí* (*Ariya-pānnā*), *Thánh giải thoát* (*Ariya-vimutti*), *Thánh giới* (*Ariya-sīla*), *Thánh Thanh văn* (*Ariya-savaka*, đệ tử bậc Thánh). Chữ “Thánh” vốn có nghĩa là huyết thống cao quý của dân tộc Arya, sau khi được Phật giáo sử dụng thì ý nghĩa nhân đó mà chuyển biến khác xa.

- “Thánh” còn là từ tôn xưng người có học vấn và đức hạnh thù thắng.

\* **Thánh pháp** : Giáo pháp mà Đức Phật thuyết giải đều khế hiệp với chánh lý, cho nên nói Thánh pháp.

\* **Thân Chứng Đạo**: xem **Tín Hành Đạo**.

\* **Thân niệm xứ** : Phạn: *Kāyasmṛty-upasthāna*. Còn gọi: *Thân niệm trụ*, *Thân quán*.

*Thân niệm xứ* là một trong 4 niệm xứ. Tức quán tự tướng bất tịnh của thân, lại quán cộng tướng Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã để đối trị Tịnh điên đảo trong 4 điên đảo.

Theo *kinh Tạp A-Hàm 43*, trong thân người có 36 vật bất tịnh như tóc, lông, răng, nước dãi, da ... nếu quán từng vật trong 36 vật bất tịnh này thì xa lìa được sự chấp trước về tham ái.

\* **Thân tâm** : tức Thân và tâm. Trong *ngũ uẩn*, thì *sắc uẩn* là thân, bốn uẩn: *thọ, tưởng, hành, thức* là tâm, đó là chánh thể quả báo của kẻ hữu tình.

Thân tâm kể riêng, thì *Thân* là thân thể, phần xác thịt; *Tâm* là tâm lý, phần tinh thần. Kể chung, thì *thân tâm* tức là *Ngũ uẩn, thân mạng*, đời sống của con người.

\* **Thất Thánh Giác**: Phạm là *Saptabodhyangāni*. Tên gọi khác là: **Thất giác phần**, Thất đẳng giác chi, Thất biến giác chi, **Thất Bồ-đề phần**, Thất Bồ-đề phần bảo, **Thất giác chi**, Thất giác ý, Thất giác chí, Thất giác chi pháp, Thất giác ý pháp. Gọi tắt: **Thất giác**.

Thất Thánh Giác là Bảy pháp có công năng giúp cho trí huệ Bồ-đề phát triển.

1. *Niệm giác phần*: Trong tâm sáng suốt, thường nhớ Thiền định và Trí huệ.

2. *Trạch pháp giác phần*: Dùng Trí huệ để lựa chọn chân pháp, xả bỏ pháp hư ngụy.

3. *Tinh tấn giác phần*: Tinh tấn, không lười biếng đối với việc tu hành chính pháp.

4. *Hỷ giác phần*: tâm vui mừng vì được chính pháp.

5. *Khinh an giác phần (còn gọi: ý giác phần)*: Cảm thấy thân tâm khoan khoái, an ổn.

6. *Định giác phần*: Nhập Thiền định, tâm không tán loạn.

7. *Xả giác phần*: tâm không thiên lệch, không chấp trước, giữ sự bình đẳng.

\* **Thất Thánh Tài (Bảy Thánh Tài)** : Còn gọi: *Thất tài, Thất đức tài, Thất pháp tài*. Thất thánh tài là bảy thánh pháp để thành tựu Phât đạo.

Đó là Tín, Giới, Tâm, Quý, Văn, Thí, Huệ. Vì bảy pháp được giữ gìn này có công năng trợ giúp cho việc thành Phật, nên gọi là Tài.

1. *Tín tài* : Tin nhận chính pháp.
2. *Giới tài* : Giữ gìn giới luật.
3. *Tâm tài* : Tự hổ thẹn không làm các điều ác.
4. *Quý tài* : Tâm sinh hổ thẹn đối với các pháp bất thiện.
5. *Văn tài (Đa văn)*: Nghe được chính giáo.
6. *Thí tài (Xả ly)*: Lìa bỏ tất cả, không nhiễm trước.
7. *Huệ tài (Trí huệ)*: Nhiếp tâm không tán loạn, soi rõ thật tính các pháp.

\* **Thất Tình** : Bảy thứ tình cảm của chúng sinh. Tình là đầu mối của thị phi, nguồn gốc của lợi hại. Thất tình có 3 loại khác nhau:

1. Hỉ, nộ, ái, lạc, ái, ố, dục (mừng, giận, buồn, vui, thương, ghét, muốn).
2. Hỉ, nộ, ưu, tư, bi, khùng, kinh (mừng, giận, lo, nghĩ, buồn, sợ, hãi).
3. Hỉ, nộ, ưu, cụ, ái, tăng, dục (mừng, giận, lo, sợ, yêu, ghét, muốn).

\* **Thần Trí** : Trí huệ tự hóa vô ngại, thấy suốt sự lý. Kinh Vô lượng Thọ, thượng, ghi : “Thần trí rộng suốt, oai lực tự tại”.

\* **Thập Lực (Mười Trí lực)** : Phạn: *Dása balāni*. Còn gọi: *Thập Thần lực*. Đó là 10 thứ trí lực của Như Lai.

1. *Xứ phi xứ trí lực*: còn gọi *Tri thị xứ phi xứ trí lực*, *Thị xứ bất thị lực*, *Thị xứ phi xứ lực*. “Xứ” nghĩa là đạo lý. Như Lai biết một cách chắc thật đối với tất cả nhân duyên quả báo, nếu tạo thiện nghiệp thì biết nhất định được quả báo vui, gọi là Tri thị xứ.

2. *Nghiệp dị thực trí lực*: còn gọi *Tri nghiệp báo trí lực*, *Tri tam thế nghiệp trí lực*, *Nghiệp báo tập trí lực*, *Nghiệp lực*. Như Lai biết rõ nghiệp duyên, quả báo, sinh xứ trong 3 đời quá khứ, vị lai, hiện tại của tất cả chúng sinh.

3. *Tĩnh lự giải thoát đẳng trì đẳng chí trí lực*: còn gọi *Tĩnh lự giải thoát đẳng trì đẳng chí phát khởi tạp nhiễm thanh tịnh trí lực*, *Tri chư thiên giải thoát tam-muội trí lực*, *Thiền định giải thoát tam-muội trí lực*, *thiền lực giải thoát tam-muội tịnh cấu phân biệt trí lực*, *Định lực*. Như Lai tự tại, vô ngại đối với các thiền định, biết khắp và đúng như thật thứ tự sâu cạn.

4. *Căn thượng hạ trí lực*: còn gọi *Tri chư căn thắng liệt trí lực*, *Tri chúng sanh thượng hạ căn trí lực*, *Căn lực*. Như Lai biết đúng như thật các căn tính thắng liệt, đặc quả đại tiểu của chúng sinh.
5. *Chủng chủng thắng giải trí lực*: còn gọi *Tri chủng chủng giải trí lực*, *Tri chúng sinh chủng chủng dục trí lực*, *Dục lực*. Như Lai đều biết đúng như thật tất cả các thứ dục lạc, thiện ác khác nhau của các chúng sanh.
6. *Chủng chủng giới trí lực*: còn gọi *Thị tính lực*, *Tri tính trí lực*, *Tính lực*. Như Lai biết khắp và đúng như thật về các giới phần khác nhau của chúng sanh ở thế gian.
7. *Biến thú hành trí lực*: còn gọi *Tri túc mạng vô lậu trí lực*, *Túc mạng trí lực*, *Túc mạng lực*. Như lai biết khắp và đúng như thật về nơi đến của hạnh hữu lậu là lục đạo, nơi đến của hạnh vô lậu là Niết Bàn.
8. *Túc trụ tùy niệm trí lực*: còn gọi *Trí túc mạng vô lậu trí lực*, *Túc mạng trí lực*, *Túc mạng lực*. Như Lai biết khắp và đúng như thật đối với các túc mạng, một đời cho đến trăm nghìn muôn đời, một kiếp cho đến trăm nghìn muôn kiếp, chết đây sinh kia, chết kia sinh đây, tên tuổi, uống ăn, khổ vui, thọ mạng.
9. *Sinh tử trí lực*: còn gọi *Tri thiên nhân vô ngại trí lực*, *Túc trụ sinh tử trí lực*, *Thiên nhân lực*. Như Lai dùng thiên nhân biết đúng như thật về thời gian sinh tử của chúng sinh và cõi thiện, cõi ác ở đời vị lai, cho đến các nghiệp duyên thiện ác như đẹp xấu, giàu nghèo ...
10. *Lậu tận trí lực*: còn gọi *Tri vĩnh đoạn tập khí trí lực*, *Kiết tập lực*, *Lậu tận lực*. Như Lai đã đoạn hẳn các tập khí tàn dư vĩnh viễn chẳng còn sinh khởi; biết khắp và đúng như thật.

\* **Thập Nhị Nhân Duyên (Mười hai nhân duyên)** : Tân dịch: Thập nhị duyên khởi, gọi tắt là *Nhân duyên quán*. Chư Phật quán. Đó là quán môn của *Bích Chi Phật*, nói về trình tự duyên khởi của chúng sanh trong ba đời và luân hồi trong sáu đường (lục đạo). 12 nhân duyên gồm:

1. *Vô minh*: là phiền não của thời quá khứ vô thủy.
2. *Hành*: là nghiệp thiện, ác gây ra dựa vào đời quá khứ.
3. *Thức*: một niệm nương vào nghiệp đời quá khứ mà chịu thụ thai vào đời hiện tại.
4. *Danh sắc*: là lúc (giai đoạn) bào thai dần dần có hình tướng.
5. *Lục xứ*: là sáu căn, là giai đoạn sáu căn đầy đủ sắp xuất thai.



6. *Xúc*: là giai đoạn khoảng 2, 3 tuổi, đối với sự vật chưa biết thế nào là sướng, thế nào là khổ, mà chỉ muốn tiếp xúc với sự vật.
7. *Thụ (Thọ)*: Thời kỳ từ sáu, bảy tuổi trở đi, dần dần đối với sự vật đã biết phân biệt sướng khổ mà cảm thụ nó.
8. *Ái*: là giai đoạn từ 14, 15 tuổi trở đi, nảy sinh đủ thứ ái dục mạnh mẽ.
9. *Thủ*: là giai đoạn từ lúc trưởng thành về sau, ái dục càng thịnh, đuổi theo các cảnh để cầu lấy cái sở dục.
10. *Hữu*: Đó là giai đoạn nương theo phiền não, ái thủ mà gây ra biết bao nhiêu nghiệp, quyết định cái quả tương lai.
11. *Sinh*: là địa vị nương vào cái nghiệp hiện tại mà thụ sanh ở đời vị lai.
12. *Lão tử*: Địa vị lão tử ở đời sau này.

\* **Thập Nhị Xứ** : Còn gọi: *Thập nhị nhập*, *Thập nhị nhập xứ*. Là 12 pháp làm tăng trưởng tâm và tâm sở. Xứ (Phạn: *Ayatanae*), nghĩa là dưỡng dục, sinh trưởng. Sáu xứ trước là 6 căn, là các cơ quan cảm giác thuộc về chủ quan, sở y của tâm, tâm sở, được gọi là *Lục nội xứ*; Sáu xứ sau là 6 cảnh, đối tượng được biết, thuộc khách quan, là sở duyên của tâm, tâm sở, gọi là *Lục ngoại xứ*. *Thập nhị xứ* này thâm nhiếp hết tất cả pháp, nếu phối hợp với 5 uẩn thì 10 sắc xứ: *Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thính, hương, vị, xúc* tương đương với *Sắc uẩn*; *Ý xứ* tức là *Thức uẩn*, bao gồm 6 thức và 7 tâm giới của ý giới; *Pháp xứ* là 3 uẩn: *thụ, tưởng, hành*, gồm thâu 64 pháp là: 46 tâm sở, 14 bất tương ưng hành, Vô biểu sắc và 3 vô vi.

\* **Thập Phương** : Phạn: *Dasá dísah*. Mười phương: Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc, Thượng, Hạ. Phật giáo chủ trương 10 phương có vô số thế giới và Tịnh độ, gọi là Thập phương thế giới, Thập phương pháp giới, Thập phương tịnh độ, Thập phương sát. Chư Phật và chúng sinh trong các cõi ấy gọi là Thập phương chư Phật, Thập phương chúng sinh.

\* **Thập Trí (Mười Trí Lực)** : Phạn: *Dása-jnanani*. Phân biệt theo thứ lớp như sau :

1/. *Mười trí được phân biệt theo tính chất hữu lậu và vô lậu* : Thế tục trí (Phạn: *Samvrti-jnana*), Pháp trí (Phạn: *Dharma-jnana*), Loại trí (Phạn:

*Anvaya-jnana*), Khổ trí (Phạn: *Duhkha-jnana*), Tập trí (Phạn: *Samudaya-jnana*), Diệt trí (Phạn: *Nirodha-jnana*), Đạo trí (Phạn: *Mārga-jnana*), Tha tâm trí (Phạn: *Para-citta-jnana*), Tận trí (Phạn: *Ksaya-jnana*), Vô sinh trí (Phạn: *Anutpāda-jnana*).

**2/.** Mười trí mà hàng Bồ Tát Quán Đảnh Trụ trong Thập Trụ thành tựu : Trí làm chấn động tất cả vô lượng thế giới ; Trí chiếu sáng vô lượng thế giới ; Trí trụ trì vô lượng thế giới ; Trí biết khắp vô lượng thế giới ; Trí làm trang nghiêm, thanh tịnh vô lượng thế giới ; Trí biết được tâm hạnh của vô lượng chúng sinh ; Trí biết được tùy tâm sở hành của chúng sinh ; Trí biết được các căn của vô lượng chúng sinh ; Trí phương tiện độ thoát vô lượng chúng sinh ; Trí điều phục được vô lượng chúng sinh .

**3/.** Mười trí mà hàng Bồ Tát Quán Đảnh Trụ trong Thập Trụ phải tu học ở Thắng Tiến phần ghi trong kinh Hoa Nghiêm 16 (bản Tân dịch). Đó là: Tam thế trí, Phật pháp trí, Pháp giới vô ngại trí, Pháp giới vô biên trí, Sung mãn nhất thiết thế giới trí, Phổ chiếu nhất thiết thế gian trí, Trụ trì nhất thiết thế giới trí, Trì nhất thiết chúng sinh trí, Trì nhất thiết pháp trí, Trì vô biên chư Phật trí.

**4/.** Mười trí ghi Phẩm Bồ Tát Thập Trụ, kinh Hoa Nghiêm 8 (bản Cựu dịch) : Tam thế trí, Nhất thiết Phật pháp trí, Pháp giới vô chướng ngại trí, Pháp giới vô lượng vô biên trí, Sung mãn nhất thiết thế giới trí, Phổ chiếu nhất thiết thế giới trí, Năng trì nhất thiết thế giới trí, Phân biệt nhất thiết chúng sinh trí, Nhất thiết chủng trí, Phật trí vô lượng vô biên trí .

\* **Thật** : Đối lại: *Quyền*. Sự chân thật bất diệt, bao hàm các nghĩa: Vĩnh cửu, cứu cánh, cùng cực. Thật và Quyền (nghĩa là phương tiện quyền giả) được gọi chung là “Quyền Thật”. Các dụng ngữ tương quan có Thật giáo, Thật nhân, Thật trí ... trái lại thì có Quyền giáo, Quyền nhân, Quyền trí ...

\* **Thật Đế**: cũng là **Chân đế**; Còn gọi là Nhất Thật đế, Nhất thật, Nhất đế. Đó là Đế lý chân như nhất thật. Lý mà bậc Thánh chứng biết là đế lý chân thật, nên gọi là Thật đế. *Kinh Đại Bát Niết Bàn*, ghi: “Thật đế được gọi là Chân pháp (...). Nếu Pháp chẳng Chân thì không gọi là Thật đế”.

\* **Thế gian** : Từ đồng nghĩa. Xem **Phàm tục**.

\* **Thế giáo** : Gọi đầy đủ: **Thế gian giáo**. Còn gọi: **Thế gian thừa**. Đối lại: *Xuất thế gian thừa*.

Thế gian giáo là giáo pháp có công năng đưa đến quả báo lành ở thế gian, tức Nhân thừa và Thiên thừa trong Ngũ thừa.

\* **Thệ Nguyện** : Phạn: *Pranidhāna*. Khởi tâm mong cầu, tự ước thúc tâm mình; tức là phát nguyện khởi thệ hoàn thành một sự việc nào đó. *Phẩm Phương Tiện, kinh Pháp Hoa*, ghi : “Xá-lợi-phất nên biết ! Ta nay lập thệ nguyện, muốn tất cả chúng sinh, được như Ta không khác”.

Bồ Tát từ lúc đầu tiên phát khởi tâm bồ đề cho đến khi thành tựu thì dừng mà không thành Phật, đó là do thệ nguyện vị ấy lập ra. Nguyện chung của Phật và Bồ tát gọi là Tổng nguyện, tức chỉ cho Tứ hoàng thệ nguyện; còn nguyện cá biệt thì gọi là Biệt nguyện, 48 nguyện của Phật A-di-đà, 12 nguyện của Dược Sư Như Lai, 10 đại nguyện của Bồ tát Phổ Hiền ... đều thuộc về Biệt nguyện. Tông Tịnh Độ đặc biệt gọi bản nguyện của Phật A-di-đà là Thệ nguyện. Vì thệ nguyện cứu độ khắp cả chúng sinh nên gọi là Hoàng nguyện, Hoàng thệ; lại do tâm nguyện sâu nặng nên gọi là Trọng nguyện. Năng lực của thệ nguyện gọi là Thệ nguyện lực; tác dụng của nguyện lực, kẻ phàm phu không thể nghĩ bàn, gọi là Thệ nguyện bất tư nghị.

\* **Thi la Ba-La-Mật**: Từ Phạn: *Sila-paramita*; Dịch nghĩa là *Trì giới Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Giới độ*. Đó là hạnh thứ hai trong sáu hạnh (Lục độ Ba-la-mật) của Bồ Tát, của người tu Đại thừa quyết thành Phật.

\* **Thiên Chân** : Chân lý tự nhiên không do tạo tác. *Chỉ Quán Phụ Hành Truyền Hoàng Quyết 1*, ghi : “Lý chẳng phải tạo tác nên gọi là Thiên chân”.

\* **Thiên Chúa** : Còn gọi: *Thiên chủ, Thiên đế, Thiên vương*. Là vị Tiên (Thiên) làm chúa tể một cõi trời, một cảnh Thiên đường như ngài *Thích Đề Hoàn Nhơn* là Thiên chủ 33 tầng trời ở cõi Đao Lợi Thiên; ngài *Di Lặc* hiện thời là Thiên chủ Đâu Suất Thiên.

Đạo Phật và Đạo Bà-La-Môn chia thế giới chư thiên ra làm 3 cõi (Tam giới), ở mỗi cõi có nhiều cảnh trời, mỗi cảnh trời quản trị bởi một vị Thiên chủ.

\* **Thiên Chúng** : Từ đồng nghĩa. Xem **Thiên Nhân**.

\* **Thiên Cơ** : Sự cơ cảm nhiệm mầu, hoặc cho là sự cơ mật của trời, giống như nói Thiên ý. Hoặc chỉ Thiên tính.

\* **Thiên Hạnh**: Tu tập lý Thiên nhiên thật tướng mà thành tựu được diệu hạnh; một trong 5 hạnh của Bồ Tát. Thiên là Đệ nhất nghĩa thiên, chỉ cho lý thiên nhiên thật tướng. Theo ý của Thiên Thai Biệt giáo thì *Thiên hạnh* là Nội chứng của hàng Bồ Tát Địa Tiên, Viên Giáo thì cho rằng Tòa Như Lai nói trong Kinh Pháp Hoa là Viên Thiên Hạnh.

\* **Thiên Nhân (Thiên Nhơn)**: Còn gọi: *Thiên Chúng*. Các hữu tình sống ở các tầng trời cõi Dục và cõi Sắc hoặc chỉ cho chúng sinh sống ở cõi trời hoặc cõi người.

Theo kinh điển thì Thiên nhân thường hoan hỷ, khen ngợi Phật sự, tấu thiên nhạc, rải thiên hoa, xông thiên hương, bay đi trong hư không. Vì phần nhiều chư Thiên đeo chuỗi anh lạc, bay trong hư không nên gọi là Phi thiên. Trong các kinh rất ít nói về thiên nhân cõi Sắc mà nói rất kỹ và đầy đủ về Chư thiên 6 tầng trời cõi Dục. Sắc thân chư thiên cõi Dục có 7 loại ánh sáng là: màu lửa, màu vàng kim, xanh, đỏ, trắng, vàng và đen, thanh tịnh vi diệu, không có da thịt gân mạch mỡ máu tủy xương ... ; có khả năng tùy ý biến hiện các hình tướng cao thấp, lớn nhỏ, thô tế ... ; tóc mềm mại trơn láng; răng trắng sạch, vuông, khít; đi đứng tới lui vô ngại, mau chậm tùy ý; hai mắt trong suốt, nhìn lâu không nháy.

Chư thiên cõi Dục có dục tính, vẫn còn dâm sự. Chư thiên cõi trời Dạ-ma nắm tay nhau thì thành dâm, chư thiên cõi trời Đâu-Suất thì nghĩ đến nhau, chư Thiên cõi trời Hóa Lạc thì nhìn nhau say đắm, chư thiên cõi trời Tha Hóa Tự Tại thì nói chuyện với nhau, chư thiên cõi trời Lạc Biến Hóa thì chỉ cần nhìn nhau. Khi tuổi thọ của chư Thiên sắp hết thì thân sẽ hiện ra 5 tướng suy, gọi là Thiên nhân ngũ suy.

\* **Thiên Tử** : Theo *Phẩm Thánh hạnh, kinh Đại Bát Niết Bàn* thì Thiên tử dùng để chỉ Chư thiên ở các cõi trời. Ngoài ra, Thiên tử còn dùng để chỉ vị vua trong cõi người, được chư thiên hộ trì. Đây là quả báo có được do đời trước tu trung phẩm, hạ phẩm thập thiện. *Kinh Kim Quang Minh 3*, ghi: “Tuy ở trong cõi người, sinh làm Nhân vương, nhưng được chư thiên hộ trì, nên gọi là Thiên tử”.

\* **Thiên Vương** : Phạn: *Devaradja*. Vị Tiên trưởng cai quản một tầng trời, một cảnh Thiên đường. Đồng nghĩa: *Thiên đế, Thiên chủ* (tức **ĐẾ THÍCH ĐỀ HOÀN**).

Trong tam giới, từ cảnh Tứ Thiên Vương thiên trở lên, mỗi cảnh Thiên đường đều có một vị Thiên vương.

\* **Thiên tọa (Tọa thiên)** : Sự ngồi thiên. Đó là cách ngồi xếp hai bàn chân lên bắp vế (Kiết già phu tọa) của người tu thiền định.

\* **Thiện**: Âm theo Phạn là *Kusála*; Đối nghĩa là bất thiện; Pháp bạch tịnh có tính an ổn, có công năng đem đến lợi ích cho mình và người trong đời hiện tại và cả vị lai. *Thiện, bất thiện, vô ký* (chẳng phải thiện cũng chẳng phải bất thiện) hợp chung thành Tam tính. Trong đó, Thiện là Bạch pháp (nghĩa là thanh tịnh), Bất thiện là Hắc pháp (nghĩa là ô trược). Nói theo nghĩa rộng thì “Thiện” chỉ tất cả tư tưởng hành vi tương ứng với thiện tâm, hễ pháp nào kết hợp với giáo lý Phật giáo đều thuộc về Thiện; nói theo nghĩa hẹp thì chỉ một trong các tâm sở pháp của tông Pháp Tướng, bao gồm: Tín, tầm, quý, vô tham, vô sân, vô si, tinh tấn, khinh an, bất phóng dật, hành xả và bất hại.

Theo các Kinh luận thì Thiện có nhiều loại: Nhị thiện, Tam thiện, Tứ chủng thiện, Thất chủng thiện, Thập nhất thiện và Thập tam thiện.

\* **Thiện Đạo** : Còn gọi: *Thiện xứ, Thiện thú* (Phạn: *Svarga-gati*). Đối lại: *Ác đạo, Ác xứ, Ác thú* (Phạn: *dur-gati*). Cảnh giới mà người có nghiệp nhân thiện được sanh về.

*Trung A-Hàm*, ghi: “Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ta dùng thiên nhãn thanh tịnh nhìn xa hơn mắt người, thấy chúng sinh này khi chết có hảo sắc, ốc sắc hoặc diệu, bất diệu, qua lại thiện xứ và

bất thiện xứ, tùy theo nghiệp chúng sinh này gây tạo mà thấy đúng như thật. Nếu chúng sinh này gây tạo nhân ác hạnh, khẩu ý ác hạnh, phỉ báng thánh nhân, tạo thành nghiệp tà kiến thì các chúng sinh ấy do nhân duyên này khi thân hoại mạng chung chắc chắn đọa vào ác xứ, sinh trong địa ngục. Nếu các chúng sinh này thành tựu thân diệu hạnh, khẩu ý diệu hạnh, không phỉ báng thánh nhân, thành tựu nghiệp chính kiến thì các chúng sinh ấy do nhân duyên này khi thân hoại mạng chung chắc chắn sanh lên thiện xứ, cho đến sinh lên cõi trời”.

\* **Thiện Pháp** : Phạn: *Kúsalā dharmāh*. Đối lại: *Ác pháp*. Từ ngữ gọi chung tất cả đạo lý về “Thiện”, tức chỉ cho *Ngũ giới, Thập thiện, Tam học, Lục độ*. *Ngũ giới, Thập thiện* là *thiện pháp thế gian*. *Tam học, Lục độ* là *thiện pháp xuất thế gian*. Hai pháp này, sâu cạn khác nhau nhưng đều là pháp thuận theo chính lý và có lợi ích cho đời, nên gọi là *Thiện pháp*.

\* **Thiện-Pháp Đường**: Là Pháp đường ở góc Tây Nam, bên ngoài thành Thiện Kiến, trên đỉnh núi Tu-Di, là nơi tập hội của các thiên chúng trời Đạo-Lợi. Vào 3 ngày trai, thiên chúng nhóm họp tại Thiện-Pháp đường này, luận rõ về việc thiện ác của người, trời, đồng thời chế phục A-tu-la. *Theo Kinh Khởi Thế 6*, Thiện-Pháp đường rộng mỗi bề 500 do-tuần, có 7 lớp lan can, 7 lớp lưới có treo linh, đều cấu tạo bằng 7 báu, các cửa ở bốn phương đều là lầu các đài quán, cũng cấu tạo bằng 7 báu; đất bằng chất báu lưu ly màu xanh, mềm mại trơn láng, chạm vào như y Ca-chiên-lân-đề. Chính giữa Thiện-pháp đường có một cột báu, cao 20 do-tuần, dưới cột là tòa ngai của trời Đế-Thích, cao 1 do-tuần, vuông nửa do-tuần, 2 bên đều có tòa ngai của 16 vị Tiểu thiên vương.

\* **Thiện Trụ**: (Theo bản Kinh Đại Bát Niết Bàn là Thiện Trụ Thiên Tử); là một trong các vị Thiên tử ở cõi trời Đạo-Lợi. *Theo Kinh Phật Đảnh Tôn Thắng Đà-La-Ni*, thì Thiện Trụ Thiên tử và các đại thiên nhân, thiên nữ cùng dạo chơi trong vườn; Đêm ấy, trong hư không có tiếng nói bảo rằng 7 ngày nữa Thiện Trụ Thiên Tử sẽ chết, phải 7 lần thụ sinh làm

súc sinh trong cõi Diêm-Phù-đề, sau đó lại chịu các khổ ở Địa ngục. Thiên tử nghe rồi rất kinh sợ, xin trời Đế-Thích chỉ dạy. Trời Đế-Thích dạy đem nhiều tràng hoa, thiên y cúng dường rộng lớn, đến Tịnh-Xá Kỳ-Hoàn cầu cứu với Phật, Phật liền nói *Phật Đảnh Tôn Thắng Đà-La-Ni* và bảo Thiện Trụ Thiên tử đọc tụng để được kéo dài tuổi thọ và thoát nạn.

\* **Thích Đề Hoàn Nhơn:** Phạn: *Sakra Devānām-indra*; Hán âm: *Thích-ca Đề-hoàn, Nhân-dà-la, Đế thích thiên, Thích-ca Đề-bà, Thiên Đế Thích, Thiên chủ, Kiều-Thi-ca, Ta-bà-bà, Thiên nhãn*. Đế Thích Thiên là vua cõi trời Đao-Lợi; 1 trong 12 vị trời trấn giữ ở phương Đông, chuyên thủ hộ Phật pháp. Vị trời này ở thành Thiện Kiến trên đỉnh núi Tu-di, vốn là vị thần của Ấn Độ giáo thời cổ.

Theo các kinh luận, trời Đế-Thích nguyên là Bà-la-môn của nước Ma-dà-đà, do tu các hạnh như bố thí .v.v... mà được sinh lên cõi trời Đao-Lợi và trở thành Thiên chủ của cõi trời này. Bên cạnh trời Đế-Thích có 10 vị Đại thiên tử hầu cận. Vào sáu ngày trai của mỗi tháng, vị trời này ra lệnh cho trời Tứ Thiên Vương, Thái tử, Thị giả .v.v... giám sát các điều tà chính,. Thiện ác trong thiên hạ. Nếu nghe chúng sinh trong thế gian làm nhiều điều ác như bất hiếu với cha mẹ, không kính trọng sư trưởng, không tu trai giới, không bố thí cho kẻ nghèo cùng ... vị trời này sẽ lo buồn vì thiên chúng sẽ bị giảm tổn mà chúng A-Tu-La lại tăng thêm. Nếu như có nhiều người tu hành giới đức tinh tấn thì trời này ra lệnh cho quan Tư mạng tăng thêm tuổi thọ cho họ, ngược lại sẽ chẳng giúp đỡ hộ trì mà còn có thể làm cho giảm thọ.

Khi Đức Phật lên cung trời Đao-Lợi thuyết pháp cho thân mẫu nghe thì trời Đế Thích cầm bảo cái theo hầu Đức Phật. Hình tượng Đế-Thích là hình cưỡi voi trắng, tay phải cầm chày tam cổ, tay trái đặt trên thắt lưng. Ngoài ra, trong *Ngoại Viện Kim Cương Thai Tạng giới* của Mật giáo còn có các hình tượng Đế-Thích tạo theo hình tượng các thần vương.

\* **Thích Ma-Nam:** Còn gọi: Thích Chủng Ma-ha-Nam (tiếng Phạn là Sakhamahā-nāma), Ma-Ha-Nam Thích, Ma Ha Nam.

Thích Ma-Nam là vị cư sỹ hộ trì Phật Pháp, thuộc dòng họ Thích-Ca ở thành Ca-Tỳ-La-Vệ, Trung Ấn-Độ.

- Theo Luật Ngũ Phần 15, Hữu Bộ Tì-Nại-Da Phá Tăng Sự 2, thì ngài là con của vua Học Phạn, Luận Đại Trí Độ 3, Đại Sự (Mahāvastu) bằng Phạn văn thì nói ngài là con của vua Cam Lộ Phạn. Sau khi em của Ngài là A-Na-Luật xuất gia thì ngài lo liệu mọi việc trong nhà, rất kính trọng giáo pháp của Phật, thường cúng dường thuốc men, y phục, ẩm thực, cho chúng Tăng. Bài Kinh Khổ Ấm trong Kinh Trung A-Hàm là do ngài thỉnh Đức Phật tuyên thuyết. Theo Kinh Tăng Nhất a-Hàm 26, lúc Vua Tì-Lưu-Ly thành Xá-Vệ chinh phục dòng họ Thích-Ca ở thành Ca-Tỳ-La-Vệ thì Ngài Thích Ma-Nam tự nguyện chết trong nước để cứu dòng họ Thích. Có tuyệt cho rằng Thích Ma-Nam chính là Tỳ kheo Ma-Ha-Nam.

\* **Thị giả** : Phạn: *Ante-vāsin*. Thị giả là vị tăng theo hầu bên cạnh Sư phụ hay bậc Trưởng lão.

*Kinh Đại Bát Niết Bàn*, ghi: Trong 7 Đức Phật đời quá khứ, vị thị giả đệ tử của Đức Phật **Tỳ-Bà-Thi** tên là *A-thúc-ca*, đệ tử thị giả của Đức Phật **Thi Khí** tên là *Sát-ma-ca-rô*, đệ tử thị giả của Phật **Tỳ-Xá-Phù** tên là *Ưu-ba-phiến-dà-ca-la*, đệ tử thị giả của Phật **Câu-Lưu-Tôn** tên là *Bạt-đê*, đệ tử thị giả của Đức Phật **Câu-Na-Hàm Mâu-Ni** tên là *Tô-đê*, đệ tử thị giả của Đức Phật **Ca-Điếp** tên là *Diệp-bà-mật-đa*, đệ tử thị giả của Đức Phật **Thích-Ca** tên là *A-nan*. Thị giả của các Đức Phật đều có đủ 8 pháp như : Tín căn vững chắc, tâm ý ngay thẳng ... cho nên có khả năng hộ trì 12 thể loại kinh.

Trong các tòng lâm, chức vị thị giả thông thường do vị Sa-di lợi căn hay vị Tỳ-kheo tuổi hạ còn thấp đảm nhiệm, quan hệ giữa vị này và Trưởng lão (hoặc Sư phụ hoặc Trụ trì) rất mật thiết, ngoài việc xử lý các việc lặt vặt, vị thị giả chẳng những sớm tối phải nghe theo lời chỉ dạy mà còn phải học tập, quán xét đạo đức của các Ngài, cho nên đặc biệt được xem trọng và thường được định là người kế thừa y bát hoặc pháp tịch.

\* **Thọ báo** : Chịu lấy sự báo ứng do việc mình đã làm. Còn gọi: *Thọ quả*. Đối nghĩa: *Tác nghiệp*. Hễ có *tác nghiệp* là có *thọ báo*, *tác nghiệp* lành thì *thọ báo* lành (phước lạc); *tác nghiệp* dữ thì *thọ báo* dữ (nạn khổ).

\* **Thọ ký** : Phạn: *Vyakarana*. Còn gọi: **Thọ biệt**. Gọi đầy đủ: *Thọ A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam bồ-đề Ký*. Gọi tắt: *Thọ ký*. *Thọ* là nhận lấy; *Ký* là ghi



nhớ, ghi chứng. *Thọ ký* cũng được hiểu là trao cho sự ký chứng. Khi một đức Phật tiên tri rằng về sau một vị tu hành nào đó sẽ thành Phật, đó gọi là *Thọ ký*. Ví như đức Phật Nhiên Đăng đã thọ ký cho đức Thích Ca Như Lai vậy.

Thường là Thọ ký quả Phật Thế Tôn (Như Lai). Nhưng có khi cũng Thọ ký quả Bích Chi Phật (Duyên giác). Trong *Địa Tạng Kinh*, ghi: Thuở xưa, có đức Phật ra đời, hiệu là Sư Tử Hống Như Lai. Như có nam tử, nữ nhơn nghe tên đức Phật ấy, trong phút chốc liền quy y, thì hạng người ấy sẽ được vô số Phật xoa đầu Thọ ký (Ma đĩnh Thọ ký).

Trong *Hội Pháp Hoa*, đức Thích Tôn có Thọ ký quả Phật cho 1.250 vị đệ tử La Hán và Ngài cũng có Thọ ký cho tất cả pháp hội Tứ chúng, Bát bộ.

Ngoài ra, **Thọ Ký** (Hán dịch: **Hòa-già-la**) là một thể thuyết pháp, một thể kinh trong Thập Nhị Bộ Kinh.

\* **Thọ lạc**: Trường thọ và an lạc. *Kinh Vô Lượng Thọ*, hạ ghi:

“Sao không bỏ việc đời  
Mà siêng năng cầu đạo  
Để có thể sống lâu  
**Thọ lạc** không cùng cực”.

\* **Thọ sanh** : Thọ lấy sinh mạng, ra đời làm thân chúng sinh. Các vị Bồ Tát vì các nguyện Thọ sanh nên vãng sinh nơi lục đạo mà giáo hóa chúng sinh, làm mọi sự nhiều ích cho chúng sinh. Thọ sanh cũng có nghĩa là bản tánh, là tánh vốn sẵn có từ lúc mới sinh ra cho đến trọn đời.

\* **Thuận duyên** : Đối lại: Nghịch duyên. Thuận duyên là các duyên thuận thiện như cúng dường Phật, tán thán pháp ... giúp thụ nhập về giáo pháp của Phật. Trái lại, dùng các việc ác như hủy báng Phật pháp ... để làm sự duyên nhập đạo thì gọi là Nghịch duyên (Vi duyên). Cho nên, thiện duyên là thuận duyên, ác duyên là nghịch duyên. Theo *Luận Thích Ma Ha Diễn* 7, gặp thuận duyên thì hướng về đường lành, gặp nghịch duyên thì lui sụt đạo tâm, đi vào đường ác, trường hợp này giống như lông chim bị gió thổi phát phơ không biết rơi xuống chỗ nào.

- \* **Thuyết kinh** : Từ đồng nghĩa . Xem **Thuyết pháp** (Thích giảng, Q.1).
- \* **Thuyền Sư** : Tên gọi khác của đức Phật. Đức Phật giáo hóa chúng sinh khiến họ vượt qua biển sinh tử, đến bờ kia Niết-bàn, giống như vị Thuyền sư (Thuyền trưởng) chuyên chở mọi người qua bên kia biển, từ bờ bên này đến bờ bên kia, nên được dụ là Thuyền sư. Giáo pháp mà Phật dùng để hóa độ chúng sinh được dụ là Thuyền phiệt (thuyền bè).
- \* **Thủ Hộ thần** : Còn gọi: **Thiện thần thủ hộ**. Là thần thủ hộ một phạm vi, một lãnh vực riêng biệt nào đó. Như thần Tắc-đặc (Set), An-cát-thái (Andjty) của Ai-Cập thời cổ, là 2 vị thần thủ hộ của thượng Ai-Cập và hạ Ai-Cập. Ngoài ra, dân tộc của nhiều quốc gia trên thế giới cũng có thờ thần thủ hộ cho nghề nghiệp hoặc trẻ em hay phụ nữ.
- \* **Thủy Tai**: Âm theo Phạn là *Ap-samvartani*. Theo Luận Câu-Xá 12 thì thủy tai là một trong ba đại tai. Trong bốn kiếp Thành, Trụ, Hoại, Không thì vào thời gian cuối cùng của kiếp Hoại, tam tai thủy, hỏa, phong sẽ lần lượt khởi lên, lan tràn cùng khắp thế giới. Thủy tai khởi lên sau 7 lần hỏa tai. Từ địa ngục Vô gián cho đến Đệ nhị thiên thiên của cõi Sắc trở xuống đều bị chìm đắm. Trải qua 1 lần thủy tai này lại khởi 7 lần hỏa tai, sau đó lại có 1 lần thủy tai và sau khi trải qua 56 lần hỏa tai, 7 lần thủy tai thì khởi lên 1 lần phong tai.
- \* **Thường Lạc** : tức Thường vui; thường thấy mình yên ổn vui sướng. Trái với: Thường khổ.  
Thường lạc là sự vui sướng chẳng hề biến đổi, sự vui sướng của chư Phật và Bồ Tát, chẳng hề có cái khổ xen vào, vì tự mình đã dứt cái vui sướng của phàm phu. Tức là: Đại Lạc.  
Thường, Lạc lại là hai đức trong bốn đức Ba-la-mật: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.
- \* **Thức căn** : Gồm: *Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức*. Xem **Thức**.

\* **Thức Tâm** : Sáu thức hoặc 8 thức tâm vương. *Kinh Lăng Nghiêm 1*, ghi : “Mười loài dị sinh trong tất cả thế gian đều cho thức tâm ở trong thân”.

\* **Thức thân** : đảo từ của Thần thức. Xem **Thần thức** (Phần Thích Giảng-quyển 1).

\* **Thức Xứ Thiên** : Còn gọi: *Thức Vô Biên Xứ* (Phạn: *Vijnānānantyāyatana*), *Vô Biên thức xứ*, *Thức vô biên xứ địa*, *Vô Lượng thức xứ thiên*, *Thức nhập xứ*. Đây là tầng trời thứ 2 trong 4 tầng trời cõi Vô Sắc. Chỉ quả báo do xa lìa Không Vô biên xứ thiên và chiêu cảm bởi định thức Vô Biên. Tức tư duy tướng của 6 thức như thanh tịnh nhãn, quán sát rõ ràng tướng thức Vô Biên, tu gia hạnh bằng cách trước tư duy tướng thức Vô Biên lần lượt phát khởi định Vô Sắc thứ 2, gọi là Thức Vô Biên Xứ.

\* **Tiên** : Gọi đầy đủ: **Tiên nhân**. Phạn: *Rsi*. Hán âm: *Lợi sư, Lý thị*. Còn gọi: *Thần tiên, Đại thiên, Tiên thánh*. Tiên là người trụ nơi núi rừng tu luyện mong cầu giữ gìn mạng sống được dài lâu. Theo *kinh Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương, hạ*, các tiên nhân đều giữ gìn cấm giới, thường tu khổ hạnh, đầy đủ oai đức, thân có ánh sáng rực rỡ hoặc trụ ở núi sông hoặc trụ trong rừng rậm, uống nước suối, ăn trái cây, có 5 thứ thần thông, đi dạo trong hư không, làm tất cả mọi việc đều không chướng ngại. Phật là vị tiên nhân tôn quý nhất trong các tiên nhân, nên gọi Ngài là *Đại Tiên*. Trong kinh sách Phật giáo có liệt kê rất nhiều chủng loại và tên gọi tiên nhân, như *kinh Giáo Đàm Di* trong *Trung A Hàm 30* nêu tên 7 vị cổ tiên, *phẩm Vấn A la la* trong *Phật Bản Hạnh Tập Kinh 32* nêu tên 29 vị tiên nhân, *kinh Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương, hạ* nêu tên 68 vị Đại tiên, *kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm* nêu tên 10 loại tiên.

Tiên nhân thường chia làm 3 loại: Người xuất thân từ Thần gọi là *Thiên tiên (Devarsī)*; Người xuất thân từ Bà-la-môn gọi là *Phạm tiên (Brahmarsī)*; Người xuất thân từ dòng Sát-đế-lợi, gọi là *Vương tiên (Rajarsī)*; Ngoài ra còn chia ra *Đại tiên (Mahārsī)*, *Chí thượng tiên (Paramarsī)*, *Đa văn tiên (Srutarsī)* ...

\* **Tiên Dự:** Theo Kinh *Đại Bát Niết Bàn*, Tiên Dự là vị vua vào thời quá khứ, là tiền thân của Đức Phật Thích Ca. Thuở xưa, khi đức Thích Ca Như Lai là vua Tiên Dự, Ngài rất yêu thích, kính trọng Kinh điển Đại Thừa. Một hôm, nghe có 500 vị Bà-La-môn bài báng kinh Phương Đăng, vua liền giết hết. Sau khi mạng chung, các Bà-la-môn bị đọa vào địa ngục nên ăn năn và phát tâm kính tin Đại thừa, nhờ đó được sinh về thế giới của Cam Lộ Cổ Như Lai.

\* **Tiên Đà Bà :** Phạn: *Samdhava*. Còn gọi: *Tiên Đà*. Hán dịch: *Thanh Diêm*.

*Tiên-đà-bà* vốn là loại muối sản xuất ở bờ sông Ấn Độ. Về sau, chỉ chung cho 4 sản vật nổi tiếng là: Muối, chén, nước và ngựa. Trong kinh dùng từ này để dụ cho mật ngữ của Như Lai sâu xa khó hiểu như *Phẩm Bồ Tát*, kinh *Đại Bát Niết Bàn*, ghi: Thí như các quan hầu hạ Đại vương, khi Đại vương muốn rửa mặt gọi Tiên-đà-bà thì vị quan có trí liền dâng nước, khi vua muốn ăn gọi Tiên-đà-bà thì vị quan có trí liền dâng muối, khi vua muốn uống gọi Tiên-đà-bà thì vị quan liền dâng chén ngọc, khi vua muốn đi dạo gọi Tiên-đà-bà thì vị quan liền dẫn ngựa đến. Vị quan có trí như thế, thật xứng đáng gọi là người khéo hiểu ý nghĩa 4 thứ mật ngữ của Đại vương. Cho nên biết danh từ “Tiên-đà-bà” thật ra có 4 nghĩa: Muối, chén, nước, ngựa. Dùng “Nhất danh tứ thật” (một tên 4 nghĩa) dụ cho sự sâu xa khó hiểu của mật ngữ Như Lai.

Ngoài ra, theo *Pháp Hoa Kinh Khoa Chú 8*, người khéo hiểu mật ngữ Tiên-đà-bà gọi là Tiên-đà khách.

\* **Tiên Thiên tử :** Một vị tu núi, giữ khổ hạnh, tịnh hạnh có công đức. Sau khi bỏ thân xác này, sanh lên một cảnh ở Thiên thượng, do một vị Thiên chủ (Thiên vương) cầm đầu, gọi là Tiên Thiên tử.

\* **Tinh Tấn Giác Phần:** Xem **Thất Thánh Giác**.

\* **Tín:** Âm theo Phạn: *Sraddhā*, Hán âm: *Xả-ra-đà*; Tín nghĩa là tin, tức tác dụng tinh thần khiến cho tâm và tác dụng của tâm sinh ra niềm tin thanh tịnh đối với một đối tượng nào đó, một trong 75 pháp, một trong

100 pháp. *Tông Câu-Xá* xếp Tín vào một trong 10 đại thiện địa pháp, *tông Duy-Thức* xếp vào một trong các tâm sở thiện.

\* **Tín Căn:** Cội gốc niềm tin. Tín là căn bản vào đạo, là cội gốc sinh ra các pháp lành; 1 trong 5 căn thuộc 37 đạo phẩm. Căn nghĩa là vững chắc bất động; ở đây nói tín tâm vững chắc không lay động như gốc rễ của cây cối.

*Theo Luận Thích Ma-Ha-Diễn 1*, Tín có 10 nghĩa: *Lóng sạch, Quyết định, Hoan hỉ, Không nhầm chán, Tùy hỷ, Tôn trọng, Tùy thuận, Tán thán, Bất hoại và Yêu thích*; Căn cũng có 10 nghĩa: *Hướng xuống phía dưới, Ẩn kín, Xuất sinh, Vững chắc, Tương tục, Xa lìa, Gom thành, Sum suê, Đầy đủ và Cao lớn.*

\* **Tín Giải Thoát Đạo:** xem **Tín Hành Đạo.**

\* **Tín Hành Đạo:** Vì lòng tin mà hành đạo, là 1 trong 5 pháp mà Phật thuyết:

1. *Tín hành đạo:* Vì nghe Phật giảng hoặc Thầy giảng mà tin, cho nên tu hành đạo lý.

2. *Pháp hành đạo:* Vì hiểu Pháp giáo của Phật, cho nên tu hành đạo lý.

3. *Tín giải thoát đạo:* Lòng tin tức là Đạo giải thoát, nhờ trọn tin nên được Đạo giải thoát.

4. *Kiến đạo đạo:* Cái nhận biết thấu đáo Đạo lý.

5. *Thân chứng đạo:* Tự mình chứng Đạo, được giải thoát.

\* **Tín nguyện (Tín Nguyên):** Lòng ước nguyện một cách tín cần; đem lòng tin mà cầu nguyện. Cũng có nghĩa: Lòng tin và chí nguyện. Như người tu *Tịnh Độ* phải có *Tín nguyện* mới được vãng sanh về cõi Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà. *Tín nguyện* là sự cần thiết nhất, là điều căn bản của người tu *Tịnh Độ*.

\* **Tín thí :** Người có lòng tin cúng dường tài vật cho Tam bảo, hoặc chỉ cho tài vật bố thí.

*Kinh Phạm Động, Trường A-Hàm 14*, ghi : “Như Sa-môn, Bà-la-môn khác thụ tín thí của người, lại cầu tích chứa y phục, thức uống ăn, không hề biết đủ, Sa-môn Cù-Đàm không có việc như thế”.

*Luật Ma-ha-tăng-kì 31*, ghi : “*Ưu-ba-nan-đà* được *Lộc Trưởng giả* cúng dường thức uống ăn, được *Vô Úy tát-bạc Chủ* cúng dường vải bông mịn, ông lấy tất cả đem cho một dâm nữ, sau khi biết việc ấy, Đức Phật dạy rằng: Đó là việc làm xấu ác, vì sao Thầy làm hoại vật của tín thí ? Từ hôm nay không được phá hoại vật của tín thí. Tín là tín tâm mà cho, hoan hỷ mà cho. Thí có 8 thứ, từ Thời thực, Dạ phần cho đến Tịnh bất tịnh. Phá nghĩa là khởi dục tâm mà cho dâm nữ, quả phụ, đại đồng nữ, bất năng nam, ác danh Tỳ kheo ni, ác danh Sa-di-ni, cho đến khởi dục tâm mà cho súc sinh, đều bị phạm tội Việt Tì-ni”.

\* **Tính tướng** : Cự dịch: **Tánh tướng**. *Tính tướng* là *Thể tính* và *Tướng trạng*. Tính là bản thể chân thật tuyệt đối bất biến hoặc tự thể của sự vật; Tướng là tướng trạng của các hiện tượng biến hóa sai biệt. *Luận Đại Trí Độ 31* có nêu 2 thuyết phân biệt về tính tướng:

1/. *Tính và tướng không khác*: Chỉ khác nhau về tên gọi, nói Tính tức nói Tướng, nói Tướng tức nói Tính, như nói tính lửa tức nói tướng nóng, nói tướng nóng tức nói tướng lửa. Cho nên Tính và Tướng có khi dùng lẫn nhau, như từ ngữ “Thật tướng các pháp” có thể nói “Thật tính các pháp”.

2/. *Tính và tướng khác nhau*: Tính là thể, Tướng là hình tướng có thể nhận biết, như trì giới là Tính, cạo tóc nhuộm y là Tướng, Tính và Tướng có trong ngoài, xa gần, trước sau ... khác nhau.

\* **Tịnh Cư Thiên (Cõi trời Tịnh Cư)**: Phạn: *Suddhavāsa*. Còn gọi: *Ngũ Tịnh Cư thiên*, *Ngũ bất hoàn thiên*, *Ngũ Tịnh cư xứ*, *Ngũ Na hàm thiên*, *Ngũ Tịnh cư*. Đây là 5 cõi trời thuộc Đệ Tứ thiên ở cõi Sắc, cũng là quốc độ sinh về của các bậc thánh A-na-hàm. Đó là:

1. *Trời Vô Phiền* (Phạn: *Avrha*; Còn gọi: *A-đuy-phan*, *A-bê-lê-xá*, *A-phù-ha-na*) : Cõi trời này không còn khổ vui, tâm cảnh không giao tiếp, không có tất cả những phiền não. Tuổi thọ chư thiên ở cõi trời này là 1.000 kiếp.

2. *Trời Vô Nhiệt* (Phạn: *Atapa*; Còn gọi: *A-đáp-hòa*, *A-bà-da*, *A-đáp-ba*) : Cõi này không có những nhiệt nã bức bách. Tuổi thọ chư thiên ở cõi trời này là 2.000 kiếp.

3. *Trời Thiện Kiến* (Phạn: *Sudrsa*; Còn gọi: *Tu-đề-xá*) : Cõi trời này không còn những tướng trần cấu, từ trong định huệ thấy cõi nước 10 phương đều tròn đầy lắng đọng. Tuổi thọ chư thiên ở cõi trời này là 4.000 kiếp.

4. *Trời Thiện Hiện* (Phạn: *Sudarsana*; Còn gọi: *Tu-đà-thi-ni*, *Tu-đề-xá-na*) : Cõi trời này đạt được cái thấy rõ ràng thấu suốt, cho nên đối với tất cả những hiện tượng đều không chướng ngại. Tuổi thọ chư thiên ở cõi trời này là 8.000 kiếp.

5. *Trời Sắc Cứu Cánh* (Phạn: *Akanistha*; Còn gọi: *A-ca-nị-tra*, *A-ca-ni-tra*) : Đây là nơi không còn hình sắc dù là sắc vi tế, tối thắng nhất trong cõi Sắc. Tuổi thọ chư thiên ở cõi trời này là 16.000 kiếp.

*Kinh Lăng Nghiêm* 9 ghi: Năm cõi trời nói trên đều xếp theo chiều ngang trong trời Đệ tứ thiên, nhưng chư thiên cõi trời Tứ thiên chỉ có thể nghe tên của 5 cõi này mà không thể thấy biết, như trong đạo tràng Thánh địa ở thế gian có nhiều A-la-hán cư trú, phàm phu không thể thấy biết.

※ **Tịnh giới:** tức **Giới hạnh thanh tịnh**.

- *Phẩm Tự, Kinh Pháp Hoa* (Đại 9,4 hạ) ghi: “Tịnh tấn giữ tịnh giới, như giữ hạt minh châu”.

- *Theo Liên Hoa Bộ Tâm Nghi Quỹ; Kinh Lục Xuất Niệm Tụng* 4 thì Tịnh giới là 1 trong 17 thứ tạp cúng dường Kim Cương giới pháp thuộc Mật giáo sử dụng, tức giới Ba-la-mật, là 1 trong 6 độ, thực hành Lục độ để biểu thị cúng dường gọi là Lục chủng cúng dường, được xếp vào 17 thứ tạp cúng dường. Nếu y theo tên của ấn kế thì gọi là Hương thân kế. Hương thân tức xoa hương vào thân, có công năng tiêu trừ sự nóng bức, được mát mẻ; giới có công năng ngừa quấy ngăn lỗi, ý nghĩa giống như việc xoa hương, nên lấy xoa hương làm Tịnh giới. Ấn tướng là Tam-muội-da đồ hương.

※ **Tịnh nghiệp:** Còn gọi: Thanh tịnh nghiệp. Tịnh nghiệp là hành nghiệp thanh tịnh. Tức 3 thứ phước nghiệp: Thế phước, giới phước và hành phước. Theo kinh Quán Vô Lượng Thọ thì 3 phước nghiệp này là:

1. Hiếu dưỡng cha mẹ, hầu hạ Sư trưởng, từ tâm không sát sinh, tu 10 thiện nghiệp.
2. Thụ trì tam quy, đầy đủ các giới, không phạm oai nghi.
3. Phát tâm Bồ đề, tin cầu nhân quả, đọc tụng kinh điển Đại thừa, khuyên người tu hành.

Ba thứ phước này là chính nhân vãng sinh của chúng sinh, cũng là nhân tu vô lậu để làm thanh tịnh cõi nước Phật của Bồ Tát, nên gọi là Tịnh nghiệp.

\* **Tịnh thực** : Thức ăn đã được làm sạch hoặc nấu chín ... Đức Phật cấm Tỳ-kheo ăn rau tươi, dưa quả ... còn sống mà phải dùng lửa nấu hoặc dùng dao, móng tay ... gọt vỏ, bỏ hạt rồi dùng, gọi là tịnh thực.

\* **Tịnh trai** : đảo từ của Trai tịnh. Gọi đầy đủ: Trai thanh tịnh. Còn gọi: Khiết trai, Tinh tấn khiết trai, Vật ki.

Tịnh trai là giữ gìn trai giới, tiết chế dâm dục, đoạn trừ rượu thịt và ngũ tân .v.v... để thân tâm được trong sạch.

Theo *truyện Sở Vương Anh, Hậu Hán Thư 72*, khi Phật giáo mới truyền vào Trung Quốc, vua nước Sở lập nguyện khiết trai 3 tháng. Khiết trai thông thường được thực hành vào những trường hợp như sau :

- 1/. Khi biên chép kinh văn hay họa vẽ tượng Phật.
- 2/. Khi cầu nguyện trước thần, Phật.
- 3/. Khi tu hành ở chốn núi rừng đồng nội.

\* **Tổng Trì**: Phạn âm : *Dhāraṇī*; Hán dịch: **Đà-la-ni**, *Năng trì*, *Năng giá*; Còn gọi: *Đà-lân-ni*;

Tổng trì là năng lực của trí tuệ tóm thâu, gìn giữ vô lượng Phật pháp không để cho quên sót.

- Theo *Luận Đại Trí Độ 5, Luận Phật Địa Kinh 5* thì Đà-la-ni là một phương pháp ghi nhớ, tức là trong một pháp có tất cả pháp, trong một lời có tất cả lời, trong một nghĩa có tất cả nghĩa, thâu tóm gìn giữ vô lượng Phật pháp.

Ngoài ra, Đà-la-ni còn có năng lực giữ gìn các pháp lành, ngăn chặn các pháp ác. Vì Bồ Tát lấy hạnh lợi tha làm đầu để giáo hóa người khác, nên cần phải chứng đắc Đà-la-ni, chứng đắc Đà-la-ni thì không



quên mất vô lượng Phật pháp, từ đó ở giữa đông người không e sợ mà còn có khả năng thuyết pháp giáo hóa 1 cách tự tại.

Về Đà-la-ni, các kinh luận nói đến rất nhiều. Đời sau, vì hình thức *Đà-la-ni* giống như *chú tụng*, nên thường lẫn lộn *Chú* là *Đà-la-ni*. Căn cứ vào câu, câu dài là *Đà-la-ni*, câu ngắn là chân ngôn, 1 hoặc 2 chữ là chủng tử.

- Theo *Luận Đại Trí Độ* 5, 28; thì *Đà-la-ni* được chia làm 4 loại:

1. *Văn trì Đà-la-ni*: Người đắc *Đà-la-ni*, nghe các pháp thì không thể quên.
2. *Phân biệt trì Đà-la-ni*: Có năng lực phân biệt tất cả tà, chính, tốt, xấu.
3. *Nhập âm thanh Đà-la-ni*: Nghe tất cả âm thanh ngôn ngữ, đều hoan hỷ, không sân hận.
4. *Tự nhập môn Đà-la-ni*: Nghe 42 chữ cái của *Tất-đàm* như: a, la, ba, giá, na ... liền thấu đạt thật tướng các pháp; vì 42 chữ cái *Tất-đàm* thấu tóm tất cả ngôn ngữ.

\* **Tràng** : Phạn: Dhavaja. Hán âm: Đà-phạ-nhã, Thoát-xà. Còn gọi: Kế-đô (Phạn: Ketu), Bảo tràng, Thiên tràng, Pháp tràng. Tràng là loại cờ có hình dáng chiếc thùng tròn, trên đó có vẽ hoặc thêu các dấu hiệu, dùng để trang nghiêm trước Phật, Bồ Tát và đạo tràng.

Tràng và Phan (Phạn: Pataka) về đại thể thì không có gì khác nhau, nhưng nếu phân biệt theo hình dạng thì loại có hình chiếc thùng tròn gọi là Tràng, loại hình dẹp dài gọi là Phan.

\* **Trạch** : Còn gọi: Đồ, Trà, Đà, Xá. Chữ (dha); 1 trong 50 tự môn *Tất-đàm* được nói trong kinh *Hoa Nghiêm* và *Bát-nhã*. “Đồ” là chữ Phạn cuối cùng của 42 tự môn, âm lưỡi thứ 3 trong 5 loại thanh của thể văn. Tông Thiên Thai dùng chữ “Đồ” biểu thị cho Diệu giác, pháp thân đầy đủ như mặt trăng tròn.

\* **Trạch Pháp Giác Phần**: từ Phạn là Dharma-pravicaya-sambodhyāṅga. Tên gọi khác là: Trạch pháp giác chi, Pháp giác ý, Pháp giải giác ý. Theo *Kinh Tạp A-Hàm* 26 thì *Trạch Pháp giác phần* là dùng trí huệ giải trạch, phân biệt sự chân ngụy của các Pháp, lấy chân bỏ ngụy, hướng đến Bồ-đề; 1 trong 7 giác chi (*Thất giác chi*).

\* **Trần đầu ca thụ** : Phạn: *Tinduka, tinđu, tinduki, tindula*. Còn gọi: *Trần-đỗ-ca, Triêm-mâu, Cân-đề, Cân-kinh*. Hán dịch: *Thị*. *Trần đầu ca* là loại thực vật thuộc họ cây thị (cây hồng), sống ở miền Nam Tích Lan, bờ biển Tây Ấn Độ và Đông Ấn Độ. Thân cây này được dùng trong xây dựng, đóng thuyền, nước của trái có tính kết dính, là nguyên liệu để chế tạo keo hoặc chai để trét thuyền. *Kinh Mâu-lê Mạn-đà-la Chú* ghi là thị mộc, *Phiên Phạn Ngữ 10* dịch là thị thọ. *Phẩm Diêm Phù Châu* trong *kinh Khởi Thế 1*, *Phẩm Tứ Y* trong *kinh Đại Bát Nê-hoàn 4* đều có nói về loại cây này.

\* **Trí** : Phạn: *Jnāna*. Hán âm: *Nhã-na, Xà-na*. Còn gọi: *Trí huệ*. Trí vốn chỉ năng lực phân biệt quyết đoán đúng sai, chính tà, nên bỏ cái nào lấy cái nào. Về sau được dùng để chỉ cho tác dụng của trí huệ đoạn trừ chính nhân phiền não.

Nếu phân biệt kỹ thì *Trí* được gom nhiếp trong tác dụng của *Huệ* (Phạn: *Prajna*), nhưng thông thường *Trí* được xem đồng nghĩa với *Huệ* hoặc ghép chung là *Trí huệ*. Trong 75 pháp của *Câu-Xá* và 100 pháp của *Duy Thức*, 3 món *Trí, Kiến, Nhãn* đều là tác dụng của *Huệ*, “*Kiến*” là tìm cầu suy lường, “*Nhãn*” là chấp nhận bằng lòng, nhưng chưa đoạn trừ nghi ngờ, còn “*Trí*” thì rõ biết, không còn nghi ngờ.

\* **Trí giả** : Người có trí huệ hoặc người rõ biết bản tâm của chính mình. *Phẩm Dược Thảo Dụ* trong *kinh Pháp Hoa* có câu: “**Ta là bậc Nhất Thiết Trí giả**”, là biểu thị cho ý này.

\* **Trí tướng** : Tướng trí huệ, tức chỉ cho ánh sáng của Phật. Ánh sáng của Phật là tướng mạo của Phật trí hiển hiện ra bên ngoài, lấy trí huệ làm thể.

*Luận Đại Trí Độ 7*, ghi: “Vì muốn hiện thân tướng trí huệ quang minh nên trước tiên Phật phát ra hào quang của thân”.

*Tịnh Độ Luận Chú, hạ*, ghi : Trí tướng quang minh của Phật chiếu khắp thế giới trong 10 phương không bị chướng ngại. Vì tất cả chúng sinh thường đắm mê dục lạc, nhất là Sắc dục, vì muốn khiến chúng sinh bỏ

những gì mình yêu thích nên Phật hiện tướng quang minh vì điều này, khiến tâm họ dần dần xa lìa dục lạc, sau đó nói trí huệ cho họ nghe.

- *Trí tướng* còn có nghĩa là Tướng (cảnh giới tướng thứ 3 trong tam tế) hiện ra đối lại với hiện thức, phát khởi trí dụng của vọng tâm, phân biệt cảnh đáng yêu, không đáng yêu.

\* **Trì giới, hủy giới** (hay còn gọi **Trì giới, Phá giới**): Hạng Trì giới cấm và hạng Phá Giới cấm thật khó mà phân biệt. Vì cả hai hạng đều đáp y, khát thực, giữ oai nghi của nhà tu hành. Muốn phân biệt, phải dùng hai cách: Nhân kiến và Văn kiến.

1. Nhân kiến là quan sát tướng mạo, hành vi, cử động của họ mà thấy biết.

2. Văn kiến là quan sát lời nói, lời giảng dạy, lời thuyết pháp của họ mà thấy biết.

Nếu dùng Nhân kiến và Văn kiến mà chẳng phân biệt Trì Giới và Phá Giới thì nên dùng thêm 4 cách: Cộng trụ, Cửu xử, Trí huệ và Quan sát.

1. Cộng trụ: nên ở chung với họ.

2. Cửu xử: nếu ở chung với họ mà chẳng biết, thì nên ở lâu ngày chầy tháng với họ.

3. Trí huệ: nếu ở lâu với họ mà chẳng biết, thì nên dùng Trí huệ mới biết.

4. Quan sát: Nếu dùng Trí huệ mà chẳng biết, nên quan sát sâu xa bằng mọi cách thế.

\* **Trợ Đạo**: Theo *Ma-Ha Chỉ Quán 8, hạ*; *Đại Thừa Nghĩa Chương 16* thì Ba mươi bảy đạo phẩm có công năng trợ giúp cho Chỉ quán, đồng thời có công năng trợ giúp thành tựu quả đức. Ngoài ra, pháp thứ 7 trong Thập thừa quán pháp của tông Thiên Thai dùng các trợ đạo như Ngũ đình tâm hoặc Lục độ ... của Tạng giáo để đối trị chướng ngại, lập ra 3 môn giải thoát, gọi là Đối trị trợ khai, Trợ đạo đối trị, gọi tắt là Trợ đạo.

\* **Trung căn** : Căn tánh bậc giữa. Sáu căn nhanh hay chậm có 3 bậc: thượng (trên), trung (giữa), hạ (dưới). Bậc sáu căn chẳng nhanh, chẳng chậm. Đó gọi là trung căn.

\* **Truyền thọ (Truyền thụ):** Từ đồng nghĩa. Xem **A-xà-lê** (Thích giảng-quyển 2).

\* **Trú Giác Phần:** xem **Thất Thánh Giác**.

\* **Trưởng dưỡng :** Phạm: *Aupacayika*. Gọi tắt: *Dưỡng*. Trưởng dưỡng là dưỡng dục làm cho tăng trưởng. Luận Du-Già Sư Địa 3, luận Câu-Xá 2 ... nói rằng dùng các thắng duyên như ăn uống, giúp đỡ, ngủ nghỉ, đảnh trì, phạm hạnh để trưởng dưỡng thân tâm.

Phẩm Bồ tát Hạnh trong kinh Nhân Vương Hộ Quốc Bát-nhã Ba-la-mật-đa, thượng, ghi : Bồ Tát ở địa vị Phục Nhẫn thuộc sơ phát tâm sinh khởi Tập Chung Tính (chung tính tu đắc ở hậu thiên), đầy đủ 10 tâm như: Tín tâm, Niệm tâm, Hồi hướng tâm, Nguyện tâm ... có khả năng trưởng dưỡng (nuôi lớn) mầm thánh, nên gọi là Bồ Tát Sơ Trưởng Dưỡng Tâm.

\* **Trưởng tử :** Con lớn, tức là bậc đệ tử có trí huệ lớn hơn trong các đệ tử, thọ được chánh pháp của Thầy. Như Xá-lợi-phất là trưởng tử của đức Phật Thích Ca. Ấy là người con rất yêu dấu về đạo lý sanh ra từ nơi miệng Phật, sanh ra từ nơi Pháp, hóa ra bởi Pháp, thọ hưởng cái Pháp, trở nên thuần nhã đúng đắn nhờ Pháp (*Diệu Pháp Liên Hoa kinh*).

Về sau, chư vị Thượng tọa ở mỗi ngôi chùa, mỗi vị đều có lập Trưởng tử để chưởng quản ngôi chùa sau khi Thượng tọa ấy tịch. Ấy là người con đích đáng hơn hết về đạo lý, có sức đảm nhiệm và truyền bá pháp môn của vị Thượng tọa sau khi ngài qua đời.

Trong *kinh Pháp Hoa, Nhơn Thọ ký quả Chánh đẳng Chánh giác cho La-hầu-la*, đức Phật nói: Hồi Ta chưa xuất gia, La-hầu-la làm Trưởng tử của vị Thái tử; đến khi Ta thành Đạo, người làm Trưởng tử của Phật. Chẳng những thế mà thôi, sau này La-hầu-la sẽ làm Trưởng tử của vô số chư Phật vị lai. Ấy vì cái mật hạnh, mật nguyện của người vậy.

Trong *Niết Bàn Kinh*, Phật gọi Đại Ca Diếp là Trưởng tử của Ngài, vì Phật truyền pháp cho Đại Ca Diếp làm Sơ Tổ. Còn Phật gọi A-Nan là Đa Văn Sĩ.

\* **Trượng :** Là chiếc gậy thường được chư tăng sử dụng, có 3 loại:

1/. *Tích tượng*: Phạn: *Khakkhara, khakharara*. Hán âm: *Khích-khí-la, Khiết-khí-la*. Còn gọi: *Thanh tượng, Hữu thanh tượng, Trí tượng, Đứ tượng, Minh tượng, Kim tích*. Gọi tắt: *Tượng*, là chiếc gậy mà vị Tỳ kheo mang theo khi đi đường. Đây vốn là vật để đi đường lúc tuổi già, để xua đuổi rắn độc, trùng độc hoặc rung lên khi khát thực, cho thí chủ nghe biết. Đời sau, Tích tượng trở thành một trong các pháp khí của Thiên lâm. Khi cầm tích tượng có 25 việc hạn chế, như khi gặp tượng Phật, không được để đầu tích tượng phát ra tiếng, cho đến không được dùng tích tượng để chỉ vào người khác, vẽ viết dưới đất.

Tích tượng gồm có tích, cán gỗ và thuần. Tích là đầu gậy, hình tháp, có gắn vòng lớn, trên đó treo nhiều vòng nhỏ, khi rung phát ra tiếng, nên gọi là *Thanh tượng*.

2/. *Trụ tượng*: Còn gọi: *Trụ tượng tử*. Gọi tắt: *Tượng*, là chiếc gậy mà chư tăng sử dụng khi đi đường. *Hữu Bộ Tì-nại-da Tạp Sứ 6*, ghi: Khi Phật ngự trên Thấu Phong thành Vương Xá, có một vị Tỳ kheo già lên núi bất cẩn bị té, Phật liền cho phép những vị già yếu hoặc bị bệnh được dùng trụ tượng. Trụ tượng có 2 loại: Loại có đầu cong gọi là Xúc đầu, loại không đầu cong gọi là Tịnh đầu. Trụ tượng cũng dùng để đánh phạt những người vi phạm thanh quy, như *Sắc Tu Bách Tượng Thanh Quy 2*, ghi: “Vị nào phạm lỗi thì dùng trụ tượng đánh phạt”.

3/. *Bảo tượng*: Còn gọi: *Đàn-noa*, là cây gậy có hình đầu người của trời Diệm-ma ... Đàn-noa tiêu biểu ấn tượng, gọi là Đàn-noa ấn. *Phẩm Mật Ấn trong kinh Đại Nhật 4*, ghi: “Chấp tay để trống ở giữa, hai ngón trỏ (phong luân) và 2 ngón út (địa luân) co vào lòng bàn tay, còn các ngón khác hướng lên, đó là Diệm-ma Dẫn đồ ấn”.

\* **Trượng phu** : Phạn: *Purusa*. Hán âm: *Bổ-lô-sa, Phú-lâu-sa, Phù-lu-ta-sa, Bô-lộ-sa*. Còn gọi: **Sĩ phu**. *Trượng phu* là người nam thành niên hoặc người nam các căn đầy đủ.

*Chỉ Quán Phụ Hành Truyền Hoằng Quyết 2, phần 2* cho rằng hàng tối thắng trong loài người là trượng phu. *Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký 8 trích dẫn kinh Niết Bàn*, nêu Trượng phu có 4 nghĩa, đó là: Tự chính, chính tha, năng tùy vấn đáp (có khả năng trả lời mọi nghi vấn của người khác), hiểu rõ nghĩa nhân duyên. *Luận Du-Già Sư Địa* cũng có nói Trượng phu có 7 nghĩa, đó là: Sống lâu, thân tướng xinh đẹp khôi ngô,

không bệnh, chẳng phải tội tở, chẳng phải người nữ chẳng phải bán-trạch-ca, trí huệ bén nhạy, lời nói nghiêm nghị và tổ tông có sự nghiệp lớn. *Thất Thánh* của Tiểu thừa được gọi là *Thất Trượng Phu* hoặc *Thất Sĩ Phu*. Thân Phật có 32 tướng được gọi là *Đại Trượng Phu* tướng hoặc *Đại Nhân* tướng.

\* **Tu-Đa-La kinh:** Âm theo Phạn : Sūtra. *Tu-đa-la* là từ ngữ gọi chung tất cả Phật pháp hoặc đặc biệt chỉ loại thứ nhất trong 9 thể loại kinh hoặc 12 thể loại kinh, ở đây còn được dịch ý là *Khế kinh*, *Chính kinh*, *Quán kinh*. Nghĩa gốc của *Sutra* chỉ cho sợi dây nối liền các đóa hoa lại, sau được chuyển, dùng chỉ cho sự quán xuyên các pháp ngữ, pháp ý trước sau không để tán thất; cũng tức là khế lý, hợp cơ, xuyên suốt các nghĩa pháp tướng nhiếp trì hóa độ. Nói theo văn thể và nội dung thì giáo pháp do Phật nói hể thuộc về *Trường hàng* trực thuyết đều thuộc về *Tu-đa-la*.

\* **Tu Đạo:** Âm theo Phạn là *Bhāvanā-mārga*. Tên gọi khác là *Hữu học đạo*.

*Tu đạo* là tu hành theo pháp môn để đoạn trừ phiền não và được an lạc. Về từ ngữ *Tu đạo*, Tiểu thừa và Đại thừa giải thích khác nhau:

1. *Theo thuyết của Tiểu thừa:* Sau khi đoạn hết các hoặc ở giai vị Kiến đạo, hành giả khởi trí vô lậu, sơ chứng chân lý Tứ đế, trong chân lý này lại tu tập thêm, cho đến đoạn trừ 81 phẩm Tu hoặc trong 3 cõi, gọi là *Tu đạo*. Đạo nghĩa là bước qua, đi vào; đã bước vào trí vô lậu và chân lý Tứ đế, đồng thời đi vào Niết Bàn, nên gọi là *Tu đạo*. Giai vị này tương đương với 6 địa vị: Dự Lưu quả, Nhất Lai hương, Nhất Lai quả, Bất hoàn hưởng, Bất hoàn quả, A-la-hán hưởng.

2. *Theo thuyết của Đại thừa Duy Thức:* từ Trụ tâm của Sơ Trụ trở lên đến địa cuối cùng (Địa thứ 10) tu Kim Cương Vô gián đạo, gọi là *Tu đạo*. Trong thời gian đó, đoạn trừ các dư chướng ngoài các chướng được đoạn diệt lúc Kiến đạo, cũng tức đoạn trừ tất cả chủng tử sở tri chướng câu sinh, là Diệu quả chứng được Nhị chuyển y, thường tu tập vô phân biệt trí; tương đương với địa vị thứ 4 (Tu tập vị) trong Ngũ vị; cũng tương đương với tầng kỳ thứ 2 và hơn phân nửa tầng kỳ thứ 3 trong 3 tầng kỳ tu hành. Lại như trong Thập địa, thứ lớp tu hành đoạn chướng là: Trước tu 10

Ba-la-mật, kể đoạn 10 trọng chương, lại chứng 10 chân như; đây cũng là thứ lớp Tu đạo.

Ngoài các trường hợp nói trên, trong sinh hoạt tôn giáo, hễ y theo giáo nghĩa giáo lý mà thực hiện sự tu hành đều gọi là Tu đạo.

\* **Tuệ Căn:** còn gọi Huệ Căn hay Căn tuệ là một trong Ngũ căn vô lậu (*Tín căn, Tấn căn, Niệm căn, Định căn và Huệ căn*). Có thể quán đạt chúng sinh thì gọi là Tuệ. Tuệ có thể nảy sinh đạo thì gọi là Căn.

\* **Tục Trần :** Bụi tục. Bụi dơ đóng vào kẻ phàm tục. Tiếng gọi người, vật, sự việc, nơi chốn dơ dáy, bất tịnh; Lời ăn tiếng nói, công việc cùng tư tưởng đều như nhớp, bẩn thỉu, nhỏ nhen, không có những tính cách thanh cao, quảng đại, từ thiện, giải thoát.

\* **Tư Hoặc :** Xem **Kiến Hoặc** (Thích giảng-quyển 2).

\* **Tư Duy :** Phạn: *Cintanā*. Suy nghĩ, lo lường. Suy nghĩ về đạo lý chân thật gọi là chính tư duy, là một trong 8 chính đạo; trái lại gọi là Tà tư duy, là một trong 8 tà.

*Kinh Chúng Tập, Trường A-Hàm 8*, ghi : “Lại có 2 pháp, 2 nhân 2 duyên sinh từ sân nhuế: Một là oán tắng, hai là bất tư duy. Lại có 2 pháp, 2 nhân 2 duyên sinh từ tà kiến: Một là nghe người khác nói, hai là tư duy. Lại có 2 pháp, 2 nhân 2 duyên sinh từ chính kiến: Một là nghe người khác nói, hai là chính tư duy”.

Theo *Luận Đại Trí Độ 19*, Bồ Tát đối với các pháp Không vô sở trụ, như thị chính kiến, quán tướng chính tư duy, biết tất cả tư duy đều là Tà tư duy, cho đến tư duy Niết bàn, tư duy Phật đều cũng như thế. Đoạn tất cả tư duy phân biệt gọi là Chính tư duy.

\* **Tư lương:** Âm theo Phạn là: *Sambhāra*.

Tư lương là vật phẩm cần dùng, gom góp, chuẩn bị. Tư là giúp đỡ, lương là lương thực; như người đi xa phải nhờ lương thực nuôi thân, cho nên người muốn chứng quả Tam thừa phải nuôi thân bằng lương thực thiện căn công đức. *Trong các kinh* cũng thường dùng từ ngữ “Tư lương”

với ý nghĩa vốn liếng để đi đến Bồ-đề, có thuyết cho rằng các thiện pháp chính là nhân để nuôi lớn, trợ giúp cho Bồ-đề.

*Kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương 6 và Kinh Đại Bảo Tích 52*, đều có thuyết 2 thứ Tư lương, tức *Phước đức tư lương* (thí, trì giới ...) và *Trí đức tư lương* (còn gọi: Trí huệ tư lương, tức tu hành Trí huệ Bát Nhã). Hai thứ tư lương này thêm *Tiên thế tư lương* (các điều thiện đã tu ở đời quá khứ) và *Hiện pháp tư lương* (các điều thiện đã tu ở đời này) thì gọi là *Tứ chủng tư lương*. Ngoài ra, *tông Duy thức* chia giai vị tu hành ra làm 5 giai đoạn, giai vị đầu tiên chính là *Tư lương vị*.

\* **Tương ứng** : Phạn: *Samprayukta*. Hòa hợp với nhau. Tức giữa pháp và pháp có mối quan hệ hòa hợp chẳng rời, đặc biệt chỉ cho mối quan hệ giữa tâm và tâm sở; Tương ứng nhân trong 6 nhân chính là Tương ứng nói ở đây. *Luận Câu-Xá 6* cho rằng 5 nghĩa: *Sở y, Sở duyên, Hành tướng, Thời* và *Sự* nếu bình đẳng thì gọi là Tương ứng.

*Đại Thừa A-tỳ-đạt-ma Tập Tập Luận 5*, nêu 6 thứ Tương ứng: *Bất tương ly tương ứng, Hòa hợp tương ứng, Tụ tập tương ứng, Câu hữu tương ứng, Tác sự tương ứng* và *Đồng hạnh tương ứng*.

\* **Tượng bảo**: tức là Bạch tượng bảo, con voi trắng là vật quý báu của vua Chuyển Luân Thánh Vương. Ấy là vật báu thứ hai hiện lại cho Chuyển Luân Thánh Vương trong thất bảo của ngài. Con voi ấy sắc trắng, tướng mạo đoan nghiêm, dường như hoa sen trắng.

Theo *Niết Bàn Kinh*, Vua Đỉnh Sanh sau khi tắm gội và ăn chay ngày rằm, thấy Luân Bảo (vật báu là chiếc xe) hiện lại cho ngài và để cho ngài dùng làm của quý. Kế đó con Tượng bảo hiện lại, phủ phục trước ngài. Con Tượng ấy có thể lướt qua tám phương và ra tới biển cả mà trở về trong ngày.

Được con Tượng ấy tự nhiên tới phụng sự ngài, Đỉnh Sanh biết chắc rằng mình sẽ làm vị Chuyển Luân Thánh vương, cai trị tất cả bốn châu trong Thiên hạ. Vua Đỉnh Sanh ấy tức là tiền thân của đức Phật Thích-Ca vậy.

\* **Tứ Binh (Bốn binh chủng)**: Phạn: *Catur-anga-bala, Catur-angin, Catur-angini*. Còn gọi: Tứ quân, Tứ bộ binh, Tứ binh chúng (Phạn: *Catur-*



anga-balāh kāyāh). Bốn loại quân binh trên chiến trường thời cổ ở Ấn Độ. Theo Luật Ma-ha Tăng Kỳ 18, Tứ binh là:

1. *Tượng quân (Tượng binh)*: Phạn: *Hasti-kāya*. Cứ 4 người họp thành một đội, cùng bảo vệ voi.
2. *Mã quân (Mã binh)*: Phạn: *Ásva-kāya*. Cứ 8 người họp thành 1 đội, cùng nhau bảo vệ ngựa.
3. *Xa quân (Xa binh)*: Phạn: *Ratha-kāya*. Cứ 16 người họp thành 1 đội, cùng bảo vệ xe.
4. *Bộ quân (Bộ binh)*: Phạn: *Patti-kāya*. Cứ 32 người họp thành 1 đội, cầm binh trượng.

\* **Tứ Chánh Cần**: Tân dịch: **Tứ Chính Cần**; Phạn: *Catvāri prahānāni*; Tên gọi khác : *Tứ chính đoạn, Tứ ý đoạn, Tứ chính thắng, Tứ đoạn*.

Đây là bốn phẩm mục tu hành làm phương tiện siêng năng đối với việc đoạn ác sinh thiện, là hành phẩm thứ 2 trong 37 phẩm trợ đạo. Cần là không biếng nhác, đoạn là đoạn chướng hoặc dùng tâm tinh tấn siêng năng đoạn trừ tâm biếng nhác kiêu mạn.

- Theo *Pháp Giới Thứ Đệ Sơ Môn, trung, phần cuối*, Tứ Chánh Cần là:

1. Vì đoạn trừ việc ác đã sinh mà siêng năng tinh tấn.
2. Vì khiến cho việc ác chưa sinh, đừng sinh mà siêng năng tinh tấn.
3. Vì khiến cho việc thiện chưa sinh, phát sinh mà siêng năng tinh tấn.
4. Vì khiến cho việc thiện đã sinh, càng thêm tăng trưởng mà siêng năng tinh tấn.

Vì nhất tâm tinh tấn thực hành 4 pháp này nên gọi là Tứ Chính Cần.

Theo kinh *Tạp A-hàm 31*, thì Tứ chính đoạn là: Đoạn đoạn, Luật nghi đoạn, Tùy hộ đoạn và Tu đoạn.

\* **Tứ Niệm Xứ** : Còn gọi: *Tứ Niệm trụ, Tứ ý chi, Tứ Chỉ niệm, Tứ niệm, Thân thụ tâm pháp*. Phạn ngữ: *Catvāri smṛty-upasthānāni*; Nghĩa là Bốn chỗ để trụ tâm, một khoa trong 7 khoa thuộc 37 phẩm trợ đạo; là 4 phương pháp tập trung tâm niệm vào 1 điểm, đề phòng và ngăn dứt không cho tạp niệm vọng tưởng sinh khởi để đạt được chân lý. Đây là pháp môn tu hành nói trong các kinh điển nguyên thủy, tức pháp quán dùng tự tướng, cộng tướng: *quán thân bất tịnh, quán thọ thị khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã* để thứ lớp đối trị 4 điên đảo: Tịnh,

Lạc, Thường, Ngã của phàm phu. Niệm có bao hàm ý nghĩa Huệ quán ; Trụ tức là khi sinh khởi các quán huệ như bất tịnh, khổ, vô thường, vô ngã đối với 4 cảnh: thân, thọ, tâm, pháp thì niệm ấy dừng trụ nơi các quán huệ ấy .

\* **Tứ Thánh Đế (Bốn Thánh Đế)** : Còn gọi: **Tứ chân đế**. Tức bốn đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Lý của 4 đế này chân thật không hai nên gọi là Chân đế; Bốn đế này là sở kiến của bậc Thánh nên gọi là Thánh đế. Khi chuyển pháp luân lần đầu ở vườn Lộc Dã, Đức Thích Tôn giảng nói chân lý Tứ đế, làm sáng tỏ đạo lý nhân quả của cảnh giới mê và cảnh giới ngộ, trở thành giáo nghĩa căn bản của Phật giáo.

\* **Tứ Thiên Thiên (Cõi trời Tứ thiên)** : Phạn: *Caturdhyānabhūmi*. Còn gọi: *Tứ Tĩnh Lự thiên, Tứ Tĩnh Lự xứ, Tứ Sinh Tĩnh Lự, Sinh Tĩnh Lự*. Là các tầng trời cõi Sắc, là quả báo có được do tu tập Tứ thiên định hoặc chỉ cho chư thiên ở các tầng trời đó.

Theo *Luận Câu-Xá* 8, 28, *Tứ Thiên thiên* là :

1/. *Sơ thiên thiên*: Các tầng trời này không dùng thức ăn nấu nướng như nhân gian nên không có tử thức và thiệt thức, chỉ có nhãn thức, nhĩ thức, thân thức và ý thức, sinh khởi hỷ thọ, lạc thọ và năng lực tư duy của Tâm (Giác), Tứ (Quán).

2/. *Đệ Nhị Thiên thiên*: Lại không có nhãn thức, nhĩ thức và thân thức, cũng không có sự tư duy của Tâm, Tứ, chỉ có ý thức tương ứng với Hỷ thọ, Xả thọ (cảm thọ phi khổ phi lạc).

3/. *Đệ Tam Thiên thiên*: Chỉ có hoạt động của ý thức, tương ứng với lạc thọ, xả thọ.

4/. *Đệ Tứ Thiên thiên*: Chỉ có hoạt động của ý thức tương ứng với xả thọ.

Ba Thiên thiên trước mỗi Thiên thiên đều có 3 tầng trời, Thiên thiên thứ 4 có 8 tầng trời : Vô Vân, Phước Sinh, Quảng Quả, Vô Phiền, Vô Nhiệt, Thiện Hiện, Thiện Kiến và Sắc Cứu Cánh. Cộng chung là 17 tầng trời cõi Sắc

\* **Tứ trọng giới (Bốn giới trọng)**: Từ đồng nghĩa. Xem **Tứ trọng tội** (Thích giảng-quyển 1).

\* **Tứ Vô Sở Úy (Bốn Vô Sở Úy)**: Phạn: *Catvāri vaisāradyāni*. Còn gọi: **Tứ vô úy**. Là bốn sự tự tin, không sợ hãi, dũng mãnh và an ổn của Phật, Bồ Tát khi thuyết pháp.

**II. Tứ vô sở úy của Phật** (*Catvāri tathāgatasya vaisāradyāni*) là 1 khoa trong 18 pháp bất cộng.

1. *Chư pháp hiện đẳng giác vô* : Đối với các pháp đều giác biết, trụ trong chính kiến không khuất phục điều gì, có sự tự tin không sợ hãi.

2. *Nhất thiết lậu tận trí vô*: Đoạn hết tất cả phiền não nên không có sự sợ hãi từ các chướng nạn bên ngoài.

3. *Chướng pháp bất hư quyết định thụ ký vô úy*: Nói rộng về pháp tu hành chướng ngại, đồng thời không sợ hãi đối với bất cứ một sự bất bẻ nào.

4. *Vị chứng nhất thiết cụ túc xuất đạo như tính vô úy*: Giảng nói đạo xuất thế không hề sợ hãi điều gì.

**III. Tứ vô sở úy của Bồ Tát** (*Bodhisattvānāmcatvāri vaisāradyāni*):

1. *Văn đà-la-ni thụ trì diễn thuyết kỳ nghĩa đặc vô sở úy*: Bồ Tát có khả năng nhớ nghĩ giáo pháp, giữ gìn không quên, cho nên có lòng tự tin không sợ hãi đối với nghĩa lý mình nói ra khi thuyết pháp giữa đại chúng.

2. *Do chứng vô ngã nào loạn tha tướng hiện hành câu sanh bất thông đạt oai nghi lộ tam nghiệp thanh tịnh đại thủ hộ thành tựu vô úy*: Rõ biết căn tính lợi, độn của chúng sinh, ban cho sự thuyết pháp phù hợp, đối với việc này có lòng tự tin không sợ hãi.

3. *Thường trì pháp nhi bất vong thất tất cánh thông đạt huệ phương tiện cứu độ hữu tình kiến hoan hỷ tịnh chư chướng nạn vô úy*: Có khả năng phúc đáp khéo léo đúng pháp và không hề sợ hãi đối tất cả những điều mà người gạn hỏi.

4. *Bất vong thất nhất thiết trí tâm bất ư dư thừa nhi cầu xuất ly năng đặc viên mãn tự tại nhất thiết chủng lợi ích hữu tình vô úy*: Nghe nhận vấn nạn của hữu tình, có khả năng phân biệt, giải thích đúng như pháp cho các hữu tình ấy nghe, để khai giảng tâm chúng sanh và đoạn trừ lưới nghi, thuyết pháp chỉ dẫn không hề sợ hãi.

\* **Tử** : Phạn: *Marana*. Hán âm: *Mạt-thích-nam*. *Tử* là chết, tức là thọ mạng chấm dứt. Ba món thọ (mạng), noãn (hơi ấm của thân) và thức (tâm) bị tan biến, khiến cho thân thể bị hư hoại. Trong kinh điển có nêu nhiều chủng loại và trường hợp Tử vong.

*Kinh Đại Bát Niết Bàn* nêu 2 loại Tử là *Mạng tận tử*, tức thọ mạng kết thúc mà chết và *Ngoại duyên tử*, tức do nhân duyên bên ngoài dẫn đến cái chết.

*Luận Đại Tì-bà-sa 20*, nêu 4 loại Tử:

1. *Phước còn, mạng hết*: Có tiền tài nhưng chết vì thọ mạng đã hết.
2. *Mạng còn, phước hết*: Thọ mạng vẫn còn nhưng chết vì tiền tài đã hết.
3. *Phước hết, mạng hết*: Chết vì tiền tài, thọ mạng đều hết.
4. *Phước còn, mạng còn* nhưng vì gặp ác duyên mà chết.

Ngoài ra, *Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ* thuộc Tiểu thừa chủ trương sau khi mạng chung, do nghiệp lực quyết định nơi người ấy sẽ sinh về. *Đại Thừa* thì xem trọng năng lực tác dụng của thức A-lại-da, cho rằng thức A-lại-da không gián đoạn, không bị giới hạn bởi sinh tử mà tương tục trong 3 đời.

\* **Tử Cú** : Là Chương cú dùng để giải thích nghĩa lý của sự chết. Chết có 2 thứ:

**I. Vì mạng số hết mà chết.** Có 3 thứ:

1. Mạng số hết, phước chẳng hết; 2. Phước hết, mạng số chẳng hết; 3. Phước và mạng đều hết.

**II. Vì ngoại duyên** (vì cơ này hay cơ nọ) mà chết, cũng có 3 thứ:

1. Không phải phạm sự mình, nhưng mình tự hại mà chết ; 2. Làm ngang ngược mà bị người giết chết ; 3. Chết cả hai lẽ trên.

Lại có 3 cơ chết: 1. Phóng dật mà chết; 2. Phá giới mà chết; 3. Hủy hoại mạng căn mình mà chết.

\* **Tử Khổ** : Phạm: *Marana-duhkha*. Tử khổ là nỗi khổ phải chịu lúc 5 ấm tan hoại hoặc thọ mạng hết; một trong 4 khổ, một trong 8 khổ. *Luận Du-Già Sư Địa 61* nêu 5 tướng Tử khổ : 1. Xa lìa của cải vật chất ; 2. Xa lìa bạn bè ; 3. Xa lìa quyến thuộc ; 4. Xa lìa tự thân ; 5. Chịu đựng mọi nỗi buồn khổ nặng nề lúc mạng chung. Ngoài ra, trong *Luận Câu-Xá 10* nói nỗi khổ lúc sắp chết là *Đoạn mạng-ma khổ*. Mạng-ma nghĩa là tử huyết, tử tiết. Nếu nơi này bị tổn thương thì liền phát sinh sự đau khổ cùng cực mà mất mạng.

\* **Tử Thân** : Từ đồng nghĩa. Xem **Tử Ma** (Phần Thích Giảng, quyển 1).

\* **Tự** : Phạn: *Aksara*. Hán dịch: **Tự**. Còn gọi: *A-sát-la, La-sát-la, Ác-sát-na, A-khất-sử-la*.

**Tự** theo *Phẩm Văn Tự, kinh Đại Bát Niết Bàn* có nghĩa là Văn Tự.

- *Thành Duy Thức Luận Thuật Ký 2, phần cuối*, ghi : “Ác-sát-la. Hán dịch: Tự (chữ) có nghĩa là không thay đổi”.

- *Câu-Xá Luận Quang Ký 5*, ghi : “Ác-sát-la. Hán dịch: Tự (chữ) có nghĩa không lưu chuyển, tức là không theo nơi chốn mà lưu chuyển, biến đổi”.

- Theo *Huyền Ứng Âm Nghĩa 2*: Tự (chữ) là tiếng gọi chung của văn tự, còn có nghĩa: âm tiết, vận, ngữ. **Ác-sát-la**, Hán dịch: Vô đường lưu chuyển (không lưu chuyển ở vị lai), vô tận; “chữ” nhờ dùng mực viết trên giấy nên không mất, nghĩa không mất này dùng để ví cho thường trụ, gồm có 47 chữ cái, là chữ gốc của tất cả chữ.

\* **Tự Tha Tự Độ** : Độ lấy mình và độ cho người, làm lợi ích cho mình và giúp đỡ khiến cho người cũng được lợi ích.



# U

\* **Uất-Đơn-Việt châu:** Còn gọi: *Bắc Câu-lô châu, Úc-đa-la-cứu-lưu, Uất-đát-la-việt, Ốt-đát-la-củ-lô, Ốt-đát-la-cú-lô*; Phạn ngữ: *Uttara-kuru*; Là một trong 4 châu ở quanh núi Tu-Di.

*Kinh Khởi Thế 1 (Đại 1,311 trung)* ghi: “Núi chúa Tu-Di, phía Bắc có châu Uất-đơn-việt. Châu này mỗi bề rộng 10.000 do-tuần, 4 phía bằng phẳng, khuôn mặt con người ở châu này cũng bằng phẳng giống như hình dáng thế giới mà họ ở”.

\* **Uế thân :** Nhục thân hữu lậu bất tịnh do hoặc nghiệp chiêu cảm. Tức chỉ cho thân ô uế bất tịnh của phàm phu. Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ 1, ghi: “Hãy siêng năng thực hành chính pháp, đến lúc mạng chung, bỏ uế thân này, liền chứng được pháp tính thường lạc kia”.



# Ư

\* **Ưu** (*Xét theo Văn Tự*) :

**I/. Chữ “Ưu” âm ngắn** của mẫu tự Tất-đàm (Còn gọi: Ô, Ồ, Ốc) trong 12 nguyên âm của chữ Tất-đàm, 1 trong 50 mẫu tự của chữ Tất-đàm. *Phẩm Văn Tự, kinh Đại Bát Niết Bàn* giải thích chữ “Ưu” âm ngắn nghĩa là tối thượng tối thắng (Phạn: Uttyama).

**II/. Chữ “Ưu” âm dài** của mẫu tự Tất-đàm (Còn gọi: Ô, Ồ, Âu) trong 12 nguyên âm của chữ Tất-đàm, 1 trong 50 mẫu tự của chữ Tất-đàm. *Phẩm Văn Tự, kinh Đại Bát Niết Bàn* giải thích chữ “Ưu” âm dài nghĩa là người đánh mất thiện căn, trí huệ yếu kém.

\* **Ưu bi** : Sự lo buồn đau xót. Có 2 cảnh:

1. Cảnh của hạng phàm phu, hữu lậu, từ nhơn loại cho đến Chư thiên, luôn cả các chúng sinh trong tam giới, lục đạo. Lòng ưu bi này là mũi tên độc đâm lấy mình.

2. Cảnh của hạng Thánh nhân, vô lậu, tức là lòng ưu bi của Chư Phật, Bồ Tát; tự mình dứt ưu bi sâu khổ nhưng ưu bi cho chúng sinh đang đau khổ, lầm lạc.

\* **Ưu Ma Đà**: hay *Ưu Ma Đà quỷ*, cũng gọi *Ô Ma quỷ*, dịch là Túy quỷ hay Thực tinh quỷ là tên một loại quỷ say, thường hút tinh khí của người.

\* **Ứng hiện** : Từ đồng nghĩa. Xem **Ứng hóa**.

\* **Ứng hóa** : Còn gọi: **Ứng hiện**, *Ứng hóa lợi sinh*. Phật, Bồ Tát tùy theo lợi ích chúng sinh mà biến hiện ra các hình tượng đồng loại với chúng sinh.

Theo *Luận Đại Trí Độ 94* thì Ứng hóa nghĩa là các Bồ Tát ở trong chúng sinh hoặc hóa làm cha hoặc hóa làm con hoặc hóa làm thầy hoặc hóa thành đệ tử hoặc làm người nghèo cùng hoặc làm người giàu sang,

nhưng đều không bị ô nhiễm; dạo chơi trong thần thông như thế để thành tựu chúng sinh, thanh tịnh Phật độ.

*Pháp Hoa Kinh Luận*, hạ cho “Ứng hóa Phật Bồ đề” là 1 trong 3 Phật Bồ đề, cho “Ứng hóa Thanh văn” là 1 trong 4 loại Thanh văn, đều là trong giấu thật chứng, ngoài hiện các tướng để dẫn dắt chúng sinh. Về sự ứng hóa của Phật, Bồ Tát, như Bồ Tát Quán Thế Âm tùy theo cơ cảm mà hiện 33 thân, biến hóa tự tại mà không bị một sự trói buộc nào, gọi là Ứng hóa vô phương. Phật thân ứng hóa như thế gọi là Ứng Hóa thân, Ứng thân.

\* **Ứng thân** : Phạn: *Nirmāna-kāya*. Còn gọi: *Ứng Phật, Ứng thân Phật, Ứng hóa thân, Ứng hóa pháp thân*. Ứng thân là thân do Phật biến hóa hiển hiện ra thích ứng theo căn cơ chúng sinh để giáo hóa. Có nhiều loại Ứng thân:

1. *Ứng thân* đối lại *Chân thân* là 1 trong 2 thân (Nhị thân). *Đại Thừa Nghĩa Chương 19* chia Phật thân thành 2 loại là Chân thân và Ứng thân, gọi thân hiện ra tùy theo căn cơ giáo hóa là Ứng thân, có hình tướng tồn tại, nên sinh ra kia đây khác nhau, các căn tướng hảo đều có phần hạn. Cho nên biết, ở đây gọi chung Ứng thân và Hóa thân là Ứng thân.

2. *Ứng thân (Biến hóa thân)* đối lại *Pháp thân, Báo thân* là 1 trong 3 thân Phật (Tam thân Phật: Ứng thân, Báo thân, Pháp thân). Các thân hiển hiện ra như: thành Phật ở uế độ, sẽ thành Phật, từ cõi trời Đâu-Suất hạ sinh, cho đến trụ trì tất cả chính pháp, tượng pháp, mật pháp.

3. *Ứng thân* đối lại *Pháp thân, Hóa thân* là thân Phật ở tướng thành đạo, thân Phật này đầy đủ 32 tướng quý, 80 vẻ đẹp, sau lưng có viên quang, tùy cơ hóa hiện, chợt có chợt không cũng là thân Phật nói pháp cho hàng Bồ Tát thập địa nghe.

4. *Ứng thân* đối lại *Pháp thân, Báo thân, Hóa thân* là thân Phật hiện ra nói pháp cho các Bồ Tát Địa tiền nghe. Thân Phật này nương định lực mà hiện khởi cho nên không thuộc Ngũ thú; 1 trong 4 thân.





# V

\* **Vãng sanh** : Tân dịch: **Vãng sinh**. Khi mạng chung sinh về thế giới phương khác. Thông thường “Vãng sinh” còn được dùng thay thế cho từ “chết”. Từ ngữ “Vãng sinh” nói theo nghĩa rộng là chỉ chung việc thụ sinh trong 3 cõi 6 đường và các Tịnh Độ của chư Phật, nhưng sau khi thuyết *Tịnh Độ Di Đà* thịnh hành thì “Vãng sinh” chủ yếu chỉ việc vãng sinh về thế giới Cực Lạc. Nói chung, Vãng sinh được chia làm Cực Lạc vãng sinh, Thập Phương vãng sinh , Đâu-Suất Thiên vãng sinh ...; còn Nguyên ý vãng sinh thì gọi là Nguyên sinh .

1. *Cực Lạc vãng sinh* : Nghĩa là lia bỏ thế giới Ta bà, đến Tịnh Độ Cực Lạc của Phật A-Di-Đà ở phương Tây, hóa sinh trong hoa sen của cõi ấy.

2. *Thập Phương vãng sinh* : Nghĩa là vãng sinh về các Tịnh Độ khác ngoài Tịnh Độ của Phật A-Di-Đà.

3. *Đâu-Suất Thiên vãng sinh* : Nghĩa là Bồ Tát Di-Lặc hiện ở nội viện Đâu-Suất, 56 ức 7000 vạn năm nữa sẽ giáng sinh vào thế giới Ta bà để cứu độ chúng sinh. Người tu pháp môn này vãng sinh về cõi Đâu Suất, tương lai sẽ cùng Bồ Tát Di Lạc đồng đến thế giới Ta bà.

4. *Các tín ngưỡng vãng sinh khác* : Như người tin thờ Dược Sư Như Lai sẽ được vãng sinh về thế giới Tịnh Lưu Ly, người tin thờ Bồ Tát Quán Âm được sinh về Bồ Đà Lạc Ca, người tin thờ Phật Thích Ca Mâu Ni được sinh về núi Linh Thứu, cõi Vô Thắng Trang Nghiêm, người tin thờ kinh Hoa Nghiêm được vãng sinh về thế giới Hoa Tạng ...

\* **Vi nhiễu** : Đi vòng quanh theo chiều bên phải để lễ kính, thông thường chỉ cho đi nhiễu theo chiều bên phải 3 vòng.

Theo kinh Hiền Ngu Nhân Duyên 9, thời Phật tại thế , Trưởng giả Tu-Đạt không buie61t cách lễ bái, cúng dường Đức Phật, trời Thủ-đà-hội bèn hóa thành thân người dạy ông cách lễ đi nhiễu theo chiều bên phải 3 vòng.

Đi quanh theo chiều bên phải vốn là cách lễ biểu thị ý cung kính của Ấn Độ, trong kinh thường có các từ ngữ “nhiễu Phật tam táp”, “hữu nhiễu tam táp”. Pháp thi lễ này, trước là lễ bái Phật hoặc tháp miếu, sau

đó đi nhiều từ trái sang phải hoặc nhiều 1 vòng hoặc nhiều 3 vòng khác nhau. Nghi thức hành đạo trong các pháp hội có nguồn gốc từ pháp thi lễ này.

\* **Viên thành** : Thành tựu viên mãn. Thành tựu hết các pháp công đức, chứng được Niết Bàn.

\* **Vị Lai** : Phạn: *Anagata*. Còn gọi: **Đương lai**, *Tương lai*, *Vị lai thế* (Phạn: *Anagatadhvan*).

- Pháp chưa xảy ra, chưa khởi tác dụng lên sự vật, còn ở thời đương lai.

Quá trình sinh diệt biến hóa của tất cả các pháp hữu vi được chia làm 3 thời hạn, tức 3 đời quá khứ, hiện tại, vị lai (gọi tắt: quá hiện vị). Đó là y cứ vào 1 sát-na trong hiện tại làm trung tâm và trước, sau của sát-na ấy mà lập thành 3 đời. Lại có khi y cứ vào hiện đời, đời trước, đời sau của một cá nhân mà nói 3 đời. Có chỗ lấy kiếp làm đơn vị để kiến lập 3 đời. Ở đây y cứ vào thuyết “hiện tại chính là một sát-na”, lấy tác dụng của pháp làm tiêu chuẩn để phân biệt. Nghĩa là pháp khi chưa khởi tác dụng gọi là Vị lai pháp; pháp hiện đang khởi tác dụng là Hiện tại pháp và pháp đã khởi tác dụng thì gọi là Quá khứ pháp. Bất luận là y cứ vào thời gian hoặc thể tính của các pháp hữu vi mà nói thì “Vị lai” vốn không có bờ mé, nhưng vì phương tiện để nói bày, suy nghĩ nên giả nói là có bờ mé, gọi là Tận vị lai tế.

\* **Vô Biên Thân** : Tiếng dùng để xưng đức Như Lai. Vì ở trong Thập phương Tam giới, bất kỳ chỗ nào cũng có đức Phật thị hiện ra mà giáo hóa, cứu độ chúng sanh.

*Phẩm Bồ Tát, Kinh Đại Bát Niết Bàn*, Ví người thợ kim hoàn có tài, khi được món vàng thiệt và tốt, người thợ tùy ý làm ra mọi món đồ. Đức Như Lai cũng như thế, ở trong 25 cõi, Ngài có thể thị hiện ra vô số sắc thân để hóa độ chúng sanh, thoát khỏi luân hồi. Vì vậy nên gọi Như Lai là Vô Biên Thân. *Vô Biên Thân* lại có nghĩa cái thân đồng với cõi hư không vô biên. Đó là chỗ tu chứng của Bồ Tát thấy mình chẳng còn cái thân thể riêng. Khi đắc *Vô Biên Thân* thì được đức *Vô Sanh Nhẫn*.

*Kinh Thủ Lăng Nghiêm, quyển 5*, ghi: “Hư Không Tạng Bồ Tát bạch với Phật: Hồi đời đức Phật Định Quang, tôi và Như lai (Phật Thích Ca) đều được cái Vô Biên Thân”.

\* **Vô Cấu Tam Muội** : Phạn: *Vimala-samadhi*. Còn gọi: *Ly cấu Tam muội*. Vô Cấu Tam Muội là Tam muội của chư Phật, Bồ Tát xa lìa phiền não, được thanh tịnh. *Phẩm Du-Già Xứ Trụ, Luận Du-Già Sư Địa 48*, ghi: “Các Bồ Tát trụ trong Vô ngại giải, tất cả hành tướng thanh tịnh khắp rồi, (...) được vô lượng vô số tam-ma-địa thù thắng như Ly cấu, thành tựu trí Nhất Thiết Trí mà các Bồ tát đã thành tựu, sau thù thắng quán đảnh thì tam-ma-địa hiện ở trước, được tất cả Phật khen ngợi là các quyền thuộc Diệu tọa thân”.

\* **Vô Căn** : Hán âm: *Bà-đa-ha-di-thi*. Vô căn là không có 5 căn: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân dụ cho Tâm chuyên nhất, không phân biệt nên làm hay không nên làm, giống như người Ba-đa-ha-di-thi (vô căn).

\* **Vô Giác Vô Tri** (hay **Vô Tri Vô Giác**) : Tức không có tri thức, không giác ngộ, không hiểu chi hết, không nhận biết chi hết, tâm tánh rất ám độn.

Vô tri vô giác cũng chỉ loài vô động như thảo mộc, đất, đá.

\* **Vô Học Đạo**: Âm theo Phạn là *Ásaiksa-mārga*. Tên gọi khác là: *Vô học vị, Vô học địa*.

*Theo Luận Đại Tì-bà-sa 51, 66, 68, 94, 101; Luận Câu-Xá 24, 25; Luận Thành Duy Thức 6; Đại Thừa Nghĩa Chương 17* thì Vô học đạo là một trong các giai vị tu hành của Phật giáo, cùng với Kiến đạo, Tu đạo gọi chung là Tam đạo. Nghĩa là giai vị đã chứng ngộ cùng tận lý chân đế, giải thoát tất cả phiền não, học đạo đã viên mãn, không còn tu học thắng quả nào nữa. Đại thừa, Tiểu thừa qui định nội dung Vô học đạo có khác nhau: Tiểu thừa cho quả vị A-la-hán là Vô học đạo, Tứ hướng tam quả còn lại là Hữu học đạo. Còn Đại thừa thì cho Phật quả chứng được sau rốt ở trong các giai vị tu hành của Bồ Tát là Vô học đạo. Bậc A-la-hán Vô học có lợi căn và độn căn khác nhau, hàng độn căn phải đợi thời mới giải thoát, nên gọi là Thời ái tâm giải thoát, Thời giải thoát; Hàng lợi căn

không cần phải đợi thời mới được giải thoát, nên gọi là Bất động tâm giải thoát, Bất thời giải thoát.

\* **Vô Phương** : Không có phương sở hoặc phương pháp nhất định. Phật nhiếp hóa chúng sinh không phân biệt nơi chốn, không có giới hạn, cũng không có phương pháp nhất định, ngang dọc tự tại, diệu dụng khôn lường.

*Bài tựa của Lâm Tế Lục*, ghi : “Khéo ứng vô phương (mọi nơi), không lưu dấu vết”. Vì giáo pháp do Như Lai lập ra trùm khắp 10 phương, đồng với hư không, muôn loài chúng sinh đều được thấm nhuần lợi ích, không giới hạn ở một nơi nào, nên gọi là vô phương.

\* **Vô Quí**: (Thuật ngữ) Không hổ thẹn, cứ làm bừa các điều bạc ác, bất chấp đạo lý, dư luận của người đời.

\* **Vô Sắc ái** : là lòng ái luyến đối với cõi Vô Sắc, đối với các chúng sanh và đối với các sự khoái lạc ở cõi ấy. Những vị tu hành, trong lúc thiền định, vượt tới cõi Vô Sắc, lấy làm luyến ái đối với sự khoái lạc ở cõi ấy, như đó mà chẳng chứng đắc cao hơn nữa. Những ai, đối với bốn cảnh của Vô Sắc giới mà muốn sanh lại đó, muốn ở đó, thì tâm tình ấy gọi là Vô Sắc ái hay còn gọi là Vô Sắc tham.

\* **Vô Tâm**: Phạn âm: *A-ngật-lý*, ý nói làm việc ác là tự mình không thấy xấu hổ. *Câu-xáLuận* (q.4): “Gây ra tội lỗi, tự xét không thấy hổ thẹn, gọi là vô tâm, làm điều xấu xa trước mặt người khác mà không thấy thẹn thùng thì gọi là vô tâm”.

\* **Vô tâm** : Có nhiều nghĩa:

1/. Chân tâm lìa vọng niệm: Chẳng phải không tâm thức mà là xa lìa các tình thức phân biệt như phàm Thánh, thô diệu, thiện ác, đẹp xấu, lớn nhỏ, ở trong cảnh giới tự do không chấp trước, không trệ ngại. *Tông Cảnh Lục* 83, ghi : “Nếu không khởi vọng tâm thì thuận với giác ngộ, cho nên nói rằng Vô tâm là Đạo”.

2/. Định Vô tâm : Tức trạng thái nhất thời đình chỉ tất cả tác dụng của ý thức, như Ngũ vị vô tâm. (nghĩa trong *Phẩm Bồ Tát, kinh Đại Bát Niết Bàn*)

3/. Loạn tâm : Tâm mê quên mất bản tính (nghĩa trong *Phẩm Phạm hạnh, kinh Đại Bát Niết Bàn*).

\* **Vô Thượng Thuyền Sư** : Còn gọi: **Đại Thuyền Sư**. Thuyền sư là người rành đường biển, đứng ra cai quản một chiếc thuyền to. Vô Thượng Thuyền Sư là tiếng thí dụ để xưng Đức Phật Như Lai. Kinh Niết Bàn luận giảng: Tỷ như chiếc thuyền to, từ bờ biển bên này lướt tới bên kia, rồi từ bờ bên kia, trở về bờ bên này. Đức Như Lai cũng như vậy, Ngài ngồi trên thuyền báu là Kinh Đại Niết Bàn của Đại Thừa, hễ có ai nên độ thì khiến cho thấy được thân đức Như Lai. Vì nghĩa đó, nên gọi Như Lai là Vô Thượng Thuyền Sư.

\* **Vô Thượng Tôn** : Từ đồng nghĩa: *Thập Lực Tôn, Thập Lực Vô Đẳng Tôn, Chính Giác, Nhất Thiết Thắng Thế Tôn*. Vô Thượng Tôn là đáng tôn quý vô thượng. Có 2 nghĩa:

1. *Vô Thượng Tôn* là từ tôn xưng chư Phật. Công đức của Phật tối tôn tối thắng, hàng trời người không thể sánh được, cho nên trong *Phương Đẳng Đại Tập Kinh* 8, có câu: “Người này hay lễ Vô Thượng Tôn”. *Kinh Vô Lượng Thọ, thượng*, ghi: “Ta sẽ ra đời, làm Vô Thượng Tôn”. *Kinh Niết-Bàn* cũng ghi: “Cúi mong Vô Thượng Tôn, thương nhận chúng con thỉnh”... Từ ngữ **Vô Thượng Tôn** trong các kinh luận đồng nghĩa với *Tối thắng Tôn, Vô Tử Tôn, Vô Cực Tôn, Đông Mãnh Đệ Nhất Tôn, Diệu Pháp Vương*.

2. *Vô Thượng Tôn* còn là 1 trong 37 hiệu của Đức Phật A-Di-Đà. *Kinh Vô Lượng Thọ, hạ*, ghi: “Kính lễ Vô Thượng Tôn”. Đây là chỉ cho Đức Phật A-Di-Đà. Cho nên theo *kinh Vô Lượng Thọ* thì **Vô Thượng Tôn** là từ gọi chung chư Phật hoặc tên khác của đức Phật A-Di-Đà.

\* **Vương Xá thành** : Phạn: *Rājagrha*. Hán âm: *Hạt-ba-xà-khiết-lợi-ha, La-duyệt-kỳ*. Còn gọi: *Vương-xá quốc*. *Vương-xá* là đô thành của nước Ma-kiệt-đà thuộc Trung Ấn Độ. Nền cũ ở vùng Rajgir thuộc Behar, phía Nam thành phố Patna, trung du sông Hằng. Thời vua Tần-bà-sa-la, từ Thượng Mao cung thành (Phạn: *Kusāgrapura*, Hán âm: *Cử-xa-yết-la-bổ-la*, Còn gọi: *Cựu Vương-xá thành, Sơn thành*) dời đến vùng đất hiện nay, là đô thành khi vua Tần-bà-sa-la, vua A-xà-thế, phu nhân Vy-đề-hy còn

tại vị. Thành này là 1 trong các trung tâm truyền giáo của Đức Phật, ở vùng phụ cận có các nơi Đức Thích Tôn thuyết pháp nổi tiếng như : Vườn trúc Ca-lan-đà, núi Linh Thứu. Tương truyền, lần kiết tập kinh điển thứ nhất sau khi Phật nhập diệt được cử hành tại đây. Về sau, vua A-Dục dời thủ đô nước Ma-kiệt-đà đến thành Hoa Thị.

Theo *Đại Đường Tây Vực Ký*, vùng phụ cận thành Vương-xá còn có nhiều di tích Phật giáo như : Núi Phật-đà-phạt-na, rừng Trương, suối Nhị Ôn, tháp Phục Túy Tượng, thạch thất Tát-bát-la, thạch thất nhập định của Đề-bà-đạt-đa, tháp Tì-kheo tự sát, tháp Xá-lợi Phật, tháp Xá-lợi bán thân A-Nan, trụ đá do vua A-Dục xây.



# X

\* **Xa** : Xét theo Văn tự còn gọi: *Tha, Duệ, Xước, Sát, Sa, Ta, Xả, Trùng, Thả.*

Chữ “cha”, 1 trong 42 tự môn, 1 trong 50 tự môn Tất-đàm. Có nhiều thuyết về ý nghĩa chữ Xa.

1. Nghĩa “*Bóng dáng của tất cả các pháp bất khả đắc*”, do chữ Phạm Chaya (Hán âm: Xa-dã) có nghĩa là “bóng dáng” mà có thuyết này.

2. Nghĩa “*dục lạc che lấp tâm tính*”, “che chở”, do chữ Phạm Chãtrã (Hán âm: Sai-đát-la) có nghĩa là “Dục” và “Cái” mà có thuyết này. *Phẩm Văn Tự, kinh Đại Bát Niết Bàn*, ghi : “Xa, Như lai che chở tất cả chúng sinh, giống như chiếc lọng lớn”.

3. Nghĩa “*đi*”, do chữ Phạm Gaccha (Hán âm: Già-xa) có nghĩa là “đi” mà có thuyết này.

\* **Xá-Lợi-Phất** : Từ Phạn: *Sāriputra*; Cách gọi khác: *Xá-lợi-phất-đa, Xá-lợi-phất-la, Xá-lợi-phất đát-la, Xá-lợi-phất-đa-la, Xá-lợi-phú-đa-la, Xá-lợi-phất-đa-la, Xa-ri-bổ-đát-la, Thiết lợi-phất-đát-la*; Hán dịch: *Thu lộ tử, Cù dục tử.*

Đây là vị A-la-hán có trí huệ bậc nhất trong 10 vị đại đệ tử của Đức Phật. Mẹ của Ngài là con gái một vị luận sư Bà-la-môn trong thành Vương-Xá thuộc nước Ma-già-đà, lúc sinh ra bà có đôi mắt giống như chim xá-lợi, nên được đặt tên là Xá-Lợi; vì thế nên Ngài Xá-lợi-phất có nghĩa là con bà Xá-Lợi.

Theo *Phẩm Xá-lợi Mục-liên nhân duyên* trong *Phật Bản Hạnh Tập Kinh 48*, từ thuở nhỏ, Ngài Xá-lợi-phất đã có thân tướng khôi ngô, khi lớn lên học tập các kỹ nghệ, thông hiểu Tứ Phệ-Đà. Năm 16 tuổi, Ngài đã luận nghị hàng phục được người khác, các anh em trong dòng họ thấy đều qui phục. Thời niên thiếu, Ngài kết giao với Mục-Kiền-liên ở thôn bên cạnh.

Ngài xuất gia học đạo với San-xà-da-ti-la-chi-tử (S: Sanjayavairattiputra), 1 trong 6 phái ngoại đạo, chỉ trong 7 ngày 7 đêm

đã thông suốt được giáo chỉ, cả chúng 250 người đều tôn Ngài làm bậc thượng thủ, nhưng Ngài vẫn lấy làm tiếc vì chưa được giải thoát hoàn toàn.

Sau đó, Ngài cùng Mục-kiền-liên, mỗi vị dẫn 250 đệ tử đồng thời đến Tịnh-xá Trúc-Lâm trong thành Vương Xá quy y Phật. Theo *Kinh Thập Nhị Du*, sau khi quy y Phật, Xá-lợi-phất thường theo bên Phật, giúp Ngài giáo hóa, làm bậc thượng thủ trong các đệ tử. Do có trí thông minh hơn người nên Xá-lợi-phất được khen là “Trí huệ đệ nhất” trong hàng đệ tử Thanh Văn của Phật.

Ngài Xá-lợi-phất cả đời được các bậc trưởng lão tăng-già tôn kính, thường được Đức Phật ngợi khen và được Đức Phật thọ ký sẽ thành Phật ở đời vị lai, hiệu là Hoa Quang Như Lai. Về sau, Ngài nhập diệt sớm hơn Đức Phật; Tương truyền, *A-tì-đạt-ma Tập Di Môn Túc Luận (20 quyển)*, *Luận Xá-lợi-phất A-tì-đàm (30 quyển)* hiện còn là do Ngài Xá-lợi-phất giảng nói.

\* **Xả Giác Phần:** Âm theo Phạn là: *Upeksā-sambodhyanga*. Tên gọi khác là: *Xả giác chi, Xả đẳng giác chi, Hộ giác chi, Hành hộ giác ý*. Theo *Kinh Tạp A-Hàm 26; Pháp Giới Thứ Đệ, trung (Trí Khải)* thì Xả giác phần là 1 trong Thất giác chi. “Xả” là lìa bỏ, “chi” là giai vị gắn với Bồ-đề, có công năng thành tựu sự giác ngộ như thật. Khi lìa bỏ niêm chấp thì có khả năng giác liễu, không còn nhớ nghĩ pháp hư ngụy, đó là Xả giác chi. Ở giai vị này, tâm hành giả trụ trong thể tính bình đẳng, lấy Hành xả làm thể, trụ trong tịch tĩnh vắng lặng.

\* **Xuất trần :** Đồng nghĩa: *Viễn trần, Ly trần, Xuất tục, Ly tục*.

Xuất trần là xuất ly trần tục, tức xuất ly trần cấu phiền não, chuyển sang chỉ cho xuất gia. Lại như các thành ngữ: Nguyệt toại xuất trần, Ý dục xuất trần, Hữu xuất trần chi chí, đều biểu thị cho ý muốn xuất gia. Từ ngữ này và các từ ngữ: Tuyệt phong trần, Yếm trần vông, Yếm tục lụy, Độn trần hoàn đều có ý nghĩa lìa tục trần và xuất gia nhập đạo.





# Y

\* **Y** (Xét theo Văn Tự) :

**I/. Chữ “Y” âm ngắn** của mẫu tự Tất-đàm (Còn gọi: Úc, ải, ích, nhất), là 1 trong 12 ma-đa (vận mẫu), 1 trong 50 tự môn Tất-đàm. *Phẩm Văn Tự, kinh Đại Bát Niết Bàn* ghi: Y chính là Phật pháp, phạm hạnh rộng lớn thanh tịnh vô cấu, dụ như mặt trăng rằm.

**II/. Chữ “Y” âm dài** của mẫu tự Tất-đàm (Còn gọi: Ắi, ế), là 1 trong 12 ma-đa (vận mẫu), 1 trong 50 tự môn Tất-đàm. *Phẩm Văn Tự, kinh Đại Bát Niết Bàn* nêu lên 2 nghĩa:

a/ *Tự tại*: Vì chuyển thích từ chữ Phạn isa (Hán âm: Y-sa, Hán dịch: Tự tại, chủ tử); isvara (Hán âm: Y-thấp-phạ-ra, Hán dịch: Tự tại thiên) mà có.

b/ *Ganh ghét*: Vì chuyển thích từ chữ Phạn irsya (Hán âm: Y-lợi-sa, Hán dịch: ganh ghét) mà có.





**NGUYỄN ĐEM CÔNG ĐỨC HỒI HƯỚNG**  
**đến gia đình Phật tử có công in ấn**  
**KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN (Phần I)**  
**thân tâm thường lạc, phúc huệ miên trường :**

- 1/. **Lạc Thiện Hiền**
  - 2/. **Trịnh Thanh Long**
  - 3/. **Trịnh Thanh Hải**
  - 4/. **Huỳnh Trọng Tín**
  - 5/. **Lê Thị Ngọc Yến**
  - 6/. **Lạc Hương Giang**
  - 7/. **Nguyễn Thị Cát Phương**
  - 8/. **Trần Tùng**
  - 9/. **Dương Đức Trung**
  - 10/. **Võ Văn Hòa**
  - 11/. **Nguyễn Thị Kim Tuyết**
  - 12/. **Huỳnh Minh Châu**
  - 13/. **Khửu Trung Bình**
  - 14/. **Mã Thị Liễu**
  - 15/. **Lê Ngọc Phượng**
  - 16/. **La Xuân**
-

CỬ SỸ THANH LAM

# ĐẠI BÁT NIẾT BÀN KINH

**NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO**

**Phường Yên Hòa – Cầu Giấy – Hà Nội**

**ĐT: (04) 37822845 – Fax: (04) 37822841**

**Email: [nhaxuatbantongiao@gmail.com](mailto:nhaxuatbantongiao@gmail.com)**

**DD: 0903 94 78 94 – 0908 71 48 48**

Chịu trách nhiệm xuất bản

Biên tập:

Trình bày: **Mạch Thanh Hải**

Bìa: **Vũ Đức Thiện**

---

Số lượng in: 1.000 bản, khổ (26 x 19) cm

In tại Công ty TNHH T – SX - In Mỹ Tiên

Địa chỉ: 448/9, Trần Hưng Đạo, Phường 2, Quận 5

Số xuất bản:

In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2016



ĐỨC HỘ PHÁP VI ĐÀ

